

BÁNH MÌ AI CẬP
CÁ VIỆT NAM
KHÁT VỌNG CON NGƯỜI

TRẦN TRUNG ĐẠO

BÁNH MÌ AI CẬP
CÁ VIỆT NAM
KHÁT VỌNG CON NGƯỜI

CỔ LOA, 2017

Tuyển tập 75 chính luận và tâm bút của Trần Trung Đạo

Tựa: Gs Nguyễn Ngọc Bích

Bạt: Ts Bạch Xuân Phở

Biên tập: Trần Trung Tín

Thiết kế bìa: Uyên Nguyên

Trình bày nội dung: Đặng Hoàng Lê – Trần Nghi Hạ

Nhạc: Nguyễn Trọng Khôi – Phan Ni Tấn

Cổ Loa xuất bản lần thứ nhất tại Boston, Hoa Kỳ

Tác giả giữ bản quyền

Copyright @ 2017 Trần Trung Đạo

All rights reserved.

MỤC LỤC

Tựa: *Gs Nguyễn Ngọc Bích: Đọc Chính Luận Của Trần Trung Đạo Để
Lạc Quan Với Tiền Đồ Đất Nước*

9

I. Kinh Nghiệm Thế Giới

– Suy Nghĩ Bên Đèn Đỏ Ở Nara	19
– Latvia, Sức Mạnh Của Niềm Tin	25
– Hiểm Họa Trung Cộng Và Bài Học Latvia	31
– Ngày Cuối Cùng Cùng Của Chế Độ Cs Liên Xô	45
– Estonia Và Cách Mạng Hát Hùng Ca	55
– Hiểm Họa Trung Cộng Và Bài Học “Phần Lan Hóa” (Finlandization)	61
– Hiểm Họa Trung Cộng Và Bài Học Tây Tạng	73
– Lý Quang Diệu Và Chính Sách Ngăn Ngừa Cs Tại Singapore	81
– Chuyện Từ Vùng Biên Giới Bắc-Nam Hàn	93
– Kim Jong-Un Thử Bom Nguyên Tử Và Phản Ứng Của Tập Cận Bình	101
– Bruce Springsteen Và Barack Obama, Hai Cánh Ến Tự Do	105
– “Dân Cần Minh Bạch” Qua Kinh Nghiệm Mông Cổ	113
– Tham Vọng Và Nỗi Lo Của Tập Cận Bình	119
– Đảng 50 Xu Tại Trung Cộng	129

- Viện Khổng Tử, Cơ Quan Tuyên Truyền Và Tình Báo Trung Cộng	137
- Tại Sao Thảm Đổ Đối Với Các Lãnh Đạo Cs	
Thường Là Một Vấn Đề Quan Trọng?	147
- Trò Hề “Phát Biểu Trước Quốc Hội” Của Tập Cận Bình	155
- Tập Cận Bình Chủ Trương Độc Chiếm Biển Đông	163
- Bài Học Tranh Chấp Biên Giới Giữa Trung Cộng Và Bắc Hàn	171
- Lenin Và Chính Sách “Tuyên Truyền Tượng Đài”	179
- Nguồn Gốc Cộng Sản Của Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 Tháng 3	187
- Sáu Lý Do Giúp Chế Độ Cs Tồn Tại	197
- Bài Học “Thoát Nga” Của Lithuania	205

II. Lý Luận Chính Trị

- Trung Cộng Không Đáng Sợ	221
- Để Thắng Được Trung Cộng	229
- “Quyền Lịch Sử” Của Trung Cộng Trên Biển Đông Là Quyền Gì?	241
- Mao Và Chiến Dịch Tiến Chiếm Hoàng Sa 1974	247
- Mao Và “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam”	257
- Lãnh Đạo Csvn Trong Quan Hệ Mỹ-Trung	267
- Mười Lý Do Nhân Dân Việt Nam Không Chào Đón Tập Cận Bình	281
- Nhìn Lại Chiến Tranh Việt Nam	289
- Tháng Tư: Gọi Tên Cuộc Chiến	303
- Đùng Tươi Nước Lên Gốc Cây Rã Mực	311
- Qua Cái Chết Của Ông Lê Hiếu Đằng, Nghĩ Về Chọn Lựa Của Hôm Nay	319
- Kỹ Thuật Tuyên Truyền “Người Thật Chuyện Giả” Dưới Chế Độ Cs	327
- Đất, Biển, Đảo, Rừng, Cây, Cá, Chim Và Cơ Chế Cs	337
- Tìm Đầu Ra Minh Bạch?	345
- Tôn Nữ Thị Ninh, Đại Biểu Xuất Sắc Của “Trí Thức Xã Hội Chủ Nghĩa”	351
- Bệnh Sợ Dưới Chế Độ Cộng Sản	361
- Đoàn Xe Tang Trên Đường Phố Hội An	365
- Ai Sợ Ai?	369

– Lành Tụ Và Thời Đại	373
– Tượng Đài Cs, Một Gia Tài Không Ai Muốn Nhận	379
– Việt Nam Không Phải Là Miến Điện	385
– Nhìn Sang Miến Điện, Nhìn Lại Việt Nam Đang Thiếu Ai?	391
– Fidel Castro Chết, Nên Vui Hay Buồn?	397
– Chủ Nghĩa Dân T túy Mỹ Và Donald Trump	403
– Bệnh Nghiện Rượu Dưới Chế Độ Cộng Sản	411
– Bệnh Lười Dưới Chế Độ Cs	417
– Bánh Mì Ai Cập, Cá Việt Nam, Khát Vọng Con Người	427
– Tổng Thống Trump Và “Chính Sách Một Trung Quốc”	433

III. Tình Tự Dân Tộc

– Niềm Đau Madrid, Nỗi Nhớ Sài Gòn	443
– Không Gì Thiêng Liêng Hơn Tổ Quốc	451
– “Thay Đổi Nhận Thức, Thay Đổi Tương Lai”	455
– Hãy Làm Một Giọt Nước	461
– Nỗi Đau Sẽ Không Dứt Nếu Không Biết Tại Sao Đau	467
– Đừng Để Lại Một Ngôi Đền	473
– Phải Chăng Lòng Yêu Nước Đã Tới Hới Một Mội?	477
– Hãy Vững Tin Vào Lịch Sử	485
– Món Nợ Tuổi Hai Mươi	493
– Những Ngày Tháng Tới	507
– Tiếng Hát Lộc Vàng	513
– Bối Cảnh Việt Nam Qua Phim The Shawshank Redemption	519
– Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, Ai Sẽ Nói Thay Em?	527
– Việt Nam, Một Thời Thừa Máu.	533

IV. Tình Người

– Hạnh Ngộ Đầu Năm	543
– Thi Thắm Với Mùa Thu	551
– Tình Bạn	557
– Tình Người Như Mùa Xuân	565

– Lễ Thọ Giới Của Một Tử Tù	573
– Hai Tử Tù Và Tình Mẹ	579
– Sự Im Lặng Của Biển	587
– Nguyện Ước Rất Là Thơ Của Mẹ	595
– Tâm Sự Với Mùa Xuân	599
– Bắt Đầu Từ Đó	607
– <i>Bạt</i> : Trần Trung Đạo - Biểu Tượng HànhTrình Tự Do	611
– <i>Nhạc</i> : Thúc Dậy Đi, thơ Trần Trung Đạo, nhạc Nguyễn Trọng Khôi	618
– <i>Nhạc</i> : Người Con Gái Trên Đại Lộ Sri Ayuthya, thơ Trần Trung Đạo, nhạc Phan Ni Tấn	621

ĐỌC CHÍNH LUẬN CỦA TRẦN TRUNG ĐẠO ĐỂ LẠC QUAN VỚI TIỀN ĐỒ ĐẤT NƯỚC

Nguyễn Ngọc Bích

Salvador Dali là một họa-gia lớn của nhân-loại. Có lần ông được mời đến nói chuyện ở trường Columbia, nơi vợ chồng tôi đi học ở New York cách đây cũng đã hơn nửa thế-kỷ. Đến giờ khai mạc, người ta bỗng thấy một người chạy hớt hơ hớt hải từ cánh gà sân khấu ra la lớn: “Salvador Dali (ông ta ngưng một lúc để cho cái tên kia thấm vào người nghe, vào cử-tọa), Salvador Dali... is the greatest, is the greatest.” “Salvador Dali... là số 1, là số 1!” Người ta phải ngỡ ngàng một lúc rồi mới nhận ra, đó là cách ông tự giới-thiệu... rất kịch-tính, không muốn để cho ai mất thì giờ ra giới-thiệu ông ta một cách đông dài!

Thiết tưởng Trần Trung Đạo không cần phải làm gì kịch-tính như vậy, người ta vẫn biết anh là ai, và sự hiện diện của Quý Vị ở đây ngày hôm nay cũng đủ nói lên sự quý mến mà anh đã giành được trong lòng không ít độc-giả Việt-nam hôm nay.

Anh là một con người hiền hòa, khá điềm đạm, ôn tồn nhưng thuyết phục! Đó là một người tin ở lẽ phải, tin ở sự thật, tin ở lẽ tất-yếu của cuộc đời, và nhất là tin ở lịch-sử mấy nghìn năm của dân-tộc! Anh cũng còn có một niềm tin sắt đá vào tuổi trẻ Việt-nam. Anh thuyết phục bởi không bao giờ anh mất những niềm tin đó.

Một cuộc đời không ít chuyện bất hạnh

Mà lạ. Bởi không thể bảo được là anh may mắn gì nhiều trong đời anh. Mất mẹ từ rất sớm, mồ côi cha từ tuổi 13, anh sớm phải ra đời lăn lộn với cuộc sống, đi ở chùa, đi làm đủ mọi thứ việc, gặp không ít chuyện bất bình nhưng không bao giờ anh bỏ cuộc. Vào Sài-gòn, gặp một người như mẹ nuôi rất tốt với anh, ra ngoại-quốc anh đã viết nên một bài thơ tuyệt-tác, bài “Đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười” mà ta chỉ cần đọc qua một lần, không thể quên được.

Với mỗi chặng đường trong cuộc sống của anh, anh đã ghi lại được những trải nghiệm, những bài học, đôi khi đắt giá nhưng rất thân thương như trong cuốn sách anh viết chung với Thượng-tọa, nay đã lên Hòa-thượng, Thích Như Điển của chùa Viên Giác bên Đức khi hai người còn là đồng-môn trẻ tuổi trong một ngôi chùa ở Đà-nẵng.

Là một người Việt-nam, anh cũng rất gắn bó với quê hương, nơi anh sinh ra và lớn lên. Sinh ra ở đất “ngũ phụng tế phi,” anh rất ý-thức về quê hương Quảng-Đà của anh. Lớn lên với những gương sáng của các bậc tiền-nhân, không riêng gì của đất Quảng, anh lại còn đặc-biệt thích sử và được hun đúc trong tình yêu nước nồng nàn bởi mấy thầy dạy sử ở trung-học của anh.

Lịch-sử Việt-nam trong bảy mươi năm qua để lại cho chúng ta nhiều kỷ-niệm chua xót và đau buồn. Đặc-biệt, trong những năm gần đây đất nước chúng ta lại còn gặp cái nạn Hán-hóa có thể đi

đến thảm-họa Bắc-thuộc gần kề như chúng ta có thể chứng-kiến qua những vụ lấn lướt của Trung-Cộng ở Biển Đông mà nạn-nhân trực-tiếp là những ngư-dân Việt-nam ở ngay vùng quê hương của Trần Trung Đạo, những người như ở Cù lao Ré (Lý-sơn) ra đi mà đôi khi không có ngày về trước sự dã-man và hung hãn của kẻ thù truyền kiếp. Những người phải âm thầm chịu đựng, chôn trong những “mộ gió” vì sự bất lực của chính-quyền, để lại vợ trẻ con thơ nheo nhóc. Những người mà “nỗi đau mất mát” đã phải làm động lòng cả một ngoại-nhân là anh André Menras, có tên Việt là Hồ Cương Quyết.

Có lẽ tình-hình Việt-nam trong những ngày gần đây đang đi đến một nút kết nào đó, buộc chính-sách ở quê nhà phải chuyển hướng nếu không muốn đi vào ngõ cụt, vào chỗ chết. Không chỉ nguy ngập mà lần này chết có thể là chết cả nút chứ không phải chỉ là chuyện ảnh-hưởng đến một nhóm người mà thôi, tóm lại không phải là chuyện địa-phương hay chuyện giỡn.

Có lẽ cũng vì thế mà ta thấy như nở rộ một số sách mà tác-giả gom lại từ các bài viết, các tiểu-luận mình viết đó đây, nhằm đáp ứng những nhu-cầu bình-luận thời-sự nóng bỏng, phản ánh một tấm lòng thiết tha, sôi nổi với đất nước, quê hương và dân-tộc. Chẳng thế mà Trần Trung Đạo vừa tung ra tập Chính Luận của anh thì nhà xuất bản Tiếng Quê Hương của Uyên Thao ở Virginia cũng gần như cùng lúc tung ra thị-trường cuốn Chính Luận 2013 của Phạm Chí Dũng, viết từ Sài-gòn. Mà cuốn này cũng lại đến liền ngay sau cuốn Những Sự Thật Cần Biết của Đặng Chí Hùng, người vừa thoát được sang Canada từ những nanh vuốt của công an Cộng Sản Việt Nam thò tay sang đến tận Thái-lan để nhờ Interpol giữ anh lại và trục-xuất anh về VN. Tất cả đều là những tập tiểu-luận để giúp chúng ta nhìn lại, điều chỉnh hướng đi trước khi phóng tới... trong một tương-lai đầy u ám.

Một quyển sách với nhiều cách nhìn mới

Thường đọc một tập tiểu-luận, độc-giả có quyền nhảy từ chương này sang chương khác, không nhất thiết đọc một mạch từ đầu đến cuối. Vậy mà chính tôi đã làm việc ngược đời là đọc tập tiểu-luận của Trần Trung Đạo từ trang đầu cho đến trang cuối, không bỏ sót một trang nào. Đủ tỏ là cuốn sách được sắp xếp khá khéo, thành một trật-tự lô-gích dẫn ta từ vấn-đề lớn này sang đề-mục lớn kia, mở mang tri-thức của ta bằng nhiều điều mới lạ, và ngay cả khi đề-tài là một đề-tài quen thuộc như về VN (Mậu Thân ở Huế, Cải cách ruộng đất hay kinh-nghiệm đi tù Cộng-sản), tác-giả cũng đưa ra được những lập-luận hay nhận-định thật mới mẻ làm cho ta giật mình hay thống khoái. Đúng như Jean Cocteau kể chuyện khi anh còn trẻ, có lần nhà biên-đạo vũ người Nga, Diaghilev, đã nói với anh: "Etonne-moi!" ("Anh hãy làm cho tôi ngỡ ngàng đi!")

Cuốn sách của Trần Trung Đạo, cũng như cuốn Đền Cù của Trần Đĩnh mới ra gần đây, đúng là có cái hiệu-ứng đó! Gần như trang nào ở trong hai cuốn sách của Trần Trung Đạo và Trần Đĩnh, dù tuổi tác hai người khá xa nhau, nhưng đều làm cho ta ngạc-nhiên, thích-thú, không ít lần ta tự thấy gật gù với tác-giả, để công-nhận sự sâu-sắc ở trong anh.

Đọc Trần Trung Đạo làm tôi nhớ đến ngày tôi mới ra trường với bằng Cử-nhân Chính-trị-học ở Princeton, một trường nổi tiếng về ngành này. Là một người trẻ mới 20, tôi nghĩ lại khi sang Đại học Columbia: Là một người Việt-nam ở phương Đông, tôi biết khá nhiều về nước Pháp, văn-học Pháp, rồi văn-minh văn-hóa Mỹ và Anh, thậm chí đến cả thơ tiếng Đức tôi cũng thuộc một số. Nhưng rồi tôi tự hỏi tôi có mất gốc không khi tôi biết nhiều về Âu-châu hơn những nước láng giềng của VN như Trung-quốc cận-hiện-đại hay Nhật-bản, Cao-ly, nói gì đến những nước nhỏ hơn dù rất gần ta như Miên, Lào, Thái... Do đó mà sang Đại học Columbia, tôi đã

phải đi tìm về nguồn bằng cách học tiếng rồi lịch-sử, văn-học Trung-hoa để dần dần lan sang văn-học Nhật, tiếng Cao-ly và một số môn gần gũi với đất nước ta hơn.

Khác hẳn tôi, trẻ hơn tôi, Trần Trung Đạo đã nhìn được ra ngay là một sự hiểu biết về Trung-quốc là then chốt đối với một người VN hôm nay luôn quan-tâm đến vận-mệnh nước nhà. Do vậy mà gần một nửa cuốn sách là viết về Trung-Cộng, so sánh nó với chế-độ Phát-xít của Hitler, tương-phản nó với nước Mỹ, đào sâu những âm-mưu của Bắc-Kinh với những nơi xa xôi như Phi-châu, Congo, thậm chí cả cái nguy-cơ của chủ-nghĩa sô-vanh Đại-Hán mọc nổi với dân-tộc chủ-nghĩa cuồng tín của Sam Rainsy ở Campuchia để bao vây hay cầm chân VN. Và mỗi trang, anh không khỏi làm ta giật mình vì cái hiểu biết rộng lớn của anh, nhất là cái nhìn thật xa, thật sâu, nhìn phía sau hiện-tượng như quan-niệm "sức mạnh mềm" ("soft power") do cả Hồ Cẩm Đào, rồi bây giờ là Tập Cận Bình, lẫn Obama đem ra áp-dụng trong một khung-cảnh quốc-tế mới.

Tôi không rõ anh Trần Trung Đạo học chính-trị-học hay quan-hệ quốc-tế hồi nào nhưng phải công-nhận là anh có một đầu óc phân-tích rất chi ly và anh biết dùng những nguồn đáng tin cậy để rút tĩa ra được những nhận-xét và kết-luận có giá trị. Người Mỹ có câu để khen tặng người giỏi mà không làm cho ta khó chịu, đó là câu: "He carries his scholarship lightly," có nghĩa là "anh ta uyên bác nhưng gánh cái uyên bác đó thật nhẹ nhõm." Và tôi cho câu này áp-dụng vào Trần Trung Đạo có lẽ không sai!

Tôi là người được cho là đã đi nhiều, ấy vậy mà so với anh, có lẽ tôi chỉ là người mới bén gót được một phần của anh thôi. Tỷ như tôi vẫn mê đi Ấn-độ nên đã đọc khá nhiều sách về đủ mọi phương-diện của xứ huyền-diệu này song cho tới nay, tôi vẫn chưa đặt chân được đến xứ này. Song anh, vì nghề chuyên-môn, đã có dịp đi

nhiều nơi ở Ấn-độ, đặc-biệt là Bangalore, nơi được coi như một Silicon Valley của xứ này.

Thành thử đọc Trần Trung Đạo là ta đi từ khám phá này sang khám phá khác. Và vì tính-cách lương-thiện của anh, tính-cách mà Võ Phiến ở Bình-định nói là "thàng," tính-cách không lên gân lên cốt của anh nên ta dễ đem lòng tin anh. Bởi ta thấy anh không có lý-do gì lừa lọc ta, trái lại anh lúc nào cũng muốn như chia sẻ với ta những điều hay của lạ anh học được, không chỉ ở những nước lớn mà còn ở cả một nước nhỏ như Sierra Leone, nhỏ nhưng mà lại tiến-bộ, lại dân-chủ hơn nước đã từng tự-hào là "đỉnh cao trí tuệ loài người."

Rồi thử đọc hai chương anh viết về ông Nelson Mandela của Nam-Phi. Thật là một gương tranh đấu phi thường, ông Mandela không chỉ thắng được lên trên sự khác biệt màu da, thắng được lên tất cả những tội ác mà người da trắng đã dành cho cá-nhân ông và đồng-loại da màu của ông, ông thắng vượt được cả chính ông để đổi cách đấu tranh từ đấu tranh vũ-lực sang đấu tranh bất bạo-động, bắt tay cả với kẻ thù để tránh, không còn đổ máu nữa và đem lại sự hòa hợp hòa giải đích-thực cho nước ông, cho dân-tộc ông. Tóm lại, biết bao nhiêu điều gợi hứng để cho chúng ta có thể học hỏi. Thử hỏi, có bao nhiêu người Việt trong chúng ta chân-thành nghĩ rằng ta có thể học hỏi được gì từ một người da đen Phi-châu, dù như tổ tiên của loài người, tức là của tất cả chúng ta, gần như chắc chắn là đã xuất phát từ Đông Phi.

Một niềm tin sắt đá vào tuổi trẻ và tương-lai dân-tộc

Cái làm cho Trần Trung Đạo đáng yêu là không bao giờ anh mất niềm tin đối với tuổi trẻ VN và tương-lai dân-tộc, tiền-đồ VN. Hơi giống Ngô Nhân Dụng, tức nhà văn, bình-luận-gia Đỗ Quý Toàn, trong sách Đứng vững ngàn năm, đối với cả hai anh thì dù như hiện-tại xem ra đen tối cả hai anh đều vững một niềm tin vào tuổi

trẻ và vào truyền-thống dân-tộc, như dòng nước chảy cuốn cuộn trong mạch máu của ta.

Đọc Trần Trung Đạo là ta thấy niềm tin đặt vào tuổi trẻ, một sự vững lòng là không có khó khăn nào mà tuổi trẻ không thể vượt qua, không trở ngại nào mà tuổi trẻ không thể đập đổ. Tại sao? Tại vì chính anh là một gương mặt trẻ, chắc chắn là tương-lai thuộc về lớp các anh, nói như người Pháp, dù rằng "tuổi già có khôn ngoan, có biết" thật đó song vẫn không bằng tuổi trẻ còn dư sức lực, với những kỹ-năng cập nhật, chuyên-hóa, với những bộ óc còn tươi mát, với những mạng xã-hội đan kết lại thành một khối không thể đập tan được. Với những người hướng dẫn sáng suốt như Trần Trung Đạo thì ta có thể nói: "Tuổi trẻ VN, hãy bình tâm tiến bước!"

Nguyễn Ngọc Bích

*Viết xong tại Đồng Xuân, Bang Trinh Nữ, Hoa Kỳ Quốc và Ottawa,
Đêm Trung-thu 16 Giáp Ngọ & Mồng 3 tháng 12, 2014*

KINH NGHIỆM THẾ GIỚI

SUY NGHĨ BÊN ĐÈN ĐỎ Ở NARA

Hai tuần trước trên đường từ cố đô Nara về lại Kyoto, chiếc xe bus du lịch dừng trước đèn đỏ của một ngã tư. Một toán học sinh Nhật khoảng lớp sáu hay lớp bảy băng qua đường. Nhật Bản đang vào mùa hè và học sinh còn nghỉ học nhưng các em hình như đang trở về từ một sinh hoạt tập thể nên đều mặc đồng phục áo trắng quần xanh.

Đèn bắt đầu chớp. Ba em cuối cùng trong toán cố vượt theo bạn dù tiếng chuông trên trụ đèn đã báo sắp hết giờ dành cho người đi bộ. Dĩ nhiên xe bus tiếp tục dừng để các em đi qua hết. Ba em cuối cùng băng nhanh qua đường nhưng thay vì chạy theo cùng các bạn, các em dừng lại, sắp hàng ngang nghiêm chỉnh hướng về phía xe bus và cúi gập người xuống để xin lỗi và cảm ơn anh tài xế.

Nhìn học sinh Nhật, người viết chợt nhớ thể hệ mình ngày xưa. Học trò miền Nam được dạy không chỉ cúi đầu thôi mà còn vòng tay để chào, cảm ơn hay xin lỗi các bậc trưởng thượng. Trên đường, khi gặp một đám tang đi qua, chúng tôi được dạy phải đứng nghiêm trang và dờ mũ xuống nếu đội mũ, cúi đầu kính tiễn biệt người quá cố cho đến khi xe tang qua hẳn mới tiếp tục đi. Khi

thầy hay cô vào lớp, chúng tôi được dạy cả lớp phải đứng dậy chào và chờ cho đến khi thầy hay cô ngồi xuống, chúng tôi mới được ngồi. Khi có người lớn tuổi đến nhà, chúng tôi được dạy phải vòng tay cúi chào thưa theo đúng thứ bậc so với cha hay so với mẹ. Dù đang đi đâu, khi nghe tiếng Quốc Ca cất lên, từ một trại lính hay một công sở nào đó, chúng tôi được dạy phải đứng lại nghiêm chỉnh để chào cho đến khi bài Quốc Ca chấm dứt. Mỗi sáng thứ Hai trên bảng đen trong lớp học bao giờ cũng bắt đầu bằng một câu châm ngôn đầu tuần thấm đậm tình dân tộc như "uống nước nhớ nguồn", "ăn trái nhớ kẻ trồng cây" hay tương tự và chúng tôi được dạy phải dành vài phút đầu tuần để học về ý nghĩa của câu châm ngôn đó. Trong giờ Công Dân Giáo Dục, chúng tôi được dạy trung thành với tổ quốc Việt Nam chứ không phải với riêng một đảng phái nào. Trên tường của trường Trần Quý Cáp ở Hội An nơi người viết học và hầu hết trường trung học, tiểu học ở miền Nam đều có hàng chữ chạy dài "Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời." Và rất nhiều lễ nghi, phép tắc đạo lý đáng quý, đáng giữ gìn khác.

Hôm trước, Nguyễn Hồng Quốc, một bạn học lớp đệ Tam (lớp 10) ở Trung Học Trần Quý Cáp kể lại trên Facebook *"Qua Trần trung Đạo mình có được thông tin về thầy Phan đình Trùng sau 44 năm không gặp, thấy dạy sử và công dân mình thời trung học đệ nhị cấp, thấy có giọng nói hùng hồn đầy tự tin nghe thầy giảng bài thật thú vị... năm đệ Tam vào giờ công dân thầy kêu mình lên dò bài, thầy đặt trên bàn lá Quốc kỳ thầy bắt mình tay phải đặt lên lá cờ, tay trái đặt lên ngực đọc lời tuyên thệ "Tôi là công dân VNCH nguyện tuyệt đối trung thành với Tổ Quốc. Xin thề. Xin thề" Minh đọc thật to và đồng dạc được thầy cho 20 điểm trên 20... Thấm thoát đã 44 năm rồi từ một đứa học trò hồn nhiên vô tư ngày nào giờ đây tóc đã hoa râm."*

Câu chuyện rất bình thường của 44 năm trước nhưng kể lại cho

các thế hệ hôm nay nghe giống như chuyện cổ tích.

Miền Nam phải chịu đựng chiến tranh và tàn phá nhưng vẫn cố gắng hết sức để duy trì và phát huy các giá trị nhân bản trong chừng mực còn phát huy được. Từ những hố hầm bom đạn, bông hoa tự do dân chủ vẫn cố nở ra, vẫn cố vươn lên. Nhựa nguyên nuôi dưỡng thân cây non đó là Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa (VNCH).

Hiến pháp VNCH do chủ tịch Quốc hội Lập hiến Phan Khắc Sửu ký ngày 18 tháng 3 năm 1967 ghi rõ: *“Ý thức rằng sau bao năm ngoại thuộc, kể đến lãnh thổ qua phân, độc tài và chiến tranh, dân tộc Việt Nam phải lãnh lấy sứ mạng lịch sử, tiếp nối ý chí tự cường, đồng thời đón nhận những tư tưởng tiến bộ để thiết lập một chánh thể cộng hoà của dân, do dân và vì dân, nhằm mục đích đoàn kết dân tộc, thống nhất lãnh thổ, bảo đảm Độc lập Tự do Dân chủ trong công bằng, bác ái cho các thế hệ hiện tại và mai sau.”*

Những yếu tố nào làm cho người Nhật ngày nay được nhân loại khắp năm châu kính nể?

Câu trả lời dễ dàng và nhanh chóng mà ai cũng có thể đáp là nhờ nền tảng văn hóa Nhật. Thật ra câu trả lời đó chỉ đúng một phần. Nền văn hóa của một đất nước chỉ xứng đáng được kính trọng khi nền văn hóa đó không chỉ là kết tụ giá trị văn hóa riêng của dân tộc mà còn phải phù hợp với giá trị văn minh của thời đại.

Không ai phủ nhận Đức là quốc gia có nền văn hóa cao nhất tại Châu Âu. Trước năm 1945, Đức là một trong ba quốc gia được nhiều giải Nobel nhất. Bao nhiêu triết gia, khoa học gia, văn sĩ, thi sĩ nổi tiếng thế giới đã sinh ra ở Đức. Nhưng chế độ Quốc Xã Hitler do chính nhân dân Đức bầu lên lại là một trong vài kẻ giết người tàn bạo nhất trong lịch sử loài người và chà đạp lên mọi giá trị văn minh của nhân loại.

Nhật Bản trước năm 1945 cũng vậy. Nhật Bản có giá trị văn hóa cao, một dân tộc có kỷ luật nghiêm khắc nhưng không phải là một nước văn minh nhân bản. Bước chân của đạo quân Nhật đi qua cũng để lại những điều tàn, thảm khốc từ Mãn Châu, sang Triều Tiên, xuống Mã Lai, Singapore, Việt Nam không khác gì vó ngựa của đạo quân Mông Cổ đi qua trong nhiều trăm năm trước. Cơ quan mật vụ Nhật tại Singapore tàn sát khoảng 50 ngàn người dân Singapore một cách không phân biệt. Chính sách đồng hóa thay tên đổi họ đối với Triều Tiên là một bằng chứng tội ác khó quên. Nạn đói tại Việt Nam năm 1945 với hàng triệu đồng bào miền Bắc chết thảm thương một phần là do chính sách ác độc tịch thu thóc để nuôi ngựa của quân đội Nhật.

Do đó, câu trả lời chính xác, chính hiến pháp dân chủ 1946 đã làm cho nước Nhật hoàn toàn thay đổi, giúp cho người Nhật biết kính trọng con người, không chỉ riêng con người Nhật như trước đây, và tôn trọng luật pháp mà chính họ đặt ra.

Phần nhập đề của Hiến Pháp 1946 khẳng định chính phủ do dân và vì dân của Nhật Bản sẽ hợp tác hòa bình với tất cả các quốc gia trên thế giới trong ánh sáng tự do dân chủ, đặt chủ quyền của nhân dân làm căn bản cho hiến pháp và kính trọng sâu sắc của Nhật về quyền của con người được sống trong tự do và không sợ hãi. Tóm lại, cơ chế chính trị thời đại được chuyển chở trong Hiến Pháp Nhật 1946 hội nhập hài hòa với văn hóa Nhật và làm cho dân tộc Nhật khác đi trong nhãn quan thế giới.

Việt Nam cần thay đổi gì?

Con thuyền Việt Nam đang phải chở một cơ chế chính trị độc tài, lạc hậu về mọi mặt so với đà tiến của văn minh nhân loại, một nền giáo dục hủy diệt mọi khả năng sáng tạo, một xã hội tham nhũng thối nát trong đó giới lãnh đạo thờ ơ trước đòi hỏi bức thiết của nhân dân và nhân dân không có niềm tin nơi giới lãnh đạo.

Việt Nam cần thay đổi. Ai cũng có thể đồng ý như vậy, nhưng thay đổi gì trước? Đổi mới kinh tế? Cải cách giáo dục? Chống tham nhũng? Nói lỏng chính trị? Không. Một mảnh ván, một lớp sơn không làm chiếc thuyền chạy nhanh hơn.

Như người viết trình bày trong bài trước, những hiện tượng bất nhân, độc ác giữa người và người đang thấy tại Việt Nam chỉ là quả chứ không phải là cây và do đó hái dăm trái thối hay thậm chí hái hết trái trên cây đi nữa sang mùa khác chúng sẽ được sinh ra. Tội ác sẽ không bao giờ xóa được khi các nguyên nhân gây ra tội ác vẫn còn tồn tại.

Và nguyên nhân chính của mọi thảm trạng trên đất nước ngày nay là cơ chế độc tài Cộng Sản (CS). Do đó, thay đổi mà Việt Nam cần là thay đổi cơ chế CS đang thống trị Việt Nam bằng một chế độ tự do dân chủ làm tiền đề cho công cuộc phục hưng toàn diện Việt Nam.

LATVIA, SỨC MẠNH CỦA NIỀM TIN

Chiều thứ Sáu ngày 6 tháng 9, 1991 các báo lớn trên khắp thế giới loan tin “Moscow chính thức công nhận quyền độc lập của ba quốc gia Lithuania, Latvia và Estonia sau nửa thế kỷ kiểm soát.” Ngoại trưởng Liên Xô Boris N. Pankin tuyên bố *“Chúng tôi công nhận chủ quyền độc lập của ba quốc gia vừa tách rời khỏi Liên Bang Xô Viết. Chúng ta đang chứng kiến một biến cố lịch sử ngay tại thời điểm này.”* Lời tuyên bố của Ngoại trưởng Liên Xô phát ra khi 250 ngàn quân Xô Viết vẫn còn đóng trên lãnh thổ ba quốc gia vùng Baltic: Latvia, Estonia và Lithuania.

Đối với phần lớn nhân loại đó là tin khá bất ngờ. Các thủ đô Riga, Tallinn, Vilnius tràn ngập niềm vui. Tuy nhiên với cô nữ sinh viên Lina Lagunaite đang theo học tại đại học Kaunas, cách thủ đô Riga của Latvia chừng một giờ lái xe, tin đó chẳng làm cô ta hồi hộp chút nào. Trả lời cho phóng viên John Thor Dahlburg của báo *Los Angeles Times*, Lina nhún vai *“Latvia bao giờ cũng là một nước tự do. Sự kiện vừa xảy ra chẳng có gì khác. Ông nội tôi và sau đó cha tôi luôn dặn dò chúng tôi Latvia là một nước tự do độc lập.”*

Lời phát biểu của nữ sinh viên Lina Lagunaite rất bình thường nhưng chuyên chở một ý nghĩa tinh thần quan trọng.

Tinh thần độc lập dân tộc và chế độ Cộng Hòa được thiết lập tại Latvia từ năm 1918, rất lâu trước khi Lina ra đời vẫn sống. Thế hệ của Lina Lagunaite và có thể cả của cha cô ta đều sinh ra sau ngày 18 tháng 11, 1918, Ngày Độc Lập của Cộng Hòa Latvia, nhưng tinh thần độc lập đó như một dòng sông không ngừng chảy dù chảy trong đau thương và chịu đựng, trong máu và nước mắt suốt 51 năm dưới hai chế độ độc tài khát máu nhất nhân loại: Hitler và Stalin.

Không tính 200 năm dưới sự cai trị hà khắc của các triều đại Nga Hoàng, thời gian từ 1939 đến 1990 là một thời gian khủng khiếp để một dân tộc với dân số chưa đến 2 triệu như Latvia phải chịu đựng từ Stalin sang Hilter, trở lại Stalin và thời kỳ CS sau đó.

Năm 1939, Stalin thỏa thuận với Hitler qua hiệp ước bất can thiệp Molotov–Ribbentrop xóa quân chiếm đóng Latvia. Phần lớn sĩ quan cao cấp trong quân đội Cộng Hòa Latvia đều bị giết chết. Hầu hết các lãnh đạo và viên chức chính phủ Cộng Hòa đều bị bắt và đày sang các trại tù miền Trung Á.

Năm 1941, khi Hitler xé hiệp ước Molotov–Ribbentrop mở Mặt trận Miền Đông tấn công Liên Xô, các quốc gia vùng Baltic rơi vào tay Hilter nhanh chóng. Latvia chịu đựng dưới chính sách hà khắc của Hitler. Lần này, không chỉ người Latvia mà nhất là người Latvia gốc Do Thái trở thành mục tiêu trấn áp. Theo các thống kê, chỉ còn 10 phần trăm dân Latvia gốc Do Thái sống sót sau Thế Chiến thứ Hai.

Khi Hitler thua, Stalin trở lại, cưỡng chiếm và sau đó sáp nhập Latvia vào Liên Xô. Khoảng 136 ngàn người Latvia bị kết tội là “kẻ thù nhân dân” và bị đày đến các trại tập trung lao động khổ sai nhiều nơi trên vùng Trung Á và Siberia. Tài sản bị tịch thu. Ruộng đất bị tước đoạt. Các hình thức xét xử gọi là “Tòa án nhân dân” được dựng lên khắp nơi. Khi Stalin chết, Nikita Khrushchev lên và

cho phép dân Latvia lưu đầy được trở về nguyên quán, nhưng quá trẻ, phần đông đã chết trong tù đầy.

Thế hệ của Lina Lagunaite lớn lên trong nền giáo dục Cộng Sản tuyên truyền tẩy não. Toàn bộ lịch sử Latvia cận đại bị hệ thống tuyên truyền Liên Xô viết lại. Thỏa hiệp Molotov–Ribbentrop, chiếm đóng vùng Baltic không được nhắc đến. Lina không được học lịch sử Latvia chính thống mà được đầu độc bằng những thông tin dối trá như “Con đường Lenin là con đường hạnh phúc”, “Stalin là anh hùng giải phóng dân tộc Latvia.” Triết học Mác Lê là môn học chính. Lina Lagunaite bị đoàn ngũ hóa từ khi còn bé. Một tầng lớp Latvia phản quốc được Liên Xô đào tạo để phục vụ cho chế độ CS. Đảng CS Latvia lúc đầu chỉ 400 đảng viên đã phát triển thành một tập đoàn tham nhũng, bán nước, tiếp tay với CS Liên Xô dày dọa chính đồng bào mình. Chính thành phần phản quốc trong cái gọi là “Quốc hội Latvia” đã bỏ phiếu sáp nhập Latvia vào Liên Xô.

Nhưng dân tộc Latvia và Cộng Hòa Latvia vẫn sống, vẫn tồn tại. Ngày 27 tháng Hai, 1990, cả nước Latvia chào lá quốc kỳ hai màu trắng và huyết dụ được khai sinh trong thời kỳ độc lập 1918. “Cờ tổ quốc” nền đỏ búa liềm với ngôi sao vàng CS bị ném vào sọt rác của quá khứ đáng quên. Hầu hết Dân biểu Quốc hội Latvia bỏ phiếu thuận chọn lá cờ hai màu trắng và huyết dụ làm quốc kỳ mặc dù chưa từng đứng trước lá cờ đó lần nào. Tuy nhiên, giá trị của một lá cờ không chỉ được xác định bằng thời gian của một đời người mà bằng giá trị của di sản lịch sử mà lá cờ chuyên chở. Năm sau, ngày 10 tháng 9, 1991, đảng CS Latvia cũng bị Quốc Hội Latvia cấm hoạt động.

Những yếu tố giúp Latvia sống là những bài học mà các bậc ông bà, cha mẹ Việt Nam nên học. Như nữ sinh viên Lina Lagunaite kể lại cho phóng viên LA Times “*Ông nội tôi và sau đó cha tôi luôn*

dạy dỗ chúng tôi Latvia là một nước tự do độc lập”, các thế hệ cha ông Việt Nam, qua giáo dục gia đình, phải có trách nhiệm hun đúc niềm tin dân tộc nơi thế hệ trẻ để các em luôn hãnh diện với gia phong và huyết thống của mình. Gia phong huyết thống của đại gia đình Việt Nam là màu da các em có, là chiếc áo dài các em mặc, là tiếng nói, là ca dao, là lá trầu, trái cau, là nụ cười của trẻ thơ, lời ru và cả giọt nước mắt đau lòng của mẹ. Và xa hơn, gia phong và huyết thống là giá trị tự do, độc lập dân tộc đã tích lũy và kế thừa qua nhiều nghìn năm trước kết tụ trong nhận thức của mỗi con người.

Nữ sinh viên Lina Lagunaite nhún vai xem việc Latvia độc lập là chuyện bình thường bởi vì em được hun đúc một niềm tin sâu xa vào lịch sử Latvia: *“Latvia bao giờ cũng là một nước tự do. Sự kiện vừa xảy ra chẳng có gì khác.”* Em đã chiến thắng bộ máy tuyên truyền CS. Em vượt qua được chính sách đồng hóa vô cùng tàn nhẫn của Nga. Em biết mình là ai. Lina Lagunaite học thuộc lịch sử chính thống của Latvia. Bởi vì nếu không thuộc sử sẽ dẫn đến câu hỏi “tôi là ai”, dẫn đến việc thiếu niềm tin vào sức sống và sự trường tồn của nòi giống, dẫn đến những cái nhìn thiển cận về tương lai đất nước.

Không riêng Lina Lagunaite mà rất đông những người thuộc thế hệ Lina Lagunaite cũng được ông bà, cha mẹ dạy dỗ tốt như vậy và chính thế hệ này là thành phần nòng cốt trong các cuộc biểu tình đòi độc lập cho Latvia trong ba năm 1987 đến 1990. Trong lễ kỷ niệm 70 năm Độc Lập Latvia vào năm 1988, có ước lượng 500 ngàn người, hơn một phần tư dân số Latvia trong đó đa số là tuổi trẻ, tham dự.

Một người Việt Nam nào quan tâm đến tương lai dân tộc cũng đều muốn thấy đất nước một ngày được sống trong tự do dân chủ. Nhưng mơ ước cũng chỉ là mơ ước nếu không được cụ thể hóa

bằng hành động yểm trợ cho các sinh hoạt của tuổi trẻ, góp công, góp sức vào các phong trào dân chủ của tuổi trẻ. Đừng đợi tuổi trẻ tìm mà hãy đứng dậy đi về phía tuổi trẻ, gỡ cửa tâm hồn họ, thắp lên ngọn lửa tin yêu và hy vọng trong lòng họ, nuôi dưỡng truyền thống độc lập và tự chủ trong nhận thức họ như cha ông của Lina Lagunaite đã làm ở Latvia.

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC LATVIA

Ngân sách quốc phòng của Trung Cộng khác nhau tùy theo nguồn ước lượng. Theo công bố chính thức của Trung Cộng, ngân sách quốc phòng năm 2014 là 131.5 tỉ Mỹ kim nhưng theo Stockholm International Peace Research Institute năm 2013 Trung Cộng đã dành 188 tỉ Mỹ kim cho chi phí quốc phòng. Trung Cộng có quân đội hiện dịch 2.3 triệu quân với 500 ngàn quân trừ bị. Trung Cộng có kho vũ khí và phương tiện chiến tranh tối tân và hiện đại hơn tất cả các quốc gia khác ở Á Châu. Cho dù tối tân và đông đảo bao nhiêu cũng không thể so với 27 ngàn đầu đạn nguyên tử, các hạm đội hùng mạnh và 250 sư đoàn bộ binh trang bị tận răng của Liên Xô trước ngày 25 tháng 12 năm 1991. Nhưng Liên Xô đã đổ, rồi Trung Cộng cũng phải đổ.

Bao giờ Trung Cộng đổ?

Gordon Chang, nhà phân tích kinh tế chính trị đã làm việc 20 năm tại lục địa Trung Quốc, trong tác phẩm *The Coming Collapse of China*, xuất bản 2001, tiên đoán Trung Cộng sẽ đổ vào năm 2011.

Lý do, theo Chang trong phần hỏi đáp về tác phẩm của ông, đã viết: “Mao Trạch Đông, người sáng lập ra Trung Cộng, xây dựng một xã hội bất bình thường và cô lập chính nó từ các quốc gia khác. Hệ thống đó có thể tồn tại mãi cho đến khi Trung Cộng biệt lập từ thế giới, nhưng những người kế tục Mao đã tìm cách mở cửa ra thế giới bên ngoài. Khi một quốc gia trở nên hội nhập nhiều hơn với các quốc gia khác, một lực đẩy áp dụng cho toàn thế giới – chính trị, kinh tế và xã hội – cũng ảnh hưởng Trung Cộng. Tại một điểm trong tiến trình này, hệ thống bất bình thường của Mao sẽ bị bỏ rơi vì về căn bản không thích hợp với vai trò mà Trung Cộng tìm kiếm trong hệ thống quốc tế. Một thời gian ngắn, chính phủ Trung Cộng sẽ không còn khả năng để đáp ứng với các thách thức của một xã hội mở rộng và năng động.”

Trung Cộng không đổ như Gordon Chang đoán.

Thận trọng hơn Gordon Chang, công ty Strafor, một công ty thông tin tình báo chiến lược toàn cầu hiện do George Friedman làm Chủ tịch Chấp hành, trong Dự đoán Thập niên công bố ngày 21 tháng Giêng, 2010 cho rằng nền kinh tế Trung Cộng sẽ đổ trong vòng 10 năm tới. Trả lời thay mặt cho Stratfor, Peter Zeihan, phó chủ tịch công ty, giải thích lý do: “Chúng tôi đã phân tích vấn đề này trước đây về một hệ thống kinh tế Trung Quốc bất ổn và chúng tôi nghĩ sự bất ổn đó đạt điểm vỡ khi các mâu thuẫn nội tại của Trung Quốc bùng ra và tan nát.”

Bước vào năm thứ năm của thập niên, Trung Cộng vẫn chưa đổ theo ước tính của Stratfor.

Tuy nhiên, dù không xảy ra như Gordon Chang dự đoán hay chưa xảy ra như Stratfor ước tính, cả hai và rất đông các nhà phân tích kinh tế chính trị đều có một nhận xét căn bản rất giống nhau rằng Trung Cộng sớm muộn cũng sẽ đổ vì phải đương đầu với những khó khăn không thể vượt qua.

Những vấn đề của Trung Cộng

Dân số già nua

Dân số tại các quốc gia tiên tiến có khuynh hướng tăng chậm và điều này có nghĩa tỉ lệ người cao tuổi ngày tăng cao so với thế hệ vừa sanh. Thế nhưng, tại Trung Cộng mức độ chênh lệch đó cao nhất trên thế giới. Giai đoạn hòa bình sau năm 1949 với chính sách kiểm soát dân số còn tương đối lỏng lẻo là cơ hội cho một số rất đông dân được sinh ra. Lớp người này sau đó trở thành lực lượng lao động chính trong giai đoạn hội nhập vào thế giới đầu thập niên 1980, giúp thúc đẩy nền kinh tế và giữ chi phí y tế an sinh xã hội thấp. Người dân trong giai đoạn này làm nhiều nhưng tiêu ít. Điều kiện đó đang bị đảo ngược. Hiện nay Trung Cộng là xã hội tiêu thụ nhưng có ít trẻ con hơn người già.

Theo ước tính của đề án Pew Research Global Attitudes Project, năm 2050 Trung Cộng sẽ chỉ tăng 25 triệu so với 400 triệu của Ấn Độ. Các phân tích dân số ước tính Trung Cộng đang trở nên quốc gia không chỉ già nhất thế giới mà còn già nhanh nhất thế giới. Trong thời gian vài năm nữa, Trung Cộng sẽ là viện dưỡng lão khổng lồ. Một quốc gia già nua có nghĩa các chi phí an sinh xã hội, dịch vụ y tế cũng gia tăng một cách tương ứng và là một gánh nặng không chịu nổi cho đất nước 1.4 tỉ dân. Lực lượng lao động phần lớn được dùng trong giai đoạn sản xuất dây chuyền, thiếu sáng tạo kỹ nghệ mang tính tiên tiến và khai phá. Phần lớn hàng hóa, dù tiêu dùng hay kỹ thuật cao cấp cũng được phát minh, sáng chế từ nước khác.

Tham nhũng

Tham nhũng xảy ra ở mọi quốc gia trên thế giới nhưng tại các nước do đảng CS cai trị tham nhũng không chỉ trầm trọng mà còn có tính đảng.

Gọi là tính đảng bởi vì tình trạng tham nhũng phát sinh ngay trong lòng cơ chế chính trị, do cơ chế nuôi dưỡng, tràn lan sang các bộ phận của hệ thống và dần dần làm hư thối toàn xã hội. Từ Giang Trạch Dân đến Hồ Cẩm Đào đều đưa mục tiêu chống tham nhũng lên hàng đầu nhưng cả hai đều biết tham nhũng sẽ tồn tại cùng với sự tồn tại của đảng CS. Các chương trình chống tham nhũng “đầu voi đuôi chuột” được phát động ồ ạt và đầu hàng chỉ sau 18 tháng. Lý do, bệnh ung thư tham nhũng lan quá rộng và quá sâu đến các bộ phận sinh tử của đất nước, nhất là trong quân đội và công an.

Sự phân cách giàu nghèo xảy ra tại hầu hết các nước phát triển, trong đó, một vài phần trăm người dân sở hữu một nguồn lớn của cải xã hội. Tại Trung Cộng, chỉ một phần trăm trong tổng số trên một tỉ người sở hữu 40 phần trăm của cải. Điều khác giữa Trung Cộng và các quốc gia tư bản là số tài sản mà một phần trăm nắm giữ tại Trung Cộng là do tham ô, hủ hóa, là do bóc lột máu xương, mồ hôi nước mắt của người dân làm ra.

Thiếu tính chính danh lãnh đạo đất nước

Theo tác giả Ross Terrill trong tác phẩm *The New Chinese Empire* tại Trung Cộng chủ quyền của con người không tồn tại ngay cả trong lý thuyết chứ đừng nói chi là thực tế. Mọi quyền hạn đều tập trung trong tay đảng nhưng không ai bầu đảng CS, không ai trao cho đảng quyền lãnh đạo. Trong thời kỳ mới mở cửa, người dân tập trung xây dựng cuộc sống sau khi vừa bước ra khỏi thời tem phiếu nên có khuynh hướng chấp nhận hay không quá quan tâm đến việc ai lãnh đạo mình nhưng thái độ đó đang thay đổi nhanh chóng.

Tại Trung Cộng không có một cơ quan, đoàn thể xã hội nào mà không đặt dưới sự lãnh đạo của đảng CS. Mặc dù quốc gia có nhiều ngàn tờ báo nhưng không có tờ báo nào đưa vấn đề chính sách ra

bàn cãi. Khi mức độ hội nhập vào thế giới gia tăng, sự bất mãn trong quần chúng đối với đảng và nhà nước CS cũng gia tăng. Theo giáo sư David Shambaugh, đại học George Washington, mức độ trấn áp hiện nay tại Trung Cộng lên cao nhất kể từ năm 1989.

Bất ổn xã hội

Theo *Gini Index*, tiêu chuẩn đo lường mức độ mất cân xứng trong việc phân phối lợi tức gia đình, Trung Cộng là một trong số mười phần trăm mất cân xứng nhất trên thế giới. Hiện nay các sinh viên tốt nghiệp đại học không có công ăn việc làm tốt như các thế hệ sinh viên trước đây.

Các thành phần giàu có đang tìm cách chuyển tiền ra nước ngoài để mua tài sản cố định và tìm cách định cư. Theo thống kê của Shanghai's Hurun Research Institute thực hiện vào tháng Giêng, 2014, có đến 64 phần trăm trong số 393 người giàu có được thăm dò đang tính hay sẽ tính di chuyển ra nước ngoài. Mỗi năm tại Trung Cộng có 200 ngàn cuộc biểu tình trong các mức độ và hình thức khác nhau, từ những cuộc biểu tình đẫm máu ở Tây Tạng, Xinjiang cho đến các đình công nhỏ trong các công ty.

Xã hội bùng bít Trung Cộng không thể thích nghi với thế giới luôn đổi thay và sinh động. Các chính sách tự diễn biến trong suốt 25 năm qua của các lãnh đạo Trung Cộng đều có tính cách chiến thuật, phòng thủ, vá vúi từng giai đoạn. Trung Cộng gặp ít nhiều may mắn về cung ứng hàng hóa rẻ cho thị trường thế giới trong giai đoạn đầu của toàn cầu hóa nhưng về lâu dài khi mức cung cầu được bảo hòa, mức độ phát triển kinh tế sẽ chậm lại. Các lãnh đạo Trung Cộng biết điều đó nhưng biết là một chuyện mà vượt qua được hay không là chuyện khác. Đổi mới quá xa Trung Cộng sẽ trở thành Liên Xô năm 1991 mà không đổi mới cách mạng cũng sẽ bùng vỡ từ trong lòng quần chúng.

Ô nhiễm

Đây là lãnh vực mà Trung Cộng giữ kỷ lục hàng đầu thế giới trong nhiều năm chưa có đối thủ tranh giành được. Điều kiện an toàn hầm mỏ, Trung Cộng cũng được liệt vào mức tệ hại nhất thế giới. Nước, không khí, kỹ nghệ bị ô nhiễm là nguồn của các bệnh ung thư và các bệnh liên quan đến bộ phận hô hấp. Tuy che đậy, chính phủ Trung Cộng phải thừa nhận 70% sông, hồ bị ô nhiễm. Năm 2007, World Bank trong một tổng kết đã tố cáo tình trạng ô nhiễm tại Trung Cộng là lý do làm cho 760 ngàn trẻ em chết non và các bệnh hô hấp khác.

Hai tác giả Joseph Kahn và Jim Yardley của *The New York Times* trong bài điều tra năm 2007 cho rằng tình trạng ô nhiễm đe dọa vai trò lãnh đạo của đảng Cộng Sản Trung Quốc. Cũng theo bài điều tra này, 500 triệu người dân Trung Quốc không có nước uống an toàn vệ sinh. Chỉ vón vện 1 phần trăm dân chúng thở không khí với mức độ trong lành tương tự như một người dân Âu Châu thở. Đảng và nhà nước CSTQ công bố hàng loạt các chương trình bảo vệ môi trường nhưng không đạt kết quả bởi vì người dân không có quyền góp ý và báo chí không được phép phê bình.

Chủ trương của Mỹ trước viễn cảnh Trung Cộng đổ: một chính sách hai phương cách (dual-track policy)

Vì có nhiều ẩn số chưa giải đáp nên không ai có thể có một câu trả lời dứt khoát Trung Cộng sẽ chuyển hóa qua tự do dân chủ trong hòa bình hay sẽ trở thành một hay nhiều nước tự do sau một cuộc chiến tranh đẫm máu. Để đáp ứng cả hai tình huống, Mỹ áp dụng một chính sách hai phương cách (dual-track policy) đối với Trung Cộng.

Giáo sư Aaron L. Friedberg, thuộc đại học Princeton, nguyên Phụ tá An ninh Quốc gia tại văn phòng Phó Tổng Thống Dick Cheney

vào năm 2005, giải thích chính sách này gồm hai mặt: vừa hợp tác xuyên qua ngoại giao, mậu dịch, khoa học kỹ thuật và văn hóa giáo dục nhưng đồng thời cũng tăng cường quân sự để đáp ứng với sự gia tăng quân sự của Trung Cộng trong vùng Đông Á qua các hợp tác quân sự với Úc, Nhật, Nam Hàn và Philippines.

Khả năng tốt đẹp nhất cho Hoa Kỳ và nhân loại là thông qua mậu dịch và hợp tác, Hoa Kỳ sẽ thúc đẩy Trung Cộng từng bước chuyển hóa sang xã hội tự do. Tuy nhiên, sau mấy chục năm theo đuổi từ Nixon đến Obama, mục đích giải phóng chính trị trong hòa bình cho Trung Cộng ngày càng xa thêm.

Sự thất bại của chủ trương một chính sách hai phương cách (*dual-track policy*)

Chủ trương chính sách hai phương cách (*dual-track policy*) với Trung Cộng đã chứng tỏ không thành công. Mặc dù không công khai tuyên bố, mục đích của Trung Cộng là làm bá chủ biển Đông, và điều đó đi ngược lại quyền lợi tối quan trọng của Hoa Kỳ và đồng minh tại Á Châu.

Về mặt đối nội, cải cách chính trị sẽ diễn ra tại Trung Cộng trước mắt cũng như lâu dài. Kinh nghiệm đổi mới tại Liên Xô trước năm 1991 cho lãnh đạo CSTQ biết đổi mới quá đà sẽ dẫn đến những phản ứng xã hội ngoài tầm kiểm soát của đảng.

Về mặt bang giao quốc tế, Trung Cộng không hành xử với tư cách một cường quốc có trách nhiệm, cụ thể qua việc Bắc Hàn thử nghiệm hỏa tiễn tầm xa và việc Iran thí nghiệm nguyên tử. Ngoài ra, trong lúc Hoa Kỳ cắt giảm ngân sách quốc phòng, Trung Cộng lại gia tăng với mục đích nắm phần ưu thế, ít nhất tại vùng Đông Á Châu. Lãnh đạo Trung Cộng mặc dù mạnh về kinh tế nhưng luôn sống trong nỗi bất an bị Mỹ bao vây và lật đổ.

Cách mạng bạo động

Lịch sử Trung Quốc cho thấy rất ít khi một biến cố chính trị diễn ra trong êm đẹp. Khả năng rất thấp cho một cuộc cách mạng nhưng, cách mạng da cam, hoa lài diễn ra tại Trung Cộng. Cách mạng tại Trung Cộng sẽ là cách mạng máu. Vũ khí của giới cầm quyền dù có hiện đại bao nhiêu cũng không thể ngăn chặn được sức mạnh của toàn dân khi họ đã quyết tâm đứng dậy.

Một yếu tố mà lãnh đạo Trung Cộng không dự đoán được là sự phẫn uất bùng nổ của 1.4 tỉ dân. “Năm nọc độc” như bộ máy tuyên truyền Trung Cộng gọi gồm Đài Loan, Tây Tạng ly khai, thiểu số Uighurs, Falun Gong, các nhà tranh đấu dân chủ, trong đó bốn “nọc độc” nằm ngay trong lục địa và sẽ trở thành lực lượng quyết định số phận của đảng CSTQ.

Mặc dù phong trào CS trên phạm vi thế giới không còn tồn tại, sự cách ngăn về ý thức hệ giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng quá lớn để đặt qua một bên bởi vì ý thức hệ ảnh hưởng đến sự tin tưởng giữa hai chính quyền. Điều rõ ràng rằng nếu Trung Cộng là một quốc gia dân chủ, sự xung đột quyền lợi sẽ không trầm trọng như xung đột giữa Hoa Kỳ dân chủ tự do và Trung Quốc độc tài CS. Khi cách mạng bùng nổ, Hoa Kỳ và Tây Phương, vì lợi ích kinh tế chính trị, sẽ ủng hộ các lực lượng dân chủ.

Phản ứng của lãnh đạo Trung Cộng trước thời điểm đổ

Sinh mạng của chế độ CSTQ gắn liền với phát triển kinh tế. Từ 1980 đến 2011 nền kinh tế Trung Cộng tăng trưởng trung bình 10 phần trăm mỗi năm. Mức phát triển đó không bao giờ trở lại. Nhà phân tích Bob David của tờ *The Wall Street Journal* nhận định trong mười năm tới kinh tế Trung Cộng chỉ phát triển từ 3.9 phần trăm. Một số nhà phân tích khác bi quan hơn khi cho rằng kinh tế Trung Cộng chỉ tăng 1.6 đến 1.7 phần trăm. Mức phát triển đó là

một mức chậm tại các nước kỹ nghệ nhưng là một tai họa nếu xảy ra tại Trung Cộng.

Điều gì sẽ xảy ra? Trung Cộng theo lý thuyết buộc sẽ giảm cường độ các xung đột và tranh chấp với các nước láng giềng để tập trung giải quyết các vấn đề nội bộ. Tuy nhiên, theo Andy Morimoto phân tích trong *Can China Fall Peacefully?* đăng trong *The National Interest* ngày 19 tháng 11, 2014, lúc đó Trung Cộng sẽ phát động chiến tranh để hợp thức hóa vai trò lãnh đạo của đảng CS.

Bằng chứng, trong thập niên 1950, Trung Cộng, thay vì tập trung tái thiết kinh tế sau cuộc chiến tranh dài, đã phát động chiến tranh Triều Tiên để củng cố vai trò của đảng. “Sự xúi giục của nước ngoài” thường là bình phong để thanh trừng nội bộ đảng. Edward Wong, sử gia về Trung Quốc, trên *The New York Times* ngày 11 tháng 11, 2014 trong bình luận *In New China, ‘Hostile’ West Is Still Derided*, Tập Cận Bình trong khi trải thảm đỏ chào đón TT Hoa Kỳ Barack Obama, cùng lúc đã ca ngợi blogger Zhou Xiaoping như có “tinh thần tích cực” vì blogger này đã viết bài chống Mỹ.

Cũng theo Andy Morimoto, làm việc tại Hội Đồng Chicago Về Các Vấn Đề Thế Giới, “viễn ảnh hòa bình tại Á Châu không nhiều hứa hẹn” và ông đề nghị chính phủ Hoa Kỳ thay vì dùng hai phương cách nên tập trung vào việc tăng cường quân sự tại Á Châu bởi vì tiên đoán hợp lý nhất vẫn là chiến tranh sẽ bùng nổ trong tương lai.

Lối thoát của Việt Nam

Để giới hạn hay giảm nhẹ mức ảnh hưởng của chiến tranh, chọn lựa duy nhất của Việt Nam là phải thoát ra khỏi quỹ đạo Trung Cộng trước khi Trung Cộng đổ. Không có cánh cửa nào khác hơn là dân chủ. Tuy nhiên lãnh đạo CS Việt Nam không có khả năng

đưa đất nước ra khỏi quỹ đạo Trung Cộng bằng con đường dân chủ.

Stalin, trong buổi họp với Mao và Hồ Chí Minh tại Moscow giữa tháng Giêng 1950, đã phó thác sinh mạng CSVN vào tay Trung Cộng.

Từ đó, CSVN hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Cộng không chỉ phương tiện chiến tranh, kinh tế, quốc phòng, hệ ý thức, cơ sở lý luận mà cả cách nói, cách ăn, cách mặc. Đọc các tài liệu quốc tế trong thời kỳ chống Pháp để thấy Mao gần như đơn phương quyết định mọi hoạt động quân sự của Việt Minh kể cả việc chọn ngày, chọn tháng cần phải chiếm cho được Điện Biên Phủ. Máu xương của bao thanh niên Việt Nam đổ xuống trong chiến tranh chống Pháp trong hàng ngũ Việt Minh có thể phát xuất từ lòng yêu nước chân thành nhưng đã bị CSVN và CS quốc tế lợi dụng từng nắm xương, từng giọt máu.

Và hôm nay, Trung Cộng là mảnh ván duy nhất còn lại để lãnh đạo CSVN bám vào. Dù thỉnh thoảng vẫn giả giọng hát bài ca yêu nước, thương dân, lãnh đạo CS biết không có mảnh ván Trung Cộng, chế độ CSVN sẽ chìm. Chọn lựa duy nhất cho một Việt Nam dân chủ vẫn thuộc về các thành phần Việt Nam yêu nước và không Cộng Sản.

Bài học Latvia độc lập dân chủ trước khi Liên Xô đổ

Latvia là quốc gia nhỏ, hiện theo thể chế Cộng Hòa vùng Baltic, thủ đô Riga, có dân số thống kê năm 2010 là 2 triệu người, có chung biên giới với Estonia, Lithuania, Belarus và Nga. Latvia độc lập năm 1918, nhưng bị Liên Xô chiếm năm 1940, bị Đức Quốc Xã chiếm năm 1941, bị Liên Xô chiếm lần nữa năm 1944 và sau đó trở thành nước CS trong hệ thống Liên Xô mãi cho đến khi chính thức độc lập năm 1991. Trước khủng hoảng kinh tế thế giới 2008, Latvia

là quốc gia có mức phát triển kinh tế nhanh nhất Châu Âu. GDP trên đầu người năm 2013 của Latvia là 15,375 Mỹ kim Hiện nay, Latvia hội viên của NATO, Liên Hiệp Châu Âu (EU), WTO, UN, IMF và nhiều tổ chức quốc tế khác.

Bằng việc chấp nhận Tuyên Bố về Tái Lập Nền Độc Lập của Cộng Hòa Latvia (The Declaration on Restoration of Independence of the Republic of Latvia), Latvia chính thức thoát ra khỏi quỹ đạo Liên Xô ngày 4 tháng 5 năm 1990, hơn một năm rưỡi trước khi Liên Xô đổ.

Lãnh đạo của nền cộng hòa Latvia khẳng định họ không phải là một nước cộng hòa tân lập mà kế tục chế độ cộng hòa được thành lập từ 1918. Mặc dù đại đa số thành viên bỏ phiếu hay chấp nhận bản tuyên bố chưa sinh ra trong giai đoạn lịch sử 71 năm trước đó, họ biết rằng lịch sử Latvia là một dòng sông, có lúc êm đềm, có khi ghềnh thác nhưng liên tục chảy. Giọt nước Latvia của thời điểm 1990 đã bắt đầu từ thượng nguồn Latvia năm 1918 đầy hy sinh gian khổ qua tay Hitler và Stalin, hai lãnh tụ độc tài tàn ác nhất trong lịch sử loài người.

Mặc dù hiện nay Latvia có nhiều đảng, tổ chức chính trị nhưng trong thời điểm 1990, các lãnh đạo phong trào dân chủ Latvia theo đuổi các mục tiêu hết sức cụ thể và sáng suốt:

(1). Tập trung mọi thành phần dân tộc dưới một mặt trận duy nhất là Phong Trào Dân Tộc Latvia (Latvian People's Front) nhằm theo đuổi chỉ một mục tiêu là loại bỏ chế độ CS tại Latvia và thoát khỏi quỹ đạo Moscow.

(2). Kế tục nền Cộng Hòa đã ra đời năm 1918 thay vì thành lập quốc gia mới.

(3). Dứt khoát đứng về phía Tây Phương dân chủ ngay từ ngày đầu tuyên bố độc lập để sau đó được trở thành hội viên của Liên

Hiệp Âu Châu (European Union) và thành viên của NATO.

(4). Vận dụng nhưng không bị gạt gắm trước mọi cải tổ kinh tế chính trị của Mikhail Gorbachev.

(5). Từ chối đề nghị của Boris Yeltsin tham gia vào Khối Thịnh Vượng chung cùng với 11 quốc gia cựu Liên Xô trong hội nghị tại Kazakhstan để rồi khối này bị cuốn vào vòng kiểm soát của Nga cho đến hôm nay.

Trong số 138 đại biểu bỏ phiếu chấp thuận bản Tuyên Bố về Tái Lập Nền Độc Lập của Cộng Hòa Latvia buổi sáng ngày 3 tháng 5 năm 1990, không phải tất cả đều có một quá khứ giống nhau nhưng cùng chia sẻ một ước vọng tương lai tươi đẹp cho dân tộc họ. Dân số Latvia chỉ vỏn vẹn 2 triệu người nhưng đã thắng Liên Xô hùng mạnh gấp ngàn lần hơn bởi vì không có sức mạnh nào mạnh hơn sức mạnh của đoàn kết dân tộc.

Mọi chế độ chà đạp lên quyền con người sớm hay muộn đều phải đổ. Ismail Enver Pasha của Ottoman, Hitler của Đức Quốc Xã, Lenin, Stalin và các lãnh đạo CS Liên Xô, Mengistu Haile Mariam của Ethiopia v.v... đã đổ, các quốc gia toàn trị còn lại như Trung Cộng, CSVN rồi cũng sẽ phải đổ. Một người yêu nước, khôn ngoan, thức thời là người biết chọn một chỗ đứng, một hướng đi về phía dân tộc để tranh đấu và nếu cần để chết vì tương lai tự do, dân chủ và thịnh vượng cho con cháu mai sau.

Tham khảo:

- Kuisong, Y. (2002). *Changes in Mao Zedong's Attitude toward the Indochina War, 1949-1973*. Woodrow Wilson International Center for Scholars.
- Chang, J., Halliday, J. (2006, November 14). *Mao: The Unknown Story*.

Anchor Books.

- Chang, G. (2001, July 31). *The Coming Collapse of China*. Random House.
- Stratfor's Top Predictions for the next decade: China Collapse, Global Labor Shortages, New American Dominance. (2010).
<http://www.businessinsider.com/stratfor-predictions-for-the-next-decade-2010-1>
- Aging in the U.S. and Other Countries, 2010 to 2050. (2014)
<http://www.pewglobal.org/2014/01/30/chapter-2-aging-in-the-u-s-and-other-countries-2010-to-2050/>
- Shambaugh, D. (2014, October 1). China at the Crossroads: Ten Major Reform Challenges. <http://www.brookings.edu/research/papers/2014/10/01-china-crossroads-reform-challenges-shambaugh>
- Pollution in China. https://en.wikipedia.org/wiki/Pollution_in_China
- Metz, S. (2014, April 23). U.S. Military Must Prepare for China's Rise - and Fall. World Politics Review.
<http://www.worldpoliticsreview.com/articles/13724/u-s-military-must-prepare-for-china-s-rise-and-fall>
- Friedberg, A. (2012, October). Bucking Beijing: An Alternative U.S. China Policy. <https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2012-08-18/bucking-beijing>
- Chinese Military. The Lowy Institute.
<http://www.loyyinstitute.org/issues/chinese-military>
- Wong, E. (2014, November 11). In New China, 'Hostile' West Is Still Derided. <http://www.nytimes.com/2014/11/12/world/asia/china-turns-up-the-rhetoric-against-the-west.html>
- List of countries by military expenditures.
http://en.wikipedia.org/wiki/List_of_countries_by_military_expenditures
- *How Democracy is Latvia*, Commission of Strategic Analysis. (2005) Latvijas Universitate.
- On the Restoration of Independence of the Republic of Latvia.
http://en.wikipedia.org/wiki/On_the_Restoration_of_Independence_of_the_Rpublic_of_Latvia

- Latvia 1990-2010 Twenty years of Independence.

<http://latvianhistory.com/2010/05/05/latvia-the-20-years-of-indep/>

NGÀY CUỐI CÙNG CÙNG CỦA CHẾ ĐỘ CS LIÊN XÔ

“*Merry Christmas!*” Một viên chức trong đoàn tùy tùng của Tổng Bí Thư Mikhail Gorbachev chào Ted Koppel và nhóm phóng viên của hãng tin ABC đang đứng chờ trước bậc thềm điện Kremlin. Ted Koppel chào lại nhưng anh chàng Rick Kaplan, phụ tá của Ted Koppel, phản đối, “*Với tôi anh phải chúc là Happy Hanukkah mới phải.*” Rick Kaplan nói thế chỉ vì anh ta gốc Do Thái. Viên chức Liên Xô không hiểu Hanukkah nghĩa là gì và tưởng là Honecker nên hỏi ngược, “*Tại sao tôi phải chào Happy Honecker chứ nhỉ?*”

Thật ra, thắc mắc của viên chức Liên Xô không phải là không có lý do. Ngày 25 tháng 12, 1991 không chỉ là ngày cuối cùng của hệ thống CS Liên Xô mà có thể cũng là ngày cuối của Erich Honecker nữa. Tên lãnh tụ CS Đông Đức này bị truy tố tại Đức và được Gorbachev cho phép tỵ nạn chính trị tại Liên Xô. Erich Honecker sợ bị Boris Yeltsin tổng cổ về Đức nên hôm qua đã chạy sang tòa đại sứ Chile ở Moscow xin tỵ nạn. Báo chí loan tin sáng hôm đó Erich Honecker vừa xin tỵ nạn chính trị lần nữa nên viên chức trong đoàn tùy tùng Gorbachev liên tưởng đến y khi nghe “*Happy*

Hanukkah.”

Ngày 25 tháng 12 là ngày nhiều tỉ tín đồ Thiên Chúa Giáo trên thế giới kỷ niệm ngày Chúa Jesus giáng trần nhưng tại Moscow, ngày 25 tháng 12, 1991 là ngày chính thức cáo chung của chế độ Cộng Sản. Thật khó tin nhưng đang diễn ra trước mắt nhân loại. Ngày cuối cùng của chế độ CS Liên Xô được tường thuật theo từng giờ trong tác phẩm *Moscow, December 25, 1991, the last day of Soviet Union* của Conor O’Clery mà người viết tham khảo.

Tối ngày 24

Thời tiết Moscow lạnh xuống gần 0 độ F. Những lớp tuyết dày trên dưới chân tường điện Kremlin là dấu vết của cơn bão tuyết ba ngày trước. Nửa đêm 24 tháng 12, một đoàn hành hương đến cầu kinh dưới chân tháp Thánh Nicholas. Từ khi chính sách Glasnost ra đời, việc tiếp xúc tôn giáo có phần cởi mở. Nhiều đoàn hành hương có cơ hội đến thăm viếng các nhà thờ lớn ở Liên Xô. Phần đông người trong đoàn đến từ Hoa Kỳ. Dù Giáng Sinh theo lịch Julian do Giáo Hội Chính Thống Giáo Nga dùng là ngày 7 tháng Giêng, những người hành hương này muốn đón Giáng Sinh theo lịch Mỹ ở Moscow. Những ngọn đèn cây được thắp lên trong đêm đông tại quốc gia CS hàng đầu thế giới. Những người hành hương không biết một cách chi tiết những gì sắp xảy ra trên đất nước này trong vài giờ nữa.

Sáng sớm ngày 25

Mikhail Sergeyevich Gorbachev, Tổng Bí Thư đảng CS kiêm Chủ tịch Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết thức dậy sớm. Ông ta ý thức ngay rằng, tất cả những gì ông sắp sửa làm từ bữa ăn sáng do đầu bếp Shura phục vụ và cả biệt điện nguy nga mà vợ chồng ông ta nghĩ trước đó sẽ ở cho đến chết đều sẽ là lần cuối. Chiếc xe đặc biệt ZIL-41047 chờ ông. Hai viên đại tá có khuôn mặt lạnh như tiền

ngồi trên chiếc Volga theo sau xe của Gorbachev. Họ không phải là cận vệ nhưng là người mang chiếc cặp trong đó chứa các thông tin tuyệt mật để phát động chiến tranh nguyên tử. Hai đại tá này biết chiều tối nay họ sẽ chào từ biệt Mikhail Gorbachev để phục vụ lãnh đạo Cộng Hòa Nga Boris Yeltsin.

Mikhail Sergeyevich Gorbachev được thế giới ca ngợi như là người đã thổi vào không khí chính trị Liên Xô làn gió mới và được trao tặng giải Nobel Hòa Bình 1990 nhưng trong nước dân chúng đổ hết công phần lên ông ta. Tên Gorbachev đồng nghĩa với suy thoái, thất nghiệp, vật giá leo thang, tem phiếu. Người dân thường dĩ nhiên vội biết và cũng không cần biết, Gorbachev là lãnh đạo CS thứ bảy từ Lenin và cũng là người kế thừa một gia sản lạc hậu, ung thối từ trong máu của chế độ.

Nhiều câu chuyện cười ở Moscow về thái độ bất mãn của người dân đối với Gorbachev. Ví dụ, trong một tiệm rượu, một người khách đứng dậy bỏ đi, các bạn anh ta hỏi đi đâu, anh chàng đáp đi giết Gorbachev chứ đi đâu, anh ta mở cửa ra đi thật nhưng trở lại ngay, bạn bè hỏi sao giết Gorbachev mà nhanh thế, anh chàng đáp không giết được vì phải sắp hàng dài quá.

9 giờ sáng ngày 25

Mikhail Gorbachev và đoàn tùy tùng đến dinh chủ tịch ở điện Kremlin hơi trễ hơn thường lệ chút ít. Hãng tin Mỹ ABC gồm Ted Koppel và Rick Kaplan có mặt ngay tại chỗ dừng xe. Họ được Gorbachev cho phép tường thuật biến cố lịch sử này. Theo lời kể lại của Ted Koppel, Gorbachev rất trầm tĩnh. Nhân viên làm việc trong điện Kremlin vẫn tới đủ nhưng không có việc nào làm khác hơn là dọn dẹp. Thời khóa biểu tiếp khách trước đây được tính từng phút, hôm đó trống không. Mặc dù theo thỏa thuận, Gorbachev có đến cuối năm để dời ra khỏi điện nhưng thực tế Yeltsin đã tóm thu hết quyền hành và các phương tiện thông tin.

Đơn vị phòng vệ điện Kremlin vẫn túc trực nhưng không đặt dưới quyền chỉ huy của Gorbachev mà trực thuộc thẳng Yeltsin. Chiếc điện thoại màu trắng trên bàn làm việc của Gorbachev còn hoạt động nhưng không ai gọi vào.

10 giờ sáng ngày 25

Trong lúc điện Kremlin chìm trong im lặng, Tòa Nhà Trắng Nga lại sôi nổi với hàng loạt chương trình hoạt động trong ngày mới của nền Cộng Hòa. Tòa nhà quốc hội Nga này là biểu tượng của trận chiến chống chế độ toàn trị khi Yeltsin đứng trên xe tăng thách thức đám lãnh đạo CS cực đoan hồi tháng Tám trước đó. Boris Yeltsin lãnh đạo Nga đến văn phòng làm việc. Ông lên văn phòng đặt trên tầng thứ năm bằng cầu thang riêng phía sau. Trên bàn làm việc hàng loạt sắc lệnh chờ ông ký. Một chế độ hình thành bằng máu, dao búa và súng đạn đang được giải thể bằng sắc lệnh. Một trong những sắc lệnh ông phải ký hôm nay là giải tán cơ quan KGB và thay bằng Federalnaya Sluzhba Bezopasnosti gọi tắt là FSB tức Cơ Quan An Ninh Liên Bang Nga. Không chỉ trong ngành an ninh, mật vụ mà cả sắc lệnh về các hí viện, nhạc viện, các viện hàn lâm, trường đại học, viện bảo tàng v.v... từ nay đều trực thuộc Cộng Hòa Nga.

Các cơ quan ngoại giao quốc tế cũng vậy. Bộ trưởng Ngoại Giao Eduard Shevardnadze nổi tiếng thời Gorbachev bị trục xuất ra khỏi nhiệm sở và thay bằng Bộ trưởng Ngoại Giao Nga Andrey Kozyrev. Tại tất cả nhiệm sở ngoại giao khắp các múi giờ trên toàn thế giới, cờ Liên Xô bị hạ xuống và cờ Cộng Hòa Nga ba màu được kéo lên. Nhiều đại sứ vội vã đánh điện cho Yeltsin tuyên bố trung thành. Tòa đại sứ lớn nhất của Liên Xô là tòa đại sứ tại Washington DC với hơn 300 nhân viên thuộc nhiều sắc tộc. Các nhân viên chia thành nhiều nhóm theo sắc dân và tự tuyên bố họ là đại diện cho cộng hòa của họ tại Hoa Kỳ.

Gần 11 giờ sáng Tổng thống Nga Boris Yeltsin qua phòng họp quốc hội Nga ở lầu 1. Tổng cộng 252 đại biểu quốc hội đang tập trung để chứng kiến ngày lịch sử. Nhân dịp này, Boris Yeltsin thông báo tin vui rằng 11 quốc gia cựu Liên Xô trong phiên họp tại Kazakhstan đã đồng ý thành lập Khối Thịnh Vượng chung.

12 giờ trưa ngày 25

Mikhail Gorbachev ăn trưa xong. Phía sau phòng ăn có một phòng nhỏ bỏ trống. Tổng bí thư CS Liên Xô vào, đóng cửa lại và nằm nghỉ. Các phụ tá của ông hốt hải đi tìm. Gorbachev phải có mặt để ký thư từ biệt gửi các lãnh đạo thế giới mà ông có quan hệ tốt. Một danh sách khá dài từ Tổng thống Hoa Kỳ George H. W. Bush cho đến Thủ tướng Anh John Major và cả các ông hoàng như Vua Juan Carlos và Nữ Hoàng Sofia của Spain.

Bài bình luận trên báo Nga buổi sáng hôm đó chẳng tốt lành gì cho lãnh tụ CS Mikhail Gorbachev. Tờ Rossiyskaya Gazeta tiết lộ các cam kết mật Yeltsin dành cho Gorbachev khi về hưu bao gồm số phụ cấp bằng với mức lương hiện nay của ông ta có điều chỉnh theo mức lạm phát, hai chiếc xe riêng và một đoàn tùy tùng 20 người kể cả tài xế và an ninh. Đây là thỏa thuận kín giữa Gorbachev và Yeltsin nhưng đã bị cánh Yeltsin tiết lộ cho báo chí biết. Các báo còn cho rằng Gorbachev đòi hỏi một đoàn phục vụ lên đến 200 người. Thật ra, theo Chernyaev, phụ tá của Gorbachev, ông ta chưa bao giờ đòi hỏi một số lượng nhân viên phục vụ đông như thế. Phe Yeltsin chỉ bịa ra để làm nhục Gorbachev.

4 giờ chiều ngày 25

Gorbachev và phụ tá Andrei Grachev xem lại diễn văn mà 4 giờ nữa ông sẽ đọc và quyết định thay chữ “tù chức” bằng chữ “ngưng các hoạt động” trong chúc vụ chủ tịch Liên Bang Xô Viết. Diễn văn được sửa tới sửa lui nhiều lần chung quanh các điểm xung khắc

giữa Yeltsin và Gorbachev.

Cũng trong buổi chiều cuối cùng này, Gorbachev gọi điện thoại chào từ giã tổng thống Hoa Kỳ George H. W. Bush. Buổi điện đàm được truyền hình ABC thu. Gorbachev mở đầu trước bằng gọi một cách thân mật “*George thân mến, chúc mừng Giáng Sinh đến anh và Barbara!*” và nói tiếp “*George, tôi muốn báo anh biết một tin quan trọng. Trước mặt tôi là diễn văn từ nhiệm. Tôi sẽ rời khỏi chức vụ tổng tư lệnh và chuyển giao quyền sử dụng vũ khí nguyên tử sang tổng thống Liên Bang Nga.*” Buổi điện đàm diễn ra trong không khí rất thân mật và tổng thống Hoa Kỳ mời Gorbachev viếng thăm Hoa Kỳ lần nữa. Cả hai đều tránh nhắc tới tên Yeltsin.

Trời đã về chiều. Gorbachev và hai phụ tá thân cận nhất của ông ngồi quanh nhau bên ly cà phê cuối cùng. Cả ba đồng ý, sau khi đọc diễn văn, Gorbachev sẽ ký quyết định từ nhiệm thay vì ký trước như dự tính.

Trong lúc nhấp cà phê, câu chuyện về số phận Nicolae Ceausescu của Romania được nhắc đến. Mặc dù Gorbachev ví Ceausescu như là Hitler của Romania, cả hai đã duy trì một quan hệ lãnh đạo các quốc gia trong khối CS. Chỉ ba tuần trước khi vợ chồng Nicolae Ceausescu bị xử bắn, Gorbachev đã tiếp y tại điện Kremlin. Trong dịp đó Gorbachev khuyên Ceausescu đừng ngại thực hiện các cải cách dân chủ và tiên đoán “*đồng chí sẽ còn sống trong dịp hội nghị các lãnh đạo CS Liên Xô và Đông Âu*” tổ chức ngày 9 tháng Giêng, 1991. Ngày đó không bao giờ đến và Nicolae Ceausescu cũng đã chết rồi.

7 giờ tối ngày 25

“*Kính thưa toàn thể nhân dân,*” giọng Mikhail Gorbachev hơi lạc đi vì xúc động, gò má ông rung lên. Trong chốc lát, ông lấy lại bình tĩnh và đọc tiếp “*Số phận đã quyết định rằng, khi tôi trở nên lãnh*

đạo đất nước, hiển nhiên đã có những sai trái trầm trọng trong quốc gia này. Chúng ta có đầy đủ mọi thứ, đất đai, dầu khí, tài nguyên thiên nhiên và Tạo Hóa đã ban cho chúng ta trí tuệ và tài năng – Tuy nhiên, mức sống của chúng ta tệ hại hơn nhiều so với các quốc gia kỹ nghệ khác và khoảng cách mỗi ngày rộng thêm. Lý do rõ ràng vì xã hội bị bóp ngạt trong tay của một hệ thống quan quyền được tạo ra để phục vụ một ý thức hệ, và phải chịu gánh nặng chạy đua vũ trang, căng thẳng tột cùng. Tất cả cố gắng để thực hiện các cải cách nửa vời đều lần lượt dẫn đến thất bại. Đất nước không còn hy vọng gì nữa.”

Gorbachev tiếp tục nói về các cải cách ông thực thi từ 1985, dù sao, đã là những viên gạch cần thiết lót lên con đường dẫn đến chế độ dân chủ và theo ông “*xã hội đã đạt được tự do, tự do về chính trị và tự do về tinh thần.*” Gorbachev chấm dứt diễn văn lúc 7:12 phút tối. Ông nhìn lên ống kính truyền hình và thêm vào câu nữa “*Chúc quý vị mọi điều tốt đẹp.*”

Tại sao Liên Xô sụp đổ?

Các lý do làm Liên Xô sụp đổ là nguồn thúc đẩy sự nghiên cứu của nhiều sử gia, nhà nghiên cứu, nhà phân tích và vẫn còn đang được nghiên cứu, phân tích. Tuy nhiên, như nhiều người đồng ý, nguyên nhân sâu xa vẫn là (1) những mâu thuẫn có tính triệt tiêu trong bản chất của chế độ CS độc tài toàn trị, (2) sự chuyển hóa không ngừng của xã hội và (3) các nguyên nhân trực tiếp gồm tình trạng tham nhũng thối nát, chạy đua vũ trang và trung ương không giữ được địa phương.

Mâu thuẫn có tính triệt tiêu của chế độ CS

Nếu chỉ nhìn từ bên ngoài, chế độ CS Liên Xô không thể nào sụp đổ. Sau Thế Chiến thứ Hai, Liên Xô có một đạo quân khổng lồ gồm 500 sư đoàn trong đó có 50 sư đoàn thiết giáp. Trong thời kỳ

Chiến tranh Lạnh với Mỹ và Tây phương, Liên Xô duy trì một đạo quân từ 3 triệu người đến 5 triệu người. Khoảng thời gian Liên Xô sụp đổ, Liên Xô có 210 sư đoàn với một phần tư là các sư đoàn thiết giáp. Kho vũ khí hạt nhân Liên Xô có 27 ngàn đầu đạn nguyên tử trong đó 11 ngàn đầu đạn có tầm bắn xa đến tận nước Mỹ. Mỗi đầu đạn nguyên tử có thể tàn phá một thành phố của Mỹ.

Bên ngoài hùng mạnh nhưng bên trong, Liên Xô là một cơ chế chính trị chứa đựng các mâu thuẫn nội tại dẫn đến thối rữa. Chủ nghĩa Marx-Lenin đề cao “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” nhưng thật sự từ Cách mạng CS tại Nga, Trung Cộng, Cu Ba, Bắc Hàn, Việt Nam v.v... đều phát xuất từ một nhóm nhỏ cán bộ CS biết vận dụng các lý do lịch sử và bất đồng nhất thời trong xã hội để phát động chiến tranh và sau đó tiếp tục cai trị nhân dân bằng súng đạn, nhà tù, sân bắn. Người dân không có quyền chọn lựa. Mâu thuẫn đối kháng mang tính triệt tiêu nhau giữa chế độ độc tài toàn trị và quyền sống, quyền tự do chọn lựa của con người vì thế đã bắt đầu ngay khi cách mạng CS thành công và sâu sắc dần theo thời gian.

Sự chuyển hóa tri thức xã hội

Như người viết đã có dịp phân tích bài *Trung Cộng không đáng sợ*, sự chuyển hóa tri thức của xã hội là nguồn lực chính thúc đẩy cách mạng dân chủ tại các quốc gia CS. Nguồn lực đó nhanh hay chậm tùy theo điều kiện mỗi nước nhưng là một tiến trình không thể bị ngăn chặn bởi bất cứ một cơ chế độc tài nào. Những nguồn đối kháng từ bên trong các nước CS đã âm thầm lớn mạnh chỉ chờ cơ hội là bùng vỡ. Sức sống của đất nước cũng như của xã hội là một dòng chảy không bao giờ ngừng nghỉ, các thế lực cầm quyền độc tài chỉ là những khe đá, có thể làm chậm dòng thác văn minh nhưng không thể nào ngăn chặn được.

Khi nhận thức con người được mở rộng, sự sợ hãi sẽ giảm dần. Điều này thể hiện không chỉ ở người dân Liên Xô lúc đó mà cả các cấp lãnh đạo CS Liên Xô cũng không còn sợ các biện pháp chế tài của trung ương đảng. Chưa bao giờ trong lịch sử đảng CS Liên Xô có một ủy viên bộ chính trị từ chức. Không cần phải tìm hiểu cũng biết điều gì sẽ xảy ra cho Boris Yeltsin nếu ông ta từ chức trong thời kỳ Lenin, Stalin.

Yếu tố chính tác động vào sự sụp đổ của Liên Xô, hệ thống CS tại châu Âu và sẽ diễn ra tại Trung Cộng cũng như Việt Nam chính là nội lực phát xuất từ xã hội, kết quả của các phong trào xã hội và sự chuyển hóa không ngừng của xã hội. Các quốc gia CS còn lại như Trung Cộng, Việt Nam tìm mọi cách để ngăn chặn sự phát triển tự nhiên của văn minh con người, cố tình che đậy, bưng bít thông tin nhưng chỉ làm chậm lại tiến trình cách mạng dân chủ một thời gian ngắn mà thôi. Cuộc chiến tranh xói mòn từng mảnh nhỏ này đang diễn ra từng giờ, từng phút và phần thắng đang nghiêng dần về phía người dân.

Tham nhũng thối nát, chạy đua vũ trang và trung ương không giữ được địa phương

Thập niên 1970 Liên Xô có vẻ trong vị trí ổn định và có ảnh hưởng quốc tế nhất. Vị trí của Liên Xô lên cao tại Phi Châu, Trung Đông và Á Châu. Tuy nhiên sau cuộc gặp thượng đỉnh Vladivostok giữa Leonid Brezhnev và Tổng thống Hoa Kỳ Gerald Ford tình hình bắt đầu đổi khác. Nền kinh tế Liên Xô suy sụp dần vì hơn 30%, nhiều phân tích cho rằng hơn một nửa, ngân sách quốc gia phải đổ vào cuộc chạy đua vũ trang với Mỹ. Giống như đòn kinh tế Mỹ đang áp dụng hiện nay đối với Vladimir Putin, thập niên 1980, Hoa Kỳ cũng thỏa thuận với Saudi Arabia để giữ giá dầu thấp nhằm đánh vào nền kinh tế sống nhờ xuất cảng dầu khí của Liên Xô.

Gorbachev kế thừa một “sự nghiệp cách mạng” nhưng trong thực tế một gánh nặng của chủ nghĩa độc tài toàn trị kéo dài từ 1917 cho đến tháng 3 năm 1985, thời gian ông được chọn làm tổng bí thư đảng. Cơ chế chính trị trung ương không giữ được các cộng hòa địa phương. Trước Giáng Sinh 1991 vài ngày, 11 nước cộng hòa Xô Viết gồm Ukraine, Liên Bang Nga, Belarus, Armenia, Azerbaijan, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Moldova, Turkmenistan, Tajikistan và Uzbekistan tuyên bố họ không còn là những tiểu quốc trong Liên Bang Xô Viết. Bốn nước Estonia, Lithuania, Latvia, Georgia chọn nghiêng hẳn về phía Tây Phương thay vì theo Nga.

Không có con đường nào khác dành cho các lãnh đạo CS

Chế độ CS là một chế độ đi ngược dòng phát triển văn minh nhân loại và quyền con người như Mikhail Sergeyevich Gorbachev xác nhận trong diễn văn từ chức *“hệ thống toàn trị đã ngăn chặn một quốc gia để trở nên giàu có và thịnh vượng, hệ thống đó phải bị giải thể.”* Điều đó đã xảy ra tại Nga, Đông Âu, Phi Châu và đương nhiên sẽ xảy ra tại Trung Cộng và Việt Nam. Cách mạng dân chủ là một tiến trình không thể nào đảo ngược. Các lãnh đạo CSVN chỉ có một trong hai chọn lựa, hoặc như Mikhail Gorbachev hoặc như bị lật đổ như Nicolae Ceausescu, Erich Honecker chứ không có chọn lựa thứ ba nào.

ESTONIA VÀ CÁCH MẠNG HÁT HÙNG CA

Lịch sử thế giới cận đại đã diễn ra nhiều cuộc cách mạng dân chủ đầy màu sắc: *Cách mạng Nhung* (Velvet Revolution) do Giáo sư Rita Klimova đặt tên ở Tiệp Khắc, *Cách mạng Hoa Hồng* (Rose Revolution) ở Georgia phát xuất từ những bó hoa hồng lãnh tụ đối lập Saakashvili mang đến quốc hội, *Cách mạng Cam* (Orange Revolution) tại Ukraine dựa theo màu chiến dịch tranh cử của ứng cử viên Tổng thống Viktor Yushchenko, *Cách mạng Hoa Lài* ở Tunisia đặt tên từ loại hoa quốc gia của Tunisia nhằm lật đổ nhà độc tài Zine El Abidine Ben Ali v.v...

Thế nhưng, có một cuộc cách mạng đóng vai trò tiên phong mà ít được viết về là *Cách mạng Hát hùng ca* (Singing Revolution) diễn ra tại Estonia, một quốc gia vùng Baltic, trong thời gian 1987-1988. *Cách mạng Hát hùng ca* thật sự đã dẫn đến sự sụp đổ của chế độ CS tại Estonia và chính phủ dân chủ đầu tiên được thành lập vào ngày 20 tháng 8 năm 1991.

Estonia là một nước nhỏ có diện tích 45,226 kilômét vuông, nằm bên bờ biển Baltic trong vùng Đông Bắc Âu và có một lịch sử rất

dài bắt đầu từ nhiều ngàn năm trước Công Nguyên. Dân số Estonia theo thống kê 2014 cũng chỉ 1 triệu 200 ngàn người nhưng dân tộc này đã trải qua những chặng đường lịch sử đầy bi tráng.

Vì giữ vị trí chiến lược nên suốt dòng lịch sử lãnh thổ Estonia đã là bãi chiến trường giữa các nước lớn trong vùng như Đan Mạch, Đức, Nga, Thụy Điển, Ba Lan. Estonia bị xâm lăng, chiếm đoạt và sang tay nhiều đế quốc. Đan Mạch cai trị Estonia suốt thế kỷ 13. Thế kỷ 14 Estonia trở nên một phần của Liên Bang Livonia. Thế kỷ 16 Estonia rơi vào tay Thụy Điển. Thế kỷ 17 Estonia bị nhượng cho đế quốc Nga sau chiến tranh Nga-Thụy Điển. Dù chịu đựng âm mưu đồng hóa, sang nhượng, lệ thuộc, dân tộc nhỏ nhoi vùng Baltic này vẫn không mất gốc.

Estonia độc lập

Vào thế kỷ 18, tinh thần dân tộc Estonia thức tỉnh và gần cuối Thế Chiến thứ Nhất, Estonia tuyên bố độc lập vào ngày 24 tháng 2 năm 1918.

Mười tháng sau, ngày 12 tháng 12 năm 1918 là ngày trọng đại đối với dân tộc Estonia sau nhiều thế kỷ bị xâm lăng. Hôm đó nhân dân Estonia chính thức được chào quốc kỳ ba màu xanh, đen, trắng đại diện cho Cộng Hòa Estonia và hát quốc ca “*Mu isamaa, mu õnn ja rõõm*” (Quê hương, niềm kiêu hãnh và vui mừng). Một điểm đặc biệt, quốc ca Estonia cùng giai điệu với quốc ca Phần Lan được nhạc sĩ Fredrik Pacius phổ từ bài thơ *Đất nước tôi* (*Our Land*) của nhà thơ Johan Ludvig Runeberg. Vì Estonia và Phần Lan chia sẻ nhiều yếu tố văn hóa chung nên Cộng Hòa Estonia khi thành lập 1918 cũng đã dùng bản nhạc này làm quốc ca.

Estonia dưới chế độ CS

Độc lập hòa bình không được bao lâu. Tháng 8 năm 1939, Stalin và Hitler ký thỏa ước bất can thiệp Molotov-Ribbentrop Pact với

những điều khoản bí mật trong đó Hitler đồng ý để Liên Xô chiếm Estonia cùng với Lithuania và Latvia. Sau khi hiệp ước được hai tên độc tài ký kết, Stalin đưa quân đội và xe tăng chiếm đóng Estonia. Như kết quả, quốc kỳ ba màu xanh, đen, trắng cùng với quốc ca Cộng Hòa Estonia bị nghiêm cấm. Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Estonia được dựng lên ngày 21 tháng Bảy năm 1940 và đặt dưới sự cai trị trực tiếp bởi đảng CS Estonia, một chư hầu của Liên Xô.

Hitler xé bỏ hiệp ước Molotov-Ribbentrop qua việc phát động mặt trận miền Đông tấn công Liên Xô ngày 22 tháng 6 năm 1941 và chiếm đóng Estonia từ tháng 7 năm 1941.

Cuối Thế Chiến thứ Hai, niềm hy vọng phục hồi nền độc lập vừa sáng lên một thời gian rất ngắn đã vụt tắt khi Estonia lần nữa bị Liên Xô chiếm với sự làm ngơ của Mỹ và Anh tại hội nghị Yalta. “Cờ tổ quốc” Estonia khi trở thành một tiểu quốc trong Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết được thêm một ngôi sao vàng lòng đỏ bên cạnh búa liềm có sẵn từ lá cờ dưới chế độ CS Estonia 1940.

Tại sao các nước CS đều dùng cờ nền đỏ?

Màu đỏ là màu máu của những người CS. Nền đỏ có một lịch sử khá dài từ những thành viên cánh tả trong cách mạng Pháp 1789. Trong Cách mạng Pháp 1848, nhà thơ và nhà chính trị Pháp nổi tiếng Alphonse de Lamartine chống lại việc dùng cờ đỏ vì đó là biểu tượng của bạo động đã gây ra máu đổ trong ba năm từ 1791 đến 1793. Trong cuộc nổi dậy Công Xã Paris từ 18 tháng Ba năm 1870 tới 28 tháng năm 1871, lá cờ đỏ là biểu tượng của phong trào. Các đơn vị quân tình nguyện của phe Công Xã dưới sự lãnh đạo của Louis Charles Delescluze dùng cờ nền đỏ để phân biệt với cờ ba màu của Cộng Hòa Pháp.

Từ đó về sau, nền đỏ luôn được dùng làm màu cờ đại diện cho nhà nước CS. Trung Cộng còn đi xa hơn khi đặt tên cho công ty

chế tạo xe sang của họ là Cờ Đỏ (Hong Kỳ).

Estonia hồi sinh

Trở lại với Estonia. Hai chính sách *Glasnost* (Cởi mở) và *Perestroika* (Cải tổ) do Mikhail Gorbachev giới thiệu vào năm 1985 đã tạo cơ hội cho nhân dân Estonia đứng lên đòi độc lập. Nhiều chương trình văn nghệ ngoài trời được tổ chức tại thủ đô Tallinn trong đó bài quốc ca bị cấm cũng đã được nhân dân tự động hát.

Trong cuộc biểu tình vào tháng 10, 1987 tại Voru, Estonia, quốc kỳ ba màu xanh đen trắng của Cộng Hòa Estonia lần đầu tiên xuất hiện sau 69 năm vắng bóng. Trong chương trình văn nghệ được gọi là *Các ca khúc Estonia* quy tụ một phần tư dân số Estonia tham dự, được tổ chức ngày 11 tháng Chín, 1988 và kéo dài 6 đêm liên tục. Nhiều nhạc phẩm yêu nước, trong có cả quốc ca của Cộng Hòa Estonia đã được hát. Rừng cờ Cộng Hòa Estonia ra đời 70 năm trước được giương cao. Các lãnh đạo độc lập Estonia chính thức công bố lời kêu gọi độc lập Estonia khỏi ách thống trị của Liên Xô. *Cách mạng Hát hùng ca* được phát động từ những ngày đêm lịch sử đó.

Gorbachev cố gắng xoa dịu phong trào độc lập và dân chủ Estonia bằng cách thay đổi thành phần CS lãnh đạo ngoan cố, cứng rắn bằng một thành phần lãnh đạo ôn hòa nhưng đã quá trễ, *Cách mạng Hát hùng ca* đã trở thành cơn sóng lớn đánh sụp lâu đài CS xây trên bờ cát phía đông biển Baltic.

Thời gian từ khi quốc kỳ ba màu xanh, đen, trắng của Cộng Hòa Estonia chính thức ra đời 1918 cho đến ngày lá cờ này lần nữa được phất lên ở thủ đô Tallinn đúng 70 năm. Một đời người trôi qua. Tất cả các bậc cha ông khai sáng nền Cộng Hòa và chọn lá quốc kỳ thiêng liêng đó làm đại diện đều đã chết theo tuổi già hay

chết trong các cuộc chiến tranh phục hồi lá quốc kỳ đầy hy sinh gian khổ.

Hầu hết thanh niên, sinh viên, học sinh Estonia ở tuổi hai mươi trong các cuộc biểu tình vào những năm 1987, 1988 chưa bao giờ thấy lá cờ thiêng liêng của dân tộc Estonia trước đó lần nào.

Các em sinh ra và lớn lên dưới lá cờ đỏ CS và bị nhồi sọ rằng lá cờ ba màu xanh, đen, trắng ngày xưa là sản phẩm của thực dân, đế quốc. Sinh viên học sinh Estonia được dạy chỉ có đảng CS Estonia mới là những người yêu nước và lãnh đạo chiến tranh chống phát xít Đức, còn tất cả đều theo chân phát xít và sau đó là đế quốc Mỹ, ám chỉ chính phủ Estonia lưu vong.

Nhưng dù mưa sa, bão tố suốt 70 năm, lá cờ Cộng Hòa Estonia không chìm khuất trong góc tối lãng quên của con người và lịch sử. Khát vọng độc lập tự do mà lá cờ Cộng Hòa chuyên chở như ánh mặt trời soi sáng, xua đi bóng đen dối trá và lọc lừa. Một dân tộc chỉ hơn một triệu dân đã đứng lên đương đầu với một đế quốc CS Liên Xô mạnh gấp trăm lần ngay cả trước khi Bức tường Bá Linh sụp đổ, và cuối cùng đã chiến thắng.

Chiến thắng của văn hóa và lịch sử dân tộc

Nhiều sử gia đồng ý, chiến thắng của dân tộc Estonia là chiến thắng của niềm tin sâu xa vào lịch sử và văn hóa dân tộc. Chiến thắng đó là bài học vô giá cho những quốc gia nhỏ có nền văn hóa lâu đời nhưng phải chịu đựng âm mưu đồng hóa của đế quốc cùng biên giới và chủ nghĩa CS độc tài.

Dòng lịch sử không phải chỉ chảy qua những năm tháng con người đang sống hôm nay nhưng đã bắt nguồn từ hàng ngàn năm trước và sẽ chảy cho hàng ngàn năm sau. Giống như Phạm Hồng Thái của Việt Nam, August Sabbe của Estonia cũng nhảy xuống sông tuần tiết. Không phải vì họ sợ hãi, không phải vì họ chỉ biết

căm thù, cũng không phải vì họ can đảm hơn người khác mà chỉ vì họ mang một niềm tin quá lớn vào sự trường tồn của dân tộc họ.

Tham khảo:

- Flag of Estonia http://en.wikipedia.org/wiki/Flag_of_Estonia
- Flag of the Estonian Soviet Socialist Republic from 1953 to 1990
http://en.wikipedia.org/wiki/Flag_of_the_Estonian_Soviet_Socialist_Republic
- History of Estonia
http://en.wikipedia.org/wiki/History_of_Estonia#Republic_of_Estonia
- Forest Brothers http://en.wikipedia.org/wiki/Forest_Brothers
- Red Flag http://en.wikipedia.org/wiki/Red_flag_%28politics%29
- French revolution 1848
http://en.wikipedia.org/wiki/French_Revolution_of_1848
- Alphonse de Lamartine
http://en.wikipedia.org/wiki/Alphonse_de_Lamartine
- Singing revolution http://www.singingrevolution.com/cgi-local/db_images/files/uploads/15-filename.pdf
- Movie Singing revolution <http://www.singingrevolution.com/cgi-local/content.cgi?pg=1>
- Estonian government-in-exile
http://en.wikipedia.org/wiki/Estonian_government-in-exile
- Yalta Conference http://en.wikipedia.org/wiki/Yalta_Conference

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC “PHẦN LAN HÓA” (FINLANDIZATION)

Trong bài viết *Việt Nam đối diện với việc “Phần Lan hóa” từ Trung Quốc* (Vietnam Faces ‘Finlandization’ from China) trên báo *Asia Sentinel*, cuối tháng Năm, 2014, David Brown một cựu nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ, viết: “Như vậy, trong khi Washington dường như đã sẵn sàng vẽ một lần ranh quanh Nhật Bản, Hàn Quốc và cũng có thể Singapore và eo biển Malacca, Hải quân Hoa Kỳ đang từ bỏ việc đương đầu tại một khoảng xa cách từ bờ biển Việt Nam.” Tác giả viết tiếp “Điều đó có thể được hiểu rằng, Mỹ đang dự định chấp nhận nhìn Việt Nam bị “Phần Lan hoá.”

Tháng 9 năm 2010, trong một bài viết trên tờ *The Wall Street Journal*, Andrew Krepinevich, Chủ tịch Trung tâm Định ước Chiến lược và Ngân sách (Center for Strategic and Budgetary Assessments) cảnh báo Trung Cộng đang tiến hành “Phần Lan hóa” Thái Bình Dương: “Liên Xô chưa bao giờ thành công ‘Phần Lan hóa’ Châu Âu. Nhưng sự đe dọa từ phía Trung Cộng, lộ ý định quốc gia này đang cố gắng ‘Phần Lan hóa’ Tây Thái Bình Dương. Cách phát triển quân sự của một quốc

gia mở ra cánh cửa cho thấy ý định của nó, và Trung Cộng rõ ràng đang tìm kiếm để gây hiệu quả tuần tự nhưng quyết định vào cán cân quân sự Mỹ-Trung. Mục đích của Trung Cộng là ngăn chặn Mỹ trong việc bảo vệ các quyền lợi lâu dài trong khu vực – và để lôi kéo các đồng minh dân chủ của Hoa Kỳ vào quỹ đạo của nó.”

Trong chính luận *Tranh chấp Mỹ-Trung, một cảnh giác cho lòng yêu nước* trên talawas tháng Tám, 2010, người viết cũng có bản tổng quát về trường hợp các quốc gia độn như Thổ Nhĩ Kỳ và Phần Lan. Để có thể tồn tại trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh các nước này đã phải áp dụng nhiều chiến lược đối ngoại và đối nội khác nhau. Trong lúc Thổ Nhĩ Kỳ chủ trương cứng rắn chống Liên Xô, đứng hẳn về phía Tây phương, Phần Lan chủ trương các chính sách đối ngoại và đối nội nhượng bộ Liên Xô. Người viết cũng đã phân tích chọn lựa của Thổ Nhĩ Kỳ trong chính luận *Hiểm họa Trung Cộng và bài học Thổ Nhĩ Kỳ* cách đây hai năm và lần này bàn đến trường hợp Phần Lan.

Với chủ trương bành trướng theo kiểu các Nga Hoàng của Vladimir Putin và ngọn lửa chủ nghĩa dân tộc cực đoan Đại Hán của Tập Cận Bình đang cháy rộng, khái niệm “*Phần Lan hóa*” lại lần nữa được nhắc nhở khá nhiều: “*Phần Lan hóa*” Ukraine, “*Phần Lan hóa*” Đài Loan và cả khả năng “*Phần Lan hóa*” Việt Nam.

Trước khi bàn đến việc liệu Việt Nam có thể sẽ bị “*Phần Lan hóa*” với sự thỏa thuận ngầm của Mỹ như David Brown phân tích hay thực tế đã bị “*Phần Lan hóa*” sau mật ước Thành Đô, cần tìm hiểu các điều kiện địa lý chính trị, lịch sử và quốc phòng của Phần Lan trong quan hệ với Liên Xô trước và sau Thế Chiến thứ Hai cũng như sự ra đời của khái niệm này.

“*Phần Lan hóa*” là gì?

“*Phần Lan hóa*” (Finlandization) có nghĩa “để trở nên Phần Lan” là một khái niệm chính trị để chỉ ảnh hưởng của một cường quốc trên các chính sách đối nội, đối ngoại và quốc phòng của một quốc gia láng giềng nhỏ, bị cô lập, không phải là thành viên của một liên minh quân sự và không nhận được sự bảo vệ của các cường quốc. Khái niệm vẫn còn nhiều tranh cãi, mang nặng cảm tính này bắt nguồn từ chính sách của chính phủ Phần Lan trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh từ 1947 đến 1990 để đáp ứng với thực tế chính trị và bảo vệ được chủ quyền đất nước, hay vắn tắt là để tồn tại.

Phần Lan trước Thế Chiến thứ Hai

Năm 2013 dân số Phần Lan có 5.5 triệu, tuy nhiên trong giai đoạn “*Phần Lan hóa*” trong những năm 1940 quốc gia này chỉ có khoảng 4 triệu dân, đa số sống ở các khu vực miền nam, nhiều nhất tại thủ đô Helsinki và vùng phụ cận. Vì là một nước quá nhỏ chia sẻ biên giới với các nước lớn nên Phần Lan cũng gặp nhiều lận đận. Suốt 600 năm, Phần Lan bị Thụy Điển đô hộ.

Các viên chức Thụy Điển được cử đến cai trị Phần Lan. Dù đương đầu với hiểm họa bị đồng hóa, Phần Lan vẫn giữ được bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và tiếng nói riêng. Khi phong trào cải cách tôn giáo của Martin Luther lan rộng đến Thụy Điển và Phần Lan, Tân Ước được dịch sang tiếng Phần Lan và đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân. Sau chiến tranh giữa Nga và Thụy Điển vào cuối thế kỷ 17, Nga chiếm Phần Lan.

Năm 1912, vua Nga, Alexander I nâng cấp Phần Lan từ hàng tự trị lên cấp quốc gia đặt thủ đô tại Helsinki. Cũng vào thời điểm đó tinh thần quốc gia Phần Lan, do Tiến sĩ Johan Vilhelm Snellman nuôi dưỡng, bắt đầu phát triển mạnh. Để chống lại chính sách

đồng hóa của Nga Hoàng, Johan Vilhelm Snellman kêu gọi người dân Phần Lan tuyệt đối không dùng tiếng Nga.

Cách Mạng CS Nga 1917 bùng nổ dẫn tới việc Phần Lan tuyên bố độc lập. Tuy nhiên bị ảnh hưởng chính trị Nga, cánh tả trong chính phủ Phần Lan rất mạnh và thực hiện một cuộc đảo chánh. Quân chính phủ do tướng Gustaf Mannerheim chỉ huy phản công và đánh bại quân phiến loạn.

Phần Lan chính thức trở thành nước Cộng Hòa năm 1919 với K.J. Ståhlberg là tổng thống đầu tiên. Biên giới giữa Nga và Phần Lan được công nhận theo hiệp ước biên giới Tartu ký kết năm 1920. Quan hệ giữa Phần Lan và Liên Xô rất căng thẳng, và quan hệ giữa Phần Lan và Đức cũng không tốt đẹp gì hơn.

Tháng Tám 1939, Hitler và Stalin ký thỏa hiệp không xâm phạm nhau trong đó có điều khoản Hitler đồng ý nhường Phần Lan cho Stalin. Khi Phần Lan từ chối việc cho phép Liên Xô xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Phần Lan, Stalin tấn công Phần Lan vào tháng 11 năm 1939. Chiến tranh Mùa Đông (Winter War) bùng nổ. Tuy Phần Lan thua nhưng đã gây thiệt hại trầm trọng cho phía Liên Xô. Sau Chiến tranh Mùa Đông (1939) là Chiến tranh Tiếp Tục (Continuation War, 1941-1944).

Trong thời gian này Phần Lan đứng về phía Đức và đem quân tấn công Liên Xô để chiếm lại các phần đất bị mất trong Chiến tranh Mùa Đông và nhiều phần đất khác của Liên Xô. Chính Anh Quốc cũng đã tuyên chiến với Phần Lan năm 1941. Năm 1944, Phần Lan ký hiệp ước đình chiến với Liên Xô.

Phần Lan sau Thế Chiến thứ Hai

Tại hội nghị Paris 1946, Đồng Minh ân xá cho Phần Lan và các nước đã đứng về phía phe Trục như Romania, Bulgaria, Hungary và cho phép các nước này trở thành hội viên Liên Hiệp Quốc. Phần

Lan và Liên Xô ký các hiệp ước hòa bình lần nữa vào những năm 1947 và 1948. Trong giai đoạn này Phần Lan quá yếu về khả năng quân sự so với Liên Xô nên đã buộc phải nhường vùng đất phía nam cho Liên Xô. Đứng trước sự phân cực đang hình thành trong sinh hoạt chính trị thế giới, Phần Lan đối diện với một thực tế chính trị thế giới hoàn toàn `bất lợi. Đức Quốc Xã, đối trọng với Liên Xô sụp đổ, không có đồng minh quân sự, bị cô lập về địa lý chính trị, các quốc gia trong vùng Đông Âu lần lượt trở thành chư hầu CS của Liên Xô, các quốc gia vùng Baltic như Estonia, Latvia, Lithuania đều bị sáp nhập hẳn vào Liên Xô. Ưu tiên hàng đầu của chính phủ Phần Lan, vì thế, bằng mọi giá để khỏi bị trở thành một “Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa” trong Liên Bang Xô Viết.

Quá sợ Liên Xô nuốt sống như trường hợp các nước vùng Balkan, Phần Lan lấy lòng Liên Xô bằng cách từ chối viện trợ Mỹ trong kế hoạch viện trợ kinh tế Marshall. Tuy vậy, Phần Lan ngấm ngấm thiết lập quan hệ kinh tế với Anh, Mỹ và các chính phủ Anh, Mỹ cũng tìm cách yểm trợ Phần Lan để hy vọng nuôi dưỡng chế độ dân chủ non trẻ tại quốc gia nhỏ ở Bắc Âu này. Chính sách “*Phần Lan hóa*” ra đời.

Nội dung của “*Phần Lan hóa*”:

- Về đối ngoại. Phần Lan theo đuổi một chính sách đối ngoại rất mềm dẻo, nhân nhượng, không làm mất lòng Liên Xô, trung lập. Liên Xô trong thực tế không xem Phần Lan như là một nước Trung Lập đúng nghĩa mà luôn xem quốc gia này phụ thuộc vào các chính sách đối ngoại phát xuất từ điện Kremlin. Chẳng hạn, khi đại sứ Phần Lan Max Jakobson được đề cử vào chức vụ Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Liên Xô chẳng những không ủng hộ mà còn dùng quyền phủ quyết để bác bỏ vì không muốn thấy một chính khách Phần Lan đóng vai trò quan trọng trong tổ chức chính trị thế giới.

- Về đối nội. Loại trừ các thành phần lãnh đạo quốc gia có khuynh hướng chống Liên Xô và ủng hộ các thành phần thân Liên Xô. Theo tài liệu của CIA, Liên Xô duy trì mối quan hệ mật thiết với các chính khách thân Liên Xô đứng đầu là Tổng thống Juho Kusti Paasikivi (1870-1956) và sau đó là Tổng thống Urho Kekkonen (1900-1986). Liên Xô có quyền phủ quyết các chính sách của Phần Lan và can dự vào nội bộ Phần Lan qua trung gian đảng CS Phần Lan, Liên Đoàn Dân Chủ Nhân Dân, Quốc Hội Phần Lan với đa số thuộc cánh tả.

- Về văn hóa giáo dục. Để vừa lòng Liên Xô, Phần Lan áp dụng chính sách tự kiểm duyệt, tự kiểm soát và thân Liên Xô. Chính phủ Phần Lan ngăn chặn các phương tiện truyền thông có cái nhìn tiêu cực về Liên Xô. Trên 1700 cuốn sách có nội dung chống Liên Xô trước đó bị xếp vào thể loại “sách bị cấm.” Các phim ảnh không có lợi cho Liên Xô như *The Manchurian Candidate*, *One day in the Life of Ivan Denisovich* v.v... đều không được phép chiếu.

- Về quốc phòng. *Hiệp ước Hữu Nghị Hợp Tác Phần Lan-Liên Xô* 1948 (Finno-Soviet Pact of Friendship, Cooperation and Mutual Assistance) quy định Phần Lan phải có trách nhiệm chống lại các lực lượng thù địch của Liên Xô khi các lực lượng này tấn công Liên Xô ngang qua ngả Phần Lan và nếu cần sẽ kêu gọi sự giúp đỡ quân sự của Liên Xô. Phần Lan không được liên minh quân sự với một quốc gia thứ ba. Điều này do Liên Xô đặt ra để ngăn Phần Lan gia nhập NATO giống như trường hợp Đan Mạch và Na Uy. Trước đó, trong hiệp ước ký kết giữa hai nước, Phần Lan đã nhường 10 phần trăm lãnh thổ cho Liên Xô.

Nhắc đến “*Phần Lan hóa*” không thể bỏ qua vai trò của Tổng thống Phần Lan Urho Kekkonen, người lèo lái chính sách này trong suốt 26 năm làm tổng thống. Những người phê bình Urho Kekkonen cho rằng ông ta là con cờ của Liên Xô trong khi những

người ủng hộ xem ông như là một trong những anh hùng của Phần Lan vì đã bảo vệ được chủ quyền Phần Lan trong một hoàn cảnh chính trị thế giới vô cùng khó khăn.

Công tâm mà nói, trong suốt dòng lịch sử, lãnh thổ Phần Lan là bãi chiến trường cho các tham vọng bành trướng của Thụy Điển và sau đó là Nga Hoàng. Sau Thế Chiến thứ Hai, hầu hết các quốc gia vùng Baltic và Balkan đều nằm trong quỹ đạo Liên Bang Xô Viết. Lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ của quốc gia này đều bị xóa bỏ. Ý thức được điều đó, mục tiêu hàng đầu của Kekkonen là bảo vệ chủ quyền Phần Lan, bảo vệ nền Cộng Hòa Phần Lan bằng mọi giá, không thể để Phần Lan trở thành một xứ tự trị như thời Nga Hoàng hay một “Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa” của Stalin. Mặc dù nhân nhượng Liên Xô rất nhiều trong các lãnh vực chính trị, quốc phòng Phần Lan cũng có lợi về kinh tế vì Liên Xô là quốc gia nhập cảng lớn nhất sản phẩm của Phần Lan. Sự sụp đổ của Liên Xô đã gây ra những suy thoái kinh tế trầm trọng tại Phần Lan. Sau giai đoạn phục hồi, Phần Lan đã phát triển một cách vượt bậc. Ngày nay Phần Lan hội nhập cao vào nền kinh tế thế giới và là một trong những quốc gia phát triển nhanh nhất thế giới.

Trở lại với quan hệ Trung Cộng và CS Việt Nam trong cái nhìn so sánh giữa Liên Xô và Phần Lan.

Trung Cộng sau Thiên An Môn

Chính sách đối ngoại của Trung Cộng trong thời gian 1990 nhằm mục đích thoát khỏi sự cô lập quốc tế và ổn định chính trị nội bộ sau biến cố Thiên An Môn. Những thành tựu kinh tế của chính sách bốn hiện đại hóa từ đầu thập niên 1980 đã đạt một số thành tích đáng kể nhưng tất cả đều rất mong manh, yếu kém. Các cường quốc dân chủ vẫn còn trừng phạt kinh tế sau khi Đặng Tiểu Bình ra lệnh tàn sát nhiều ngàn sinh viên Trung Quốc yêu dân chủ tại Thiên An Môn đầu tháng 6, 1989.

Như hầu hết các quốc gia CS, kế hoạch chung của cả nước luôn chế ngự và đồng thời duy trì tính cân đối của các chính sách đối ngoại cũng như đối nội trong mỗi thời kỳ. Để thoát khỏi sự cô lập và phục hồi vị trí của Trung Cộng trong bang giao quốc tế, Đặng Tiểu Bình theo đuổi chính sách đối ngoại mềm dẻo trong đàm phán biên giới với hàng loạt các nước lân bang trong đó có Việt Nam. Chính sách của họ Đặng được gọi là chính sách 20 nét chữ “bình tĩnh quan sát, giữ vững trận địa, bình tĩnh ứng phó, giấu mình chờ thời” (*lengjing guancha, chenzhuo yingfu, wenzhu zhenjiao, taoguang yanghui, yousuo zuowei*). Sự sụp đổ của hệ thống Liên Xô làm Trung Cộng không còn lo ngại vòng vây Liên Xô từ hướng Việt Nam nhưng lại có mối lo mới nguy hiểm và hùng mạnh hơn nhiều, đó là Mỹ. Như người viết đã trình bày trong các bài trước, thời điểm 1990 đối tượng cạnh tranh của Trung Cộng là Mỹ và Nhật chứ không phải Liên Xô hay chư hầu của nó là CSVN và mục tiêu bành trướng của họ Đặng không chỉ giới hạn ở các cù lao trên biển, vài ngọn núi đất ở Hà Giang mà cả Thái Bình Dương. Và để giới hạn sự đe dọa của Mỹ, Trung Cộng đã làm hòa với CSVN. Hai bên đã mở các cuộc đàm phán vào năm 1991 và đạt đến thỏa hiệp vào năm 1993 sau một ước Thành Đô.

Việt Nam sau Liên Xô

Sau khi hệ thống CS tại châu Âu sụp đổ, nền kinh tế của các nước CS còn lại của khối COMECON trong đó có Lào, Cu Ba và CSVN trở thành đàn gà mất mẹ. Trong bài bình luận nhân dịp kỷ niệm 20 năm bức tường Bá Linh đổ, tạp chí *The Economist* nhận xét chung rằng khi chế độ thực dân ra đi, các nước cựu thuộc địa ít ra còn hưởng được các phương pháp quản trị, hệ thống tư pháp và nhiều trường hợp cả ngôn ngữ nhưng chế độ CS ra đi không để lại gì ngoài nghèo đói, ngục tù và lạc hậu.

Số phận của đảng CSVN như chỉ mảnh treo chuông. Trong giờ

phút sinh tử đó, lãnh đạo CSVN xem dấu hiệu hòa hoãn của Đặng Tiểu Bình như chiếc phao giữa biển. Họ vui mừng bám lấy. Dĩ nhiên, với bản chất thâm độc, đầu óc tính toán của lãnh đạo Trung Cộng, món lễ vật của đàn em CSVN dâng lên trong ngày quy phục thiên triều lần nữa phải là một lễ vật đắt giá. Món nợ máu xương từ năm 1979 trở về trước hẳn được Đặng Tiểu Bình đòi cả vốn lẫn lời.

Hội nghị bí mật tại khách sạn Kim Ngưu, Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên diễn ra trong hai ngày 3 và 4 tháng 9 năm 1990 giữa phía Việt Nam gồm Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, Nguyễn Văn Linh và phía Trung Quốc gồm Giang Trạch Dân và Lý Bằng thực chất là lễ cam kết một loại “công hàm” khác, trầm trọng hơn nhiều so với “công hàm Phạm Văn Đồng.” Chiều ngày 7 tháng 11 năm 1991 tại Nhà khách Chính phủ Điều Ngự Đài Bắc Kinh, Giang Trạch Dân tuyên bố *“Nhưng chúng tôi hy vọng giữa Trung Quốc và Việt Nam có thể khôi phục mối quan hệ mật thiết giữa hai Đảng và hai nước do những người lãnh đạo thuộc thế hệ lão thành xây dựng nên.”* Họ Giang muốn nhắc nhở lãnh đạo CSVN về thời kỳ mà đảng CSVN thở bằng bình oxyen Trung Cộng trong các thập niên 1950, 1960.

Trung Cộng muốn Việt Nam những gì Liên Xô muốn Phần Lan và nhiều hơn nữa:

- Giống như Liên Xô áp dụng với Phần Lan, Việt Nam phải “trung lập” trên danh nghĩa. Phần Lan luôn tuyên bố trung lập và Liên Xô ủng hộ vị trí trung lập của Phần Lan nhưng thực chất có quyền phủ quyết hầu hết các chính sách đối ngoại của Phần Lan. CSVN cũng thế. Họ luôn tuyên bố “quan hệ hợp tác bình đẳng cùng có lợi” với mọi quốc gia trên thế giới nhưng thực chất chỉ “hợp tác” với sự đồng ý của Trung Cộng. Bất cứ khi nào có dấu hiệu làm trái ý, Trung Cộng sẽ dùng mọi biện pháp hèn hạ nhất để

trừng phạt như trường hợp giàn khoan HD981 vừa qua, bất chấp dư luận thế giới khinh khi.

- Giống như Liên Xô áp dụng với Phần Lan, các chính sách an ninh quốc phòng của Việt Nam không được đi ngược với chính sách quốc phòng của Trung Cộng, không được độc lập trong toàn bộ chiến lược an ninh châu Á của Trung Cộng. Để thỏa mãn Trung Cộng, Việt Nam theo đuổi một chính sách quốc phòng “ba không” tự sát: (1) không tham gia các liên minh quân sự, (2) không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào, (3) không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia. Các điều khoản này tương tự các điều khoản của hiệp ước mà Phần Lan phải ký với Liên Xô năm 1948.

- Giống như Liên Xô đã cướp đất của Phần Lan, CSVN đã chấp nhận vị trí đặc quyền, đặc lợi của Trung Cộng trong Biển Đông. Như đã viết, khi thỏa hiệp bán nước Thành Đô vừa ký kết xong, ngày 25 tháng 2 năm 1992, Quốc vụ viện Trung Cộng thông qua “Luật Lãnh hải và vùng tiếp giáp” quy định lãnh hải rộng 12 hải lý, áp dụng cho cả bốn quần đảo ở Biển Đông trong đó có quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa). Ba tháng sau đó, Trung Cộng ký hợp đồng khai thác dầu khí với công ty năng lượng Crestone, cho phép công ty này thăm dò khai thác dầu khí trong thềm lục địa Việt Nam và hứa sẽ bảo vệ công ty Creston bằng vũ lực. Ngoài ra, Trung Cộng còn ra lệnh cấm đánh cá, thành lập các đơn vị hành chính cấp huyện tại Hoàng Sa và Trường Sa.

- Giống như Liên Xô đã áp lực với lãnh đạo Phần Lan, Việt Nam cũng thực hiện các chính sách tự kiểm duyệt các tin tức gây mất lòng Trung Cộng, giới hạn các phim ảnh, sách báo có nội dung tiêu cực về chế độ CS tại Trung Quốc, ngăn chặn mọi ý kiến, phản ứng dù rất ôn hòa của người dân trước các hành động gây hấn, xâm lược lộ liễu của Trung Cộng. Tháng Sáu vừa qua, các báo

VnExpress, Thanh Niên, Người Lao Động, Tiền Phong, Giáo Dục đã phải đồng loạt lấy xuống các hình ảnh và tin tức liên quan đến ngày kỷ niệm Tàn Sát Thiên An Môn. TS Nguyễn Quang A, một trong những thành viên chủ trương Diễn đàn Xã hội Dân sự phát biểu với RFA: *“Điều đó chứng tỏ rằng những thế lực trong Đảng Cộng sản Việt Nam còn gắn rất chặt với Trung Quốc. Tôi tin chắc chắn là họ nghe theo lệnh của Bắc Kinh để họ làm như vậy.”*

- Bên cạnh các điểm giống nhau nêu trên, một điểm khác biệt có tính quyết định đối với tương lai của dân tộc Việt Nam: Trung Cộng quyết tâm bảo vệ đảng CSVN. Làm gì thì làm, nói gì thì nói, lãnh đạo CSTQ cũng biết hiện nay chỉ còn nắm đảng cầm quyền mang nhãn hiệu búa liềm. Nắm giữ Việt Nam về mặt lý luận tư tưởng không chỉ để bảo vệ cơ chế mà còn tránh sự sụp đổ dây chuyền trong trường hợp cách mạng dân chủ tại Việt Nam diễn ra trước. Và do đó, bị *“Phần Lan hóa”* trong quỹ đạo Trung Cộng cũng có nghĩa ngày nào Trung Cộng còn do đảng CS cai trị ngày đó nhân dân Việt Nam lại cũng sẽ tiếp tục chịu đựng dưới ách chủ nghĩa độc tài toàn trị Lê Nin không có Mác. Tổng thống Phần Lan Urho Kekkonen phải khuất phục Liên Xô chỉ vì để bảo vệ chế độ cộng hòa và chủ quyền đất nước, lãnh đạo CSVN bám vào chiếc phao Trung Cộng chỉ vì quyền lực và quyền lợi riêng của đảng CS.

Những phân tích trên cho thấy có khả năng cao Việt Nam đã bị *“Phần Lan hóa”* qua mặt ước Thành Đô. Và Việt Nam, như một dân tộc, chỉ có thể tự thoát khỏi quỹ đạo Trung Cộng tức tránh khỏi nạn bị *“Phần Lan hóa”* bằng (1) dân chủ trước Trung Cộng, (2) đoàn kết dân tộc để vượt thoát và thắng tiến, (3) chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia trong tranh chấp Thái Bình Dương, (4) sát cánh với láng giềng cùng hoàn cảnh và tham gia các liên minh tin cậy như đã trình bày trong chính luận *Để thắng được*

Trung Cộng.

Tham khảo:

“Finlandization” in Action: Helsinki’s Experience with Moscow. (1972, August 20). *CIA Intelligence Report*.

Krepinevich, A. (2010, September 11). China's 'Finlandization' Strategy in the Pacific. *The Wall Street Journal*.

Brown, D. (2014, May 22). Vietnam Faces ‘Finlandization’ from China. *Asia Sentinel*.

Solsten, Meditz. (1988, December). *Finland, a country study*. Library of Congress.

Laar. (2011, January 31). The Power of Freedom – Central and Eastern Europe after 1945. Unitas Foundation.

Ross, Whiting, Harding. (1990, December). *China’s Foreign Relations After Tiananmen: Challenges for the U.S.* The NBR Analysis.

Fravel, M.T. (2005). Regime Insecurity and International Cooperation. *International Security*, 30(2), pp. 46–83.

Molotov–Ribbentrop Pact. https://en.wikipedia.org/wiki/Molotov-Ribbentrop_Pact

Finland. <https://en.wikipedia.org/wiki/Finland>

Barry, M. (2012, June 11). Korean Reunification Would Cast Off China’s. *World Policy*.

HIỂM HỌA TRUNG CỘNG VÀ BÀI HỌC TÂY TẠNG

Hôm nay, ít ra một nửa của học viện Larung Gar nổi tiếng thế giới đang bị phá hủy. Dù che giấu dưới bất cứ lý do gì, thực chất của việc phá hủy cũng chỉ nhằm xóa bỏ nền văn hóa lâu đời của Tây Tạng.

Chính sách đồng hóa Tây Tạng không chỉ bắt đầu mới đây mà từ năm 1950 khi Trung Cộng xua quân chiếm đóng nước này. Giống như các chế độ CS khác, chế độ CS tại Trung Quốc nói chung và Tây Tạng nói riêng tồn tại nhờ vào hai phương tiện được thực hiện song song và có tác dụng hỗ tương: trấn áp bằng bạo lực và tẩy não bằng tuyên truyền.

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, dân tộc nhỏ nhoi nhưng được xem như là "mái che" của thế giới với đỉnh Mt Everest cao 8,848 mét đang chịu đựng dưới chính sách trấn áp khắc nghiệt của Trung Cộng, nhất là tại các nhà tù.

Nếu nhà tù San Quentin được xây ở Tây Tạng

Đại sư Chagdud Tulku là một bậc cao tăng của Phật Giáo Tây

Tạng. Trước khi viên tịch vào năm 2002, ngài được thỉnh giảng tại nhiều trường đại học danh tiếng ở Hoa Kỳ và Châu Âu. Đại sư rất được trọng vọng và những lớp giảng của ngài có hàng ngàn người tham dự. Tuy nhiên, ngài không quan tâm đến số đông hay danh dự dành riêng cho ngài nhưng sẵn lòng đi đến bất cứ nơi nào cần sự có mặt của mình dù nơi đó là một khu biệt giam dành cho tử tù và dù chỉ để làm lễ thọ giới cho một tù nhân. Nơi ngài đến là nhà tù San Quentin, tiểu bang California và người được ngài quy y là tử tù Jay Master bị kết án tử hình. Nghi thức diễn ra ngay tại phòng thăm viếng của nhà tù vào năm 1989.

Như Jay Master kể lại trong blog của anh. Hôm đó, đại sư Chagdud Tulku đến nhà tù San Quentin rất sớm. Ngài ngồi im. Những ngón tay nâu đậm đầy vết nhăn đang lặng lẽ lăn tràng hạt. Đôi mắt ngài như đang chiêm nghiệm những gì đang xảy ra chung quanh. Vạt áo tràng với những nút màu xám phủ dài trên sàn phòng đợi rất ồn ào với đủ hạng người đang chờ giờ thăm viếng thân nhân. Có người bức dọc lớn tiếng vì chờ đợi quá lâu.

Để làm dịu không khí, đại sư Chagdud Tulku chia sẻ với mọi người một câu chuyện cũng về nhà tù, không phải San Quentin ở Mỹ mà một "San Quentin" trên quê hương Tây Tạng của ngài. Trong nhà tù ở Tây Tạng, tù nhân bị đầy đọa thảm khốc và chịu đựng hình phạt nặng nề hơn tù nhân ở Mỹ nhiều.

Đại sư Chagdud Tulku kể rằng người Trung Quốc bắt tù nhân Tây Tạng đào một hố thật sâu. Cái hố sâu đó chính là nhà tù. Những người tù Tây Tạng sống, ăn ở và phơi bày thân thể dưới cả nắng mưa như thế cho đến chết. Ngay cả sau khi chết đi, tù nhân cũng bị chôn trong lòng hố sâu đó. Ngài kể rằng ở Tây Tạng có sáu mươi ngàn tù nhân bị giam giữ trong tình cảnh đau thương đó.

Nhân loại kết án Hitler, Pol Pot. Dĩ nhiên những ác nhân kia xứng đáng với mọi lời nguyên rủa của người đời. Nhưng nếu so

sánh phương pháp giết người bằng lò hơi ngạt của Hitler hay bằng cuộc xẻo đánh vào đầu của Pol Pot, phương pháp của Trung Cộng còn tàn ác gấp nhiều lần. Tù nhân Tây Tạng chết lâu hơn, chết dần mòn hơn trong đói khát, nắng mưa, bệnh hoạn, lở loét, thối rữa và thân xác cuối cùng cũng bị chôn vùi dưới đáy hầm sâu.

Nhưng đó chỉ là một trong hàng trăm phương pháp đọa đày mà dân tộc Tây Tạng đã và đang chịu đựng sau "Nổi dậy Lhasa" vào tháng Ba, 1959 bị dập tắt.

Không giống như thập niên 1950 khi tội ác của Trung Cộng còn được dễ dàng che giấu, trong thời đại tin học ngày nay, những cảnh đàn áp dã man đã được tiết lộ ra ngoài bằng hình ảnh và cả phim ảnh. Thế giới bàng hoàng khi chứng kiến cảnh công an Trung Cộng đánh đập các nhà sư hay thường dân Tây Tạng không một phương tiện gì để tự vệ hay kéo lê lết họ trong máu me trên đường phố Lhasa. Cách phản kháng tuyệt vọng nhưng phổ biến nhất của tu sĩ và nhân dân Tây Tạng là tự thiêu để gây tiếng vang trước dư luận quốc tế.

Chỉ trong vòng sáu năm từ tháng 2 năm 2009 đến tháng 4 năm 2015 đã có 138 tu sĩ và thường dân Tây Tạng tự thiêu tại nhiều nơi để phản đối chính sách diệt chủng của nhà cầm quyền Trung Cộng. Riêng năm 2012 đã có 86 vụ tự thiêu. Ngọn lửa được thắp lên bằng xương thịt dường như chưa đủ sáng lương tâm loài người và đêm đen Tây Tạng.

Quan điểm "chủ quyền lịch sử" của Trung Cộng đối với Tây Tạng

Dù là văn hóa, lịch sử hay lãnh thổ, quan điểm chung của Trung Cộng là nơi nào các triều đại Trung Hoa từng đô hộ nơi đó thuộc về Trung Hoa. Đó là lý do một học giả Trung Cộng năm 1996 đã từng tuyên bố ở Hong Kong rằng trống đồng Đông Sơn là của

Trung Hoa chứ không phải của Việt Nam vì trong thời kỳ văn hóa Đông Sơn Việt Nam thuộc Trung Hoa.

Quan điểm bá quyền hoang tưởng và ngang ngược của Trung Cộng đi ngược với các nguyên tắc về chủ quyền của thế giới. Napoleon từng là vua không chỉ của Pháp mà còn của cả một phần lớn châu Âu trong đầu thế kỷ 19 nhưng ngày nay không một học giả Pháp nào cho rằng Ý, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ v.v... phải thuộc vào nước Pháp.

Nhân Dân Nhật Báo tóm tắt quan điểm của Trung Cộng đối với vấn đề Tây Tạng trong bình luận vào tháng 4, 2008: "*Trong hơn 700 năm, chính phủ trung ương Trung Hoa đã liên tục thực hiện chủ quyền của Trung Hoa tại Tây Tạng và Tây Tạng chưa bao giờ là một nước độc lập. Không một chính phủ nào trên thế giới thừa nhận Tây Tạng... Kể từ khi giải phóng hòa bình năm 1951, Tây Tạng đã tiến hành các thay đổi xã hội sâu sắc bao gồm các cải cách dân chủ, mở cửa và đạt được các tiến bộ xã hội đáng kể.*"

Không ai chối cãi trước 1950 Tây Tạng còn là một nước nghèo, lạc hậu về kinh tế, tuổi thọ thấp, thiếu thốn các phương tiện giao thông nhưng đó không phải là lý do để Trung Cộng xua 40 ngàn quân xâm lược một quốc gia mà quân đội chỉ có 4 ngàn.

Lý luận của Trung Cộng là lý luận của kẻ cướp

Những lời ngụy biện của thực dân đỏ Trung Cộng trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay không khác gì cách giải thích "đến để khai hóa" mà thực dân trắng Âu châu đã dùng với các nước Á châu và Phi châu từ thế kỷ thứ 15.

Từ nhiều ngàn năm trước, Tây Tạng đã là một dân tộc có một nền văn hóa cao, thuần nhất với các giá trị độc đáo riêng tồn tại song song bên cạnh các nền văn hóa khác. Các triều đại Tây Tạng ra đời từ thế kỷ thứ nhất sau công nguyên và vào thế kỷ thứ bảy đã

xây dựng nên một quốc gia hùng mạnh với lãnh thổ trải rộng qua nhiều quốc gia vùng Trung Á, kể cả một phần của Trung Hoa. Nhiều trăm năm Tây Tạng đã là một nước hoàn toàn độc lập. Dĩ nhiên, giống như hoàn cảnh các nước nhỏ khác trong vùng, khi yếu kém Tây Tạng lại phải chịu lệ thuộc vào các nước mạnh không chỉ Trung Hoa mà có khi còn bị ảnh hưởng bởi Mông Cổ hay Nepal.

Các dân tộc, dù lớn bao nhiêu, trong lịch sử ít ra cũng một lần bị ảnh hưởng bởi ngoại bang nhưng không phải vì thế mà quốc gia đó thuộc về ngoại bang. Giống như lịch sử đầy hy sinh xương máu đã diễn ra tại Việt Nam suốt hàng ngàn năm, chẳng đường bị lệ thuộc vào Trung Hoa của Tây Tạng cũng được đánh dấu bằng những cuộc nổi dậy anh hùng của các thế hệ Tây Tạng. Bởi vì trong máu huyết, Tây Tạng chưa bao giờ là một phần của Trung Hoa trước đây hay Trung Cộng ngày nay.

Sự sụp đổ của nhà Thanh là cơ hội để nhân dân Tây Tạng phục hồi toàn bộ chủ quyền đất nước chứ không phải đó chỉ là lần đầu tiên dân Tây Tạng vốn đã thuộc Trung Hoa bỗng đứng lên đòi độc lập.

Và từ 1913, Tây Tạng là một quốc gia có chủ quyền, độc lập, có ngôn ngữ riêng, chính phủ riêng, hệ thống tư pháp riêng, bưu điện riêng, đơn vị tiền tệ riêng, hộ chiếu quốc tế riêng. Hộ chiếu do chính phủ Tây Tạng cấp năm 1947 được các quốc gia lớn như Ấn Độ, Mỹ, Anh, Pháp, Ý, Thụy Sĩ, Iraq, Hong Kong chấp nhận và đóng dấu cho phép thông hành.

Theo công pháp quốc tế, một quốc gia sẽ không chuẩn y và đóng dấu vào chiếu khán do chính phủ của một quốc gia khác cấp nếu không thừa nhận chính phủ của quốc gia đó. Khi đóng dấu thông hành, các cường quốc Anh, Mỹ, Ấn, Pháp, Ý trong thực tế đã thừa nhận vai trò lãnh đạo của chính phủ Tây Tạng. Việc công nhận hay

chưa công nhận trong bang giao chỉ là thủ tục ngoại giao, nhất là trong giai đoạn từ 1913 đến 1950 Tây Tạng vẫn chưa được quốc tế biết nhiều và cả thế giới phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh vô cùng khốc liệt.

Trung Cộng tự hào là nước lớn nhưng không có nghĩa được mọi quốc gia công nhận họ. Hoa Kỳ không công nhận Trung Cộng mãi tới 1972 và chậm hơn nữa cho tới tháng 10, 1990 Singapore mới công nhận Trung Cộng. Ngay cả hiện nay vẫn có đến 21 quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc không công nhận Trung Cộng.

Tây Tạng có đủ bốn tiêu chuẩn quốc tế để xác định một quốc gia gồm chủ quyền, chính phủ, lãnh thổ và dân số, trong lúc Trung Cộng không đưa một lý do gì, một chứng minh gì ngoài "chủ quyền lịch sử" mà họ luôn bám vào trong mọi cuộc tranh chấp lãnh thổ.

Trung Cộng viện lý do "Tây Tạng đã là một phần của Trung Quốc suốt bảy trăm năm." Bảy trăm năm thì sao? Bảy trăm năm tại Tây Tạng hay một ngàn năm tại Việt Nam cũng chỉ là thời kỳ đô hộ, cưỡng chiếm và cai trị bằng sắt máu. Thời gian đó không có giá trị gì một khi dân tộc bị trị đủ mạnh để đứng lên giành độc lập.

Chính sách xóa bỏ Tây Tạng của Trung Cộng được thực hiện bằng hai cách, (1) diệt chủng văn hóa qua việc tàn phá chùa chiền, bôi nhọ đức Đạt Lai Lạt Ma, buộc Hoa Ngữ là ngôn ngữ chính thức, học sinh phải học lịch sử từ quan điểm Trung Cộng, và (2) đồng hóa chủng tộc qua việc định cư ồ ạt người Hán vào Tây Tạng, tập trung nền kinh tế Tây Tạng trong tay người Hán. Chính Mao Trạch Đông trong *Tuyển Tập Mao Trạch Đông* xuất bản có hiệu đính năm 1987, đã thừa nhận cho tới năm 1952 cũng "không có một người Hán nào ở Tây Tạng" nhưng hiện nay số người Hán tại Tây Tạng đông hơn chính người Tây Tạng.

Bài học cho Việt Nam

Ngoại trừ những buổi tiếp xúc đức Đạt Lai Lạt Ma một cách không chính thức của các tổng thống Hoa Kỳ hay một hai lá thư phê bình cách đối xử nặng tay của nhà cầm quyền Trung Cộng, chưa một lãnh đạo cường quốc nào có một biện pháp tích cực và hữu hiệu để ngăn chặn lưỡi dao Trung Cộng.

Đơn giản bởi vì Tây Tạng không có những mỏ dầu khí lớn như Iraq, không có những mỏ kim cương lớn như Nam Phi và cũng không giữ vị trí chiến lược như Thổ Nhĩ Kỳ. Các quốc gia Tây Phương không thể hy sinh các quyền lợi vật chất quá lớn với Trung Cộng chỉ để bảo vệ các giá trị tinh thần cho một nước nhỏ xa xôi. Cuộc đấu tranh, đầu tiên cho đến cuối cùng, vẫn là tranh đấu bằng máu xương, hy sinh và chịu đựng của dân tộc Tây Tạng.

Đối với trường hợp Việt Nam, không cần phải phân tích nhiều mà chỉ thay chữ Tây Tạng bằng chữ Việt Nam trong bài viết, sẽ thấy một viễn ảnh Việt Nam đen tối hiện ra.

Tập Cận Bình đang gấp rút xây dựng các căn cứ quân sự và dân sự trên Biển Đông nhằm mở rộng vòng đai an ninh và sự hiện diện ngoài lục địa. Nếu họ Tập thành công, Việt Nam có khả năng nằm bên trong "không gian sinh tồn" của Trung Cộng và đặt các cường quốc vào thế đã rồi như trường hợp Hitler chiếm Áo vào tháng Ba, 1938 trước sự làm ngơ của Anh và Pháp.

Việt Nam chỉ hơn Tây Tạng một điểm duy nhất là còn thời gian dù rất ngắn để quyết định số phận của mình. Chọn lựa của dân tộc Việt Nam hôm nay, do đó, là chọn lựa giữa tiếp tục sống dưới chế độ độc tài CS để rồi mất nước, hay dân chủ hóa, hiện đại hóa nhanh chóng để có thể ngăn chặn được bước chân Trung Cộng. Nếu chỉ biết nhịn nhục, cúi đầu, một ngày không xa họa diệt vong

sẽ tới. Đến lúc đó, đừng oán trách chi ai, đừng đổ thừa cho ai khác, ngoài oán trách, đổ thừa cho sự ươn hèn, nhu nhược của chính mình.

LÝ QUANG DIỆU VÀ CHÍNH SÁCH NGĂN NGỪA CS TẠI SINGAPORE

Cựu Thủ tướng Cộng Hòa Singapore Lý Quang Diệu được đưa vào bệnh viện hôm 5 tháng 2, 2015 vì bệnh viêm phổi trầm trọng. Chỉ vài hôm sau, ông được chuyển qua hệ thống duy trì sự sống (life support). Theo nhiều nguồn tin, hai năm trước đây ông đã thêm vào di chúc một đoạn trong đó ông không muốn kéo dài sự sống vô nghĩa bằng cách này. Theo thông báo của chính phủ Singapore “ông qua đời trong thanh thản” tại Tổng Y Viện Singapore lúc 03:18 sáng, giờ địa phương thứ Hai 23 tháng 3, 2015, thọ 91 tuổi. Lý Quang Diệu là Thủ tướng đầu tiên của Singapore và mất vào năm kỷ niệm 50 năm độc lập của quốc gia này.

Các thành tựu kinh tế

Về đối ngoại, hầu hết các chính trị gia thế giới từ Margaret Thatcher của Anh trước đây đến Barack Obama của Hoa Kỳ hiện nay đã từng ca ngợi Thủ tướng Lý Quang Diệu. Ông có một tầm nhìn rất xa không chỉ vào tương lai Singapore mà cả chính trị khu vực Á Châu và Thái Bình Dương. Từ đầu năm 1994, Lý Quang Diệu đã thấy trước sự căng thẳng trong vùng Biển Đông.

Về đối nội, mặc dù nhiều chính sách cứng rắn của Lý Quang

Diệu tạo nên nhiều tranh luận và phê bình, ông có một niềm tin vững chắc vào khả năng lãnh đạo của chính mình và tiềm năng của người dân Singapore để cùng đưa quốc gia rất nhỏ bé và bị bao quanh bởi các quốc gia không thân thiện thành một trong những nước giàu có nhất thế giới. Ngày nay, Singapore, quốc gia có dân số 5.5 triệu, là một trong những trung tâm thương mại lớn nhất thế giới, một trong năm cảng thương mại bận rộn nhất thế giới và có lợi tức đầu người cao thứ ba trên thế giới.

Có một danh sách dài của những bảng danh dự mà các thống kê, các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế dành cho Singapore trong nhiều lãnh vực. Chẳng hạn, World Bank từ 2006 đến 2016 xếp Singapore vào hạng nhất trên thế giới về sự dễ dàng làm thương mại (The ease of doing business) và giữ vị thứ này suốt 10 năm liền; năm 2015 Singapore được xếp hạng nhì trên thế giới về quốc gia cạnh tranh nhất (Most competitive country in the world); năm 2011, Singapore đứng hạng nhất về bảo vệ tài sản trí tuệ (The best protection of intellectual property); WHO (World Health Organization) năm 2010 xếp Singapore hạng nhì về tỉ lệ tử vong thấp trong thiếu nhi; Tổ chức Minh Bạch Quốc Tế (Transparency International: Corruption Perceptions Index) năm 2010 xếp Singapore vào hạng quốc gia trong sạch nhất. Và rất nhiều bảng danh dự quốc tế khác.

Thành tựu lớn nhất của Lý Quang Diệu chưa hẳn là thành tựu kinh tế

Reihan Salam, Chủ bút điều hành của National Review Institute và tác giả nhiều tác phẩm chính trị, trong phân tích và cũng là kết luận *Thành Tựu Lớn Nhất Của Lý Quang Diệu Chưa Hẳn Là Thành Tựu Kinh Tế của Singapore* (Lee Kuan Yew's Greatest Accomplishment May Not Have Been Singapore's Economic Success) đăng trên National Review sáng 23/3/2015 vừa qua.

Theo Reihan Salam, trong những năm trước 1959, xã hội Singapore chịu đựng tình trạng xung đột chủng tộc giữa các sắc dân Ấn, Mã Lai và Trung Hoa không chỉ về kinh tế mà trong cả văn hóa, tôn giáo. Ngoài ra, sự phân liệt trầm trọng diễn ra trong sinh hoạt chính trị với đa số thành phần CS và thân Cộng là người gốc Hoa, trong khi đa số thành phần chống Cộng là gốc Mã Lai. Thế nhưng, ngày nay có thể nói không một quốc gia nào mà nơi đó người dân thuộc thành phần thiểu số cảm thấy an toàn hơn tại Singapore và gần một nửa số người đang sống yên ổn tại Singapore vốn sinh ra tại nước ngoài. Sự an toàn, ổn định và hòa hợp đó sẽ không xảy ra nếu quốc gia này nằm trong tay CS. Thành tựu lớn nhất của cố Thủ tướng Lý Quang Diệu, do đó, phải là thành tựu ngăn chặn được sự phát triển của phong trào CS tại Singapore.

Lịch sử phong trào CS tại Mã Lai và Singapore

Năm 1927, năm cán bộ CS Trung cộng được phái tới Mã Lai để thành lập đảng CS Nanyang (Mã Lai, Singapore) với tầm hoạt động bao gồm cả Thái Lan, Đông Dương và các thuộc địa Đông Ấn thuộc Hòa Lan. Năm 1930, Đệ Tam Quốc Tế CS (1919-1943) tổ chức một hội nghị tại Singapore, giải tán đảng CS Nanyang và thành lập đảng CS Mã Lai. Cùng thời gian này, đảng CSVN cũng thuộc Đệ Tam Quốc Tế được thành lập.

Địa bàn hoạt động của đảng CS Mã Lai bao gồm Mã Lai, Singapore và lan rộng sang tận Thái Lan. Chương trình hành động của đảng CS Mã Lai gắn liền với điều kiện chính trị tại Trung cộng và đảng CSTQ bởi vì đa số đảng viên CS Mã Lai là người gốc Hoa. Những năm hòa hoãn giữa đảng CSTQ và Quốc Dân Đảng Trung Hoa để chống Nhật, đảng CS Mã Lai có cơ hội hoạt động mạnh hơn. Năm 1939, đảng CS Mã Lai có khoảng 40 ngàn đảng viên với một nửa số đó hoạt động tại Singapore. Tài liệu của đảng CSVN không ghi thống kê của năm 1939 nhưng trong giai đoạn 1935

đảng chỉ có 600 đảng viên. So sánh để thấy, hoạt động của đảng CS Mã Lai lúc bấy giờ mạnh đến dường nào.

Các đảng CS thuộc Đế Tam Quốc Tế, trong đó có Việt Nam và Mã Lai, thực thi một chiến lược giống nhau do Lenin vạch ra trong Cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản được chấp thuận tại Đại hội Đế Tam Quốc Tế lần thứ nhất vào năm 1919 và Luận Cương về Vấn đề Dân Tộc và Thuộc Địa do Lenin đọc tại Đại hội Đế Tam Quốc Tế CS lần thứ hai vào năm 1920. Chấp hành đường lối quốc tế đó, đảng CS tại các nước thuộc địa dùng cơ hội hợp tác với chính quyền chống ngoại xâm để phát triển đảng một cách công khai. Mã Lai-Singapore chống Anh, Trung Hoa chống Nhật và Việt Nam chống Pháp. Đảng CS mượn chiếc cầu chống thực dân, phát xít và lợi dụng lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân để đạt mục đích tối hậu là thiết lập chế độ CS trên phạm vi cả nước.

Lai Teck, Tổng bí thư đảng CS Mã Lai có máu Việt Nam

Khi Thế Chiến thứ Hai bùng nổ, đảng CS Mã Lai tuyên bố hợp tác với chính quyền bảo hộ Anh để bảo vệ Singapore. Nhiều đảng viên CS Mã Lai được Anh huấn luyện quân sự. Lai Teck là Tổng bí thư đảng CS Mã Lai nhưng thực chất lại là một gián điệp làm việc cho nhiều cơ quan tình báo chống CS. Y có máu Việt Nam với cha là người Việt và mẹ là người Hoa. Lai Teck sinh tại Việt Nam và có tên thật là Trương Phước Đạt. Đạt từng làm việc cho cơ quan mật thám Pháp và xâm nhập đảng CSVN. Sau khi toàn thành nhiệm vụ, Pháp chuyển Lai Teck sang cho tình báo Anh và tình báo Anh chỉ thị y xâm nhập vào đảng CS Mã Lai năm 1935. Lai Teck có một tiểu sử đầy kỳ bí và nhiều câu hỏi về nhân vật này vẫn chưa được ai trả lời thỏa mãn.

Khi Singapore rơi vào tay Nhật, Tổng bí thư Lai Teck bị Nhật bắt và trong giai đoạn này y lại bí mật hợp tác với Nhật. Sau Thế Chiến thứ Hai, Lai Teck vẫn tiếp tục hoạt động trong đảng CS. Mãi cho

đến 1947, khi quá khứ bị phanh phui, Lai Teck bỏ trốn sang Thái. Chin Peng, Tổng bí thư mới của đảng CS Mã Lai yêu cầu các đảng viên CS Thái và CS Việt Nam đang hoạt động trên đất Thái truy lùng Lai Teck. Cuối cùng, một tổ ám sát CS Thái tìm ra và siết cổ y chết tại Bangkok. Xác của Lai Teck được ném xuống sông Chao Phraya năm 1947. Năm đó Lai Teck 44 tuổi.

Cộng sản Mã Lai và Singapore sau Thế Chiến thứ Hai

Giống như tại Việt Nam, khi Nhật rút lui nhưng Đồng Minh chưa đến, các nhóm CS Mã Lai xuất hiện, nhất là trong các khu người Hoa. Các đảng viên CS này được chào đón như những anh hùng cứu tinh dân tộc. Đảng CS tịch thu vũ khí do Nhật để lại và tuyển dụng đảng viên một cách công khai. Những “trung đoàn” CS trong thời chiến mỗi đơn vị chỉ hơn một trăm lính đã lên đến con số 6 ngàn trong một thời gian ngắn.

Khi chính quyền bảo hộ Anh được tái lập tại Singapore, họ đã ra lệnh đảng CS Mã Lai phải giao nộp vũ khí và giải tán các “trung đoàn” CS. Đảng CS buộc phải đồng ý giải tán nhưng cũng giấu đi nhiều vũ khí. Theo lịch sử đảng CS Mã Lai, các “trung đoàn” phải giải tán vì thiếu hàng ngũ cán bộ chính trị viên để nắm vững phần tư tưởng của đảng viên, nhưng dù sao đó cũng là một quyết định sai lầm của đảng. Trong khi đó tại Việt Nam, đảng CS lợi dụng khoảng trống cuối Thế Chiến thứ Hai để chiếm Hà Nội và vài thành phố khác qua biển cố gọi là “Cách mạng Mùa Thu” năm 1945.

Sau thời kỳ Lai Teck, Chin Peng, 27 tuổi, một lãnh đạo CS Mã Lai gốc Hoa lên nắm quyền Tổng bí thư vào năm 1938 và sau đó chuyển sang đấu tranh bạo động, bao gồm ám sát và khủng bố. Chính quyền phản ứng mạnh qua các chiến dịch truy lùng các lãnh đạo đảng nhưng Chin Peng trốn thoát. Đảng CS Mã Lai thành lập một tổ chức ngoại vi có tên Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Mã Lai.

Chính quyền Mã Lai áp dụng chính sách cắt nguồn tiếp tế cho CS bằng cách đưa dân về các “Khu tân lập” được bảo vệ an ninh chặt chẽ. Sau lần đàm phán thứ nhất để giải quyết xung đột trong hòa bình thất bại, các lực lượng CS rút lui dần về biên giới Thái. Theo ước đoán của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, số đảng viên CS Mã Lai trong giai đoạn này chỉ còn vào khoảng 2 ngàn người. Anh trao trả độc lập hoàn toàn cho Mã Lai ngày 31 tháng 8 năm 1957 nhưng vẫn tiếp tục bảo hộ Singapore.

Lý Quang Diệu và CS Singapore

Năm 1950, sau khi học xong ngành luật tại Fitzwilliam College, Cambridge, Anh, và hoàn tất chương trình thực tập Luật, Lý Quang Diệu được nhận vào luật sư đoàn Anh nhưng ông đổi ý định hành nghề ở Anh và về nước. Chàng luật sư 27 tuổi trở lại quê hương mang theo một tấm lòng yêu nước với tầm nhìn xa trông rộng, một lý tưởng công bằng xã hội, một quyết tâm đóng góp xây dựng Singapore thành một đất nước hùng cường, thịnh vượng, phát triển về mọi mặt.

Lý Quang Diệu là một trong ba người thành lập Đảng Hành động Nhân dân Singapore (People Action Party, gọi tắt là PAP) vào ngày 21 tháng 11, 1954. Mục đích chính của PAP là bảo đảm an ninh quốc gia mà không phải sử dụng bạo lực và xác định trong tuyên ngôn thành lập “PAP sẵn sàng hợp tác một cách thành thật với các đảng phái chính trị khác để đạt đến mục tiêu độc lập thật sự cho đất nước.”

Trong cuộc bầu cử tháng Năm 1959, PAP thắng lớn. Singapore thành quốc gia tự trị trong khuôn khổ Commonwealth và Lý Quang Diệu là Thủ tướng đầu tiên với Thống đốc Sir William Allmond Codrington Goode là Quốc trưởng. Theo kết quả của cuộc trưng cầu dân ý 1962, Singapore sáp nhập vào Liên Bang Mã Lai. Việc chọn gia nhập Liên Bang Mã Lai phát xuất từ mối lo ngại

thiếu tài nguyên và ngoài ra, một số chính trị gia cũng quan tâm đến việc Singapore có thể trở thành một quốc gia CS. Tuy nhiên chỉ trong vòng 3 năm, Quốc hội Mã Lai với số phiếu 126 trên 126 loại Singapore ra khỏi liên bang. Thủ tướng Lý Quang Diệu đứng trước một tương lai Singapore đầy bất ổn. Ngay cả trong nội bộ PAP, vài năm trước, các thành viên sáng lập cũng đã chọn con đường tả khuynh cho riêng họ.

Các thành phần CS và tả khuynh trong lãnh đạo PAP

Hai thành viên sáng lập khác là Fong Swee Suan và Lim Chin Siong có lập trường tả khuynh trong lúc Lý Quang Diệu quyết tâm ngăn chặn mầm mống CS phát sinh trong xã hội Singapore. Lý Quang Diệu biết rõ rất đông lãnh đạo và đảng viên PAP bị ảnh hưởng CS và việc chấp nhận sự ủng hộ của cánh CS chẳng khác gì ngồi trên lưng cọp, nhưng ông tin tưởng vào khả năng và có một niềm tin kiên định vào mục đích sống của đời mình. Muốn đưa Singapore trở thành một quốc gia cường thịnh, trước hết phải xóa bỏ mọi tàn tích CS còn tồn đọng từ quá khứ và ngăn chặn mọi mầm mống phát sinh của ý thức hệ CS tại Singapore. Tất cả chính sách đối nội của Lý Quang Diệu đều tập trung vào mục đích đó.

Đảng PAP tập hợp những thanh niên Singapore trẻ, có tinh thần độc lập và liên kết với các nghiệp đoàn, nhưng như Lý Quang Diệu giải thích, sự liên kết này chẳng khác gì một loại “hôn nhân hợp đồng” vì ông chỉ biết nói tiếng Anh nên cần các đảng viên biết nói tiếng Tàu trong giới lao động thân CS.

Lim Chin Siong, một trong ba người thành lập, có giọng nói hùng hồn và thu hút người nghe đã đắc cử Dân biểu Quốc Hội đơn vị Bukit Timah khi chỉ mới 22 tuổi. Năm 23 tuổi Lim Chin Siong và Lý Quang Diệu đại diện cho Singapore để thảo luận về hiến pháp tại London.

Những hoạt động tả khuynh quá khích của Lim Chin Siong đã làm cho hai lãnh đạo PAP xa nhau rất sớm. Lý Quang Diệu tố cáo Lim Chin Siong là CS và dựa vào Sắc Luật An Ninh Quốc Nội (Internal Security Act) bỏ tù đồng chí sáng lập PAP này nhiều năm không xét xử.

Mặc dù Lim từ chối là CS, các hành vi của y như việc đọc diễn văn trong lễ tưởng niệm Joseph Stalin và kế hoạch lật đổ chính phủ Lý Quang Diệu sau khi Singapore sáp nhập vào Mã Lai cho thấy chủ trương CS hóa Mã Lai bao gồm cả Singapore nằm trong ý định của Lim và mục tiêu của đảng Barisan Sosialis do y thành lập. Dù sao, sau khi Lim Chin Siong chết ngày 5 tháng Hai 1996, Lý Quang Diệu bày tỏ sự kính trọng về quyết tâm, tận tụy với lý tưởng dành cho đồng chí sáng lập PAP vừa qua đời.

Fong Swee Suan, một thành viên sáng lập khác của PAP cũng có lập trường thân CS. Không giống Lý Quang Diệu học hành đỗ đạt, Fong Swee Suan bị trục xuất ra khỏi trường trung học vì tham gia đình công. Fong dành hết thời gian còn lại cho các hoạt động của giới thợ thuyền. Trong thời gian PAP lãnh đạo Singapore, Fong Swee Suan là Bộ trưởng Bộ Lao Động. Tháng Bảy 1961, Lý Quang Diệu yêu cầu Fong Swee Suan từ chức vì có liên can đến việc kêu gọi Singapore tự trị. Fong bị bắt tháng Hai 1963, giam tại Mã Lai và được phóng thích vào tháng Tám 1967. Fong có niềm tin sâu xa rằng giới công nhân là giới bị áp bức bóc lột và nghiệp đoàn là phương tiện để giới công nhân đấu tranh giải phóng áp bức bóc lột. Ông thừa nhận là một người xã hội chủ nghĩa chứ không phải là CS.

Sau khi giới hạn các thành phần CS và tả khuynh trong hàng ngũ lãnh đạo PAP, và ổn định chính trị quốc nội, Lý Quang Diệu thực hiện hàng loạt các chính sách kinh tế trong nước và mở rộng các quan hệ quốc tế. Singapore gia nhập Liên Hiệp Quốc 1965 và ASEAN 1967.

Lý Quang Diệu và CS Trung Quốc

Có lẽ không ai có ý thức rõ ràng và sâu sắc hơn Lý Quang Diệu về hiểm họa CSTQ tại Singapore. Hầu hết, nếu không muốn nói tất cả, đảng viên CS hoạt động tại Singapore là người Hoa. Do đó, tách rời Singapore ra khỏi quỹ đạo của Trung Cộng càng xa càng tốt. Ông học về lý thuyết CS tại Anh một cách nghiêm túc và nhiều lần khẳng định chủ nghĩa CS không cần thiết phải là một phương tiện để giành độc lập và chủ nghĩa CS không thể xây dựng Singapore thành một nước cường thịnh về mọi mặt.

Vào những năm đầu thập niên 1960, trong lúc các nhà lãnh đạo CSVN phải sang châu Trung Cộng hàng năm để xin súng đạn, Lý Quang Diệu từ chối ngay cả việc thừa nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là một nước có chủ quyền toàn vẹn. Những biện pháp cứng rắn của chính phủ Lý Quang Diệu sau khi Singapore ra khỏi Liên bang Mã Lai là nhằm bảo vệ sự tồn tại mong manh của bán đảo này và ngăn chặn sự xâm nhập của Cộng Sản với hậu thuẫn tích cực của Trung Cộng.

Khi Đặng Tiểu Bình phát động bốn hiện đại hóa, Lý Quang Diệu mở rộng các quan hệ kinh tế, thương mại với Trung Cộng vì lợi ích của Singapore nhưng vẫn chưa thiết lập các quan hệ chính trị trên tầm mức quốc gia. Mặc dù công khai bày tỏ sự kính phục dành cho Đặng Tiểu Bình và được mời thăm Trung Cộng nhiều lần, mãi đến tháng 10 năm 1990, khi Singapore đủ mạnh về kinh tế và ổn định về chính trị, Lý Quang Diệu mới thiết lập quan hệ ngoại giao hoàn toàn với Trung Cộng. Singapore là nước cuối cùng ở Đông Nam Á thừa nhận Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Và mặc dù công nhận Trung Cộng, Lý Quang Diệu đồng thời cũng duy trì một quan hệ tốt với Đài Loan.

Quan hệ thương mại với Trung Cộng, tránh phê bình chế độ chính trị CS tại Trung Cộng không có nghĩa Lý Quang Diệu thừa

nhận cơ chế CS là đúng. Lý Quang Diệu hiểu CS hơn nhiều lãnh đạo quốc gia khác vì chính ông đã từng tranh đấu một cách gian nan để ngăn chặn CS tại Singapore cũng như đã từng phát biểu về lâu về dài nền dân chủ Ấn Độ sẽ giúp cho quốc gia này vượt qua Trung Cộng.

Một số học giả Trung Cộng như Lu Qi gọi Lý Quang Diệu là hanjian (Hán Gian) khi kết án ông Lý đã buộc người dân Singapore sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ chính và kết quả làm cho đa số người dân Singapore gốc Hoa ngày nay không biết tiếng Tàu. Nhưng tên học giả này quên rằng Lý Quang Diệu là Singapore chứ không phải là Trung Hoa và lại càng không phải Hán. Quyết định duy trì tiếng Anh làm ngôn ngữ chính ngay từ thời gian mới độc lập là một phần trong tầm nhìn xa của họ Lý để chuẩn bị cho Singapore dễ dàng hội nhập vào thế giới toàn cầu hóa năm chục năm sau.

Trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, Lý Quang Diệu và nhiều lãnh đạo sáng suốt ở châu Á đã lợi dụng chính sách chống CS của Mỹ ở châu Á để hợp tác và phát triển kinh tế với Hoa Kỳ. Nhờ đó, không chỉ nền kinh tế Singapore mà nhiều nước nhỏ khác ở châu Á như Nam Hàn, Đài Loan cũng đã lần lượt cất cánh và trong một thời gian ngắn được thế giới ca ngợi như là những con rồng châu Á.

“Vâng, nếu tôi không làm thế, chúng ta có thể không có mặt ở đây hôm nay”

Như Joseph Chinyong Liow, thuộc Viện Nghiên Cứu Brookings, phân tích trong bài bình luận Lý Quang Diệu, con người và giấc mơ hôm 22 tháng 3 vừa qua, chính lý tưởng và tầm nhìn đã giúp Lý Quang Diệu đưa Singapore từ một quốc gia bị trị, phân hóa chính trị, CS hoành hành, xung đột chủng tộc, thiếu thốn tài nguyên thiên nhiên trở thành một nước hiện đại, được nhân loại

khắp năm châu kính nể.

Lý Quang Diệu, một lần, thừa nhận đã có can thiệp vào đời sống riêng tư của người dân nhưng như ông biện luận: “*Vâng, nếu tôi không làm thế, chúng ta có thể không có mặt ở đây hôm nay.*” Đúng thế, lịch sử Singapore hiện đại đã chứng minh một cách hùng hồn rằng Lý Quang Diệu có lẽ là lãnh đạo có lập trường quốc gia duy nhất không những giành được độc lập mà còn xóa bỏ được cả một hệ thống CS tại Singapore và đưa đất nước ông thăng tiến vượt lên trên phần lớn nhân loại.

Tham khảo:

- Josey, A. (2012). *Lee Kuan Yew: The Crucial Years*. Marshall Cavendish International 2012.
- Lenin, V. (1920, June 5). National and Colonial Questions for the Second Congress of the Communist International.
<https://www.marxists.org/archive/lenin/works/1920/jun/05.htm>
- *The Cold War in Asia (1945-1990)*. National Archives of Australia.
- Malayan Communist Party
- http://en.wikipedia.org/wiki/Malayan_Communist_Party
- Workers' Party of Singapore
- http://en.wikipedia.org/wiki/Workers%27_Party_of_Singapore
- Internal Security Act (Singapore)
[http://en.wikipedia.org/wiki/Internal_Security_Act_\(Singapore\)](http://en.wikipedia.org/wiki/Internal_Security_Act_(Singapore))
- Salam, R. (2015, March 24). Lee Kuan Yew's Greatest Accomplishment May Not Have Been Singapore's Economic Success. *National Review*.
- <http://www.nationalreview.com/article/415871/lee-kuan-yews-greatest-accomplishment-may-not-have-been-singapores-economic-success>

- Barisan Sosialis http://en.wikipedia.org/wiki/Barisan_Sosialis
- Lim Chin Siong http://en.wikipedia.org/wiki/Lim_Chin_Siong
- Lee Kuan Yew, Early Political Career
http://en.wikipedia.org/wiki/Lee_Kuan_Yew#Early_political_career.C2.A0.E2.80.93_1951_to_195
- Fong Swee Suan http://eresources.nlb.gov.sg/infopedia/articles/SIP_2013-07-29_173512.html
- Lai Teck
- http://en.wikipedia.org/wiki/Lai_Teck
- Singapore
- <http://en.wikipedia.org/wiki/Singapore>
- Malaysia
- <http://en.wikipedia.org/wiki/Malaysia>
- Wain, B. (2011, January 21). Lai Teck - the traitor of all traitors.
<http://heresthenews.blogspot.com/2011/01/lai-teck-traitor-of-all-traitors.html>
- Lu, R. (2015, March 23). Was Lee Kuan Yew an Inspiration or a Race Traitor? Chinese Can't Agree. <http://foreignpolicy.com/2015/03/23/was-lee-kuan-yew-an-inspiration-or-a-race-traitor-chinese-cant-agree/>

CHUYỆN TỪ VÙNG BIÊN GIỚI BẮC-NAM HÀN

Tháng 6, 2016, người viết có dịp thăm vùng phi quân sự giữa biên giới Bắc và Nam Hàn. Người hướng dẫn du lịch là một sĩ quan quân đội Nam Hàn về hưu và nói tiếng Anh lưu loát. Ông vừa làm việc thiện nguyện tại đài tưởng niệm Chiến Tranh Triều Tiên ở thủ đô Seoul và vừa làm hướng dẫn viên cho du khách nên có hiểu biết rộng rãi về lịch sử và thời sự Nam Hàn. Người viết cũng đọc khá nhiều sách vở về đời sống của người dân Bắc Hàn và hiểu chính sách tẩy não thâm độc của chế độ họ Kim áp đặt lên người dân Bắc Hàn từ khi sinh ra cho đến tuổi trưởng thành nên không lấy làm lạ. Chuyến xe du lịch chỉ có bốn người nhưng người hướng dẫn lẫn người viết đều quan tâm đến những vấn đề lịch sử, chiến tranh, thời sự nên thảo luận sôi nổi suốt đoạn đường từ thủ đô Seoul lên vùng biên giới.

“Làng Hòa Bình” bên kia sông Imjin

Buổi sáng trời mưa trên sông Imjin, máy hình chụp không rõ lắm

nhưng nhờ ống nhòm đặt trên trạm quan sát dành cho du khách gần vùng phi quân sự nên thấy khá rõ sinh hoạt của người dân Bắc Hàn dọc biên giới. Nhiều nhóm nông dân đang làm ruộng trên cánh đồng, một số chăn bò, một số khác cấy mạ. Ngoài ra, bên kia sông còn một dãy chung cư tương đối sang trọng.

Khu nhà sang trọng này được Bắc Hàn đặt cho một cái tên rất cao quý: Làng Hòa Bình (Kijŏng-dong). Khu vực có điện đèn hoàng và mỗi đêm đèn được bật sáng khi trời vừa tối. Nhưng không lâu sau khi được xây dựng, các cơ quan truyền thông quốc tế khám phá ra không ai sống trong những khu nhà đó. Nhà không có cửa kiếng và đèn được mở tắt tự động đúng giờ. Những người duy nhất hoạt động trong khu vực là phu quét đường, nhưng chính họ cũng chỉ làm công việc tuyên truyền để gây ấn tượng “Làng Hòa Bình” đang sinh hoạt bình thường.

Cách một dòng sông hẹp nhưng đời sống vật chất và nhất là tinh thần giữa Nam và Bắc Hàn xa như thiên đàng và địa ngục. Trong lòng người viết chột dâng lên niềm thương cảm cho số phận những con người bất hạnh bên kia.

Với chính sách trồng người thâm độc của bộ máy tuyên truyền Bắc Hàn, cái nhìn của người dân Bắc Hàn về mọi lãnh vực đã hoàn toàn bị thay đổi. Họ có thể không còn biết tủ thân cho cuộc đời nô lệ của mình mà trái lại lại cảm thấy vui và hãnh diện với “chân lý” “không có gì quý hơn độc lập, tự do” đã đóng đinh vào nhận thức họ từ khi mới ra đời. Cũng chính “chân lý” đó đã giết khoảng ba triệu người Việt Nam và đang tàn phá một dân tộc có hơn bốn ngàn năm văn hiến.

Trong trường học, học sinh Bắc Hàn được dạy người dân Nam Hàn nghèo đến nỗi không có nhà để ở, phải sống trong gầm cầu và ăn mặc rách rưới. Mỗi khi nhìn sang bờ nam sông Imjin, người dân Bắc Hàn bị tẩy não cảm thấy xót thương cho dân Nam Hàn

khốn khổ đang chịu đựng “dưới gót giày đế quốc Mỹ.” Họ hãnh diện vì hạt lúa họ gieo, nắm mạ họ cấy là chính từ bàn tay “độc lập, tự do” của họ chứ không phải “ăn bám đế quốc Mỹ” như mấy chục triệu người miền Nam. Họ được dạy Bắc Hàn là xứ sở thần tiên nhất trên đời. Không ít người dân Bắc Hàn sinh ra, lớn lên, già nua và chết đi trong “niềm kiêu hãnh” đó.

Trong tất cả các nước từng chịu đựng chiến tranh do chủ nghĩa CS xâm lăng, có lẽ Triều Tiên là gần gũi và dễ so sánh với Việt Nam nhất nên nghĩ đến Triều Tiên không khỏi cùng lúc liên tưởng đến Việt Nam.

Bên kia sông Bến Hải

Đa số người Việt bên kia sông Bến Hải một thời đã nghĩ về miền Nam giống như người dân Bắc Hàn đang nghĩ về Nam Hàn. Ngay cả hôm nay không ít trong số trong số họ vẫn chưa gạt bỏ hẳn nhận thức đó. Tệ hơn Bắc Hàn ở chỗ, tại Việt Nam, không chỉ những người dân sống trong các vùng rừng núi xa xôi hẻo lánh mà ngay cả những người có trình độ học vấn cao, mang hàm phó giáo sư, giáo sư, tiến sĩ cũng bị nhiễm loại vi trùng “không có gì quý hơn độc lập tự do” tương tự.

Sau 41 năm, một số đã biết đó không phải là sự thật và biết mình bị lừa gạt nhưng vẫn cố tìm một số lý do “khách quan” để biện minh, để lý giải cho nhận thức sai lầm của mình. Họ không đủ can đảm để chống lại chế độ và cách lý giải dễ dàng nhất là đổ thừa cho hoàn cảnh, cho số phận, cho lịch sử thay vì cho đảng CSVN.

Khi được hỏi “Nếu Mỹ không can thiệp bằng quân sự kịp thời, theo anh, liệu tình huống sẽ ra sao?” Người hướng dẫn chỉ về phía Bắc Hàn và nói “Nếu Mỹ không can thiệp, miền Nam không thể ngăn chặn được CS miền Bắc”, “Rồi sao?” “Còn sao nữa, hôm nay chỉ có một Triều Tiên Cộng Sản như Bắc Hàn vậy đó,” anh trả lời

nhanh và gọn.

Mỹ cũng can thiệp để ngăn chặn CS tại miền Nam Việt Nam nhưng trong một tình huống khác. Thế Chiến thứ Hai chấm dứt từ lâu và một cuộc chiến tranh, dù quy ước hay du kích, cũng không thể thắng bằng chiến lược chỉ tập trung phòng thủ miền Nam.

Mối liên hệ giữa Chiến tranh Triều Tiên và Chiến tranh Việt Nam

Nếu không có Chiến tranh Triều Tiên, cục diện chiến tranh Việt Nam có thể đã khác. Chiến tranh Triều Tiên để lại cho cả Trung Cộng lẫn Mỹ một bài học về giới hạn sử dụng phương tiện chiến tranh, hỏa lực và nhân lực. Đối với Trung Cộng, Bắc Hàn và Bắc Việt là vòng đai an ninh (buffer zone) của Trung Cộng và Mỹ chỉ muốn ngăn chặn CS từ vĩ tuyến 17 chứ không muốn tái diễn cuộc chiến trực tiếp với Trung Cộng dù thắng cũng vô cùng tốn kém một lần nữa.

Dân Nam Hàn may mắn hơn VNCH vì Kim Nhật Thành sau khi không nuốt được Nam Hàn đã chấp nhận ngưng chiến. Họ Kim độc tài tàn bạo nhưng còn biết dừng lại, Hồ Chí Minh và lãnh đạo CSVN thì không. CSVN nhất định “chống Mỹ cứu nước” cho đến khi nào CS hóa toàn cõi Việt Nam. Sinh mạng của nhiều triệu người Việt, tương lai bao nhiêu thế hệ Việt Nam, viễn ảnh một Việt Nam nghèo nàn thua sút phần lớn nhân loại không nằm trên bàn tính của Bộ Chính trị đảng CSVN. Bài học chiến tranh Triều Tiên chưa phai mùi thuốc súng với hơn 3 triệu người thiệt mạng chỉ trong vòng 37 tháng đánh nhau không làm họ phân vân. Khả năng Mỹ trực tiếp đưa quân tham chiến và nhiều triệu tấn bom sẽ được ném xuống hai miền đã không làm họ phải do dự. Lãnh đạo CSVN chỉ cần chiến thắng, dù chiến thắng trên máu xương của đồng bào ruột thịt, trên xác đám trẻ thơ vừa mới chào đời, trên cảnh tương tàn phân hóa tận cùng của đất nước.

Trường hợp giáo sư Oh Kil-nam

Hiện có mấy chục ngàn người dân Bắc Hàn đào thoát sang Nam Hàn bằng nhiều cách và thật khó tin nhưng cũng có người từ Nam Hàn đào thoát sang Bắc Hàn. Nổi tiếng nhất là trường hợp đào thoát đi và đào thoát về của giáo sư kinh tế Oh Kil-nam.

Oh Kil-nam là một trí thức Nam Hàn có đầu óc tả khuynh và tham gia các cuộc biểu tình chống chính phủ Nam Hàn trong đầu thập niên 1980. Ông ta bị ảnh hưởng bởi tư tưởng CS khi học tại Đức và những lời tuyên truyền đường mật của Bắc Hàn nên đã đưa cả gia đình gồm vợ và hai con gái đào thoát sang Bắc Hàn năm 1985 qua ngã Đông Đức rồi Liên Xô. Khi đến Bắc Hàn, Oh Kil-nam mới biết đó không phải là thiên đường mà là địa ngục trần gian. Mỗi ngày ông ta phải học tập tư tưởng Juche của Kim Nhật Thành và ban đêm phải đọc những tin tức, bài vở tuyên truyền trên đài phát thanh phát sóng sang Nam Hàn.

Năm sau, 1986, Oh được Bắc Hàn cử sang Đức để tìm cách lôi kéo thêm các trí thức Nam Hàn khác đang du học tại Đan Mạch. Khi vừa bước xuống phi trường, Oh đi thẳng đến văn phòng di trú tại phi trường để xin tỵ nạn chính trị mặc dù vợ và hai con gái vẫn còn bị giữ lại tại Bắc Hàn.

Năm 1992, Oh Kil-nam trình diện tòa đại sứ Nam Hàn và trở lại Nam Hàn. Sự ngu xuẩn của Oh Kil-nam, như chính ông thừa nhận, khiến ông ta chịu đựng đau khổ đã đành nhưng kéo theo sự chịu đựng của ba phụ nữ vô tội. Từ khi Oh Kil-nam đào thoát khỏi Bắc Hàn, vợ con ông ta bị tổng giam vào trại tập trung và sống trong điều kiện vô cùng đau khổ. Bà Oh Kil-nam cuối cùng đã chết trong trại tập trung năm 2012 và số phận hai con gái của ông ta cũng bất tin.

Người viết chợt nhớ đến câu nói của Yuri Alexandrovich

Bezmenov, một chuyên viên tình báo Liên Xô đào thoát sang phía tự do, diễn tả tình trạng tinh thần của những người bị tẩy não: “Ngay cả mang anh ta tới tận Liên Xô và chỉ cho anh ta thấy trại tập trung, anh ta cũng không tin... cho đến lúc anh ta bị đá ngay vào đất, khi bị giày đinh đập lên anh, rồi anh ta mới hiểu. Nhưng không phải trước đó. Đó là thảm kịch của trình trạng bị băng hoại về đạo đức trong con người.” Câu nói của Yuri Alexandrovich Bezmenov là một chứng minh hùng hồn cho trường hợp của “nhà trí thức” Oh Kil-nam. Ông ta chắc đã đọc rất nhiều sách vở về CS nhưng không thấy được bộ mặt thật của chế độ độc tài dã man Bắc Hàn cho đến khi đặt chân sang Bình Nhưỡng.

Những Oh Kil-nam Việt Nam nên sống ở “Làng Hòa bình” một thời gian

Việt Nam có rất nhiều Oh Kil-nam.

Sự kiện “Tôn Nữ Thị Ninh chống Bob Kerrey” vừa qua cũng cho thấy tầng lớp “băng hoại về đạo đức” như Alexandrovich Bezmenov phát biểu còn đầy đầy tại Việt Nam.

Giống như Oh Kil-nam Nam Hàn đã phó mặc số phận vợ con trong trại tập trung Bắc Hàn, những Oh Kil-nam Việt Nam là những người có kiến thức nhưng thiếu đạo đức. Đạo đức mà họ có chỉ là đạo đức giả. Tại sao? Họ học các nguyên tắc dân chủ, từng sống trong chế độ dân chủ, rao giảng các lý thuyết dân chủ cho học trò, khoe khoang kiến thức về dân chủ nhưng lại cong lưng làm nô bộc cho một chế độ độc tài lạc hậu đã bị xếp vào quá khứ đau thương tang tóc của nhân loại. Không có tầng lớp xương nhốt này, bộ máy già nua CS sẽ phải ngừng hoạt động.

Nhiều tác giả phê bình bà Tôn Nữ Thị Ninh và phe cánh đề nghị họ nên mở mắt nhìn xa sang các nước tự do, dân chủ và thịnh vượng để biết Việt Nam cần phải vượt qua và đi lên với phần đông

nhân loại. Không. Bà Tôn Nữ Thị Ninh và phe cánh đầu cần phải nhìn sang châu Âu, Nhật Bản, Nam Hàn vì họ đã học ở đó, đã sống ở đó hay đã đến đó nhiều lần. Nhưng họ có mắt mà không thấy. Bởi vì, nỗi khổ đau và sự chịu đựng của con người không thể thấy được bằng đôi mắt thường mà bằng đôi mắt lương tri.

Và người viết chợt nghĩ, biết đâu nếu họ sống trong “Làng Hòa Bình” của Kim Jong-un một thời gian với hy vọng như Yuri Alexandrovich Bezmenov nhận xét cho đến khi “bị đá ngay vào đít, bị giày đing đạp lên” như Oh Kil-nam, đôi mắt lương tâm và đạo đức trong con người họ sẽ có dịp mở ra.

KIM JONG-UN THỬ BOM NGUYÊN TỬ VÀ PHẢN ỨNG CỦA TẬP CẬN BÌNH

Ngày 6 tháng Giêng 2016, phát ngôn nhân quân đội Bắc Hàn tuyên bố đã thử thành công loại bom nguyên tử nhiệt hạch (thermonuclear bomb). Thể loại chính xác của bom vẫn còn đang được các chuyên viên phân tích nhưng đa số đồng ý là bom nguyên tử.

Thoạt đầu, nhiều người nghĩ việc thử nghiệm nhắm vào Mỹ. Thật ra là nhắm vào Trung Cộng.

Douglas H. Paal, Giám đốc Chương trình Hòa Bình Quốc Tế thuộc Carnegie Endowment tại Washington DC cho rằng “Bắc Hàn vừa chế nhạo Trung Quốc, và điều đó sẽ tạo ra phản ứng.”

Đúng vậy. Hoa Xuân Oánh, Phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Trung Cộng tuyên bố ngay sau đó rằng “Trung Quốc phản đối mạnh mẽ việc Bắc Hàn thử bom nguyên tử và cương quyết thúc đẩy việc giải giới nguyên tử trên bán đảo Triều Tiên.”

Người khó chịu nhất là Tập Cận Bình

Mới tháng 10 năm 2015, Bắc Hàn đồng ý với Tập Cận Bình sẽ ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử. Họ Tập cần một bán đảo

Triều Tiên ổn định để hoàn thành các mục tiêu khác ở Biển Đông. Bất ổn tại bán đảo Triều Tiên sẽ làm cho Nhật, Nam Hàn và Mỹ có cơ để tăng cường quân sự.

Tuy nhiên, Hoa Xuân Oánh không trả lời câu hỏi liệu Trung Quốc sẽ trừng phạt kinh tế Bắc Hàn. Bởi vì, tuy khó chịu, Tập Cận Bình cũng không làm gì được Bắc Hàn một cách cụ thể.

Hai đảng CS mà Trung Cộng tìm mọi cách để giữ chặt là Bắc Hàn và Việt Nam.

Trong bài viết “Tranh chấp Mỹ–Trung, một cảnh giác cho lòng yêu nước” đăng trên talawas sáu năm trước, người viết có nhận xét rằng không ai biết rõ, hiểu rõ Bắc Hàn và Việt Nam hơn đàn anh Trung Cộng và cũng không ai hiểu thế mạnh thế yếu của đàn anh Trung Cộng hơn Bắc Hàn và Việt Nam.

Như lịch sử chứng minh, Trung Cộng phải làm tất cả những gì có thể làm, kể cả hy sinh mạng sống của nhân dân họ để duy trì ảnh hưởng với đảng CS Việt Nam và Đảng Lao động Bắc Hàn. Trung Cộng từng gửi một triệu “chí nguyện quân” sang Bắc Hàn và gửi 320 ngàn quân sang Bắc Việt để bảo vệ hai nước đệm (buffer states) này. Mối lo lớn nhất trong đầu các lãnh đạo Trung Cộng là lo bị bao vây.

Trung Cộng hàng năm đã dành một nguồn tài nguyên, của cải lớn để nuôi dưỡng Bắc Hàn.

Mặc dù không có tài liệu chính thức nào cho biết tổng số viện trợ Trung Cộng dành cho Bắc Hàn là bao nhiêu nhưng cả thế giới đều biết nguồn viện trợ chính của Bắc Hàn không đến từ đâu khác hơn là Trung Cộng. Theo báo Korea Times, Trung Cộng cung cấp gần hết nguồn năng lượng cho Bắc Hàn và một nửa số thực phẩm người dân Bắc Hàn đang dùng mang nhãn hiệu Trung Cộng. Một số nhà phân tích chính trị cho rằng hành vi và cách cư xử bất

thường của các lãnh tụ Bắc Hàn từ Kim Chính Nhật trước đây và bây giờ con y là Kim Jong-un trong quan hệ ngoại giao quốc tế nhiều khi đặt giới lãnh đạo Trung Cộng vào vị thế khó xử. Vàng, nhưng dù sao, với Trung Cộng, một Kim Jong-un bất bình thường vẫn tốt hơn là một Kim Jong-un bình thường, một Bắc Hàn tự cô lập vẫn tốt hơn là một Bắc Hàn mở rộng.

Giả thiết, vì bất cứ lý do gì, Bắc Hàn trở mặt với Trung Cộng, quay sang bắt tay với Mỹ, hòa giải với Nam Hàn, mở cửa ngoại thương, hội nhập vào thế giới v.v... quả thật vô cùng bất lợi cho Trung Cộng. Nếu một ngày nào đó Kim Jong-un bỗng đứng “buông đao đồ tể” lên tiếng kết án khủng bố, xin lỗi nạn nhân, Trung Cộng sẽ phải lo lắng nhiều hơn là mừng rỡ.

Nếu một biến cố quân sự xảy ra giữa Nam Bắc Hàn, làn sóng ty nạn khổng lồ sẽ tràn ngập biên giới phía đông bắc Trung Quốc, hạ tầng kinh tế gây dựng bấy lâu nay của Trung Cộng sẽ lung lay và có thể cả toàn bộ thượng tầng kiến trúc chính trị cũng sẽ tiêu vong theo.

Không có Kim Jong-un, chung quanh Trung Cộng sẽ còn lại toàn là kẻ thù. Ngoài mấy chục ngàn quân Mỹ và Hạm đội thứ Bảy hùng hậu đặt bản doanh ở Yokosuka, Trung Cộng còn bị bao vây bởi hai anh khổng lồ Nhật Bản và Ấn Độ.

Kim Jong-un biết rõ thế yếu của Trung Cộng nên sử dụng vị trí sân sau và lá bài võ khí nguyên tử của mình một cách có lợi cho việc duy trì quyền lãnh đạo tuyệt đối trên bán đảo Triều Tiên.

Không có tài trợ từ Trung Cộng, Bắc Hàn sẽ sụp đổ; nhưng không có Bắc Hàn, phòng tuyến an ninh của Trung Cộng dài 1400 km phía Đông Bắc sẽ bị phá vỡ.

Trung Cộng ưa thích Kim Jong-un? Chắc là không, nhưng cần thì quá cần.

BRUCE SPRINGSTEEN VÀ BARACK OBAMA, HAI CÁNH ẼN TỰ DO

Nhìn ánh mắt hân hoan, bàn tay dang rộng, nụ cười miềm nở của người dân Sài Gòn khi đón chào TT Hoa Kỳ Barack Obama chiều 24 tháng 5, 2015 trừ phi lãnh đạo CSVN đui mù cảm điếc hết, họ phải biết chế độ độc tài toàn trị CS diễn ra suốt 41 năm trên đất nước Việt Nam đang vào đoạn kết.

Ngày nào, tháng nào hay năm nào chế độ sẽ sụp có thể không ai trả lời chính xác nhưng chắc chắn bức màn tuyên truyền lừa dối sẽ bị xé nát, mọi tội ác của CSVN từ năm 1930 sẽ được phơi bày ra ánh sáng, nước mắt sẽ ngừng rơi và cây tình thương dân tộc sẽ hồi sinh trên quê hương khốn khổ.

Người viết tiên đoán một cách quá lạc quan chăng? Không. Lịch sử nhân loại và lịch sử tranh đấu của nhân dân Việt Nam suốt 41 năm qua đã chứng minh điều đó một cách hùng hồn.

Đông Bá Linh đêm 19 tháng 7, 1988

Bruce Springsteen và E Street Band của ông được phép trình diễn một chương trình nhạc tại Đông Bá Linh.

Số người tham dự theo ước lượng của chính phủ Đông Đức là 160 ngàn người có vé và một số gần tương đương tràn vào không vé.

Thay vì dùng chương trình “Bruce Springsteen and E Street Band” như tại Hoa Kỳ hay nhiều nơi khác, chính phủ CS Đông Đức lợi dụng cơ hội để tuyên truyền nên đổi tên thành “Concert for Nicaragua” để ủng hộ chế độ CS Sandinista ở Nicaragua, Nam Mỹ.

Bruce Springsteen rất giận khi nghe tin chương trình nhạc của ông bị dán chống lên bằng một nhãn hiệu tuyên truyền CS nhưng không phản ứng. Vào giữa chương trình, Springsteen bất chấp những hạn chế mà lãnh đạo CS Đông Đức đưa ra trước, đã rút ra một mảnh giấy và đọc lớn bằng tiếng Đức “Tôi đến đây không phải vì chính quyền hay chống chính quyền. Tôi đến để chơi nhạc “rock and roll” tặng các bạn, với niềm hy vọng rằng một ngày mọi rào cản sẽ bị phá bỏ.” Chữ “rào cản” mà Bruce Springsteen muốn nói không gì khác hơn là Bức tường Bá Linh.

Chương trình được phép truyền hình sau vài phút kiểm duyệt nên câu nói của Springsteen bị khám phá và cắt bỏ nhưng tiếng vỗ tay của 300 ngàn khán giả, đa số là thanh niên, có mặt tại chỗ vang dội một góc trời.

Có nguồn tin cho rằng chính quyền CS Đông Đức cho phép Bruce Springsteen trình diễn là để đo lường thái độ và lòng tin của người dân vào đảng CS và qua đó có những biện pháp trấn áp cũng như các chính sách tuyên truyền thích nghi.

Chương trình nhạc của Bruce Springsteen là điểm báo cho lãnh đạo CS Đông Đức biết chế độ sụp đổ chỉ là vấn đề thời gian. Sau những cuộc biểu tình của dân chúng, Egon Krenz lên thay thế Erich Honecker và hứa sẽ đem lại nhiều “đổi mới” từ trung ương

đến địa phương nhưng những con cá gỗ “đổi mới” đã không còn lửa gát được người dân Đông Đức. Chỉ hơn một năm sau, Bức tường Bá Linh sụp đổ.

Sài Gòn chiều 24 tháng 5, 2016

Hàng trăm ngàn dân Sài Gòn đứng dọc hai bên đường từ phi trường Tân Sơn Nhất vào trung tâm thành phố để chào đón TT Barack Obama bằng mắt sáng ngời, nụ cười rạng rỡ và bàn tay vẫy gọi ân cần. Tất cả đều phát xuất từ tấm lòng trong sáng, không hận thù, không sợ hãi. Eric Schultz, phụ tá báo chí Tòa Bạch Ốc xúc động nhận xét “hàng trăm nghìn người tập trung trên các tuyến phố chào đón TT Hoa Kỳ” và “tôi chưa từng chứng kiến điều này trong 5 năm làm việc tại Tòa Bạch Ốc.” Đoạn phim do phóng viên Pete Souza đăng lên Instagram của ông cho thấy hàng hàng lớp lớp người dân chào đón TT Obama. Ben Rhodes, Phụ Tá Cố Vấn An ninh Quốc gia Hoa Kỳ ngạc nhiên và cho biết họ sẽ không bao giờ quên sự chào đón mà người dân Sài Gòn đã dành cho họ.

Những hiện tượng đó rất hiếm thấy trong những buổi đón tiếp các lãnh đạo ngoại quốc.

Người dân Sài Gòn hiếu khách? Không đúng hẳn. Người dân Sài Gòn hiếu tự do và họ chào mừng TT Hoa Kỳ nồng nhiệt bởi vì ông ta là đại diện của thế giới tự do.

“Bầu cử Quốc Hội” tại Đông Đức và Việt Nam

Giống như tại Việt Nam, sau khi Bruce Springsteen đến, Đông Đức cũng có một cuộc “bầu cử quốc hội” tổ chức vào tháng 5, 1989. Các nhà phân tích chính trị châu Âu ngày đó cho rằng cuộc “bầu cử quốc hội” tại Đông Đức là một thất bại của đảng CS vì chỉ có 98.5% “cử tri” đi bầu. Trùng hợp một cách thích thú, tháng 5, 2016, Việt Nam cũng có một cuộc “bầu cử quốc hội” và kết quả gần giống như Đông Đức với chỉ có 98.7% “cử tri” đi bầu. Dưới chế

độ CS toàn trị, một phần trăm “cử tri” không đi bầu là đã quá nhiều và là một thất bại của đảng.

Mục đích của lãnh đạo CS khi tổ chức bầu cử quốc hội, Đông Đức hay CSVN, không phải để bầu nên một cơ quan lập pháp mới mà là một công việc thuần túy tuyên truyền. Chính sách tuyên truyền thay đổi theo chủ trương của đảng, bằng chứng tại Việt Nam, sau lần “bầu cử” 1946, đảng CSVN không thấy cần có quốc hội nên suốt 14 năm sau đó, họ chẳng màng nghĩ đến chuyện bầu bán làm gì. Nhưng chính 300 ngàn người dự chương trình nhạc của Bruce Springsteen và mấy trăm ngàn dân Sài Gòn sắp hàng chào đón TT Obama mới thật sự đã đi bầu. Sự có mặt của người dân là một hình thức bỏ phiếu công khai, cụ thể và rõ rệt nhất. Người dân hai nước đã bầu cho tự do dân chủ. Đông Đức bầu cho Bruce Springsteen và Việt Nam bầu cho Barack Obama. Hai đại biểu tự do đắc cử tại Đông Đức và Việt Nam đều là người Mỹ.

Ấn ý của TT Obama

Trong thời gian thăm viếng Việt Nam tuy ngắn ngủi, TT Obama đã nhiều lần nhấn mạnh đến quan điểm “vận mệnh Việt Nam nằm trong tay người Việt.”

Đây không phải là câu nói riêng của TT Obama và chỉ mới nghe được lần đầu. Nhiều người, quốc tế cũng như Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước quan tâm đến Việt Nam đã phát biểu tương tự. Không ai cứu được Việt Nam ngoài chính dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên có một điểm khác. TT Obama muốn nhấn mạnh rằng vai trò của Hoa Kỳ thông qua các chính sách hợp tác kinh tế và đối ngoại tại Á Châu là một cách góp phần tạo ra không gian và kéo dài thời gian để người Việt Nam có thêm cơ hội chọn lựa một cơ chế chính trị cho mình.

Trong cương vị tổng thống, TT Obama không thể kêu gọi người dân Việt Nam xuống đường hay đứng lên lật đổ chế độ độc tài nhưng trong ẩn ý, ông mong muốn nhân dân Việt Nam, bằng mọi cách thích nghi, hãy mạnh dạn chọn lựa một tương lai chính trị cho đất nước Việt Nam. TT Obama cam kết “Và trong khi các bạn theo đuổi tương lai mà các bạn muốn, tôi muốn các bạn biết rằng nước Mỹ sẽ ở ngay bên cạnh các bạn, như một đối tác, và một người bạn.”

Hơn bất cứ một quốc gia nào khác, vì lý do lương tâm (58 ngàn người Mỹ đã chết để bảo vệ tự do của miền Nam Việt Nam), chính trị (góp phần tạo dựng cơ chế chính trị đối lập với Trung Cộng) và quân sự (lắp kín nút chặn trên cả đường bộ lẫn đường biển ra Biển Đông và Nam Á Châu của Trung Cộng), chính phủ Hoa Kỳ muốn thấy Việt Nam thật sự là nước tự do dân chủ, phát triển, hợp tác chiến lược với Hoa Kỳ.

TT Harry Truman đã không gọi chiến hạm lừng danh USS Missouri viếng thăm Thổ Nhĩ Kỳ năm 1946 nếu chính phủ Thổ không cam kết theo đuổi con đường dân chủ và chống lại Liên Xô. Thổ Nhĩ Kỳ dân chủ đã làm cán cân sức mạnh quân sự nghiêng hẳn về phía Tây Phương và quốc gia có lợi nhất cũng chính là Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong Thông Cáo Chung của G7 (Canada, Pháp, Đức, Anh, Ý, Nhật và Hoa Kỳ) tại Nhật vừa được công bố hôm 27 tháng 5, Hoa Kỳ và sáu cường quốc đồng minh khẳng định sẽ tiếp tục duy trì các nguyên tắc hàng hải phù hợp với UNCLOS (The United Nations Convention on the Law of the Sea) và xác định quyền của các quốc gia phải được dựa trên luật pháp quốc tế thay vì các hành động đơn phương.

Thông Cáo Chung cũng bày tỏ sự quan tâm một cách cụ thể và chi tiết của G7 về tình trạng tại Biển Đông. Thông Cáo Chung còn

quá mới nên chưa đọc được phản ứng của Trung Cộng nhưng theo báo chí quốc tế đó là một cái tát vào mặt Tập Cận Bình.

Mặc dù lợi thế quân sự của Mỹ vẫn còn trên rất cao so với Trung Cộng, với quan hệ kinh tế vô cùng phức tạp và tinh tế trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, ngoài việc tạo không gian, điều kiện và kéo dài thời gian như đang làm qua TPP hay tại hội nghị G7 vừa bế mạc, chính phủ Mỹ, trước đây, hiện nay và trong tương lai gần, sẽ không thể can thiệp trực tiếp vào nội bộ chính trị Việt Nam hay đương đầu trực tiếp với Trung Cộng về quân sự.

Chỉ có sức mạnh của người dân Việt Nam mới là yếu tố quyết định. Một Việt Nam dân chủ sẽ làm thay đổi hẳn khuôn mặt chính trị tại Á Châu và giống như Thổ Nhĩ Kỳ trước đây sẽ rất có lợi cho Việt Nam.

Chuyển động xã hội làm thay đổi cơ chế chính trị

Như người viết đã trình bày trong bài “Để thắng được Trung Cộng” chính sự chuyển động đi lên của nhận thức con người là lý do chính dẫn đến sự sụp đổ của chế độ CS. Sự chuyển hóa tri thức nhanh hay chậm tùy theo điều kiện mỗi nước nhưng là một tiến trình không thể bị ngăn chặn bởi bất cứ một cơ chế độc tài nào.

Giáo sư Archie Brown thuộc đại học Oxford, Anh quốc, trong tác phẩm Sự vươn lên và sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản (The Rise And Fall Of Communism) nêu ra 8 lý do khiến chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ, trong đó lý do hàng đầu không phải là kinh tế hay quân sự mà là sự thay đổi nhận thức xã hội.

Người Việt quan tâm đến vận mệnh đất nước có lý do chính đáng để nóng lòng nhưng nếu nhìn lại sẽ thấy các phong trào xã hội, phong trào dân chủ tại Việt Nam đã lớn lên, tuy chậm nhưng không ngừng lớn lên và mở rộng.

Dây chùm gởi CSVN ăn bám quá lâu và quá sâu vào thân cây Việt Nam nên phải cần nhiều thời gian hơn những nước khác để gỡ chúng ra.

Thật vậy, nếu chọn thời điểm Bác sĩ Nguyễn Đan Quế chính thức công bố “Lời Kêu Gọi của Cao Trào Nhân Bản” vào năm 1990 làm mốc thời gian, sau 26 năm Việt Nam đã có hàng trăm, hàng ngàn đoàn thể xã hội, từ dân oan, báo chí, phụ nữ, lao động được hình thành. Khu vườn dân chủ ngày đó chỉ có một bông hoa nở ra trong mưa bão. Hôm nay đã khác. Mưa bão chưa qua nhưng khu vườn đã có nhiều bụi hoa thơm nở ra từ hy vọng và niềm tin vào tương lai dân tộc.

Khát vọng của con người dù Đông Đức hay Việt Nam giống như những mạch nước nhỏ chảy một cách khó khăn xuyên qua bao kẻ đá nhưng không hề ngưng chảy. Và các lãnh đạo phong trào dân chủ cũng thế, có người bước xuống nhưng đã có người khác bước lên, chuyển tàu lịch sử vẫn tiếp tục tiến về phía trước.

Lịch sử nhân loại cho thấy không bạo lực nào có thể ngăn được sự chuyển động đi lên của nhận thức con người. Như người viết đã mở đầu, trừ phi lãnh đạo CSVN đui mù cảm điếc hết, họ phải biết chế độ độc tài CSVN diễn ra trên đất nước Việt Nam sắp sửa cáo chung.

Bruce Springsteen và Barack Obama là hai cánh én tự do nhưng mùa xuân không đến từ cánh én ghé qua một đôi ngày mà phải được mang về bằng bầy én Việt Nam. Mùa xuân rồi sẽ đến.

“DÂN CẦN MINH BẠCH” QUA KINH NGHIỆM MÔNG CỔ

Cách mạng dân chủ từ Âu sang Á đều phát xuất từ sức mạnh của các tầng lớp nhân dân lựa chọn sự dứt khoát với quá khứ, đồng hành về phía tương lai tự do dân chủ của dân tộc và thời đại. Trong lịch sử hiện đại chưa có sự thay đổi căn bản của một xã hội từ độc tài CS sang dân chủ tự do bằng những lời van xin, những thư thỉnh nguyện.

Người viết đã trình bày khá nhiều về các cuộc cách mạng Liên Xô, Đông Âu, các nước Bắc Phi và gần đây là Miến Điện, nơi đó các lãnh tụ cách mạng là những nhân vật được thế giới quan tâm theo dõi và độc tài lo ngại khi phải nặng tay với họ. Lần này, xin giới thiệu với bạn đọc một lãnh tụ dân chủ còn khá xa lạ với chúng ta.

Tsakhiagiin Elbegdorj và cách mạng dân chủ Mông Cổ

Anh tên là Tsakhiagiin Elbegdorj, sinh năm 1963, lãnh tụ của phong trào dân chủ Mông Cổ. Năm 1989, Elbegdorj, người được ca ngợi như là Thomas Jefferson của Mông Cổ còn là một thanh niên 26 tuổi mới từ Liên Xô trở lại quê hương sau khi hoàn tất chương trình đại học báo chí và triết học Mác Lê.

Trên đường từ Moscow về lại Ulaanbaatar, hành trang của Elbegdorj không phải là sách vở về chủ nghĩa CS mà anh học ở trường đảng nhưng là những đổi thay từ chính sách Glasnost (Cởi mở) của Mikhail Gorbachev. Anh đã suy nghĩ rất nhiều khi nhìn những hạt mưa dân chủ đang bắt đầu nhỏ giọt xuống vùng đất bảy mươi bốn năm hạn hán trong độc tài CS và mơ ước những đổi thay sẽ đến cho dân tộc anh ta.

Mông Cổ có một vị trí địa lý chính trị rất khó khăn. Quốc gia vùng trái độn này nằm giữa hai siêu cường CS Liên Xô và Trung Quốc, phía tây là một nhóm các quốc gia Trung Á độc tài và xa hơn phía Đông là một Bắc Hàn cô lập. Trung Cộng có thể sẽ áp lực chính trị và ngay cả có khả năng can thiệp bằng quân sự để ngăn chặn phong trào dân chủ như vết dầu loang.

Trong các giáo trình kinh tế chính trị của các trường đảng CS trung ương, Mông Cổ thường được dùng làm ví dụ để chứng minh cho quan điểm “đột biến cách mạng” của Lenin khi ông ta cho rằng một nước lạc hậu, phong kiến có thể nhảy vọt lên xã hội chủ nghĩa không phải qua giai đoạn tư bản. Điều đó cho thấy, ngay cả các nước CS cũng thừa nhận Mông Cổ còn trong vòng lạc hậu.

Tuy nhiên, nỗi lo lắng lớn nhất của Elbegdorj là hơn suốt 71 năm, quê hương của Đại Đế Thành Cát Tư Hãn chưa hề nghe đến hai chữ “tự do,” “dân chủ.” Ngoại trừ nền độc lập ngắn ngủi năm 1911, chiều dài lịch sử của Mông Cổ hiện đại bị che phủ trong bóng đen của tư tưởng độc tài CS. Nhưng anh cũng tin rằng nếu nhân dân Mông Cổ đoàn kết vì tương lai dân chủ, Mông Cổ sẽ vượt qua được những khiếm khuyết bên trong cũng như đe dọa từ bên ngoài.

Những “đổi mới” tại Liên Xô hay một số nước CS Đông Âu chỉ là những biện pháp vá vúi tạm thời. Theo Elbegdorj chỉ có dân chủ mới cứu được Mông Cổ. Dân chủ là đôi cánh đưa Mông Cổ ra khỏi

vòng nghèo đói, độc tài, bế tắc của một quốc gia vùng độn. Trong diễn văn ngày 28 tháng 11, 1989, Elbegdorj phát biểu “Mông Cổ cần dân chủ và minh bạch” và kêu gọi các tầng lớp nhân dân ủng hộ mục đích này.

Từ quan điểm đó, thay vì viết thư thỉnh nguyện lãnh đạo CS Mông Cổ thực hiện các chính sách tương tự như Glasnost của Mikhail Gorbachev, Elbegdorj và các bạn chủ trương Mông Cổ phải dứt khoát thay đổi từ CS sang dân chủ bằng một cuộc cách mạng bất bạo động. Tờ báo Elbegdorj phát hành đầu tiên năm 1989 được anh đặt tên là *Dân Chủ*.

Nhóm bạn của Elbegdorj tổ chức các cuộc biểu tình, các buổi tuyệt thực đòi dân chủ và minh bạch. Cuộc biểu tình tuyệt thực đầu tiên ngày 10 tháng 12 năm 1989 chỉ vón vện 13 người. Ngày nay lịch sử Mông Cổ gọi họ một cách kính trọng là “13 nhà dân chủ Mông Cổ đầu tiên” nhưng dĩ nhiên trong năm 1989, bộ máy tuyên truyền CS Mông Cổ gọi họ là “mười ba tên phản động.”

Nhưng những nhà dân chủ Mông Cổ đầu tiên đó không phải là những người làm nên lịch sử. Cuộc cách mạng dân chủ không làm rơi một giọt máu nào ở Mông Cổ là do đại đa số trong số 2.8 triệu dân Mông Cổ chọn đứng về phía tương lai, chọn dứt khoát với quá khứ, chọn đi trên con đường thời đại, trong số đó có cả Tổng Bí Thư CS thúc thời Jambyn Batmönkh.

Sau cách mạng dân chủ thành công, năm 1998, Elbegdorj được bầu vào chức vụ Thủ Tướng Cộng Hòa Mông Cổ và lần nữa nhiệm kỳ 2004-2006, và năm 2009, ông được bầu làm Tổng thống Cộng Hòa Mông Cổ.

Có một Elbegdorj Việt Nam?

Việt Nam chẳng những có một mà rất nhiều Elbegdorj đang sống khắp nơi, một số đang ở trong tù, một số vừa ra khỏi tù, một số

đang đấu tranh tích cực dù chưa bị tù.

Hành trang nhận thức cũng thế. Không giống như Elbegdorj sau cách mạng dân chủ thành công mới sang Mỹ học về lãnh đạo, Việt Nam có rất nhiều nhà dân chủ trẻ đã được trang bị những kiến thức sâu rộng về kinh tế, tài chính, khoa học, luật pháp và lãnh đạo chính phủ. Đó là chưa tính khối chuyên viên khổng lồ về mọi lãnh vực đang chờ cơ hội để cùng phục hưng và phát triển Việt Nam.

Chỉ riêng Trần Huỳnh Duy Thức, trẻ hơn Elbegdorj và Lưu Hiểu Ba (một trong những lãnh tụ Phong trào Thiên An Môn) nhưng về kiến thức khoa học, nhận thức chính trị, lý luận dân chủ, đức tính can đảm và lòng yêu nước đều không thua kém Lưu Hiểu Ba hay Elbegdorj nếu không muốn nói vượt qua. Trần Huỳnh Duy Thức đã gác qua nhiều cơ hội để thành một người giàu có và gác qua cơ hội để có tự do cho bản thân mình, bởi vì không có gì quan trọng hơn là đất nước. Một con người, một cuộc sống không thể đặt trên sự lầm than khốn khó của chín chục triệu đồng bào. Nếu có cơ hội, Trần Huỳnh Duy Thức và các bạn chắc chắn sẽ đóng một vai trò quan trọng và tích cực trong tiến trình dân chủ hóa Việt Nam.

Việt Nam đang thiếu ai?

Không được như Mông Cổ, Việt Nam đang thiếu thành phần những người dứt khoát với quá khứ để cùng đi với dân tộc và thời đại. Họ chiếm một số khá đông và đa số đều có học. Đặc điểm của thành phần chưa dứt khoát này là chỉ tập trung phê bình hiện tượng nhưng tránh nhắc đến bản chất, chỉ trích hậu quả nhưng cố tình bỏ qua nguyên nhân và không tìm đưa ra những biện pháp giải quyết.

Nhan nhân trong các bài viết, họ tập trung vào các mặt xấu trong xã hội để chứng tỏ họ cũng biết đau cái đau của ngư dân, đồng bào,

đồng loại nhưng chỉ dừng lại ở chỗ nỗi đau mà thôi. Đừng quên, nỗi đau không bao giờ dứt nếu không biết tại sao đau.

Một người có hiểu biết căn bản nào cũng phải hiểu chính cơ chế độc tài đảng trị CS đã biến con người Việt Nam vốn hiền hòa, chơn chất, yêu thương trong tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “chị ngã em nâng” thành những kẻ tham lam, hẹp hòi, kiếm tiền bằng cách đầu độc đồng bào cùng máu mủ với mình.

Không ít trong số những người không dứt khoát này là sản phẩm của nền giáo dục CS. Họ sẽ không thừa nhận nhưng chính những cây đinh tuyên truyền đóng vào nhận thức sâu đến mức làm họ hoài nghi tất cả những đổi thay không đến từ chủ trương của đảng.

Họ đồng ý rằng đảng CS đang có nhiều khiếm khuyết nhưng trong đường dài đảng có thể thay đổi. Sau bao nhiêu năm bị trui rèn, lòng tin đó đã bị điều kiện hóa và nở to thành một thói quen lệ thuộc vào đảng CS, trông chờ nơi đảng. Thành phần đó đang là vật cản đường cho cách mạng dân chủ tại Việt Nam.

Niềm hy vọng Elbegdorj

Học bài học đấu tranh dân chủ của Elbegdorj và nhân dân Mông Cổ để củng cố niềm tin và hy vọng cho cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam. Anh Elbegdorj đã không cô đơn khi ngồi tuyệt thực đòi minh bạch giữa mùa đông Mông Cổ và rồi người Việt cũng sẽ không cô đơn khi xuống đường đòi minh bạch trên khắp nẻo đường Việt Nam.

Elbegdorj không phải là con của khai quốc công thần như Aung San Suu Kyi, không phải là luật sư nổi tiếng như Nelson Mandela, không phải là lãnh tụ của phong trào Solidarity Ba Lan được cả Đức Giáo Hoàng và TT Reagan ủng hộ như Lech Wałęsa, không phải là người được trao giải Nobel Hòa Bình như cả ba người được nhắc trên đây. Trước 1989 không ai biết gì về Elbegdorj vì anh ta

chỉ là một người thợ mỏ, con trai của một người dân du mục chăn cừu trên thảo nguyên Mông Cổ.

Nhưng Elbegdorj có tình yêu sâu đậm dành cho đất nước và khát vọng tự do cho quê hương. Tình yêu nước và lương tri thời đại đã là ngọn đuốc thắp sáng quê hương anh và sáng cả tâm hồn người Việt cùng khát vọng như anh.

Trong buổi phỏng vấn dành cho báo *The New York Times* năm 2004, Thủ tướng Elbegdorj nhắc lại kỷ niệm buổi tuyệt thực đầu tiên “Chúng tôi muốn cho thế giới thấy rằng các giá trị thường được gọi là giá trị Tây phương không phải thuộc về Hoa Kỳ, châu Âu, Nam Hàn và Nhật Bản thôi nhưng còn thuộc về Mông Cổ.” Và hôm nay, các thế hệ trẻ Việt Nam đang tiếp lời Elbegdorj, “Giá trị tự do dân chủ không phải thuộc về Hoa Kỳ, châu Âu, Nam Hàn và Nhật Bản hay Mông Cổ mà còn là của Việt Nam nữa.”

THAM VỌNG VÀ NỖI LO CỦA TẬP CẬN BÌNH

Vào ngày 29 tháng 5, 2015, một viên chức Hoa Kỳ cho CNN biết các giàn pháo của Trung Cộng được tiết lộ trong bài báo của *The Wall Street Journal* đã không còn thấy trên không ảnh nữa, có thể đã được tháo gỡ hay che giấu.

Nhắc lại, một bài báo trên *The Wall Street Journal* ngày trước đó trích dẫn lời của một viên chức Hoa Kỳ tố cáo Trung Cộng đặt hai giàn pháo trên một trong hai đảo nhân tạo thuộc khu vực biển đang tranh chấp ở Trường Sa. Khám phá trên tờ *The Wall Street Journal* có kèm theo không ảnh cho thấy hàng trăm tàu bè Trung Cộng đang hoạt động trong vùng. Sau đó, hàng loạt các hãng tin và báo lớn của Hoa Kỳ đồng loạt đưa tin về sự hiện diện quân sự của Trung Cộng.

Điều này xác định sự nghi ngờ của Hoa Kỳ về việc Trung Cộng xây dựng các đảo nhân tạo cho các mục đích quân sự là đúng. Cũng theo tờ *The Wall Street Journal*, các giàn pháo Trung Cộng không đe dọa trực tiếp đối với các phi cơ hay tàu bè của Mỹ nhưng có khả năng bắn đến các quốc gia láng giềng đang tranh chấp với

Trung Cộng. Trung Cộng không bình luận gì về những tố cáo do phía Hoa Kỳ đưa ra.

Hành động của Trung Cộng cho thấy “Giấc mơ Trung Hoa” để làm chủ Á Châu của Tập Cận Bình và lãnh đạo CSTQ đang chuyển sang một giai đoạn mới.

Tham vọng Tập Cận Bình

Tập Cận Bình sinh ngày 15 tháng 6, 1953 trong một gia đình CS truyền thống. Họ Tập là con út của Tập Trọng Huân, nguyên là Trưởng ban Tuyên Huấn Trung Ương Đảng kiêm Phó Thủ tướng Trung Cộng. Trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa, Tập Trọng Huân bị thanh trừng xuống làm phó giám đốc một công ty sản xuất máy cày. Sau Cách Mạng Văn Hóa y được phục hồi và đảm nhiệm chức vụ Bí thư tỉnh Quảng Đông từ 1979 đến 1981.

Tập Cận Bình gia nhập đoàn thanh niên CS Trung Quốc năm 18 tuổi tại một nhà máy ở tỉnh Thiểm Tây và cũng tại nơi này y được kết nạp vào đảng CSTQ năm 21 tuổi. Chức vụ cuối cùng của Tập Cận Bình tại nhà máy là Bí thư Đảng bộ Khu sản xuất. Khi Tập Cận Bình rời nhà máy ở Thiểm Tây năm 22 tuổi, y được trao bằng khen Cá Nhân Xuất Sắc Về Nghiên Cứu Tư Tưởng Mao Trạch Đông.

Suốt thời gian trước khi gia nhập đảng CSTQ vào tháng Giêng 1974 đến cho khi nắm quyền chủ tịch đảng, Tập Cận Bình được trui rèn trong lý luận Mác Xít. Hầu hết hoạt động chính trị của y đều gắn liền với hệ thống đảng, từ chức vụ bí thư huyện ủy huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc năm 1982 cho đến Chủ tịch Quân Ủy Trung Ương Đảng CSTQ. Bằng tốt nghiệp đại học đầu tiên của y cũng về Tư tưởng và Lý luận Mác. Căn bản giáo dục Tập Cận Bình thừa hưởng từ gia đình cho đến xã hội đều được xây dựng trên nền tảng lý luận Cộng Sản. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch

đảng và nhà nước Trung Cộng Tập Cận Bình là Hiệu trưởng Trường Đảng Trung Ương. Do đó, không lạ gì khi quan điểm chính trị tư tưởng họ Tập gần với Mao hơn là gần với Đặng.

Không giống như Giang Trạch Dân hay Hồ Cẩm Đào, những kẻ được Đặng Tiểu Bình chọn lựa và rèn luyện, Tập Cận Bình không muốn núp dưới bóng họ Đặng. Bằng chứng tham vọng chỉ đúng sau Mao của Tập Cận Bình thể hiện trong ngày kỷ niệm sinh nhật Đặng Tiểu Bình. Ngày sinh nhật của các lãnh đạo tối cao Trung Cộng thường được xem như là một ngày lễ lớn. Nhất là sinh nhật của họ Đặng, ngày 22 tháng 8, 2014, càng quan trọng hơn vì đó là ngày kỷ niệm tròn 110 năm y ra đời tại Tứ Xuyên. Tháng trước đó báo chí Trung Cộng chuẩn bị lên khuôn các bài viết ca ngợi Đặng, lãnh đạo các cấp chuẩn bị các chương trình kỷ niệm rầm rộ để tưởng nhớ Đặng. Tuy nhiên, chỉ vài tuần trước ngày sinh nhật của Đặng, ngoại trừ trong nội bộ trung ương đảng, các chương trình kỷ niệm ngoài công chúng đều bị hủy bỏ. Tập Cận Bình, dĩ nhiên chưa dám phê bình hay chỉ trích các chính sách của Đặng Tiểu Bình nhưng trong các phát biểu cho thấy y muốn nhấn mạnh Đặng dù tài ba thao lược cũng chỉ là con người của một giai đoạn, một thời đại. Với y, họ Đặng thuộc về một giai đoạn của quá khứ và trong thời đại Trung Cộng ngày nay chỉ có Tập Cận Bình sau Mao Trạch Đông.

Nhưng cũng giống như Mao trong xung đột Đài Loan, Tập Cận Bình đang phải đối phó với chính sách ngăn chặn (Containment) của Mỹ không chỉ trong lãnh vực chính trị, kinh tế mà cả quân sự như đã từng áp dụng đối với Liên Xô trong Chiến tranh Lạnh. Để thoát ra khỏi vòng vây, Tập Cận Bình chủ trương quân sự hóa Biển Đông.

Tham vọng Tập Cận Bình qua bài học Hitler

Tham vọng của họ Tập là bản sao chủ trương của Hitler đã thực

hiện tại châu Âu trong những năm đầu thập niên 1930.

Học bài học Hitler để đương đầu với Trung Cộng là một điều cần thiết. Các điều kiện chính trị và phương tiện giúp Hitler nắm lấy quyền lực trong thập niên 1930 tại Đức và sự lớn mạnh của Trung Cộng hiện nay, có nhiều điểm giống nhau. Hai nguyên nhân đã được người viết trình bày trong nhiều bài trước: Tham vọng bành trướng trên phạm vi thế giới của Hitler về căn bản không khác nhiều so với tham vọng của lãnh đạo Trung Cộng; và chính sách nhân nhượng mà cố Thủ tướng Anh Neville Chamberlain đã áp dụng trong đàm phán với Hitler cũng tương tự như không khí chủ hòa trong nhiệm kỳ đầu của TT Obama là cơ hội tốt cho Trung Cộng gia tăng khả năng quân sự trong vùng Á Châu.

Mục đích của Hitler khi đưa quân vào vùng Rhineland năm 1936 là để thăm dò phản ứng của Anh và Pháp. Trước khi ra quân, Hitler chỉ thị các tướng lãnh Đức nếu quân đội Pháp can thiệp, không được đánh trả mà phải lập tức rút quân về. Quân Pháp không ngăn chặn, và thử nghiệm của Hitler thành công. Sau đó y tiếp tục thử nghiệm Áo, rồi Tiệp cho đến khi Thế Chiến thứ Hai bùng nổ ngày 1 tháng 9, 1939. Câu hỏi mà nhiều sử gia, nhiều nhà phân tích đặt ra rằng Thế Chiến thứ Hai có thể đã tránh được không? Phần lớn các nhà phân tích cho rằng có thể tránh được nếu các lãnh đạo thế giới thời đó kịp thời ngăn chặn tham vọng của Hitler. Các lãnh đạo châu Âu đã không ngăn chặn Hitler nên sau đó phần lớn châu Âu bị tàn phá và khoảng 80 triệu người bị giết. Và tương tự, Trung Cộng sẽ thiêu đốt Á châu nếu tham vọng bành trướng của Tập Cận Bình và lãnh đạo CSTQ không kịp thời bị ngăn chặn.

Thay đổi trong chính sách ngoại giao hai mặt của Mỹ đối với Trung Cộng (Dual-Track Policy)

Giáo sư Aaron L. Friedberg, thuộc đại học Princeton và nguyên

Phụ tá An ninh Quốc gia tại văn phòng Phó Tổng Thống vào năm 2005, giải thích chính sách này gồm hai mặt: vừa hợp tác xuyên qua ngoại giao, mậu dịch, khoa học kỹ thuật và văn hóa giáo dục nhưng đồng thời cũng tăng cường quân sự để đáp ứng với sự gia tăng quân sự của Trung Cộng trong vùng Đông Á qua các hợp tác quân sự với Úc, Nhật, Nam Hàn và Philippines.

Chính sách này bị phê bình vì trong giai đoạn đầu TT Barack Obama tỏ ra mềm dẻo, nghiêng nặng về phía đàm phán, thương thuyết trong khi Trung Cộng không hành xử với tư cách một cường quốc có trách nhiệm, cụ thể qua việc Bắc Hàn thử nghiệm hỏa tiễn tầm xa và việc Iran thí nghiệm nguyên tử. Ngoài ra, trong lúc Hoa Kỳ cắt giảm ngân sách quốc phòng, Trung Cộng lại gia tăng với mục đích nắm phần ưu thế, nhất là tại Á Châu. Trong thời gian qua, Hoa Kỳ đã điều chỉnh sách sách ngoại giao hai mặt và nghiêng về phần quân sự.

Tại Đại học Queensland, Brisbane, Úc trong dịp họp Thượng Đỉnh G20 tháng 11 năm ngoái, TT Obama cam kết “Hoa Kỳ sẽ tiếp tục sự can thiệp bằng mọi phương tiện trong quyền lực của Hoa Kỳ, ngoại giao, quân sự, kinh tế, phát triển, sức mạnh về giá trị lý tưởng của Hoa Kỳ.”

Sự kiện đưa máy bay thám thính tối tân nhất của Mỹ US P8-A Poseidon bay trên khu vực Trung Cộng đang xây đảo nhân tạo trên Biển Đông, bất chấp việc hải quân Trung Cộng khám phá và phát tín hiệu cảnh cáo 8 lần là một bằng chứng. Ngoài phi cơ thám thính, mới đây Khu trục hạm chiến đấu USS Forth Worth cũng tiến vào khu vực Trung Cộng cho là thuộc chủ quyền của họ. Mặc dù lên tiếng tố cáo Mỹ “khieu khích,” Trung Cộng đã thấy Mỹ có sự chuyển hướng trong chính sách đối ngoại của Mỹ qua các biện pháp cứng rắn và cụ thể trước chính sách bành trướng thô bạo của Trung Cộng trên Biển Đông.

Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ Ashton Carter cam kết Mỹ sẽ không giảm bớt các hoạt động quân sự chung quanh khu vực đảo nhân tạo thuộc phạm vi 600 dặm từ bờ biển Trung Quốc. Carter cũng nhấn mạnh Mỹ chẳng những tiếp tục hiện diện quân sự trong khu vực mà còn ủng hộ các quốc gia Đông Nam Á trong đó có đồng minh Philippines của Hoa Kỳ và Việt Nam.

Phản ứng trước những tuyên bố cứng rắn của Ashton Carter, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Trung Cộng Hoa Xuân Oánh (Hua Chunying) cũng chỉ trả đũa bằng những lời quen thuộc: “Trung Quốc kêu gọi Mỹ nghĩ ba lần trước khi hành động, chấm dứt các phát biểu và hành động có tính khiêu khích và làm việc nhiều hơn cho lợi ích của hòa bình và ổn định khu vực thay vì làm ngược lại.”

Tập Cận Bình lo ngại TPP

Nỗi lo lớn nhất trong nhận thức của các lãnh đạo Trung Cộng từ Mao Trạch Đông đến Tập Cận Bình là nỗi lo sợ bị bao vây, cả về quân sự lẫn kinh tế. Nỗi lo đó đã chi phối toàn bộ chính sách đối ngoại của Trung Cộng, không chỉ về chính trị, về kinh tế thương mại mà cả trong xung đột lãnh thổ, lãnh hải. Trung Cộng tố cáo Mỹ đang sử dụng TPP (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement) như là phương tiện để áp dụng chính sách “Sức mạnh mềm” (Soft power) tại Á Châu. Shi YinHong, giáo sư đại học Renmin University tại Bắc Kinh, thừa nhận “quan hệ giữa hai nước chưa bao giờ căng thẳng hơn lúc này.”

Khác với các hiệp ước kinh tế quốc tế khác, TPP không chỉ giới hạn trong lãnh vực hàng hóa và dịch vụ mà còn bao gồm quyền tài sản trí tuệ, định chế chung về môi trường, tiêu chuẩn lao động và cơ sở kinh tế quốc doanh. Những điều khoản trong hiến chương sau khi được đàm phán và ký kết có thể làm thay đổi cấu trúc nền kinh tế của một số quốc gia thành viên. TPP giúp cho các quốc gia thành viên tăng khả năng cạnh tranh chống lại hàng hóa Trung

Cộng và cũng giúp cho Mỹ tái cân bằng liên minh an ninh trong khu vực Á Châu Thái Bình Dương một cách chủ động. Những đặc điểm chính trị và an ninh đó của TPP là mối lo ngại hàng đầu cho Tập Cận Bình và lãnh đạo Trung Cộng. Trung Cộng vẫn có quyền tham gia nhưng Tập Cận Bình biết đã quá trễ để có thể thay đổi mục đích của TPP khi các cuộc đàm phán đã diễn ra quá nhiều vòng và nội dung đã được thỏa thuận quá sâu về chi tiết.

Tập Cận Bình và các lãnh đạo Trung Cộng cho rằng Mỹ sử dụng TPP như là một vũ khí nhắm thẳng vào Trung Cộng, đe dọa nghiêm trọng đến các chính sách kinh tế của Trung Cộng. Trung Cộng thiệt hại không chỉ về giá cả hàng hóa, tiêu chuẩn hàng hóa, chính sách đầu tư, xuất nhập cảng mà còn có nguy cơ ảnh hưởng đến cả vai trò lãnh đạo của đảng CS. TT Obama không giấu giếm điều này khi tuyên bố “Nếu Mỹ không tiến hành tự do mậu dịch với Á Châu, rồi Trung Quốc sẽ chế ngự khu vực này.”

Tranh chấp Biển Đông là cuộc tranh chấp vô cùng phức tạp. Mỗi quốc gia trong cuộc đều có những khó khăn riêng. Quan hệ kinh tế rất lớn giữa Mỹ và Trung Cộng mang đặc tính phụ thuộc vào nhau sâu sắc, khác với quan hệ giữa Mỹ và Nhật hay giữa Mỹ và Đức trong Thế Chiến thứ Hai. Đồng ý rằng nước nào cũng có khó khăn nhưng Trung Cộng là nước đương đầu với nhiều khó khăn nhất, không phải chỉ đối ngoại mà quan trọng hơn là khó khăn nội bộ. Nếu có xung đột quân sự, các quốc gia dân chủ dù thiệt hại bao nhiêu vẫn có cơ hội phục hồi nhưng Trung Cộng thì khác, cơ chế chính trị Trung Cộng sẽ sụp đổ và lục địa Trung Hoa có nguy cơ vỡ thành nhiều mảnh nhỏ.

Trung Cộng theo đuổi chính sách đối ngoại chuột đồng

Để tiếp tục bành trướng nhưng tránh né các biện pháp cứng rắn của Mỹ, Trung Cộng có thể sẽ phải trở lại với chính sách đối ngoại như cách loài chuột đồng tàn phá mùa màng như họ đã áp dụng

hiều năm qua. Trung Cộng không đánh chiếm những vùng lớn, phát động những trận đánh lớn như trong chiến tranh biên giới 1979 tại Việt Nam mà chỉ từ từ gặm nhấm dần mòn lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam như cách đám chuột đồng gặm nhấm từng bụi lúa.

Một mặt Trung Cộng lớn tiếng với quốc tế là luôn theo đuổi chính sách “hòa bình” và “ổn định” nhưng mặt khác lấn chiếm từng bãi san hô, từng hòn đảo nhỏ trên Biển Đông, đặt những giàn khoan trong thềm lục địa Việt Nam. Những hành vi ăn cắp vặt này không đủ va chạm quyền lợi nặng đến mức các cường quốc phải đặt vấn đề và các biến cố do loài chuột đồng Trung Cộng gây ra không đủ tác hại an ninh khu vực đến mức quốc tế phải quan tâm.

Thật vội vã khi chỉ nhìn vài hành vi quân sự nhỏ như máy bay thám thính của Mỹ US P8-A Poseidon bay trên khu vực đảo đang tranh chấp rồi kết luận rằng chiến tranh sắp sửa xảy ra nhưng rõ ràng Mỹ đang áp dụng chính sách ngăn chặn và Trung Cộng sẽ phải làm tất cả những gì họ phải làm để thoát khỏi vòng vây. Bài học Liên Xô vẫn còn rất mới, không thoát được vòng vây, cơ chế chính trị sớm muộn cũng sẽ sụp đổ. Thế Chiến thứ Nhất làm tan rã hàng loạt nhiều đế quốc và Thế Chiến thứ Hai phân chia thế giới thành hai cực. Thật khó có thể tiên đoán một thời điểm chính xác cho sự bùng vỡ các mâu thuẫn đối kháng tại Á Châu nhưng nhiều nhà phân tích đồng ý một trật tự mới đang hình thành.

“Việt Nam tôi đâu?”

Như người viết đã phân tích chính luận Tranh chấp Mỹ-Trung, một cảnh giác cho lòng yêu nước đăng trên talawas 5 năm trước, nhìn vào bản đồ Á châu, chúng ta không khỏi nghĩ đến chiến tranh Mỹ-Trung rồi sẽ phải xảy ra. Các nhà bình luận có thể cho rằng quyền lợi của các siêu cường ngày nay đã phụ thuộc, quỵen lẫn vào nhau đến mức độ không thể có một bên thắng, một bên bại nếu

chiến tranh bùng nổ. Sau Thế Chiến thứ Nhất đã có nhiều người nói như thế nhưng chưa đầy 20 năm sau, nhân loại lại phải lao vào cuộc chém giết với hậu quả trầm trọng gấp nhiều lần hơn trước.

Cuộc Chiến tranh Lạnh Mỹ và Liên Xô vừa qua để lại nhiều bài học quý giá về số phận của những sân sau, tiền đồn và vùng đệm. Có những tiền đồn chìm đắm trong chiến tranh hận thù nghèo đói như Cu Ba, Việt Nam, Bắc Hàn, Afghanistan nhưng cũng có những tiền đồn nhờ xung đột đã trở nên giàu có như Nam Hàn, Tây Đức, Đài Loan.

Đặc điểm chung rõ nét của những quốc gia vượt qua được số phận sân sau, tiền đồn và vùng đệm để trở nên thăng tiến giàu mạnh chính là dân chủ. Dân chủ là đôi cánh thời đại đã giúp cho nhiều quốc gia vượt qua những vị trí địa lý chính trị khó khăn và trở thành những nước giàu mạnh, được kính trọng, có tiếng nói độc lập trong bang giao quốc tế.

Không ai có thể tiên đoán một ngàn năm nữa Việt Nam sẽ ra sao. Nhưng dù ra sao thì đó cũng là trách nhiệm của các thế hệ sau này. Trách nhiệm của thế hệ hôm nay là giữ nguyên vẹn được mảnh đất mà tổ tiên để lại và xây dựng trên đó một căn nhà thương yêu, đoàn kết, tự do, dân chủ và giàu mạnh. Dân chủ sẽ là vũ khí hữu hiệu nhất để ngăn chặn những đe dọa từ Trung Cộng và đồng thời cũng là phương tiện giúp Việt Nam thăng tiến cùng thế giới.

ĐẢNG 50 XU TẠI TRUNG CỘNG

Như người viết đã có dịp phân tích về chính sách tẩy não của CS, ngày nào các chính sách tuyên truyền CS không còn hiệu quả, đó cũng là ngày trái tim của chế độ ngừng đập, đúng như Anne-Marie Brady viết trong trang đầu của tác phẩm *Marketing Dictatorship*:

– *Propaganda and Thought Work in Contemporary China*:
“Tuyên truyền là máu sống của đảng và nhà nước CS.”

Tuyên truyền dưới chế CS là cả một hệ thống tinh vi, phức tạp, đa diện, bài viết này chỉ bàn đến bộ phận có chức năng kiểm soát và lèo lái dư luận trên các trang mạng Internet, đó là bộ phận Dư Luận Viên.

CSVN rập khuôn các chính sách tuyên truyền của Trung Cộng, do đó từ các nghiên cứu về Trung Cộng, sẽ dễ dàng suy ra các chính sách vận dụng dư luận của CSVN.

Tại Trung Cộng, dư luận viên không chỉ chịu sự kiểm soát của Ban Tuyên Truyền Trung Ương (Việt Nam gọi là Ban Tuyên Giáo Trung ương) về các chính sách chung của đảng CS mà mỗi bộ trong chính phủ Trung Cộng cũng có các dư luận viên riêng để

phục vụ cho chính sách riêng của bộ có trách nhiệm trả lương cho dư luận viên này.

Lực lượng dư luận viên giấu mặt này được gọi chung là Đảng 50 Xu (五毛党 vũmáo đảng) vì khi bắt đầu năm 2004 họ được trả 50 Xu cho mỗi lời bình. Mười năm sau, vật giá leo thang, mức lương cũng gia tăng theo, nhưng thành phần dư luận viên vẫn còn được gọi là những đảng viên của Đảng 50 Xu. Các lãnh đạo bộ máy tuyên truyền Trung Cộng cho rằng danh từ Đảng 50 Xu là sản phẩm tuyên truyền của Mỹ, Nhật dùng để chế giễu các cơ quan thông tin Trung Cộng.

Lịch sử đảng 50 Xu

Sở giáo dục Trường Sa, tỉnh Hồ Nam được biết như là cơ quan sớm nhất tuyển dụng dư luận viên vào năm 2004. Theo Zhang Lei viết trên *Global Times* tháng 2 năm 2004, cơ quan giáo dục tỉnh Cam Túc tuyển dụng bình luận viên một cách công khai. Lực lượng 650 dư luận viên tỉnh Cam Túc chỉ có một việc phải làm là ngồi đọc hết các bình luận của độc giả dưới các bài viết hay trong các diễn đàn Internet và phản biện lại đúng với đường lối của đảng, làm lạc đề hay nếu cần viết các nhận xét tiêu cực, chụp mũ, bêu xấu để chấm dứt dòng bình luận được độc giả trước đó đưa ra.

Tháng Giêng, 2007, Hồ Cẩm Đào chỉ thị “tăng cường việc xây dựng mặt trận dư luận và tư tưởng” trong hội nghị Bộ chính trị lần thứ 38. Đáp lại chỉ thị của họ Hồ, một đội ngũ các “cán bộ có phẩm chất chính trị cao” tức đội ngũ dư luận viên được chính thức thành lập theo quyết định của Ban chấp hành Trung ương đảng và Hội Đồng Nhà Nước. Theo David Bandurski viết trong bài *China's Guerrilla War for the Web* đăng trong *Far Eastern Economic Review*, số tháng Bảy, 2008, vào năm 2008 con số dư luận viên toàn quốc được ghi nhận là 280,000 người.

Năm 2011, trong một bài báo trên *The Sydney Morning Herald*, nhà báo Pascale Trouillaud tố cáo Trung Cộng tuyển dụng gần nửa triệu dư luận viên làm việc một cách xảo quyệt nhưng hữu hiệu để bảo vệ đảng CS.

Đảng viên của đảng 50 Xu cũng phải hội đủ các điều kiện tuyển dụng, trong đó gồm lập trường chính trị, khả năng viết, trình độ lý luận và bén nhạy trước các vấn đề thời sự quốc tế cũng như tại lục địa Trung Cộng. Về tuổi tác, dư luận viên phần lớn là trẻ tuổi nhưng cũng có nhiều người đã về hưu hay các bà nội trợ. Dư luận viên có hai loại, loại làm việc toàn thời gian cho báo chí đảng như xinhuanet.com, people.com.cn and southcn.com và loại bán thời gian làm việc cho các cơ quan, ban ngành nhà nước, những nơi ít cần dư luận viên toàn thời gian. Trung Cộng là nước dân số khổng lồ nhiều làng có trên cả triệu dân nên dư luận viên cũng có mặt trên mọi hang cùng ngõ hẻm, làng mạc xa xôi, tóm lại nơi nào có Internet là nơi đó có dư luận viên hoạt động.

Lương bổng và huấn luyện

Theo tài liệu chính thức của ủy ban nhân dân thành phố Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, năm 2004, lương căn bản của một dư luận viên là 600 yuan, tương đương với 88 Mỹ kim một tháng và sau đó được trả thêm 50 Xu tương đương với 7 cent Mỹ, cho mỗi lời bình. Một dư luận viên cũng được thưởng thêm tiền nếu các lời bình của y được nhiều độc giả khen ngợi. Là công nhân viên của đảng và nhà nước, các bình luận viên cũng phải làm việc trong kỷ luật chứ không phải tự ý viết lời bình với nội dung sao cũng được, tùy ý viết ít hay nhiều, dài hay ngắn. Trước ngày quốc khánh 2008, các dư luận viên tỉnh Hồ Nam nhận chỉ thị phải viết 1,000 bài ngắn về “Tiến trình giải phóng nhận thức và phát triển của làng Hengyang,” một làng kiểu mẫu thuộc tỉnh Hồ Nam, trên các diễn đàn và chuẩn bị tinh thần để phản biện lại mọi lời bình được cho là

tiêu cực. Thích hay không, các dư luận viên cũng phải tập trung vào chủ đề không mấy hấp dẫn này.

Mỗi lời bình của dư luận viên không được dài quá 500 nét chữ Tàu, phải được biên tập kỹ lưỡng dựa theo các tài liệu tuyên truyền của đảng và góp ý trong nhóm trước khi gửi lên diễn đàn. Mỗi dư luận viên phải dùng nhiều tên Internet (login) khác nhau để gây ấn tượng “phản biện từ quần chúng đông đảo” và được khuyến cáo không nên gửi quá năm lời bình cho mỗi tên Internet được dùng. Các dư luận viên cũng được Ban Tuyên Truyền Trung Ương đảng huấn luyện về cách lý luận, cách phản biện, cách tuyển dụng các dư luận viên mới.

Trách nhiệm của dư luận viên trong thời đại toàn cầu hóa không phải vào các trang mạng để hô “Mao chủ tịch muôn năm” hay “Đảng CSTQ quang vinh muôn năm” mà phải đóng vai tử tế, lịch sự, khách quan. Mỗi dư luận viên phải học thuộc lòng 5 điều nên và 5 điều không nên khi viết lời bình như được ghi rõ trong kim chỉ nam của một dư luận viên.

Năm điều nên làm:

- Nên viết chính xác theo chủ trương, đúng thời điểm và tỏ ra khách quan.
- Nên dùng tựa ngắn và viết gọn.
- Nên đáp ứng nhanh trước tin đồn.
- Nên hướng dẫn dư luận thay vì đưa ra ý kiến mới.
- Nên đọc kỹ bài trên Web baidu trước khi nhập vào máy.

Năm điều không nên:

- Đừng tạo ra tin giả hay lấy bài người khác.
- Đừng lập lại tin tức hay thảo luận những chuyện lật vật như

thức ăn hay sức khỏe.

- Đừng sử dụng giọng điệu độc đoán khi thảo luận hay lộ cá tính xảo quyệt.
- Đừng đụng đến các thông tin cá nhân.
- Đừng gởi những lời bình không thích hợp về các vấn đề ngoại giao và quốc tế.

Dư luận viên cấp cao

Không phải dư luận viên nào cũng chỉ lãnh đồng hạng 50 Xu cho mỗi lời bình ngoài mức lương căn bản. Nhiều nhà báo, nhà văn, giáo sư đại học cũng được đảng CS tuyển dụng để viết những bài bình luận về các vấn đề quan trọng.

Dư luận viên cấp cao có quyền chọn lựa giữa việc dùng tên hay bút hiệu chính thức của mình và cũng có quyền dùng một bút hiệu không ai biết ngoài chính tác giả. Đa số dư luận viên cấp cao có khuynh hướng chọn một bút hiệu chưa bao giờ dùng trước vì những vấn đề được đảng thuê viết thường đi ngược với lòng dân. Do đó, không lạ gì trong các báo, nhất là trang mạng lớn của đảng và nhà nước CS xuất hiện những bài viết có cách hành văn của một cây bút nhiều kinh nghiệm nhưng bút hiệu lạ. Tỉnh Quảng Đông có 20 dư luận viên làm việc toàn thời gian chuyên viết bài cho các báo đảng và nhà nước CS.

Theo một nhà báo với 20 năm kinh nghiệm viết báo tại Trung Cộng cho biết, khi có một vấn đề lớn như việc Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan chẳng hạn, cơ quan tuyên truyền của đảng liên lạc với các nhà báo, nhà bình luận và yêu cầu họ viết bài nhận xét. Dĩ nhiên nhận xét theo chủ trương của đảng CS. Các nhà báo nhà văn này được trả lương hậu hỉ hơn là các dư luận viên 50 Xu mỗi lời bình.

Khi có một biến cố xã hội hay chính trị bùng nổ mà đảng không

giấu được bình luận viên cấp cao viết bài ủng hộ chính sách đảng và bình luận viên cấp thấp viết lời bình tán dương. Lời bình của các dư luận viên không phải luôn luôn phải đi đúng với chính sách dài hạn của đảng nhưng phải đúng với chủ trương của đảng trong mỗi thời kỳ. Chẳng hạn, trong khủng hoảng tại Libya, các dư luận viên cấp cao tung ra hàng loạt bài đả kích Mỹ cho rằng các cuộc không tập của Mỹ chỉ là hành động đạo đức giả che đậy dưới mục đích chiếm nguồn dầu hỏa Libya. Nhiều khi chỉ có tính cách chiến thuật như tập trung ca ngợi “anh hùng” Shen Hao, tỉnh An Huy để kích thích lòng dân nhân dịp nào sinh nhật của y.

Chủ động trong tranh luận và phản biện

Giống như CS Đông Đức trước đây khi mời Bruce Springsteen đến trình diễn vào ngày 19 tháng Bảy 1988 để đo lường thái độ của tuổi trẻ Đông Đức, Ban Tuyên Truyền Trung Ương đảng CSTQ cũng luôn thả bóng thăm dò mức độ chống đối của người dân qua một số vấn đề do đảng chủ động đem ra tranh luận.

Năm 2009, theo Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Trung Cộng, trong tổng kết “*Xã hội Trung Quốc: Phân tích và dự đoán cho năm 2010*” có đến một phần ba các chủ đề được đem ra bàn trên các diễn đàn đã không được bàn chính thức trên các cơ quan truyền thông báo chí của đảng. Đây là cơ hội cho các dư luận viên cấp cao và cấp thấp cùng hoạt động sôi nổi, kẻ viết bài, người viết phê bình, nhận xét với mục đích chung là hướng nhận thức của người dân đi theo quan điểm và các chính sách của đảng năm 2010.

Đảng không đưa một số vấn đề lên các cơ quan truyền thông của đảng vì hai lý do, thứ nhất, một số vấn đề như môi trường, đổi mới có nhiều khía cạnh nhạy cảm và thứ hai, độc giả thường có khuynh hướng thích tham gia thảo luận trên các diễn đàn hơn là báo đảng như Nhân Dân Nhật Báo.

Chiến thuật “biển người ảo”

Trung Cộng cũng sử dụng chiến thuật “biển người ảo” giống như chiến thuật biển người thật của Mao trong chiến tranh Triều Tiên mà CSVN sử dụng nhiều lần sau đó trong chiến tranh xâm lăng Việt Nam Cộng Hòa. Đối với những vấn đề nóng bỏng, ba ngày trước khi cuộc tranh luận được trang mạng của đảng tung ra, dư luận viên dưới nhiều tên ảo tràn ngập các diễn đàn để tạo ra một nhận thức chung hợp với ý đảng. Đến ngày thứ tư, khi vấn đề được đem ra thảo luận, thật khó cho một lời bình khách quan nào có thể làm thay đổi nhận xét của quần chúng vốn đã bị cuốn sâu vào nhận thức sai trong ba ngày trước đó.

Phóng viên Michael Bristow của đài BBC đưa ra ví dụ một trường hợp “biển người ảo” khác. Một người dân đăng một tin trên một blog phê bình hành vi của công an giao thông sau khi ông ta bị phạt. Ban đầu một số độc giả ủng hộ ông. Mười phút sau, một dư luận viên đọc được tin và báo với cấp trên. Một đội dư luận viên gồm 120 người được điều động đến để gởi lời bình. Hai mươi phút sau phần lớn người viết lời bình đồng ý với cách xử của viên công an giao thông và cho người dân than phiền không đúng. Xong việc, đội dư luận viên được điều động đi nơi khác. Với 120 chục dư luận viên và hàng ngàn tên Internet khác nhau, quan điểm của quần chúng bị lèo lái sang ngã khác một cách dễ dàng. Ngay cả người dân phản nản tên công an kia biết đâu sau đó cũng có thể cho rằng mình đã sai.

Các quốc gia CS đều sợ Internet. Trung Cộng với 642 triệu người, 45.8 phần trăm dân số, dùng Internet theo thống kê 2014, lại càng lo sợ hơn. Internet là môi trường duy nhất tại Trung Cộng mà người dân có thể gióng lên tiếng nói. Lực lượng dư luận viên đông đảo nhưng không thể đương đầu với khối quần chúng mấy trăm triệu người muốn biết sự thật về xã hội mà họ đang sống. Kỹ thuật

kiểm soát Internet dù tinh vi bao nhiêu cũng không thể ngăn chặn được hết người dân lên tiếng. Về lâu dài các dư luận viên cũng bị lộ nguyên hình là những đảng viên của Đảng 50 Xu vì giá trị nguồn tin từ một tên Internet vô danh sẽ không được ai tin. Người đọc đâu có quá dại khi tin vào những tên Internet không thể kiểm chứng được.

Hồ Cẩm Đào đã thử điều này khi ngồi “chat online” với dân chúng đầu năm 2008. Y run sợ và tức khắc đưa việc kiểm soát Internet lên ưu tiên hàng đầu. Ý thức sự đe dọa của Internet, nhiều lãnh đạo đảng CS đề nghị thay vì che giấu tin tức, hãy công bố mọi tin tức dù tiêu cực và tìm cách giải thích phù hợp với chủ trương của đảng. Cuộc đấu tranh còn tiếp diễn và còn dài nhưng rõ ràng phần thắng từng bước đang nghiêng về phía người dân và sự thật.

Tham khảo:

- Brady, A. (2007). *Marketing Dictatorship: Propaganda and Thought Work in Contemporary China*. Rowman & Littlefield Publishers.
- Lei, Z. (2010, February 5). Invisible footprints of online commentators. *Global Times*.
- Bandurski, D. (2008, July). China's Guerrilla War for the Web. *Far Eastern Economic Review*.
- Trouillaud, P. (2011, May 12). China's web spin doctors spread Beijing's message. *Sydney Morning Herald*.

VIỆN KHỔNG TỬ, CƠ QUAN TUYÊN TRUYỀN VÀ TÌNH BÁO TRUNG CỘNG

Các nước trên thế giới, dù nhỏ hay lớn đều muốn nhân loại biết đến những cái hay cái đẹp của nước mình. Viện Goethe (Goethe-Institut), đặt tên theo nhà văn và chính khách Đức Johann Wolfgang von Goethe, có 159 cơ sở hoạt động gần khắp thế giới để trao đổi văn hóa và ngôn ngữ. Viện Goethe tự trị về tài chính và độc lập điều hành với chính phủ Đức. Hội Liên Minh Pháp (Alliance Française) do một số trí thức Pháp trong đó có nhà khoa học Louis Pasteur, nhà văn Jules Verne, sáng lập từ 1883, có mặt trên 137 quốc gia với tổng số gồm 850 trung tâm cũng hoạt động độc lập với chính phủ Pháp.

Các nước Phi Châu tuy nghèo nàn, lạc hậu về kỹ thuật, bị thực dân xâm lược rồi nội chiến triển miên nhưng không phải vì thế mà họ không kiêu hãnh với nền văn hóa và cũng luôn tìm mọi cách để giới thiệu cùng nhân loại những nét đặc thù của dân tộc họ. *Hiến chương Phục Hưng Văn Hóa* Phi Châu được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc chuẩn y ngày 24 tháng Giêng 2006 đã tạo điều kiện

phục hưng các giá trị và giới thiệu văn hóa Phi Châu đến các quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc. Ngày nay nhiều viện văn hóa Phi Châu do tư nhân tài trợ có mặt nhiều nơi trên thế giới.

Phát huy văn hóa là lẽ tự nhiên và đáng ca ngợi. Ngoại trừ những kẻ tự thu mình trong góc tối, sống trong ảo tưởng “quê hương mình là đẹp hơn cả” dù suốt đời không ra khỏi nhà để rồi trở nên ngày thêm u mê lạc hậu, phần lớn các lãnh đạo và con người trên thế giới đều biết trong cái riêng bao giờ cũng có cái chung, văn hóa của một dân tộc là một phần của văn minh nhân loại.

Thế nhưng, những khái niệm văn hóa, độc lập, tự trị, phi chính phủ của các trung tâm, các viện văn hóa nêu trên không áp dụng trong trường hợp các Viện Khổng Tử của Trung Cộng, bởi vì thực chất của các viện này chỉ là cơ quan tuyên truyền, tình báo và được đặt dưới sự lãnh đạo của Cục Tuyên Truyền Trung Ương đảng Cộng Sản Trung Quốc. Tuyên truyền là xương sống của chế độ CS. Từ khi thành lập đảng CSTQ năm 1921 đến nay, tuyên truyền luôn đóng một vai trò quyết định trong việc thực thi các chính sách của đảng. Cục Tuyên Truyền Trung Ương do Lý Trường Xuân, Ủy viên Bộ chính trị đứng hàng thứ năm, làm Cục Trưởng.

Tại sao là Viện Khổng Tử mà không là Viện Mao Trạch Đông hay Viện Đặng Tiểu Bình?

Bản chất của CS từ Âu sang Á là giấu mặt và vận dụng ảnh hưởng của các nhân vật lịch sử trong đó Khổng Tử là một trong những nạn nhân.

Trong thời kỳ sau 1949 đến 1966, lãnh đạo Trung Cộng dựa vào Khổng Tử như biểu tượng của quyền hạn gia đình bởi vì trong giai đoạn đó Mao chủ trương phân tán quyền sở hữu đất đai xuống các đơn vị gia đình qua trung gian các chính sách cải cách ruộng đất và *Bước Tiến Nhảy Vọt* đầy thảm họa.

Mao ca ngợi Khổng Tử *“nhiệm vụ của chúng ta là nghiên cứu các thành tựu lịch sử và đánh giá chúng với quan điểm Mác Lê. Trung Hoa có một lịch sử dài nhiều ngàn năm với đặc tính riêng và là những kho tàng quý báu... Chúng ta phải tổng hợp từ Khổng Tử đến Tôn Dật Tiên và kế thừa các truyền thống giá trị này.”* Lưu Thiếu Kỳ còn đi xa hơn khi cho rằng Khổng Tử có nhiều đặc điểm của một người CS tốt.

Tuy nhiên, trong thời kỳ *Cách Mạng Văn Hóa*, bao nhiêu thất bại, sai lầm của Mao đều được đổ lên đầu Khổng Tử khi chiến dịch *Chống Bốn Cũ* (nhận thức cũ, văn hóa cũ, truyền thống cũ, tập quán cũ) được phát động. Nội dung của Cách Mạng Văn Hóa được tóm tắt là “cái mới” chống “cái cũ” và trong đó Khổng Tử đại diện cho mọi “cái cũ” và biểu tượng của xã hội giai cấp. Không chỉ chống Khổng Tử về mặt tư tưởng mà cả đền thờ, di tích, sách vở đều bị đục bỏ hay đốt phá. Mao phát biểu *“đọc sách nhiều quá sẽ làm tê liệt khả năng nhận thức.”* Mục đích chống Khổng Tử của Mao là để đương đầu với sự thất bại kinh tế do chính y gây ra và chống lại những lãnh đạo thực tâm sùng bái Khổng Tử trong đó có Lưu Thiếu Kỳ. Kết quả, 60 phần trăm lãnh đạo CS các cấp bị thanh trừng qua nhiều hình thức.

Khi nhân loại bước vào thiên niên kỷ thứ ba, thế giới thay đổi và sẽ thay đổi một cách nhanh chóng trong thời gian tới. Sự toàn cầu hóa không chỉ diễn ra trong lãnh vực kinh tế mà cả văn hóa, xã hội. Nhân vật lịch sử cần được đánh bóng không phải là hai hồn ma CS Mao hay Đặng mà chính là Khổng Tử. Lãnh đạo Trung Cộng Hồ Cẩm Đào khi giới thiệu Khổng Tử đã ca ngợi ông ta chủ trương một “xã hội hài hòa.” Bộ máy tuyên truyền Trung Cộng in *Luận Ngữ* và là tác phẩm phát hành nhiều nhất ở Trung Quốc, và các ấn bản ngoại ngữ cũng được giới thiệu nhiều nơi trên thế giới.

Theo Giáo sư Gilbert Rozman thuộc khoa xã hội học, đại học

Princeton, Trung Cộng “muốn thế giới nhìn vào lịch sử Trung Quốc và những vinh quang quá khứ để khuyến khích họ chấp nhận một Trung Quốc hiện nay nhiều hơn.” Phê bình quan điểm của Hồ Cẩm Đào, Giáo sư Perry Link, Ban Đông Á, đại học Princeton cho rằng có sự mâu thuẫn về căn bản là cái cách chính phủ Trung Cộng sử dụng Khổng Tử để đại diện cho văn hóa Trung Hoa hài hòa ở nước ngoài trong khi đó đảng áp dụng chính sách toàn trị hà khắc đối với người dân trong nước.

Lịch sử hình thành Viện Khổng Tử

Kế hoạch Viện Khổng Tử được chính thức ra đời vào tháng Sáu năm 2004. Sau vài lần thử nghiệm tại Uzbekistan, viện đầu tiên được khánh thành ngày 21 tháng 11 năm 2004 tại Seoul, Nam Hàn. Đến nay, 2014, đã có 480 Viện Khổng Tử rải rác khắp sáu lục địa. Lãnh đạo Trung Cộng tuyên bố vào năm 2020 con số Viện Khổng Tử sẽ lên đến một ngàn viện.

So với Hội Liên Minh Pháp (Alliance Française) được thành lập 131 năm trước, con số một ngàn đầy tham vọng và cấp bách của Trung Cộng rõ ràng không phải chỉ thuần mục đích văn hóa. Tạp chí *The Economist* nhận xét Viện Khổng Tử chỉ là “cơ quan nhà nước” CS và do đó chấp hành một cách nghiêm chỉnh các chủ trương của đảng. Với điều kiện thông tin ngày nay, nhận xét của tạp chí *The Economist* có thể kiểm chứng một cách dễ dàng.

Các chức năng mặt nổi của Viện Khổng Tử

Theo tài liệu chính thức, Viện Khổng Tử là bộ phận của Hán Ban (汉办) “một cơ quan của Hội Đồng Quốc Tế Hoa Ngữ, một tổ chức không lợi nhuận, phi chính phủ, liên kết với Bộ Giáo Dục Trung Quốc.” Nhiệm vụ công khai của Viện Khổng Tử là “giảng dạy Hoa ngữ” và “đóng góp vào sự thành hình một thế giới đa dạng và hài hòa.”

Hán Ban, về cơ cấu trực thuộc Hội Đồng Quốc Tế Hoa Ngữ, trong thực tế chẳng phải phi lợi nhuận, tự trị gì mà do một lãnh đạo CS cấp trung ương điều hành. Chủ tịch Hội Đồng Quốc Tế Hoa Ngữ là bà Chen Zhili. Bà Chen sinh tháng 11 năm 1942, nguyên Cố Vấn Nhà Nước kiêm Bộ Trưởng Giáo Dục Trung Cộng. Bà gia nhập đảng CSTQ năm 1961. Nguyên là Bí Thư đảng bộ Ban Khoa Học Kỹ Thuật Thượng Hải, sau đó được thăng cấp giữ chức Giám Đốc Ban Tuyên Truyền Thượng Hải kiêm Phó Bí Thư Ban Chấp Hành Đảng Bộ Thượng Hải. Từ năm 2008 bà Chen là Phó Chủ Tịch Quốc Hội Trung Cộng. Về cấp bậc đảng, bà Chen là ủy viên Ban Chấp Hành Trung Ương đảng CSTQ tại các đại hội 15, 16, 17 đảng CSTQ. Tổng giám đốc hiện nay của Hán Ban là bà Xu Lin, cấp thứ trưởng trong chính phủ, thành viên của Hội Đồng Nhà Nước và ủy viên Hội Đồng Tham Vấn Chính Trị. Điều đó cho thấy cả hai lãnh đạo Viện Khổng Tử đều là cán bộ tuyên truyền cao cấp chứ chẳng thuần túy văn hóa, ngôn ngữ gì.

Về tài chánh, theo *China Digital Times*, Viện Khổng Tử được sử dụng một ngân sách rất cao lên đến nhiều tỉ yuan và website của Viện Khổng Tử cũng được xếp vào một trong những website tốn kém nhất tại Trung Cộng. Bà Chen Zhili ra ngoại quốc được quyền sử dụng tiền bạc một cách rộng rãi so với các ngân sách giáo dục khác. Mặc dù rất ngạc nhiên trước thái độ yểm trợ tài chánh dồi dào của Trung Cộng, nhiều đại học quốc tế, kể cả Hoa Kỳ, cần tiền bảo trợ cho các chương trình Hoa Ngữ nên cũng không khó khăn lắm trong việc chấp nhận sự thành lập Viện Khổng Tử.

Các chức năng mặt chìm của Viện Khổng Tử

- **Thực hiện chủ trương tuyên truyền “sức mạnh mềm”:** Theo Giáo sư Joseph Nye Jr., sức mạnh mềm được định nghĩa như là khả năng đạt được mục tiêu bằng ảnh hưởng, hợp tác với đối phương thay vì ép buộc đối phương phải tuân hành. Người viết đã phân

tích chi tiết trong bài *Từ Hồ Cẩm Đào đến Obama, bài học về chính sách Sức mạnh mềm (Soft power)*.

Joseph Nye Jr. tóm tắt quan điểm này trong tác phẩm *Sức mạnh Mềm: Phương tiện để Thành công trong Chính trị Thế giới (Soft Power: The Means to Success in World Politics)*: “*Một quốc gia có thể đạt được kết quả mong muốn trong chính trị thế giới bởi vì các quốc gia khác khâm phục giá trị của nó, tích cực noi gương các thành tựu nó đạt được, khát vọng để đạt đến mức độ thịnh vượng và mở rộng của nó, muốn theo chân nó. Trong ý nghĩa đó, quan trọng là đặt ra một nghị trình và thu hút các quốc gia khác trong chính trị thế giới, và không chỉ buộc họ thay đổi bằng các đe dọa quân sự hay trừng phạt kinh tế.*”

Cũng theo Joseph Nye Jr., sức mạnh mềm của một quốc gia đặt trên ba nguồn: văn hóa, giá trị chính trị và chính sách đối ngoại. Áp dụng chính sách sức mạnh mềm trong phạm vi thế giới đã trở thành mục tiêu hàng đầu trong chính sách tuyên truyền quốc tế của Hồ Cẩm Đào và các lãnh đạo Trung Cộng hiện nay.

Trung Cộng có hai đường lối tuyên truyền tương đối độc lập gồm tuyên truyền đối nội nhằm kiểm soát nhận thức người dân và tuyên truyền đối ngoại tập trung vào việc ảnh hưởng dư luận quốc tế một cách phù hợp với chính sách đối ngoại của đảng CSTQ. Tạp chí *Economist* giải thích các Viện Khổng Tử được sử dụng nhằm giành được sự đồng thuận của dư luận thế giới.

Mục đích cụ thể của đường lối tuyên truyền đối ngoại gồm (1) trấn an dư luận thế giới về một Trung Cộng đe dọa, (2) bảo đảm nguồn nguyên vật liệu cung ứng cho nền kinh tế, (3) xây dựng các liên minh quốc tế và làm yếu vai trò của Đài Loan trong cộng đồng thế giới, và (4) phát huy một thế giới đa phương và giới hạn sức mạnh của Mỹ.

Khi Hồ Cẩm Đào công bố chủ trương áp dụng “sức mạnh mềm” trên thế giới đầu năm 2009, Lý Trường Xuân không giấu giếm khi cho rằng các Viện Khổng Tử là *“cửa ngõ quan trọng để làm sáng danh văn hóa Trung Quốc, giúp mở rộng văn hóa Trung Quốc, đó là phần của chiến lược tuyên truyền quốc tế.”*

Mặc dù luôn bào chữa là “khách quan”, “độc lập”, các vấn đề nhạy cảm như biến cố Thiên An Môn, Pháp Luân Công, Tây Tạng v.v... đều bị gạch bỏ khỏi các chương trình giảng dạy tại các Viện Khổng Tử và các học viên không được phép bàn đến các vấn đề này. Do đó, khác với nội dung do Joseph Nye phác họa, chính sách của CSTQ thực chất là một chính sách tuyên truyền và mua chuộc, tương tự như chính sách thực dân trước đây.

- **Hang ổ tình báo:** Trung Cộng hiện có 60 triệu Hoa Kiều sinh sống gần như tại hầu hết quốc gia trên thế giới và việc sử dụng nguồn lực của đạo quân thứ năm này để phục vụ một cách hữu hiệu đường lối đảng là một quan tâm lớn của lãnh đạo Trung Cộng.

Tờ báo có uy tín của Mỹ Forbes, trong tháng 10-2014, tố cáo một trong những trường đại học rất uy tín tại Hoa Kỳ, đại học Stanford, đã hợp tác với Trung Cộng qua trung gian Viện Khổng Tử. Ngân sách của viện do Trung Cộng tài trợ. Tác giả bài viết trên Forbes trích lời phát biểu của Arthur Waldron khi nói rằng *“Viện Khổng Tử có thể đóng vai trò then chốt trong việc ảnh hưởng chính sách tình báo của Trung Cộng.”*

Cũng trên Forbes, tác giả Eamonn Fingleton, chỉ trích các trường đại học Mỹ bán rẻ lương tâm trí thức qua việc im lặng trước sự kiện Thiên An Môn. Lý do, tiền của Bộ Giáo Dục Trung Cộng đổ vào các đại học này một cách ồ ạt qua cửa Viện Khổng Tử. Hiện nay có khoảng 220 ngàn sinh viên Hoa Kỳ theo học các Viện Khổng Tử. Tuy nhiên, điều ngạc nhiên và nguy hiểm là các hợp

đồng giữa Bộ Giáo Dục Trung Cộng và các đại học Hoa Kỳ đều phải được giữ kín.

Theo Fabrice de Pierrebourg, một cựu chuyên viên ngành tình báo Pháp, nhiều “chuyên viên ngôn ngữ Trung Quốc” lại có lý lịch gốc an ninh tình báo. Chức năng của những người này không phải là giáo dục mà là kiểm soát sinh viên gốc Hoa sinh ra ở nước ngoài và đồng thời tuyển dụng tình báo để làm việc cho Trung Cộng.

Phóng viên Omid Ghoreishi của báo *The Epoch Times*, trong điều tra Bắc Kinh Sử Dụng Viện Khổng Tử cho mục đích Giám Điệp (*Beijing Uses Confucius Institutes for Espionage*) đã trích dẫn lời của Michel Juneau-Katsuya, cựu Trưởng Cơ Quan An Ninh Tình Báo đặc trách Á Châu Thái Bình Dương của chính phủ Canada rằng với kinh nghiệm nhiều chục năm của ông hoạt động trong khu vực, cho thấy Trung Cộng không ngừng nỗ lực để gây ảnh hưởng đến các quốc gia khác.

Cũng theo lời ông Michel Juneau-Katsuya, đương kim chủ tịch chấp hành công ty an ninh Northgate SSI và một trong những chuyên viên an ninh được trích dẫn nhiều nhất tại Canada, Viện Khổng Tử là một đe dọa đối với chính phủ và nhân dân Canada. Ông khẳng định “*Có những thông tin cho thấy rõ ràng các cơ quan tình báo Tây phương đã xác định Viện Khổng Tử như hình thức của cơ quan tình báo do Trung Cộng sử dụng và cũng do Trung Cộng tuyển dụng.*”

Bài báo trên tờ *The Epoch Times* cũng nhắc lại lời tuyên bố của Hồ Cẩm Đào như một bằng chứng cho thấy các Viện Khổng Tử thực chất là hang ổ gián điệp. Họ Hồ phát biểu “*Sau nhiều năm nỗ lực, chúng ta đã tìm ra cách để trồng cấy và chuẩn bị những người ủng hộ đảng chúng ta.*” Dĩ nhiên các lãnh đạo Trung Cộng luôn bác bỏ những lời tố cáo của các chuyên viên tình báo quốc tế và uy tín như Michel Juneau-Katsuya.

Các lãnh đạo Trung Cộng hành diện khi nhắc đến Viện Khổng Tử như một phần của “mặt trận đoàn kết” chống kẻ thù. Nhưng kẻ thù của “mặt trận” này là ai? Không ai khác hơn là “năm nọc độc” gồm Đài Loan, Tây Tạng ly khai, thiểu số Uighurs, Falun Gong, các nhà tranh đấu dân chủ, và “thế lực thù địch Tây Phương” đứng đầu là Mỹ.

Một chế độ dựa trên lừa dối và khủng bố sớm muộn cũng sẽ sụp đổ

Mặc dù phát triển kinh tế nhanh trong hai chục năm qua, Trung Cộng đang đương đầu với những khó khăn khách quan về lâu dài không thể vượt qua bao gồm yếu tố dân số thặng dư và mất cân đối, y tế công cộng thiếu hụt trầm trọng, môi sinh độc hại nhưng quan trọng nhất vẫn là cơ chế chính trị độc tài toàn trị, bóp nghẹt hầu hết các quyền căn bản của con người và tham nhũng đã trở thành một đặc tính trong mọi ngành, mọi cấp từ trung ương đến địa phương.

Lãnh đạo CSTQ đã và đang làm mọi cách để tồn tại bất chấp dư luận và thể diện của một đất nước có nhiều ngàn năm văn hóa.

Sự lừa dối bỉ ổi thể hiện khi Ủy Ban Thế Vận Quốc Tế đến kiểm nghiệm điều kiện môi sinh tại Bắc Kinh vào năm 2001 trước khi chấp thuận cho Trung Cộng làm quốc gia tổ chức. Ngày trước đó, lãnh đạo Trung Cộng đã ra lệnh xịt nước xanh lên hai hàng cây dọc đường phố có đoàn xe của Ủy Ban Thế Vận chạy qua để đánh lừa họ rằng Bắc Kinh là thành phố cây xanh. Hành động này giống hệt chuyện xảy ra hơn nửa thế kỷ trước khi các lãnh đạo CS tỉnh Hồ Bắc cho dời các ruộng lúa ra sát đường nơi có xe lửa của Mao chạy qua để gây tượng cho Mao rằng mùa màng dư dả. Bản chất lừa dối của chế độ CS không thay đổi và một chế độ dựa trên lừa dối và khủng bố để tồn tại, chế độ đó sớm hay muộn rồi sẽ sụp đổ.

Tham khảo:

- Meisner, M. (1977). *Mao's China: A history of the People's Republic*. The Free Press.
- Terrill, R. (2004, August 4) *The New Chinese Empire: And what it means for the United States*. Basic Books.
- *Charter for African Cultural Renaissance* (2006, January 24). UNESCO. <http://www.unesco.org/new/fileadmin/MULTIMEDIA/FIELD/Dakar/pdf/CharterAfricanCulturalRenaissance.PDF>
- Chen Zhili http://en.wikipedia.org/wiki/Chen_Zhili
- Confucius Institute (http://en.wikipedia.org/wiki/Confucius_Institute)
- Zhang, T., Schwartz, B. (1997). Confucius and the Cultural Revolution: A Study in Collective Memory. *International Journal of Politics, Culture and Society*, 11(2).
- Propaganda in the People's Republic of China, https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda_in_the_People%27s_Republic_of_China
- Fingleton, E. (2014, June 1). *Follow The (Chinese) Money: The Tiananmen Anniversary And A Scandalous Silence On U.S. Campuses*. Forbes.
- Ghoreishi, O. (2014, October 14). Beijing Uses Confucius Institutes for Espionage. *Epoch Times*.
- Nye, J. (2006, October 27). *Soft Power, Hard Power and Leadership*. Harvard University.

TẠI SAO THẨM ĐỎ ĐỐI VỚI CÁC LÃNH ĐẠO CS THƯỜNG LÀ MỘT VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG?

Đáp lại chính sách bành trướng một cách lộ liễu của Trung Cộng hiện nay, TT Barack Obama đã chọn những phản ứng cứng rắn qua việc bắt tay với cựu thù CS Việt Nam. Chuyến viếng thăm Hoa Kỳ của Tổng Bí Thư đảng CS Nguyễn Phú Trọng là một trong những phản ứng đó. TT Barack Obama và Phó Tổng Thống Joe Biden tiếp Nguyễn Phú Trọng khá trọng thể. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa chính phủ Mỹ công nhận đảng CS thật sự là đảng chính danh lãnh đạo Việt Nam mà chỉ thừa nhận yếu tố CSVN trong việc giải quyết các xung đột Biển Đông.

Thẩm đỏ hay không thẩm đỏ?

Trước ngày Tổng Bí thư đảng CSVN Nguyễn Phú Trọng thăm viếng Mỹ, các giới truyền thông tại Việt Nam và cả vài bài báo ngoại quốc đều dự đoán chính phủ Hoa Kỳ trải thảm đỏ đón tiếp y. Ký giả Grant Peck của Associated Press, trong bài báo *U.S. Wooing Vietnam, Readies Red Carpet for Communist Chief*

cũng nghĩ Hoa Kỳ sẽ trải thảm đỏ chờ Nguyễn Phú Trọng như quốc khách. Kết quả, không như lời tiên đoán, đồn đãi hay hứa hẹn.

Một số phim ảnh ghi lại khi Nguyễn Phú Trọng vừa đặt chân xuống khỏi cầu thang máy bay cho thấy có thảm đỏ. Thảm thảm ngắn được đặt ngay chân cầu thang gọi là Red carpet aisle runner thường dùng trong đám cưới hay tiếp đón nghệ sĩ chứ không phải là một phần của nghi thức ngoại giao dành cho quốc khách. Thảm dành cho buổi tiếp đón quốc khách dài từ cầu thang máy bay đến tận khán đài VIP hay xe đón quốc khách.

Khi Nguyễn Phú Trọng rời máy bay, chẳng những không có thảm đỏ được trải dọc theo lối vào khu VIP, mà đại diện của chính phủ Hoa Kỳ cũng không phải là Bộ trưởng Ngoại Giao hay ít nhất viên chức cấp Thứ trưởng Ngoại Giao. Người đại diện chính phủ Hoa Kỳ là Scot Marciel chỉ là Trợ Lý Phụ tá Ngoại trưởng đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương.

TTXVN rõ ràng đã photoshop thảm đỏ dài thêm từ chân cầu thang máy bay dọc theo lối ra của Nguyễn Phú Trọng. Việc thay đổi, thêm bớt người, nơi chốn là một đặc điểm cố hữu của bộ máy tuyên truyền CS. Trong thời kỳ Stalin, hàng trăm nhân vật hàng lãnh đạo CS bị thanh trừng và hình ảnh của họ bị xóa mặc dù đã được chính thức công bố trước đó. Stalin chết hơn 60 năm, bộ máy tuyên truyền CS Liên Xô đã thành viện bảo tàng đen của nhân loại nhưng phương pháp vô cùng bỉ ổi vẫn còn tồn tại ở Việt Nam.

Thoạt tiên, người viết cũng cho đó là sản phẩm của một tên nịnh hót nào đó trong ban kỹ thuật của TTXVN, có vốn kỹ thuật nhưng ngu xuẩn vì không nhớ mình đang sống trong thời kỳ tin học toàn cầu hóa, nội dung các buổi gặp gỡ mới là quan trọng. Thế nhưng khi google một vòng mới hiểu, thì ra, chuyện thảm đỏ không phải là chuyện nhỏ. Thảm đỏ đã là vấn đề quan trọng với các lãnh đạo

CS từ thời Mao, Khrushchev, Bulganin hơn nửa thế kỷ trước, mới đây với TT Trung Cộng Lý Khắc Cường và tuần qua với TBT CSVN Nguyễn Phú Trọng.

“The Red Carpet Treatment”

Tại các nước Tây phương có câu “The Red Carpet Treatment” để chỉ cách tiếp đón trang trọng nhất. Thảm đỏ thường được thấy trong các quan hệ ngoại giao đón tiếp quốc khách, các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật quan trọng hàng năm như giải Academy Awards (Oscars), Golden Globe Awards, Cannes Film Festival.

Nguyên thủ các quốc gia dù nhỏ bao nhiêu khi đến viếng thăm chính thức Hoa Kỳ đều có thảm đỏ trải dài từ chân cầu thang máy bay, nơi ngoại giao đoàn, viên chức bộ ngoại giao đang đứng dàn chào đến bậc VIP.

Thảm đỏ có một lịch sử lâu dài và lần đầu tiên được ghi nhận từ thời cổ Hy Lạp vào năm 486 trước Thiên Chúa trong vở kịch qua đó vợ của chàng Agamemnon đã trải thảm đỏ để đón tiếp chàng trở về sau một chuyến đi xa. Lúc đầu anh chàng Agamemnon do dự không bước trên thảm đỏ vì nghĩ chỉ dành cho bậc thánh. Dù sao, anh chàng cũng bước lên thảm đỏ. Từ đó, thảm đỏ được dùng để chỉ những đón tiếp cao cấp nhất, trang trọng nhất.

Các quốc gia vùng Tây Á và khu vực Biển Caspian được xem là những nơi sản xuất thảm đầu tiên. Chiếc thảm đỏ Pazyryk Carpet được dệt vào thế kỷ thứ năm BC được xem là tấm thảm xưa nhất còn lại và đang được giữ gìn tại viện bảo tàng St. Petersburg, Nga. Thảm đỏ xuất hiện trong rất nhiều tác phẩm nghệ thuật từ Âu sang Á, không chỉ trong văn hóa nghệ thuật, mà cả trong tôn giáo.

Trong quan hệ ngoại giao, thảm đỏ được dành để tiếp đón các nguyên thủ quốc gia.

Thảm đỏ cũng là dấu hiệu của hòa giải

Thảm đỏ cũng được dùng trong một số trường hợp để chứng tỏ tinh thần hòa giải giữa các quốc gia vốn một lần thù địch. Tháng Tư 1992, TT Nigeria Ibrahim Babangida chống Phân biệt chủng tộc đã trải thảm đỏ tiếp đón TT FW de Klerk của Nam Phi sau cuộc trưng cầu dân ý đồng ý giải tán chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi. Thảm đỏ là cách quan trọng để nhà lãnh đạo da trắng Nam Phi biết Tổ Chức Đoàn Kết Phi Châu do Ibrahim Babangida làm chủ tịch thật tâm muốn hòa giải.

Tương tự, tháng 11 năm 1977, chính phủ của Thủ Tướng Do Thái Menachem Begin dành cho TT Ai Cập Anwar Sadat một cuộc tiếp đón long trọng chưa từng có. Hãng tin AP loan tin tất cả thảm đỏ, ngay cả thảm đỏ tại phi trường Ben-Gurion dành cho buổi tiếp đón đều được giặt sạch sẽ. Từ 1948, hai quốc gia Ai Cập và Do Thái đã đánh nhau nhiều trận, nhất là trong chiến tranh Yom Kippur 1973, nhưng đã ký thỏa ước hòa bình 1979.

Tại sao thảm đỏ đối với các lãnh đạo CS thường là một vấn đề quan trọng?

Đơn giản bởi vì đảng CS, dù một đảng lớn như đảng CS Trung Quốc hay nhỏ như đảng CS Lào, đều chỉ là những đảng độc tài tiềm danh chứ không phải là lãnh đạo chính danh của một quốc gia, đại diện cho một nước, một dân tộc. Các lãnh đạo CS luôn mặc cảm bị nhân loại rẻ khinh.

Hơn nửa thế kỷ trước, khi CS Liên Xô còn tồn tại, chuyện thảm đỏ cũng đã được đặt ra nhiều lần.

Năm 1956, khi hai lãnh tụ CS Liên Xô Khrushchev và Bulganin chính thức viếng thăm Anh Quốc, dư luận không muốn chính phủ Anh đón tiếp họ bằng lễ nghi quân cách dành riêng cho lãnh đạo quốc gia trong đó có việc trải thảm đỏ. Mặc dù trước ngày đi,

Khrushchev tuyên bố ủng hộ giải pháp Liên Hiệp Quốc về Trung Đông, nhiều báo chí và ngay cả một phim hoạt họa được phát hành để mỉa mai hai lãnh tụ CS rằng khi đến Anh Quốc phải mang theo cả thảm đỏ và tự trải để dùng. Nghệ sĩ Edwin Marcus (1885-1961) phát hành cuốn phim hoạt họa trong đó Khrushchev và Bulganin mỗi người một đầu lui cui trải thảm mang qua từ Liên Xô. Năm 1957, khi Khrushchev và Bulganin thăm viếng Phần Lan, một quốc gia trung lập vùng Baltic, cũng bị dư luận phản ứng tương tự.

Năm 1958, để trả thù việc Stalin đối xử lạnh nhạt và bày tỏ thái độ chống đối chính sách “xét lại”, khi Nikita Khrushchev chính thức viếng thăm Trung Cộng, Mao chỉ thị các viên chức phi trường “Không thảm đỏ, không quân đội danh dự dàn chào, không ôm hôn.” Theo lời thông dịch viên của Mao kể lại. Ngoài ra, Mao còn để Khrushchev cư ngụ trong một tòa nhà không máy lạnh giữa mùa hè Bắc Kinh.

Mới đây, tháng Sáu năm 2014, Thủ tướng Trung Cộng Lý Khắc Cường viếng thăm Anh Quốc để ký kết các hiệp ước thương mại có giá trị nhiều tỉ pounds, nhưng theo họa đồ chỉ dẫn nghi thức, thảm đỏ dành cho y bị ngắn 3 mét. Trước ngày Lý Khắc Cường đến, chính phủ Trung Cộng đã chính thức khiếu nại đến Ed Llewellyn, Chánh Văn Phòng của Thủ Tướng Anh David Cameron. Chính phủ Anh, thoát đầu, cũng từ chối cả việc cho phép Thủ Tướng Lý Khắc Cường được Nữ Hoàng Anh tiếp cho đến khi Trung Cộng đe dọa hủy bỏ chuyến đi. Chính phủ Anh lo ngại tổn thất kinh tế đã miễn cưỡng để y được Nữ Hoàng Anh tiếp.

Lãnh đạo CSVN Nguyễn Phú Trọng không phải là nguyên thủ quốc gia, không phải đại diện cho nhân dân nước Việt Nam và cũng không có quyền lực ảnh hưởng quốc tế nào cả mà chỉ là con cờ trong tranh chấp Mỹ-Trung; do đó, việc bộ máy tuyên truyền

CSVN trong tuần lễ trước đó tràn ngập bài viết “*Mỹ trải thảm đỏ, đón chờ Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*” của Matthew Pennington chỉ nhằm mục đích tuyên truyền. Nay đã bị tổ trác.

Nhiều người có thể ngạc nhiên nhưng thảm đỏ là một trong hai mục đích chính của Nguyễn Phú Trọng trong chuyến viếng thăm Mỹ. Mục đích thứ nhất là dùng Mỹ để làm lực đối trọng với Trung Cộng và mục đích thứ hai là được Mỹ thừa nhận tính chính danh lãnh đạo Việt Nam. Nếu buổi sáng ngày 6 tháng 7, Phó Tổng Thống Hoa Kỳ Joe Biden hay Ngoại Trưởng John Kerry ra tận cầu thang máy bay tiếp đón và cùng Nguyễn Phú Trọng duyệt hàng quân danh dự trên thảm đỏ dài dành cho quốc khách, Nguyễn Phú Trọng đã đạt được thành công lớn. Nhưng không. Việc tiếp đón Nguyễn Phú Trọng vừa qua cho thấy Hoa Kỳ vẫn xem lãnh đạo đảng CSVN là một đảng tiềm danh.

Tham khảo:

- Stevens, J. (2014, June 20). China sees red because the carpet rolled out at Heathrow for Premier Li was 10ft too short.
- <http://www.dailymail.co.uk/news/article-2664186/A-guard-honour-meeting-Queen-Chinese-Premier-complains-UK-visit-red-carpet-Heathrow-SHORT.html>
- Marcus, E. (1956, April). Brought their own "red" carpet.
- <http://www.loc.gov/pictures/item/acd1996005535/PP/>
- Finns Cool to Bulganin, Khrushchev. (1957, June 7). *Chicago Tribune*. <http://archives.chicagotribune.com/1957/06/07/page/1/article/finns-cool-to-bulganin-khrushchev/index.html>
- Red carpet history. https://en.wikipedia.org/wiki/Red_carpet
- Israelis rolling out red carpet for Sadat. (1977, November 16). *The Miami*

News.

- Dash, M. (2012, May 4). Khrushchev in Water Wings: On Mao, Humiliation and the Sino-Soviet Split. *Smithsonian.com*.
<http://www.smithsonianmag.com/history/khrushchev-in-water-wings-on-mao-humiliation-and-the-sino-soviet-split-80852370/?no-ist>

TRÒ HỀ “PHÁT BIỂU TRƯỚC QUỐC HỘI” CỦA TẬP CẬN BÌNH

Mấy ngày qua, việc Tập Cận Bình “phát biểu trước Quốc Hội” là một tin tức nóng. Không chỉ qua bộ máy tuyên truyền của đảng mà cả những người ngoài đảng hay thậm chí chống đảng cũng xem đó là một “sự kiện quan trọng.” Những bình luận, phân tích được đăng đầy trên các báo ở Việt Nam. Người viết thấy không cần phải trích dẫn, đơn giản đó là luận điệu tuyên truyền quen thuộc của Tập Cận Bình.

Hôm 28 tháng 9, 2016, trong một diễn văn dài đọc tại Liên Hiệp Quốc, Tập Cận Bình cũng kêu gọi “gác qua quá khứ hận thù để hướng tới tương lai” và thậm chí còn nhắc đến dân chủ nhưng ngay trong lúc họ Tập phát biểu, các phi đạo quân sự vẫn tiếp tục được xây trên quần đảo Trường Sa, các đảo nhân tạo dựng lên giữa vùng biển tranh chấp vẫn tiến hành theo kế hoạch. Và tuần này tại Thanh Hóa, Quảng Ngãi của Việt Nam, hàng ngàn ngư dân Việt Nam vẫn ra biển trong nỗi bất an. Họ thiếu thốn ngay cả những phương tiện thông tin tối thiểu để liên lạc nhau trong lúc hiểm

nghèo khi “tàu lạ” đến.

Thật vậy, đối với các lãnh đạo CS “phát biểu trước Quốc Hội” không phải là cơ hội để trình bày chính sách mà để tuyên truyền. Ngoài ra, đây chỉ là trò ăn cắp các thủ tục ngoại giao của các nước dân chủ chỉ để hợp thức hóa cơ quan đóng dấu gọi là quốc hội này và để che đậy bản chất toàn trị không hề thay đổi của CS.

Quốc hội tại các nước CS

Cả thế giới đều biết trong chế độ Cộng Sản quốc hội chỉ là tấm bình phong để che mắt dư luận. Đảng mới là trung tâm quyền lực tuyệt đối điều khiển mọi hoạt động của đất nước. Một trăm phần trăm số đại biểu là đảng viên đảng Cộng Sản hay do các tổ chức ngoại vi của đảng Cộng Sản như Mặt Trận Tổ Quốc giới thiệu. Người dân không có một chọn lựa nào khác ngoài những tên tuổi đã được đảng đưa ra và “cử tri” chỉ đi bầu cho có.

Suốt 74 năm tồn tại, mặc dù Liên Xô vẫn có quốc hội được gọi là Xô Viết Tối Cao, về mặt quốc tế, gần như không ai biết và cũng chẳng ai cần biết đến. Ngoại trừ khi các Tổng Bí Thư kiêm nhiệm luôn cả chức Chủ Tịch Xô Viết Tối Cao như trường hợp Leonid Brezhnev (sau 1977), Mikhail Gorbachev, chức vụ Chủ Tịch Xô Viết Tối Cao do người khác đảm nhiệm ít khi được nhắc đến trong các cuộc đàm phán hay bang giao quốc tế.

Kliment Yefremovich Voroshilov là Chủ Tịch Xô Viết Tối Cao suốt bảy năm nhiều thay đổi của Liên Xô từ 19 Xô Viết Tối Cao 53 đến 1960, nhưng lãnh tụ thực sự của Liên Xô lúc bấy giờ là Nikita Khrushchev. Tương tự, trước 1977, Nikolai Podgorny là Chủ Tịch Xô Viết Tối Cao nhưng Leonid Brezhnev mới thực sự là kẻ nắm quyền. Hiệp ước Giới hạn Vũ khí Chiến lược (SALT I) ký ngày 26 tháng 5, 1972 là giữa TT Richard Nixon ký với Leonid Brezhnev chứ không phải với Nikolai Podgorny.

Tại Trung Cộng, Quốc Hội được gọi là Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc, và Đại hội này bầu ra Quốc Vụ Viện để lãnh đạo Trung Quốc. Trên giấy tờ, văn bản, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc quả thật đúng là quyền lực cao nhất nhưng, tương tự như tại Liên Xô trước đây, gần như không bao nhiêu người ở ngoài Trung Quốc biết Chủ tịch Quốc hội là ai. Tổng số đại biểu quốc hội Trung Cộng là 2987 người trong đó 2157 người là đảng viên CS và số còn lại do Mặt Trận Thống Nhất, một cơ cấu khác của đảng CSTQ giới thiệu. Như vậy có nghĩa là 100% đại biểu đều vào quốc hội qua cánh cửa của đảng CS.

Sau Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc khóa 12, Trương Đức Giang đảm nhiệm chức vụ Ủy viên trưởng Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc, tức là người đứng đầu Quốc hội Trung Quốc. Đồng thời y cũng là Ủy viên Bộ Chính trị và được xếp hàng thứ ba trong 7 người thuộc Ban Thường vụ Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Quốc hội Việt Nam là bản sao của Trung Cộng về cơ cấu lãnh đạo nên việc đề cử, ứng cử, bầu cử đều chẳng khác gì Trung Cộng. Còn tệ hơn nữa, có một thời gian dài Việt Nam không có bầu quốc hội. Bằng chứng, sau lần “bầu cử” 1946, đảng CSVN không thấy cần có quốc hội nên suốt 14 năm sau đó, đảng chẳng màng nghĩ đến chuyện bầu bán làm gì cho tốn công tốn của. Đảng viện dẫn lý do không bầu là vì chiến tranh nhưng nếu đã là “Cơ quan quyền lực cao nhất” thì càng có chiến tranh cần phải bầu ra những người có tài để lãnh đạo quốc gia mới phải. Và cú thế, hơn nửa thế kỷ dài dằng dặc từ khóa 1 đến khóa 13, văn minh nhân loại đã tiến quá xa mà trò hề “Cơ quan quyền lực cao nhất” vẫn không thay đổi và vẫn lừa gạt được người dân.

Phát biểu trước Quốc Hội tại các quốc gia dân chủ

Tại các nước dân chủ, lấy Hoa Kỳ làm ví dụ trong bài này, phát

biểu trước Quốc Hội là một thủ tục đặc biệt không chỉ dành cho các bậc quốc khách mà còn là quốc khách có thành tích, tư cách vượt trội hay vì nhu cầu chiến lược.

Tại Hoa Kỳ, Phát biểu trước Phiên họp Lưỡng viện Quốc Hội (Joint Meeting Addresses Before Congress) là một thủ tục ngoại giao cao nhất dành cho một lãnh tụ thế giới quan trọng như trường hợp Đức Giáo Hoàng phát biểu vào ngày 24 tháng 9, 2015 vừa qua, hay Thủ Tướng Nhật Bản Shinzo Abe phát biểu ngày 29 tháng 4 trước đó. Lãnh tụ nhân quyền Nam Phi Nelson Mandela là người duy nhất được mời phát biểu hai lần trước phiên họp lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ, lần thứ nhất (26 tháng 6, 1990) với tư cách lãnh tụ African National Congress, và lần thứ hai (6 tháng 10, 1994) với tư cách Tổng Thống Cộng Hòa Nam Phi. Phát biểu trước Phiên họp Lưỡng viện Quốc Hội còn là nơi để vinh danh các lãnh tụ đấu tranh nhân quyền dân chủ trên thế giới như trường hợp Vaclav Havel, Tổng thống Tiệp Khắc (21 tháng 1, 1990) hay Lech Walesa, lãnh tụ Công đoàn Đoàn kết Ba Lan (15 tháng 11, 1989).

Trong suốt lịch sử của phát biểu trước phiên họp Lưỡng viện Quốc hội Hoa Kỳ từ 1874 đến nay, chưa có một lãnh tụ CS nào được mời đọc diễn văn trước diễn đàn được trọng vọng nhất của Hoa Kỳ này.

Tư cách và khả năng của Đại biểu Quốc Hội CSVN

Tại các quốc gia dân chủ, trước khi được “chọn mặt gói vàng,” một ứng cử viên Dân Biểu Hạ Viện hay Nghị Sĩ Thượng Viện phải trải qua những cuộc vận động chính trị gay go, tốn kém và sống sót sau những trận tranh luận công khai, hiểm hóc với các đối thủ của mình. Phần lớn ứng cử viên là những người có trình độ nhận thức, kiến thức chính trị vững vàng và nghị trình tranh cử cụ thể.

Trong lúc đó tại Việt Nam, hầu hết Đại biểu Quốc Hội là những nô bộc của đảng CS. Họ hoàn toàn mới có một người nói vài câu nghe được còn phần lớn phát biểu rất ngu ngơ, dốt nát.

Trường hợp ngu mới nhất là lời phát biểu của Đại biểu Quốc Hội Lê Việt Trường, Phó chủ nhiệm Ủy ban An ninh Quốc phòng Quốc Hội. Khi nghe tin chiến hạm Mỹ tiến vào vùng Biển Đông tranh chấp họ Lê phán rằng: “Việt Nam mới là nước có quyền chủ quyền và quyền tài phán tại hai quần đảo này. Do đó, khi ra vào khu vực 12 hải lý ở các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, phía Mỹ phải thông báo với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam... Việt Nam không hoan nghênh bất cứ nước nào đi vào khu vực này nhằm mục đích làm căng thẳng thêm, phức tạp thêm tình hình tranh chấp tại Biển Đông.”

Lê Việt Trường không biết rằng các hoạt động của Hải quân Hoa Kỳ cũng chỉ nhằm làm chậm bước chân bành trướng của Trung Cộng trong vùng Nam Thái Bình Dương chứ chẳng có đánh đắm thật sự nào. Y cũng không biết rằng mọi áp lực chống lại chính sách bành trướng của Trung Cộng tại Á Châu trong thời điểm này đều cần thiết. Từ cố TT Singapore Lý Quang Diệu cho đến TT Phi Benigno Aquino III cũng đều công nhận chỉ có Mỹ mới làm Trung Cộng lo ngại. Chẳng lẽ Lê Việt Trường tin rằng những tuyên ngôn, tuyên cáo đọc như học sinh trả bài suốt 30 năm nay của các phát ngôn nhân Bộ Ngoại Giao CSVN sẽ làm Tập Cận Bình chùn bước?

Lời tuyên bố của Lê Việt Trường chứng tỏ y không có một kiến thức căn bản về bang giao quốc tế mà chỉ bị nhồi sọ bởi các luận điệu tuyên truyền “Chống Mỹ cứu nước” của đảng vốn được đóng đinh quá sâu vào não bộ y.

Tháng 6, 2014 cũng trong một buổi thảo luận về tranh chấp Biển Đông tại Quốc Hội, Nguyễn Bắc Việt, một Đại biểu Quốc Hội khác

tuyên bố một câu còn tệ hơn Lê Việt Trường: “Về vấn đề biển Đông, từ sáng tới giờ và những ngày qua trong phát biểu, tôi đồng tình với các ý kiến phát biểu ở một vế, đó là vế thể hiện lòng yêu nước. Nhưng còn một vế theo tôi là chúng ta chưa thực sự quan tâm, đó là yêu chế độ và lo cho con tàu Cộng sản và công nhân quốc tế... phải xác định cho rõ nguyên nhân, phải biết đau lòng với tình hình hiện nay của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Hai nước xã hội chủ nghĩa linh xình với nhau như thế này, ai có lợi?”

Nói như Yuri Alexandrovich Bezmenov, một nhân viên tình báo Liên Xô đào thoát sang Canada 1970: "Ngay cả mang anh ta tới tận Liên Xô và chỉ cho anh ta thấy trại tập trung, anh ta cũng không tin... cho đến lúc anh ta bị đá ngay vào đít, khi giày đinh đập lên anh, rồi anh ta mới hiểu. Nhưng không phải trước đó. Đó là thảm kịch của trình trạng bị băng hoại về đạo đức trong con người."

Miệng lưỡi độc tài luôn ngọt ngào

Một số người lo xa, Tập Cận Bình sẽ dùng cơ hội “phát biểu trước quốc hội” để tuyên bố hợp thức hóa quyền sở hữu của Trung Quốc trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Lo xa bao giờ cũng cần thiết nhưng không phải vậy đâu. Miệng lưỡi của các lãnh đạo CS bao giờ cũng rất ngọt ngào, thậm chí chỉ có hành động của chúng mới vô cùng độc ác.

Nhìn lại cách Trung Cộng nuốt chửng Tây Tạng để thấy kế hoạch của Mao vô cùng thâm độc.

Ngày 7 tháng Mười 1950, 40 ngàn quân Trung Cộng vượt sông Jinsha. Hai tuần sau, Tây Tạng bị đánh bại. Nếu lúc đó, Mao chỉ thị tiến thẳng về thủ đô Lhasa và chiếm đóng Tây Tạng bằng vũ lực, Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhân dân Tây Tạng và cả thế giới cũng chẳng làm gì được. Thay vào đó, Mao đổi giọng ngọt ngào và kêu gọi

chính phủ Tây Tạng đàm phán một giải pháp hòa bình, hữu nghị. Hiệp ước 17 điểm, trong đó Trung Cộng xác định chủ quyền trên Tây Tạng và cho phép nước này được tồn tại trong khuôn khổ tự trị. Trước sự hiện diện của 40 ngàn quân Trung Cộng, phái đoàn Tây Tạng ký hiệp ước ngày 23 tháng 5, 1951. Đức Đạt Lai Lạt Ma đánh điện tín chấp nhận.

Năm 1959, Đức Đạt Lai Lạt Ma nhận ra bản thỏa hiệp chỉ là kế hoạch thâm độc của Mao để công khai cướp nước. Văn kiện đó thực tế là một tối hậu thư đầu hàng vì do Trung Cộng đưa ra trong cuộc đàm phán và phái đoàn Tây Tạng không được phép sửa đổi một điểm nào. Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố vô hiệu hóa hiệp ước, phát động cuộc nổi dậy 1959 và sau đó lưu vong sang Ấn Độ cho tới hôm nay.

Cướp nước bằng văn bản không phải là sáng kiến độc đáo của riêng Mao mà đã được các lãnh đạo độc tài thực hiện nhiều lần trong lịch sử. Những ai quan tâm đến vận mệnh đất nước phải học lịch sử Việt Nam và thế giới. Nhiều nhà phân tích tiên đoán tương lai của một quốc gia dựa trên các điều kiện kinh tế chính trị quân sự đang diễn ra. Tuy nhiên như lịch sử đã chứng minh, khi quyết định, phần lớn các lãnh tụ dù độc tài hay chân chính đều nhìn về quá khứ. Lý do, quá khứ đã được chứng nghiệm giúp cho họ yên tâm và xem đó nguồn bảo đảm cho quyết định của họ. Phương pháp Mao dùng để chiếm Tây Tạng cũng giống như cách Hitler dùng để chiếm Tiệp Khắc 1938.

Như người viết đã trình bày nhiều lần, dù một đảng lớn như đảng CS Trung Quốc hay nhỏ như đảng CS Lào, đều là những đảng độc tài tiềm danh chứ không phải là lãnh đạo chính danh của một quốc gia, đại diện cho một nước, và chúng làm tất cả những gì có thể làm để che đậy, lừa gạt và củng cố tính chính danh lãnh đạo của đảng. “Phát biểu trước Quốc Hội,” do đó, chỉ là một trò hề.

TẬP CẬN BÌNH CHỦ TRƯỞNG ĐỘC CHIẾM BIỂN ĐÔNG

Người viết xin lỗi dùng tiếng Latin trong bài viết nhưng mục đích là để bàn về khái niệm này trong chủ trương của Tập Cận Bình trên Biển Đông. Ngôn ngữ Latin có một danh từ kép đã trở thành quen thuộc và được dùng nhiều trong chính trị học là “status quo.” “Status quo” chỉ tình trạng của các điều kiện thực tế trước khi có sự thay đổi.

“Status quo” trong sinh hoạt xã hội

Vào thế kỷ thứ 14, danh từ này dùng để chỉ tình trạng hòa bình trước khi chiến tranh bùng nổ giữa hai nước nhưng dần dần được áp dụng trong hầu hết các lãnh vực. Trong các cuộc thảo luận hay tranh luận các bên thường có khuynh hướng chấp nhận một “status quo” và đôi khi còn được xem đó như là một giới hạn mà nếu bị vượt qua sẽ tạo nên nhiều bất trắc.

Trong nhiều trường hợp “status quo” còn dùng để chỉ một tình trạng xã hội tiêu cực, lạc hậu. Khẩu hiệu của các phong trào cách

mạng xã hội trong thế kỷ 17 và thế kỷ 18 nhằm thay đổi “status quo” qua đó hạn chế quyền của thiểu số như các quyền dành cho phụ nữ, quyền bầu cử, ứng cử và các tiêu chí xã hội thành văn hay bất thành văn.

Trong đàm phán chính trị, khi hai bên đồng ý duy trì “status quo” có nghĩa là hai bên chấp nhận tình trạng hiện đang là của một điều kiện về quân sự, địa lý, xã hội hay chính trị.

“Status quo” trong hai cuộc chiến tranh thế giới

Việc chấp nhận “status quo” thường diễn ra trong các cuộc tranh chấp lãnh thổ. Lý do, cả hai bên tranh chấp đều muốn phần lợi về mình nhưng đều không đủ bằng chứng thuyết phục bên kia hay quốc tế và cuối cùng chấp nhận tình trạng thực tế và chỉ thảo luận vào các điểm mới thôi.

Trong thế kỷ hai mươi, trải dài suốt hai thế chiến, “status quo” được sử dụng nhiều nhất trong tranh chấp lãnh thổ tại Châu Âu. Sau Thế Chiến thứ Nhất, các quốc gia bại trận trong đó có Đức mất phần lớn lãnh thổ chiếm được trong các cuộc chiến tranh trước đó, bao gồm chiến tranh Pháp-Phổ. Sau khi lên nắm quyền, mục đích đầu tiên của Hitler là phục hồi lãnh thổ mà ông ta cho rằng vốn thuộc Đức.

Các nước mạnh, tự mình hay qua hình thức liên minh, đều nhắm tới việc hủy bỏ các “status quo” và thiết lập các “status quo” mới có lợi cho họ. Đức chiếm Tiệp Khắc. Ý chiếm Albany. Liên Xô tìm cơ hội mở rộng vùng ảnh hưởng phía Tây. Hiệp ước bí mật Bất Tương Xâm (German-USSR Non-Aggression Pact) giữa Đức Quốc Xã và Liên Xô năm 1939 âm mưu chấm dứt “status quo” lãnh thổ và xẻ châu Âu làm hai, mỗi bên chiếm một phần. Đức chiếm Tiệp Khắc, Ba Lan, Liên Xô chiếm một phần Ba Lan và các quốc gia Baltic (Estonia, Latvia, Lithuania). Sau Thế Chiến thứ Hai, Stalin lẽ

ra phải bị xử như một tội phạm chiến tranh, tuy nhiên, kẻ thắng trận bao giờ cũng đóng vai quan tòa và tội ác của quan tòa thường bị bỏ qua hay che lấp.

Anh và Pháp muốn bảo vệ “status quo” của Châu Âu nên đã nhiều lần lên tiếng phản đối hành động của Đức, Ý khi vi phạm một cách trắng trợn chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia nhỏ yếu bị xâm lược. Tuy nhiên, Anh và Pháp, ngoài những lời tuyên bố và biểu dương lực lượng qua vài cuộc tập trận nhỏ, không có một hành động quân sự cụ thể nào chứng tỏ quyết tâm bảo vệ nguyên trạng lãnh thổ Châu Âu như đã phân định trong hiệp ước Versailles.

Chính sách chuột đồng của Trung Quốc

Mặc dù bộ máy tuyên truyền Trung Quốc luôn rêu rao chủ quyền Biển Đông không thể tranh cãi của Trung Quốc và đã chứng minh qua hai ngàn năm lịch sử, giới lãnh đạo CSTQ cũng biết những lý luận đó chỉ để đun nồi nước sôi dân tộc cực đoan Đại Hán chứ không thể dùng để thuyết phục các quan tòa một khi cuộc tranh chấp được đưa ra trước một tòa án quốc tế.

Bằng chứng, tháng 1 năm 2013, chính phủ Philippines chính thức đệ trình hồ sơ kiện Trung Quốc trước Tòa Án Quốc Tế. Hồ sơ của Philippines nộp lên gồm mười bộ với gần bốn ngàn trang tài liệu chứng minh chủ quyền của Philippines và phản bác các luận cứ cũng như quan điểm đường lưỡi bò chín đoạn của Trung Quốc. Trung Quốc từ chối tranh tụng trước tòa.

Chính sách truyền thống của Trung Quốc là gặm nhấm từng phần của Biển Đông. Sau Hoàng Sa, tháng 8 năm 1988, lần đầu tiên Trung Quốc đặt chân lên quần đảo Trường Sa sau trận Gạc Ma. Từ năm 1989 đến năm 1992, Trung Quốc chiếm một số đảo nhỏ khác của Trường Sa. Tháng 2 năm 1995, Trung Quốc chiếm

đảo Vành Khăn (Mischief Reef) và một đảo khác do quân đội Philippines đóng.

Tập Cận Bình, một Mao mới trong thời đại toàn cầu hóa

Nhà bình luận Doug Bandow của Newsweek đưa ra câu hỏi liệu Tập Cận Bình sẽ trở thành một Mao thứ hai không phải là không có lý do. Khác với các lãnh tụ CSTQ sau Mao, Tập Cận Bình là nhà độc tài đầy tham vọng quyền lực. Nạn sùng bái cá nhân tại Trung Quốc tạm lắng trong ba chục năm qua đã bắt đầu tái phát. Bộ máy tuyên truyền CSTQ đang đánh bóng họ Tập như một lãnh tụ có quyền hạn tối thượng và tuyệt đối trong tập thể lãnh đạo Trung Quốc. Báo chí bắt đầu gọi y là “Lãnh tụ Trung tâm” (The CORE), một danh hiệu chỉ dành để chỉ Đặng Tiểu Bình.

Trong một bài bình luận đầu tháng Hai năm 2016 trên *The New York Times*, nhà bình luận Chris Buckley nhắc đến sự kiện ngày càng đông các lãnh đạo địa phương tuyên bố trung thành với họ Tập. Vai trò lãnh đạo tập thể của Ban chấp hành Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị và Ban Thường trực Bộ Chính trị bị đặt qua bên. Lãnh đạo mới được hiểu theo hình tháp và trên đỉnh là duy nhất Tập Cận Bình giống như trước đây chỉ có Mao.

Quách Kim Long (Guo Jinlong) tân bí thư thành ủy Bắc Kinh vừa tuyên bố một câu rùng rợn trên Bắc Kinh Nhật Báo, “Trật tự thế giới mà chúng ta sống đang tiến hành một sự điều chỉnh và về đối nội, đây là giai đoạn quan trọng của những thay đổi sâu sắc. Hơn bao giờ hết, chúng tôi cần một lãnh đạo tối cao.” Cho đến nay, ít nhất 14 trong số các lãnh đạo cao cấp của đảng tuyên thệ trung thành trước họ Tập.

Việc các viên chức cao cấp Trung Quốc tuyên thệ trung thành, thoát nhìn chỉ là chuyện nội bộ của Trung Quốc, tuy nhiên, điều này cũng nhắc lại sự kiện các viên chức cao cấp và tướng lãnh Đức

phải tuyên thệ trung thành với Hitler khi ông ta vừa nhậm chức Quốc Trưởng Đức và sau đó phát động chiến tranh thế giới. Không phải nhân dân Trung Hoa mà nhân dân các nước nhỏ láng giềng như Việt Nam, Philippines sẽ là những nạn nhân đầu tiên của “Lãnh tụ Trung tâm” này.

Tập Cận Bình muốn thiết lập một “status quo” mới trên Biển Đông

Theo Andrew Chubb trong một phân tích khá chi tiết trên *The Diplomat*, *The South China Sea: Defining the 'Status Quo'*, trước 2013, khái niệm “status quo” rất ít được sử dụng. Phía Trung Quốc chẳng những không dùng mà còn kết án.

Lý do?

Trong tình trạng hiện nay của quần đảo Trường Sa, số lượng đơn vị đảo do Trung Quốc chiếm (5 đơn vị) vẫn còn ít hơn số đảo Việt Nam đang giữ (21 đơn vị). Đơn vị được xác định theo tiêu chuẩn đảo, vùng đá nổi hay vùng đá chìm. Nếu một “status quo” chỉ dựa trong tình trạng hiện nay, chắc chắn không phải là một hiện trạng mà Trung Quốc muốn.

Trung Quốc có ý định phá vỡ “status quo” đang có để thiết lập một “status quo” mới phù hợp với quan điểm bành trướng đã phác họa trong “đường lối bờ 9 đoạn” và sau đó vào tháng 6, 2014 lại tự ý bổ sung thêm một đoạn nữa. Trung Quốc tuyên bố khoảng 90% Biển Đông thuộc về Trung Quốc và đó cũng là “status quo” mới mà Tập Cận Bình đang nhắm tới.

Để đạt được “status quo” mới đó, Tập Cận Bình đưa ra chủ trương gồm hai mặt. Mặt đối ngoại, Tập Cận Bình kêu gọi các bên tranh chấp tự chế các hành động quân sự và giải quyết mọi xung đột bằng các phương tiện hòa bình. Mặt đối nội, họ Tập chỉ thị cấp tốc quân sự hóa các vùng đã chiếm được. Thoạt nghe, hai mặt, vừa

thảo luận song phương hòa bình mà vừa lại quân sự hóa, dường như mâu thuẫn. Không, với họ Tập chủ trương hai mặt lại hỗ trợ cho nhau một cách hữu hiệu. Các cường quốc cũng như các nước đang tranh chấp không có một phản ứng thích hợp trước các hành động bành trướng ngang ngược của Trung Quốc.

Tập Cận Bình thúc đẩy “status quo” mới không chỉ bằng số lượng đảo chiếm được hay mở rộng vùng biển rộng mà còn qua mức độ của việc xây dựng các đảo nhân tạo, phi trường, công trình dân sự, quân sự. Những phát triển này bị Hoa Kỳ kết án là vi phạm “status quo.” Lãnh đạo Trung Quốc lý luận việc xây dựng các phương tiện dù dân sự hay quân sự cũng chỉ xây dựng trên “lãnh thổ” Trung Quốc như họ đã làm từ nhiều năm nay chứ không xâm phạm lãnh thổ của quốc gia nào và lập đi lập lại sẽ không dùng các phương tiện này để xâm lược các quốc gia khác.

Tập Cận Bình quân sự hóa Biển Đông

Việc Trung Quốc quân sự hóa những vùng chiếm được trên Biển Đông đã quá rõ ràng. Đô Đốc Harry Harris, Tư Lệnh Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương của Mỹ xác nhận “Điều đó quá rõ, trừ phi bạn nghĩ rằng trái đất này là một mặt bằng, bạn mới nói là là không.” Đô Đốc Harry Harris cũng tin rằng Trung Quốc đã đặt các giàn hỏa tiễn địa không trên đảo Woody (Phú Lâm). Sau hỏa tiễn, Trung Quốc phối trí các phi cơ chiến đấu cũng trên đảo Phú Lâm. Khác với những lần trước, lần này có vẻ các chiến đấu cơ này sẽ là phần của căn cứ không quân thường trực.

Sự hiện diện quân sự của Trung Quốc hiện nay trên Biển Đông chưa phải là một đe dọa trực tiếp đối với an ninh và quyền tự do hàng hải của Mỹ. Với sự chênh lệch còn quá xa về kỹ thuật và phương tiện chiến tranh nghiêng về phía Mỹ, nếu một xung đột quân sự xảy ra, những giàn hỏa tiễn và vài chiến đấu cơ đó sẽ nằm trong đáy biển trong vòng vài phút.

Tuy nhiên, với các quốc gia nhỏ trong vùng, sự hiện diện của chúng là những đe dọa trực tiếp. Sự ràng buộc và phụ thuộc vào nhau trong quan hệ kinh tế thương mại vô cùng sâu sắc và phức tạp giữa các cường quốc trong giai đoạn toàn cầu hóa như hiện nay, khả năng để Hoa Kỳ có thể can thiệp vào các xung đột giữa hai nước sẽ rất thấp.

Biết điều đó nên lập trường giải quyết xung đột của Trung Quốc từ trước đến nay vẫn là giải quyết song phương thay vì đa phương để nếu có leo thang cũng chỉ leo thang giữa hai nước. Không có liên minh quân sự, Việt Nam hay Philippines đều không phải là đối thủ của Trung Quốc.

Đáp lại lời phê bình của Ngoại Trưởng Hoa Kỳ John Kerry, Ngoại Trưởng Trung Quốc Vương Nghị mới đây nói rằng việc Trung Quốc phối trí quân sự trên Biển Đông cũng không khác gì Mỹ phối trí quân sự trong khu vực Hawaii. Câu nói ngang ngược và ngu xuẩn vì không có nước nào tranh chấp chủ quyền với một tiểu bang của Hoa Kỳ, nhưng phản ánh chủ trương của Tập Cận Bình không chỉ lấn chiếm mà còn dân sự hóa, quân sự hóa lâu dài, nói rõ hơn là thiết lập một “status quo” mới trên Biển Đông và đặt không chỉ riêng Hoa Kỳ mà cả thế giới trước một tình trạng đã rồi.

Rất tiếc, như lịch sử thế giới đã chứng minh, các thay đổi “status quo” về lãnh thổ đều dẫn đến chiến tranh. Con đường thoát duy nhất mà một nước nhỏ, trong trường hợp này là Việt Nam, phải chọn là thực hiện cho bằng được các điểm mà Trung Quốc né tránh và khai thác tối đa các điểm yếu của Trung Quốc, trong đó có (1) dân chủ và hiện đại hóa đất nước, (2) nhanh chóng chiến lược hóa vị trí Việt Nam, (3) liên kết với các nước bất đồng quyền lợi với Trung Quốc để bao vây và cô lập Trung Quốc, và (4) chuẩn bị chiến tranh bảo vệ tổ quốc.

BÀI HỌC TRANH CHẤP BIÊN GIỚI GIỮA TRUNG CỘNG VÀ BẮC HÀN

Ngoài Việt Nam, Trung Cộng chia sẻ biên giới với 13 quốc gia khác gồm Ấn Độ, Pakistan, Afghanistan, Tajikistan, Kyrgyzstan, Kazakhstan, Mông Cổ, Bhutan, Nepal, Miến Điện, Nga, Lào và Bắc Hàn.

Nếu chỉ nhìn sự phụ thuộc kinh tế của Bắc Hàn vào Trung Cộng, người ta dễ dàng đi đến kết luận Trung Cộng muốn gì được nấy, muốn đóng cọc chỗ nào đóng, muốn vẽ biên giới đâu thì vẽ, cần gì phải đưa ra bàn hội nghị, mà có đưa ra cũng chỉ là hình thức dàn cảnh ngoại giao. Không. Bắc Hàn tự cô lập khỏi thế giới văn minh, trong nhiều năm đã lệ thuộc vào Trung Cộng từng chén cơm manh áo, nhưng họ nhất định không nhượng cho Trung Cộng một tấc đất nào qua các hội nghị về đường biên giới giữa hai nước.

Mặc dù cai trị đất nước bằng một lý thuyết ngu dân hoang tưởng, bằng một chính sách độc tài sắt máu bị phần lớn nhân loại rẻ khinh, xa lánh, ba thế hệ họ Kim ít ra có một điểm mà giới lãnh đạo đảng CSVN không làm được, đó là quyết tâm giữ đất của tổ tiên họ để lại.

Vùng biên giới tranh chấp

Trung Cộng và Bắc Hàn chia sẻ biên giới dài 1,416 kilômét Các vùng tranh chấp thuộc khu vực sông Yalu, sông Tumen và Bạch Đầu Sơn (Paektusan). Các hội nghị bí mật giữa hai nước diễn ra trước 1963 và đạt đến điểm đồng thuận vào 1963 với sự nhượng bộ từ phía Trung Cộng.

Khu vực bất đồng sâu sắc nhất là Bạch Đầu Sơn. Phía Trung Quốc cho rằng vùng núi lửa Bạch Đầu Sơn rộng 33 kilômét vuông trước đây là đất Mãn Châu, do đó ngày nay thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Phái đoàn Trung Quốc còn viện dẫn lịch sử khi cho đó là nơi dòng tộc Mãn Thanh bắt nguồn.

Bắc Hàn không đồng ý và cũng viện dẫn các dữ kiện lịch sử để chứng minh Bạch Đầu Sơn thuộc về Triều Tiên từ nhiều ngàn năm lịch sử. Đối với dân tộc Triều Tiên, Bạch Đầu Sơn là nơi Thần Hwanung kết duyên với một phụ nữ và hạ sinh con trai Tangun, và chính Tangun đã sáng lập nên Vương Quốc Choson đầu tiên trong lịch sử Triều Tiên. Một khu vực tranh chấp khác là vùng Hồ Chongji. Trung Cộng cho là thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Bắc Hàn cũng không đồng ý.

Tuy nhiên, theo nội dung thỏa hiệp biên giới 1963, hai nước đồng ý phân chia Bạch Đầu Sơn từ đỉnh và ba phần năm vùng Hồ Chongji thuộc Bắc Hàn. Vùng đất Trung Cộng nhượng cho Bắc Hàn rộng đến mức chính quyền thuộc các tỉnh biên giới như Cát Lâm (Jilin) và Liêu Ninh (Liaoning) phản đối chính quyền trung ương.

Lý do Trung Cộng nhượng bộ Bắc Hàn

1. Bắc Hàn có chung ngã ba chiến lược với Trung Cộng và Liên Xô. Khu vực biên giới giữa Bắc Hàn, Liên Xô (hiện nay thuộc Nga) và Trung Cộng giữ một vai trò chiến lược vô cùng quan trọng đối

với Trung Cộng. Đây là cửa ngõ Liên Xô dùng để qua Thái Bình Dương. Cách ngã ba không xa là thành phố Vladivostok, nơi đặt bộ tư lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương của Liên Xô. Nhiều lần trong thế kỷ 19, thành phố cảng Vladivostok cũng là nơi diễn ra các đụng độ quân sự giữa Nga và Trung Quốc. Sau cách mạng CS 1917, Vladivostok là điểm đổ bộ của các lực lượng đồng minh tình nguyện trong đó có Tiệp, Anh, Mỹ, Canada với ý định lật đổ chính quyền CS của Lenin vừa mới được dựng lên. Thành phố này bí mật đến nỗi không cho phép một người nước ngoài nào thăm viếng. Nếu hai mặt của khu vực tam giác chiến lược này thuộc về Liên Xô sẽ là một đe dọa quân sự nghiêm trọng với Trung Cộng.

2. Đạo đức giả “Giết không được tha làm phúc.” Trong giai đoạn 1965, quan hệ giữa Mao và Kim Nhật Thành trở nên căng thẳng vì thái độ nghiêng về phía Liên Xô của họ Kim. Mao nổi giận tuyên bố đòi 160 kilômét vuông chung quanh Bạch Đầu Sơn phải giao nộp cho Trung Cộng để trả nợ cho các khoản chi dùng kinh tế, quân sự mà Trung Cộng đã cung cấp cho Bắc Hàn trong chiến tranh Nam-Bắc Triều Tiên 1950-1953. Bắc Hàn chẳng những không chịu mà còn đánh trả các xâm phạm quân sự gây ra từ phía Trung Cộng. Tháng 11 1970, cần phải dồn nỗ lực giải quyết các bất ổn nội bộ sau Cách Mạng Văn Hóa, Mao rút lại đòi hỏi về lãnh thổ. Bắc Hàn, một lần nữa, đạt thắng lợi mà không phải chịu đựng một thiệt hại nào.

3. Lấy lòng Bắc Hàn trong tranh chấp Trung-Xô. Rạn nứt về cả tư tưởng chính trị lẫn đường lối bang giao quốc tế giữa Liên Xô và Trung Cộng bắt đầu sau khi Nikita Khrushchev nắm quyền lãnh đạo đảng CS Liên Xô. Khi mâu thuẫn Trung-Xô gia tăng, phong trào CS quốc tế chia làm ba cánh, một cánh đa số ủng hộ Liên Xô, một cánh đóng vai trò trung lập như Nam Tư, Việt Nam và một số nhỏ khác như Albany ủng hộ Trung Cộng. Trung Cộng hơn bao

giờ hết cần sự ủng hộ của Bắc Hàn. Chu Ân Lai, Thủ tướng Trung Cộng, chỉ thị phái đoàn đàm phán Trung Cộng tránh xung đột và chấp nhận yêu sách của phái đoàn Bắc Hàn. Đáp lại, trong hội nghị các đảng CS quốc tế tổ chức tại Moscow vào tháng 10, 1966, Bắc Hàn không tham dự.

4. Nỗi sợ bị bao vây. Như người viết đã trình bày trong nhiều loạt bài về Trung Cộng, tất cả các yếu tố nêu trên đều phát xuất từ mối lo truyền thống của các lãnh đạo Trung Cộng, là mối lo bị bao vây. Toàn bộ biên giới phía Bắc Trung Quốc, bao gồm vùng Ngoại Mông đều thuộc quyền kiểm soát của Liên Xô. Trong chiến tranh biên giới giữa Trung Cộng và Ấn Độ 1962, Liên Xô đứng về phía Ấn. Ngay cả khi Khrushchev bị hạ bệ 1964, rạn nứt cũng không có cơ hội hàn gắn, mâu thuẫn không có cơ hội giải quyết mà còn sâu sắc hơn. Chu Ân Lai tố cáo Liên Xô dưới thời Leonid Brezhnev là một loại chế độ “Khrushchev không có Khrushchev.” Vùng độn quan trọng nhất Trung Cộng phải giữ là Bắc Hàn.

Bài học đàm phán biên giới giữa Bắc Hàn và Trung Cộng

- **Nam Hàn ủng hộ Bắc Hàn trong tranh chấp biên giới với Trung Cộng:** Như cả thế giới đều biết Nam và Bắc Hàn vẫn còn trong tình trạng chiến tranh nhưng có một lập trường họ luôn chia sẻ đó là bảo vệ lãnh thổ của tổ tiên. Khi Bắc Hàn và Trung Cộng tranh chấp biên giới Đông Bắc, Nam Hàn tuyên bố ủng hộ Bắc Hàn. Một lý do, vùng Bạch Đầu Sơn là chiếc nôi của dân tộc Triều Tiên và lý do khác, sự ủng hộ của Nam Hàn, một quốc gia dân chủ, sẽ gia tăng áp lực và đón nhận thêm cảm tình của khối tự do Tây Phương. Trung Cộng phải giải quyết xung đột nhanh chóng vì không muốn Nam Hàn liên quan sâu đến tranh chấp dù chỉ trên mặt trận ngoại giao và truyền thông. Điều mà Trung Cộng không muốn nhất là Bắc Hàn trở thành một nước dân chủ hay thống nhất dưới thể chế dân chủ.

- **Khai thác yếu điểm của Trung Cộng:** Chiến lược đàm phán biên giới của Trung Cộng bị chi phối bởi chính sách an ninh chung của cả nước trong từng thời kỳ. Theo tổng kết của M. Taylor Fravel trong biên khảo xuất sắc “Regime Insecurity and International Cooperation,” từ 1949, Trung Cộng tham gia 23 cuộc hội nghị về biên giới với các nước láng giềng; trong số đó, Trung Cộng đã 19 lần phải chấp nhận phần lớn các đòi hỏi của các nước tranh chấp. Nghĩa là, nếu có sự phân chia vùng lãnh thổ tranh chấp, Trung Cộng nhận ít hơn 50 phần trăm.

Yếu tố an ninh của Trung Cộng được đặt lên thứ tự ưu tiên trong đàm phán. Tại Trung Quốc, người Hán chiếm 90 phần trăm dân số và chỉ 10 phần trăm còn lại thuộc các dân tộc thiểu số nhưng 10 phần trăm này kiểm soát các vùng đất bao la dọc biên giới. Giống như Liên Xô, quyền lực của Trung Cộng mạnh ở trung tâm nhưng rất lỏng lẻo tại các địa phương xa. Chọn lựa của Trung Cộng là chọn lựa của thế yếu chứ không phải để hòa giải với láng giềng. Trong trường hợp đàm phán với Bắc Hàn, sự ổn định của vùng độn Bắc Hàn quan trọng hơn vài trăm kilômét đất vùng Bạch Đầu Sơn.

- **Nước nhỏ chưa hẳn là nước yếu.** Bang giao quốc tế là một cuộc đấu tranh chính trị cân não. Trong thời đại toàn cầu hóa, sự phụ thuộc giữa các quốc gia sâu sắc hơn thời kỳ Chiến tranh Lạnh và hai cuộc thế chiến trước đây, do đó, cuộc đấu tranh lại càng khó khăn, phức tạp và có thể phải chấp nhận nhiều rủi ro hơn. Cho dù theo đuổi bao nhiêu mục tiêu, đối với một quốc gia, tại mỗi thời kỳ nhất định, chỉ có một ưu tiên tối thượng. Bảo vệ sức mạnh trung tâm là ưu tiên tối thượng của Trung Cộng. Những nhân nhượng của Trung Cộng qua các tranh chấp về biên giới cho thấy rõ một điều quốc gia nào cũng cần ổn định để phát triển nhưng Trung Cộng cần ổn định hơn bất cứ quốc gia nào khác. Trong thời kỳ

Liên Xô còn tồn tại, Bắc Hàn khai thác xung đột giữa hai đàn anh CS để có lợi cho mình và nay đang khai thác mâu thuẫn Mỹ-Trung để củng cố vị trí của Bắc Hàn trong bàn cờ địa lý chính trị vùng Nam Á.

Người viết không phân tích hay đối chiếu cách xử sự của lãnh đạo CS Việt Nam và Bắc Hàn bởi vì một người có hiểu biết chính trị căn bản nào cũng biết mục tiêu tối thượng của lãnh đạo CSVN là duy trì quyền cai trị trên đầu trên cổ nhân dân Việt Nam bất chấp đất đai, rừng, biển của tổ tiên để lại bị chiếm đoạt. Tập Cận Bình biết rõ gan ruột của lãnh đạo CSVN nên rất khinh thường họ. Sự kiện máy bay Trung Cộng vi phạm không phận Việt Nam không chỉ một lần mà mấy chục lần là một ví dụ điển hình. Nếu báo chí quốc tế không lên tiếng trước rồi lãnh đạo CSVN cũng tiếp tục “ngậm bồ hòn làm ngọt” như đã từng chịu nhục suốt 40 năm qua.

Tham khảo:

- Fravel, M. (2005). Regime Insecurity and International Cooperation: Explaining China's Compromises in Territorial Disputes. *International Security*, 30(2), 46-83.
- Tan, M. (2015, April 23). *North Korea, International Law and Dual Crises: Narrative and Constructive Engagement*. Routledge.
- Elleman, B., Kotkin, S., Schofield, C. (2012, October 3). *Beijing's Power and China's Borders: Twenty Neighbors in Asia*. Routledge.
- Pinilla, D. (2004). Border Disputes between China and North Korea. *China Perspectives*.
- Conferences of the Communist and Workers Parties. (1979). The Great Soviet Encyclopedia.

- Sino-Soviet Split. https://en.wikipedia.org/wiki/Sino-Soviet_split
- China–North Korea border
https://en.wikipedia.org/wiki/China%E2%80%93North_Korea_border

LENIN VÀ CHÍNH SÁCH “TUYÊN TRUYỀN TƯỢNG ĐÀI”

Trong thời gian qua, hầu hết bài viết dù phê bình việc dựng tượng đài Hồ Chí Minh ở Sơn La đều nhấn mạnh đến những yếu tố như tốn kém tiền bạc, nuôi sống tham nhũng, làm cho dân tình thêm đói khổ v.v... Những phê bình đó không sai nhưng chỉ là những tác hại về vật chất, các tác hại tinh thần do những tượng đài CS gây ra còn sâu xa và nguy hiểm hơn nhiều.

Tượng đài CS, một vấn nạn của các nước cựu CS

Khi người dân giành lại được quyền tự do, tượng đài cũng là nơi họ trút hết những hờn căm, phần uất đã bị dồn nén, chịu đựng bao nhiêu năm. Để bày tỏ thái độ dứt khoát với quá khứ, phản ứng cụ thể nhất của phong trào dân chủ cũng là giật sập tượng đài. Chỉ trong tháng 11, 1990, tại Ukraine và các quốc gia vùng Baltic, 70 tượng đài Lenin bị giật đổ. Để ngăn chặn làn sóng giật sập tượng Lenin, tháng 10, 1990 Mikhail Gorbachev, lúc đó còn là Tổng Bí Thư CS Liên Xô, ra sắc lệnh ngăn cấm việc phá hủy tượng Lenin. Nhưng đã quá trễ, phong trào giật đổ tượng đài các lãnh đạo CS đã lan rộng không chỉ các quốc gia Trung Á thuộc Liên Xô mà ngay

cả tại quê hương Nga của y.

Từ cuối năm 1989, hàng ngàn tượng đài các lãnh đạo CS tại 15 nước thuộc Liên Xô cũ, các quốc gia Đông Âu, Mông Cổ, Ghana, Ethiopia, Afghanistan đã bị giật sập, đập phá hay hủy hoại. Tuy nhiên, số lượng tượng đài các lãnh tụ CS cũng còn lại khá nhiều bởi vì kéo đổ hết là một việc khó khăn, đơn giản vì chúng quá nhiều, quá tốn kém và trong nhiều trường hợp dân chúng chẳng còn quan tâm đến những khối xi măng vô tri không làm ai sợ hãi nữa.

Hành động kéo đổ tượng Lenin tại thành phố Kharkiv, Ukraine vào tháng Chín năm ngoái, do đó, không phải là mới lạ. Tượng đài Lenin ở Kharkiv cũng không phải là tượng đầu tiên mà là tượng thứ 390 bị kéo xuống chỉ trong vòng 2 năm 2013 và 2014.

Trước đây, Ukraine đã từng là một trong vài nước đầu tiên phá đổ tượng đài Lenin vào đầu thập niên 1990. Việc kéo đổ tượng Lenin ở Ukraine lần này chỉ là cách để chúng tỏ là thái độ dứt khoát đối với Nga.

Số lượng tượng đài Lenin tại Nga còn lại nhiều nhưng không có nghĩa người dân Nga xem Lenin như là biểu tượng của nước Nga. Dân chúng Nga yêu dân chủ kết án Lenin như một tội đồ dân tộc vì đã (1) xây dựng một chính quyền khủng bố có hệ thống để cai trị Nga suốt 74 năm; (2) tàn phá Đế Quốc Nga và giết sạch gia đình Nga Hoàng; (3) ký hiệp ước bán nước Brest-Litovsk sang nhượng đất đai của Nga cho Đức và các cường quốc Trung Âu; (4) gây ra cuộc nội chiến Nga sau khi cướp chính quyền 1917 dẫn đến cái chết của 15 triệu dân Nga vô tội; (5) tịch thu tài sản dân chúng, tàn phá nhà thờ, tu viện; (6) ký hàng loạt mật lệnh ám sát nhiều trăm ngàn người dân vô tội, nông dân có đất đai, tu sĩ và tín đồ Thiên Chúa Giáo.

Nguồn gốc của chính sách “Tuyên truyền Tượng đài”

Gần như quốc gia nào cũng có xây một số tượng đài để tưởng niệm các danh nhân, các anh hùng dân tộc của quốc gia họ như George Washington, Abraham Lincoln của Hoa Kỳ, Simon Bolivar, Manuel Carlos Piar của Venezuela, Trần Hưng Đạo, Quang Trung của Việt Nam v.v... nhưng chỉ có dưới các chế độ CS, tượng đài các lãnh đạo CS được sử dụng như một phương tiện tuyên truyền gây tác hại vô cùng độc hại, nhất là đối với các thế hệ trẻ.

Sắc lệnh “Tuyên truyền Tượng đài” do Lenin đề xướng có một tên khá dài “Về việc dời các Tượng đài được Dựng lên để Vinh danh các Nga Hoàng và Quan chức và việc Phát triển Đề án Tượng đài đã Cống hiến cho Cách mạng Xã hội chủ nghĩa Nga” (On Removing Monuments Erected in Honor of Tsars and Their Servants and Developing a Project for Monuments Dedicated to the Russian Socialist Revolution) được công bố ngày 12 tháng Tư, 1918.

Chỉ trong vòng một tháng, các tượng đài vua chúa Nga bị kéo sập hay bị dời đi. Thời đó Lenin còn sống nên tượng đài được dựng lên đầu tiên là tượng đài Karl Marx do điêu khắc gia E. V. Revde đúc và đặt tại Penza. Hội đồng Ủy Viên Nhân Dân ngày 30 tháng Bảy, 1918 chấp thuận một danh sách đảng viên CS gồm 69 tên được xây tượng đài tưởng niệm. Lễ khai mạc mỗi tượng đài được tổ chức trọng thể. Sau khi Lenin chết, bộ máy tuyên truyền đảng CS tập trung vào việc biến Lenin thành bất tử qua việc đúc hàng ngàn tượng Lenin đủ kiểu và đặt tại khắp nơi.

Để gia tăng sản xuất tượng đài Nhà Máy Điêu Khắc Tượng Đài được chính thức khai mạc tại Leningrad năm 1922 để đúc tượng các “anh hùng lao động,” “anh hùng Xô Viết,” các lãnh đạo CS. Có nhiều năm nhà máy sản xuất đến 5 ngàn tượng đài CS. Trả lời

phỏng vấn của báo *Christian Science Monitor* tháng 11, 1990, điêu khắc gia Albert Charkin, tác giả của nhiều mẫu tượng Lenin cho biết những hình ảnh Lenin đơn giản, khiêm cung, thân mật, gần gũi chỉ là những hình ảnh giả tạo.

Người đời nguyên rủa Stalin nhiều hơn Lenin nhưng quên rằng tất cả tội ác của Stalin đều phát sinh từ nền móng của cơ chế toàn trị do Lenin dựng lên, trong đó có cơ quan mật vụ Cheka khủng khiếp do hung thần Felix Dzerzhinsky lãnh đạo. Chỉ trong vòng một tháng từ tháng Chín đến tháng Mười, 1918, ước lượng đã có 10 ngàn đến 15 ngàn người bị cơ quan Cheka thủ tiêu. Danh từ “Khủng bố Đỏ” xuất hiện trong giai đoạn này.

Tượng đài các lãnh đạo CS tại 5 nước CS

Tại Bắc Hàn, toàn quốc có khoảng 34 ngàn tượng đài Kim Nhật Thành. Một tượng đài cho mỗi 3.5 kilômét và cứ 750 người dân có một tượng đài họ Kim. Không giống như một số tượng Lenin làm bằng đá, tượng cha con họ Kim đúc bằng đồng rất tốn kém. Tháng Bảy vừa qua, hai bức tượng đồng của cha con họ Kim được khánh thành một cách trọng thể tại tỉnh Pyongan. Để củng cố đặc điểm kế nghiệp, Kim Jong Un sẽ lần lượt cho thay thế tượng ông nội y đứng một mình bằng tượng của ông nội và cha y đứng cạnh nhau.

Tại Trung Cộng, theo BBC, nhiếp ảnh gia Cheng Wenjun đã đi khắp Trung Hoa lục địa để chụp hình các tượng đài Mao Trạch Đông và ông ta ghi nhận khoảng 2 ngàn tượng đài. Điều đáng lưu ý, một phần ba số tượng đài nằm trong khu vực các trường đại học. Nhân dịp kỷ niệm 120 năm sinh nhật của Mao, lãnh đạo Trung Cộng cho đúc một tượng Mao ngồi gác chân trên ghế bằng vàng và cẩm thạch, cao chỉ 80 cm, nặng 50 kilograms nhưng có giá thành lên đến 16 triệu Mỹ kim.

Tại Lào, tượng lãnh tụ CS Kaysone Phomvihane cũng có mặt trên

nhieu công viên, cơ quan nhà nước. Năm 2004, Bắc Hàn đúc tặng Lào 200 tượng Kaysone Phomvihane bằng đồng để đặt tại các cơ quan đảng và nhà nước Lào.

Tại Cuba, mặc dù Fidel Castro chưa chết, tượng đài của y cùng với Che Guevara cũng đã được dựng nhiều nơi trên quốc gia hải đảo này.

Tại Việt Nam, theo số liệu của Bộ Văn Hóa-Thanh Niên & Du Lịch, Việt Nam hiện có 134 tượng đài Hồ Chí Minh, trong đó gồm 103 tượng đặt tại các trụ sở cơ quan, 31 tượng được dựng tại các quảng trường. Theo kế hoạch từ nay đến 2030 sẽ xây thêm 58 tượng họ Hồ, nâng tổng số lên 192 tượng.

Tượng đài CS không phải là biểu tượng văn hóa của một dân tộc

Để bình vực việc xây tượng đài Hồ Chí Minh, ông Đào Ngọc Nghiêm, Phó Chủ tịch Hội Quy hoạch và phát triển đô thị Việt nam, phát biểu: *“Tôi cho rằng, không nên đặt vấn đề xây dựng những tượng như thế đắt hay rẻ. Trước khi phán xét phải nhìn nhận tổng thể giá trị văn hóa. Tượng đài sẽ là động lực cho sự phát triển, nên không thể nói vì còn nhiều người đói thì phải mua cơm trước. Đôi khi văn hóa cũng phải đi trước.”* Ông Đào Ngọc Nghiêm không hiểu văn hóa là gì mà nói sảng, tượng đài Hồ Chí Minh không có liên hệ gì đến văn hóa Việt Nam.

Văn hóa được định nghĩa khác nhau ít nhiều tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu nhưng tựu chung là đời sống vật chất và tinh thần đặc thù của một dân tộc. Trong tuyên bố về các dạng văn hóa thế giới vào ngày 2 tháng 11, 2001, UNESCO định nghĩa văn hóa là *“tập hợp của các đặc điểm cảm xúc, trí thức, vật chất, tinh thần riêng biệt của một xã hội hay một nhóm xã hội trong đó bao gồm cách sống, hệ thống các giá trị, truyền thống và niềm*

tin.”

Tạm gác qua chuyện đối no, chỉ bàn về văn hóa thôi thì tượng đài Hồ Chí Minh không phải là biểu tượng văn hóa hay một phần của văn hóa dân tộc Việt Nam vì hai lý do chính:

1. Tượng đài CS không mang tính văn hóa đặc thù

Với định nghĩa của UNESCO, các tượng đài CS, trong trường hợp này là tượng đài Hồ Chí Minh, không phải là biểu tượng văn hóa đặc thù của một dân tộc mà chỉ là sản phẩm tuyên truyền phát xuất từ một nguồn gốc CS do Lenin đề ra vào ngày 12 tháng Tư, 1918 tại Nga và đã được áp dụng giống nhau một cách chính xác tại hầu hết các quốc gia CS.

Lấy hình tượng các lãnh tụ CS hôn nhi đồng làm một thí dụ. Để che giấu tội ác, bộ máy tuyên truyền Liên Xô giới thiệu một Stalin hiền từ yêu nhi đồng. Ngay sau đó, Hồ Chí Minh ở Việt Nam cũng yêu nhi đồng, Mao Trạch Đông ở Trung Cộng yêu nhi đồng, Todor Zhivkov ở Bulgaria yêu nhi đồng, Kim Nhật Thành ở Bắc Hàn yêu nhi đồng. Lãnh tụ khác nhưng cách thức, nội dung và mục đích đều giống hệt nhau.

2. Tượng đài CS không tồn tại với thời gian và truyền thống dân tộc

Như lịch sử thế giới cận đại chứng minh và người viết đã phân tích ở trên, tượng đài các lãnh đạo CS được dựng lên vì mục đích tuyên truyền nên phải bị phá hủy sau khi cơ chế chính trị tồn tại nhờ tuyên truyền và khủng bố sụp đổ. Như hai tác giả W. Logan và K Reeves viết trong tác phẩm biên khảo *Những nơi đau nhức và nhục nhã: đương đầu với một “gia tài nan giải”* (Places of pain and shame: dealing with "difficult heritage"), chế độ CS sụp đổ để lại những tượng đài như một gia tài không ai muốn nhận.

Chính sách “Tuyên truyền Tượng đài” dù đã chấm dứt trên quê hương của tác giả nó tròn một phần tư thế kỷ nhưng chất độc tư tưởng vẫn còn gieo rắc lên các thế hệ Việt Nam cho đến hôm nay. Tiền bạc của cải dù thiếu thốn bao nhiêu cũng có ngày làm lại được, tương tự, các phương tiện khoa học kỹ thuật dù tiên tiến bao nhiêu cũng có thể học được nhưng giá trị văn hóa dân tộc rất khó phục hưng. Cuộc tranh đấu để chống lại các tư tưởng CS ngoại lai, vong bản, vì thế, là một cuộc đấu tranh đầy khó khăn, đòi hỏi nhiều hy sinh, kiên nhẫn và phải bắt đầu ngay hôm nay chứ không phải đợi đến khi chế độ CS sụp đổ.

NGUỒN GỐC CỘNG SẢN CỦA NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8 THÁNG 3

Ngày Quốc Tế Phụ Nữ có một lịch sử dài gắn liền với các phong trào phụ nữ đòi quyền ứng cử và bầu cử, quyền lao động tại Hoa Kỳ trong thập niên đầu của thế kỷ 20, lẽ ra phải được vinh danh tại nhiều quốc gia, nhưng không, ngày này chỉ là lễ tại số rất ít nước, trong số đó là những nước CS.

Lịch sử Ngày Quốc Tế Phụ Nữ

Ngày 28 tháng 2, 1909, các lãnh tụ Đảng Xã Hội Mỹ tổ chức tưởng niệm cuộc đình công của các thành viên thuộc Nghiệp Đoàn May Mặc Nữ Quốc Tế (International Ladies' Garment Workers' Union) nhưng theo nhiều nghiên cứu, không có một cuộc đình công nào xảy ra tại New York trong ngày 8 tháng 3 năm trước đó.

Nghiệp đoàn May Mặc Nữ Quốc Tế thành lập năm 1900 và giải tán 1995 là một trong những nghiệp đoàn có đông đảo hội viên nhất nước Mỹ và đóng vai trò quan trọng trong lịch sử lao động Hoa Kỳ trong các thập niên 1920 và 1930. Phần lớn thành phần lãnh đạo nghiệp đoàn cũng là lãnh đạo Đảng Xã Hội Mỹ.

Năm 1919, Đảng Xã Hội Mỹ bị phân chia thành nhiều nhóm có khuynh hướng chính trị khác nhau. Một số nhóm cánh tả tách ra thành lập các đảng Cộng Sản nhưng sau đó thống nhất lại dưới tên Đảng Cộng Sản Mỹ với khoảng 50 ngàn đảng viên trong đó có cả các thành phần cực tả và vô chính phủ (anarchists).

Tháng 8, 1910, trước ngày Hội Nghị Quốc Tế Đảng Xã Hội được tổ chức tại Copenhagen, Denmark, các lãnh tụ đảng Xã Hội Mỹ, Đức đề nghị chọn một ngày đoàn kết phụ nữ toàn thế giới. Đề nghị này được các lãnh tụ Xã Hội và Cộng Sản đồng ý và được đại hội với khoảng 100 đại biểu từ 17 quốc gia biểu quyết hoàn toàn đồng ý.

Một trong những người khởi xướng việc thành lập Ngày Quốc Tế Phụ Nữ và được hầu hết tài liệu về nguồn gốc Ngày Quốc Tế Phụ Nữ thừa nhận công lao sáng lập là bà Clara Zetkin.

Bà Clara Zetkin là ai?

Bà Clara Zetkin sinh năm 1857 tại Đức. Bà gia nhập đảng Công Nhân Xã Hội Đức năm 1878. Năm 1917 bà hoạt động tích cực trong Đảng Dân Chủ Xã Hội Đức, sau đó gia nhập Đảng Cộng Sản Đức. Bà đại diện cho đảng Cộng Sản tại Quốc Hội Đức suốt 13 năm từ 1920 đến 1933.

Bà Clara Zetkin là nhà Marxist Đức nổi tiếng và là lãnh tụ đảng Cộng Sản Đức trong thời kỳ tranh chấp giữa Hitler và đảng CS Đức. Năm 1920 bà Zetkin phỏng vấn Lenin về “Vấn đề của phụ nữ.” Năm 1921 đến 1925, bà Zetkin là ủy viên của Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản. Tháng Tư 1920 bà thành lập Quốc Tế Phụ Nữ Cộng Sản, một bộ phận của Đệ Tam Quốc Tế và là chủ tịch đầu tiên của phong trào. Mặc dù người Đức, bà đã tham gia cuộc biểu tình “Bánh mì và hòa bình” nổi tiếng được tổ chức St. Petersburg, Nga trước Cách Mạng Cộng Sản 1917.

Sau khi lưu vong sang Liên Xô, bà Clara Zetkin được Stalin tặng thưởng Huân Chương Cờ Đỏ (1927) và Huân Chương Lenin (1932). Khi bà chết, 1933, tro được đặt dưới chân tường điện Kremlin.

Phong trào Quốc Tế Phụ Nữ sau khi thành lập

Vì hầu hết thành viên sáng lập, nếu không phải thuộc Đảng Xã Hội cũng là đảng Cộng Sản nên các hoạt động của Ngày Quốc Tế Phụ Nữ sau ngày thành lập đều tập trung vào các hoạt động ủng hộ Cộng Sản, chẳng hạn cuộc tuần hành tại Vienna để tưởng nhớ các “thánh tử đạo” của Công Xã Paris.

Năm 1913, sau khi được thảo luận, Ngày Quốc Tế Phụ Nữ được ấn định là ngày 8 tháng 3 và được duy trì cho đến ngày nay.

Năm 1917, phong trào phụ nữ Nga tổ chức cuộc đình công với khẩu hiệu “bánh mì và hòa bình” như đã từng dùng tại Mỹ, để chống việc Nga Hoàng tham gia Thế Chiến thứ Nhất gây ra cái chết của hàng triệu thanh niên Nga. Các cuộc biểu tình của phong trào phụ nữ Nga đã đóng góp một phần quan trọng dẫn đến việc Nga Hoàng thoái vị và đưa Cách Mạng Cộng Sản Tháng Mười đến thành công.

Liên Hiệp Quốc và Ngày Quốc Tế Phụ Nữ

Mặc dù ngay từ khi thành lập đã bị Cộng Sản chi phối, phong trào phụ nữ quốc tế này cũng đã có những hoạt động mang sắc thái xã hội dân sự như đòi hỏi quyền bỏ phiếu và tham gia các chức vụ hành chánh công quyền tại Mỹ, Anh, chính sách đãi ngộ công nhân, lương bổng và giờ giấc làm việc.

Rất đông trong số phụ nữ qua các thế hệ từ những năm đầu thế kỷ 20 cho đến nay đã tham gia với tinh thần thiện nguyện để đấu tranh cho quyền lợi phụ nữ một cách chân thành, nhiệt tình và

trong sáng. Để ghi nhận những đóng góp đó, năm 1975, Liên Hiệp Quốc chọn là Năm Phụ Nữ Quốc Tế và năm 1977, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thông qua quyết nghị công nhận vai trò của phụ nữ trong các nỗ lực hòa bình và phát triển.

"Ngày Quốc Tế Phụ Nữ" do các nước CS tổ chức và Ngày Quốc Tế Phụ Nữ của Liên Hiệp Quốc có ý nghĩa khác nhau. Một số người lầm lẫn giữa Ngày Liên Hiệp Quốc dành cho Quyền Phụ Nữ và Hòa Bình Quốc Tế 1977 và "Ngày Phụ Nữ Quốc Tế" được các quốc gia CS tổ chức sau Cách Mạng CS Nga 1917.

Như Liên Hiệp Quốc minh định: "Vào tháng 12, 1977, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thông qua một nghị quyết công bố một Ngày Liên Hiệp Quốc dành cho Quyền Phụ Nữ và Hòa Bình Quốc Tế được cử hành vào bất cứ ngày nào trong năm do Quốc Gia Hội Viên chọn phù hợp với truyền thống và lịch sử của quốc gia đó. (In December 1977, the UN General Assembly adopted a resolution proclaiming a United Nations Day for Women's Rights and International Peace to be observed on any day of the year by Member States, in accordance with their historical and national traditions.)

Mỗi năm Liên Hiệp Quốc kỷ niệm hàng trăm ngày lễ, từ những ngày quan trọng như Human Rights Day 10 tháng 12 cho đến Ngày Hiến Máu 11 tháng 6 hay Ngày Di Dân 18 tháng 12, Ngày Núi, Ngày Đất v.v... Ngày Phụ Nữ Quốc Tế 8 tháng 3 là một trong danh sách dài và chỉ chính thức từ 1977.

Việc Liên Hiệp Quốc vinh danh phong trào phụ nữ qua nhiều thế hệ đã hy sinh để đấu tranh cho quyền của phụ nữ là một điều chính đáng. Ngày đó đang được cử hành tại khắp nơi trên thế giới nhưng chỉ dưới hình thức phong trào xã hội như tại thư viện, các câu lạc bộ phụ nữ, các mạng xã hội (Facebook) v.v...

Một mai khi chế độ CS tại Việt Nam không còn, Ngày Phụ Nữ Quốc Tế của Liên Hiệp Quốc vẫn được kính trọng và thực hiện nhưng cũng sẽ hoàn toàn mang tính cách xã hội dân sự chứ không phải là ngày do chính phủ chỉ đạo và hoàn toàn có mục đích chính trị như dưới các chế độ CS tại Liên Xô, Đông Âu trước đây hay như tại Trung Quốc, Bắc Hàn, Lào, Cu Ba, Việt Nam hiện nay.

Lenin, Trotsky, Stalin, Mao, Kim, Hồ và Ngày Quốc Tế Phụ Nữ

Lenin biết ơn và xem trọng các đóng góp của phong trào phụ nữ trong cách mạng CS. Ngay sau khi thiết lập nhà nước chuyên chế CS, Lenin chỉ thị đặt Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 tháng 3 thành ngày lễ và các lãnh đạo CS sau y đã sử dụng ngày đó như một phương tiện tuyên truyền suốt 74 năm CS.

Ngày 4 tháng Ba, 1920, Lenin khẳng định điều này *“Nhưng các bạn không thể thu hút quần chúng vào chính trị nếu thiếu sự thu hút phụ nữ... Không có một đảng hay cách mạng nào trên thế giới có ước muốn đào sâu vào cội rễ áp bức và bất công của nữ giới hơn là cách mạng Soviet, Bolshevik đang làm. Tại Liên Xô, không còn một vết tích bất bình đẳng nam nữ nào căn cứ vào luật pháp.”* Lenin hô hào *“Không có gì có thể ngăn được làn sóng giải phóng con người khỏi ách chủ nghĩa đế quốc và giải phóng nam và nữ giới khỏi ách tư bản.”*

Những đóng góp của các lãnh đạo phong trào phụ nữ quốc tế tại Nga lớn đến nỗi Leon Trotsky cũng phải ngạc nhiên. Trotsky viết *“Ngày 23 tháng Hai (tức 8 tháng 3) là Ngày Quốc Tế Phụ Nữ và các phiên họp, các buổi mít-ting, các sinh hoạt được thực hiện. Nhưng chúng tôi không thể tưởng tượng Ngày Quốc Tế Phụ Nữ cũng là ngày phát động cách mạng.”*

Ngày 8 tháng 3, 1925 trên tờ Pravda, Stalin chỉ thị *“Ngày Quốc*

Tế Phụ Nữ phải trở nên phương tiện chuyển hóa tầng lớp phụ nữ lao động và phụ nữ nông dân từ một nguồn hậu thuẫn của giai cấp lao động thành một đạo quân của phong trào giải phóng của giai cấp vô sản. Ngày Quốc Tế Phụ Nữ muôn năm!”

Nổi gót Lenin và Stalin, năm 1927, Mao Trạch Đông trong tác phẩm “Sách Đỏ Nhỏ” in những bài viết của mình, y viết: “*Tại Trung Quốc, một người đàn ông thường giữ vai trò thống trị trên ba quyền (chính quyền, gia quyền và tôn giáo quyền). Đối với phụ nữ, ngoài việc bị thống trị bởi ba quyền trên, họ còn bị trị bởi một quyền khác do người chồng định đoạt.*” Mao đánh giá cao vai trò của phụ nữ và đã từng phát biểu “*Phụ nữ nâng cao một nửa bầu trời.*” Năm 1922, khi Đảng CS Trung Quốc vừa mới ra đời, đảng CSTQ đã tổ chức mừng Ngày Quốc Tế Phụ Nữ và khi chính thức thành lập nhà nước CS trên toàn lục địa vào năm 1949, Ngày Quốc Tế Phụ Nữ trở thành ngày lễ quốc gia.

Tại Bắc Hàn, cả ba đời họ Kim đều xem Ngày Quốc Tế Phụ Nữ là ngày trọng đại. Sáng ngày 8 tháng 3 vừa qua, Kim Jong-un, lãnh đạo CS Bắc Hàn và là tên độc tài dã man, bệnh hoạn nhất nhân loại hẳn phải thức dậy sớm hơn thường lệ. “Nguyên Soái Kim” phải tham gia hàng loạt sinh hoạt trong ngày này không chỉ để mừng Ngày Quốc Tế Phụ Nữ mà còn là kỷ niệm 20 năm “lý thuyết khoa học về vai trò của người phụ nữ” do cha y, Kim Jong-il, khám phá. Báo chí cũng tràn ngập bài vở ca ngợi ông nội y, Kim Nhật Thành, là người đầu tiên trong lịch sử Bắc Hàn đã bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ. Báo chí đăng tải hình ảnh Kim Jong-un phân phát son phấn cho các phi công Bắc Hàn sáng ngày 8 tháng 3 và qua họ tặng lại cho các phụ nữ trong gia đình. Tuy nhiên trong cùng ngày, có bài bình luận do các phụ nữ đào thoát khỏi Bắc Hàn viết về phụ nữ tại Bắc Hàn, theo đó mặc dù được chính quyền Bắc Hàn gọi là

“hoa của đất nước” nhưng trong thực tế, ngoài đời sống nghèo đói, phụ nữ Bắc Hàn còn phải làm nô lệ tình dục cho các sĩ quan cao cấp trong quân đội của Kim Jong-un. Phụ nữ Bắc Hàn không được giáo dục cách ngừa thai, khi có thai, đơn giản là phải đi phá.

Tại Việt Nam, không cần phân tích cũng biết đó là ngày lễ lớn. Hồ Chí Minh, một đệ tử trung thành của Lenin, Stalin và Mao Trạch Đông đã tích cực ủng hộ Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 tháng 3 từ khi thiết lập nhà nước CS tại miền Bắc 1954 cũng như trên cả nước Việt Nam từ 1975.

Các quốc gia chọn Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 tháng 3 như ngày lễ

Một người Việt Nam chưa có dịp tìm hiểu có thể nghĩ rằng Ngày Quốc Tế Phụ Nữ là ngày trọng đại trên toàn thế giới. Không phải. Các quốc gia chọn Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 tháng 3 như ngày lễ gồm: Afghanistan, Angola, Armenia, Azerbaijan, Belarus, Burkina Faso, Cambodia, China , Cuba, Georgia, Guinea-Bissau, Eritrea, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Laos, Macedonia, Madagascar, Moldova, Mongolia, Nepal, Nga, Tajikistan, Turkmenistan, Uganda, Ukraine, Uzbekistan, Zambia, Bắc Hàn và Việt Nam.

Nga là nước lớn không Cộng Sản vẫn còn duy trì Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 tháng 3, một phần để ghi nhận nỗ lực hòa bình của phong trào phụ nữ Nga trước Thế Chiến thứ Nhất và được tổ chức trong hình thức Ngày Mẹ với hoa và bánh mì theo truyền thống dân tộc hơn là các hình thức phô trương chính trị như thời Cộng Sản.

Trước đây, 15 “nước cộng hòa” thuộc Liên Xô và các quốc gia thuộc khối CS Đông Âu cũng xem Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 tháng 3 như ngày lễ. Phong trào CS Châu Âu sụp đổ cũng đã cuốn theo Ngày Quốc Tế Phụ Nữ tại các quốc gia này. Những lãnh đạo Cộng

Hòa mới ra đời biết rõ ngày gọi là “Ngày Quốc Tế Phụ Nữ,” thực tế, chỉ là một hình thức tuyên truyền lừa bịp nhân dân nói chung và nữ giới nói riêng. Dưới chế độ CS, giống như nam giới, người phụ nữ cũng bị tước đoạt mọi quyền căn bản nhất của con người. Nền Cộng Hòa mà các quốc gia Đông Âu như Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungary, Romania v.v... vừa gây dựng lại đặt nền tảng trên hiến pháp dân chủ chứ không bằng lời đường mật, những chiếc bánh vẽ dưới thời CS.

Hầu hết quốc gia dân chủ tây phương và đại đa số các nước thành viên Liên Hiệp Quốc khác không công nhận Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 tháng 3 như ngày lễ chính thức của quốc gia họ mà chỉ xem như là một trong nhiều sinh hoạt mang hình thức xã hội dân sự trên phạm vi quốc tế.

Mới đây khi một số thành viên đảng Dân Chủ Xã Hội Tiệp Khắc đề nghị tái lập Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 tháng 3 đã bị nhiều người phản đối vì làm như thế là lập lại những hình thức tuyên truyền bỉ ổi thời CS.

Phân tích để thấy đặc tính CS bắt nguồn từ trong cội rễ của Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 tháng 3 từ thuở phôi thai thành lập và các lãnh đạo CS quốc tế sử dụng ngày đó như một phương tiện tuyên truyền đã bị phần lớn nhân loại nhận diện.

Thực tế Việt Nam

Con người sinh ra thường chấp nhận những phong tục, tập quán thể hiện qua những hội hè, đình đám, lễ lộc và tiếp tục sống với những gì đã có mà không suy nghĩ hay thắc mắc. Họ không biết rằng, dưới chế độ CS, không có một ngày hội, ngày lễ nào mà không mang một ý nghĩa chính trị và không phục vụ cho mục đích chính trị của đảng CS trong mỗi thời kỳ.

Xóa bỏ ý thức dân tộc, trồng cấy nhận thức CS là một trong

những mục tiêu dài hạn và thường trực của bộ máy tuyên truyền CS.

Có người sẽ cho tôi viết quá đáng. Không. Thực tế đã diễn ra đúng như vậy tại Việt Nam. Những năm ngay sau 1975 ngày sinh của Karl Marx 5 tháng 5 là ngày quan trọng. Từ sáng đến tối không biết bao nhiêu chương trình, bao nhiêu buổi mít-tinh để tưởng nhớ đến người được đảng ca ngợi như một vĩ nhân đã chỉ đường cho nhân loại bước ra khỏi những nhọc nhằn tăm tối của cảnh người bóc lột người để hướng đến xã hội cộng sản khoa học. Tiểu sử của Marx được đọc trên đài phát thanh, đài truyền hình, học tập tại mỗi tổ dân phố, sinh viên học sinh Việt Nam phải học thuộc lòng tiểu sử Marx. Thế nhưng, không ai được nhắc rằng trước đó vài tuần lễ, một ngày vô cùng trọng đại đối với dân tộc Việt Nam đã lặng lẽ trôi qua gần như trong quên lãng: Mùng 10 tháng 3 Âm lịch Giỗ Tổ Hùng Vương. Ngay cả Nguyễn Huệ cũng gián tiếp được kết nạp vào đảng CS qua những tập truyện “cờ đào khởi nghĩa” nhuộm đỏ tâm hồn trong trắng của thế hệ măng non dân tộc.

Tội ác của chế độ CS không chỉ dâng đảo, bán đất cho Trung Cộng nhưng trầm trọng hơn vì đã và đang tàn phá, hủy hoại các giá trị tinh thần mà tổ tiên đã tạo dựng, hun đúc suốt bốn ngàn năm. Cuộc tranh đấu phục hưng các giá trị tinh thần, do đó, phải được thực hiện trong nhiều lãnh vực, thể hiện bằng nhiều phương cách và một trong những cách tích cực, dễ thực hiện nhất là tẩy chay những ngày lễ Cộng Sản như Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8 Tháng 3 chẳng hạn.

Tham khảo:

- United Nations: History of International Women's Day

<http://www.un.org/womenwatch/feature/iwd/history.html>

- Communist Party USA
http://en.wikipedia.org/wiki/Communist_Party_USA
- Lenin on International Women's Day (1920, March 4).
<https://www.marxists.org/archive/lenin/works/1920/mar/04.htm>
- Mao on Women 1919-1966
- *<http://sfr-21.org/mao-women.html>*
- International Ladies' Garment Workers' Union
http://en.wikipedia.org/wiki/International_Ladies%27_Garment_Workers%27_Union
- Stalin on International Women's Day. (1925, March 8)
<https://www.marxists.org/reference/archive/stalin/works/1925/03/08.htm>
- Shim, E. (2015, March 7). North Korea prepares to observe International Women's Day. *UPI*.
http://www.upi.com/Top_News/World-News/2015/03/07/North-Korea-prepares-to-observe-International-Womens-Day/4471425705521/
- International Women's Day
<http://www.internationalwomensday.com/about.asp#.VQDjgOGYHYi>
- Public holidays in North Korea
- UN Holidays
<http://www.vercalendario.info/en/event/days-unitednations-year-calendar-2016.html>

SÁU LÝ DO GIÚP CHẾ ĐỘ CS TỒN TẠI

Hôm đó là ngày 11 tháng 9, 1987 và Mikhail Gorbachev đang nghỉ ngơi trong một biệt thự ở Hắc Hải. Một phụ tá trình lên ông lá thư từ chúc Ủy viên Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Liên Xô của Boris Yelstin. Gorbachev đọc lá thư mà không tin đó là sự thật. Trong lịch sử đảng CSLX đây là lần đầu một lãnh tụ CS cấp trung ương từ chúc. Đấu tranh nội bộ dù sâu sắc như giữa Leon Trotsky và Stalin mấy chục năm trước cũng không có chuyện từ chúc. Việc tự ý rời nhiệm sở là việc chưa từng có và cũng không được phép. Leon Trotsky bị tước đoạt mọi chức vụ, loại trừ ra khỏi đảng năm 1927 và cuối cùng bị ám sát ở Mexico năm 1940.

Theo lời Gorbachev, ông gọi về Moscow và ra lệnh cho các phụ tá đến khẩn thiết với Yelstin đừng tiết lộ nội dung lá thư ra ngoài vì quần chúng và thế giới sẽ biết sự rạn nứt trong nội bộ đảng CSLX. Hơn một tháng sau đó, trong phiên họp của ban chấp hành trung ương đảng CSLX, Boris Yelstin chính thức từ chúc. Tuy phiên họp được tổ chức trong vòng bí mật, các tin tức về Boris Yelstin từ chúc cũng đã nhanh chóng lọt ra ngoài. Mảnh vỡ đó đã dẫn tới tự tan vỡ từ trung tâm đảng CSLX, một tổ chức chính trị bí mật, sắt máu và chặt chẽ nhất từ trước đến nay. Đặc điểm bí mật và sắt máu đã

giúp cho cơ chế CS tồn tại với một kỷ lục 74 năm tại Liên Xô so với Đảng Cách Mạng Thể Chế Mexico (Mexico's Institutional Revolutionary Party) cầm quyền được 71 năm.

Nhưng đó không phải là lý do duy nhất.

Nhân dịp có sự đụng độ cá nhân giữa Nguyễn Phú Trọng và Nguyễn Tấn Dũng trong đại hội đảng CS lần thứ XII này, người viết xin tổng kết các lý do chính để những ai, nhất là những người nghĩ mình đang đấu tranh cho dân chủ Việt Nam, hy vọng sự rạn nứt giữa Nguyễn Phú Trọng và Nguyễn Tấn Dũng sẽ dẫn đến những thay đổi căn bản và tốt đẹp cho đất nước thì cũng đừng mơ mộng và kỳ vọng nữa.

Việc mong đợi đảng CS tự thay đổi chẳng những làm nhụt ý chí đấu tranh, chứng tỏ sự yếu kém của mình mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến cả các phong trào dân chủ đang cố gắng vươn lên. Những thư kiến nghị, thỉnh cầu lần nữa “đem đàn gậy tai trâu” như bao nhiêu lần trước. Với Nguyễn Phú Trọng và Nguyễn Tấn Dũng, quyền lợi của đảng bao giờ cũng được đặt lên trên quyền lợi cá nhân. Rồi mai đây, sóng gió trong nội bộ đảng sẽ qua, Nguyễn Tấn Dũng mất quyền nhưng không mất lợi, chỉ có đất nước là bị xâm thực dần cho đến khi mất hẳn vào tay Trung Cộng.

Dưới đây là sáu lý do :

1. Đảng CS kiểm soát toàn bộ cơ cấu kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội bằng tuyên truyền và khủng bố

Lý do này rất hiển nhiên và dễ hiểu. Tuyên truyền kết hợp với khủng bố tạo thành cột xương sống của chế độ độc tài CS. Ngoài nhà tù và sân bắn, đảng CS áp dụng một chính sách tuyên truyền tàn độc nhất trong lịch sử loài người. Tình vi đến mức người bị tẩy não hoàn toàn không biết mình bị tẩy não mà cho CS là một lý tưởng của đời người và hiến thân cho đến chết.

Sau cách mạng CS Nga, 1917, công việc đầu tiên Lenin phải làm ngay là thành lập cơ quan tuyên truyền Agitprop và trong giai đoạn đầu còn do chính Lenin đích thân lãnh đạo. Tại Trung Cộng cũng vậy, trong đại hội đảng CS Trung Quốc lần đầu vào năm 1921 chỉ bầu ra vốn vẹn ba ủy viên trung ương nhưng một trong ba ủy viên đó chịu trách nhiệm tuyên truyền.

Cơ quan tuyên truyền tẩy não trung ương đảng kiểm soát từng chi tiết các sinh hoạt tri thức, thông tin, truyền thanh, truyền hình, báo chí. Hệ thống kiểm duyệt trong chế độ Cộng Sản không chỉ ở trung ương mà theo nhiều tầng lớp. Ngay cả khi các tác giả viết bài cũng đã thực thi tự kiểm duyệt vì họ biết những gì nên viết và những gì không được viết trước khi nộp bản thảo cho cơ quan kiểm duyệt nhà nước. Các tác phẩm phim ảnh được duyệt nhiều lần để bảo đảm khi đến người dân không có một tình tiết nào đi ngược với đường lối của đảng.

Để tồn tại sau những đải lọc của văn minh nhân loại, phương pháp và mục đích tuyên truyền CS cũng thay đổi theo thời gian. Chẳng hạn, trước năm 1990 nền giáo dục CS đặt nặng lên học thuyết Marx-Lenin nhưng sau này thêm vào một cái đuôi tư tưởng dân tộc như tư tưởng Mao tại Trung Cộng và tư tưởng Hồ Chí Minh tại Việt Nam.

2. Đấu tranh nội bộ nhưng có cùng một mục tiêu và bị chi phối bởi một kỷ luật đảng

Lịch sử phong trào CS thế giới từ Liên Xô đến Trung Cộng hay như vừa diễn ra tại Việt Nam cho thấy dù có đấu tranh nội bộ, các lãnh tụ CS luôn đặt mục tiêu chung của đảng lên hàng đầu. Các lãnh đạo đảng chọn hy sinh quyền lợi cá nhân vì sự sống còn của đảng. Tất cả đảng viên CS bị chi phối bởi một cương lĩnh duy nhất là cương lĩnh đảng CS.

Để duy trì tính thống nhất, đảng CS áp dụng một kỷ luật sắt trong nội bộ đảng. Ngoại trừ trường hợp Khrushchev tố Stalin trong đại hội lần thứ XX của đảng CS Liên Xô, ít khi nào một lãnh đạo Cộng Sản đứng lên thẳng thắn vạch trần tội lỗi của lớp lãnh đạo trước. Làm như thế là phản đảng vì đã tạo chỗ hở cho kẻ thù tấn công vào đảng. Không ai tiên đoán được số phận của Boris Yelstin ra sao nếu ông ta từ chức, đừng nói chi dưới thời Stalin mà chỉ 10 năm trước đó.

Đời tư các lãnh tụ CS là tài sản bí mật của đảng. Các lãnh tụ độc tài dù tự sát như Adolf Hitler, bị giết như Benito Mussolini hay bị treo cổ như Hideki Tojo, tội ác của họ cũng đều được phanh phui sau Thế Chiến thứ Hai. Các thể hệ lãnh tụ CS thì khác. Tội ác của các lãnh tụ CS được che giấu kỹ. Vai trò của Kim Nhật Thành trong chiến tranh chống Nhật, Hồ Chí Minh trong chiến tranh chống Pháp, Fidel Castro trong chiến tranh chống độc tài Batista, Stalin trong chiến tranh chống Đức, Mao Trạch Đông trong chiến tranh chống Nhật được đề cao đến độ làm như nếu không có họ có thể toàn dân tộc đã bị xóa tên khỏi lịch sử loài người. Hình ảnh Mao Trạch Đông chính thức tuyên bố thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, hình ảnh Hồ Chí Minh đọc “tuyên ngôn độc lập” đã được đánh bóng sáng đến mức mọi tội ác tày trời khác của họ đã trở thành tội ăn cắp, tội trộm vặt.

3. Bảo vệ tính kế tục cai trị của đảng

Chế độ CS là một chế độ phong kiến đỏ và do đó, đặc điểm kế tục cai trị CS vô cùng quan trọng.

Trường hợp Đặng Tiểu Bình đối với Mao Trạch Đông là một ví dụ điển hình. Đặng Tiểu Bình là một trong những người chịu đựng sự hành hạ và mất mát lớn lao về nhân mạng trong thời Cách mạng văn hóa. Bản thân Đặng Tiểu Bình bị chính Mao thanh trừng nhiều lần và con trai của họ Đặng trọng thương khi bị ném

từ cửa sổ xuống đường. Chuyện đời tư của Mao, từ bản chất độc tài, nghi kỵ cho đến cá tính trắng hoa đậm nhạt, Đặng Tiểu Bình biết hơn ai hết, nhưng khi lên nắm quyền hành, ông ta vẫn tiếp tục sơn son thiếp vàng lên một hình tượng mà cá nhân ông vô cùng cảm hận. Trên đồng nhân dân tệ từ đơn vị một đồng cho đến một trăm đồng vẫn in khuôn mặt mỉm cười của một trong những kẻ từng điều khiển bộ máy giết người tập thể khủng khiếp nhất trong lịch sử nhân loại.

Là một trong số rất ít lãnh đạo Cộng Sản lão thành còn sót lại từ thời Vạn lý trường chinh và cũng quá thuộc sử Tàu, Đặng Tiểu Bình biết, giống như các triều đại phong kiến Trung Hoa, đặc tính kế thừa của một quyền lực trung tâm là một yếu tố sinh tử của chế độ Cộng Sản. Họ Đặng biết rằng điểm trung tâm vỡ toàn bộ hệ thống cai trị sẽ vỡ theo. Đặc điểm kế tục còn được thể hiện qua tầng lớp “Thái tử đảng,” con cháu của các cựu lãnh đạo đảng, tiếp tục vai trò lãnh đạo như trường hợp Ôn Gia Bảo, Hồ Cẩm Đào, Tập Cận Bình tại Trung Cộng. Tại Việt Nam, thành phần “Thái tử đảng” cũng đang “nổi bước cha anh.”

4. Sử dụng “thành phần xương nhót” cho bộ máy toàn trị

Thành phần trung thành và cuồng tín do chính sách tẩy não nặn ra đa số là những kẻ dốt nát, ngu ngốc, phát biểu những câu chỉ làm trò cười cho thiên hạ và không thể điều hành bộ máy nhà nước. Bộ máy độc tài toàn trị CS chạy được nhờ vào một thành phần khác có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao thuộc các lãnh vực của đời sống mà người viết tạm gọi là “thành phần xương nhót.”

Khá đông trong “thành phần xương nhót” này là những người có học, có kiến thức về kinh tế chính trị, khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội, biết được lẽ đúng sai nhưng thỏa hiệp với tập đoàn cai trị để đổi lấy một cuộc sống an nhàn, vinh hoa cho bản thân và gia đình. Thành phần này chấp nhận là xương nhót cho bộ máy độc tài tiếp

tục cày xéo lên đất nước. Nhiều trong số họ được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng thế giới, học và hiểu tường tận các nguyên tắc để xây dựng một xã hội dân chủ nhưng khi về nước họ đã bán thân cho đảng CS. Một khi lớp xương nhót này trở thành cặn bã lại có một lớp khác lên thay. Như người viết đã phân tích trong bài “Bàn về tẩy não,” Ibert D. Biderman trong bản tin của Viện Hàn Lâm Y Khoa New York gọi thành phần này là những người “cho thấy việc chống lại chỉ là hành động vô ích”, từ đó “phát triển một thói quen tuân phục,” và cuối cùng “đầu hàng có điều kiện” trước đảng CS.

5. Các lãnh tụ CS chỉ giết nhân dân nước họ nên thế giới ít quan tâm

Không giống chế độ độc tài Đức Quốc Xã tàn sát dân Do Thái, lãnh đạo Cộng Sản các nước thường giết chính đồng bào cùng máu mủ, cùng tổ tiên, cùng đất nước với họ.

Ngay từ sau 1975, dư luận thế giới đã biết đến tội ác của chế độ Pol Pot. Năm 1976, tạp chí Time còn đăng cả bức hình một tội nhân đang bị đánh vào đầu bằng cuốc, tuy nhiên, ngoài Việt Nam tấn công chế độ bằng một lý do riêng vào tháng Giêng, 1978, không một quốc gia nào có hành động cụ thể để ngăn chặn tội ác của Pol Pot.

Theo Black Book of Communism do Harvard University Press xuất bản, gần một trăm triệu người bị giết dưới chế độ CS nhưng không phải do nước ngoài xâm lược mà do chính các lãnh tụ CS giết nhân dân nước họ như trường hợp Mao giết 65 triệu, Lenin và Stalin giết 20 triệu, Pol Pot giết 2 triệu, Hồ Chí Minh giết 1 triệu (không tính nhiều triệu người Việt vô tội của cả hai miền trong chiến tranh xích hóa Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975).

6. Lãnh đạo Cộng Sản thường tận dụng ảnh hưởng của kẻ thù

đã chết

Những lãnh tụ Cộng Sản thường tận diệt kẻ thù còn sống nhưng ca tụng kẻ thù đã chết. Stalin ca tụng Lenin, Fidel Castro ca tụng Ernesto “Che” Guevara, Đặng Tiểu Bình ca tụng Mao Trạch Đông.

Lấy trường hợp Che làm ví dụ. Nếu Ernesto “Che” Guevara không làm cách mạng phiêu lưu Nam Mỹ mà tiếp tục ở lại Cu Ba, thật khó tưởng tượng ông ta có thể sống sót dưới bàn tay của Fidel Castro. Một rừng không có hai cọp, một nước không có hai vua, đừng nói chi là quan hệ giữa Che và Fidel Castro rạn nứt trước khi Che tạm biệt vợ con lần cuối và lên đường đi Bolivia cuối năm 1966. Che chủ trương kỹ nghệ hóa đất nước, trong khi Fidel Castro chủ trương củng cố quyền lực trung ương.

Sự khác biệt của Che và Fidel Castro khá giống trường hợp của Lưu Thiếu Kỳ và Mao Trạch Đông. Nhưng hôm nay, nếu ai đến Havana, sẽ gặp hình ảnh Che trên khắp ngã đường. Xác chết không nghe được lời ca tụng, không nếm được mỹ vị cao lương, không sống trong các biệt thự có kẻ hầu người hạ, chỉ có đám độc tài đang thống trị đất nước mới thật sự là những kẻ hưởng thụ quyền lực.

Chủ nghĩa Cộng Sản đã tàn rụi ở châu Âu nhưng trong năm nước còn sót lại sự khổ đau, chịu đựng vẫn còn đến hôm nay và không biết đến bao giờ mới hết. Chiến tranh Lạnh đã tàn. Các nước tư bản tự do vì lý do kinh tế đã không còn giương cao ngọn cờ dân chủ như trước nữa. Họ mặc nhiên chấp nhận chế độ Cộng Sản như là một thực tế của mỗi quốc gia hơn là một phong trào quốc tế. Nhân dân Bắc Hàn, Cu Ba, Việt Nam, Lào, Trung Hoa vì thế sẽ tiếp tục là những dân tộc chịu đựng trong cô đơn.

BÀI HỌC “THOÁT NGÀ” CỦA LITHUANIA

Cách mạng dân chủ được viết bằng xương máu của những người đã đổ xuống trong thời điểm lịch sử nhưng giữ được lâu dài nhờ những nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa vào tương lai đất nước.

Người viết đã có dịp giới thiệu tầm nhìn của một số chính khách như Nelson Mandela, Mustafa Kemal Atatürk v...v... Lần này xin giới thiệu Tiến sĩ Vytautas Landsbergis, giáo sư âm nhạc và là nhà lãnh đạo đầu tiên của Cộng Hòa Lithuania sau Cộng Sản.

Vytautas Landsbergis là một tấm gương soi, một bài học quý giá về tầm nhìn đất nước, nhất là các nước nhỏ phải tồn tại và vươn lên bên cạnh một nước lớn đầy tham vọng. Người dân Lithuania gọi Vytautas Landsbergis là con người định hướng đi cho đất nước.

Vytautas Landsbergis và phong trào Sajudis

Giáo sư Vytautas Landsbergis sinh ngày 18 tháng 10, 1932 tại Kaunas, Lithuania. Ông tốt nghiệp Học Viện Âm Nhạc Lithuania năm 1955 và năm 1969 ông trình luận án Tiến sĩ Âm Nhạc. Từ năm 1978 đến năm 1990 ông là giáo sư âm nhạc tại Học Viện Âm

Nhạc Lithuania và Đại học Vilnius Pedagogical. Giáo sư Vytautas Landsbergis là một trí thức nổi bật trong Phong trào Sajudis được thành lập năm 1988 với mục đích tối hậu là đưa Lithuania ra khỏi xích xiềng Cộng Sản Liên Xô. Ông được bầu làm chủ tịch của phong trào.

Phong trào bắt đầu bằng những hoạt động phi chính trị như yêu cầu ngừng xây dựng nhà máy hạt nhân, ủng hộ các cải cách văn hóa, xã hội, kinh tế của Mikhail Gorbachev. Nhóm bắt đầu chỉ với 35 thành viên, phần đông là văn nghệ sĩ, một số trong nhóm từng là đảng viên đảng Cộng Sản Lithuania. Phong trào Sajudis tổ chức nhiều cuộc tập hợp lớn, trong đó có buổi tập hợp với hàng trăm ngàn người tham dự đánh dấu ngày Hitler và Stalin ký kết Hiệp ước Molotov-Ribbentrop Pact cưỡng chiếm ba nước nhỏ vùng Baltic trong đó có Lithuania.

Phong trào Sajudis mỗi ngày thêm lớn mạnh và được sự ủng hộ của dân chúng. Đảng CS Lithuania bị cô lập dần và cuối cùng đồng ý từ bỏ độc quyền cai trị. Cuộc bầu cử quốc hội tự do được tiến hành vào tháng 2, 1990 và Phong trào Sajudis chiếm được 101 trong số 141 ghế đại biểu quốc hội. Thời kỳ đó Lithuania chưa bầu tổng thống hay đề cử thủ tướng. Vytautas Landsbergis được bầu làm Chủ tịch Quốc Hội và theo hiến pháp tạm thời, ông là Chủ tịch của Hội Đồng Tối Cao và được xem như Quốc trưởng của Cộng Hòa Lithuania vừa được hồi sinh.

Tháng 3, 1990, Lithuania tuyên bố độc lập. Nhiệm vụ lịch sử của Phong trào Sajudis được xem như hoàn thành. Các thành viên của phong trào, có người ở lại, có người ra đi, có người thành lập các đảng phái tổ chức riêng.

Năm 1993, Vytautas Landsbergis và một số thành viên Phong trào Sajudis thành lập đảng chính trị Homeland Union (Tėvynes Sąjunga). Đảng Homeland Union thắng lớn trong cuộc bầu cử

quốc hội lần thứ hai và Giáo sư Vytautas Landsbergis lần nữa là Chủ tịch Quốc Hội nhiệm kỳ 1996-2000. Khi Lithuania gia nhập Cộng đồng Âu Châu năm 2004, ông được bầu vào Quốc hội Âu Châu và được tái đắc cử năm 2009.

Cộng Hòa Lithuania

Sau thời gian nhiều thế kỷ dưới chế độ bộ lạc và phong kiến, Lithuania đoàn kết dưới thời vua Mindaugas năm 1251. Thông qua hôn nhân, một trong những vua sau đó cũng là vua của Ba Lan. Lithuania kết hợp với Ba Lan thành Cộng đồng Ba Lan- Lithuania (Polish-Lithuanian Commonwealth) năm 1569.

Sau hơn hai thế kỷ tồn tại, Cộng đồng Ba Lan-Lithuania tan rã năm 1795 và phần lớn lãnh thổ Lithuania rơi vào tay Nga. Sau Thế Chiến thứ Nhất, Lithuania tuyên bố độc lập và nước Cộng Hòa Lithuania chính thức ra đời ngày 16 tháng 2, 1918. Năm 1922, Hoa Kỳ công nhận Lithuania.

Tháng 6, 1940, sau khi gửi một tối hậu thư ngắn, Liên Xô tiến chiếm Lithuania. Năm 1941, Hitler đánh bại Liên Xô và chiếm đóng Lithuania. Vào giai đoạn cuối của Thế Chiến thứ Hai, Liên Xô phản công Đức và tái chiếm đóng Lithuania, sau đó sáp nhập vào Liên Xô cho đến khi Lithuania được phục hưng vào tháng 2, 1990.

Dân số hiện nay của Lithuania là 2.9 triệu người. Lithuania là hội viên của Liên Hiệp Châu Âu (EU), Hội Đồng Châu Âu (CoE) và Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Tổng sản lượng nội địa (GDP): 82.4 tỉ Mỹ kim, GDP theo đầu người: 28,359.00 Mỹ kim.

Vytautas Landsbergis và tầm nhìn về lãnh thổ

Hôm đó là ngày 29 tháng 7, 1991, hai phái đoàn đại diện hai nước cộng hòa vừa được tái lập, Cộng Hòa Lithuania do Quốc trưởng

Vytautas Landsbergis cầm đầu và Cộng Hòa Nga dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Boris Yeltsin, gặp nhau để ký thỏa hiệp công nhận và hợp tác giữa hai nước.

Khi hai bên sắp ký, Boris Yeltsin bỗng chỉ thị các nhân viên phái đoàn Nga rút một câu ra khỏi bản văn của thỏa hiệp trong đó thừa nhận Liên Xô vào tháng 6, 1940 đã sáp nhập Lithuania vào Liên Xô một cách phi pháp.

Vytautas Landsbergis đứng dậy nhìn thẳng Boris Yeltsin và nói “Boris Nikolayevich, ông là một người đứng đắn, chúng ta đã đồng ý với nhau điều đó rồi.” Boris Yeltsin đáp “Vâng, chúng ta đã đồng ý, vấn đề này không bàn nữa.”

Với một người bình thường, sự kiện Lithuania từng bị Liên Xô sáp nhập có thể không còn đáng để bàn. Trước mắt mọi người lịch sử đang bước sang một chương mới, Liên Xô tan rã, cả phong trào CS Đông Âu đang sụp đổ, cộng hòa Lithuania hồi sinh và được hàng trăm quốc gia công nhận. Cả hai dân tộc nên nhìn về tương lai thay vì nhìn lại quá khứ. Nhắc lại chuyện cũ để làm gì.

Nhưng không. Vytautas Landsbergis phản đối Boris Yeltsin bởi ông là một lãnh đạo nhìn xa trông rộng. Boris Yeltsin, một phần có cảm tình với phong trào độc lập của Lithuania nhưng phần lớn hơn muốn dùng Lithuania để chống Mikhail Gorbachev nên đã đồng ý thừa nhận Liên Xô cưỡng chiếm Lithuania trong lần gặp Vytautas Landsbergis trước đó ở Moscow. Tuy nhiên, đó chỉ là lời hứa miệng, không có gì để bảo đảm các nhà lãnh đạo Nga sau này cũng cam kết giống như Yeltsin nếu không có một văn bản được lãnh đạo hai quốc gia cùng ký.

Về mặt quốc tế, Nga cũng thừa hưởng mọi vị trí của Liên Xô đã giữ trước khi sụp đổ như vai trò trong Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, các hiệp ước quốc tế Liên Xô đã ký và chủ quyền lãnh thổ

mà Liên Xô đang tranh chấp với các nước láng giềng. Do đó, nếu không có chữ ký của Yeltsin, Lithuania đã vướng vào một cuộc tranh chấp lãnh thổ và do đó không đủ tiêu chuẩn để gia nhập Liên Hiệp Châu Âu hay NATO. Trong văn khố của Nga vẫn còn các văn bản, dù bất bình đẳng, trong đó chính phủ Lithuania vào năm 1940 đã chấp nhận lệ thuộc vào Liên Xô. Xa hơn, Vladimir Putin có thể cho rằng Lithuania chưa bao giờ chính thức là một nước độc lập mà vẫn là một phần của Đế Quốc Nga như trước Thế Chiến thứ Nhất.

Vytautas Landsbergis và tầm nhìn về xu hướng chính trị

Hôm đó là ngày 25 tháng 12, 1991. Aleksandr Ivanovich, sĩ quan phụ trách trạm canh Điện Kremlin rời trạm canh đi ăn cơm tối. Khi anh đi lá cờ đỏ sao vàng với hình búa liềm vẫn còn bay trong gió chiều của mùa đông Moscow, nhưng khi anh trở lại và ngạc nhiên khi thấy lá cờ đã bị hạ xuống và thay vào đó lá quốc kỳ Cộng Hòa Nga ba màu trắng, xanh, đỏ vừa được ai đó kéo lên.

Anh Aleksandr không xem TV nên không biết Liên Xô chính thức cáo chung vào lúc 7 giờ 12 phút tối ngày 25 tháng 12, 1991 sau khi Mikhail Gorbachev chấm dứt diễn văn từ chức và quốc kỳ Cộng Hòa Nga được treo trước tòa nhà Hội Đồng Bộ Trưởng lúc 7 giờ 45 phút tối. Không chỉ riêng anh Aleksandr mà nhiều triệu dân Moscow cũng không quan tâm nhiều đến những gì đang diễn ra trên đất nước họ. Ngoài trừ tiếng chuông trên tháp Spassky Tower của Điện Kremlin vang lên báo hiệu một thay đổi lớn, phần đông người dân Nga bàng quan với giờ phút lịch sử của đất nước mình. Không ai hoan hô và cũng không ai đả đảo.

Ngày 25 tháng 12, thật ra, chỉ là ngày trên danh nghĩa, trên giấy tờ và thực tế Liên Xô đã chấm dứt tồn tại ba tuần trước đó tại nhà nghỉ trong khu rừng Białowieża ở Belarussia. Tại đó, đại diện ba nước cộng hòa Nga, Ukraine và Belarus ký hiệp ước tuyên bố giải

thể chế độ CS Liên Xô và thành lập Cộng Đồng Các Quốc Gia Độc Lập (Commonwealth of Independent States, gọi tắt là CIS).

Hiệp ước CIS bắt đầu bằng câu khẳng định “Liên Xô trên bình diện luật quốc tế cũng như thực tế địa lý chính trị đã ngừng tồn tại.” Các nước Azerbaijan, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Moldova, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan, Gruzia sau đó cũng đã ký vào hiệp ước này, nâng tổng số lên 12 nước thành viên.

Thời điểm khi Liên Xô tan rã là thời điểm vô cùng quan trọng cho 15 nước thuộc Liên Xô để chọn một hướng đi. Họ chỉ có hai con đường để chọn. Gia nhập CIS có nghĩa là chọn đi về hướng Đông hay hướng Nga và từ chối CIS tức chọn đi về hướng Tây hay hướng thế giới tự do.

Vytautas Landsbergis và hai nhà lãnh đạo của Latvia và Estonia từ chối lời mời của Boris Yeltstin để tham gia hội nghị thành lập CIS. Ba quốc gia Latvia, Lithuania và Estonia ngay từ đầu đã không muốn liên hệ trực tiếp hay gián tiếp gì đến Nga và CIS. Thái độ của Vytautas Landsbergis trong thời gian giành độc lập 1990 đã dứt khoát với quá khứ Cộng Sản và lệ thuộc vào Nga dưới bất cứ hình thức nào. Ông chọn hướng đi dân chủ tây phương cho nền cộng hòa non trẻ Lithuania.

Vytautas Landsbergis về cá nhân không có nhiều cảm tình với Anh, Mỹ, Pháp. Trong lịch sử cận đại các cường quốc phương Tây đã hơn một lần bỏ rơi họ. Trong suốt 50 năm, các cường quốc Tây Phương cũng chưa hề công khai lên tiếng tố cáo Liên Xô đã chiếm đóng Lithuania. Sự thật cay đắng đó đến nay vẫn còn được nhắc. Tuy nhiên, cảm tình thương ghét là chuyện của cá nhân, còn hướng đi của dân tộc và thời đại là chuyện của đất nước. Ông đã chọn đi cùng đất nước.

Những bài học đau thương của các thế hệ Lithuania trong thời

gian dài lệ thuộc dưới ách cai trị của Đế Quốc Nga là những lời khuyên dành cho Vytautas Landsbergis và các lãnh đạo Baltics biết nên tránh Nga càng xa càng tốt và càng sớm càng tốt. Các điều khoản về bình đẳng quyền hạn và trách nhiệm trong hiệp ước thành lập CIS chỉ có trên giấy tờ. Gia nhập CIS là rơi vào chiếc bẫy bành trướng truyền thống của Nga.

Vytautas Landsbergis và chủ trương “thoát Nga”

Trong diễn văn trước Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc ngày 28 tháng 9, 1992 Vytautas Landsbergis tố cáo những khái niệm mà các lãnh đạo Nga hay dùng như “biên giới gần” hay “xung đột trong các quốc gia vùng Baltic” vẫn còn trong suy nghĩ của các lãnh đạo Nga sau CS. Đó là những lý do giới lãnh đạo Nga viện dẫn để can thiệp vào nội bộ Latvia, Lithuania và Estonia. Chủ trương bành trướng truyền thống đã có từ thời các Nga Hoàng, sang Cộng Sản và sau Cộng Sản.

Phương pháp “thoát Nga” duy nhất là dân chủ hóa đất nước nhanh chóng để qua đó hội nhập vào dòng phát triển của kinh tế Châu Âu. Ngay sau khi độc lập một hiến pháp dân chủ được công bố vào tháng 10, 1992 và các chính sách tư hữu hóa nền kinh tế được thực hiện sau đó để mong đuổi kịp các quốc gia phát triển.

Ngày 2 tháng 6, 1993, ba nhà lãnh đạo Baltics gặp nhau tại Jurmala, Latvia để soạn thảo chung một thỉnh nguyện thư gửi EU để được tham gia với tư cách thành viên phụ (Associate Members). Các nước Baltics phát hành tiền tệ riêng, đòi hỏi dân các quốc gia CIS phải có visa mới được nhập cảnh và chi tiết đến mức thay đổi số điện thoại vùng để tránh nhầm lẫn với CIS.

Vấn đề khó khăn nhất phải đàm phán với Nga là sự hiện diện của nhiều sư đoàn quân Nga trên lãnh thổ Baltics. Không giống trường hợp Đông Đức hay các nước Đông Âu, quân đội Nga có mặt trên

lãnh thổ Baltics là kết quả của hiệp ước 1940. Dù bất bình đẳng, các quốc gia này đã chấp nhận để quân đội Liên Xô đồn trú trên lãnh thổ quốc gia họ. Vytautas Landsbergis nhắc lại và nhấn mạnh với phái đoàn Nga chính Boris Yeltsin đã thừa nhận trong hiệp ước 1991 rằng Liên Xô đã cưỡng chiếm vùng Baltics một cách phi pháp, do đó, quân đội Nga phải rút ra khỏi ba nước Baltic. Nga buộc phải rút quân.

Chọn lựa đi về hướng Tây của Lithuania là một chọn lựa khôn ngoan, đúng lúc. Không giống như trường hợp Georgia phải trải qua nhiều xung đột với Nga cho tới 2009 mới rút chân ra khỏi CIS với nhiều thương tích.

Vytautas Landsbergis và tầm nhìn về an ninh chiến lược

Lúc 1 giờ chiều ngày 29 tháng 3, 2004 tại Washington DC, Ngoại Trưởng Hoa Kỳ Colin Powell thay mặt Liên Minh Bắc Đại Tây Dương (NATO) chấp nhận bảy quốc gia hội viên mới gồm Bulgaria, Estonia, Latvia, Lithuania, Romania, Slovakia và Slovenia. Đây là lần thứ năm NATO mở rộng và nâng tổng số hội viên lên đến 26 quốc gia.

Vytautas Landsbergis luôn nhấn mạnh Lithuania là một phần của Châu Âu và hội nhập vào dòng sống của Châu Âu là một định hướng căn bản trong nhận thức chính trị của ông. Vytautas Landsbergis phát biểu tại Bỉ năm 1997 “Khi đứng bên bờ biển Baltic, người dân Lithuania luôn nhìn về hướng Tây.” Hai tổ chức mà Vytautas Landsbergis luôn nhắm tới để trở thành hội viên ngay từ đầu là Cộng đồng Châu Âu và NATO. Năm 2004, Lithuania hoàn thành cả hai mục đích.

Khối quân sự Warsaw chết không kèn, không trống vào ngày 25 tháng 2, 1991 tại Budapest, Hungary khi chỉ còn 5 quốc gia thành viên. Từ đó, Nga không có một liên minh quân sự nào đủ khả năng

làm đối trọng với NATO. Các nhà chiến lược Nga tiên đoán sau Hungary, Ba Lan và Tiệp, sớm hay muộn các nước Đông Âu còn lại cũng sẽ trở thành hội viên của NATO. Tuy nhiên, các quốc gia vùng Baltic thì khác. Sự kiện ba nước Baltics gia nhập NATO đã làm Nga giận dữ và công khai chống đối. Không giống các nước Đông Âu, các quốc gia Baltics vốn là một phần của Nga và sau đó là Liên Xô và chưa có quốc gia nào vốn thuộc Liên Xô tham gia NATO. Nga còn viện dẫn mặc dù đã rút quân nhưng các căn cứ quân sự của Liên Xô và sau đó Nga xây dựng vẫn còn trên lãnh thổ Lithuania. Chính phủ Lithuania cho Nga biết những căn cứ đó quá lạc hậu và không đủ tiêu chuẩn NATO.

Các lãnh đạo Nga từ Yeltsin và về sau, dĩ nhiên, muốn Lithuania là một nước trung lập nhưng lịch sử đã cho Vytautas Landsbergis thấy trung lập chỉ có trên danh nghĩa chứ không phải trên thực tế. Tháng 9, 1939, khi Hitler phát động Thế Chiến thứ Hai, Lithuania tức khắc tuyên bố trung lập nhưng kết quả đã bị hai chế độ độc tài Stalin và Hitler thay phiên nhau dày xéo trên mảnh đất chỉ 25 ngàn cây số vuông và kết quả khoảng một phần ba dân số bị giết, bị đầy ải hay thất lạc trong suốt thời gian bị ngoại xâm chiếm đóng.

Việc Lithuania gia nhập NATO cũng gây nên rất nhiều tranh luận cho chính giới của quốc gia này nhưng Lithuania cần sự bảo vệ dưới một hàng rào an ninh tập thể Châu Âu. Đó là ý do chính yếu và là một chọn lựa sống còn. Thủ tướng Ba Lan Alexandre Kwasnewski trả lời báo chí rằng quốc gia ông gia nhập NATO có cùng lý do như các nước khác không muốn rời NATO. Chủ quyền của Lithuania không thể được bảo vệ nếu chỉ đứng nhìn Châu Âu như một người khách lạ.

Bốn thành quả hội nhập và thăng tiến của Lithuania

Phân tích tiến trình phát triển của Lithuania cho thấy có bốn thành quả giúp quốc gia này để giành độc lập, hội nhập và thăng

tiến gồm:

Dân chủ hóa đất nước,
Đoàn kết dân tộc,
Chiến lược hóa vị trí của quốc gia
Tham gia các liên minh quân sự đáng tin cậy.

Bốn điều kiện tiền đề đó của Lithuania hoàn toàn thích hợp với trường hợp Việt Nam khi đương đầu với Trung Cộng mà người viết đã trình bày trong chính luận *Để thắng được Trung Cộng**.

Dân chủ. Ngay trong ngày tuyên bố độc lập 11 tháng 3, 1990, quốc hội vừa được bầu với phong trào độc lập Sajudis chiếm đa số đã công bố một hiến pháp tạm thời để điều hành guồng máy quốc gia. Vytautas Landsbergis, chủ tịch quốc hội và lãnh đạo tối cao của quốc gia thời đó công bố hàng loạt cải cách chính trị để dân chủ hóa Lithuania bởi vì đối với các quốc gia dân chủ tiên tiến Châu Âu, dân chủ là tiền đề để đối thoại và là điều kiện tiên quyết để hội nhập. Một hiến pháp khác phối hợp các đặc điểm dân chủ từ các hiến pháp Mỹ, Pháp với truyền thống văn hóa Lithuania ra đời 25, tháng 10, 1992. Mặc dù có nhiều tranh chấp chính trị nội bộ, các mục tiêu cải cách dân chủ và độc lập từ Nga không thay đổi trong nhận thức của các nhà lãnh đạo Lithuania.

Đoàn kết dân tộc. Như đã viết ở trên, Phong trào Sajudis bắt đầu chỉ với 35 người nhưng tập hợp được nhiều trăm ngàn người dân Lithuania bởi vì họ theo đuổi một mục đích chung, cụ thể, và khả thi, đó là giành độc lập. Sau thời kỳ độc lập, phong trào Sajudis tự nguyện phân chia thành nhiều tổ chức khác nhau nhưng trong giai đoạn hai năm từ 1989 đến 1991, Sajudis chỉ tập trung vào một mục tiêu duy nhất là tháo xích xiềng CS Liên Xô. Niềm khao khát lớn nhất của người dân Lithuania trong giai đoạn này là “thoát

* <http://www.trantrungdao.com/?p=2719>

Cộng” và vì thế họ đã đoàn kết sau lưng phong trào Sajudis. Con đường “thoát Cộng” rất gian nan và những thay đổi kinh tế chính trị cũng đã rất khó khăn nhưng chỉ trong vòng hơn mười năm Lithuania đã đáp ứng mọi tiêu chuẩn của EU và NATO để ra để trở thành hội viên của cả hai tổ chức uy thế nhất Châu Âu.

Chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia. Ba quốc gia Baltics giữ một vị trí chiến lược sườn phía tây của Châu Âu trên bờ biển Baltic. Tuy nhiên, cũng vì vị trí chiến lược này mà ba nước đã luôn là chiến trường của các đế quốc. Trong suốt hàng trăm năm, Nga và Thụy Điển tranh nhau kiểm soát đường ra biển Baltic đã sử dụng các quốc gia Baltics như một bãi chiến trường. Vị trí chiến lược, vì thế, chưa đủ nhưng phải đặt đúng vị trí trong tương quan chính trị và quân sự trong vùng. Lithuania ngày nay là một phần không thể tách rời trong toàn bộ chiến lược của NATO. Không giống như thời trước hai cuộc thế chiến, Lithuania ngày nay đóng một vai trò quan trọng và hỗ tương trong việc bảo vệ an ninh và ổn định của Châu Âu.

Đoàn kết với láng giềng cùng hoàn cảnh và tham gia các liên minh đáng tin cậy: Trong khi nhiều nước Châu Âu còn do dự, TT George Bush đã công khai ủng hộ quan điểm cứng rắn của Lithuania đối với Nga và sau này cũng chính TT George Bush đã ủng hộ ba quốc gia Baltics gia nhập NATO. Đáp lại, các quốc gia Baltics đã nhiệt thành ủng hộ và đóng góp quân sự vào các cuộc chiến tranh do Hoa Kỳ phát động, cụ thể qua chiến tranh Iraq ngay cả trước khi các nước này gia nhập NATO. Các lãnh đạo Lithuania ý thức liên minh đáng tin cậy đã trở thành lá chắn vô cùng cần thiết để bảo vệ quốc gia họ và những hy sinh mà họ cần phải đáp lại.

Không giống như Belarus còn chìm trong độc tài lệ thuộc vào Nga hay Georgia, Ukraine quá chậm nên trễ chuyển tàu, Lithuania

đã “thoát Cộng” và có những chỗ dựa quốc tế vững vàng để “thoát Nga.” Thành quả đó trước hết nhờ tài lãnh đạo của Giáo sư Vytautas Landsbergis. Ông không thuộc đảng phái nào trước cả và cũng chưa hề làm chính trị nhưng ông có tầm nhìn xa rộng. Tuy nhiên chỉ có tầm nhìn của riêng cá nhân ông thôi chưa đủ mà còn cần phải có tầm nhìn chung của cả dân tộc. Trong giờ phút khó khăn và thử thách, đa số dân Lithuania đã bỏ phiếu cho ông, đã chọn ông làm người lãnh đạo và đã đứng sau ông.

Tầm nhìn vô cùng quan trọng vì đã giúp nâng một con người lên cao hơn và một dân tộc lên cao hơn.

Tham khảo:

- *The End Of The Soviet Union: Stanislau Shushkevich's. Eyewitness Account For The First Time In English*, This Issue Of Demokratizatsiya Publishes. The George Washington University Archives.
- *On Moscow's Streets, Worry And Regret*, By James F. Clarity, The New York Times, Published December 26, 1991.
- *From Soviet Federalism To The Creation Of The Commonwealth Of Independent States (CIS)*. CVCE.eu 2016
- *The International Politics Of Eurasia: V. 1: The Influence Of History* By S. Frederick Starr, Karen Dawisha.
- *Lithuania, The Move Toward Independence, 1987-91*. The Baltic States In U.S. — Soviet Relations, 1939 – 1942. Lithuanian Quarterly Journal Of Arts And Sciences. Volume 12, No.1 – Spring 1966.
- *The Baltic States In U.S.-Soviet Relations, The Years Of Doubt, 1943-1946*. Lithuanian Quarterly Journal Of Arts And Sciences. Volume 12, No.4 – Winter 1966. Editor Of This Issue: Thomas Remeikis.

- *The Baltic States In U.S.—Soviet Relations From Truman To Johnson*, Richard A. Schnorf, Cmdr, Us Navy, Lithuanian Quarterly Journal Of Arts And Sciences. Volume 14, No.3 – Fall 1968.
- *Identifies and Solidarity In Foreign Policy: East Central Europe and the Eastern Neighbourhood*, Edited by Elsa Tumets, Published by Institute of International Relations, Prague 2012 PP 94-112.
- *Why, How, Who, and When: A Lithuanian Perspective on NATO Membership*, Oskaras Jusys and Ksadauska. Fordham International Law Journal, Volume 20, Issue 5,
- 2017 Index Economic Freedom
<http://www.heritage.org/index/country/lithuania>
- James S. Corum, *The Security Concerns Of The Baltic States As Nato Allies*, Strategic Studies Institute And U.S. Army War College Press 2013.
- *Interview Interviews : Vytautas Landsbergis*, “Breaking with Moscow”, “The Restoration of Lithuanian Independence “, “Promoting Democracy”. The Freedom Collection.
- *The Polish-Lithuanian Commonwealth (1569-1795)* By H. Kozłowski
<http://www.conflicts.rem33.com/images/Poland/PLCommonwealth%2002.htm>

LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TRUNG CỘNG KHÔNG ĐÁNG SỢ

Hai cuộc chiến tranh thế giới, thứ nhất và thứ hai, gây nhiều tang tóc trong lịch sử loài người nhưng cũng để lại nhiều bài học: (1) Dù đứng trên quan điểm nào, các nhà chiến lược quân sự đều đồng ý rằng, nếu chiến tranh là chọn lựa duy nhất để bảo vệ sự sống còn của đất nước, yếu tố quyết định mà một nhà lãnh đạo phải làm là chủ động chọn thời điểm để phát động chiến tranh. (2) Chiến tranh xảy ra càng sớm càng có lợi cho các nước nhỏ vì đối với các nước nhỏ, nhanh hay chậm, trước hay sau cũng không giúp họ nhiều về kỹ thuật chiến tranh trong khi với các nước lớn một năm là thời gian dài để tăng cường khả năng quân sự. (3) Không phải chỉ nước lớn mới có quyền chọn lựa chiến tranh mà một nước nhỏ cũng có thể gây ra chiến tranh và lôi kéo các nước lớn vì quyền lợi hay vì bảo vệ quyền lợi phải tham dự vào cuộc chơi sinh tử.

Chiến tranh và quyền lợi quốc gia: Thủ tướng Anh Lord Palmerston thời Nữ Hoàng Victoria phát biểu: “Nước Anh không có đồng minh bất diệt, kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia dân tộc là bất diệt và vĩnh viễn.” Câu nói đó trở thành thước đo cho chính sách đối ngoại của mọi quốc gia.

Kinh nghiệm thành công của Hoa Kỳ khi tham gia Thế Chiến thứ Nhất: Suốt ba năm đầu của Thế Chiến thứ Nhất, chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ vẫn còn bị chế ngự bởi tư tưởng tự cô lập kéo dài từ thời Tổng thống George Washington đến Woodrow Wilson.

Tháng Giêng 1917, Ngoại trưởng Đức Arthur Zimmermann gửi đại sứ Đức tại Mexico Heinrich von Eckhard qua ngã tòa đại sứ Đức tại Mỹ một bức điện tín, trong đó y chỉ thị Heinrich von Eckhard tiếp xúc chính phủ Mexico và yêu cầu quốc gia này tấn công Hoa Kỳ, và sau chiến tranh, các tiểu bang vốn thuộc của Mexico trước đây gồm Texas, New Mexico và Arizona sẽ được hoàn trả lại Mexico kèm theo một khoản tiền viện trợ lớn. Tổng thống Mexico Venustiano Carranza tức khắc thành lập một ủy ban để nghiên cứu nội dung và khả năng thu hồi các lãnh thổ bị mất trong chiến tranh Mỹ-Mexico như được hứa trong điện tín. Bức điện tín bị tình báo Anh đọc được, giải mã và gửi cho chính phủ Hoa Kỳ. Dân chúng Hoa Kỳ công phẫn và chính sách đối ngoại của Mỹ thay đổi. Ngày 6 tháng 4, 1917 Hoa Kỳ tuyên chiến với Đức.

Kinh nghiệm thất bại của Tiệp, Anh, Pháp khi tránh né Thế Chiến thứ Hai: Các sử gia đã, đang và sẽ tiếp tục tranh luận về quyết định của Tổng thống Tiệp Khắc Edvard Benes khi chấp nhận các điều khoản của hiệp ước Munich dù không được mời tham dự hội nghị. Nếu Tiệp Khắc đánh nhau với Đức thì Anh, Pháp, Ba Lan, Hungary, Romania vì quyền lợi và an ninh quốc gia bị trực tiếp đe dọa cũng phải tham gia chiến đấu bên cạnh Tiệp. Đừng quên, hiệp ước bí mật giữa Hitler và Stalin chỉ được ký một tuần trước ngày Đức xâm lăng Ba Lan và trong thời gian hiệp ước Munich gần một năm trước đó, Liên Xô vẫn còn là đồng minh của Tiệp Khắc.

Trong thời điểm hiệp ước Munich, không tính 900 ngàn quân

Pháp và 200 ngàn quân Anh, vào tuần lễ thứ ba của tháng Chín, 1938, Tiệp Khắc có một quân đội tiên tiến với một triệu quân bao gồm 34 sư đoàn trang bị tối tân. Tiệp có khoảng 1000 phi cơ chiến đấu đủ loại. Về xe tăng, Tiệp có nhiều trăm xe tăng hạng nặng 38 tấn trang bị đại bác 75 li với hiệu năng chiến đấu vượt xa so với xe tăng của Đức. Khi chiếm Tiệp vào tháng Ba 1939, Đức tịch thu 469 xe tăng hạng nặng, 1500 phi cơ chiến đấu, 43,500 súng máy và trên một triệu súng trường. Cho đến đầu năm 1939, Đức mới bắt đầu sản xuất loại xe tăng Mark IV 23 tấn trang bị 75 mm và đến tháng 9, 1939, các đơn vị xe tăng của Đức mới chỉ có 300 xe tăng loại Mark III và Mark IV. Tiệp Khắc là quốc gia đã chuẩn bị cho chiến tranh. Từ tháng Ba 1938, Thủ tướng Tiệp Milan Hodza tuyên bố Tiệp sẽ đánh trả mọi sự can thiệp quân sự từ nước ngoài. Năm 1936, 12.5% GNP dành cho quốc phòng so với 13% của Đức. Ngoài ra, các vùng núi non hiểm trở Bavarian, Saxon và Silesian dọc biên giới luôn là các phòng tuyến hữu hiệu ngăn chặn bước tiến của đoàn quân Hitler. Sử gia Tiệp Jaroslav Hrbek kết luận *“Việc Tiệp Khắc không đánh Đức ngay cả trong trường hợp đồng minh Tây phương không ủng hộ, là một sai lầm.”*

Tuy kết quả khác nhau, việc Hoa Kỳ tham gia Thế Chiến thứ Nhất hay Anh, Pháp tránh né Thế Chiến thứ Hai đều bị chi phối bởi quyền lợi bức thiết của quốc gia họ.

Trung Cộng không dám đơn phương phát động chiến tranh đánh Việt Nam trước cũng vì bảo vệ quyền lợi và quyền lực

Các lãnh đạo Trung Cộng từ những bài học chiến tranh thế giới nêu trên và những thất bại máu xương trong lịch sử Trung Quốc của thời bị tám nước phân thân sẽ không dám đơn phương phát động chiến tranh xâm lược Việt Nam với một tầm mức quy mô như chúng đã làm vào ngày 17 tháng 2, năm 1979.

Tại sao?

Những lý do người viết đã trình bày trong loạt bài về hiểm họa Trung Cộng xin tóm tắt dưới đây:

1. Hoàn cảnh chính trị Đông Nam Á nói riêng và châu Á nói chung đã khác hẳn so với 35 năm trước. Chiến tranh giữa Trung Cộng và Việt Nam không còn là chiến tranh giữa hai nước mà là cuộc chiến tranh vùng và có khả năng cao lôi kéo cả Mỹ và Nhật vào. Kỹ thuật quân sự của Trung Cộng đã tiến khá xa so với thời kỳ chiến tranh với Việt Nam 1979 nhưng còn quá yếu so với Mỹ. Trung Quốc là một đất nước có lịch sử phân hóa và nội phản từ trong xương tủy. Là một nước lớn nhưng Trung Quốc thường không đủ khả năng bảo vệ chính mình. Đừng nói chi thời cuối đời nhà Thanh bị 8 nước cưỡi xé mà ngay thời nhà Tống vàng son của Trung Quốc cuối cùng rơi vào tay Mông Cổ, một nước rất nhỏ trên thảo nguyên phía Bắc. Và một lần nữa vào thế kỷ 17, khi nhà Minh, một triều đại rất mạnh về quân sự nhưng cũng không tránh khỏi bị tiêu diệt trong bàn tay của Mãn Thanh nhỏ bé.

2. Các điều kiện kinh tế toàn cầu ngày nay đã làm cho các cường quốc phụ thuộc vào nhau nhiều hơn so với 35 năm trước. Nếu có xung đột quân sự, các quốc gia dân chủ dù thắng hay bại vẫn có cơ hội phục hồi nhưng Trung Cộng sẽ tiêu vong. Hơn ai hết, giới lãnh đạo Trung Cộng biết chế độ CS như người đi trên dây, ngồi trên lưỡi dao cạo. Sự ổn định tại Trung Cộng hiện nay chỉ là sự ổn định tạm thời vì cơ chế chính trị được xây dựng trên một nền tảng bất ổn. Trong suốt 45 năm từ khi chương trình hiện đại hóa của Đặng Tiểu Bình ra đời, các thể hệ lãnh đạo Trung Cộng tập trung vào việc phát triển kinh tế để vừa thỏa mãn nhu cầu vật chất của người dân và vừa hợp thức hóa vai trò lãnh đạo của đảng Cộng Sản. Tuy nhiên, hàng hóa của Trung Cộng xuất cảng phần lớn là hàng hóa tiêu dùng và đây cũng là những loại sản phẩm mà quốc gia nào cũng có thể sản xuất được. Ngoài ra, các

vấn đề môi sinh, ô nhiễm, khan hiếm năng lượng đang là những mối đe dọa trầm trọng và ảnh hưởng lớn đến cán cân thương mại cũng như phương tiện nuôi dưỡng cho bộ máy chiến tranh ở tầm mức thế giới hay khu vực.

3. *Trung Cộng một đất nước hơn một tỉ dân, với hàng trăm chủng tộc, sắc dân, giọng nói, các khu tự trị.* Nhiều vùng tự trị chỉ chờ cơ hội để đòi độc lập. Quân đội dù có đông đảo và tàn bạo bao nhiêu cũng không thể ngăn chặn hơn một tỉ người cùng có một phản ứng tiêu cực giống nhau. Các cuộc biểu tình ở Tân Cương cho thấy không nhất thiết phải có một tổ chức quy mô nhưng chỉ cần một tin nhắn được phát ra đúng lúc và đúng chỗ cũng có thể tạo nên một biến cố lớn và khi đó, bom nguyên tử, hỏa tiễn, chiến hạm đều trở thành vô dụng. Với sự phân cách về địa lý và dị biệt về chủng tộc, sẽ không có một hình thức cách mạng nhưng, cách mạng da cam, da vàng nào dành cho Trung Cộng mà chỉ là cách mạng máu. Cách giải quyết dùng xe tăng, đại pháo bắn thẳng vào những thanh niên tay trắng tại Thiên An Môn của Đặng Tiểu Bình đối với phần lớn nhân loại là dã man nhưng lại phù hợp với truyền thống Trung Quốc. Biến cố Thiên An Môn đã qua hơn 25 năm nhưng vẫn là mối ám ảnh thường xuyên trong giấc ngủ của các lãnh đạo CSTQ bởi vì đảng chỉ dập tắt ngọn lửa trên quảng trường Thiên An Môn nhưng không dập tắt được ngọn lửa chống đối trong lòng người luôn âm ỉ.

4. *Trung Cộng đang bị bao vây.* Hầu hết các quốc gia dân chủ trong vùng từ Ấn Độ đến Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, Thái Lan, tuy mức độ khác nhau nhưng đều là các quốc gia đang có những mâu thuẫn căn bản với Trung Cộng, không những về quyền lợi kinh tế mà cả chế độ chính trị. Vì lý do kinh tế, họ có thể hòa hoãn hay ngay cả thân thiện với Trung Cộng nhưng khi chiến tranh bùng nổ, không một quốc gia nào sẽ chọn đứng về phía

Trung Cộng. Tuy phụ thuộc vào nhau về mặt kinh tế không có nghĩa là các chính quyền Mỹ không xem Trung Cộng là đối thủ nguy hiểm trong tương lai gần và không có nghĩa Hoa Kỳ ngồi yên để nhìn bàn tay tham vọng của Trung Cộng vươn xa toàn thế giới. Từ thập niên 1990 đến nay, Trung Cộng luôn chống đối mọi sự liên minh theo dạng “khối quân sự” ám chỉ sự liên kết giữa Mỹ và các nước Đông Á cũng như sự có mặt của quân đội Mỹ tại Nhật Bản, Nam Hàn và mới đây tại Trung Á. Để đối phó lại các liên minh quân sự khối, Trung Cộng cố gắng phát triển mối quan hệ đa phương với Nga và các quốc gia nhỏ khác vùng Trung Á như Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Uzbekistan qua Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), tuy nhiên các liên minh này chưa phải là đối trọng của các khối thân Mỹ.

5. Chính sách của Trung Cộng đối với CSVN là vừa lấn chiếm, vừa đe dọa nhưng cũng vừa bảo vệ cơ chế CS. Mặc dù không công khai tuyên bố, giới lãnh đạo CSTQ cũng biết hiện nay chỉ còn năm quốc gia theo một loại chủ nghĩa mà giáo sư sử học Roderick Macfarquhar, thuộc đại học Harvard, gọi là chủ nghĩa Lê Nin không có Mác, tức một nhà nước chuyên chính sắt máu nhưng không còn dựa trên nền tảng triết lý duy vật. Hai cơ chế chính trị CSTQ và CSVN có một mối quan hệ hữu cơ mật thiết với các yếu tố tương quan và phụ thuộc vào nhau. Sự lệ thuộc về chính trị của Việt Nam vào Trung Cộng không chỉ giúp để giữ an toàn phòng tuyến phía nam mà còn tránh sự sụp đổ dây chuyền trong trường hợp cách mạng dân chủ tại Việt Nam diễn ra trước. Giới lãnh đạo CSVN không có vị trí độc lập về chính sách đối ngoại. Mọi chủ trương, chính sách trước khi đưa ra đều phải đo lường phản ứng từ phía Trung Cộng.

Chính sách đối ngoại kiểu chuột đồng của Trung Cộng hiện nay

Trung Cộng theo đuổi chính sách đối ngoại như cách loài chuột đồng tàn phá mùa màng. Chúng tàn phá cả cánh đồng Việt Nam bằng cách gặm nhấm từng bụi lúa. Như đã và đang áp dụng ngay từ khi chiến tranh Việt Nam chưa chấm dứt, qua các sự kiện dời cột mốc biên giới, Trung Cộng không đánh chiếm mà chỉ từ từ gặm nhấm dần mòn lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam. Một mặt chúng lớn tiếng với quốc tế là luôn theo đuổi chính sách “hòa bình” và “ổn định” nhưng mặt khác lần chiếm từng thước đất, từng bãi san hô, từng hòn đảo nhỏ trên Biển Đông, đặt những giàn khoan trong thềm lục địa Việt Nam. Những hành vi ăn cắp vặt này không đủ va chạm quyền lợi nặng đến mức các cường quốc phải đặt vấn đề và các biện cố do chúng gây ra không đủ tác hại an ninh khu vực đến mức quốc tế phải quan tâm.

Trung Cộng làm vậy một phần vì chúng đi guốc trong bụng các lãnh đạo CSVN. Ngoài các tuyên ngôn, tuyên cáo mang nội dung giống hệt từ sau chiến tranh biên giới đến nay, lãnh đạo CSVN không có một hành động nào cụ thể để bảo vệ lãnh thổ Việt Nam. Những lời phản đối rỗng của Lê Hải Bình không gây một tác hại gì và mũi khoan của HD-981 vẫn tiếp tục ghim sâu vào lòng biển Việt Nam. Các thế hệ lãnh đạo CSVN che giấu sự phụ thuộc, sự sợ hãi chiến tranh với Trung Cộng, tham vọng quyền lực và quyền lợi trong khẩu hiệu “hòa bình và ổn định” mà quên một điều Trung Cộng ngại chiến tranh hơn bất cứ một quốc gia nào trong vùng.

Đại đa số nhân loại không muốn chiến tranh, nhất là Việt Nam một dân tộc đã chịu đựng quá nhiều đau thương mất mát vì chiến tranh lại càng không muốn chiến tranh. Thế nhưng, nếu chiến tranh phải đến lần nữa trên đất nước Việt Nam hãy đến càng sớm càng tốt, hãy đến khi Trung Cộng còn yếu, hãy đến khi quyền lợi các cường quốc bị va chạm và buộc phải tham gia can thiệp.

Trung Cộng không có gì đáng sợ mà chỉ sợ lòng yêu nước trong

mỗi người Việt Nam chưa đủ độ sục sôi.

ĐỂ THẮNG ĐƯỢC TRUNG CỘNG

Câu nói “*Không có đế quốc nào tồn tại mãi mãi*” thoạt nghe rất bình thường và hiển nhiên vì lẽ đơn giản trên đời này không có gì tồn tại mãi mãi, tuy nhiên quy luật đó đã được chứng minh rất nhiều lần trong lịch sử bằng bao máu xương của nhân loại. Một đế quốc vừa hình thành ở Á Châu và đang đe dọa cho hòa bình thế giới: Đế quốc Trung Cộng. Đế quốc này sẽ tồn tại thêm được bao lâu và sẽ sụp đổ bằng cách nào vẫn còn là chủ đề được các nhà phân tích chính trị, các sử gia bàn cãi không chỉ bên ngoài Trung Cộng mà ngay tại đầu não của cơ chế độc tài.

Trung Cộng tồn tại được bao lâu?

Trên cả nước Trung Cộng có một nơi duy nhất được quyền phê bình đảng CS và một nhóm người rất nhỏ trong số hơn một tỉ dân được trao đặc quyền tự do tranh luận về ngày tàn của đảng CS mà không sợ trả thù, nơi đó là Trường Đảng Trung Ương trực thuộc Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng CSTQ và nhóm người đó là những cán bộ lý luận cao cấp của trường. Trong một biệt điện hoàng gia cũ ở phía tây Bắc Kinh được đổi thành Trường Đảng, một số nhỏ chuyên gia ưu tú nhất của trường dành trọn thời gian

chỉ để làm một việc là phân tích mọi sai lầm của lãnh đạo đảng, mọi chiến lược ngắn hạn cũng như dài hạn của đảng, mọi kế hoạch kinh tế, các chính sách đối nội và đối ngoại của đảng.

Và câu hỏi chính được đặt ra cho nhóm người có đặc quyền này *“Đảng CS sẽ tồn tại bao lâu và những khả năng nào xảy ra sau khi đảng sụp đổ.”*

Dĩ nhiên mục đích tranh luận không phải để lật đổ chế độ mà nhằm tìm các biện pháp thích nghi ngăn chặn kịp thời mọi sai lầm, sơ sót để cỗ máy độc tài khỏi rơi xuống hố như trường hợp Liên Xô.

Hiện nay tồn tại hai quan điểm đối lập nhau về tương lai Trung Cộng. Một quan điểm của đảng CSTQ cho rằng Trung Cộng là một nước có biệt lệ về văn hóa chính trị nên làn sóng cách mạng dân chủ tại châu Âu trước đây cũng như Bắc Phi vừa qua không đập vào bờ Trung Cộng. Một quan điểm khác gồm những học giả chuyên về Trung Cộng, trí thức Trung Quốc có ảnh hưởng và ngay cả một số viên chức CS cao cấp có khuynh hướng tự do cho rằng đảng CS phải chết nhưng vấn đề là chết bằng cách nào mà thôi. Điều đó cũng cho thấy, nỗi lo sợ một ngày cơ chế độc tài CSTQ sẽ sụp đổ ám ảnh thường xuyên trong suy nghĩ của lãnh đạo CSTQ và hai yếu tố lớn nhất dẫn đến sự sụp đổ của Trung Cộng vẫn là chính trị và kinh tế.

Về chính trị. Bài học Thiên An Môn cho lãnh đạo Trung Cộng biết nguy cơ hàng đầu vẫn là khát vọng tự do của con người. Dân chủ là hướng đi của thời đại. Năm 1901 mở đầu cho thế kỷ 20 trên thế giới chỉ có 12 phần trăm nhân loại sống trong các cơ chế chính trị được gọi là dân chủ. Đầu thế kỷ 21, 120 trong số 192 quốc gia được quốc tế công nhận là những nước được lãnh đạo bởi các chính phủ do dân bầu. Nhiều lãnh đạo CSTQ đổ lỗi sự sụp đổ của Liên Xô lên đầu Mikhail Gorbachev như Giáo sư Shen Zhihua,

chuyên viên về Liên Xô của Đại học Thanh Hoa và cả cựu Chủ tịch Trung Cộng Giang Trạch Dân từng phát biểu “*Gorbachev phản bội cách mạng.*” Tuy nhiên họ cố tình không quan sát đến tiến trình chuyển hóa không ngừng của xã hội con người.

Giáo sư Archie Brown thuộc đại học Oxford, Anh quốc, trong tác phẩm *Sự vươn lên và sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản (The Rise And Fall Of Communism)* nêu ra 8 lý do khiến chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ, trong đó lý do hàng đầu không phải là kinh tế hay quân sự mà là sự thay đổi xã hội. Sự chuyển hóa tri thức nhanh hay chậm tùy theo điều kiện mỗi nước nhưng là một tiến trình không thể bị ngăn chặn bởi bất cứ một cơ chế độc tài nào. Những nguồn đối kháng từ bên trong các nước CS đã âm thầm lớn mạnh chỉ chờ cơ hội là bùng vỡ như được chứng minh qua việc 300 ngàn thanh niên Đông Đức tham dự buổi nhạc hội của Bruce Springsteen vào ngày 19 tháng Bảy 1988 và hàng ngàn thanh niên Đông Đức hô to khẩu hiệu tự do muôn năm trên bờ tường Bá Linh tối ngày 9 tháng 11 năm 1989. Sức sống của đất nước cũng như của xã hội là một dòng chảy không bao giờ ngừng nghỉ, các thể lực cầm quyền độc tài chỉ là những khe đá, có thể làm chậm dòng thác văn minh nhưng không thể nào ngăn chặn được. Tóm lại, yếu tố chính tác động vào sự sụp đổ của Liên Xô, hệ thống CS tại châu Âu và sẽ diễn ra tại Trung Cộng cũng như Việt Nam chính là nội lực phát xuất từ xã hội, kết quả của các phong trào xã hội và sự chuyển hóa không ngừng của xã hội.

Về mặt kinh tế xã hội. Như lịch sử đã chứng minh sự phát triển của giai cấp trung lưu là nguồn thúc đẩy của cách mạng dân chủ vì đó là giai cấp có học thức, có phương tiện và có nhiều nhu cầu vật chất cũng như tinh thần cần được thỏa mãn. Cách đây 20 năm, giai cấp trung lưu này không hiện hữu nhưng nay là một lực lượng đông đảo và phát triển theo lũy thừa. Thành phần trung lưu chiếm

14 phần trăm dân số thành thị tại Trung Cộng và có lợi tức bình quân từ 17 ngàn Mỹ kim đến 37 ngàn Mỹ kim một năm. Với hướng phát triển xã hội có tính quy luật đó, theo giáo sư David Shambaugh, giám đốc *Chương trình Chính sách Trung Quốc* thuộc Đại học George Washington, sự suy thoái của đảng CSTQ đang diễn ra sẽ giống như các triều đại Trung Hoa trước đây, chiếm đoạt, hưng thịnh và sụp đổ.

Trong một tổng kết mới đây The World Bank's International Comparison Program cho rằng Trung Cộng với GDP 2011 là 13.5 ngàn tỉ Mỹ kim, sẽ qua mặt Mỹ nhanh hơn dự đoán. Thống kê này dựa trên việc so sánh sức mua tương đương (purchasing power parity) của hàng hóa giữa hai quốc gia. Tuy nhiên nhiều nhà kinh tế không đồng ý vì không thể dùng giá cả của những ổ bánh mì, bao thuốc lá để làm thước đo cho mức độ giàu nghèo giữa hai nước trong lúc những món hàng quan trọng nhất lại không thể mua tại Trung Cộng. Tom Wright của The Wall Street Journal ví dụ một cách chính xác và cụ thể, Trung Cộng không thể mua một chiếc tàu, một giàn hỏa tiễn hay một chiếc xe Đức đắt tiền mà phải trả bằng một giá hối suất cao gấp nhiều lần. Nếu tính trên phạm vi cả nước, theo phân tích của Global Public Square, Trung Cộng không đứng nhất, nhì hay thậm chí 30 mà đứng sau cả Peru. Nhưng dù phát triển kinh tế nhanh, sự phát triển đó vẫn phải đồng bộ với các phát triển chính trị, văn hóa để tạo nên một xã hội thịnh vượng hài hòa. Điều đó không tồn tại tại Trung Cộng. Các thành tựu kinh tế của Trung Cộng được đổi bằng sự chịu đựng, hy sinh, mồ hôi, xương máu của nhiều dân tộc khác và ngay tại Trung Cộng hàng trăm triệu dân thiếu số vẫn phải tiếp tục sống trong xã hội tham nhũng, độc tài, nghèo đói, bất công, bạc đãi. Hai nhà lý luận CS Lin Zhe và Chen Shu, thành viên trong nhóm nhỏ của trường đảng có đặc quyền phê phán, mặc dù tin rằng đảng CSTQ sẽ tồn tại lâu cũng thừa nhận tham nhũng kinh tế có thể làm sụp đổ đảng. Bà

Lin Zhe dành 20 năm để nghiên cứu phương pháp diệt tham nhũng tại các cấp đảng vì theo bà *“Tham nhũng là mối đe dọa nguy hiểm có thể dẫn đến sự sụp đổ của đảng và nhà nước.”*

Ngọn núi lửa Trung Cộng

Tuyệt đại đa số con người không ai muốn chiến tranh và là người Việt Nam lại càng không muốn có chiến tranh. Tuy nhiên, chiến tranh và hòa bình không phải là chuyện muốn hay không muốn mà đó là hai mặt biện chứng nhân quả của một quá trình mang tính lập lại của phát triển xã hội loài người. Sau khi hiệp ước Versailles được ký kết, Thống chế Pháp Ferdinand Foch nhận xét *“Đây không phải là hòa bình mà chỉ là cuộc đình chiến hai mươi năm.”* Thế Chiến thứ Hai bùng nổ 20 năm và 65 ngày sau đó. Nhận xét của danh tướng Ferdinand Foch không phải là lời tiên đoán của các ông thầy bói nhưng vì các nguyên nhân kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội dẫn đến Thế Chiến thứ Nhất chẳng những không giải quyết mà còn tác động vào nhau để tạo thành nguyên nhân cho Thế Chiến thứ Hai đẫm máu hơn. Tương tự, Trung Cộng với chính sách cực đoan về cả đối nội lẫn đối ngoại đang là mầm mống cho một chiến tranh khốc liệt tại Á Châu.

Đảng Cách Mạng Thế Chế Mexico (Mexico's Institutional Revolutionary Party) cầm quyền được 71 năm và chế độ độc tài CS Liên Xô tồn tại được 74 năm nhưng cả hai đều đã mất quyền lãnh đạo. Trung Cộng tồn tại đến nay được 65 năm nhưng liệu sẽ thoát ra ngoài sự chi phối của quy luật *“không có đế quốc nào tồn tại mãi”* hay không. Câu trả lời dĩ nhiên là không. Một khi ngọn lửa chủ nghĩa dân tộc cực đoan Đại Hán như dòng nham thạch đang cuộn cuộn sôi trong lòng núi, khả năng chuyển hóa từ độc tài sang dân chủ một cách hòa bình tại Trung Cộng là một chuyện khó xảy ra. Với các mâu thuẫn bên trong và thù địch bên ngoài vô cùng sâu sắc, không có cách mạng nhưng, cách mạng da cam nào mà chỉ có

máu chảy ngập đường phố Bắc Kinh, Thượng Hải và các vùng Tân Cương, Ninh Hạ, Nội Mông, Tây Tạng. Việt Nam với quan hệ hữu cơ về chính trị tư tưởng và với vị trí chiến lược trong vùng biển Đông cũng khó thoát khỏi ảnh hưởng đầy tai họa của cách mạng máu.

Giáo sư Yuan-kang Wang thuộc đại học Western Michigan viết trong tạp chí Foreign Policy *“Nếu quyền lực tiếp tục gia tăng, Trung Quốc sẽ mở rộng ảnh hưởng đến vùng Đông Á. Chính sách này sẽ không tránh khỏi tạo nên sự cạnh tranh an ninh với Mỹ trong khu vực và các vùng chung quanh. Washington đang bước ra khỏi mối bận tâm Iraq và Afghanistan và đang là ‘mẫu chốt’ hướng tới Á Châu. Như người Trung Quốc thường nói ‘Một rừng không thể có hai cọp’, nhớ rằng hết sức mình, trò chơi còn tiếp tục.”*

Ngọn núi lửa Trung Cộng sẽ phát nổ tuy chưa biết chính xác ngày nào.

Bài học cho Việt Nam

Lịch sử để lại nhiều bài học về chính sách đối ngoại khôn ngoan, nhưng đáng học nhất vẫn là bài học về cách giải quyết xung đột giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Liên Xô.

Từ khi thành lập nền cộng hòa Thổ năm 1923, Thổ Nhĩ Kỳ là một nước cô đơn. Chiến tranh với Anh vừa chấm dứt bằng chiến thắng nhưng bị các quốc gia dân chủ Tây Phương cô lập. Quân đội không nhỏ nhưng chỉ được trang bị vũ khí còn lại từ thời đế quốc Ottoman và Thế Chiến thứ Nhất. Để được an toàn, chính phủ Thổ kết thân với một anh láng giềng bên kia Hắc Hải cũng đang bị cô lập, đó là Liên Xô. Cuối thập niên 1930, khi Đức Quốc Xã trở thành mối đe dọa, Stalin quyết định phải kiểm soát Eo Biển Thổ Nhĩ Kỳ để ngăn chặn các chiến hạm các quốc gia không thuộc

vùng Hắc Hải di chuyển qua đó và đề nghị Thổ cùng phối hợp để làm việc này. Thổ từ chối sang nhượng chủ quyền Eo Biển. Stalin khó chịu nhưng vẫn phải tiếp tục duy trì quan hệ hữu nghị với Thổ. Khi Thổ nhích gần tới Anh và Pháp qua việc tham gia Balkan Pact 1934 và Saadabad Pact 1937 do khối Tây Phương chủ trương, Liên Xô công khai bày tỏ quan điểm gọi là *“khó hiểu khi Thổ lại thương thảo với những kẻ cựu thù.”*

Trước tham vọng xâm lược ngày càng lộ liễu của Liên Xô, Thổ Nhĩ Kỳ chỉ còn một con đường duy nhất là đứng hẳn về phía Tây Phương. Tuy nhiên, muốn thân các quốc gia dân chủ Tây Phương, trước hết giới lãnh đạo Thổ phải tiến hành các cải tổ chính trị. Tổng thống Mustafa İsmet Inonu, người tiếp tục chính sách của cố tổng thống Mustafa Kemal Atatürk mở rộng chính phủ theo hình thức đa đảng. Hoa Kỳ đánh giá thiện chí của Thổ qua các cải cách chính trị và cũng thấy cần phải tích cực ngăn chặn ảnh hưởng Liên Xô trên vùng Hắc Hải, đã gửi chiến hạm lừng danh USS Missouri đến Istanbul vào tháng Tư 1946. Thiết giáp hạm USS Missouri là niềm kiêu hãnh của hải quân Mỹ, từng tham dự hai trận Iwo Jima và Okinawa, và cũng là nơi Hoa Kỳ nhận sự đầu hàng của Nhật. Anh theo bước Mỹ, cùng tham gia cuộc diễn tập quân sự trong vùng biển Aegean tháng Chín 1946. Báo chí Liên Xô lên án Mỹ, Anh và cho rằng hai nước này đang thiết lập căn cứ quân sự trong vùng Eo Biển Thổ Nhĩ Kỳ. Hoa Kỳ không thừa nhận nhưng cả thế giới lúc đó đều biết Mỹ quyết tâm bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ. Cộng Hòa Thổ Nhĩ Kỳ từ một nước tách ra khỏi một đế quốc tan rã, giành độc lập bằng xương máu chống lại khối dân chủ Tây Phương, bị cô lập, trung lập trong Thế Chiến thứ Hai nhưng đã khôn khéo từng bước xích lại gần với những kẻ cựu thù và cuối cùng được trở thành hội viên của NATO. Để biết ơn và cổ vũ các giá trị dân chủ, mỗi năm chính phủ Thổ dành một ngân sách lớn để viện trợ cho các đề án nhằm cải cách dân chủ khắp thế giới. Năm 2012, Thổ

Nhĩ Kỳ viện trợ 3.4 tỉ Mỹ kim cho 121 quốc gia. Thổ cũng dành riêng 1 tỉ Mỹ kim trong ngân sách để viện trợ nhân đạo và được xếp vào hàng thứ tư trên thế giới chỉ sau Hoa Kỳ, Cộng đồng Châu Âu và Anh Quốc.

Để thắng được Trung Cộng

Qua xung đột giữa Liên Xô và Thổ Nhĩ Kỳ chúng ta có thể rút ra bốn điều kiện để thoát ra khỏi sự khống chế và sẽ thắng được Trung Cộng trong trận cuối cùng:

1. *Việt Nam phải có dân chủ trước Trung Cộng.* Phần đông các nhà phân tích chính trị Việt Nam đồng ý rằng Việt Nam phải có dân chủ mới bảo vệ được đất nước. Điều đó đúng nhưng cần phải nói thêm, dân chủ không chỉ giúp bảo vệ đất nước mà còn để thắng được Trung Cộng. Ngoài ra, dân chủ phải đến sớm, đừng đợi đến khi chiến tranh Á Châu bùng nổ, máu đổ, thầy phơi mới đến. Chỉ có một Việt Nam đoàn kết dưới ngọn cờ dân chủ mới thật sự tập trung được sức mạnh tổng hợp của dân tộc và là nền tảng cho một quốc gia dân chủ thịnh vượng lâu dài. Trung Cộng không sợ USS George Washington hay bom nguyên tử mà sợ dân chủ và rất lo “sân sau” CSVN trở thành một nước dân chủ. Vũ khí dân chủ sẽ gây một phản ứng dây chuyền dẫn tới sự tan vỡ toàn bộ cơ chế CS. Một Trung Cộng mệnh mông có nguy cơ tan thành nhiều mảnh, chủ quyền ngay tại lục địa còn không giữ được nói chi là chủ quyền trên hai nhóm đảo Hoàng Sa, Trường Sa xa xôi.

2. *Đoàn kết dân tộc.* Dân chủ là điều kiện tiền đề trong chính sách đối ngoại nhằm tạo sự tin cậy nơi các nước dân chủ Tây Phương nhưng quan trọng nhất là nền tảng của đoàn kết dân tộc. Một dân tộc chia rẽ không thắng được ai. Đây là thời điểm để xác định lại lòng yêu nước. Yêu nước ngày nay không phải là sản phẩm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan hay bùa mê CS mà gắn liền với với quyền lợi sống còn của đất nước và hướng đi dân chủ nhân bản

của thời đại. Trong cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Iraq, nhiều người nghĩ kẻ có lợi nhiều nhất sẽ là dân tộc Kurds. Nhưng không, họ là những người chịu đựng thiệt thòi nhiều nhất. Trong chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất, Saddam Hussein tàn sát không thương tiếc các cuộc nổi dậy của nhân dân Kurds ly khai trước sự làm nger của Mỹ. Nhiều nhà phân tích cho rằng Mỹ phản bội lý tưởng độc lập của nhân dân Kurds. Điều đó chỉ đúng một nửa. Nửa còn lại là sự phân liệt vô cùng trầm trọng trong tập thể 35 triệu người Kurds sống trong nhiều quốc gia vùng Tây Á. Một dân tộc chia rẽ, cấu xé nhau, không có một hướng đi chung, không thể vận dụng được sự ủng hộ từ quốc tế và cũng không xứng đáng để được quốc tế ủng hộ. Tương tự, Mỹ bỏ 900 tỉ Mỹ kim hay 3 ngàn tỉ Mỹ kim tùy theo cách tính và 4486 nhân mạng để lật đổ Saddam Hussein, không phải chỉ nhằm đem lại hòa bình dân chủ cho nhân dân Iraq. Tuy nhiên, nếu là một dân tộc khôn ngoan, đây là cơ hội giúp Iraq vượt qua những khó khăn trong vài năm nữa trở thành một cường quốc trong thế giới Ả Rập và nếu họ không làm được thì cũng đừng đổ thừa cho Mỹ, đổ tội cho Saddam Hussein mà phải trách ở chính mình.

3. *Chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia.* Việt Nam chỉ trở thành một vị trí chiến lược sau khi Trung Cộng thôn tính toàn lục địa Trung Hoa 1949 nhưng trước đó thì không. Tương tự, Ai Cập trước 1976 không quan trọng hơn Thổ Nhĩ Kỳ hay Iran nhưng sau khi Tổng thống Anwar Sadat bỏ đồng minh Liên Xô để bước sang phía thế giới tự do, Ai Cập trở nên một đồng minh chiến lược của Hoa Kỳ ở Trung Đông và được viện trợ ít nhất 1.5 tỉ Mỹ kim hàng năm từ đó đến nay. Vì lợi ích kinh tế cũng như về các giá trị nhân quyền, Hoa Kỳ mong muốn được thấy Trung Cộng trở thành một quốc gia dân chủ trong một châu Á và Thái Bình Dương ổn định. Trung Cộng là nhà băng của nhiều quốc gia trên thế giới kể cả Mỹ, nhưng không giống như các công ty tài chánh Lehman Brothers

hay Merrill Lynch, khủng hoảng chính trị tại Trung Cộng sẽ gây tác hại vô cùng trầm trọng đối với nền kinh tế thế giới không thể đo lường được. Biết chủ động chiến lược hóa, quốc tế hóa, quan trọng hóa vị trí của quốc gia cũng như biết khai thác mối lo của cường quốc sẽ làm cho vị trí của quốc gia quan trọng hơn trong tranh chấp quốc tế. Trái lại, chủ trương của lãnh đạo CSVN “không tham gia các liên minh quân sự, không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào, không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia” là chủ trương tự cô lập, không đúng về lý thuyết lẫn thực tế chính trị và sẽ chết tức tưởi trong cô đơn mà không được ai ngó ngang.

4. *Đoàn kết với láng giềng cùng hoàn cảnh và tham gia các liên minh tin cậy:* Việt Nam đang đứng trước những ngã ba, ngã năm trong bang giao quốc tế nhưng dù bao nhiêu ngã cũng chỉ có thể đi trên một con đường trong một thời điểm nhất định. Sự liên minh khôn khéo trong nhiều trường hợp giúp quốc gia tránh được chiến tranh hay có thêm thời gian để chuẩn bị chiến tranh. Giáo sư Alastair Smith thuộc đại học Washington University đã công thức hóa toán học nhiều mô thức liên minh trong lịch sử bang giao quốc tế và kết luận các quốc gia có những liên minh không đáng tin cậy sẽ dễ bị tấn công hơn là các quốc gia có sự liên minh tin cậy. Hiện nay tại Á Châu có bốn liên minh quân sự gồm ba liên minh tin cậy Mỹ-Nhật, Mỹ-Phi, Mỹ-Nam Hàn và liên minh SCO về biên giới gồm Trung Cộng, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Nga, Tajikistan và Uzbekistan. Khi chảo dầu Á châu được đun nóng hơn, nhiều liên minh quân sự mới tương tự như Tổ chức Liên phòng Đông Nam Á (SEATO) trong thời chiến tranh Việt Nam sẽ ra đời. Đối với Hoa Kỳ, vùng biển Đông Á là huyết mạch kinh tế lẫn an ninh của các nước đồng minh với Hoa Kỳ như Nhật Bản, Nam Hàn, Philippines, Indonesia, liên minh được với Hoa Kỳ vừa có thể thúc

đẩy tiến trình hiện đại hóa đất nước vừa bảo đảm an ninh.

Bốn điều kiện để thắng được Trung Cộng chỉ có thể thực hiện nếu lãnh đạo là những người thực tâm vì đất nước. Điều đó không có tại Việt Nam. Rồi mai đây, sau trận đánh ghen HD-981 này, lãnh đạo CSVN lại lên đường sang Bắc Kinh triều cống, lại 16 chữ vàng, lại ca ngợi tình đồng chí, nghĩa anh em thắm thiết. Con hờn giận giữa hai đảng CS theo thời gian có thể sẽ nguôi ngoai nhưng trên các vùng biên giới, trong lòng biển Việt Nam, máu của ngư dân Việt Nam, của người lính biển Việt Nam sẽ không ngừng chảy. Dân tộc Việt Nam lại bị đảng dắt đi vòng vòng trong ngõ cụt tối tăm như đã và đang đi suốt 39 năm qua. Do đó, chọn lựa một lối thoát, một hướng đi cho đất nước không phải là chọn lựa của lãnh đạo CSVN nhưng 90 triệu người dân Việt Nam phải can đảm đứng lên quyết định vận mạng chính mình.

“QUYỀN LỊCH SỬ” CỦA TRUNG CỘNG TRÊN BIỂN ĐÔNG LÀ QUYỀN GÌ?

Trong vài ngày qua từ các trang mạng xã hội, diễn đàn, cho đến các tầng lớp, thế hệ Việt Nam trong cũng như ngoài nước, một luồng sóng cảm tình dành cho Philippines tràn ngập, nhiều hơn cả khi quốc gia này bị cơn bão Yolanda tàn quét cách đây ba năm.

Đây là một tình cảm rất tự nhiên giữa những người cùng số phận nhỏ nhoi nhưng phải đương đầu với một Trung Cộng to lớn và đầy tham vọng. Ủng hộ Philippines không có nghĩa ủng hộ chủ quyền của Phi trên các đảo Philippines đòi hỏi mà là ủng hộ một nước dân chủ nhưng sức yếu chống lại một Trung Cộng bá quyền bành trướng. Phán quyết của Tòa án Trọng tài Thường trực (Permanent Court of Arbitration, PCA) không có nghĩa sẽ làm ngưng tranh chấp và phần thắng chỉ thuộc về Philippines vì rất nhiều quốc gia trong vùng có quyền lợi trực tiếp nhưng chưa chọn cách giải quyết tranh chấp qua phương pháp trọng tài.

Ý nghĩa quan trọng trong phán quyết là quốc tế hóa được cuộc tranh chấp, tạo khả năng mặc cả đa phương giữa các bên liên hệ

trước một hội nghị hay trước tổ chức trọng tài quốc tế, giới hạn chiếc bẫy “thảo luận song phương” chỉ nhằm “câu giờ” của Trung Cộng.

Với những quốc gia chủ trương quốc tế hóa Biển Đông, chiến thắng của Philippines mở ra cánh cửa đàm phán xa hơn về quyền lợi và trách nhiệm một cách bình đẳng giữa các nước trong vùng.

Với các cường quốc Mỹ, Nhật, chiến thắng của Philippines giúp cho họ thêm lý do quốc tế để can thiệp cụ thể và tích cực hơn trong tranh chấp. Một cái tát của PCA chỉ nhắm vào mặt Trung Cộng thôi, đó là việc phủ nhận quan điểm “quyền lịch sử”, lý luận cốt tủy mà Trung Cộng dùng để biện hộ cho “đường lưỡi bò” trên Biển Đông.

Như chúng ta đều biết, trong hầu hết các văn bản, tuyên bố, phát biểu, các lãnh đạo Trung Cộng luôn nhắc tới nhắc lui câu “quyền lịch sử của Trung Quốc” để cho rằng 90% của Biển Đông vốn thuộc về Trung Quốc không phải hôm nay mà từ hai ngàn năm trước.

Nhưng tòa phán: Tòa nhận thấy dù trong lịch sử, những người đi biển, ngư dân từ Trung Quốc và các nước khác đã sử dụng các đảo tại Biển Đông nhưng không có bất kỳ bằng chứng nào cho thấy về mặt lịch sử Trung Quốc đã chỉ một mình thực hiện việc kiểm soát vùng nước này cũng như tài nguyên tại đây.

Vì vậy, Tòa kết luận không có cơ sở pháp lý để Trung Quốc yêu sách quyền lịch sử đối với tài nguyên tại các vùng biển phía bên trong “đường 9 đoạn.”

Đăng Tiểu Bình và “quyền lịch sử”

Vào thập niên 1960, Đặng Tiểu Bình là trưởng phái đoàn đại diện Trung Cộng trong đàm phán với Liên Xô về chủ quyền của các đảo

Trần Bảo, Ân Long và Hắc Hạt Tử trong khu vực sông Ussuri. Khi có phiên họp, phái đoàn họ Đặng không chỉ mang theo giấy tờ tài liệu mà còn chở theo nhiều toa xe lửa chứa đầy sách vở và đồ vật để chứng minh “quyền lịch sử” của Trung Quốc trên các đảo này.

Trung Quốc vốn là một nước đông dân, diện tích rộng, có nền văn minh phát triển sớm, có chiều dài lịch sử mấy ngàn năm, do đó, việc tổ tiên họ đã từng đến, từng đi đánh cá, từng đặt chân một đôi ngày, từng mô tả trong văn chương thơ phú về các hòn đảo đó thì cũng không có gì là đáng ngạc nhiên.

Những tài liệu phía Đặng Tiểu Bình đưa ra hay vật dụng họ góp nhặt được dù bao nhiêu cũng không thuyết phục Liên Xô hay chứng minh những đảo đó thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Dĩ nhiên hai đàn anh CS không đưa tranh chấp ra PCA như ngày nay.

Sau hơn 20 năm vừa đánh vừa đàm, một hiệp ước biên giới Liên Xô - Trung Cộng đã được ký kết lần đầu vào tháng 10 năm 1991, lần nữa vào tháng 10 năm 2004 với Nga và lần cuối cùng vào tháng 7, 2008 cũng với Nga. Cả Trung Cộng lẫn Nga đều biết, lý do chính của xung đột trước đây không phải là lãnh thổ mà là sự tranh chấp quyền lực của hai nước cộng sản đàn anh trong phong trào cộng sản quốc tế. Khi Liên Xô sắp sụp đổ, chủ quyền trên các đảo vốn không chứng tỏ một tiềm năng kinh tế nào không còn là yếu tố quan trọng để giằng co, tranh chấp nữa. Cái gọi là “quyền lịch sử” không đóng vai trò gì trong hiệp ước biên giới giữa Liên Xô và sau đó là Nga với Trung Cộng.

Tân Hoa Xã giải thích “quyền lịch sử”

Theo báo Time, hôm 12 tháng 7, 2015 các đài truyền hình Trung Cộng cho chiếu một số tranh hoạt họa của Tân Hoa Xã như là cách để giải thích cái gọi là “quyền lịch sử” của Trung Cộng trên Biển Đông.

Một trong số tranh hoạt họa là mẫu đối thoại ngắn giữa ba con thú đại diện cho ba thành phần trong vụ kiện. Một con cáo đại diện cho PCA, một con khỉ tí hon đại diện cho Philippines và con Panda dễ thương đại diện cho Trung Cộng. Con Panda trả lời câu hỏi tại sao Trung Cộng có “quyền lịch sử”, bởi vì “chúng tôi đã giông buồm và đánh cá trên Biển Đông ngay cả trước khi Chúa Jesus ra đời.”

Việc cho rằng người dân Trung Hoa đã từng “giông buồm và đánh cá” nên Biển Đông thuộc Trung Cộng nghe phi lý đến mức buồn cười; tuy nhiên, đây lại là lý luận chiến lược mà Trung Cộng áp dụng trong đàm phán biên giới từ ngày lập quốc CS năm 1949 tới nay.

“Quyền lịch sử” dưới mắt Hitler và các lãnh đạo Trung Cộng đối với quốc tế, “quyền lịch sử” của Trung Cộng đúng như PCA phán quyết không có giá trị gì nhưng với không ít dân Trung Cộng bị tuyên truyền tẩy não, đó lại là quyền “thiên liêng, bất khả xâm phạm.”

Quan điểm cực đoan Đại Hán này là sản phẩm của bộ máy tuyên truyền bắt đầu từ thời Đặng Tiểu Bình và nâng lên thành “Giấc Mơ Trung Quốc” dưới thời Tập Cận Bình. Họ Đặng và nay họ Tập cho rằng Trung Cộng không chủ trương xâm lược quốc gia nào hay dân tộc nào mà chỉ thu hồi lãnh thổ và lãnh hải vốn thuộc Trung Quốc. Lý luận ngụy biện và điên cuồng này là bản sao quan điểm của Hitler đã dùng để khai mào cho Thế Chiến thứ Hai khi y cho rằng Đức chỉ nhằm “phục hồi những lãnh thổ vốn thuộc về Đức nhiều thế kỷ.”

Tương tự, khẩu hiệu “100 năm sỉ nhục” được các lãnh đạo Trung Cộng dùng làm cũi để đun lò lửa dân tộc cực đoan tại Trung Cộng cũng không khác gì lời lẽ Hitler đã viết về hiệp ước Versailles trong Mein Kampf: “Mỗi điểm của hiệp ước đã ghi sâu vào ý thức và con

tim của dân tộc Đức và đốt cháy họ cho đến khi tâm hồn của sáu chục triệu dân bùng lên ngọn lửa công phẫn và nhục nhã.”

Như vừa viết ở trên, ngay cả việc người dân Trung Hoa hai ngàn năm trước đã thật sự có giọng buồm trên Biển Đông, có ghé Hoàng Sa, Trường Sa vài hôm để bắt yến, tức cảnh sinh tình hạ bút vài câu thơ và được đời sau ghi chép lại cũng không thể cho rằng Hoàng Sa, Trường Sa thuộc quyền lịch sử của Trung Cộng. Lịch sử thế giới để lại vô số tài liệu của các nhà thám hiểm, thăm dò, kể cả dấu tích của đoàn viễn chinh lừng danh Viking do Leif Erikson chỉ huy từng khám phá ra Bắc Mỹ vào thế kỷ 11 trước Christopher Columbus vào thế kỷ 15, nhưng không tổ chức quốc tế nào căn cứ vào các tài liệu lưu trữ để cho rằng chủ quyền biển đảo của một quốc gia phát xuất từ người đã thăm dò, thám hiểm hay khám phá ra vùng đất đó.

Một lãnh thổ, đất hay đảo, của một quốc gia phải là lãnh thổ được phát hiện, chiếm hữu, điều hành trong hòa bình, có tính pháp lý, đơn vị hành chánh chính thức, được ghi lại trong bản đồ của quốc gia đó và được quốc tế công nhận chứ không phải cưỡng chiếm bằng võ lực như Trung Cộng đã làm đối với Philippines và Việt Nam.

Tập Cận Bình, kẻ nuôi cạp đang lo cạp sẽ ăn thịt mình, do đó, không lạ gì trong thời gian ngắn tới đây, y vẫn sẽ tuyên bố hung hăng kể cả những hành động gây hấn với các nước láng giềng để xoa dịu lửa cực đoan Đại Hán tại lục địa nhưng chính y cũng biết gió đã đổi chiều.

“Quyền lịch sử” của Trung Cộng về chủ quyền trên Biển Đông thực chất chỉ là quyền ăn cướp.

MAO VÀ CHIẾN DỊCH TIẾN CHIẾM HOÀNG SA 1974

Luồng gió ngoại giao đã đổi chiều khi Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon bắt tay với Mao ngày 21 tháng Hai 1972. Chuyến viếng thăm Trung Cộng của Nixon nhằm vào 3 mục đích: (1) hướng tới một giải pháp hòa bình tại Đài Loan, (2) tìm một giải pháp hòa bình cho chiến tranh Việt Nam qua đàm phán và (3) giảm ảnh hưởng của Liên Xô. Như lịch sử đã chứng minh, ít nhất hai trong số ba mục đích của TT Richard Nixon đều không đạt được. Chỉ riêng vấn đề Việt Nam, chiến tranh không chấm dứt bằng giải pháp hòa bình mà bằng máu cho đến ngày 30-4-1975.

Sự gần gũi giữa Mỹ và Trung Cộng đã đẩy CS Việt Nam nghiêng xa hơn về phía Liên Xô. Bắc Việt cho rằng Trung Cộng đã phản bội đảng CSVN khi đặt mối quan hệ giữa Trung Cộng và Mỹ lên trên quyền lợi của Bắc Việt. Xuân Thủy, trưởng phái đoàn đàm phán của Bắc Việt, tố cáo Mỹ “âm mưu chia rẽ khối xã hội chủ nghĩa.” Khoảng cách giữa Bắc Việt và Trung Cộng xa cách dần mặc dù Trung Cộng tuyên bố vẫn tiếp tục “ủng hộ cuộc chiến chống Mỹ đến mục đích cuối cùng.”

Chủ trương chiếm Hoàng Sa trước khi chiến tranh chấm dứt

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, quan hệ giữa CS Bắc Việt và Trung Cộng trở nên tệ hại hơn. Học bài học tranh chấp biên giới với Liên Xô phía Bắc và phát xuất từ mối lo sợ bị bao vây ở phía Nam, Mao nghĩ đến việc phải tiến chiếm các đảo ngoài Biển Đông trước khi CS Bắc Việt chiếm toàn bộ Việt Nam và rơi hoàn toàn vào quỹ đạo của Liên Xô, lúc đó là kẻ thù số một của Trung Cộng. Mao càng lo lắng hơn khi thấy chính sách của Hoa Kỳ ngày càng trở lại với chủ trương tự cô lập (American Isolationism) trước đây trong lúc Liên Xô ngày càng mở rộng và có khả năng lấn chiếm sang Châu Á.

Ngoài lý do lãnh thổ, việc tiến chiếm Hoàng Sa là một bước thay đổi quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mao, chuyển từ giai đoạn đấu tranh cách mạng dựa trên quan điểm Marx-Lenin-Mao sang thực tế quốc tế. Để thực thi các chính sách này, Mao cần một lãnh đạo có đầu óc thực dụng, và người đó không ai khác hơn là Đặng Tiểu Bình. Ngày 22 tháng 12, 1973, Mao phục hồi họ Đặng.

Mặc dù già nua, bệnh hoạn, chủ trương “phục hồi các lãnh thổ Trung Quốc bị mất” là chủ trương của Mao.

Đặng Tiểu Bình đóng vai trò tích cực nhưng y chỉ mới được phục hồi chưa đầy một tháng sau sáu năm bị hạ bệ. Chu Ân Lai chủ tọa nhiều phiên họp của Bộ Chính Trị nhưng trong thời gian đó họ Chu đang bị kết án hữu khuynh. Diệp Kiếm Anh được giao trách nhiệm chủ tịch của ủy ban nhưng họ Diệp đã 77 tuổi và thuộc thành phần tướng lãnh thời Vạn Lý Trường Chinh.

Tháng Giêng 1974, Mao quyết định tiến chiếm Hoàng Sa trước. Kế hoạch chiếm Hoàng Sa được nghiên cứu rất kỹ lưỡng và chi tiết, không chỉ về mặt quân sự mà cả chuẩn bị dư luận quốc tế để biện hộ cho hành động xâm lược Việt Nam.

Về mặt đối ngoại: Để có lý do tấn công Hoàng Sa của Việt Nam Cộng Hòa, bộ máy tuyên truyền Trung Cộng tố cáo Việt Nam Cộng Hòa vào tháng 11, 1973 đã bắt giữ tàu đánh cá Trung Cộng và hành động đó được xem như vi phạm chủ quyền Trung Cộng, buộc Trung Cộng phải “phản công tự vệ.” Ngày 11 tháng Giêng 1974, Bộ Ngoại Giao Trung Cộng ra thông báo xác định chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và vùng biển chung quanh quần đảo này: “Các quần đảo Nam Sa, Tây Sa, Trung Sa đều là một phần của lãnh thổ Trung Quốc. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có chủ quyền không thể tranh cãi đối với những hòn đảo này.”

Về mặt tổ chức: Một ủy ban đặc nhiệm của các lãnh đạo cao cấp nhất trong đảng và nhà nước Trung Cộng được thành lập để phác thảo kế hoạch tiến chiếm Hoàng Sa được thành lập trong phiên họp của Bộ Chính Trị do Chu Ân Lai chủ tọa. Năm Ủy viên Bộ Chính Trị trong ủy ban gồm Thống Chế Diệp Kiếm Anh (Ye Jianying), Phó Chủ Tịch Trung Ương Đảng Vương Hồng Văn (Wang Hongwen), Ủy Viên Thường Trực Bộ Chính Trị phụ trách tuyên truyền Trương Xuân Kiều (Zhang Chunqiao), Phó Thủ Tướng Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping) và Đại Tướng Tư Lệnh Quân Khu Bắc Kinh Trần Tích Liên (Chen Xilian). Chu Ân Lai giao cho Diệp Kiếm Anh trách nhiệm điều hành ủy ban.

Mao phê chuẩn thành phần ủy ban

Một phiên họp mở rộng sau đó, ngoài Chu Ân Lai và năm thành viên còn có sự tham dự của Đô Đốc Tô Chấn Hoa (Su Zhenhua), Chính Ủy Thứ Nhất của Hải Quân Trung Cộng. Tô Chấn Hoa là một trong những tướng hải quân có quan hệ mật thiết với Đặng Tiểu Bình và cũng là người chủ trương bành trướng Biển Đông.

Với một thành phần lãnh đạo chiến dịch cao cấp và đầy đủ ban bộ như vậy chứng tỏ việc tiến chiếm Hoàng Sa không chỉ là một tranh chấp biển đảo bình thường mà còn mang một ý nghĩa chiến

lược hàng đầu và phải chiếm Hoàng Sa bằng mọi giá.

Về mặt quân sự: Đây là lần đầu tiên hải quân Trung Cộng thực hiện một cuộc viễn chinh hải quân chống lại nước ngoài và lực lượng tham chiến được chọn lựa hết sức cẩn thận. Bốn ngày sau khi Trung Cộng tuyên bố chủ quyền, 11 chiến hạm của hải quân Trung Cộng và 600 lính được lệnh tiến vào vị trí. Các phi đoàn chiến đấu cơ đặt trên đảo Hải Nam được lệnh sẵn sàng tham chiến. Đặng Tiểu Bình trong thời gian này vừa được giao phó chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc và thay mặt ủy ban điều hợp các hoạt động của Quân Ủy Trung Ương cũng như các vấn đề quân sự khẩn cấp. Bộ Tư lệnh Hạm Đội Nam Hải dưới quyền Tư lệnh Zhang Yuanpei trực tiếp chịu trách nhiệm tiến chiếm Hoàng Sa.

Kế hoạch được đệ trình lên Mao và Mao chấp thuận.

Ngày 19 tháng Giêng 1974, Hải Quân Trung Cộng tiến chiếm Hoàng Sa. Sau trận hải chiến khoảng một giờ, Trung Cộng chiếm Hoàng Sa. Phía Trung Cộng công bố họ chỉ có 18 binh sĩ thiệt mạng và không có tàu nào chìm mặc dù báo chí Tây Phương cho rằng ít nhất một chiến hạm của hải quân Trung Cộng đã bị bắn chìm. Người viết không trình bày chi tiết ở đây vì diễn biến của hải chiến Hoàng Sa đã được rất nhiều tài liệu và nghiên cứu Việt Nam cũng như quốc tế công bố. Rất nhiều thông tin quý giá đang được lưu trữ tại website hqvnch.org.

Thái độ bàng quan của Mỹ

Chính phủ Mỹ ra lệnh Đệ Thất Hạm Đội không được can thiệp vì đã đồng ý ngầm với Trung Cộng sẽ giữ thái độ bàng quan trong tranh chấp Hoàng Sa, và các chiến hạm và phi cơ của Mỹ sẽ không xâm phạm giới hạn 12 hải lý của quần đảo Hoàng Sa. Cam kết này của Mỹ đã được Ngoại Trưởng Trung Cộng Hoàng Hoa nhắc lại

trong diễn văn đọc trước Liên Hiệp Quốc ngày 12 tháng Tư 1972 với sự hiện diện của Ngoại Trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger.

Bản tin của báo Time ngày 4 tháng Hai 1974 cũng xác định chính sách của Mỹ trong hải chiến Hoàng Sa là “tuyệt đối khoanh tay.”

Ngoài ra, trước đó vào mùa xuân 1972, Trung Cộng đã thử ý định Mỹ bằng cách gửi công hàm phản đối khi một tàu chiến Mỹ vi phạm khu vực 12 hải lý của quần đảo Hoàng Sa. Mỹ đáp ứng bằng việc chỉ thị hải quân Mỹ sẽ không hải hành trong khu vực 12 hải lý do Trung Cộng quy định. Thái độ đó của Mỹ là dấu hiệu cho Trung Cộng biết Mỹ sẽ không can dự vào tranh chấp Hoàng Sa.

Tại sao Trung Cộng chọn ngày 19 tháng Giêng 1974?

Ngày 19 tháng Giêng 1974 là ngày kỷ niệm 24 năm Trung Cộng công nhận nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Đây không phải là sự kiện trùng hợp ngẫu nhiên mà là một cái tát chính trị vào mặt đảng CSVN.

Tối ngày 20 tháng Giêng, Chu Ân Lai triệu tập phiên họp để tổng kết thành quả chiến dịch, và ngay sau phiên họp y đã trình chiến thắng lên Mao. Quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam bị sáp nhập vào địa phận tỉnh Quảng Đông. Các báo đảng và nhà nước Trung Cộng sau đó đã tung hô “chiến thắng vĩ đại của Mao Chủ tịch trên biển.” Về phía CSVN, ngoài tuyên bố ba điểm chung chung giống như người ngoài cuộc của cái gọi là “Chính phủ Lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam” ngày 26 tháng Tư 1974, các lãnh đạo CS Bắc Việt không có một lời phản đối nào trước hành động xâm lăng của Trung Cộng. Khi đất nước bị xâm lăng, những kẻ chọn thái độ im lặng cũng chẳng khác gì chọn đứng về phía xâm lăng.

Bài học lịch sử từ hải chiến Hoàng Sa

- Đừng trông cậy vào ngoại viện: Trong tổng kết mới nhất The

U.S.-China Military Scorecard: Forces, Geography, and the Evolving Balance of Power, 1996-2017 của RAND Corporation, tuy Trung Cộng đạt nhiều tiến bộ trong hơn 30 năm hiện đại hóa, kỹ thuật chiến tranh của Mỹ vẫn còn dẫn trước rất xa. Ngay cả trong vũ khí nguyên tử, tỉ lệ giữa Mỹ so với Trung Cộng là 13 trên 1. Nghĩa là, dù bắn trước, Trung Cộng vẫn sẽ phải bị Mỹ đánh trả bằng bom nguyên tử nhiều lần.

Tuy nhiên, sự vượt trội kỹ thuật chiến tranh không có nghĩa Mỹ sẽ can thiệp vào xung đột Biển Đông nếu Việt Nam bị Trung Cộng tấn công lần nữa. Vì các lý do kinh tế, Mỹ có thể làm ngơ như họ đã từng làm ngơ vì lý do chính trị trong hải chiến Hoàng Sa 1974. Bài học của hai cuộc thế chiến cho thấy Mỹ chỉ tham chiến khi quyền lợi của họ bị va chạm trực tiếp và phải có lợi về đường dài. Không nên trách ai cả. Một con người hay một quốc gia cũng thế, phải tự đứng lên bằng đôi chân của chính mình trước khi trông cậy vào sự giúp đỡ của người khác.

- Dân chủ hóa hay mất nước: Tham vọng bành trướng trên Biển Đông của Trung Cộng quá rõ ràng và lộ liễu. Mặc dù có các áp lực quốc tế, không có dấu hiệu gì cho thấy Trung Cộng sẽ từ bỏ tham vọng chiếm đoạt Biển Đông. Chủ trương găm nhăm Biển Đông của Trung Cộng đang được tiến hành từng bước và chúng hy vọng đến mức độ nào đó sẽ đặt Mỹ và cả thế giới vào thế đã rồi. Trung Cộng đã nuốt vô thì chỉ có cách mổ bụng chúng mới lấy ra được.

Để tránh đại họa mất nước, chọn lựa duy nhất của Việt Nam hiện nay là dân chủ hóa và phải dân chủ hóa gấp. Dân chủ là điều kiện tiền đề trong chính sách đối ngoại nhằm tạo sự tin cậy nơi các nước dân chủ Tây Phương, nhưng quan trọng nhất là nền tảng của đoàn kết dân tộc và thăng tiến đất nước. Một dân tộc chia rẽ không thắng được Trung Cộng. Dân chủ là đôi cánh giúp đất nước có thể cất cao lên cùng thời đại. Đó không phải là lý thuyết mà là thực tế

chính trị đang được hầu hết các quốc gia áp dụng. Mục tiêu đầu tiên và quan trọng nhất trong tiến trình dân chủ hóa là tháo gỡ cho được cơ chế chính trị xã hội độc tài CS hiện nay.

- Chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia để khỏi bị “Phần Lan Hóa” (Finlandization): Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Liên Xô cho phép Phần Lan duy trì cơ chế dân chủ trong khi khống chế mọi chính sách đối nội và đối ngoại đi ngược với quyền lợi của Liên Xô. Phần Lan không có chọn lựa nào khác vì không nằm trong vị trí chiến lược.

Khác với trường hợp Phần Lan, một Việt Nam dân chủ có khả năng thoát ra khỏi khả năng bị “Phần Lan Hóa,” đưa đất nước vào vị trí chiến lược quốc tế và chủ động làm cho quốc tế quan tâm.

Chủ trương hiện nay của lãnh đạo CSVN “không tham gia các liên minh quân sự, không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào, không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia” là chủ trương tự sát, không đúng về lý thuyết lẫn thực tế chính trị. Chủ trương này là bản sao chính sách đối ngoại của Trung Cộng nhưng khác ở điểm Trung Cộng chỉ tuyên bố để tuyên truyền chứ không bao giờ áp dụng.

Kết luận

Robert D. Kaplan, nhà nghiên cứu chính trị quốc tế nổi tiếng và đã được tạp chí The Policy hai lần xếp vào danh sách 100 nhà tư tưởng hàng đầu của thế giới (“Top 100 Global Thinkers”), cho rằng Trung Cộng có khả năng cao sẽ “Phần Lan Hóa” Việt Nam.

“Phần Lan Hóa” là một loại chủ nghĩa thực dân trong thời đại toàn cầu. Chủ trương này ít tổn kém vì các quốc gia bị “Phần Lan Hóa” được phép duy trì độc lập trên danh nghĩa nhưng chính sách đối ngoại sẽ được soạn thảo tại Bắc Kinh. Trung Quốc làm như vậy

để vừa thúc đẩy nền kinh tế đang tiến rất chậm và đồng thời cũng để giảm áp lực chống đối từ trong nước qua việc đề cao chủ nghĩa dân tộc. Công thức mà Trung Cộng đang sử dụng không có gì mới và mô hình phát triển hiện nay của Trung Cộng cũng không phải là một loại mô hình ngoại lệ (Chinese exceptionism) như một số lý thuyết gia của đảng CSTQ đang dùng để kết luận Trung Cộng sẽ không sụp đổ.

Một thành phần có ảnh hưởng trực tiếp vào sự thay đổi cơ chế chính trị nhưng Robert D. Kaplan không đưa vào phân tích của ông, đó là nhân dân, tức là thành phần những người dân của một quốc gia có ý thức cao về quyền hạn và trách nhiệm phải thực thi đối với đất nước. Trong thực tế cách mạng dân chủ, đóng góp của nhân dân là yếu tố âm thầm nhưng quyết định, tiềm tàng nhưng vô cùng mạnh mẽ như đã chứng tỏ tại nhiều quốc gia Đông Âu, Phi Châu, và tại Liên Xô cũ. Tại Việt Nam, yếu tố nhân dân còn giới hạn, chưa tập trung, thiếu tổ chức nhưng đã có và đang trên đà phát triển. Những hạt giống đã được gieo xuống. Mỗi người Việt, mỗi tổ chức, đoàn thể trong điều kiện và phương tiện sẵn có của mình nên tập trung chăm bón.

Tham khảo:

- Kuisong, Y. (2002). *Changes in Mao Zedong's Attitude toward the Indochina War, 1949-1973*. Woodrow Wilson International Center for Scholars.
- Elleman, B., Paine. (2011). *Naval Power and Expeditionary Warfare: Peripheral Campaigns and New Theatres of Navy Warfare*. Taylor and Francis Group.
- Zhai, Q. (2002). *China & The Vietnam Wars, 1950-1975*. University of North Carolina Press.

- Tonnesson, S. (2001, July). The Paracels: The “other” South China Sea Dispute. *Asian Perspective*, 26(4), 145-169
- Heginbotham, E. et al. (2015). *The U.S. China Military Scorecard: Forces, Geography, and the Evolving Balance of Power, 1996-2017*. RAND Corporation.
- Paracel (Xisha) Islands – 1974.
<http://www.globalsecurity.org/military/world/war/paracel.htm>
- Brown, D. (2014, May 22). Vietnam Faces “Finlandization” from China. *Asia Sentinel*.
- Wortzel, L. (1999, September 30). *Dictionary of Contemporary Chinese Military History*. Greenwood Press.
- The World: Storm in the China Sea. (1974, February 4). *Time*.
- Kaplan, R. The South China Sea is to China what the Greater Caribbean was to the United States. (2015, June 19). *The Globe and Mail*.
- Garver, J. (2016, January 4). *China’s Quest: The History of the Foreign Relations of the People’s Republic of China*. Oxford University Press.
- Lee, L. (1999). *China and the South China Sea Dialogues*. Praeger.
- Hayton, B. (2014, October 28). *The South China Sea: The Struggle for Power in Asia*. Yale University Press.
- Trang sưu tầm tài liệu lịch sử Hải Quân VNCH <http://www.hqvnch.org>

MAO VÀ “MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM”

Trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, quan điểm chính trị và quân sự của Mao Trạch Đông thay đổi nhiều lần. Từ một Mao chủ hòa sau hiệp định Geneva trở thành một Mao chủ chiến trong giai đoạn đầu của cuộc chiến vào thập niên 1960 và lần nữa trở về với Mao chủ hòa sau Thông Cáo Chung Thượng Hải ngày 27 tháng Hai 1972.

Mao và lý luận “chiến tranh giải phóng dân tộc”

Phát xuất từ quan điểm cố hữu “lấy nông thôn bao vây thành thị” và cũng vì không đủ khả năng để trực tiếp đương đầu với Mỹ, Mao chủ trương gây khó khăn cho Mỹ, kẻ thù chính của Trung Cộng trong giai đoạn từ 1949 đến 1972, qua hình thức chiến tranh cách mạng tại bất cứ quốc gia nào Mỹ đang có quyền lợi hay có thể tạo ảnh hưởng.

Trong dịp tiếp phái đoàn báo chí Chile ngày 23 tháng Sáu 1964, Mao tuyên bố: “Chúng tôi chống chiến tranh, nhưng chúng tôi ủng hộ các cuộc chiến chống chủ nghĩa đế quốc do các dân tộc bị áp

bức phát động.” Từ Phi Châu, Nam Mỹ, và Á Châu, Mao tích cực yểm trợ vũ khí và cơ sở lý luận cho các phong trào được gọi là “giải phóng dân tộc,” chống “đế quốc thực dân.” Các phong trào Maoist lan rộng khắp nơi, từ Nepal bên rặng Hy Mã Lạp Sơn ở Á Châu cho đến tận những cánh đồng ở Ecuador, Nam Mỹ.

Trong mắt Mao, ba “anh hùng” được xem là những lãnh tụ tiêu biểu của phong trào “giải phóng dân tộc” là Hồ Chí Minh tại Á Châu, Fidel Castro tại Nam Mỹ, và Ben Bella tại Phi Châu. Trong số ba “anh hùng” đó, Hồ Chí Minh và đảng CSVN vì lý do ý thức hệ và địa lý chính trị, được Mao quan tâm nhất và bằng mọi giá phải nắm chặt trong tay.

Vào cuối thập niên 1960, hầu hết các nước thuộc địa đã được trao trả quyền độc lập hoàn toàn hay độc lập trong khuôn khổ thịnh vượng chung. Hai trong số ba nước tiên phong gồm Algeria và Cuba nghiêng về phía Liên Xô, Mao chỉ còn lại một đàn em trung thành duy nhất ở Á Châu là CS Bắc Việt. Mao tìm mọi cách để kiểm soát CSVN về mọi mặt từ giáo dục tuyên truyền, đường lối lãnh đạo cho đến kinh tế, văn hóa, xã hội.

Mao và quan điểm về chiến tranh Việt Nam

- Sau hiệp định Geneva 1954 đến 1964: Trung Cộng là nguồn cung cấp duy nhất cho CS Bắc Việt, không chỉ từ chén cơm manh áo mà cả lý luận tư tưởng. Nói chung đời sống từ vật chất đến tinh thần của đảng CSVN lệ thuộc sâu xa vào đảng CSTQ. Khắp miền Bắc, từ công sở đến gia đình, hình ảnh của Mao được đặt trên mức linh thiêng. Hồ Chí Minh và lãnh đạo CSVN đã thi hành một cách nghiêm chỉnh hầu hết các mệnh lệnh đầy tai họa từ Mao và các chính sách phi nhân này đã dẫn đến cái chết oan uổng của nhiều trăm ngàn người dân Việt Nam vô tội qua các chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất.

- 1964 đến 1965: Cuối năm 1964, Hồ Chí Minh chủ trương cân bằng ảnh hưởng giữa Liên Xô và Trung Cộng mong nhận được viện trợ của cả hai để theo đuổi mục tiêu CS hóa toàn cõi Việt Nam. Điều này làm Mao lo lắng. Mao sai Đặng Tiểu Bình, lúc đó là Tổng Bí Thư đảng CSTQ, bí mật thăm Hà Nội và hứa viện trợ Hà Nội một tỉ yuan nếu Hà Nội từ chối viện trợ của Liên Xô. Ngoài ra, Mao cũng cứng rắn chống lại mọi sáng kiến chấm dứt chiến tranh Việt Nam bằng phương tiện đàm phán. Mao nói thẳng với Kosygin, Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng Liên Xô, trong chuyến viếng thăm Bắc Kinh ngày 11 tháng Hai 1965, “Liên Xô không được dùng Việt Nam để mặc cả với Mỹ.” Mao cũng từ chối đề nghị của Liên Xô về một phiên họp thượng đỉnh giữa ba đảng CS để thảo luận về đường lối chiến tranh Việt Nam. Mao xem đảng CSVN chẳng khác gì một xứ bộ của đảng CSTQ.

- 1965 đến 1972: Khi chiến tranh Việt Nam gia tăng cường độ, Lê Duẩn, trưởng phái đoàn đại diện đảng CSVN, trong chuyến viếng thăm Trung Cộng tháng Tư 1965, đã chính thức yêu cầu Mao gửi quân sang Việt Nam. Đáp lại lời thỉnh cầu của Lê Duẩn, Mao gia tăng hàng loạt viện trợ quân sự cho CS Bắc Việt. Tháng Sáu 1965, các sư đoàn Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc tiến vào miền Bắc Việt Nam. Đến tháng Ba 1968, tổng số quân Trung Cộng có mặt tại miền Bắc là 320 ngàn quân với tất cả phương tiện yểm trợ và trang bị vũ khí đầy đủ.

Các cuộc dội bom ồ ạt của Mỹ lên miền Bắc gây tổn hại trầm trọng trong mọi lãnh vực kinh tế, quốc phòng của CS Bắc Việt. Cùng lúc đó, Liên Xô, các nước CS Đông Âu, và đồng minh của Mỹ Tây Âu khuyến khích CS Bắc Việt và Mỹ ngồi vào bàn hội nghị để tìm cách giải quyết chiến tranh Việt Nam. CS Bắc Việt đồng ý. Chủ trương của lãnh đạo CS Bắc Việt lúc đó là vừa đánh vừa đàm để tận dụng mọi cơ hội có lợi nhất cho mục đích tối hậu CS hóa

Việt Nam và đồng thời dùng bàn hội nghị để mặc cả Mỹ giảm mức độ ném bom. Ngoài ra, Hồ Chí Minh lo ngại Mỹ sẽ tăng cường thêm 100 ngàn quân tại miền Nam như y đã trao đổi với Mao vào tháng Sáu 1965.

Mao thì khác. Mao chống đối phương pháp thương thuyết và chủ trương kéo dài chiến tranh càng lâu càng tốt. Chủ trương kéo dài chiến tranh của Mao phát xuất từ ba lý do: (1) Mao muốn tiếp tục làm tiêu hao năng lực của Mỹ, (2) chứng tỏ vai trò lãnh đạo của Mao trong “thế giới thứ ba,” (3) dùng chiêu bài “chống đế quốc xâm lược” để củng cố vai trò cai trị của Mao tại lục địa Trung Quốc.

- Thông Cáo Chung Thượng Hải 1972 đến 30-4-1975: Quan hệ giữa Trung Cộng và Liên Xô ngày càng xấu và khó có cơ hội hòa giải giữa hai nước CS hàng đầu. Chỉ riêng năm 1969, đã có tới 400 vụ đụng độ dọc biên giới. Đáp lại ý định rút lui khỏi Việt Nam của TT Richard Nixon, Mao nghĩ đã đến lúc phải bắt tay với Mỹ để tránh bị bao vây cả hai mặt bằng hai kẻ thù mạnh nhất nhì trên thế giới. Sau chuyến viếng thăm Trung Cộng của TT Richard Nixon cuối tháng Hai 1972, tới phiên Mao cố võ cho một giải pháp hòa bình mà trước đó không lâu ông ta đã chống lại.

Mao và “Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam”

- “Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam”: Hôm nay cả thế giới đều biết những tổ chức được gọi là “Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam” hay “Chính phủ Lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam” đều chỉ là các bộ phận thuộc đảng bộ Miền Nam do Trung Ương Cục Miền Nam, tên mới của Xứ ủy Nam Kỳ đảng Lao Động, lãnh đạo.

Tổ chức gọi là “Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam” (MTDTGPMNVN) hay thường được gọi tắt là “Mặt trận

Giải phóng Miền Nam” được thành lập ngày 20 tháng 12, 1960 với mục đích: “Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc Mỹ; thành lập một chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hoà bình, thi hành chính sách trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới.”

Bí thư Trung Ương Cục đầu tiên là Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Bộ chính trị đảng Lao Động Việt Nam. Tháng 10 năm 1964, nhu cầu quân sự gia tăng, Nguyễn Chí Thanh được điều vào Nam làm Bí thư Trung ương Cục kiêm Bí thư Quân ủy Miền. Từ 1967 đến 1975, Trung ương Cục miền Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Phạm Hùng, Ủy viên Bộ chính trị kiêm Chính ủy các lực lượng vũ trang miền Nam.

Đầu năm 1961, “Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam” được Trung Ương Cục Miền Nam thành lập. Dù chỉ trên danh nghĩa, “quân giải phóng” này lẽ ra phải trực thuộc “MTDTGPMNVN,” tuy nhiên, theo nội dung chỉ thị của Tổng Quân ủy CSVN tháng 1 năm 1961 nhấn mạnh: “Quân giải phóng miền Nam Việt Nam là một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Đảng sáng lập và xây dựng, giáo dục và lãnh đạo.”

Đáp ứng nhu cầu tạo thế đối trọng với chính phủ VNCH, ngày 8 tháng 6, 1969, Trung Ương Cục thành lập thêm một tổ chức mới gọi là “Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam” do Huỳnh Tấn Phát, đảng viên CS từ thời 1945, làm Chủ tịch và Nguyễn Thị Bình làm Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao.

Nhân dịp đánh dấu 40 năm Hiệp định Paris 1973, các cơ quan tuyên truyền của đảng ca ngợi bà Bình là “nhà ngoại giao sáng tạo

linh hoạt.” Điều đó không đúng. Về nguyên tắc lãnh đạo, vai trò của “Chính phủ Lâm thời” trong đó có “Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao Nguyễn Thị Bình” chỉ là mặt nổi đối ngoại, tất cả lời ăn tiếng nói của bà đều được chỉ thị từ đảng ủy bên trong, đứng đầu là Lê Đức Thọ. Chắc bà Bình cũng phải thừa nhận, dưới sự lãnh đạo của đảng CS, mọi “sáng tạo linh hoạt” cá nhân là những điều cấm kỵ.

Dù sao, trước 1975, nhờ che đậy dưới mục đích rất nhân bản và lương thiện “dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hoà bình, thi hành chính sách trung lập,” “MTDTGPMNVN” đã thu hút khá đông “trí thức” miền Nam về phía họ và nhanh chóng làm suy yếu cơ chế chính trị dân chủ còn rất non trẻ ở miền Nam.

- Mao ve vãn các lãnh đạo “Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam”: Không ai hiểu con bằng cha mẹ, tác giả của sách vở mà CSVN dùng là của Mao và đường lối CSVN dùng cũng là của Mao đã từng áp dụng tại Trung Quốc như trường hợp Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc, gọi tắt là Chính Hiệp sau 1949. Chủ tịch của các Hiệp Chính này không ai khác hơn là những lãnh đạo tối cao của đảng. Mao Trạch Đông, chủ tịch khóa I (1949 - 1954), Chu Ân Lai, khóa II, III, IV (1954 - 1976), Đặng Tiểu Bình, khóa V (1978 - 1983) Đặng Dĩnh Siêu, khóa VI (1983 - 1988), Lý Tiên Niệm, khóa VII (1988 - 1992) v.v...

Qua kinh nghiệm tại Trung Quốc, Mao biết dù sao vẫn còn tồn tại một thành phần ngây thơ trong hàng ngũ “MTDTGPMNVN” nên sau Thông Cáo Chung Thương Hải, Mao tìm cách khai thác và ve vãn hàng ngũ này. Điều Mao dự đoán không sai nhưng không đủ thế và lực để tạo ra ảnh hưởng lớn. Sau 1975 các thành phần ngây thơ này tập trung dưới hình thức Câu Lạc Bộ Kháng Chiến Cũ và nhiều trong số họ đã bị bắt.

Mao tiếp Nguyễn Thị Bình tại Bắc Kinh ngày 29 tháng Hai 1972

và nói với bà Bình “Chúng ta thuộc vào một gia đình. Bắc Việt, Nam Việt, Đông Dương, Triều Tiên cùng một gia đình và chúng ta ủng hộ lẫn nhau. Nếu các bạn thành công tại hội nghị Paris, không chỉ Nam Việt mà Bắc Việt cũng đạt đến mức bình thường hóa với Mỹ ở mức độ nào đó.”

Tháng 11.1973, Nguyễn Hữu Thọ và phái đoàn MTDTGPMNVN thăm Bắc Kinh. Phái đoàn của y được Mao tiếp đón nồng nhiệt và hứa các khoản viện trợ không hoàn trả. Các thành viên trong phái đoàn MTDTGPMNVN ngạc nhiên trước cách đối xử khác biệt của Mao. Trương Như Tảng, Bộ trưởng Bộ Tư Pháp của “Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam,” kể lại trong vài ngày đầu thăm viếng Bắc Kinh, các lãnh đạo Bắc Kinh tưởng Trương Như Tảng là người của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa nên tỏ ra lạnh nhạt, nhưng khi biết y là thành phần của phái đoàn Nguyễn Hữu Thọ, họ đã trở nên niềm nở.

- Mao và chủ trương hai nước CS Việt Nam: Chiều ngày 11 tháng 8, 1975, Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc Daniel P. Moynihan, hai lần đưa tay phủ quyết đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc của cả Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa lẫn Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam sau khi đơn gia nhập của Nam Hàn bị bác bỏ tuần trước đó.

Với lãnh đạo CSVN, việc hai CS Việt Nam cùng tham gia vào LHQ chỉ là một chiến thuật đối ngoại về mặt nhà nước, nhằm “hợp thức hóa” việc cưỡng chiếm miền Nam của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và gia tăng áp lực buộc Hoa Kỳ phải viện trợ để “tái thiết Việt Nam.” Về mặt đảng, chỉ một đảng CSVN mà thôi.

Mao biết khuynh hướng thân Liên Xô trong lãnh đạo CSVN và hy vọng lãnh đạo CSVN tại miền Nam hay gốc miền Nam sẽ có một khuynh hướng khác. Những ve vãn của Mao đối với MTDTGPMNVN cũng chỉ là hành động “còn nước còn tát.”

Bắt được ý định đó, Hoa Kỳ đưa ra một “giải pháp trọn gói” tức cả bốn nước Đông Nam Á gồm Bắc Hàn, Nam Hàn, Bắc Việt, Nam Việt cùng vào LHQ. Trung Cộng không chấp nhận. Mao, vào thời gian đó, sức khỏe yếu dần, nhưng đã đóng vai trò quyết định trong “giải pháp trọn gói” của Mỹ.

Mao và tập đoàn lãnh đạo Trung Cộng khi ủng hộ chủ trương hai Việt Nam không phải phát xuất từ lòng thương xót Việt Nam Cộng Hòa hay người dân miền Nam mà chỉ muốn tiếp tục chi phối chính trị Việt Nam qua vai trò của Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên để trả giá cho chính sách đó bằng việc chấp nhận Nam Hàn vào LHQ, Mao cho rằng không tương xứng. Vì Mao không đồng ý “giải pháp trọn gói” tức cả bốn nước cùng vào LHQ nên chiều ngày 11 tháng 8, 1975, Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc Daniel P. Moynihan Mỹ phủ quyết CS Bắc Việt và CS Nam Việt.

Tìm hiểu quan điểm của Mao qua các giai đoạn của cuộc chiến để thấy phía sau những khẩu hiệu tuyên truyền đường mật, dã tâm của Mao vẫn là khống chế Việt Nam bằng mọi cách.

Tập Cận Bình hành diện là truyền nhân của Mao, do đó, đọc lại Mao để có thể đo lường những bước đi tới của họ Tập. Ngoài các đặc điểm kế thừa từ Mao, Tập Cận Bình còn đi xa hơn khi tham vọng bành trướng cả Á Châu. CSVN ngày nay không còn chọn lựa nào khác hơn là quy phục Trung Cộng để tiếp tục tồn tại và duy trì quyền cai trị đất nước. Chọn lựa duy nhất của các tầng lớp người Việt Nam yêu nước hiện nay là đóng góp hết sức mình vào cuộc vận động dân chủ tại Việt Nam. Dân chủ hóa Việt Nam là phương cách “thoát Trung” đúng đắn và phù hợp với sự phát triển văn minh thời đại nhất. Mục tiêu đầu tiên trong tiến trình dân chủ hóa là tháo gỡ cho được cơ chế chính trị xã hội độc tài CS hiện nay.

Tham khảo:

- Discussion between Mao Zedong and Nguyen Thi Binh. (1972, December 29). <http://digitalarchive.wilsoncenter.org/document/113114>-
- Foot, R., Gaddis, J., Hurrell, A. (2003). Order and Justice in International Relations. *Oxford Scholarship Online*.
- Kuisong, Y. (2002). *Changes in Mao Zedong's Attitude toward the Indochina War, 1949-1973*. Woodrow Wilson International Center for Scholars.
- Zhai, Q. (2002). *China & The Vietnam Wars, 1950-1975*. University of North Carolina Press.
- Ladley, E. (2007) *Balancing Act: How Nixon Went to China and Remained a Conservative*. iUniverse Inc.
- Trương Quảng Hoa. *Hồi kí cổ vấn Trung Quốc*. Diendan.org.
- Jian, C. (1995). China's Involvement in the Vietnam War, 1964-69. *The China Quarterly* (142), 356-387.

LÃNH ĐẠO CSVN TRONG QUAN HỆ MỸ-TRUNG

Người dân Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, rất quan tâm đến vận nước nhưng đa số sống trong tâm trạng chờ đợi. Chờ đợi người yêu nước và nhiều khi cũng chờ đợi cả kẻ bán nước. Chờ đợi đồng minh và chờ đợi luôn kẻ thù. Mỗi tin tức chính trị là cơ hội để những người chờ đợi bàn thảo, suy diễn theo ước muốn và quan điểm chủ quan của mình. Chuyến đi của Nguyễn Phú Trọng gây nhiều bàn thảo trước khi y đi, phân tích khi y đến, dự đoán những gì sẽ xảy ra sau khi y về.

Nhưng rồi, cũng như bao nhiêu chuyến đi trước của các lãnh đạo CS, sẽ không có gì thay đổi cả. Ngoài Biển Đông, máu của ngư dân Việt Nam đã đổ và sẽ tiếp tục đổ. Trong lòng biển, nguồn dầu khí Việt Nam ngày càng bị vét cạn. Trên đất liền, tài nguyên thiên nhiên bị Trung Cộng khai thác sẽ còn tiếp tục bị khai thác.

Chuyến đi của Nguyễn Phú Trọng không tạo ra nên một thay đổi cấp bách và tức khắc nào trong bang giao Việt Mỹ và Việt Trung bởi vì thay đổi mang tính cách mạng không phải là mục đích của y.

Mục đích chuyến đi của Nguyễn Phú Trọng

Một số nhà phân tích cho rằng sự kiện Trung Cộng vào ngày 1 tháng 5, 2014 đã đưa giàn khoan HD-981 đến cách đảo Tri Tôn thuộc quần đảo Hoàng Sa chỉ 17 hải lý và cách đảo Lý Sơn, thuộc tỉnh Quảng Ngãi 120 hải lý trong khi cách đảo Hải Nam đến 180 hải lý, là điểm vượt giới hạn (tipping point) mà CSVN có thể chấp nhận. Hành động bành trướng một cách lộ liễu của Trung Cộng ít nhiều đã làm cho khuynh hướng chống Tàu gia tăng trong nội bộ lãnh đạo CSVN. Trung Cộng khôn ngoan tạm thời dời giàn khoan để làm dịu tình hình.

Giả thiết Trung Cộng nhận ra và dừng lại tại điểm vượt giới hạn, rồi những gì xảy ra trước sự kiện HD-981, hàng trăm vi phạm trắng trợn luật quốc tế, nghiêm cấm đánh cá, húc đụng tàu bè và tàn sát ngư dân Việt Nam của CSTQ chẳng lẽ là trong giới hạn và được lãnh đạo CSVN chấp nhận hay sao?

Hôm 18 tháng 7, 2015 Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại Hà Nội “Về nước cũng nhận được nhiều đánh giá, gọi điện hỏi, chúc mừng, cho đây là thành công rất lớn, gọi đây là cuộc gặp gỡ lịch sử, xem ông cộng sản Việt Nam đi ra nước ngoài thế nào mà đến Phòng Bầu dục ở Nhà Trắng, đối thoại với Tổng thống Mỹ, là việc chưa từng có trong lịch sử, mà lại là hai ông cựa thù.”

Mục đích hàng đầu của Nguyễn Phú Trọng đúng là “đến Phòng Bầu dục Nhà Trắng, đối thoại với Tổng thống Mỹ.” Rất đơn giản, không có gì phức tạp như nhiều người bàn tán. Nguyễn Phú Trọng muốn chứng tỏ cho thế giới và nhất là nhân dân Việt Nam thấy Mỹ đã thừa nhận tính chính danh của đảng CS. Lần đầu tiên một Tổng Bí Thư đảng CSVN đặt chân vào Tòa Bạch Ốc. Không lạ gì trước ngày đi, mấy trăm tờ báo và các hệ thống truyền hình, truyền thanh của đảng đều nhấn mạnh đến chuyện “thăm dò” theo cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen.

Tập Cận Bình, tháng Tư năm nay, 2015, đã dành cho Nguyễn Phú Trọng một buổi tiếp đón trịnh trọng ngoài sức tưởng tượng của y mặc dù trước đó đã từ chối tiếp y. Hình thức tiếp đón dù màu sắc bao nhiêu cũng không gây tiếng vang quốc tế nào vì cả hai đều là lãnh đạo của hai đảng CS. Như người viết đã trình bày trong bài trước, cách Hoa Kỳ tiếp đón Nguyễn Phú Trọng cho thấy Hoa Kỳ chỉ thừa nhận yếu tố CSVN trong xung đột Biển Đông chứ không phải thừa nhận tính chính danh lãnh đạo Việt Nam của đảng CS.

Đối với các đảng CS cầm quyền, tính chính danh vô cùng quan trọng. Tầm bình phong “giải phóng dân tộc” đã giúp cho các đảng CS ở châu Á tồn tại đến nay trong khi hầu hết các đảng CS châu Âu đều sụp đổ.

Sau biến cố Thiên An Môn, Đặng Tiểu Bình nhận ra rằng chỉ đề cao “tư tưởng Mác Lê” chẳng những không đủ mà còn là một đe dọa đối với chế độ. Để ngăn chặn các tư tưởng tự do dân chủ đang lan rộng trong giới trí thức trẻ, y chỉ thị phải chuyển hướng tuyên truyền từ chủ nghĩa Mác Lê sang chủ nghĩa dân tộc. Ngay cả đảng CSTQ cũng phải thay hình đổi dạng từ một đảng vô sản chuyên chính sang loại hình CS dân tộc. Các lãnh đạo CSVN đã và đang áp dụng gần như rập khuôn phương pháp tuyên truyền của CSTQ qua việc đưa vai trò của chính phủ nổi bật hơn vai trò của đảng và lừa gạt được khá nhiều người.

Trước ngày đi Mỹ, Nguyễn Phú Trọng đã vội vã sang Bắc Kinh triệu kiến Tập Cận Bình và trấn an y. Bản tuyên bố chung giữa Nguyễn Phú Trọng và Tập Cận Bình ký ngày 8 tháng Tư năm 2015 mang nội dung đầu hàng, thần phục. Người đọc có cảm tưởng văn bản này ký năm 1955 khi CSVN nhờ nhờ bình dưỡng khí Trung Cộng chứ không phải 2015.

Đọc toàn văn bản tuyên bố giữa Tập Cận Bình và Nguyễn Phú

Trọng, một người có chút ít kiến thức và nhận thức chính trị căn bản không khỏi ngỡ ngàng. Ngày nay, nhân loại đã bước đi một đoạn đường trên thiên niên kỷ thứ ba văn minh dân chủ mà Nguyễn Phú Trọng còn buông ra được những câu sặc mùi Diên An, Pác Bó như “tinh hữu nghị truyền thống Việt – Trung do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Mao Trạch Đông cùng các nhà lãnh đạo tiền bối hai nước đích thân vun đắp là tài sản quý báu của hai Đảng.” Y cũng không quên những lời nịnh bợ Trung Cộng một cách lặc lợng khi nhắc lại thời kỳ Mao còn mỗi đêm nã vài ngàn viên đại pháo sang các đảo Kim Môn và Mã Tổ như “ủng hộ quan hệ hai bờ eo biển Đài Loan phát triển hòa bình và sự nghiệp lớn thống nhất Trung Quốc, kiên quyết phản đối hành động chia rẽ Đài Loan độc lập dưới mọi hình thức.”

Chuyến đi Mỹ và nội dung những lời phát biểu Nguyễn Phú Trọng tại Mỹ nếu không phải toàn văn thì cũng đại ý đã được trình bày với Tập Cận Bình. Do đó, mặc dù rất nhạy cảm trước các biến cố ngoại giao gây bất lợi cho Trung Cộng, lãnh đạo Trung Cộng không bày tỏ một thái độ bất bình chính thức nào trước chuyến viếng thăm Mỹ của Nguyễn Phú Trọng.

Biết thế nhưng tại sao Obama vẫn tiếp Nguyễn Phú Trọng?

Tại sao không? Các lãnh đạo Hoa Kỳ tiếp bất cứ chính trị gia, lãnh đạo đảng, nhà nước nào phục vụ cho chính sách đối ngoại, trong trường hợp này là bao vây Trung Cộng, của Mỹ. Augusto Pinochet của Chile, Manuel Noriega của Panama, Emílio G. Médici của Ba Tây, Mobutu Sese Seko của Congo, Hosni Mubarak của Ai Cập, Samuel Doe của Liberia và một danh sách dài của các lãnh đạo độc tài đã từng được các tổng thống Mỹ bắt tay hay chào đón tại Phòng Bầu Dục, tòa Bạch Ốc.

Chưa đầy hai năm trước ngày Muammar Gaddafi và con trai của y Mutassim Gadaffi bị giết, tháng Tư 2009, bà Hillary Clinton đã

tiếp Mutassim Gadhafi tại Washington DC và ca ngợi việc tái lập quan hệ ngoại giao với kẻ đã từng bị TT Ronald Reagan gọi là “chó điên” nhưng cũng chính Hillary Clinton đã đùa giỡn với các phụ tá “Chúng ta Đến, Chúng ta Thấy, Hắn Chết!” (“We Came, We Saw, He Died!”) khi được báo tin Muammar Gaddafi bị quân cách mạng giết.

Mobutu Sese Seko, một trong những tên độc tài tàn ác nhất Phi Châu, có tài sản ước lượng 5 tỉ Mỹ kim do biển thủ suốt 32 năm cai trị Congo. Sau khi thăm viếng lãnh tụ CS Bắc Hàn Kim Nhật Thành về, Mobutu đã rập khuôn theo cách cai trị tàn ác của họ Kim. Y ra lệnh thay đổi tên đường, tên phố, quốc kỳ, quốc ca, và tháng 10, 1971 thay cả tên nước. Mobutu Sese Seko là một trong những nhà độc tài đã được đón tiếp trịnh trọng đến bốn lần (ba lần dưới thời Ronald Reagan, một lần dưới thời George H. W. Bush) tại Phòng Bầu Dục Tòa Bạch Ốc. Tuy nhiên, cũng chính phủ Mỹ năm 1993 đã từ chối cấp thông hành cho Mobutu vào Mỹ khi con cò chống Liên Xô tại Phi Châu đã không còn cần thiết.

Từ “Xoay trục Thái Bình Dương” (Pacific Pivot) đến “Tái cân bằng” (Rebalance) Á Châu của Mỹ

– **Thời TT Bill Clinton.** Các nhà chiến lược Mỹ đã thấy nhu cầu xoay trục sang Á Châu rất sớm. Sau Chiến tranh Lạnh, quyền lợi kinh tế thương mại đã được nâng lên ngang tầm với quyền lợi về an ninh quốc gia. Bộ trưởng Thương Mại Ron Brown dưới thời Bill Clinton đã tuyên bố “Quyền lợi thương mại hiện nay ngang mức với an ninh thế giới trong chính sách đối ngoại.” Thượng Đỉnh của Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương (APEC) vào tháng 11, 1993 tại Seattle tất cả thành viên của ASEAN, ngoại trừ Mã Lai, đều tham dự. Quan hệ mậu dịch hai chiều giữa Mỹ và các nước ASEAN vào 1996 đã lên đến 109 tỉ Mỹ kim, 57% cao hơn so với Trung Cộng và cao hơn so với Nam Mỹ hay so với Phi Châu.

Việc TT Clinton đồng ý tái lập quan hệ ngoại giao với CSVN vào tháng Bảy 1995 cũng là phần trong chiến lược xoay trục sang Á Châu của Mỹ. Tuy nhiên suốt thời kỳ của TT Bill Clinton, chính sách Mỹ đối với Trung Cộng đặt nặng trên các yếu tố kinh tế thương mại hơn là quân sự. Theo kết quả thăm dò của Gallup năm 1999, 47 phần trăm số người được hỏi cho rằng TT Clinton đã đi quá xa trong việc duy trì một quan hệ xây dựng với Trung Cộng.

– **Thời TT George W. Bush.** TT George W. Bush thuộc đảng Cộng Hòa và bộ tham mưu của ông là những Cộng Hòa bảo thủ. Chính sách đối ngoại của TT George W. Bush được tóm tắt bằng ba chữ ABC (Anything But Clinton) nghĩa là bất cứ chính sách nào ngoại trừ các chính sách đã được TT Bill Clinton theo đuổi. Suốt thời gian vận động ứng cử George W. Bush nhấn mạnh Trung Cộng là một đe dọa chiến lược đối với Mỹ chứ không phải là hợp tác chiến lược như TT Clinton biện hộ. Condoleezza Rice, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia và sau đó là Ngoại Trưởng thời TT Bush tố cáo “Trung Cộng đang thay đổi cán cân quyền lực theo ý họ.” Chỉ 100 ngày sau khi nhậm chức, TT George W. Bush tuyên bố “sẽ làm tối đa những gì để có thể làm để giúp Đài Loan bảo vệ chính họ” trong trường hợp bị Trung Cộng tấn công. Các tổng thống tiền nhiệm dù Cộng Hòa hay Dân Chủ đều tránh trả lời một cách dứt khoát như TT George W. Bush.

– **Trung Cộng “đục nước béo cò” sau biến cố 9/11.** Biến cố ngày 11 tháng 9, 2001 đã buộc chính phủ Hoa Kỳ đặt trọng tâm vào Trung Đông hơn là Á Châu Thái Bình Dương. Mỹ cũng cần hòa dịu với Trung Cộng vì muốn Trung Cộng nếu không ủng hộ Mỹ công khai tại Liên Hiệp Quốc và các diễn đàn quốc tế, ít ra cũng bằng lòng ngầm khi Mỹ phát động chiến tranh tại Iraq và Afghanistan. Chiến tranh Iraq là một cơ hội để Trung Cộng bành trướng Á Châu Thái Bình Dương. Yuan Peng, Giám đốc bộ phận

Mỹ thuộc Viện Trung Quốc về Quan Hệ Quốc Tế Hiện Đại thừa nhận “Chúng tôi nắm lấy cơ hội để cải thiện kinh tế, cải thiện các mối quan hệ với láng giềng và cải thiện quan hệ với Mỹ.” Gọi là “cải thiện các mối quan hệ với láng giềng” nhưng thực chất là Trung Cộng gây sự với hầu hết các nước trong vùng như Nhật Bản qua vụ xung đột đảo Senkaku vào tháng Chín 2010, bắn vào tàu đánh cá Philippines và kiểm soát Việt Nam một cách chặt chẽ hơn. Chính phủ Mỹ nghĩ rằng dù sao Trung Cộng nên hành xử với tư cách một cường quốc có trách nhiệm và giữ đúng lời cam kết mà Hồ Cẩm Đào “không chủ trương độc quyền bá chủ” Á Châu Thái Bình Dương. Thực tế đã trái ngược. Từ năm 2006, chi tiêu dành cho quốc phòng của Trung Cộng cao thứ năm trên thế giới và có mức gia tăng hàng năm cao hơn bất cứ quốc gia Tây Phương nào.

– **Thời TT Barack Obama.** Các chính sách dưới thời TT Obama bao gồm thỏa hiệp tự do mậu dịch với Nam Hàn (FTA), tham gia đàm phán TTP là bước tiếp tục đã được thực hiện từ thời TT George W. Bush. Chủ trương hiện đại hóa quân sự một cách cấp bách của Trung Cộng đã đặt ra cho các nhà làm chính sách Mỹ một chọn lựa phải cứng rắn và cụ thể hơn trước sự bành trướng quân sự của Trung Cộng.

Năm 2010 tại Hà Nội, Hillary Clinton, lúc đó là Ngoại Trưởng, tuyên bố mạnh mẽ Hoa Kỳ sẽ “chống lại việc bất cứ một quốc gia tranh chấp nào sử dụng vũ lực.” Cùng vào thời gian đó, để đánh dấu 15 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước, Hoa Kỳ gửi hàng loạt chiến hạm viếng thăm Đà Nẵng hay trong khu vực biển Đà Nẵng như hàng không mẫu hạm USS George Washington, khu trục hạm USS John S. McCain. Năm trước đó, khu trục hạm USS Blue Ridge USS Lassen, tàu bệnh viện USNS Mercy, hàng không mẫu hạm USS John C. Stennis và cả soái hạm của Đệ thất Hạm đội USS Blue Ridge cũng thăm viếng Việt Nam.

Mùa thu 2011 đánh dấu thời điểm chính quyền Obama đặt ưu tiên sự hiện diện quân sự của Mỹ tại Á Châu lên hàng đầu như đã khẳng định trong diễn văn trước Quốc Hội Úc tháng 11, 2011.

Mặc dù ngân sách quốc phòng Hoa Kỳ trong tài khóa 2011, 2012 bị cắt giảm nhưng có ảnh hưởng đến Lục Quân và Thủy Quân Lục Chiến nhiều hơn là Hải Quân. Điều đó cho thấy Á Châu-Thái Bình Dương đã được đánh giá cao trong quan điểm của các nhà chiến lược quốc phòng Mỹ. Khái niệm Trận chiến Không Hải (Air-Sea Battle) gọi tắt là ASB là một khái niệm chiến tranh mới do các chiến lược gia quốc phòng Mỹ đặt ra. Khái niệm này được nhắc đến lần đầu vào năm 2010 và là một trong những điểm được các nghị sĩ và dân biểu Hoa Kỳ quan tâm nhất. Chiến lược ASB nhắm vào hai đối tượng thù địch là Trung Cộng và Iran.

Sự kiện đưa máy bay thám thính tối tân nhất của Mỹ US P8-A Poseidon bay trên khu vực Trung Cộng đang xây đảo nhân tạo trên Biển Đông và khu trục hạm chiến đấu USS Forth Worth cũng tiến vào khu vực Trung Cộng cho rằng thuộc chủ quyền của họ là một thể hiện của phối hợp chiến lược ASB. Hôm 18 tháng Bảy, 2016 đích thân Đô đốc Scott Swift, Tàn Tư Lệnh Đệ Thất Hạm Đội Mỹ đã bay trên phi cơ thám thính U.S. P-8A Poseidon suốt bảy giờ trong Biển Đông. Phát ngôn viên Trung Cộng phản ứng nhẹ và xem đó là một sự kiện quân sự hơn là một biến cố ngoại giao và kêu gọi Mỹ không nên chọn phe trong cuộc tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông giữa Trung Cộng và các quốc gia khác trong vùng.

Chính sách bao vây, ngăn chặn (containment) của Mỹ đối với Trung Cộng

Liên Xô từng rất mạnh ở trung tâm nhưng yếu ở các vòng ngoài và đã dẫn đến tan vỡ khi các quốc gia vùng Baltic và Trung Á ly khai đòi độc lập. Các lãnh đạo Cộng sản Trung Quốc luôn bị ám ảnh với các những cuộc nổi dậy như Thiên An Môn có thể xảy ra

bất cứ lúc nào và bất cứ tại đâu trên lãnh thổ mệnh mông và dị biệt sâu sắc về kinh tế, văn hóa, xã hội. Và cũng giống như Liên Xô, lãnh đạo Trung Cộng buộc phải đáp ứng nhu cầu chuyển hóa tự nhiên của xã hội qua các đổi mới nhưng các lãnh đạo đảng cũng không thể biết trước giọt nước đổi mới nào sẽ làm tràn ly cách mạng dân chủ.

Các nhà chiến lược Mỹ dĩ nhiên chuẩn bị cho mọi khả năng sụp đổ của Trung Cộng nhưng dù khả năng nào, chính sách bao vây ngăn chặn tham vọng bành trướng của Trung Cộng vẫn là chính sách được hầu hết các tổng thống Hoa Kỳ đã và đang theo đuổi. Trong thời gian tới, Mỹ sẽ gia tăng áp lực, kể cả áp lực quân sự, từ bên ngoài để Trung Cộng một ngày sẽ tan vỡ từ bên trong, giống như các TT Hoa Kỳ từ Harry Truman đến Ronald Reagan đã thực hiện và thành công đối với Liên Xô.

Mỹ, Trung Cộng và Việt Nam là tam giác?

Vào tháng 6, 2015, trong bài báo trên The Diplomat “A Tipping Point in the US-China-Vietnam Triangle,” tác giả Alexander L. Vuving cho rằng quan hệ giữa Mỹ, Trung Cộng và Việt Nam đang thay đổi sâu sắc và ở trong thế tam giác.

Đánh giá Việt Nam dưới chế độ CS như là một quốc gia có tư thế độc lập không phản ảnh thực tế kinh tế chính trị của Việt Nam trong bang giao quốc tế. CSVN không có được vị trí của một chân kiềng hay chân vạc gì cả. Trung Quốc và Mỹ đều muốn làm thầy, làm chủ để sai khiến giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam thuận theo chính sách của họ hơn là một đồng minh thân cận.

Trong buổi tiếp xúc với “cử tri Hà Nội” hôm 18 tháng 7, 2015 Nguyễn Phú Trọng tuyên bố một cách đặc chí “Rất hay là vừa đi Mỹ về, thì Phó thủ tướng Trung Quốc cũng sang đây.” Nói vậy mà không biết mắc cỡ. Chẳng có gì hay. Việc Barack Obama tiếp

Nguyễn Phú Trọng là nằm trong chiến lược chống Trung Cộng bành trướng Á Châu cũng không khác gì khi Richard Nixon tiếp Sese Seko của Congo hay Ronald Reagan tiếp Samuel Doe của Liberia trong chiến lược chống Liên Xô bành trướng sang Phi Châu. Tất cả chỉ là những con cờ ngắn hạn của Mỹ.

Kết luận

Việt Nam hiện trong vị trí của một quốc gia đệm (buffer state). Bài học từ hai cuộc chiến Triều Tiên và Việt Nam cho thấy Trung Cộng bằng mọi cách sẽ giữ quốc gia đệm Việt Nam trong vòng lệ thuộc hay ảnh hưởng. Mỹ cũng biết Trung Cộng không dễ dàng thả lỏng Việt Nam nhưng với chính sách bao vây, Mỹ tiếp tục gây áp lực kể cả áp lực quân sự để đẩy Trung Cộng đến một thời điểm chín muồi cho sự tan rã từ bên trong.

Đành rằng nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc nhiều vào Trung Cộng với 30% nhập cảng, 12% xuất cảng, 25% du khách viếng Việt Nam, nhưng Trung Cộng không phải là nước không phụ thuộc vào ai. Khoan nhắc đến các yếu tố tham nhũng có tính đảng, chủ nghĩa dân tộc tai họa, tình trạng nhân quyền tồi tệ, ô nhiễm hàng đầu thế giới, chỉ riêng nền kinh tế suy thoái do giảm đầu tư nước ngoài, mức xuất cảng các sản phẩm kỹ nghệ nặng xuống thấp, mất cân đối trong các ngành sản xuất là những vấn đề mà các lãnh đạo Trung Cộng phải điêu đầu.

Giả thiết Việt Nam là một Nam Hàn, Singapore, Thái Lan, Mã Lai, Trung Cộng có thể vẫn tìm cách gây hấn, ăn hiếp nhưng không sai khiến các “lãnh đạo” như sai đầy tớ, muốn cho gặp thì gặp không muốn thì thôi như Tập Cận Bình đối xử với các lãnh đạo CSVN.

Ngoài Việt Nam, Trung Cộng chia sẻ biên giới với 13 quốc gia khác là Ấn Độ, Pakistan, Afghanistan, Tajikistan, Kyrgyzstan,

Kazakhstan, Mongolia, Bhutan, Nepal, Miến Điện, Nga, Bắc Hàn và Lào. Phần lớn các quốc gia này nhỏ hơn Việt Nam nhiều nhưng không có một lãnh đạo quốc gia nào phải châu chực, hầu hạ các lãnh đạo Trung Cộng như cách các lãnh đạo CSVN đã và đang làm.

Lý do Trung Cộng sai khiến lãnh đạo CSVN dễ dàng vì chúng biết rõ gan ruột của đàn em một lần phản trắc này xem quyền lợi của đảng lớn hơn, quan trọng hơn sự quyền lợi của đất nước. Duy trì quyền cai trị của đảng CS là mục tiêu tối thượng, chi phối toàn bộ chính sách đối nội và đối ngoại, ngắn hạn cũng như dài hạn của đảng CSVN.

Khi phân tích về quan hệ giữa Việt-Mỹ và Việt-Trung, nhiều nhà phân tích Tây phương bỏ sót một yếu tố có tính quyết định, đó là cơ chế chính trị. Nếu đi ngược dòng lịch sử Việt Nam cận đại, các nhà phân tích đó sẽ thấy cốt tủy của mọi xung đột chính là cơ chế chính trị CS.

Muốn đứng thế chân vạc, một quốc gia trước hết phải có vị trí độc lập trong tương quan về chính trị, kinh tế và quân sự quốc tế. CSVN không có được vị trí độc lập và sẽ không bao giờ có được vị trí độc lập khi nào đảng CS vẫn còn độc quyền cai trị Việt Nam. Để có một vị trí độc lập trong bang giao quốc tế và để tạo thế liên minh tin cậy chiến lược, Việt Nam trước hết phải là một quốc gia dân chủ.

Tham khảo:

- Wanli, Y. (2009). *Breaking the Cycle?: Sino-US Relations under George W. Bush Administration*. The National Institute for Defense Studies.
- *Pivot to the Pacific? The Obama Administration's "Rebalancing" Toward*

- Asia*. (2012, March 28). Congressional Research Service.
- Rabin, A. (2012, February 1). US-China Relations in the Bush Era – Strategic Partners or Competitors?
<https://inpecmagazine.com/2012/02/01/us-china-relations-in-george-w-bush-era-hu-jintao/>
 - MacKinnon, M. (2011, September 8). China's chance: How 9/11 played into Beijing's plans in Asia. *The Globe and Mail*.
<http://www.theglobeandmail.com/news/world/chinas-chance-how-911-played-into-beijings-plans-in-asia/article593666/>
 - George W. Bush on China.
http://www.ontheissues.org/George_W__Bush_China.htm
 - Kissinger, H. (2011). *On China*. The Penguin Press.
 - McMahon, R. (1999, February 15). *Limits Of Empire: The United States and Southeast Asia Since World War II*. Columbia University Press.
 - China's Maritime Disputes. Council on Foreign Relations.
[http://www.cfr.org/asia-and-pacific/chinas-maritime-disputes/p31345#//](http://www.cfr.org/asia-and-pacific/chinas-maritime-disputes/p31345#/)
 - Hillary Clinton Laughs About Killing Moammar Gaddafi.
http://www.realclearpolitics.com/video/2015/06/19/flashback_2011_hillary_clintonLaughs_about_killing_moammar_gaddafi_we_came_we_saw_he_died.html
 - Tổng bí thư: Phía Mỹ tiếp đón “vượt mức yêu cầu.” (2015, July 18). VnEconomy.
<http://vneconomy.vn/thoi-su/tong-bi-thu-phia-my-tiep-don-vuot-muc-yeu-cau-2015071801251242.htm>
 - Thông cáo chung Việt Nam – Trung Quốc. (2015, September 4). Nhân Dân.
<http://nhandan.com.vn/chinhtri/tin-tuc-su-kien/item/26031902-thong-cao-chung-viet-nam-trung-quoc.html>
 - Chinese State Media to Pacific Fleet: We Won't Be Pushed Around in South China Sea, (2015, July 20).
<http://foreignpolicy.com/2015/07/20/chinese-state-media-to-pacific-fleet-we-wont-be-pushed-around-in-south-china-sea/>

- Vuving, A. (2015, July 6). A Tipping Point in the US-China-Vietnam Triangle. The Diplomat. <http://thediplomat.com/2015/07/a-tipping-point-in-the-u-s-china-vietnam-triangle/>
- Pei, M. (2013, February 13). 5 Ways China Could Become a Democracy. The Diplomat. <http://thediplomat.com/2013/02/5-ways-china-could-become-a-democracy/>

MƯỜI LÝ DO NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÔNG CHÀO ĐÓN TẬP CẬN BÌNH

Sau khi cơn hờn giận HD-981 tạm thời dịu xuống, Tập Cận Bình, vào đầu tháng Tư, 2015, đã dành cho Nguyễn Phú Trọng một buổi tiếp đón trịnh trọng ngoài sự tưởng tượng của y mặc dù trước đó họ Tập đã từ chối tiếp y. Đáp lại ơn mưa móc, tháng Năm, 2015 đảng CSVN cũng sẽ tiếp đón Tập Cận Bình bằng những lễ nghi vô cùng trịnh trọng dù trên con đường biên giới mà hài cốt của hàng vạn thanh niên Việt Nam vẫn còn rơi rớt và trong vùng biển Việt Nam máu ngư dân vẫn ngày đêm đổ xuống trong tức tưởi âm thầm.

Rất nhiều lý do tại sao nhân dân Việt Nam không chào đón Tập Cận Bình, tôi chỉ tóm tắt 10 lý do tiêu biểu:

1. Truyền bá tư tưởng CS độc hại sang Việt Nam

Mặc dù máu của hàng vạn đồng bào Việt Nam đổ xuống trong cuộc chiến tranh chống Pháp phát xuất từ lòng yêu nước chân thành và trong sáng, cuộc chiến gọi là “chống Pháp giành độc lập” do CSVN phát động, về mặt chiến lược (lấy nông thôn bao vây

thành thị) và chiến thuật (biển người) đều hoàn toàn do Trung Cộng quyết định. CSVN chỉ biết thừa hành. Và để rồi, sau khi chiếm được nửa nước, tư tưởng CS và đường lối độc tài toàn trị dã man của Mao Trạch Đông được áp dụng một cách triệt để tại miền Bắc, cụ thể nhất qua các cuộc cải cách ruộng đất giết hại hàng trăm ngàn người dân vô tội.

Câu nói của Mao “Nhiệm vụ trung tâm và hình thức cao nhất của cách mạng là nắm lấy quyền lực thông qua đấu tranh võ trang và giải quyết vấn đề bằng chiến tranh” là tư tưởng chỉ đạo của đảng CSVN trong khi vạch định đường lối suốt hai cuộc chiến. Chiến tranh là phương tiện để đạt đến quyền lực chứ không phải giải phóng dân tộc như bộ máy tuyên truyền của đảng rêu rao.

2. Liên đới chịu trách nhiệm cho cái chết của hơn 3 triệu người Việt Nam

Cùng với đảng CSVN, Trung Cộng phải liên đới chịu trách nhiệm cho cái chết của hơn 3 triệu người Việt Nam trên cả hai miền trong giai đoạn từ 1955 đến 1975 dưới chiêu bài “Chống Mỹ cứu nước.” Cuộc chiến này thực chất chỉ nhằm bành trướng chủ nghĩa CS trên toàn lãnh thổ Việt Nam và mở rộng vùng an toàn biên giới phía Nam của Trung Cộng như chính Mao thừa nhận. Dưới mắt Mao Trạch Đông và các lãnh đạo Trung Cộng sau y, vị trí của Việt Nam không khác gì vị trí của Bắc Triều Tiên và Đài Loan. Ngoài ra, các lãnh đạo CSVN chỉ là những con cờ trong cuộc chạy đua của Trung Cộng để giành ảnh hưởng trong phong trào CS quốc tế với Liên Xô. Ngay cả khẩu hiệu “Chống Mỹ cứu nước” một thời là mệnh lệnh thiêu thân của hàng triệu thanh niên miền Bắc trước 30-4-1975 cũng phát xuất từ Trung Cộng trong chiến tranh Triều Tiên.

Bằng chứng là vào ngày 7 tháng 7 năm 1954, khi chưa có một người Mỹ nào đến Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tuyên bố “Hiện nay

đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ.” Câu nói đó nhái lại câu của Mao Trạch Đông khi nói về Mỹ.

3. Cướp Hoàng Sa và một phần Trường Sa của Việt Nam

Bất chấp luật pháp quốc tế, ngày 19 tháng 1, 1974 Trung Cộng đã đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Hải quân Việt Nam Cộng Hoà có 75 sĩ quan và binh sĩ hy sinh trong đó hộ tống hạm Nhật Tảo (HQ-10) có 63 người chết trong đó có hạm trưởng Nguyễn Văn Thà. Vào ngày 14 tháng 3, 1988, hải quân Trung Cộng đã bắn chìm 3 tàu, giết chết 74 binh sĩ Việt Nam ở phía nam bãi đá Gạc Ma.

Quốc Vụ Viện Trung Cộng, ngay sau đó, đã hợp thức hóa hành động cướp đảo này khi phê chuẩn thành lập thành phố Tam Sa bao gồm các đảo vừa chiếm được trên Biển Đông trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam mà chúng gọi là Tây Sa và Nam Sa.

4. Ủng hộ Pol Pot tàn sát dân Việt Nam

Chính Mao Trạch Đông, ngày 21 tháng 6, 1975 đã tuyên bố ủng hộ Pol Pot gây hấn với Việt Nam và sau đó viện trợ cho Pol Pot hàng trăm xe tăng, đại pháo và nhiều máy bay chiến đấu để chuẩn bị cho các trận đánh lớn có thể xảy ra. Trong giai đoạn này, Trung Cộng là đồng minh duy nhất của Khmer Đỏ. Pol Pot chủ trương chỉ cần một người Campuchia giết được ba chục người Việt, dân Campuchia sẽ tiêu diệt toàn bộ dân tộc Việt Nam.

Các cuộc đột kích vào đảo Thổ Châu, Phú Quốc, nhiều địa phương thuộc các tỉnh An Giang, Tây Ninh, đốt phá làng mạc, giết người, bắt cóc, bịt mắt thả sông của Khmer Đỏ trong giai đoạn 1977-1978 phát xuất từ chủ trương này.

5. Giết chết 30 ngàn thanh niên Việt Nam trong chiến tranh biên giới 1979

Ngày 17 tháng 2, 1979, Đặng Tiểu Bình xua khoảng từ 300 ngàn đến 500 ngàn quân, tùy theo nguồn ghi nhận, tấn công Việt Nam trong cuộc chiến gọi là Chiến Tranh Biên Giới Việt-Trung. Kết quả, hơn 30 ngàn thanh niên Việt Nam đã bị giết trong hơn ba tuần lễ chiến tranh xâm lược này. Trên đường rút lui, binh lính Trung Cộng được lệnh san bằng các thị xã, thị trấn mà Trung Cộng chiếm được, dùng thuốc nổ phá sập từ công sở đến bưu điện, từ bệnh viện đến trường học, từ chợ búa đến cầu cống. Cuộc chiến tranh biên giới là để thanh toán nợ máu xương giữa hai đảng CS, không dính dáng gì đến dân tộc Việt Nam nhưng nhân dân Việt Nam đã và đang phải trả bằng máu từ bao nhiêu thế hệ trước năm 1975 cho đến nay và chưa biết ngày nào mới trả hết nợ giùm cho đảng CSVN.

6. Phát động chiến tranh xoi mòn biên giới Việt Nam
Dù sở hữu một lãnh thổ bao la, các thế hệ lãnh đạo Trung Cộng vẫn hèn hạ tiếp tục phát động chiến tranh xoi mòn biên giới Việt Nam. Hàng loạt các trận xoi mòn biên giới đã xảy ra khi chiến tranh Việt Nam còn đang diễn ra trước 1975. Sau chiến tranh biên giới 1979, Trung Cộng tiếp tục các trận chiến xoi mòn như trận Cao Bằng năm 1980, Lạng Sơn và Hà Tuyên năm 1981, Vị Xuyên Hà Tuyên năm 1984, Lão Sơn Hà Giang năm 1984, Vị Xuyên lần nữa vào năm 1985 và năm 1986. Riêng trận Lão Sơn ngày 26 tháng Tư, 1984, theo lời kể của viên tư lệnh quân Trung Cộng mà người viết đã dịch từ China Defence vài năm sau đó, đã có 3700 binh sĩ Việt Nam bị giết. Thân xác họ, thay vì được trao trả cho phía Việt Nam hay chôn cất, đã bị đốt cháy bằng xăng dọc chân núi Lão Sơn trong lãnh thổ Việt Nam. Trung Cộng có thể khoác lác tuyên truyền về con số và cách chết của tuổi trẻ Việt Nam, nhưng Lão

Sơn rơi vào tay Trung Cộng là sự thật.

7. Ngang nhiên vi phạm các quy định của Công ước Luật biển 1982 và luật pháp quốc tế

Tháng 5, 2009 Trung Cộng trình lên Liên Hiệp Quốc bản đồ mới trong đó có “Đường lưỡi bò 9 đoạn” bao gồm bốn nhóm quần đảo, bãi ngầm lớn trên biển với khoảng 80% diện tích mặt nước của Biển Đông, chỉ chừa lại khoảng 20% cho tất cả các nước còn lại. Việt Nam, nếu căn cứ vào “đường lưỡi bò” của Trung Cộng, chỉ có bờ mà không còn biển. Dù lời tuyên bố không được quốc tế chấp nhận, Trung Cộng vẫn ngang nhiên tiến hành việc xây dựng các cơ sở không chỉ về hành chánh, y tế, du lịch mà cả phi đạo quân sự trong vùng biển Việt Nam. Từ đầu năm 2015, Trung Cộng đã tiến hành xây dựng 5 đảo nhân tạo chung quanh quần đảo Trường Sa với mục đích kiểm soát khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên hiện đang có 5 quốc gia tuyên bố chủ quyền trong đó có Việt Nam. Thái độ và hành động bá quyền của Trung Cộng vi phạm các quy định của Công ước Luật biển 1982 cũng như luật pháp quốc tế về hàng hải.

8. Tàn sát ngư dân Việt Nam

Trung Cộng thẳng tay tàn sát một cách dã man tầng lớp ngư dân Việt Nam vô tội trên những chiếc thuyền gỗ thô sơ và không một tác sắt trong tay. Những tên cướp biển nói tiếng Quan Thoại này trong 40 năm qua đã giết rất nhiều ngư dân vô tội. Trong thời kỳ Internet tương đối phổ biến, những tin tức như cái chết thảm thương của 9 ngư dân Thanh Hóa còn được biết đến nhưng 30 năm trước đó thì không ai biết. Không có một kết toán nào tổng kết bao nhiêu ngư dân Việt Nam đã chết dưới tay của hải quân Trung Cộng. Nỗi bất hạnh của ngư dân Việt Nam đã âm thầm hòa tan vào sự chịu đựng triền miên của dân tộc Việt Nam như máu của họ đã và đang hòa tan vào nước Biển Đông xanh thẳm.

9. Nuôi dưỡng tập đoàn lãnh đạo độc tài CSVN

Lãnh đạo Trung Cộng nuôi dưỡng một tập đoàn lãnh đạo độc tài CSVN đang tâm rước voi giày mả tổ. Lãnh đạo Trung Cộng hơn ai hết biết rất rõ tham vọng cố bám vào chiếc ghế quyền lực của giới lãnh đạo CSVN. Làm gì thì làm, nói gì thì nói, lãnh đạo CSTQ cũng hiểu hiện nay chỉ còn nắm đảng cầm quyền mang nhãn hiệu búa liềm. Nắm giữ CSVN về mặt lý luận tư tưởng không chỉ để bảo vệ cơ chế mà còn tránh sự sụp đổ dây chuyền trong trường hợp cách mạng dân chủ tại Việt Nam diễn ra trước. Về phía CSVN, chủ trương “hợp tác hỗ tương bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các quốc gia” của lãnh đạo CSVN phù hợp với ý muốn của Trung Cộng. Ngay cả các cường quốc Anh, Nhật, Pháp cũng không chủ trương “hợp tác bình đẳng” nói chỉ là những nước mang số phận nhược tiểu, sâu sau như Việt Nam. Lãnh đạo các nước nhỏ sợ dĩ vượt qua được những nhược điểm khách quan của đất nước họ bởi vì họ biết cách vận dụng chính sách đối ngoại của các cường quốc để phục vụ cho sự phát triển của đất nước.

10. Thiếu tư cách của một lãnh đạo

Tập Cận Bình không có tư cách của một lãnh đạo cũng như một con người với những nhận thức lịch sử tối thiểu để nhân dân Việt Nam có thể tha thứ và chào đón y. Lãnh đạo Trung Cộng tận dụng bộ máy tuyên truyền để đưa biến cố Tàn Sát Nam Kinh (Nanking Massacre) thành một trong những cuộc dân chủ vẫn phải đối đầu với các lãnh đạo Trung Cộng và vẫn gặp phải nhiều khó khăn, nhưng chắc chắn sẽ đối đầu với Trung Cộng trong cương vị một chính phủ hợp hiến, chính thẩm sát khủng khiếp nhất trong lịch sử loài người sau khi thành phố này rơi vào tay Nhật trong chiến tranh Hoa-Nhật lần thứ hai (1937–1945). Từ 1950 đến 2010, lãnh đạo các chính phủ Nhật đã 52 lần xin lỗi về các lỗi lầm do quân đội Nhật gây ra nhưng các lãnh đạo Trung Cộng vẫn chưa vừa ý. Nhật

Bản chỉ chiếm đóng Trung Hoa 9 năm còn Trung Quốc chiếm đóng Việt Nam hàng trăm lần lâu hơn thế. Các lãnh đạo Trung Cộng có bao giờ xin lỗi một cách chính thức dân tộc Việt Nam về bao nhiêu tội ác mà tổ tiên của Tập Cận Bình đã gây ra cho dân tộc Việt Nam trong suốt dòng lịch sử?

Với điều kiện địa lý chính trị hiện nay, Việt Nam dù có tự do danh của một nước có chủ quyền được quốc tế cảm tình chứ không phải đám lãnh đạo chỉ biết cúi đầu tuân phục thiên triều Trung Cộng như hiện nay. Nhưng dù sao đó cũng là chuyện ngày mai, còn hôm nay, nhân dân Việt Nam dứt khoát không có lý do gì để chào đón Tập Cận Bình.

NHÌN LẠI CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Tình thoảng tôi đọc trong Internet một vài lá thư có nội dung bày tỏ thái độ không đồng ý đối với một số chính sách của đảng và nhà nước, được gởi ra từ trong nước. Các tác giả của những lá thư đó tuy khác nhau ở tên họ, địa chỉ, nhưng chung dưới một tên gọi là "các cựu chiến binh lão thành."

Những lá thư như thế chắc không phải được viết bằng máy vi tính hiện đại như tôi đang sử dụng mà có lẽ bằng những cây viết có ruột cao su mềm, bơm mực bằng tay được cất giữ kỹ lưỡng từ lâu lắm. Nhìn vào tên tuổi và chức vụ, tôi biết các cụ thuộc thế hệ Điện Biên và không ít là người của thời mùa thu 1945 còn lại. Địa chỉ của các cụ tuy khác nhau nhưng giống như lá thư tập thể, phần đông sống trong các khu nhà cũng có tên chung là Khu Tập Thể.

Trong suốt bảy, tám mươi năm của đời mình, các cụ sống, làm việc và được rèn luyện để thừa hành chỉ thị của cấp trên chứ không quen đặt vấn đề, các cụ tập chịu đựng đau đớn chứ không được phép rên la. Và vì thế, viết một lá thư đã là một việc khó khăn, gởi lá thư đó đến các cấp đảng và nhà nước trung ương là một can đảm chưa từng nghĩ đến và phổ biến lá thư rộng rãi ngoài quần chúng

quả thật là một hành động phi thường.

Sơ với việc ôm ngọn tầm vông vót nhọn lao vào phòng tuyến thực dân trong những ngày còn trai trẻ, hành động viết lá thư gửi lên trung ương đảng ngày nay có thể còn nguy hiểm hơn nhiều. Những kẻ mà các cụ lo sợ sẽ trả thù, gièm pha, nghi kỵ không phải bọn thực dân mắt xanh, mũi lõ dễ phân biệt mà là những người cùng tổ chức, cùng đảng, cùng gọi nhau là đồng chí và ngay cả những kẻ còn thuộc hàng con cháu các cụ.

Tôi hình dung cái đêm các cụ tập trung nhau ở nhà một người nào đó trong nhóm để thảo lá thư, chắc phải bí mật, hồi hộp hơn cả giờ ra trận và xúc động hơn cả đêm cuối cùng bên cạnh vợ con trước ngày lên đường đi Lai Châu, Hà Nam, Hà Bắc không biết có ngày trở lại, của mấy chục năm về trước.

Các cụ lo sợ là phải. Những kẻ mà các cụ chống đối ngày nay, không những biết rõ nơi ăn chốn ở mà còn là người quyết định các chỉ tiêu lương thực, thực phẩm, tiền hưu trí, phụ cấp nhà ở của các cụ. Những kẻ đó không những nắm quyền sinh sát cho đoạn đời ngắn ngủi còn lại của các cụ mà cũng có luôn cả quyền xóa bỏ quá khứ mà các cụ vô cùng trân quý.

Tôi nghĩ đến các cụ và thương các cụ rất nhiều. Không phải sau khi đọc những lá thư được gửi từ các khu nhà tập thể, không phải sau khi đã ra được nước ngoài mà ngay cả từ thời mới lớn tại miền Nam trước 1975, hình ảnh các cụ vẫn rất đẹp trong lòng tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ tất cả những người Việt Nam sống bên kia sông Bến Hải là cộng sản, trái lại tin rằng ẩn khuất sau đám mây đen độc tài đảng trị đó vẫn có những tấm gương sáng của lòng yêu nước chân thành.

Dân tộc nào trên thế giới cũng yêu thương và gắn bó với đất nước của họ, nhưng tôi vẫn có một niềm tin chủ quan rằng con người

Việt Nam nặng lòng với quê hương đất nước nhiều hơn các giống dân khác. Bởi vì không có một đất nước nào, ở đó, mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông, mỗi con đường đã được gìn giữ bằng một giá đắt như ông bà chúng ta đã phải hy sinh trong suốt dòng lịch sử.

Những ngày còn ở trung học, tôi thuộc lòng bài thơ “Nhà tôi” của Yên Thao và “Bên kia sông Đuống” của Hoàng Cầm. Cả hai bài thơ được đăng trong tạp chí *Bách Khoa* ở Sài Gòn, trong đó có những câu làm tôi rơi nước mắt:

*Đêm buông xuống dòng sông Đuống
- Con là ai? Con ở đâu về?
Hé một cánh liếp
- Con vào đây bốn phía tường che
Lửa đèn leo lét soi tình mẹ
Khuôn mặt bừng lên như dựng giăng
Ngậm ngùi tóc trắng đang thấm kẻ
Những chuyện muôn đời không nói năng.
(“Bên kia sông Đuống,” Hoàng Cầm)*

hay là:

*Đêm nay tôi trở về lành lạnh
Sông sâu buồn lấp lánh sao lưa thưa
Ổng quần nâu đã vá mụn giang hồ
Chắp tay súng tôi mơ về Nguyễn Huệ
Làng tôi đấy bên trại thù quanh quẽ
Nằm im lìm như một nắm mỏ ma
Có còn không! Em hơi một mẹ già?
Những người thân yêu khóc buổi tôi xa.
(“Nhà tôi,” Yên Thao)*

Tôi thường tự nhủ, nếu được sinh ra cùng thời với các cụ và có đủ can đảm, con đường đẹp nhất mà tôi chọn có lẽ cũng là con

đường mà các cụ đã đi:

*Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy*
(“Đất nước,” Nguyễn Đình Thi)

Sau 1975, nghe bài hát “Tấm áo chiến sĩ mẹ vá năm xưa” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý viết trong thời chống Pháp, tôi cũng vô cùng cảm động: *“Tấm áo ấy bấy lâu nay con quý hơn cơm gạo, người mẹ nghèo trong áo rách, áo rách nên thương, áo rách nên thương, các con ra đi đã mấy chiến trường, mang theo cả tình thương của mẹ.”* Trong hình ảnh nghèo nàn, đau xót đó đã toát lên một vẻ đẹp thiêng liêng của tình mẹ và tình đất nước.

Trong một buổi thảo luận với các bạn trẻ, tình cờ trùng hợp với thời gian Việt Nam đang kỷ niệm 50 năm trận Điện Biên Phủ, một bạn đã hỏi cảm tưởng của tôi đối với những người ngã xuống trên phòng tuyến Điện Biên Phủ trên đường tấn công vào sào huyệt của tướng De Castries. Tôi đã trả lời người bạn trẻ rằng tôi rất có cảm tình và kính trọng những người chết trên đường đánh vào bộ chỉ huy của tướng De Castries.

Trả lời như vậy không phải vì tôi chưa suy nghĩ kỹ. Thật ra, từ khi biết nghĩ về đất nước, tôi đã suy nghĩ về cái chết của những người Việt Nam đó rất nhiều.

Khi nói cảm tình với những người chết khi tấn công vào Điện Biên Phủ không phải tôi không biết rằng trong thời điểm đó đã có mặt một chính phủ khác, hình thành như kết quả của hiệp ước Hạ Long 1948 và sau đó trong hiệp ước ký kết tại điện Élysée giữa Bảo Đại và Tổng Thống Pháp Vincent Auriol năm 1949. Theo nội dung chính của cả hai hiệp ước, Pháp công nhận “nền độc lập” của Việt Nam. Thật ra, đó chỉ là chiếc bánh vẽ mà dân Việt Nam chẳng thể nào ăn được. Sử gia Phạm Văn Sơn ở miền Nam đã viết trong

Việt sử toàn thư: "Nhưng sau 80 năm sống dưới quyền Pháp, nhân dân Việt Nam đã hiểu rõ người Pháp quá nhiều, lại nhìn vào Bảo Đại và thành phần chính của chính phủ Bảo Đại, nhân dân cũng hết tin tưởng, vì vậy mà cây bài quốc gia tức cây bài Bảo Đại không có hiệu quả."

Là một sĩ quan cấp đại tá, phụ trách phòng quân sử thuộc Bộ Tổng tham mưu quân đội Việt Nam Cộng Hòa, lẽ ra ông phải viết khác đi cho thích hợp với bối cảnh chính trị Việt Nam sau hiệp định Geneva, nhưng không, sử gia Phạm Văn Sơn đã có một cái nhìn sáng suốt. Ông viết từ trái tim yêu nước và viết cho hàng trăm năm sau chứ không phải để thoả mãn các nhu cầu chính trị nhất thời.

Đại tá Phạm Văn Sơn, người đã chết trong trại tù Vĩnh Phú năm 1980, đã ví các nỗ lực của thực dân nhằm tiêu diệt lòng yêu nước bền bỉ của nhân dân Việt Nam chẳng khác gì là việc "cầm dao chém nước," chẳng thể nào chẻ được lòng yêu nước của người Việt Nam.

Khi nói cảm tình với những người lính chết trên đường tấn công vào Điện Biên Phủ, không có nghĩa tôi không biết rằng ông Hồ Chí Minh là một cán bộ của Đệ tam Quốc tế Cộng sản và những người lãnh đạo phong trào Việt Minh phần lớn là đảng viên cao cấp của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Lenin đã khẳng định cuộc cách mạng chống thực dân là một bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới và cũng chính Lenin cho rằng các nước thuộc địa lạc hậu có khả năng nhảy vọt lên chủ nghĩa xã hội mà không cần thông qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản. Ngay từ ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, tư tưởng đó luôn luôn là tư tưởng chỉ đạo cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam.

Tôi kính trọng và quý mến những người đã ngã xuống, đơn giản bởi vì họ là những người yêu nước.

Tình yêu họ dành cho nơi chôn nhau cắt rốn là một tình yêu thuần khiết và vô cùng trong sáng. Lòng yêu nước của họ không nhập từ đâu cả nhưng được hun đúc bằng xương máu từ nhiều ngàn năm lịch sử, lớn lên trong lời dạy bảo của cha và lời ru của mẹ.

Trong cuộc phỏng vấn ngày 26 tháng 2 năm 2005 của đài BBC, nhà thơ Hoàng Cầm cũng đã xác nhận: *"Lúc ấy tôi còn trẻ (đỗ tú tài năm 1940), tham gia cách mạng là vì tinh thần yêu nước chứ cũng không biết gì về các chủ nghĩa. Tôi viết các vở kịch mang chất lịch sử, xuất phát từ lòng yêu nước."*

Một người như nhà thơ Hoàng Cầm, có bằng tú tài, một trình độ giáo dục được xem là cấp cao của thời bấy giờ, vẫn không biết gì về chủ nghĩa Mác-Lê thì hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu tâm hồn nông dân chơng chất Việt Nam khác làm sao hiểu được thế nào là duy vật lịch sử, duy vật biện chứng, giá trị thặng dư, thời kỳ quá độ và họ chắc cũng chẳng quan tâm đến các ông Các Mác râu xồm hay ông Lê-nin trán hói là ai.

Tôi tin tuyệt đại đa số những người đã chết trong cuộc chiến chống thực dân là những người hy sinh cho độc lập, tự do đúng nghĩa. Họ ngã xuống cho thanh bình sớm được văn hồi trên quê hương khổ đau và bất hạnh Việt Nam. Họ ngã xuống trong nụ cười, bởi vì ngay cả khi nhắm mắt lìa đời họ vẫn tin rằng họ đang chết cho tổ quốc, đang chết cho tương lai dân tộc như tổ tiên họ đã chết trên sông Bạch Đằng, trên bến Chương Dương, trong đầm Dạ Trạch, giữa núi rừng Yên Thế. Họ chết đi trong giấc mơ tuyệt đẹp về một đất nước tương lai, một đất nước của Hùng Vương thương yêu và giàu mạnh. Tuyệt đại đa số, nếu không muốn nói rằng tất cả, đều tin như thế.

Tôi không tin một người Việt Nam nào có thể lấy thân mạng mình lấp vào ổ súng thực dân hay lấy thân mình làm đòn kê để khẩu pháo khởi rơi xuống hố sâu chỉ để mong một ngày đất nước Việt Nam sẽ biến thành một thiên đường, ở đó con người làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu, muốn gì có nấy như đã khẳng định trong kinh điển Mác-Lê.

Không! Những nông dân Việt Nam yêu nước từ bỏ ruộng vườn ra đi theo tiếng gọi của non sông như một thời vang vọng từ Chí Linh, Lam Sơn, Bạch Đằng, từ bốn ngàn năm lịch sử. Họ đã từng ôm lấy nhau mà hát *"Vì nước, ruộng nương anh để vợ anh cày, gian nhà tranh mặc kệ gió lung lay... Áo anh rách vai, quần tôi có hai miếng vá, miệng còn cười buốt giá chân không giày, thương nhau, ta nắm lấy bàn tay."*

Không ai gần gũi với đất nước hơn là nông dân và cũng không ai yêu đất nước hơn người nông dân. Cả đời họ gắn liền với bờ ao, ruộng lúa. Họ đánh Tây chỉ vì một lý do đơn giản, để được sống thanh bình, tự do trong căn nhà tranh, bên bờ ao thửa ruộng của họ. Ý nghĩa của quê hương trong lòng người nông dân trong sáng như thế đó.

Và cho dù những người nông dân áo vải thô đó có tham gia vào đảng cộng sản đi nữa, việc tham gia của họ cũng chủ yếu là để được tổ chức hóa nhằm mục đích hợp đồng chiến đấu, đạt đến chiến thắng dễ dàng hơn mà thôi. Nếu họ sinh ra ở Quảng Nam họ sẽ gia nhập Việt Nam Quốc dân Đảng, sinh ra ở Quảng Trị họ sẽ gia nhập Đại Việt, sinh ra ở Cần Thơ, Vĩnh Long họ sẽ gia nhập Dân xã Đảng. Đó là trọng điểm của các đảng phái chống Pháp trong những thập niên đầu của thế kỷ 20.

Trong ý thức đơn sơ của người dân Việt, các tổ chức chống thực dân là những chiếc phao họ bám để sang bờ độc lập. Người dân hiền lành ngày đó làm sao biết được con đường họ đi không dẫn

đến độc lập, tự do, hạnh phúc mà dẫn đến nghèo nàn, lạc hậu, độc tài và làm sao biết được chiếc phao họ bám cũng là chiếc bẫy buộc chặt cuộc đời họ cho đến ngày nay.

Tôi sinh ra và lớn lên ở miền Nam nhưng tôi nhìn lịch sử từ hướng con tim và bằng lý trí chứ không nhìn từ điện Kremlin, White House, khu Trung Nam Hải Bắc Kinh hay bằng những kiến thức và lý luận một chiều. Tôi học để hiểu rằng cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh chính nghĩa. Đó là cuộc chiến giữa dân tộc Việt Nam bị trị chống lại thực dân Pháp bóc lột và nô lệ đất nước chúng ta. Cuộc chiến đó bắt đầu khi tiếng đại bác của tướng thực dân Rigault de Genouilly bắn vào Đà Nẵng năm 1859 chính thức phát động cuộc chiến tranh xâm lược cho đến khi chúng rút ra khỏi Việt Nam vào năm 1954.

Trong gần một trăm năm đó, máu của hàng triệu người Việt Nam đã đổ xuống khắp ba miền, từ ruộng lúa Tiền Giang đến châu thổ sông Hồng, từ Côn Đảo đến Réunion, từ dải Trường Sơn trùng điệp đến núi rừng âm u Việt Bắc. Bên tai tôi như vẫn còn nghe tiếng hô "Việt Nam vạn tuế" của Nguyễn Thái Học, lời dặn dò của Phan Chu Trinh, tiếng gào thống thiết của Nguyễn An Ninh, lá thư viết bằng máu của Phan Bội Châu, giọng thơ hùng tráng của Lý Đông A, tiếng sóng Châu Giang vỗ vào thân xác của Phạm Hồng Thái.

Người yêu nước bằng tình yêu trong sáng, không đánh thuê, đánh mướn cho một chủ nghĩa, một ý thức hệ ngoại lai vong bản hay cho một quyền lợi đế quốc nào sẽ không bao giờ chết, không bao giờ bị lãng quên.

Khoảng cách giữa thương nước và hại nước không phải là một chiếc cầu dài mà trái lại rất ngắn và mỏng như sợi tóc. Chiếc cầu nhận thức đó ngắn đến nỗi nếu chỉ bước thêm một bước nữa, một người yêu nước sẽ tức khắc trở thành kẻ bán nước.

Đó là thực chất của cuộc chiến gọi là "Chống Mỹ cứu nước" sau 1954 đến 30 tháng 4 năm 1975.

Nhiều người nhìn cuộc chiến Việt Nam như nhìn vào màu nước biển. Tùy theo thời gian và chỗ đứng của mỗi người, nước biển có một màu sắc khác nhau. Nhưng màu thật sự của giọt nước không thay đổi dù sáng, trưa, chiều, tối, trong bờ hay ngoài khơi. Tương tự, cuộc chiến Việt Nam đã được gọi bằng nhiều tên gọi: nội chiến, chống đế quốc, ủy nhiệm, đánh thuê v.v..., nhưng bản chất của cuộc chiến vẫn chỉ là một mà thôi. Như vậy, bản chất của cuộc chiến từ 1954 đến 1975 là gì?

Trong các định nghĩa về chiến tranh, tôi vẫn đồng ý với định nghĩa của Karl von Clausewitz nhất, "chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những phương tiện khác" (War is the continuation of politics by other means). Và từ định nghĩa đó, nhìn lại cuộc chiến Việt Nam, thay vì đi tìm nhãn hiệu quốc gia nào trên từng vỏ đạn, trên mỗi chiến xa hay thử nghiệm DNA, màu da, chủng tộc của từng xác chết, có lẽ chúng ta phải tìm hiểu nguyên nhân và mục đích của cuộc chiến đã xảy ra trên đất nước mình, không phải trong thời chiến mà ngay cả trước và sau cuộc chiến.

Nói về mục đích chiến tranh, khoảng năm 1970, tôi có đọc một cuốn sách của giáo sư Nguyễn Văn Trung. Tôi không nhớ chính xác tên của tác phẩm nhưng nhớ rất rõ giáo sư đã dành nguyên trang đầu để viết mỗi một câu: "Nói cho cùng, cuộc chiến Việt Nam vẫn là cuộc chiến tranh ý thức hệ." Câu nói đó kích thích sự tìm hiểu của tôi rất nhiều về bản chất và mục đích của cuộc chiến Việt Nam mà các bên tham dự đang nhắm đến.

Ở miền Nam, chúng tôi lớn lên với nhiều câu hỏi và rất ít câu trả lời, trong khi đó, thế hệ trẻ miền Bắc lớn lên có tất cả câu trả lời chờ sẵn mà không cần đợi hỏi. Nếu ai hỏi một trăm em, hay thậm chí một ngàn em học sinh Việt Nam tốt nghiệp phổ thông tại miền

Bắc về lý do của cuộc chiến tranh được mệnh danh là "giải phóng miền Nam," tôi tin người hỏi sẽ nhận về những câu trả lời giống hệt nhau, đó là "chống giặc Mỹ xâm lược để thống nhất đất nước."

Giặc Mỹ xâm lược?

Phải chăng vì "giặc Mỹ xâm lược" Nam Hàn, Nhật Bản, Đài Loan, Tây Đức nên ngày nay các quốc gia này mới trở nên những nước giàu có nhất nhì trên thế giới.

Thống nhất đất nước?

Vâng, không một người Việt Nam nào muốn cắt đi phần da thịt của mình hay muốn đất nước mình phải chia đôi, chia ba, nhưng nếu để đổi sự thống nhất bằng sinh mạng nhiều triệu người dân vô tội, nhiều trăm ngàn người Việt Nam vẫn còn đang mất tích, hàng vạn cô gái Trường Sơn đã đánh mất tuổi xuân trong rừng sâu núi thẳm, một nền kinh tế đi sau nhân loại hàng thế kỷ, phải chăng là một giá nên đổi?

Độc ác như Kim Nhật Thành nhưng sau cuộc thử lửa 1950 đã không còn nuôi giấc mộng xâm chiếm Nam Hàn lần nữa. Bạo chúa cỡ Erich Honecker cũng chưa bao giờ dám nghĩ chuyện phiêu lưu thống nhất nước Đức bằng con đường võ lực.

Trước 1975, tôi nghe rất nhiều về quốc gia, cộng sản nhưng ai cũng bận đánh nhau, chẳng bao nhiêu người dành thời gian nghiên cứu kỹ càng và phổ biến rộng rãi về thế nào là quốc gia và thế nào là cộng sản. Một số không ít các nhà lãnh đạo miền Nam từng là sĩ quan trong quân đội Pháp hay đã phục vụ trong chính quyền thuộc địa Pháp nên cũng không thích nghe quá nhiều những mẩu chuyện khơi dậy lòng yêu nước chống thực dân và cũng không đặt nặng việc xây dựng một hệ ý thức quốc gia dân tộc hoàn chỉnh. Một số người được gọi là trí thức trong xã hội miền Nam thì xem việc chống chính phủ, chống Mỹ là một thời trang,

mặc dù nhiều trong số họ ăn lương Mỹ.

Xã hội miền Nam trước 1975 hẳn nhiên không phải là một xã hội lý tưởng. Miền Nam có tham nhũng, có cậy quyền, có lũng đoạn, có độc tài, có tham ô, có lãng phí, nói chung có đủ các biến chứng tiêu cực của một đất nước vừa thoát ra khỏi ách phong kiến và thực dân. Nhưng đồng thời miền Nam cũng có các điều kiện và nhân tố cần thiết để xây dựng một xã hội dân chủ pháp trị. Giống như việc trồng cây ăn trái, những hạt mầm dân chủ cũng phải được gieo, phân bón, tưới nước, chịu đựng nắng mưa, gió bão, trước khi đâm chồi, nảy lộc, đơm hoa và kết trái.

Mặc dù đang chập chững trên hành trình dân chủ hóa như thế, không có nghĩa là hàng triệu người lính miền Nam chiến đấu không lý tưởng. Một người lính nghĩa quân gác chiếc cầu ở đầu làng để mấy anh du kích khỏi về giết sập cũng là một biểu hiện hùng hồn của lý tưởng tự do và chủ quyền. Chiếc cầu là huyết mạch kinh tế của làng, là trục giao thông chính của làng, là vẻ đẹp của làng, và bảo vệ chiếc cầu là nhiệm vụ sống còn mà người lính nghĩa quân phải làm cho bằng được. Lý tưởng tự do của một dân tộc dù thiêng liêng vĩ đại bao nhiêu cũng bắt nguồn từ những hình ảnh nhỏ nhoi nhưng đầy ý nghĩa đó.

Trong suốt 20 năm từ sau 1954, nhân dân miền Nam, không có một con đường nào khác hơn là phải chiến đấu để bảo vệ quyền được sống trong một xã hội họ đã chọn lựa.

Không ít nhà lãnh đạo miền Nam đã bắt đầu cuộc đời chính trị hay binh nghiệp trong hàng ngũ Pháp. Nhưng giống như hàng triệu người dân miền Nam khác, họ đã chung lưng nhau chiến đấu để bảo vệ quyền được nói những điều họ nghĩ, quyền được sống nơi họ muốn sống, quyền đi nhà thờ, đi chùa họ chọn, quyền được hát bài hát họ thích.

Dù quá khứ khác nhau nhưng họ đều ngã xuống như những người yêu nước. Đừng quên, những người bị gọi là "Ngụy," là "theo Tây," "theo Mỹ" kia không chỉ phải bảo vệ miền Nam mà còn phải chiến đấu trong điều kiện vô cùng khó khăn để giữ từng cù lao, từng khoảng không gian của vùng trời, từng hải lý của vùng biển Việt Nam. Hạt cát Hoàng Sa vẫn còn đỏ màu máu của họ.

Thế nhưng, số phận các quốc gia nhược tiểu thì ở đâu và thời nào cũng vậy, nếu tương hợp với quyền lợi của đế quốc thì sống và ngược lại thì chết. Bởi vì mục đích của Đảng Cộng sản Việt Nam rất tương hợp với quyền lợi của Liên-Xô và Trung Quốc nên "vinh quang này thuộc về Đảng Lao động Việt Nam" như Lê Duẩn nói, trong lúc nhiều cấp lãnh đạo miền Nam phải tự sát hay sắp hàng đi vào tù bởi vì quyền lợi của nhân dân miền Nam (chiến đấu để bảo vệ và xây dựng các nền móng tự do dân chủ riêng ở miền Nam) không còn tương hợp với sách lược thế giới của tổng thống Richard Nixon.

Thật ra, không phải đợi đến khi tổng thống Nixon thay đổi đường lối chiến tranh mới dẫn đến sự sụp đổ của miền Nam, chính sách của Mỹ tại Việt Nam đã thất bại ngay từ trong trứng. Đánh nhau với ba nước tiên phong và hùng hổ nhất trong khối cộng sản quốc tế (Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô) mà chỉ nhằm bảo vệ miền Nam Việt Nam thì sự thất bại là vấn đề thời gian mà thôi. Danh tướng Đức Erwin Rommel chẳng từng viết "Phòng thủ là tự sát" đó sao. Trong chiến tranh Đại Hàn, nếu quân đội đồng minh không đổ bộ lên Inchon, giải phóng Seoul, vượt vĩ tuyến 38, chiếm cả thủ đô Bình Nhưỡng của Bắc Hàn, mà chỉ lo phòng thủ miền Nam thì số phận Nam Hàn chưa biết sẽ ra sao.

Sau 1975, chính bí thư thứ nhất Lê Duẩn đã xác định cuộc chiến từ sau 1954 đến 1975 là chiến tranh ý thức hệ giữa cộng sản và tự do.

Trong diễn văn mừng chiến thắng vào đầu tháng 5 năm 1975, Lê Duẩn không còn che giấu tham vọng nhuộm đỏ cả nước Việt Nam khi tuyên bố: "Vinh quang này thuộc về Đảng Lao động Việt Nam quang vinh, người lãnh đạo của giai cấp công nhân, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội." Câu nói "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc..." đã trở thành một trong những câu khẩu hiệu phổ biến nhất trong thời kỳ đó.

Câu khẩu hiệu dài lòng thòng này đã làm tốn nhiều vải và mực nhất trong những năm sau 1975 mà người dân không có áo mặc. Ngoài ra, trong tác phẩm được xem như là kinh điển, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng*, Lê Duẩn cũng nhiều lần khẳng định mục tiêu cuối cùng của cách mạng tại Việt Nam là đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội hiện đại (công nghiệp, nông nghiệp và khoa học kỹ thuật), tạo điều kiện vững chắc cho chủ nghĩa cộng sản khoa học trong tương lai.

Nói chung, Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập vào năm 1930 cho đến nay, tuy khác nhau về chiến lược của mỗi thời kỳ và hoạt động dưới nhiều tên gọi nhưng hoàn toàn nhất quán về tư tưởng và mục đích chính trị.

Người đọc sẽ thắc mắc, thế thì công sức của Đảng Cộng sản trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp đầy gian khổ nhưng cũng rất vinh quang đó là gì?

Xin thưa, từ nhỏ tôi được dạy rằng khi giúp đỡ ai thì đừng cầu ơn phước, vì giúp người chỉ để mưu cầu lợi lộc riêng tư thì không phải giúp người mà chỉ là một hành động đầu tư trên sự khổ đau của kẻ khác mà thôi.

Từ khi thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương cho đến 1954, giới lãnh đạo cộng sản đã chiến đấu trong hàng ngũ người Việt yêu

nước, vàng, nhưng mục đích cuối cùng của họ không phải là độc lập dân tộc hay thống nhất đất nước. Bốn mươi năm, kể từ 1975, một khoảng thời gian đủ dài và một vết chém đủ đau để nhân dân Việt Nam ý thức ra rằng thống nhất đất nước chỉ là điều kiện làm tiền đề cho mục đích cộng sản hóa toàn cõi Việt Nam.

Hành động đốt sách vở một cách không phân biệt, xóa bỏ mọi tàn tích văn hóa cũ, đổi tiền năm bảy lượt, bỏ tù hàng trăm ngàn người, đày đi kinh tế mới hàng triệu đồng bào là những bằng chứng hiển nhiên đến mức không ai còn có thể chối cãi được. Nếu chỉ đánh Mỹ để giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, tại sao họ đã thi hành các biện pháp đẩy đoạ, trừng phạt, tẩy não vô cùng thất nhân tâm như đã làm sau 1975 đối với chính đồng bào máu mủ của mình?

Trong quan điểm đó, Đảng Cộng sản không có công trạng hay ơn nghĩa gì với dân tộc Việt Nam cả. Họ chỉ là những người cho vay lấy lãi nặng bằng máu xương của bao nhiêu thế hệ Việt Nam.

Hãy so sánh cách sống của những ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Trung ương đảng và cuộc đời của những người được gọi là "chủ nhân đất nước" đang lầy lắt dưới găm câu Long Biên để thấy cái mức lãi mà dân tộc ta phải trả cho Đảng Cộng sản Việt Nam cao đến bao nhiêu. Bất cứ người Việt Nam có một chút kiến thức kinh tế, chính trị và nhìn lịch sử một cách khách quan phải công nhận rằng, nếu không có ý thức hệ cộng sản, Việt Nam không những vẫn là một dân tộc thống nhất mà còn có đời sống tự do, dân chủ, nhân bản và giàu mạnh gấp trăm lần hơn hôm nay.

THÁNG TƯ: GỌI TÊN CUỘC CHIẾN

Ngày 23 tháng 3, 2017 vừa qua, Giáo sư Drew Gilpin Faust, Viện trưởng Viện Đại Học Harvard viếng thăm Đại học Fulbright Việt Nam. Nhân dịp này bà đọc một diễn văn tại Đại học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn. Phần khá dài của diễn văn, bà dành để nói về Chiến tranh Việt Nam, nội chiến Hoa Kỳ và hòa giải Nam Bắc Mỹ.

Trong suốt diễn văn bà Drew Faust không hề nhắc đến sự chịu đựng của người dân miền Nam Việt Nam hay nhắc đến Việt Nam Cộng Hòa (VNCH), chính phủ đại diện cho hơn một nửa dân số Việt Nam ngày đó.

Người viết không nghĩ bà dè dặt hay không muốn làm buồn lòng quốc gia chủ nhà. Nhưng giống như một số khá đông các trí thức Mỹ trước đây, sau 44 năm từ khi các đơn vị trực tiếp chiến đấu Mỹ rút khỏi Việt Nam vào tháng Ba năm 1973, bà vẫn chưa nhìn sâu được vào bản chất của cuộc Chiến tranh Việt Nam.

Việt Nam trong diễn văn của bà Drew Faust là Cộng Sản Việt Nam.

Bà Drew Faust không hiểu được trên con đường Việt Nam đầy máu nhuộm chạy dài suốt 158 năm, từ khi viên đại bác của Rigault de Genouilly bắn vào Sơn Chà, *Đà Nẵng* sáng ngày 1 tháng 9, 1859 cho tới hôm nay, nhiều triệu người Việt đã hy sinh vì độc lập tự do dân tộc. Đảng CS là một nhóm rất nhỏ, và chỉ ra đời vào tháng 3, 1930. Cộng Sản thắng chỉ vì họ có mục đích thống trị rõ ràng, dứt khoát, kiên trì và bất chấp mọi phương tiện để hoàn thành mục tiêu đã vạch ra.

Bà Drew Faust là người học nhiều, hiểu rộng. Chắc chắn điều đó đúng. Nhưng nghe một câu chuyện và cảm thông với những nạn nhân trong câu chuyện là một chuyện khác. Ngôn ngữ không diễn tả được hết nỗi đau và đôi mắt thường không thấy được những vỡ nát bên trong một vết thương.

Là một sử gia, bà biết lịch sử được viết bởi kẻ cưỡng đoạt không phải là chính sử. Chính sử vẫn còn sống, vẫn chảy nhưng chỉ được hiểu bằng nhận thức khách quan, tinh tế, chia sẻ với những tầng lớp người đang chịu đựng thay vì đứng về phía giới cầm quyền cai trị.

Một ví dụ về chính sử. Năm 1949 tại Trung Cộng, trong cuộc bỏ phiếu bầu chức vụ Chủ tịch Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, Mao tin tưởng tuyệt đối 547 đại biểu sẽ bỏ phiếu cho ông ta. Không, chỉ có 546 người bỏ phiếu thuận, nhà nghiên cứu triết học Zhang Dongsun bỏ phiếu chống lại Mao. Ông bị đày đoạ và chết trong tù nhưng lịch sử Trung Hoa ngày sau sẽ nhớ đến ông như một người viết chính sử Trung Hoa.

Việt Nam cũng thế. Chính sử vẫn đang được viết không phải từ những người đang đón tiếp bà mà bằng những người đang ngồi trong tù, đang bị hành hạ, đày ải, trấn áp dưới nhiều hình thức. Khát vọng độc lập, tự do, từ những ngày đầu tháng 9, 1859 ở Cẩm Lệ, Quảng Nam, nơi máu của Đô Thống Lê Đình Lý chảy xuống

cho đến hôm nay, vẫn cùng một dòng và chưa hề gián đoạn.

Nhân dịp tháng Tư năm 2017, người viết xin phân tích một số định nghĩa về nội dung của cuộc Chiến tranh Việt Nam. Bài này tổng hợp một số bài ngắn của người viết đã phổ biến trước đây.

Chiến tranh Việt Nam là Chiến tranh Ủy nhiệm (Proxy War)?

Chiến tranh ủy nhiệm (Proxy War) là cuộc chiến tranh mà các quốc gia bên ngoài, thường là cường quốc, không tham gia trực tiếp cuộc chiến nhưng qua hình thức cung cấp vũ khí, tài chánh cho các phe cánh, lực lượng trong quốc gia đó đánh nhau vì quyền lợi riêng của các phe nhóm này nhưng cũng tương hợp với quyền lợi của nước bên ngoài.

Chiến tranh đang diễn ra tại Syria thường được báo chí gọi là chiến tranh ủy nhiệm. Mỹ, Nga, Iran, Thổ, Anh, Pháp, Saudi Arabia và Qatar góp phần tàn phá Syria khi yểm trợ cho các phe nhóm, nhiều khi bất cần hành vi khủng bố của các phe nhóm này, để tranh giành ảnh hưởng và tài nguyên của vùng Trung Đông.

Không ít báo chí quốc tế và nhà nghiên cứu Chiến tranh Lạnh gọi chiến tranh Việt Nam trước khi Mỹ đổ bộ vào tháng Năm, 1965, là chiến tranh ủy nhiệm, trong đó Trung Cộng, Liên Xô một bên, Mỹ và đồng minh một bên.

Định nghĩa chiến tranh Việt Nam là chiến tranh ủy nhiệm chỉ đúng khi nhìn cuộc chiến từ quan điểm đế quốc dù là Mỹ, Liên Xô hay Trung Cộng chứ không phải từ vết thương, từ vị trí của nạn nhân buộc phải chiến đấu để sống còn như dân và quân miền Nam Việt Nam.

Như có lần người viết dẫn chứng, một người lính nghĩa quân gác chiếc cầu ở đầu làng để mấy anh du kích khỏi về giựt sập cũng là một biểu hiện hùng hồn của lý tưởng tự do và chủ quyền. Chiếc

cầu là huyết mạch kinh tế của làng, là trục giao thông chính của làng, là vẻ đẹp của làng, và bảo vệ chiếc cầu là nhiệm vụ sống còn mà người lính nghĩa quân phải làm cho bằng được.

Không ai “ủy nhiệm” anh lính Nghĩa Quân cả. Anh không bảo vệ chiếc cầu giùm cho Mỹ mà cho chính anh và bà con trong thôn xóm của anh. Lý tưởng tự do của một dân tộc dù thiêng liêng to lớn bao nhiêu cũng bắt nguồn từ những hình ảnh nhỏ nhoi nhưng đầy ý nghĩa đó.

Trong phần lớn chiều dài của cuộc chiến, quyền lợi của Mỹ ở Đông Nam Á và quyền lợi của VNCH tương hợp. VNCH đã nhận hầu hết viện trợ quân sự của Mỹ kể cả nhân lực nhưng không đánh thuê cho Mỹ như CS tuyên truyền.

Sau Thông Cáo Chung Thượng Hải năm 1972 và Hiệp Định Paris năm 1973, chính sách của Mỹ tại Đông Nam Á thay đổi, quyền lợi VNCH và Mỹ do đó không còn tương hợp nữa. Mỹ rút quân và cắt giảm viện trợ quân sự quá chênh lệch so với nguồn viện trợ quân sự CSVN nhận từ Liên Xô, Trung Cộng và phong trào CS Quốc Tế.

Cho dù cạn kiệt nguồn cung cấp, quân và dân VNCH vẫn chiến đấu và hy sinh cho tự do của họ, không phải chỉ sau Hiệp định Paris 1973, không phải đến ngày 30-4-1975 mà cả sau 30-4-1975, hôm nay và cho đến khi chế độ CS còn hiện diện tại Việt Nam.

Chiến tranh Việt Nam là Nội chiến (Civil War)?

Nhiều người chỉ nhìn vào mái tóc, màu da, khuôn mặt, chủng tộc, dòng máu và kết luận chiến tranh Việt Nam là nội chiến. Thật ra, mái tóc, màu da, khuôn mặt, dòng máu chỉ là hình thức.

Thế nào là nội chiến?

Theo các định nghĩa chính trị học, Nội chiến (Civil War) là cuộc chiến tranh giữa hai thành phần có tổ chức trong cùng một quốc

gia vốn trước đó thống nhất, mục đích của một bên là chiếm đoạt bên kia để hoàn thành ý định chinh phục lãnh thổ hay thay đổi chính sách nhưng không thay đổi thể chế.

Theo định nghĩa này, chiến tranh Nam-Bắc Mỹ là nội chiến, hoặc xung đột vũ trang giữa chính phủ da trắng và Nghị Hội Toàn Quốc Nam Phi (African National Congress) gọi tắt là ANC chống chính sách Phân biệt Chủng tộc tại Nam Phi là nội chiến.

Bắc Mỹ dưới sự lãnh đạo của TT Abraham Lincoln thắng cuộc nội chiến Mỹ nhưng chỉ thay đổi chính sách nô lệ, trong lúc cơ chế chính trị và chính phủ cấp tiểu bang gần như không thay đổi nhiều.

Tại Nam Phi cũng vậy. Sau cuộc đấu tranh dài dưới nhiều hình thức, cuối cùng ANC đã thắng nhưng cũng chỉ hủy bỏ chính sách Phân Biệt Chủng Tộc (Apartheid) tại Cộng Hòa Nam Phi nhưng không xóa bỏ nền kinh tế thị trường tư hữu. Không chỉ cựu Tổng thống de Klerk trở thành cố vấn của TT Nelson Madela trong suốt nhiệm kỳ mà nhiều viên chức trong chính phủ của de Klerk, các tư lệnh quân binh chủng, lực lượng cảnh sát quốc gia đều tiếp tục nhiệm vụ của họ.

Sau Hiệp định Geneva 1954, Việt Nam Cộng Hòa không có ý định chiếm đoạt lãnh thổ miền Bắc hay lật đổ cơ chế CS miền Bắc. Chính phủ và nhân dân VNCH hoàn toàn không muốn chiến tranh. Sau một trăm năm chịu đựng không biết bao nhiêu đau khổ dưới ách thực dân, mục đích trước mắt của nhân dân miền Nam là có được cơm no, áo ấm, có được cuộc sống tự do và xây dựng miền Nam thành một nước cộng hòa hiện đại.

Giấc mơ tươi đẹp của nhân dân miền Nam đã bị ý thức hệ CS với vũ khí của Liên Xô, Trung Cộng tàn phá vào buổi sáng 30-4-1975.

Sau khi VNCH bị cưỡng chiếm, đảng CSVN không phải chỉ thay

đổi về chính sách như trường hợp Mỹ hay Nam Phi mà thay đổi toàn bộ cơ chế. Nói theo lý luận CS đó là sự thay đổi tận gốc rễ từ thượng tầng kiến trúc chính trị đến hạ tầng cơ sở kinh tế bằng các phương pháp dã man không thua kém Hitler, Mao, Stalin.

Do đó, gọi chiến tranh Việt Nam là nội chiến chỉ đúng về hình thức, nội dung vẫn là chiến tranh của các chính phủ và nhân dân miền Nam chống ý thức hệ CS xâm lược.

Chiến tranh Việt Nam là "Chiến tranh chống Mỹ Cứu Nước"?

Stalin, trong buổi họp với Mao và Hồ Chí Minh tại Moscow giữa tháng Hai, 1950 đã phó thác sinh mạng CSVN vào tay Trung Cộng. Theo William J. Duiker trong *Ho Chi Minh: A Life*, Stalin nói với Hồ Chí Minh tại Moscow *"Từ bây giờ về sau, các đồng chí có thể tin tưởng vào sự giúp đỡ của Liên Xô, đặc biệt hiện nay sau thời kỳ chiến tranh, thặng dư của chúng tôi còn rất nhiều, và chúng tôi sẽ chuyển đến các đồng chí qua ngã Trung Quốc. Tuy nhiên vì điều kiện thiên nhiên, chính yếu vẫn là Trung Quốc sẽ giúp đỡ các đồng chí. Những gì Trung Quốc thiếu chúng tôi sẽ cung cấp."* Sau đó tới phiên Mao, y cũng lần nữa xác định với Hồ *"Bất cứ những gì Trung Quốc có mà Việt Nam cần, chúng tôi sẽ cung cấp."*

Theo Trương Quảng Hoa trong *Hồi ký của những người trong cuộc*, Hồ Chí Minh thưa với Mao trên xe lửa từ Liên Xô về Trung Cộng *"Mao Chủ tịch, Stalin không chuẩn bị viện trợ trực tiếp cho chúng tôi, cũng không ký hiệp ước với chúng tôi, cuộc chiến tranh chống Pháp từ nay về sau chỉ có thể dựa vào viện trợ của Trung Quốc."*

CSVN hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Cộng, không chỉ phương tiện chiến tranh, kinh tế, quốc phòng, hệ ý thức, cơ sở lý luận mà cả cách nói, cách ăn mặc, cách chào hỏi. Mao gần như đơn phương quyết định mọi hoạt động quân sự của Việt Minh kể cả việc chọn

ngày, chọn tháng cần phải chiếm Điện Biên Phủ.

Sau xung đột Eo Biển Đài Loan, và trầm trọng hơn, sau chiến tranh Triều Tiên với gần 400 ngàn quân Trung Cộng bị giết, trong số đó có Mao Ngạn Anh (Mao Anying), con trai trưởng và gần gũi nhất của Mao, từ đó kẻ thù lớn nhất của Mao Trạch Đông là Mỹ. Mao chỉ thị toàn bộ bộ máy tuyên truyền tại Trung Cộng phải chống Mỹ bằng mọi giá. Chống Mỹ từ xa, chống Mỹ ở gần, chống Mỹ trong lý luận, chống Mỹ trong thực tế, chống Mỹ khi có mặt Mỹ và chống Mỹ khi không có mặt Mỹ.

Tuân lệnh Mao, trong Hội nghị Lần thứ Sáu của Trung ương Đảng CSVN từ ngày 15 đến 17 tháng 7 năm 1954, Hồ Chí Minh và Bộ chính trị đảng CSVN đã nghĩ đến chuyện đánh Mỹ: “Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ.”

Khẩu hiệu “Chống Mỹ cứu nước” được thai nghén từ quan điểm và thời điểm này.

Nhưng “nước” trong khẩu hiệu “Chống Mỹ cứu nước” phải hiểu là nước Tàu chứ không phải nước Việt, lý do trong thời điểm này chưa có một người lính hay một cố vấn Mỹ nào ở Việt Nam. Hôm đó, ngay cả Hiệp định Geneva 1954 cũng còn chưa ký.

Với chỉ thị của Mao và kiên trì với mục đích CS hóa Việt Nam để ra từ 1930, vào tháng 5, 1959, Ban Chấp hành Trung ương đảng Lao Động sau khi biết rằng việc chiếm miền Nam bằng phương tiện chính trị không thành, đã quyết định đánh chiếm miền Nam bằng võ lực dù phải “đốt cháy cả dãy Trường Sơn” như Hồ Chí Minh đã nói. Gần hết đồng bào miền Bắc bị đảng lừa vào cuộc chiến “giải phóng dân tộc” và hàng triệu người đã uống phải viên thuốc độc bọc đường “chống Mỹ cứu nước” nên bỏ thây trên khắp

hai miền.

Lý luận chính phủ VNCH không thực thi “thống nhất đất nước” theo tinh thần Hiệp định Geneva chỉ là cái cớ tuyên truyền.

Thực tế chính trị thế giới của giai đoạn sau Thế Chiến thứ Hai là thực tế phân cực và sự chọn lựa của thời đại là chọn lựa giữa ý thức hệ Quốc gia và Cộng sản. Không chỉ các quốc gia bị phân chia như Nam Hàn, Tây Đức mà cả các quốc gia không bị phân chia như Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ v.v... cũng chọn thể đứng dân chủ Tây Phương để làm bàn đạp phát triển đất nước.

Giả sử, nếu có bầu cử để “thống nhất đất nước” và đảng CS thua, liệu họ sẽ giải nhiệm các cấp chính trị viên và sáp nhập vào quân đội quốc gia, giải tán bộ máy công an chìm nổi, đóng cửa các cơ quan tuyên truyền, từ chức khỏi tất cả chức vụ điều hành đất nước? Trừ phi mặt trời mọc ở hướng tây và lặn ở hướng đông điều đó không bao giờ xảy ra.

“Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng...”

Câu ca dao quen thuộc mà ai cũng biết. Đó là chưa kể đến mây xám, mây đen, mây hồng, mây tím trong thơ và nhạc. Nhưng mây màu gì? Mây thực sự chỉ là màu trắng. Màu mây thay đổi do ánh nắng mặt trời tùy theo mỗi khoảnh khắc trong ngày.

Cuộc chiến Việt Nam cũng vậy. Tên gọi của cuộc chiến khác nhau tùy theo quan điểm, góc nhìn, quyền lợi và mục đích, nhưng với nhân dân miền Nam, đó chỉ là cuộc chiến tự vệ của những người Việt yêu tự do dân chủ chống lại ý thức hệ CS độc tài toàn trị xâm lược. Không thấy rõ bản chất xâm lược của ý thức hệ CS sẽ khó có thể chọn con đường đúng để phục hưng Việt Nam.

ĐỪNG TUỔI NƯỚC LÊN GỐC CÂY RÃ MỤC

Giaó sư Tương Lai, trong bài viết *Vietnam's Overdue Alliance With America* đăng trong mục Ý Kiến của *Nytimes.com* và bản tiếng Việt *Những Cơ Hội Bị Bỏ Lỡ cho Một Liên Minh Việt Mỹ* do Liêm Nguyễn dịch đăng trên nhiều trang web tiếng Việt, đã lấy làm tiếc khi nhiều cơ hội đã bị bỏ qua cho một liên minh Việt Mỹ.

Lần đầu do cơ quan tình báo chiến lược Mỹ OSS (tiền thân của CIA) “giúp huấn luyện và thành lập đơn vị du kích Mỹ-Việt đầu tiên vào cuối năm 1944.” Và cơ hội khác khi TT Truman không phúc đáp các lá thư của Hồ Chí Minh “*bày tỏ lòng ngưỡng mộ của người Việt Nam*” đối với “*dân tộc Mỹ vì sự đấu tranh cho những lý tưởng cao đẹp của Công lý và Nhân đạo quốc tế, vì những thành tựu kỹ thuật hiện đại mà người Việt Nam cảm thấy bị lôi cuốn.*”

Tôi không dám phê bình trình độ chính trị học của giáo sư Tương Lai nhưng sẽ ngạc nhiên nếu ông thật sự tin rằng nếu lúc đó TT Truman đáp ứng lời kêu gọi của Hồ Chí Minh và quân đội Mỹ, giống như OSS từng làm, yểm trợ Việt Nam để phục hồi nền

độc lập, xây dựng đất nước thì Việt Nam đã là một quốc gia dân chủ, tự do chứ đâu phải bị nô lệ trong ý thức hệ CS và bị Trung Cộng đè đầu cưỡi cổ như hiện nay.

Giáo sư Tương Lai bỏ qua mối quan hệ “tuy hai mà một” giữa Hồ Chí Minh và đảng CSTQ như vô số tài liệu cho thấy và cũng không nhắc đến những khả năng gì sẽ xảy ra với liên minh Mỹ Việt sau khi CSTQ đã chiếm hết lục địa Trung Hoa năm 1949.

Quan điểm của giáo sư Tương Lai cũng có thể gây cho người đọc hiểu lầm rằng Hồ Chí Minh không hẳn là người Cộng Sản và chỉ trở thành người CS khi không có chỗ dựa nào khác trong cuộc chiến chống Thực Dân Pháp mà quên đi sự kiện chính Hồ Chí Minh từ tháng 2 năm 1920 đã “vui mừng đến phát khóc” khi đọc *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lenin.

Lý do TT Truman không đáp ứng thư của Hồ Chí Minh

Theo tài liệu lưu trữ trong văn khố Hoa Kỳ, tổng số gồm 11 lá thư Hồ Chí Minh gửi TT Truman, Ngoại trưởng James Byrnes và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Lá thư thứ nhất ký ngày 17 tháng 10 năm 1945 và lá cuối cùng vào ngày 28 tháng Hai năm 1946.

Ngày 12 tháng 9 năm 1946, George M. Abbott, lúc đó là Đệ nhất Tham Vụ Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Paris, đã điện đàm với Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên quan tâm hàng đầu của Hoa Kỳ vẫn là gốc gác của họ Hồ. Theo báo cáo của George M. Abbott cho đại sứ Hoa Kỳ tại Pháp, Hồ Chí Minh không thừa nhận ông ta là Cộng Sản.

Không những thế, ông Hồ còn chỉ ra cho George M. Abbott thấy “không một người nào trong nội các của ông ta là Cộng Sản.” Trong thực tế, các chức vụ then chốt gồm Chủ tịch (Hồ Chí Minh), Bộ trưởng Quốc Phòng (Võ Nguyên Giáp), Bộ trưởng Tài Chánh (Lê Văn Hiến), Bộ trưởng Tư Pháp (Vũ Đình Hòe) trong nội các liên hiệp kháng chiến đều do các đảng viên đảng CS hay đảng Dân

Chủ năm giữ.

Khi George M. Abbott hỏi có hay không có một đảng CS tại Việt Nam, Hồ Chí Minh thừa nhận là trước đây có nhưng đã giải tán mấy tháng trước rồi. Dĩ nhiên, như viết trong báo cáo, George M. Abbott cũng biết những câu trả lời của Hồ Chí Minh chỉ là những câu nói dối.

Ngày 12 tháng Ba năm 1947, TT Harry Truman xin quốc hội chuẩn chi ngân sách 400 triệu Mỹ kim để viện trợ vũ khí cho chính phủ Cộng Hòa Hy Lạp để đánh bại phiến loạn CS và để giúp hiện đại hóa quân đội Cộng Hòa Thổ Nhĩ Kỳ nhằm đối phó với đe dọa quân sự của Liên Xô. Ngăn chặn làn sóng CS trên phạm vi thế giới là trọng tâm của Chủ thuyết Truman (Truman Doctrine). Lẽ ra, những lá thư của Hồ Chí Minh là cơ hội hiếm hoi để Truman đóng nút sự bành trướng của chủ nghĩa CS ở Đông Nam Á qua ngã rung Quốc. Nhưng không. TT Truman không đáp ứng vì chính phủ Mỹ biết rõ rằng Hồ Chí Minh và đảng CS Việt Nam là một bộ phận Đông Dương của đệ tam quốc tế CS chứ chẳng quốc gia dân tộc gì.

Với đảng CS, việc thay tên đổi họ, từ một người hay thậm chí cả đảng, theo nhu cầu chiến lược mỗi thời kỳ là chuyện bình thường. Đảng CS tổ chức tinh vi và chặt chẽ đến mức dù dùng tên gì vẫn hoạt động thống nhất và tuân chỉ triệt để một cương lĩnh. Vào thời điểm 1946, trước khi CSTQ chiếm toàn lục địa Trung Hoa, nếu Mỹ viện trợ, Hồ Chí Minh sẽ nhận và nếu Mỹ lên tiếng phản đối Pháp, Hồ Chí Minh sẽ cảm ơn nhưng chắc chắn không bao giờ có chuyện “giải tán đảng CS” hay thành thật từ bỏ đảng CS.

Niềm tin tuyệt đối vào chủ nghĩa CS đã đóng đinh vào nhận thức của các tầng lớp lãnh đạo CSVN. Cộng sản hóa Việt Nam là canh bạc của đời họ. Dòng lịch sử đầy tang thương của đất nước diễn ra từ đó đến nay qua các đợt khủng bố tiêu diệt các đảng phái Quốc Gia, Cải Cách Ruộng Đất, đày ải nhiều trăm ngàn công nhân viên

chức VNCH, đưa đất nước vào ngõ tối độc tài lạc hậu đã cho thấy nhận định của chính phủ Truman về Hồ Chí Minh và đảng CSVN là đúng.

Năm 1954, vừa chiếm được nửa nước, chưa có một ngày ổn định và đời sống người dân miền Bắc còn quá sức nghèo, trung ương đảng CSVN đã nghĩ đến việc chiếm nửa nước còn lại. Có tổng tuyển cử? Tốt, đảng sẽ chiếm miền Nam mà không tốn nhiều xương máu. Không có tổng tuyển cử? Không sao, đảng vẫn chiếm miền Nam nhưng bằng súng đạn Nga, Tàu. Dù qua phương cách gian lận bầu cử, khủng bố cử tri hay phải “đốt cháy cả dãy Trường Sơn” mục tiêu toàn trị vẫn không thay đổi. Sinh mạng của nhiều triệu người Việt, tương lai bao nhiêu thế hệ Việt Nam, viễn ảnh một Việt Nam nghèo nàn thua sút phần lớn nhân loại không nằm trên bàn tính của Bộ Chính trị Trung ương Đảng CSVN.

Trung Cộng muốn gì?

Hôm nay, hoàn cảnh chính trị thế giới đã thay đổi. Việt Nam đang đứng trước một đế quốc thực dân mới và lần này là chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng. Như người viết đã phân tích trong các bài trước, Trung Cộng muốn Việt Nam:

Hoàn toàn lệ thuộc về cơ chế chính trị và tư tưởng.

Một phần không thể tách rời trong toàn bộ chiến lược an ninh châu Á của Trung Cộng.

Trung Cộng độc chiếm toàn bộ các quyền lợi kinh tế vùng Biển Đông bao gồm cả các vùng biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa đang tranh chấp.

Nội dung của mật ước Thành Đô không được công bố, tuy nhiên, các diễn biến kinh tế, chính trị và quốc phòng cho thấy ba điểm nêu trên là ba yêu sách chính mà Trung Cộng đã đưa ra trong các

phiên họp vào hai ngày 3 và 4 tháng 9 năm 1990 tại khách sạn Kim Ngưu, Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên.

Về mặt kinh tế chính trị: Khi thỏa hiệp bán nước Thành Đô vừa ký kết xong, ngày 25 tháng 2 năm 1992, Quốc vụ viện Trung Cộng thông qua “Luật Lãnh hải và vùng tiếp giáp” quy định lãnh hải rộng 12 hải lý, áp dụng cho cả bốn quần đảo ở Biển Đông trong đó có quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa). Ba tháng sau đó, Trung Cộng ký hợp đồng khai thác dầu khí với công ty năng lượng Crestone, cho phép công ty này thăm dò khai thác dầu khí trong thềm lục địa Việt Nam và hứa sẽ bảo vệ công ty Creston bằng vũ lực. Ngoài ra, Trung Cộng còn ra lệnh cấm đánh cá, thành lập các đơn vị hành chính cấp huyện tại Hoàng Sa và Trường Sa.

Về mặt quốc phòng: Việt Nam theo đuổi một chính sách quốc phòng “ba không”: (1) ***không tham gia các liên minh quân sự***, (2) ***không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào***, (3) ***không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia***. Đây là một chính sách quốc phòng tự sát vì chỉ có lợi cho Trung Cộng. Việt Nam là một nước nhỏ, và cũng chính vì là một nước nhỏ, những người lãnh đạo lẽ ra phải biết từng bước hội nhập vào cộng đồng nhân loại, biết nâng cao vị thế quốc gia trong bang giao quốc tế, biết linh động trong việc mở rộng các mối quan hệ song phương và đa phương, gần và xa để tạo thế đứng thuận lợi trong hòa bình và chiến lược trong chiến tranh.

Trong Thế Chiến thứ Hai, trong số 20 quốc gia châu Âu tuyên bố trung lập chỉ có 6 quốc gia là không bị lôi kéo vào chiến tranh. Sáu quốc gia này may mắn không phải nhờ Hitler tôn trọng lời tuyên bố mà chỉ vì không nằm trên trục tiến quân của các sư đoàn Panzer Đức, rất tốn kém để chinh phục như trường Thụy Điển hay vì vị thế chính trị có lợi cho khối trục mà không cần đánh chiếm như

trường hợp Tây Ban Nha dưới chế độ độc tài Francisco Franco.

Để làm nhẹ áp lực Trung Cộng, Việt Nam cần có liên minh. Vàng, nhưng liên minh được với Mỹ trong vị trí tương xứng với Nam Hàn, Nhật Bản chỉ là giấc mơ ngày. Mỹ có quyền lợi ở vùng Đông Nam Á và Nam Thái Bình Dương? Có. Mỹ có xung đột với Trung Cộng về ảnh hưởng kinh tế chính trị và cả quân sự trong vùng Đông Nam Á và Nam Thái Bình Dương? Có. Mỹ có phê bình, lên án chính sách bá quyền Trung Cộng đối với các nước nhỏ trong vùng Nam Thái Bình Dương? Có. Tuy nhiên, với quan hệ kinh tế tài chánh quá lớn và vô cùng phức tạp giữa hai cường quốc này như hiện nay, ngoại trừ xung đột sâu sắc, trầm trọng và trực tiếp về quyền lợi của Mỹ trong khu vực, Mỹ sẽ không can thiệp vào các tranh chấp song phương giữa Trung Cộng và Việt Nam hay Trung Cộng và một quốc gia nào đó của ASEAN. Trung Cộng hiểu được điều đó nên theo đuổi chính sách gặm nhấm từng mảnh nhỏ tài nguyên của Việt Nam, bao vây kinh tế Việt Nam, và tránh né việc quốc tế hóa các xung đột với Việt Nam và các nước trong vùng.

Nỗi sợ lớn nhất của Trung Cộng

Như người viết đã phân tích trong bài *Để thắng được Trung Cộng*, chính sách tuyên truyền thâm độc và bưng bít thông tin tuyệt đối tại Trung Cộng cho thấy mối lo sợ lớn nhất của lãnh đạo CSTQ là ánh sáng dân chủ. Trung Cộng không ngại mấy chiếc tàu ngầm kilo mà rất lo “sân sau” CSVN trở thành một nước dân chủ. Việt Nam có dân chủ trước Trung Cộng là cách tốt nhất để vô hiệu hóa sự lệ thuộc vào Trung Cộng về mặt cơ chế chính trị và tư tưởng. Độc lập chính trị là tiền đề dẫn đến độc lập chủ quyền lãnh thổ.

Với Trung Cộng, việc giải quyết xung đột lãnh thổ gắn liền với nhu cầu ổn định nội bộ. Theo nghiên cứu của M. Taylor Fravel

trong tác phẩm *Strong borders, Secure Nation: Cooperation and Conflict in China's Territorial Disputes*, trong thập niên 1960, lãnh đạo Trung Cộng nhân nhượng lãnh thổ với hàng loạt quốc gia nhỏ như Burma, Nepal, Mongolia, Bắc Hàn, Pakistan và Afghanistan chỉ vì họ cần tập trung vào việc ổn định vùng biên giới phía bắc sau cuộc xâm lăng Tây Tạng và giải quyết nạn đói sau chính sách *Bước tiến nhảy vọt* đầy thảm họa của Mao.

Con đường giành lại được Hoàng Sa và bảo vệ Trường Sa là con đường dài, đầy kiên nhẫn, khai thác mọi khó khăn, mọi nhược điểm của Trung Cộng, nhưng dù làm gì cũng phải bắt đầu từ độc lập về cơ chế chính trị. Không có con đường nào khác. Như người viết đã nhấn mạnh nhiều lần, một Việt Nam văn minh dân chủ với một nền kinh tế cường thịnh, một hệ thống khoa học kỹ thuật hiện đại là phương pháp hữu hiệu nhất để ngăn chặn không những Trung Cộng mà bất cứ một thế lực xâm lăng nào muốn thách thức đến chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Đừng hoài công tưới nước lên gốc cây ră mục

Ba mươi chín năm qua, không chỉ đất nước đứng trước ngã ba mà nhiều người Việt quan tâm cho đất nước cũng đang đứng trước ngã ba. Không ít người, ngoài miệng lớn tiếng phê bình đảng nhưng trong đáy lòng vẫn nghĩ chỉ có đảng CS mới thay đổi được hướng đi của đất nước. Vì thế họ mãi loay hoay, hy vọng, chờ đợi trong mỗi mòn một bình minh không bao giờ đến.

Thay vì tìm cách cứu đảng hãy chung lưng góp sức để đẩy mạnh cuộc cách mạng dân chủ được diễn ra và thành công trong hòa bình, thuận lợi, ít lãng phí tài nguyên dân tộc. Con đường dân chủ có thể làm cho một số người chưa quen cảm thấy ngỡ ngàng lúc ban đầu hay ngay cả gây ít nhiều đau nhức nhưng đó là con đường của thời đại. Hãy đi cùng dân tộc và thời đại. Ý thức hệ CS chưa bao giờ lỗi thời và lạc hậu hơn hôm nay. Đừng hoài công tưới nước vào

một gốc cây đang rã mục mà hãy dành để tưới lên những mầm xanh hy vọng của tương lai đất nước.

QUA CÁI CHẾT CỦA ÔNG LÊ HIẾU ĐĂNG, NGHĨ VỀ CHỌN LỰA CỦA HÔM NAY

Một người nữa vừa ra đi, ông Lê Hiếu Đăng. Trong tinh thần Phật Giáo những lời cầu nguyện “Siêu thăng Tịnh Độ” hay “Vãng sanh Cực Lạc” chẳng qua để an ủi người sống chứ không mấy may hiệu lực nào đối với người đã qua đời. Mỗi người trong cuộc đời này đều đang tự tìm nơi chôn cất mình và tự đào mộ cho chính mình. Chết về đâu và mộ như thế nào là do duyên nghiệp và tu tập của mỗi người quyết định, chẳng lời cầu nguyện nào làm thay đổi được.

Ông qua đời sau khi ông chính thức ra khỏi Đảng được hơn 40 ngày sau hơn 40 năm là đảng viên đảng CSVN. Lý do như ông viết *“Đảng Cộng sản Việt Nam bây giờ không còn như trước (đấu tranh giải phóng dân tộc) mà đang suy thoái biến chất, thực chất chỉ là đảng của những tập đoàn lợi ích, trở thành lực cản cho sự phát triển đất nước, dân tộc, đi ngược lại lợi ích dân tộc, nhân dân.”* Lời tuyên bố của ông Lê Hiếu Đăng mới được ông Hồ Ngọc Nhuận giải thích thêm *“Sau này Đảng mà ảnh đã vô đã phản bội lại lý tưởng của ảnh, của chính Đảng đó và lợi ích của dân tộc thì từ mấy chục năm*

nay anh thấy chuyện gì phản lại dân tộc, nhân dân thì anh luôn phản đối.”

Cả ông Lê Hiếu Đằng lẫn ông Hồ Ngọc Nhuận đều trách oan cho Đảng. Đảng CS chưa bao giờ nói họ là đảng được lập ra để “*đấu tranh giải phóng dân tộc*” hay đấu tranh vì “*lợi ích của dân tộc*” cả.

Điều lệ đảng 1935: “*Đảng Cộng sản Đông Dương, đội tiên phong duy nhất của vô sản giai cấp, tranh đấu để thu phục đa số quần chúng vô sản, lãnh đạo nông dân lao động và tất cả quần chúng lao động khác, chỉ huy họ làm cách mạng phản đế và điền địa (mưu cho Đông Dương được hoàn toàn độc lập, dân cày được ruộng đất, các dân tộc thiểu số được giải phóng), lập chính quyền Xô viết công nông binh, đảng dự bị điều kiện tranh đấu thực hiện vô sản chuyên chính, kiến thiết xã hội chủ nghĩa là thời kỳ đầu của cộng sản chủ nghĩa theo chương trình của Quốc tế Cộng sản.*”

Gần 60 năm sau, cương lĩnh đảng 1991, lần nữa khẳng định “*Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.*”

Tất cả các đảng CS trong phong trào CS thế giới trước đây cũng như năm nước Việt Nam, Trung Cộng, Bắc Hàn, Cu Ba, Lào còn lại có thể khác nhau ít nhiều về phương pháp thực hiện nhưng đều giống nhau trong mục đích theo đuổi.

Là một người đã từng dạy triết học Mác Lê ở trường Đảng như ông Lê Hiếu Đằng hay từng là Giám đốc chính trị của báo Tin Sáng

như ông Hồ Ngọc Nhuận, cũng như tất cả các ông bà lớn lên, học hành ở miền Nam, đã tranh đấu chống chế độ VNCH dưới quyền lãnh đạo của đảng CSVN đều biết mục đích cuối cùng của đảng CS không phải là giải phóng dân tộc Việt Nam và đảng CSVN cũng chưa bao giờ đồng hành với dân tộc. Hôm nay, khi gần hết nhân loại sống trong tự do dân chủ, mảnh đất đau thương hình chữ S này vẫn còn là một nhà tù của đảng CSVN và số phận 90 triệu người Việt Nam khốn khổ này vẫn còn là nô lệ của đảng CS.

Ông Lê Hiếu Đằng cần đến 40 năm để từ bỏ đảng CS mặc dù ông đã trải qua bao nhiêu đêm thao thức, dằn vặt khi mỗi ngày phải chứng kiến cảnh *“Dân chúng đói kém rên xiết. Các đợt cải tạo tư sản X1, X2 đã làm tan nát biết bao gia đình, làm dòng người vượt biên ngày càng nhiều và biết bao gia đình phải chết tức tưởi trên biển”* như ông đã ghi lại trong *Suy nghĩ trong những ngày nằm bệnh...*

Tại sao? Bởi vì một nỗi sợ luôn ám ảnh lấy ông.

Sợ CS trả thù? Có nhưng không phải là nỗi sợ lớn nhất, nỗi sợ lớn nhất là sợ chính ông.

Ông Lê Hiếu Đằng không đủ sức mạnh để tự chặt lấy cánh tay lầm lỗi của mình. Ông không đủ can đảm để kết án mình về những hành động sai lầm trong quá khứ. Ông không đủ tự trọng để gạch bỏ đi 40 năm đảng viên CS trong số 70 năm của cuộc đời mình. Ông Lê Hiếu Đằng chỉ hết sợ khi ngộ ra một điều rằng mình không còn sống lâu hơn nữa. Bốn mươi năm hay bảy mươi năm rồi cũng không khác gì nhau khi những cấu tạo hữu cơ làm nên con người ông đang dần dần tan rã. Có và không. Sinh và diệt.

Thế mới biết, con người ai cũng chết nhưng không phải ai cũng sống như biết mình sẽ chết cho đến khi sắp hắt lên hơi thở cuối cùng.

Đêm nằm trong giường bệnh hẳn là đêm trần trụi nhất trong đời ông và cũng là lúc ông thừa nhận “*Vấn đề là trước đây chúng ta chưa có đủ điều kiện, dữ liệu để nhận thức một số vấn đề sống còn của đất nước, nhưng hiện nay tình hình trong nước và trên thế giới đã thay đổi, vì vậy chúng ta phải nhận thức lại một số vấn đề trước đây. Nhận thức lại và dẫn thân hành động cho cuộc chiến đấu mới.*” Và “*Thật sự là Miền Nam đã giải phóng Miền Bắc trên tất cả các lĩnh vực nhất là kinh tế, văn hóa, tư tưởng....*” Ông Lê Hiếu Đằng hiểu những điều đó từ lâu nhưng chỉ viết ra khi biết mình sắp chết.

Ông ra đi “*thanh thân*” như một số bài viết nhắc tới không phải vì ông trả hết nợ, nhẹ hết trách nhiệm nhưng bởi ông hết sợ và không còn là đảng viên đảng CSVN. Ông Lê Hiếu Đằng, những bài viết cuối đời của ông, hành động từ bỏ đảng của ông là một bài học, một nhắc nhở cho những đảng viên CS còn sống.

Tám năm trước đó, nhà văn Nguyễn Khải cũng thế. Đêm 27 tháng 5, 2006 cũng là đêm trần trụi nhất của nhà văn sau khi chấm hết tùy bút chính trị *Đi tìm cái tôi đã mất* bằng câu “*Vì tiềm lực tinh thần của mọi cá nhân được vun xới, được phát triển trong tự do là nền tảng vững chắc nhất của mọi thiết chế chính trị. Vì còn nó ta có thể vững tin sẽ vượt qua mọi sóng gió bất thần của thời thế để mãi mãi tiến về phía trước.*” Cuối cùng, nhà văn đã “*vượt qua.*” Khi mất tất cả cũng là khi nhà văn tìm lại được cái tôi chân thật và cao quý của con người mình.

Trong những bài viết trước đây, tôi nhiều lần trách cứ các anh chị về các hành động trong quá khứ, cụ thể như trong bài *Những người đi tìm tổ quốc*: “*Trước 1975, các anh chị có quyền biểu tình, có quyền chống độc tài, chống tham nhũng, chống độc diễn nhưng khi bỏ đi sang hàng ngũ của những người ném lựu đạn vào quán ăn, pháo kích vào trường học, đặt mìn trên quốc lộ, các anh chị đã phản bội quyền sống trong hoà bình của nhân dân miền Nam. Giống như*

những đứa con lớn lên trong một gia đình nghèo, có bà mẹ bệnh tật, có người cha say rượu hay đánh đập con cái và còn một bảy em nhỏ dại. Thay vì khuyên răn người cha, săn sóc người mẹ, che chở cho đám em khờ, các anh chị lại bỏ đi, và chẳng những đã bỏ đi mà còn dắt kẻ gian về đốt phá nhà mình.”

Các anh chị yêu nước, nhưng tình yêu nước chỉ là tình cảm; còn yêu đúng hay sai, lý tưởng hay nông nổi thì lại khác. Những điều đó thuộc về lý trí và nhận thức. Tình yêu nước trong nhiều trường hợp là con dao hai lưỡi, được dùng để cứu non sông nhưng cũng dễ dàng tự đâm vào da thịt của chính mình. Các anh chị không thể tiếp tục tự bào chữa rằng theo CS chỉ vì lòng yêu nước và yêu nước thì không có tội. Thống chế Pháp Philippe Pétain, anh hùng dân tộc Pháp trong Thế Chiến thứ Nhất, cũng chẳng từng biện hộ rằng việc hợp tác với Hitler của ông ta phát xuất từ lòng yêu nước đó sao. Sau Thế Chiến thứ Hai, Philippe Pétain bị kết án tử hình, sau đó được giảm xuống chung thân và cuối cùng chết trong tù.

Trong những năm gần đây sinh hoạt của ông Lê Hiếu Đằng gắn liền với phong trào chống Trung Cộng bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nhưng chắc hẳn ông cũng biết đảng CSVN đối với Trung Cộng chỉ là một chư hầu. So sánh thái độ và phản ứng giữa Việt Nam và Philippines đối với sự ngang ngược của Trung Cộng trên Biển Đông sẽ biết ngay. Hôm 16 tháng 1, 2014 vừa qua, Bộ trưởng Hải Quân Philippines Voltaire Gazmin tuyên bố cứng rắn nếu cần chính phủ Phi sẽ dùng hải quân để bảo vệ tàu đánh cá Phi.

Việt Nam thì sao?

Các phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao CSVN từ mấy chục năm vẫn niệm mỗi một câu thần chú “*Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.*”

Mà dù muốn nói khác đi, lãnh đạo CSVN cũng không thể nói gì khi cái vòng kim cô Trung Cộng vẫn còn dính trên đầu. Việt Nam gần như không chuẩn bị đủ đang đối diện với hiểm họa diệt vong hậu quả của một cuộc chiến tranh phát sinh từ vùng Thái Bình Dương. Nếu chiến tranh là tai họa không tránh khỏi, Việt Nam vì lý do địa lý chiến lược, sẽ trở thành mục tiêu sớm nhất của Trung Cộng như số phận Áo, Tiệp trong nanh vuốt Hitler trước Thế Chiến thứ Hai.

Sam Rainsy một chính trị gia Campuchia nhưng rất hãnh diện mình thuộc gốc Hán, tuyên bố *“Trung Quốc là tương lai”* và y cũng đã từng kêu gọi quốc hội Campuchia ủng hộ chính sách của Trung Cộng đối với Hoàng Sa và Trường Sa: *“Để bày tỏ lòng biết ơn đối với Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã ủng hộ Cambodia nhiều chục năm, Cambodia phải hoàn toàn ủng hộ Trung Quốc qua chính sách Một Trung Hoa và bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia này.”*

Chưa bao giờ Việt Nam, một dân tộc nhỏ lại phải đương đầu với nhiều khó khăn quá lớn, bên trong bị cai trị bởi một đảng độc tài hèn với giặc ác với dân và bên ngoài nhìn đâu cũng toàn là kẻ thù đang rình rập như thế. Những khó khăn đó đã đặt ra cho tất cả những ai còn quan tâm đến tiền đồ đất nước một chọn lựa dứt khoát trước khi không còn cơ hội. Và chọn lựa của hôm nay phải là chọn lựa con đường tự do dân chủ.

Không có con đường nào khác.

Sau Thế Chiến thứ Hai chỉ có 30% nhân loại sống dưới chế độ dân chủ trong đó đa số là các quốc gia tư bản châu Âu, hiện nay trên 80% các quốc gia trên thế giới đang sống trong chế độ dân chủ tuy mức độ còn nhiều ít khác nhau. Dân chủ là một khái hoàn ca đang được thổi lên từ chiếc tù và của anh chẵn cừu trên thảo nguyên Mông Cổ cho đến mũi khoan đang ghim vào lòng đất của

người thợ mỏ Nam Phi. Như có lần tôi đã viết, chỉ có một Việt Nam văn minh dân chủ với một nền kinh tế cường thịnh, một hệ thống khoa học kỹ thuật hiện đại mới có thể ngăn chặn không những Trung Cộng mà bất cứ một thế lực xâm lăng nào muốn thách thức đến chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Trước 1975, người dân ở miền Bắc sống trong căn nhà không cửa sổ và trước mặt nhà chỉ có một con đường là đường ra mặt trận. Họ không có đủ thông tin để thấy được sự khác nhau giữa đảng và dân tộc, không nhận thức được sự mâu thuẫn đối kháng giữa mục đích của đảng CS và khát vọng độc lập tự do đích thực của dân tộc Việt Nam.

Từ đầu thập niên 1990 và nhất là sau khi hệ thống CS châu Âu sụp đổ, Đảng CSVN đã phải tự diễn biến (đổi mới) liên tục để tồn tại, cánh cửa sổ được mở ra, ánh sáng văn minh qua đó được chiếu vào và dù không muốn đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để những ai quan tâm đến tương lai Việt Nam có thể thể hiện quan điểm chính trị bằng tiếng nói và bằng hành động cụ thể.

Không ai cho rằng con đường dân chủ hóa Việt Nam là con đường tráng nhựa mà sẽ có nhiều gai góc, ổ gà, hầm hố nhưng đó là con đường mà thế hệ Việt Nam hôm nay phải dần bước lên đi. Không đi sẽ không bao giờ đến đích. Tổ tiên chúng ta đã vượt qua được những khó khăn trong thời đại họ và chúng ta hôm nay sẽ vượt qua được những khó khăn trong thời đại của chúng ta. Đây là thời điểm ngọn nến yêu nước chân chính phải được thắp sáng trong lòng mỗi người Việt Nam trong và ngoài nước.

Chúng ta có thể mang trên lưng những vết thương đau nhức khác nhau, những suy tư trăn trở riêng tư khác nhau nhưng chỉ có một đất nước để cùng lo gánh vác. Hãy sống vì tương lai của con cháu. Hãy xé thẻ đảng để đứng về phía đồng bào. Hãy chấm dứt những màn van xin và thỉnh nguyện. Hãy từ chối bổng lộc của đảng và

can đảm nói lên tiếng nói của khát vọng từ trái tim mình. Hãy sống như sẽ chết sáng mai. Đừng đợi khi quá gần với cái chết mới nói như các ông Nguyễn Khải, Lê Hiếu Đằng. Đành rằng yêu nước chẳng bao giờ quá trễ nhưng sớm vẫn tốt hơn.

KỸ THUẬT TUYÊN TRUYỀN “NGƯỜI THẬT CHUYỆN GIẢ” DƯỚI CHẾ ĐỘ CS

Sau loạt bài về tẩy não, một số độc giả nêu thắc mắc chế độ độc tài nào độc ác nhất trong lịch sử loài người, Đức Quốc Xã hay Cộng Sản. Câu trả lời tùy thuộc vào người được hỏi là ai. Với người Do Thái câu trả lời sẽ là Hitler, lý do chỉ vì họ không muốn nhân loại lãng quên Holocaust. Nhưng với phần lớn nhân loại, nhất là sau khi khối Liên Xô sụp đổ và nhiều tài liệu được công khai hóa, sẽ trả lời là Cộng Sản. Trước khi bàn đến kỹ thuật tuyên truyền “người thật chuyện giả,” người viết sẽ so sánh giữa tuyên truyền Đức Quốc Xã và chính sách tẩy não của CS.

Mặc dầu nhiều tài liệu chưa được bạch hóa hết vì vẫn còn năm quốc gia CS đang tồn tại, số lượng nạn nhân bị giết dưới các chế độ CS là 94 triệu theo ước lượng của Stéphane Courtois trong *The Black Book of Communism* hay 110 triệu theo kết toán của R.J. Rummel. Cả hai ước tính đều cao hơn The Holocaust nhiều lần. Cách giết người qua việc bỏ đói hàng triệu trẻ em tại Trung Cộng, Gulag tại Nga, bằng cuộc xéng tại Campuchia, cải cách ruộng đất

tại Việt Nam cũng tàn nhẫn và vô nhân không thua kém gì phương pháp lò thiêu sống của Hitler ở Auschwitz.

Lenin ít được đem ra so sánh với Hitler, Stalin hay Mao không phải y là người nhân đức nhưng chỉ vì chết sớm khi kế hoạch toàn trị Liên Xô chỉ mới bắt đầu. Nếu y sống lâu như Stalin rồi cũng không khác gì mà có thể còn độc ác hơn. Khi mới nắm quyền hành chính Lenin đã thiết lập ngay hai cơ quan phụ trách hai chức năng khủng bố và tẩy não.

Tên hung thần đầu tiên trong hệ thống khủng bố CS quốc tế là Felix Dzerzhinsky. Tên đồ tể khát máu này gốc Ba Lan nhưng là người thành lập cơ quan mật vụ Cheka khủng khiếp nhất tại Nga ngay sau khi Cách mạng Tháng 10 Nga, 1917. Sau khi một lãnh đạo tổ chức Cheka bị ám sát hụt tại St. Petersburg, Dzerzhinsky ra lệnh bắt 800 người và tất cả đều bị xử bắn không qua một phiên tòa nào. Chỉ trong vòng một tháng từ tháng Chín đến tháng Mười 1918, ước lượng đã có 10 ngàn đến 15 ngàn người bị giết. Danh từ “Khủng bố Đỏ” xuất hiện trong giai đoạn này.

Dzerzhinsky kiêm nhiệm hàng loạt chức vụ cấp bộ trưởng ngoài việc điều hành ngành an ninh Xô Viết. Y có năng khiếu về ngoại ngữ mặc dù học hành bị dang dở vì tham gia hoạt động CS. Dzerzhinsky bị tù nhiều lần trong đó có lần bị lưu đày tận vùng băng tuyết Siberia. Sau khi vượt thoát khỏi Siberia, Dzerzhinsky hoạt động cho đảng CS Đức. Là nhân vật nổi tiếng trong phong trào CS Đông Âu, sau 1917, Felix Dzerzhinsky thay vì hồi cư về Ba Lan đã quyết định ở lại Nga và được bầu vào đảng ủy CS thủ đô Moscow. Felix Dzerzhinsky chia sẻ quan điểm của Lenin về vai trò toàn trị của Soviet và là người đầu tiên nhận trọng trách thành lập cơ quan an ninh CS.

Thế nhưng, cánh tay khủng bố dù tàn bạo, sát máu bao nhiêu cũng không thể giữ được chế độ tồn tại lâu dài. Tim óc của chế độ

toàn trị chính là bộ phận tuyên truyền tẩy não. Tẩy não là một tiến trình xóa bỏ tận gốc rễ các nhận thức cũ bằng nhiều cách và trên đó xây dựng một hệ thống nhận thức mới. Cơ quan tuyên truyền Agitprop được Lenin thành lập và sau đó đổi tên thành Ban Tư Tưởng Trung Ương. Chỉ trong vòng hai năm, 1917 đến 1918, Agitprop đã phát hành 3600 mẫu bích chương tuyên truyền. Tại mọi cửa hàng, cửa sổ, đường phố, cơ quan, đâu cũng dán truyền đơn, bích chương, biểu ngữ tuyên truyền đập vào mắt, xoáy vào nhận thức người đọc. Nhiều đoàn xe lửa tuyên truyền chạy từ thành phố này sang thành phố khác phân phối truyền đơn, tổ chức những đêm văn nghệ tại những nơi xe lửa dừng.

Kỹ thuật tuyên truyền “người thật chuyện giả”

Trong xã hội CS, vô số “anh hùng” được dàn dựng, khác nhau về bố cục, tình tiết nhưng đều tuân theo một nguyên tắc: người thật chuyện giả. Một vài ví dụ điển hình là Hướng Lôi Phong, Huang Jiguang, Wang Jinxi, Shi Chuanxiang của Trung Cộng, Pavlik Morozov, Alexey Stakhanov của Liên Xô và vô số người thật chuyện giả ở Việt Nam. Cái chết của Nguyễn Văn Trỗi là một ví dụ quen thuộc của kỹ thuật tuyên truyền “người thật chuyện giả.”

Tố Hữu viết về cái chết của Nguyễn Văn Trỗi trong bài thơ *Hãy nhớ lấy lời tôi*:

*Anh thét to: "Ta có tội gì đây?"
 Chúng trói Anh vào cọc mấy vòng dây.
 Mười họng súng. Một băng đen bịt mắt
 Anh thét lên: "Chính Mỹ kia là giặc!"*

*Và tay Anh giật phắt mảnh băng đen
 Anh muốn thiêu, bằng mắt, lũ dê hèn
 Với cái chết. Anh muốn nhìn giáp mặt*

Như ngọn lửa không bao giờ dập tắt!

...

Anh thét lên: Hãy nhớ lấy lời tôi:

Đả đảo đế quốc Mỹ!

Đả đảo Nguyễn Khánh!

Hồ Chí Minh muôn năm!

Hồ Chí Minh muôn năm!

Hồ Chí Minh muôn năm!

Phút giây thiêng, Anh gọi Bác ba lần!

Súng đã nổ. Mười viên đạn Mỹ

Anh gục xuống. Không, Anh thẳng dậy

Anh hãy còn hô: "Việt Nam muôn năm!"

Máu tim Anh nhuộm đỏ đất Anh nằm!

Một người bị trói cả hai tay vào "cọc mấy vòng dây" mà còn tay nào để "giật phắt mảnh băng đen?"

Ngay cả khi bị "Mười viên đạn" "gục xuống" làm sao còn "đứng thẳng dậy" để hô?

Những câu chuyện hoang đường chỉ có trong đầu cuồng tín bệnh hoạn của Tố Hữu mà trong tuổi về già đã thú nhận với Trần Đăng Khoa trong *Chân Dung và đối thoại* rằng chính y đã nhét vào mồm Nguyễn Văn Trỗi: "Tôi cho cả Nguyễn Văn Trỗi hô: Hồ Chí Minh muôn năm. Mà hô những ba lần kia."

Bài thơ *Hãy nhớ lấy lời tôi* đầy nghịch lý, khinh thường hiểu biết của người đọc, phạm những lỗi lầm sơ đẳng, thế nhưng đã được đưa vào mọi sách giáo khoa. Những trò tuyên truyền bỉ ổi đó không phải chỉ trong thời chiến mà nửa thế kỷ sau khi nhân loại sống trong thời đại toàn cầu hóa 2014 này vẫn còn có những văn nô, bồi bút đem ra ca ngợi. Mấy tuần qua, nhan nhản trên các báo

đảng, bài thơ buồn cười đó cũng được đem ra học tập giống như trong thập niên 1960 ở miền Bắc.

Một ví dụ khác về kỹ thuật tuyên truyền “người thật chuyện giả” là “anh hùng Nguyễn Văn Bé”. “Anh hùng” này đã làm cả hệ thống tuyên truyền của đảng hồ to và có lẽ “liệt sĩ Nguyễn Văn Bé” là trường hợp duy nhất sau 1975 đảng gián tiếp thừa nhận chỉ là sản phẩm tuyên truyền.

Nguyễn Văn Bé là ai?

Theo cả hai nguồn tài liệu, Việt Nam Cộng Hòa và CSVN, Nguyễn Văn Bé sinh năm 1946 tại quận Châu Thành tỉnh Mỹ Tho trong một gia đình nghèo. Y tham gia các hoạt động CS tại địa phương và chính thức trở thành đoàn viên Đoàn Thanh Niên Nhân Dân Cách Mạng trực thuộc đảng Nhân Dân Cách Mạng (tên gọi của đảng CS khi hoạt động tại miền Nam Việt Nam). Nguyễn Văn Bé gia nhập bộ đội CS ở tuổi 19 và được giao trách nhiệm tải súng đạn. Vào năm 1966, trận đụng độ giữa quân đội CS và quân Mỹ, Bé bị bắt cùng với số vũ khí mà y đang tải vào ngày 30 tháng 5, 1966 tại kinh Cả Bèo, xã Mỹ Quý, tỉnh Kiến Phong.

Đến điểm này hai bên, VNCH và CSVN, đều tường thuật gần giống nhau. Theo bộ máy tuyên truyền CS phát ra từ Hà Nội, “anh hùng Nguyễn Văn Bé” dù bị tra tấn chẳng những không khai một lời mà còn phát biểu những câu nói bất hủ “*Tất cả hành động của Mỹ rồi cũng chẳng khác gì bong bóng của xà phòng sẽ bị nước sông cuốn đi.*” Cuối cùng, Nguyễn Văn Bé bị đưa đến một trung tâm gần xã Mỹ An. Tại đây, Nguyễn Văn Bé, sau khi nháy mắt ra dấu cho người thợ cày đứng gần để chạy ra xa, đã nâng 10 kí lô mìn Claymore khỏi đầu, miệng hô lớn “*Mặt trận Giải Phóng Miền Nam muôn năm, đả đảo đế quốc Mỹ*” trước khi đập mạnh khối mìn vào thành một chiếc tăng M113. Khối mìn nổ lớn và cả kho đạn bị nổ lây. Cũng theo bản tin của đài phát thanh Hà Nội, “16 lính Mỹ và

10 lính ngự” chết ngay tại chỗ, ngoài ra nhiều thương vong do đạn lạc gây ra sau đó. Tuy nhiên, một anh hùng như thế mà chỉ giết được “16 lính Mỹ và 10 lính ngự” thì quá ít nên trong những bản tin sau đó con số lính Mỹ chết được tăng lên 96.

Tức khắc khi câu chuyện được đăng trên báo Nhân Dân ở miền Bắc và các báo bí mật ở miền Nam, các cơ quan tuyên truyền bắt đầu chỉ thị học tập noi gương “chủ nghĩa anh hùng cách mạng” của “Liệt sĩ Nguyễn Văn Bé.” *“Sự hy sinh của anh không những được cả hệ thanh niên Việt Nam kính phục mà còn nhận được sự tán phục bởi tuổi trẻ toàn thế giới.”*

Bàn tay Nguyễn Văn Bé dùng để đập khối bom được báo đảng gọi là “bàn tay thiên tài.” Nhiều vở kịch được dựng ngay để diễn lại “hành động anh hùng” của Nguyễn Văn Bé. Một bài báo đảng cho biết sức mạnh của bàn tay Nguyễn Văn Bé chắc chắn được thúc đẩy bởi một lực huyền bí vì *“chẳng những giết ngay gần hàng trăm kẻ thù mà còn tạo nên một ảnh hưởng dây chuyền dẫn đến một phong trào làm theo anh hùng Nguyễn Văn Bé khắp cả nước.”* Nói chung, hình ảnh Nguyễn Văn Bé như ngôi sao mẫu nhiệm làm cả nước đều tin. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng thôi thúc con người miền Bắc. Nhiều thanh niên đã gác hết chuyện học hành, gia đình lại để tình nguyện vào Nam chiến đấu theo gương “anh hùng Nguyễn Văn Bé.”

Các cơ quan tuyên truyền địa phương tin chắc rằng Nguyễn Văn Bé đã chết.

Thật không may cho đảng, Nguyễn Văn Bé không chết. Anh đã đấu hàng, tình nguyện chiêu hồi và còn sống bình an. Các hình ảnh anh chụp với gia đình được báo chí phổ biến rộng rãi. Trên đài phát thanh, đoạn băng *“Tôi là Nguyễn văn Bé, hãy còn sống đây...”* được phát mỗi ngày khi bắt đầu chương trình. Nguyễn Văn Bé thật có dụng độ nhưng trận chiến chỉ kéo dài không đến 30 phút. Theo

báo *Time*, anh ta chưa bắn được một viên đạn mà đang trốn trong con kinh đào và bị nắm tóc kéo lên.

Để phản công trong trận chiến tuyên truyền, phía Việt-Mỹ đã in hơn 20 triệu truyền đơn, bảy triệu minh họa, 465 ngàn bích chương, 167 ngàn tấm hình Nguyễn Văn Bé, 10 ngàn bài hát và rất nhiều chương trình truyền thanh truyền hình nói về sự thật Nguyễn Văn Bé đã đầu hàng, hồi chánh và hiện sống bình an. Các cơ quan tâm lý chiến Việt Mỹ còn phỏng vấn cha mẹ Nguyễn Văn Bé và giúp đưa gia đình họ đến khu vực an toàn. Các cơ quan tuyên truyền của đảng CS phản ứng bằng cách tổ chức rầm rộ ngày kỷ niệm một năm “anh hùng Nguyễn Văn Bé hy sinh.” Các đài phát thanh, báo chí và cả báo chí Liên Xô cũng đăng bài thương tiếc “liệt sĩ Nguyễn Văn Bé.” Nhân dân miền Bắc lại tiếp tục tin rằng anh đã thật sự hy sinh.

Sau 1975, quả thật với một chiến công to lớn như vậy, Nguyễn Văn Bé không chỉ có tên đường mà phải một tên phố, một công viên mang tên anh. Nhưng không, bởi vì sự giả dối như thế quá trâng tráo và trắng trợn. Câu chuyện ngụy tạo Lê Văn Tám còn có thể im lặng vì thời gian xa nhưng Nguyễn Văn Bé vẫn còn mang tính thời sự, nhiều người trong thời đó còn sống, nhiều tác giả nhạc, văn, thơ còn chưa hết sượng sùng.

Tội ác của bồi bút và văn nô

Hiện nay hầu hết các “anh hùng xã hội chủ nghĩa” ở 15 nước cựu Liên Xô và các nước Đông Âu, một số bị chôn vùi trong tro bụi thời gian, một số chỉ còn xuất hiện trong các truyện tranh vui giải trí (comic book). Riêng tại Việt Nam, không chỉ các thế hệ măng non mà cả thanh niên, sinh viên còn phải học, phải tin vào những mẩu chuyện hoang đường một cách đáng thương và tội nghiệp. Dĩ nhiên không phải tại các em, những nạn nhân bất hạnh đã sinh ra và lớn lên trong xã hội lọc lừa. Ngoài chính phạm là đảng CS, tội ác

này còn có sự a tòng của đám văn nô, bồi bút, những kẻ chỉ vì chút bổng lộc đảng ban cho mà chịu cúi đầu làm tôi mọi, tiếp tay với đảng làm bằng hoại mọi giá trị đạo đức và tương lai dân tộc.

Người viết xin trích một số đoạn trong bài thơ *Tản mạn về thơ và đồng nghiệp* của nhà thơ Thái Bá Tân để kết luận cho bài viết này:

*Đất nước cần thần tượng?
Dạ, có ngay, có ngay.
Cần anh hùng? Rất dễ.
Anh hùng thì có đầy.*

*Thế là Lê Văn Tám,
Nguyễn Văn Bé trung kiên,
Rồi nhà tù Phú Lợi,
Rồi kéo pháo Điện Biên...*

*Rồi báo cáo, tổng kết,
Rồi thi đua, phê bình,
Cái việc ai cũng biết
Là lừa người, lừa mình.*

Tham khảo:

- Courtois, S., Werth, N., Panné, J., Paczkowski, A., Bartosek, K., Margolin, J. (1999, October 15). *The Black Book of Communism, Crimes, Terror, Repression*. Harvard University Press.
- Bocarnea, M., Osula, B. (2008). Edifying the New Man: Romanian Communist Leadership's Mythopoeia. *International Journal of Leadership Studies*, 3 (2), 198-211.
- Peacock, M. (2010). Broadcasting Benevolence: Images of the Child in

- American, Soviet and NLF Propaganda in Vietnam, 1964–1973. *The Journal of the History of Childhood and Youth*, 3(1), 15-38.
- Friedman, H. *The Strange Case of the Vietnamese “Late Hero” Nguyen Van Be*. <http://www.psywarrior.com/BeNguyen.html>
 - South Viet Nam: The Hero. (1967, March 17). <http://content.time.com/time/magazine/article/0,9171,836801,00.html>
 - Friedman, H. The Use of Music in Psychological Operations. <http://www.psywarrior.com/MusicUsePSYOP.html>
 - Sự thật về Nguyễn Văn Bé <http://vietnamsaigon75.blogspot.com/2013/07/lieu-si-nguyen-van-be-hy-sinh-nam-1966.html>
 - Christoph Giebel. (2004). *Imagined Ancestries of Vietnamese Communism: Ton Duc Thang and the Politics of History and Memory*. University of Washington Press.
 - Questioning of Lei Feng’s Frugality Leads to Detention. (2013, August 21). <http://blogs.wsj.com/chinarealtime/2013/08/21/four-detained-for-questioning-lei-fengs-frugality/>
 - Thái Bá Tân. (2012, September 4). *Tân mạn về thơ và đồng nghiệp*. Facebook.
 - Trần Đăng Khoa. (1998). *Chân Dung và Đối Thoại*. truyen.com

ĐẤT, BIỂN, ĐẢO, RỪNG, CÂY, CÁ, CHIM VÀ CƠ CHẾ CS

Các cuộc biểu tình trên khắp ba miền trong tháng Mười, 2016, đã gây ngạc nhiên và chú ý cho báo chí quốc tế. Các hãng tin lớn như Reuters, AFP, các báo lớn như The Wall Street Journal, Chicago Tribune v.v... đều loan tin khá chi tiết và xem đó như là sự kiện hiếm hoi. Người dân đã biết đứng lên đấu tranh cho quyền lợi của mình. Phong trào đã chứng tỏ cho đảng CS thấy thước đo của sự giận dữ và giới hạn của sự chịu đựng của người dân. So với vài năm trước, đây là một bước phát triển cao hơn của phong trào xã hội. Sự sụp đổ của Liên Xô cho thấy, bao nhiêu bom nguyên tử, mấy trăm ngàn công an chìm nổi cũng vô hiệu trước sức mạnh của nhân dân.

Những vết đen trong lịch sử của Formosa Plastics Group

Việc dư luận quy kết cho Formosa là một điều hợp lý vì lịch sử của công ty này đã có những hoạt động bất chánh như tham nhũng, hối lộ các viên chức địa phương chỉ vì mục đích lợi nhuận bất chấp sức khỏe và sinh mạng của con người. Từ khi thành lập vào năm 1954 cho đến nay, Formosa Plastics Group, một tập hợp

các công ty đa dạng sản xuất nhiều mặt hàng từ dầu khí cho đến gang thép, đã vi phạm luật pháp tại các quốc gia nơi Formosa Plastics Group đầu tư và công ty này nhiều lần bị phạt và bị kết án. Vụ thải cặn bã sản xuất có chứa chất thủy ngân (mercury) xuống vịnh Sihanoukville là một ví dụ.

Năm 1999, Formosa Plastics hối lộ các cấp lãnh đạo Campuchia để nhập vào 3 ngàn tấn phế thải có thủy ngân và thải xuống vịnh Sihanoukville. Cả ba làng Campuchia trong khu vực lần lượt chết. Theo điều tra của Human Rights Watch, các phế thải thủy ngân độc được đưa từ Đài Loan sang và nhập được vào Campuchia nhờ hối lộ, như chính Hun Sen ước lượng, khoảng 3 triệu Mỹ kim cho các viên chức hải quan.

Gọi đúng là Formosa Ha Tinh Steel Corporation, tên tiếng Việt là Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh, viết tắt là FHTS) là một nhà máy gang thép được thiết lập tại Khu Kinh Tế Vũng Áng với tài trợ của Tổng Công Ty Formosa Plastics Group đặt bản doanh tại Đài Loan với cổ phần lớn thuộc Trung Quốc.

Formosa Ha Tinh

Formosa Ha Tinh được thành lập năm 2008 nhằm sản xuất gang thép trên vùng đất rộng 3,300 mẫu, tức 33 kilômét vuông, thuộc quận Kỳ Anh, Hà Tĩnh và gần cảng sâu Vũng Áng. Vốn đầu tư ban đầu ước lượng là 22 tỉ Mỹ kim nhưng theo nhiều nguồn tin mới, số vốn đầu tư có thể lên đến 28 tỉ Mỹ kim với những lò luyện kim sau khi hoàn thành có thể sản xuất 7.5 triệu tấn thép một năm.

Rất nhiều tác giả đã phân tích về nạn cá chết tại các tỉnh miền Trung Việt Nam. Bài viết này chỉ tập trung vào ảnh hưởng của cơ chế chính trị trong việc giải quyết các tai họa do con người hay thiên nhiên tạo ra. Trong lúc không thể ngăn chặn được tai họa,

cách giải quyết của chính phủ đóng một vai trò quan trọng trong công việc cứu giúp, điều tra nguyên nhân và xây dựng lại từ trên điều tàn đổ nát do tai họa gây ra.

Đáp ứng của lãnh đạo các chính phủ dân chủ trước các tai họa

Trên bàn của Tổng thống Harry Truman có một phương châm được in trên tấm bảng chỉ dài 13 phân tây nhưng rất nổi tiếng: “The buck stops here.” “The buck” tiếng Anh có nghĩa là tấm bảng hiệu xác định ai là nhà cái trong một trận xì tố (Poker). TT Truman sử dụng nhiều lần thành ngữ này để xác định trách nhiệm của lãnh đạo một quốc gia, và như ông nói, không thể sang đến tay bất cứ một người nào khác.

Từ đó đến nay, phương châm này rất nổi tiếng và phổ biến ở Mỹ. Mới đây TT Barack Obama cũng sử dụng “The buck stops here” để nhận lãnh trách nhiệm sau thất bại của chính phủ Dân Chủ đã để đảng Cộng Hòa chiếm đa số trong Hạ Viện Hoa Kỳ. Không chỉ ở Mỹ Hoa Kỳ mà trong mọi quốc gia dân chủ với tam quyền phân lập, vai trò của hành pháp có trách nhiệm cuối cùng trong điều hành đất nước và phản ứng nhanh hay chậm của chính phủ có ảnh hưởng tối hậu trong việc giải quyết tai họa.

Vài ví dụ: Cơn bão “Katrina” bắt đầu vào đất liền sáng thứ Hai, ngày 29 tháng Tám, 2005 và tàn phá các tiểu bang Mississippi, Louisiana của Hoa Kỳ. Mặc dù đang đi nghỉ hè, ngay trong lúc bão còn đang hoành hành, 11 giờ trưa hôm đó, TT George Bush đã họp báo và hứa sẽ làm tất cả để cứu giúp nạn nhân. Bốn ngày sau, tiền bạc và vật dụng cứu trợ đã trên đường đến các vùng bị thiệt hại. Chính phủ Hoa Kỳ xuất quỹ 120 tỉ Mỹ kim để cứu giúp nạn nhân.

Nước Mỹ giàu quá, hãy dùng Chile, một nước nghèo, làm ví dụ để xem lãnh đạo quốc gia này phản ứng thế nào trước trận động đất có cường độ 8.8 đã xảy ra ngày 27 tháng Bảy, 2010. Tổng thống

Michelle Bachelet được thế giới ca ngợi về cách bà đã đáp ứng với trận động đất. Bà ra lệnh tức khắc khai quang mọi phi trường và khai thông các xa lộ dẫn vào vùng bị động đất. Nhờ đó, chỉ trong vòng mười ngày, 90 phần trăm nhà cửa trong các vùng động đất đã có điện trở lại và nửa triệu dân sống sót có đủ nước uống. Những xe tải lớn chở đồ viện trợ và các hàng hóa đến tận tay nạn nhân. Giống như trường hợp Tổng thống Bush, TT Michelle Bachelet cũng bị nhân dân phê bình phản ứng chậm nhưng các chuyên viên động đất cho rằng để đánh giá một cách khách quan, TT Michelle Bachelet đã đáp ứng một cách hiệu quả.

Đáp ứng từ các lãnh đạo độc tài CS

Động đất tại Nepal

Nepal là một quốc gia vùng Nam Á, có dân số khoảng 27 triệu người sống dọc theo rặng Hy Mã Lạp Sơn. Ngày 25 tháng 4, 2015, trận động đất với độ mạnh 7.8 làm hơn 8 ngàn người thiệt mạng và 19 ngàn người bị thương trầm trọng. Ngày 12 tháng 5, 2015, trận động đất thứ hai với độ mạnh 7.3 lại xảy ra giết chết thêm 125 người và gây thương tích cho 2,500 người. Theo tổng kết của chính phủ Nepal và các cơ quan cứu trợ quốc tế, con số tử vong tính đến nay là 8,583 người, 6 triệu dân bị ảnh hưởng và có đến 500 ngàn ngôi nhà bị tàn phá.

Mặc dù sau 2008, trên danh nghĩa Nepal là một nước cộng hòa nhưng thực tế vẫn do đảng Maoist Unified Communist Party of Nepal (Maoist) nắm hết quyền cai trị.

Đất nước nhỏ hẹp này bị ảnh hưởng sâu xa của Trung Cộng về mặt tư tưởng và do đó chi phối cả các hành động cứu trợ nạn nhân động đất không chỉ trung ương mà xuống tận các tầng lớp cán bộ tại các địa phương. Liên Hiệp Quốc và các tổ chức từ thiện quốc tế kết án chính phủ Nepal vô hiệu quả, thối nát, tham nhũng và ngay

cả ngăn chặn các nguồn tiếp tế đến các địa phương mà chính phủ không cho phép.

Lãnh đạo CSVN trước nạn cá chết

Ngày 6 tháng 4, 2016, hàng ngàn cá chết được phát hiện tại khu vực biển Vũng Áng và bốn ngày sau, dọc bờ biển tỉnh Quảng Bình cá chết trôi dạt vào bờ. Các báo ghi nhận, không chỉ cá nhỏ mà những con cá mú, cá vược biển nặng gần 4kg. Tại bãi biển Mũi Dao, xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh, suốt 10 ngày đầu tháng Tư, cá chết thối, gây ô nhiễm môi trường. Ngư dân các xã Kỳ Lợi, Kỳ Phương và Kỳ Nam làm nghề đi biển thất thu nặng nề vì cá đánh được về cũng không ai mua, một phần vì sợ mua phải cá chết, một phần vì sợ cá bị nhiễm độc.

Lãnh đạo trung ương im lặng

Gần ba tuần sau mới có đoàn kiểm tra thuộc Bộ Tài Nguyên và môi trường, đầu tiên do Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Tài dẫn đầu, đến kiểm tra tại Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh và tại Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh.

Thay vì đưa ra sự thật, trong cùng ngày, báo Nhân Dân loan tin có kèm theo hình ảnh “Từ đầu năm đến nay, một số đợt thủy triều đỏ xuất hiện khiến nước sông Hoàng Mai, thị xã Hoàng Mai (Nghệ An) lúc có màu đỏ, lúc màu bùn. Nước thủy triều đỏ xâm nhập đã gây thiệt hại và khó khăn cho việc nuôi trồng thủy sản.” Bức hình “thủy triều đỏ” do phóng viên Ng Văn chụp với lời ghi chú nguồn chính xác “Thủy triều đỏ xâm nhập cửa biển thị xã Hoàng Mai” chứ không phải là hình có tính cách minh họa như một số bồi bút của đảng biện hộ sau đó.

Kỹ thuật cạo sửa, thêm màu thịnh hành nhất vào thời kỳ Stalin. Tên độc tài này không chỉ giết nhiều triệu người mà còn giết những lãnh đạo cao cấp của đảng nên y phải ra lệnh cạo sửa hình

ảnh chính thức của họ ra khỏi tài liệu đảng. Lev Kameney, Grigory Zinoviev v.v... đều là những ủy viên Bộ Chính Trị đầu tiên sau cách mạng CS Nga nên hình ảnh của họ đầy đầy trên các hồ sơ lưu trữ. Hàng ngàn tấm ảnh chính thức của họ chụp chung với Stalin đều được lệnh cạo sửa. Chưa thay thế xong lãnh đạo này, Stalin đã giết lãnh đạo khác và các chuyên viên hình ảnh lại phải tiếp tục cạo sửa. Phương pháp tuyên truyền lạc hậu đó không chết theo ý thức hệ CS mà lại được tờ báo chính thức của đảng CSVN sử dụng ngay giữa thời đại toàn cầu hóa. Các hãng tin báo chí lớn trên thế giới đều mỉa mai và phê bình hành động bản thủ đó của báo đảng CSVN.

Quan hệ giữa cơ chế chính trị và môi trường

Rank	Country	Score	Peer Comp.	Rank	Country	Score	Peer Comp.
121	Bosnia and Herzegovina	63.28	↓	151	Malawi	57.1	↑
122	Antigua and Barbuda	62.55	↓	152	Comoros	57.1	↑
123	Kenya	62.49	↑	153	Myanmar	57.1	↑
124	Swaziland	60.63	↑	154	Sao Tome and Principe	57.1	↑
125	Kiribati	60.48	↓	155	Guinea-Bissau	57.1	↑
126	Oman	60.13	↓	156	Papua New Guinea	57.1	↑
127	Cote d'Ivoire	59.89	↑	157	Lesotho	57.1	↑
128	Congo	59.56	↑	158	Solomon Islands	57.1	↑
129	Zimbabwe	59.25	↑	159	Central African Republic	57.1	↑
130	Ghana	58.89	↑	160	Mauritania	57.1	↑
131	Viet Nam	58.5	↓	161	Togo	57.1	↑
132	Tanzania	58.34	↑	162	Sierra Leone	57.1	↑
133	Nigeria	58.27	↑	163	Ethiopia	57.1	↑
134	Vanuatu	57.74	↓	164	Djibouti	57.1	↑
135	Uganda	57.56	↑	165	Burkina Faso	57.1	↑
136	Cameroon	57.13	↑	166	Benin	57.1	↑
137	Maldives	57.1	↑	167	Liberia	57.1	↑

Thống kê 2016 Global Metrics for the Environment do đại học Yale công bố cho thấy có sự gắn liền giữa sự trong sạch trong chính phủ và sự trong sạch của môi trường. Bằng chứng, những quốc gia nằm trong tay các chính phủ tham nhũng, độc tài quân phiệt cai trị ở Phi Châu như Trung Phi, Cộng Hòa Congo, Ghana v.v... cũng là

những quốc gia mà nơi đó rừng bị khai thác không kiểm soát và thú hiếm sắp bị tận diệt. Trong khi đó, những quốc gia được xem là bảo vệ môi trường tốt nhất như Finland, Iceland, Switzerland, Sweden đồng thời cũng là những quốc gia được lãnh đạo bởi các chính phủ trong sạch nhất thế giới. Việt Nam được xếp vào hạng 131, và nếu để ý các bạn sẽ thấy nhóm quốc gia trong đó có Việt Nam phần lớn là Phi Châu như Congo, Ghana, Tanzania, Nigeria nghèo và trong mức độ còn chịu đựng độc tài.

Lý do đáp ứng chậm

“Hong hơn chuyên”: Các lãnh đạo CS không do ai bầu ra và cũng không do một cơ quan hành pháp nào đề nghị với sự phê chuẩn bởi cơ quan lập pháp độc lập. Họ phần đông rất dốt nát về chuyên môn nhưng trung thành với mục tiêu của đảng CS và là thành viên các phe cánh lãnh đạo CS đang thắng thế sau một cuộc tranh chấp nội bộ. Chế độ CS như chiếc máy CS rệu rã nhưng vẫn chạy vì mòn đều và xăng nhớt là thành phần có học ham danh lợi. Như một tập quán CS, mỗi khi có một sự kiện hay tai họa xảy ra, ý niệm đầu tiên đến trong đầu họ là tìm cách gì đó để bao che. Thay vì tức khắc thành lập một ban đặc nhiệm, độc lập và mời các chuyên viên quốc tế đến điều tra, họ lại đi bơi để chứng tỏ nước an toàn. Hành động tuyên truyền trẻ con này gợi nhớ đến việc Mao, để kích thích tuổi trẻ tham gia vào Cách mạng Văn Hóa đã man ở Trung Quốc, đã bơi trên sông Trường Giang (Yangtze) cuối năm 1965.

Thụ động, che giấu tội lỗi và lừa dối lẫn nhau: Trong một cơ chế trung ương tập quyền CS, sáng kiến cá nhân hay cả phát biểu cá nhân là những điều tối kỵ. Cấp thấp chờ đợi cấp cao hơn và cứ theo chiếc thang quyền lực đó mà dẫn đến trung ương. Các cán bộ CS trong guồng máy không có quyền phê bình lãnh đạo hay phê

bình chính sách của đảng bởi vì làm vậy là vi phạm kỷ luật đảng, không trung thành với mục tiêu của đảng. Cấp thấp nói dối đến cấp trên, bịa đặt thành quả và che đậy thất bại. Do đó, không ngạc nhiên khi cần gần một tháng để có một đoàn do trung ương cử xuống. Có người sẽ biện hộ cho đảng, cho rằng không thể so việc cá chết với người chết. Nếu một trận động đất lớn như động đất tại Nepal chẳng hạn, chính phủ sẽ phản ứng nhanh hơn. Không, cơ chế chi phối hành động. Phản ứng của cơ chế chính trị CS ở đâu cũng vậy. Không chỉ Việt Nam ngày nay mà Liên Xô trước đây cũng không khác. Khi các nước Thụy Sĩ, Đan Mạch, Phần Lan và Na Uy khám phá ra chất phóng xạ cao trong khu vực có nhà máy nguyên tử Chernobyl và liên lạc với Liên Xô, chính phủ Liên Xô bác bỏ nguồn tin một tai họa nguyên tử vừa xảy ra. Và khi cả thế giới đều biết qua phim ảnh vệ tinh, Liên Xô thừa nhận có tai nạn nhưng đã giải quyết xong rồi.

Việt Nam hôm nay, nhìn ra, nhìn lên, nhìn trước, nhìn sau đều không có lối thoát, bởi vì vấn đề của Việt Nam là vấn đề nhân quả. Sau đất, biển, đảo, rừng, cây, thực phẩm, thức ăn, chim cá, rồi sẽ tới gì nữa? Chưa biết, nhưng dù gì cũng chỉ là “quả” chứ không phải là “nhân.” Tội ác sẽ không bao giờ xóa được khi các nguyên nhân gây ra tội ác vẫn còn tồn tại. Do đó, thay vì hái “quả” phải tập trung thay đổi “nhân” CS đã và đang gây ra thảm trạng ngày nay.

TÌM ĐÂU RA MINH BẠCH?

Khẩu hiệu “Cá cần nước sạch, Dân cần minh bạch” có lẽ là khẩu hiệu nổi bật nhất trong những biểu ngữ được giương cao trong các cuộc biểu tình vừa qua. Người dân đòi hỏi nhà nước CSVN phải minh bạch.

Minh bạch của chính phủ (Governmental transparency) là gì?

Người viết sẽ chọn hai trong nhiều định nghĩa về minh bạch.

Theo wikipedia: *“Trong chính trị, minh bạch được dùng như là một phương tiện để quy trách nhiệm của các viên chức phục vụ người dân và trong việc chống tham nhũng. Khi những phiên họp của một chính phủ được mở rộng cho báo chí và công chúng, ngân sách của chính phủ có thể được bất cứ người dân nào xem xét, và luật pháp cũng như quyết định của chính phủ mở rộng để thảo luận, chính phủ đó được xem như là minh bạch, và có ít cơ hội để các viên chức chính phủ lạm dụng hệ thống vì lợi ích riêng tư của họ.”*

(In politics, transparency is used as a means of holding public officials accountable and fighting corruption. When a

government's meetings are open to the press and the public, its budgets may be reviewed by anyone, and its laws and decisions are open to discussion, it is seen as transparent, and there is less opportunity for the authorities to abuse the system for their own interests.)

Theo The Encyclopedia of American Politics: “*Công khai, trách nhiệm, và thành thật xác định tính minh bạch của chính phủ. Trong một xã hội tự do, minh bạch là trách nhiệm của chính phủ để chia sẻ thông tin với người dân. Minh bạch là phần quan trọng nhất để qua đó người dân quy trách nhiệm cho các viên chức chính quyền.*”

(Openness, accountability, and honesty define government transparency. In a free society, transparency is government's obligation to share information with citizens. It is at the heart of how citizens hold their public officials accountable.)

Theo các định nghĩa đó, ba đặc điểm của minh bạch cần phải có gồm (1) thành thật, (2) công khai và (3) trách nhiệm. Đồng thời, ba hậu quả của không minh bạch trong chính phủ gồm (1) thông tin bị bưng bít, (2) lạm dụng quyền hành và (3) tham nhũng.

Dưới chế độ CSVN hiện nay, nếu chỉ phải trả lời theo lối trác nghiệm, một người có nhận thức chính trị căn bản nào cũng có thể dễ dàng chọn “không” cho ba đặc điểm và “có” cho ba hậu quả.

Không minh bạch trong chính phủ không chỉ là vấn đề riêng của CSVN mà là của cả phong trào CS quốc tế.

Gorbachev và minh bạch

Sau khi phong trào CS Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, nhiều nhà nghiên cứu đổ xô đi tìm lý do. Mỗi người nhìn sự sụp đổ của phong trào CS quốc tế từ một góc cạnh khác nhau tùy theo mục

đích nghiên cứu của mình nhưng đều cùng nêu ra một lý do chung: Chính quyền CS không minh bạch.

Là lãnh đạo CS cao cấp nhất của đảng và nhà nước Liên Xô, hơn ai hết, Mikhail Gorbachev biết rất rõ lý do. Ông ý thức rằng hệ thống Soviet dựa vào tuyên truyền dối trá và nhà tù, hơn 70 năm đã kìm hãm sự phát triển tự do của nhận thức con người, đi ngược lại sự chuyển động tự nhiên của xã hội.

Vào cuối thập niên 1980, văn minh nhân loại đã phát triển đến mức những câu chuyện tuyên truyền hoang đường về một thiên đường CS đã thành những chuyện cười trong các quán rượu ở Nga, và nhà tù không thể nhốt hết 300 triệu người dân trong 15 nước thuộc Liên Bang Xô Viết. Muốn Liên Xô tồn tại, đảng CS phải thực hiện những thay đổi tận gốc rễ của chế độ, trước hết là minh bạch.

Chính từ lý do đó, một trong những trọng điểm của chương trình Glasnost (Cởi mở) mà Gorbachev phát động vào năm 1986 là để gia tăng mức độ minh bạch trong chính phủ. Gorbachev chủ trương tạo một không khí tranh luận giữa chính phủ và người dân về tất cả các vấn đề của đất nước, và điều này cũng có nghĩa giới hạn quyền kiểm soát của trung ương Xô Viết như đã có trước đây.

Nhưng những cố gắng của Gorbachev đến quá trễ và trở thành con dao hai lưỡi, chặt đứt chế độ mà ông ta nỗ lực để cứu vãn.

Từ Đặng Tiểu Bình đến Tập Cận Bình và minh bạch

Học bài học Liên Xô, Đặng Tiểu Bình và các thế hệ lãnh đạo Trung Cộng sau y thay vì mở rộng đã chọn lựa ban cho người dân cơm áo nhưng siết chặt xã hội Trung Quốc bằng một chế độ hà khắc về đời sống tinh thần không khác gì Tần Thủy Hoàng hai ngàn hai trăm năm trước.

Lãnh đạo Trung Cộng ngăn cấm sử dụng Internet ngoài giới hạn cho phép. Các mạng thông tin xã hội quen thuộc với phần lớn nhân loại như Facebook, Twitter hay Youtube bị chặn. Mọi đường thông tin ra ngoài Trung Quốc đều do Đề án Lá chắn Vàng (Golden Shield Project) thuộc Bộ An ninh Quốc Gia kiểm soát. Để trấn áp dân chúng trong lãnh vực thông tin, Bộ An ninh Quốc Gia Trung Cộng tuyển dụng một lực lượng an ninh mạng khoảng 2 triệu nhân viên.

Trong một bài bình luận gửi riêng cho báo The New York Times ngày 15 tháng 6, 2015, Bào Đồng (Bao Tong), cựu Trưởng Ban Cải cách Chính trị Trung Ương đảng CSTQ và là Thư ký riêng của cố Thủ tướng Triệu Tử Dương, nhận xét rằng chính sách “làm giàu trước đã” của Đặng đã biến xã hội Trung Quốc thành một xã hội tham nhũng từ địa phương đến trung ương, lãng phí tài nguyên, tàn phá môi trường thiên nhiên và di họa cho các thế hệ mai sau. Họ Đặng làm mọi cách để gia tăng tổng sản lượng bất chấp những tai họa do các chính sách đó gây ra.

Đầu năm 2015, trước áp lực quốc tế và sức phản kháng của người dân như mạch nước ngầm đang chuyển động, lãnh đạo Trung Cộng lo sợ và tuyên bố sẽ minh bạch hơn trong các chính sách kinh tế, quốc phòng và đẩy mạnh chính sách chống tham nhũng. Tuy nhiên, theo các nhà phân tích, hành động của họ Tập chỉ nhằm mục đích thanh trừng các phần tử chống đối và củng cố quyền lực cá nhân hơn là gia tăng minh bạch trong chính phủ.

Trung Cộng tồn tại được bao lâu hiện đang là một chủ đề được các nhà nghiên cứu kinh tế chính trị tập trung. Không ai biết chắc về thời điểm hay cách thức nhưng đều đồng ý Trung Cộng sụp đổ chỉ là vấn đề thời gian. Lần nữa, một trong những lý do là không minh bạch trong chính phủ.

CSVN và minh bạch

Việt Nam, về bên ngoài, đang đối diện với con quái vật Trung Cộng đang ăn tươi nuốt sống từng phần thân thể, và bên trong, là một chế độ toàn trị tồn tại bằng tuyên truyền lừa bịp, bằng nhà tù và sân bắn.

Nhìn cách lãnh đạo CSVN giải quyết vụ cá chết hiện nay để thấy truyền thống bịa đặt, bao che, giả dối, đổ thừa vẫn chưa thay đổi. Mỗi khi có một biến cố ảnh hưởng đến uy tín của lãnh đạo, trước hết họ im lặng mong cho biến cố tự động qua đi. Nếu không im lặng được, không lấp liếm được, họ nặn ra một nguyên nhân chỉ để đổ thừa mặc cho hàng triệu ngư dân đang đói khát, tài nguyên đất nước bị tiêu hao và những kẻ thật sự gây ra tai họa có thêm thời gian để xóa đi bằng chứng.

Người viết đã bàn khá nhiều về chính sách tẩy não, tuyên truyền lừa bịp và chế độ công an trị, ở đây chỉ nêu ra những thống kê quốc tế về tình trạng tham nhũng tại Việt Nam.

107	Togo	32	29	29	30
112	Honduras	31	29	26	26
112	Mali	31	33	37	37
112	Mauritania	31	30	30	31
112	Mozambique	31	31	30	31
112	Vietnam	31	31	31	31
117	Pakistan	26	29	25	27
117	Tanzania	26	31	33	35
119	Azerbaijan	28	29	25	27
119	Guyana	28	30	27	26
119	Russia	28	27	25	26
119	Sierra Leone	28	31	30	31

Theo *Index Corruption Perceptions* do tổ chức *Transparency International* công bố, năm 2015, về chỉ số tham nhũng, Việt Nam bị xếp vào hạng 112 trong số 176 quốc gia được phân tích. Thoạt nhìn, hạng 112 trên 176 không hẳn là quá thấp nhưng thật ra chỉ đứng trên Bắc Hàn đội số 18 hạng (nhiều nước cùng một hạng). Nhìn vào bảng thống kê, một người Việt có chút nhận thức không khỏi lấy làm hổ thẹn là người Việt. Các quốc gia

cùng nhóm tham nhũng nặng với Việt Nam là những nước nghèo nàn, độc tài Phi Châu.

Mặc dù lãnh đạo CS gào thét chống tham nhũng trong không biết bao nhiêu nghị quyết, chỉ số tham nhũng của Việt Nam đã rớt từ hạng 76 năm 2000 xuống hạng 112 năm 2012, và ba năm qua vẫn không cải thiện được một điểm nào. Sau 41 năm “độc lập, tự do, hạnh phúc,” xã hội Việt Nam hư thối hơn những nước cách đây không lâu còn chìm đắm trong chiến tranh.

Khẩu hiệu “Cá cần nước sạch, Dân cần minh bạch” không phải là một đòi hỏi mà là một khẳng định. Người dân cần được lãnh đạo bởi một chính quyền minh bạch. Nhưng tìm đâu ra minh bạch tại Việt Nam? Không tìm đâu ra được bởi vì đơn giản minh bạch không tồn tại dưới chế độ CS và do đó, cách duy nhất để có minh bạch là người dân phải đứng lên tạo dựng cho mình một cơ chế mới thành thật, công khai, trách nhiệm, một chính phủ thật sự do dân và vì dân.

TÔN NỮ THỊ NINH, ĐẠI BIỂU XUẤT SẮC CỦA “TRÍ THỨC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA”

Khi phê bình đảng CS, có người mạnh miệng nhận xét “Đảng CS thực tế chỉ là một đảng Mafia.” Ý nói đảng CS chỉ là tổ chức tội ác giết người cướp của trên một tấm vóc quốc gia chứ chẳng còn ý thức hệ CS như thời Liên Xô chưa tan rã. Thật ra, nói vậy không đúng và nếu có cũng chỉ một góc cạnh “giết người cướp của.” Nếu đảng CS là đảng Mafia thì đã sụp đổ lâu rồi.

Định nghĩa đúng nhất cho trường hợp chế độ CS Trung Cộng và Việt Nam là định nghĩa của giáo sư sử học Roderick Macfarquhar, thuộc đại học Harvard khi ông gọi là chủ nghĩa CS hiện nay là một loại chủ nghĩa Lenin không có Marx.

Chủ nghĩa Lenin không có Marx do hai bộ phận cấu thành (1) một nhà nước chuyên chính sắt máu và (2) tuyên truyền lý luận tư tưởng tinh vi. Bộ phận nhà nước chuyên chính rất rõ nét và gần như ai cũng thấy, nhưng đảng CS không tồn tại chỉ bằng nhà tù sân bắn mà còn được che chở bằng một hàng rào lý luận tuyên truyền vô cùng tinh vi thâm độc. Tuyên truyền là cột xương sống của chế độ CS. Như người viết đã có dịp trình bày trong những bài trước, sau cách mạng CS Nga 1917, công việc đầu tiên Lenin làm là thành lập cơ quan tuyên truyền Agitprop và trong giai đoạn đầu còn do chính ông ta đích thân lãnh đạo. Tại Trung Cộng cũng vậy,

trong đại hội đảng CS Trung Quốc lần đầu vào năm 1921 chỉ bầu ra vốn vẹn ba ủy viên trung ương nhưng một trong ba ủy viên đó chịu trách nhiệm tuyên truyền.

Bộ máy tuyên truyền sẽ không chạy được nếu thiếu đi một tầng lớp có học, có địa vị xã hội tự nguyện làm xương sống. Thành phần đó gọi chung là “trí thức xã hội chủ nghĩa.”

Trước khi viết tiếp, người viết xin dừng lại ở đây để bày tỏ lòng biết ơn dành cho những trí thức chân chính và xứng đáng được kính trọng. Họ là những người có trình độ văn hóa giáo dục cao, những văn nghệ sĩ đang công khai hay âm thầm tranh đấu cho một nước Việt Nam mới, tốt đẹp, tự do và dân chủ trong điều kiện và hoàn cảnh riêng của họ. Họ không thuộc thành phần mà người viết sắp bàn.

Thành phần “trí thức xã hội chủ nghĩa” chia sẻ ba đặc điểm chung: (1) có học, khoa bảng (2) chủ nghĩa cơ hội, (3) bồi bút, uốn lưỡi bảo vệ đảng trung thành. Một đại biểu xuất sắc trong tầng lớp này và có đủ ba đặc điểm vừa nêu là bà Tôn Nữ Thị Ninh.

Bà Tôn Nữ Thị Ninh thỏa mãn đặc điểm thứ nhất dễ dàng vì bà thuộc thành phần khoa bảng, mang họ hoàng tộc. Phần lớn thời tuổi trẻ của bà lớn lên dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa và được đi du học tại các trường nổi tiếng tại Pháp, Anh.

Bà về nước dạy đại học Sư Phạm Sài Gòn và từng là Phó Ban Anh Ngữ của trường. Trong thời gian ở Pháp, bà Ninh quen biết các thành viên của phái đoàn CS “Chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam” và phụ giúp công việc phiên dịch tại những buổi gặp gỡ không chính thức của họ. Như bà kể lại trong bài báo Paris: ‘Vườn ươm’ lực lượng, bà “không được chứng kiến các cuộc đàm phán chính thức,” phần lớn những gặp gỡ đều qua trung gian của các “hội yêu nước” và được bà Nguyễn Thị Chơn, vợ ông Trần

Bạch Đằng, “bồi dưỡng chính trị.”

Thành phần có học nhưng bị lá bùa “độc lập, tự do” của CS mê hoặc tại Pháp, thời đó rất nhiều như bà thừa nhận với phóng viên Hoàng Thi trên báo Nhân Dân “tại Pháp, tôi đã tham gia phong trào phản chiến đang diễn ra rất sôi nổi nơi đây.”

Sau 30-4-1975, bà Tôn Nữ Thị Ninh cũng chỉ sinh hoạt trong “Hội trí thức yêu nước” như phần lớn các nhà giáo, văn nghệ sĩ thuộc “thành phần thứ ba” ở Sài Gòn. Thành phần này, trong đó có bà, được đảng thưởng công bằng chuyển “tham quan” các nước CS như Lý Quý Chung kể lại trong hồi ký của ông ta.

Đường công danh dưới chế độ CS của bà Ninh chỉ thật sự bắt đầu khi tình cờ gặp ông Xuân Thủy năm 1978. Từ đó, trong giai đoạn giao thời đảng đang cần người có khả năng giao tiếp với thế giới mà họ chưa từng biết qua, bà nắm lấy cơ hội.

Không giống như những người CS theo đuổi mục đích CS, vào tù ra khám hiến thân cho tranh bạc của cuộc đời họ, bà chỉ là một kẻ cơ hội chủ nghĩa.

Hai đặc điểm, khoa bảng và chủ nghĩa cơ hội nói trên, dù không mấy tốt đẹp, cũng chỉ có tính cách cá nhân và không phải là tội ác, đặc điểm bồi bút trung thành và uốn cong ba tấc lưỡi để bảo vệ đảng CS của bà Ninh mới thật sự là một tội ác trí thức vì đã gây tác hại đến nhiều người.

Dưới đây là vài ví dụ chứng minh bà Ninh bẻ cong ngòi bút.

Bà Tôn Nữ Thị Ninh và nguyên tắc dân chủ kiểm soát và cân bằng (checks and balances)

Trong Tạp Chí Cộng Sản số tháng 6, 2007, bà Tôn Nữ Thị Ninh viết về tình trạng tham nhũng tại Việt Nam: “*Cần có một cơ chế “đối trọng” (phương Tây gọi cơ chế này là checks and balances). Đối*

trọng của ta là trong phạm vi chế độ, là sự kiểm tra giám sát của các đoàn thể quần chúng, chứ không phải là đối trọng về chính trị. Quốc hội có vai trò, tư pháp cũng phải độc lập, đoàn thể phải vào cuộc, nếu không hệ thống chính trị của ta sẽ không có cơ chế tự điều tiết.”

Hẳn nhiên, với trình độ giáo dục cao và tiếp cận nhiều với sinh hoạt chính trị dân chủ Âu Châu trước đây, bà Ninh biết rõ khái niệm kiểm soát và cân bằng (checks and balances) nhằm sự kiểm soát lẫn nhau để giữ sự cân bằng và công bằng giữa các ngành trong các chế độ dân chủ pháp trị.

Nguyên tắc này ra đời nhằm giới hạn quyền hành của chính phủ (hành pháp) thường rất dễ bị lạm dụng. Sự đối trọng giữa các ngành trong cơ chế chính trị chỉ hữu hiệu khi các ngành đó có được sự độc lập về quyền hạn và trách nhiệm. Một sinh viên lấy lớp chính trị học nhập môn cũng nắm vững định nghĩa căn bản đó.

Thế nhưng bà uốn cong định nghĩa “checks and balances” giữa các ngành trong chế độ dân chủ pháp trị thành một khái niệm giữa quần chúng (không có tiếng nói) và nhà nước (nắm hết quyền lực). Tại Việt Nam ai đối trọng với ai, ai kiểm soát ai và ai cho phép tạo nên sự cân bằng quyền lực trong hệ thống chính trị bị chỉ đạo bởi một đảng duy nhất là đảng Cộng sản?

Một người có hiểu biết căn bản nào cũng trả lời được, dưới chế độ CS, không ai, không một tập thể, không một thành phần nhân dân nào đứng trên quyền lực của đảng CS. Thời gian 2006 bà Ninh là “Đại biểu Quốc hội” đơn vị Vũng Tàu và hơn ai hết bà cũng biết chức “Đại biểu Quốc hội” của bà chẳng phải do người dân Vũng Tàu nào tự nguyện bầu bà lên mà chỉ là hư danh do đảng CS trả công cho bà.

Bà Tôn Nữ Thị Ninh chống đối Bob Kerrey

Theo phóng sự điều tra của Gregory L. Vistica trên The New

York Times phát hành ngày 25 tháng Tư, 2001, vào đêm 25 tháng Hai, 1969, đội SEALs (đơn vị đột kích tinh nhuệ của hải quân Mỹ viết tắt của chữ Sea, Air and Land Teams) dưới quyền chỉ huy của Trung Úy Bob Kerrey, 25 tuổi, tiến vào làng Thạnh Phong với mục đích tiêu diệt một phiên họp của Việt Cộng với sự tham gia của một lãnh đạo quân sự.

Sau khi thanh toán mục tiêu thứ nhất bằng dao để khỏi lộ mục tiêu, đơn vị SEALs bị trong làng bắn ra. Với tin tức tình báo nhận được, đội SEALs đình ninh một phiên họp của lãnh đạo CS cao cấp đang diễn ra và đã bắn trả quyết liệt.

Đừng quên, lúc đó đã sau 9 giờ tối trong một đêm không trăng tại ngôi một làng hẻo lánh tối tăm chứ không phải trưa ban ngày giữa đồng rộng hay đường lớn để có thể nhận diện dễ dàng. Bob Kerrey kể lại ông ta không thấy ai hết.

Khi phản công chấm dứt, toán SEALs tiến vào các chòi lá và hình ảnh mà Bob Kerrey sẽ nhớ đến khi chết là không có một chỉ huy Việt Cộng nào mà chỉ toàn là thường dân, đàn bà và trẻ con bị giết. Tuy nhiên, Gerhard Klann, một đội viên SEALs dưới quyền Kerrey kể khác rằng trong chòi lá thứ nhất không chỉ có đàn ông mà còn có đàn bà và trẻ em, và chính Bob Kerrey không những ra lệnh mà còn tham gia vào việc giết những người trong chòi lá thứ nhất.

Lời kể của Klann trùng hợp với kể của nhân chứng Việt Nam Phạm Tri Lanh. Bob Kerrey không đồng ý với Klann nhưng nhận lỗi lầm với tư cách chỉ huy. Các đội viên khác có người ủng hộ lời kể của Bob Kerrey và có người từ chối trả lời. Nói chung, các lời kể rất rời rạc, trước sau không thống nhất.

Kerrey nhắc lại nhiệm vụ chính của các toán SEALs là tiêu diệt một mục tiêu được giao phó và nhiệm vụ của đội SEALs vào làng Thạnh Phong đêm đó là tiêu diệt chứ không phải bắt tù binh. Sau

khi bị thương và giải ngũ về nhà, Kerrey kể lại thăm sát Thanh Phong cho mẹ nghe và mẹ ông ta khóc.

Với nhiều người khác, biến cố là một tai nạn giết lầm, đổ thừa cho tình báo, cho cấp chỉ huy, cho chiến tranh và rồi ăn ngon ngủ kỹ. Nhưng với Bob Kerrey, lương tâm ông bị cắn rứt và đã làm rất nhiều trong lãnh vực giáo dục để xoa dịu vết thương giữa hai dân tộc cũng như đau đớn tinh thần của riêng ông.

Với kinh nghiệm chín năm làm chủ tịch của New School University ở New York, ông hy vọng sẽ áp dụng những vốn liếng đó vào việc lãnh đạo Fulbright University Vietnam và nâng trường lên đẳng cấp quốc tế.

Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Kerry cũng nhấn mạnh yếu tố chuyên môn kết hợp với tình cảm cá nhân trong diễn văn đầy tinh thần hòa giải của ông khi giới thiệu Fulbright Vietnam. Bob Kerrey với kinh nghiệm lâu năm trong ngành giáo dục, một cựu Thượng Nghị Sĩ, cựu ứng cử viên tổng thống, nhà chính trị có quan hệ rộng rãi với chính giới Hoa Kỳ và gắn bó tinh thần với Việt Nam xứng đáng để lãnh đạo Fulbright University Vietnam.

Thay vì thuận theo tinh thần hòa giải được khơi dậy trong diễn văn của Ngoại trưởng John Kerry và mở rộng hơn cánh cửa giáo dục cho các thế hệ Việt Nam, máu cơ hội "chống Mỹ cứu nước" trong bà Tôn Nữ Thị Ninh sôi sục lên và bà phán: "*Ông Bob Kerrey là người đã trực tiếp tham gia vào cuộc thăm sát thường dân vô tội, phụ nữ, trẻ em, người già tại thôn Thanh Phong vào tháng 2/1969. Điều này không thể chối cãi và chính ông Kerrey cũng thừa nhận. Có thể nhìn nhận vấn đề ở nhiều mức độ khác nhau, cả phía Việt Nam và phía Mỹ. Nhưng một điều chắc chắn, sự việc đó là đủ để kết luận Bob Kerrey, nói theo cách nhẹ nhất, hoàn toàn không thể giữ vị trí Chủ tịch Đại học Fulbright Việt Nam. Và cũng không thể nhân danh tương lai mà bỏ qua sự thật đó.*"

Khi nhắc đến câu “không thể nhân danh tương lai mà bỏ qua sự thật,” không biết bà có nhìn quanh thử xem mình đang sống ở đâu không. Bà đang sống trong một đất nước mà nơi đó sự thật chỉ là chiếc bánh tuyên truyền rẻ tiền và hư thối đến nỗi một đứa bé đói khát cũng không thèm cầm lấy. Chắc bà không lạ gì những nhãn hiệu “Nhà Xuất bản Sự Thật”, “Bảo Sự thật” v.v...

Nếu bà thật sự quan tâm đến sự thật và căm ghét những kẻ đã giết dân vô tội, hãy về Huế một lần trong dịp Tết để hỏi thăm đồng bào Huế của bà những ai là kẻ giết người và những ai là người có thân nhân bị giết, không phải 24 người mà nhiều ngàn người. Những kẻ chôn sống nhiều ngàn dân Huế không nói tiếng Anh như Bob Kerrey mà có một giọng nói rất giống giọng của bà.

Nếu bà quan tâm đến sự thật hãy tìm đến các “Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân” và hỏi họ đã giết bao nhiêu “Mỹ Ngụy” còn mặc tã ở nhà hàng Mỹ Cảnh, bao nhiêu mái đầu xanh ở rạp hát Kinh Đô, bao nhiêu em bé chết trong tay còn ôm cặp ở trường tiểu học Cai Lậy v.v... Hàng ngàn cuộc thảm sát do CS gây ra trên đất nước Việt Nam đang cần được đưa ra dưới ánh sáng sự thật và công lý.

Bob Kerrey có lỗi với ai?

Bà Ninh phát biểu bằng một giọng trịch thượng và hằn học “Việc ông hối hận về vai trò trong vụ thảm sát Thanh Phong tôi không thể biết và chỉ có mình ông Kerrey biết. Không thể coi việc giữ vị trí lãnh đạo của đại học nhiều tham vọng như ĐH Fulbright là cách sửa sai cho những hành động trong quá khứ.” Việc bà “không thể biết” là tại bà kém thông tin nhưng cựu TNS Bob Kerrey hay Ngoại trưởng John Kerry không cần phải báo cho bà biết. Người viết không bình vực cho Bob Kerrey.

Bob Kerrey dù trực tiếp ra tay, ra lệnh hay không vẫn là người có

lỗi. Nhưng ông ta chỉ có lỗi với nhân dân Việt Nam, với thân nhân những người bị toán SEALs của ông giết chứ không có lỗi gì với đảng CS và nhà nước CS mà bà Ninh đang cung phụng.

Dưới các chế độ dân chủ, vai trò, chức năng và sự phân định giữa nhân dân và chính phủ rõ ràng chứ không đánh lộn con đen “đảng là dân tộc, đảng là tổ quốc” như dưới chế độ CS. Một lỗi lầm của Bob Kerrey trong chiến tranh không làm cuộc chiến bảo vệ tự do của miền Nam mất đi chính nghĩa và cũng không giúp đảng CSVN có chính nghĩa.

Hôm 27 tháng Năm, 2016, trong chuyến viếng thăm Hiroshima, Nhật Bản, TT Barack Obama bày tỏ lòng thương tiếc đối với nạn nhân bom nguyên tử của Mỹ và cảm tình đối những người sống sót nhưng ông không xin lỗi.

Cuộc chiến chống Phát Xít Nhật là cuộc chiến chính nghĩa. Những kẻ phải chịu trách nhiệm cho điều tàn của nước Nhật và chết chóc của nhân dân Nhật là lãnh đạo chế độ quân phiệt Phát Xít Nhật thời đó chứ không phải Mỹ.

Tương tự, trong lúc không thể so sánh nỗi đau bằng một nỗi đau, thăm sát Thạnh Phong cũng phải được nhìn từ nguyên nhân đến hậu quả của cả cuộc chiến Việt Nam. Cái chết của 24 người dân làng Thạnh Phong, phân tích cho cùng, cũng không khác gì cái chết của năm ngàn người dân Huế, của 32 học sinh trường tiểu học Cai Lậy, của 10 cô gái Thanh niên Xung phong ở Ngã Ba Đồng Lộc, của Nguyễn Văn Thạc, của Đặng Thùy Trâm, của bao nhiêu thế hệ thanh niên miền Bắc và nói rộng hơn, của ba triệu người dân Việt khắp hai miền do âm mưu Cộng Sản hóa Việt Nam bằng bạo lực của đảng CS.

Chủ trương CS hóa Việt Nam đã được in đậm trong cương lĩnh đầu tiên của đảng CS từ 1930 chứ không phải sau khi Mỹ đổ bộ

xuống Đà Nẵng 1965. Dù Mỹ có đến hay không thì mục tiêu tối hậu của đảng CSVN vẫn không thay đổi.

Bà Ninh hãy trả lời giùm câu hỏi “Nếu đảng CSVN không chủ trương thôn tính miền Nam bằng võ lực thì thăm sát Thạnh Phong có xảy ra không?”

Thành phần “trí thức xã hội chủ nghĩa” như bà Tôn Nữ Thị Ninh chẳng những không đóng góp được gì vào việc làm thăng tiến xã hội, thúc đẩy nhanh hơn cuộc cách mạng tự do và nhân bản cho đất nước, giúp đưa dân tộc chúng ta vượt qua những bế tắc tư tưởng và chính trị để hội nhập vào dòng thác tiến bộ của nhân loại, mà với khả năng bồi bút, uốn cong ba tắc lưỡi, thành phần này đã trở thành bức tường chắn ngang tiến trình khai phóng đất nước và đó là một tội ác.

BỆNH SỢ DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN

Sợ là một ý thức hiển nhiên gắn liền với số phận con người. Sống, sợ già, sợ đau, sợ chết, nói chung, sợ tất cả những hiện tượng mà con người luôn phải đối đầu nhưng chưa giải thích được bản chất của chúng.

Tuy nhiên, dưới chế độ CS sợ là một căn bệnh xã hội và bệnh phát cơn khi có một nguồn kích động xảy ra. Giống như ánh sáng tuy không phải là lý do của bệnh đau đầu kinh niên nhưng mỗi khi bệnh nhân bước vào căn phòng quá sáng hay đèn bật sáng bất ngờ, cơn nhức đầu lại bùng bùng nổi dậy.

Trong nước, từ một em bé tiểu học cho đến một cán bộ đảng cao cấp có lập trường chính trị hồng như ráng trời chiều đều có ít nhiều vi khuẩn sợ trong người. Từ những bài tập viết văn cho đến các tiểu luận, biên khảo vẫn nặng phần trích dẫn. Thậm chí trong một bài viết vồn vện hai trang đã hơn một nửa là trích dẫn những câu kinh điển do các "lãnh tụ anh minh" CS nào đó để lại. Trích dẫn không phải để chứng minh cho cái đúng hay che giấu cái dốt của mình mà quan trọng hơn là để an tâm.

Trong buổi họp, nếu ai lên tiếng phản nản, phản đối trước một

đề nghị nào đó, chủ tọa chỉ cần dọa "một lần đề nghị đó cũng chính là ước vọng của lãnh tụ anh minh," tức khắc sự phàn nàn dù không ai khuyên cũng xì nhanh hơn bong bóng. Thói quen dựa dẫm vào những người được trao cho quyền "bất khả xâm phạm" trong xã hội, dù còn sống hay đã chết, cũng đều từ sự sợ hãi mà ra. Thói quen đó đã theo thời gian phát triển thành một cố tật trong sinh hoạt văn hóa xã hội tại Việt Nam.

Ngoài nịnh bợ, bệnh sợ hãi còn gây ra biến chứng trầm trọng khác là đổ thừa. Trong các bài tự phê bình chính thức hay không chính thức, những lý do khách quan bao giờ cũng nhiều hơn chủ quan. Chậm tiến là vì, nghèo đói là vì, tham nhũng là vì, tuyệt nhiên không có cái vì nào trong số đó là lỗi của mình.

Trong lúc sự sợ hãi là một phần của số phận con người như vừa trình bày, nó chỉ trở nên tai họa tập thể khi mức sợ hãi phát triển thành một bệnh trạng của cả xã hội, tồn tại như một phần của đời sống văn hóa, gây nên những phản động lực cản trở sự phát triển tinh thần của con người và ngăn chặn sự thăng tiến của xã hội.

Trong lịch sử của nhân loại thời cận đại, xã hội Liên Xô dưới thời Stalin và Bắc Hàn trong thời Kim Nhật Thành, có thể được xem là những nơi căn bệnh sợ hãi đã bị xã hội hóa đến mức độ gần như toàn diện.

Dưới chế độ toàn trị của Stalin, con người thấy chung quanh họ không có ai là bạn mà chỉ toàn là kẻ thù, kể cả cha mẹ, vợ chồng, anh em, bè bạn. Đảng có kẻ thù của đảng, nhà nước có kẻ thù của nhà nước, nhân dân có kẻ thù của nhân dân. Chủ trương trồng cấy vi khuẩn sợ hãi vào toàn bộ xã hội Liên Xô của Stalin thành công đến mức có lần y cho rằng một ngày các cơ quan an ninh để kiểm soát dân chúng có thể không còn cần thiết. Lý do Stalin tự tin như thế bởi vì sợ hãi đã có thể tự quản được trong chính mỗi con người.

Bệnh trạng sợ hãi tại Bắc Hàn so với Liên Xô còn trầm trọng hơn vì nhiều nơi tại Bắc Hàn con người được thuần hóa đến mức không còn biết sợ là gì. Nhận thức của con người họ phụ thuộc hoàn toàn vào một trung tâm chỉ đạo ý thức được điều khiển từ bên ngoài.

Nhiều người dân Bắc Hàn hoàn toàn mất ý niệm không gian và thời gian. Ngày tháng và nơi chốn đã bị đổi thay sau khi Kim Nhật Thành xóa bỏ niên lịch AD đang được dùng trên thế giới và thay vào đó bằng lịch Juche lấy năm sinh của họ Kim làm chuẩn. Ví dụ, năm 2000 là năm cuối cùng của thiên niên kỷ đối với phần lớn thế giới nhưng tại Bắc Hàn chỉ mới là năm Juche 99.

Nếu lý luận theo quan điểm kinh tế của Mác, khi mức độ xã hội hóa của nền kinh tế đạt đến mức toàn diện, chế độ kinh tế tất yếu sẽ biến thái, thì sự biến thái của các xã hội bị khống chế bằng nỗi lo sợ toàn diện như trường hợp Bắc Hàn, không có gì khác hơn là mang con người trở về thời nguyên thủy.

Cũng may, con người có lý trí và dù trong hoàn cảnh nghiệt ngã đến đâu nghị lực con người vẫn âm thầm phản kháng và tìm mọi cách vươn lên. Phong trào chống sợ và vươn lên như thể đang lan rộng tại Việt Nam. Đó là một tin mừng, bởi vì bệnh sợ càng thuyên giảm nhanh bao nhiêu, ngày tự do cho đất nước sẽ đến sớm bấy nhiêu.

ĐOÀN XE TANG TRÊN ĐƯỜNG PHỐ HỘI AN

Ngày đó, 41 năm trước, những người này hay cha mẹ những người này ngồi trên những chiếc Molotova dơ dáy, phủ những nhánh cây rừng, đội nón tai bèo, tay cầm súng AK, khuôn mặt hằm hằm tiến vào thành phố.

Ngày này, 41 năm sau, những người đó hay con cái những người đó ngồi trên những chiếc Limousine sạch sẽ, mới nhập màu đen lánh, ăn mặc sang trọng, tay cầm iPhone, khuôn mặt tươi cười, tiến vào thành phố.

Ngày đó, khá đông các thành phần tò mò, nằm vùng, ngây thơ chào đón họ. Chiếc bánh vẽ “độc lập, tự do, hạnh phúc” còn rực màu sơn nên không ít người tưởng thật.

Ngày này, gần như không còn ai tò mò, không còn ai ngây thơ, không còn ai nằm vùng ra chào đón họ. Chiếc bánh vẽ được thay bằng chiếc bánh bao Tàu nhưng thịt có tẩm chất salbutamol siêu nạc.

Đoàn xe màu đen như xe tang đi qua trên đường phố Hội An

trong lặng lẽ như đoàn xe Đức cũng màu đen trên đường phố Paris tháng Sáu năm 1940. Dăm bóng người ngơ ngác và không ai vẫy tay chào.

Để giữ gìn các kiến trúc không thể thay thế, bảo vệ an toàn, kính trọng các giá trị lịch sử và nét đẹp tự nhiên, nhiều thành phố cổ trên thế giới nghiêm cấm xe chạy trong những khu lịch sử. Trung tâm thành phố Vienna ở Áo, Grand Place ở Bỉ, Nuremberg ở Đức, đảo Hydra ở Hy Lạp v.v... nghiêm cấm xe cộ ra vào. Hội An giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử của Đông Phương vào cuối thế kỷ 16.

Trong thế kỷ 17, thành phố là nơi thả neo của nhiều tàu buôn quốc tế, nơi nghiền cứu và ẩn dật của các nhân vật cách mạng, chính khách thế giới sa cơ.

Hội An có những mái ngói cong, những cột gỗ lim tròn chạm trổ công phu, những con đường lát sỏi chạy dọc theo bờ sông Thu Bồn thơ mộng chảy từ Trà My tuyệt vời ra Thái Bình Dương bát ngát. Thời gian trôi qua, các điều kiện địa lý và kinh tế chính trị thay đổi, trục giao thương chuyển ra Đà Nẵng nhưng các giá trị lịch sử của Hội An vẫn còn nguyên vẹn.

Sau năm 1975, Phố Cổ vốn u trầm lại càng buồn hơn. Thành phố già nua trong thời chiến càng cần cỗi hơn trong thời bình.

Con người Hội An, giống như cả nước, sống trong sự an bài của định mệnh hơn là chọn lựa của đời mình. Nhưng từ khi được UNESCO công nhận định chế World Heritage Site năm 1999, Hội An ngủ quên suốt mấy trăm năm và may mắn sống sót trong cuộc chiến tranh dài đã thức dậy. Du khách nhiều nơi trên thế giới ồ ạt ghé thăm và thích thú được chiêm ngưỡng một Phố Cổ rêu phong nhưng gần như còn nguyên vẹn trong lòng một miền Nam Việt Nam điêu tàn và đổ nát.

Những chiếc lồng đèn, những mái ngói cong, những cột gỗ lim chạm trổ công phu, những tiệm cao lầu, những địa danh nghe rất lạ tai nhưng vô cùng thân thiết trong lòng người dân xứ Quảng như chùa Cầu, chùa Âm Bổn, chùa Ông từ quá khứ lãng quên bỗng hóa thành cơm gạo, bạc tiền giúp nuôi sống người dân của thành phố không có một công nghệ chính nào.

Sự kiện đoàn xe nhiều chục chiếc của Thủ tướng CS Nguyễn Xuân Phúc chạy trên đường Phố Cổ Hội An cấm chạy xe cho thấy bản chất vô văn hóa, thiếu tư cách của những người lãnh đạo Cộng Sản, sau 41 năm vẫn không thay đổi.

Không có trường học nào dạy Chủ tịch Quốc hội cách cho cá ăn, Chủ tịch Nước chọn lời ăn tiếng nói hay Thủ tướng Chính phủ biết con đường nào nên tránh lái xe qua. Những điều đó thuộc về tư cách. Những việc như nhổ một cây đinh, nhặt dăm cọng rác, rải thức ăn xuống hồ cá, mở lời trước công chúng nước ngoài, chọn một lối đi, rất nhỏ nhoi và gần như phản xạ tự nhiên nhưng thường là thước đo trung thực nhất cho tư cách con người.

Tư cách con người là kết quả của một quá trình sống, học hỏi, trải nghiệm lâu dài trong một môi trường giáo dục khoa học, nhân bản và khai phóng chứ không phải là một món hàng có được qua mua sắm bằng tiền nhất là tiền ăn cướp của kẻ khác.

Khi ngồi trên xe, Nguyễn Xuân Phúc và đám quan quyền CS có để ý ánh mắt đầy giận dữ của người dân Hội An đứng nhìn đoàn xe nặng nề đang lặn bánh trên con đường mỏng manh sau mấy trăm năm chịu đựng lụt lội, nắng mưa?

Khi ngồi trên xe, Nguyễn Xuân Phúc và đám quan quyền CS có để ý đôi mắt ngạc nhiên và khinh bỉ của các du khách ngoại quốc đứng bên đường nhìn lãnh đạo cao cấp của một quốc gia đang vi phạm luật lệ do chính các lãnh đạo đó ban hành?

Dĩ nhiên Nguyễn Xuân Phúc và đám quan quyền CS không thấy, bởi vì, dù ngồi trên Molotova trước đây hay trên Limousine hôm nay, họ cũng chỉ là một loại người chưa được khai hóa.

AI SỢ AI?

Phần đông các nhà nghiên cứu về chủ nghĩa Cộng Sản đồng ý chế độ CS tồn tại nhờ vào cơ chế toàn trị, trong đó hai phương pháp được áp dụng song song gồm bạo lực làm cho con người sợ hãi và tẩy não làm cho nhận thức con người trở thành phụ thuộc.

Tuy nhiên, “bạo lực cách mạng” dù sắt máu đến đâu và “giáo dục trồng người” dù tinh vi đến đâu cũng không thể được thực hiện một cách dễ dàng, bởi lẽ con người không thể bị thuần hóa hay bị chế ngự một cách tuyệt đối.

Lãnh đạo CS thường gọi cuộc tranh đấu giữa “chuyên chính vô sản” và “tàn dư tư bản” là cuộc đấu tranh “ai thắng ai?” Thật ra, để gọi cho đúng phải gọi đó là cuộc đấu tranh “ai sợ ai,” bởi vì ngày nào người dân không còn sợ đảng CS, đó cũng là ngày cáo chung của chế độ độc tài CS.

Tại Liên Xô

Trong suốt 74 năm tại Liên Xô, “ai sợ ai” diễn ra một cách khủng khiếp theo từng giai đoạn, từng thời điểm với số người chết dưới

chế độ CS được ước tính từ 20 triệu người đến 61 triệu người. Dù sắt máu bao nhiêu, Lenin và Stalin cũng không đập tắt được tiếng nói bất khuất của người dân tại các nước cộng hòa bị trị.

Tháng Giêng 1987, Gorbachev nhận thức con đường duy nhất để duy trì chế độ là phải thực hiện cấp bách các cải tổ kinh tế và cởi mở văn hóa chính trị. Tuy nhiên vào thời điểm đó, phần thắng trong cuộc chiến “ai sợ ai” đã nghiêng hẳn về phía người dân.

Trận chiến “ai sợ ai” cuối cùng diễn ra vào sáng ngày 19 tháng 8, 1991 khi Boris Yelstin, khoa học gia Mikhail Arutyunov và nhiều người khác hiên ngang trực diện với chế độ CS và cũng là khi chỉ huy trưởng đoàn tăng Sergey Yevdokimov quyết định không bắn vào dân. Mặc dù còn hơn ba tháng Mikhail Gorbachev mới chính thức từ chức nhưng hôm đó đã là ngày quyết định số phận của cơ chế độc tài.

Tại Trung Cộng

Mao là một trong số ít đồ tể hàng đầu của nhân loại nhưng chính y đã nhận ra sự phản kháng của xã hội không thể nào ngăn chặn được và gọi đó là “Diễn biến hòa bình.” Thật ra nếu gọi cho đúng đó là chuyển hóa xã hội dân chủ. Cuộc chiến “ai sợ ai” tại Trung Cộng đã diễn ra khốc liệt.

Sau trận chiến “ai sợ ai” đẫm máu tại Thiên An Môn vào tháng Sáu năm 1989, lãnh đạo Trung Cộng càng sợ dân hơn và áp dụng một chính sách trấn áp song song với hệ thống tuyên truyền tẩy não vô cùng chi tiết, tinh vi.

Tại Việt Nam

Riêng tại Việt Nam, theo tổng kết của sử gia Steven Rosefielde khoảng 200 ngàn đến 900 ngàn người Việt bị CS giết trong thời kỳ thiết lập chế độ CS tại miền Bắc năm 1954. Tuy nhiên không phải

vì thế mà cuộc chiến “ai sợ ai” tại Việt Nam dừng lại. Điển hình nhất là cuộc nổi dậy Quỳnh Lưu. Từ 1975 trên phạm vi cả nước, sức đề kháng của người dân bị trị vẫn tiếp tục dưới nhiều hình thức và trong mọi lãnh vực.

Sau khi hệ thống CS Châu Âu sụp đổ đầu thập niên 1990, để tồn tại, về mặt kinh tế, hàng loạt các biện pháp “đổi mới” đã được lãnh đạo đảng thực thi bên cạnh những “cởi trói” trong văn hóa, văn nghệ. Nhà tù luôn có thêm tù nhân mới nhưng ánh sáng văn minh thời đại cũng đã tràn vào qua những khe hở nhỏ. Nhiều tiếng nói khác đã bắt đầu được gióng lên, các mạng lưới dân chủ được nối kết, các phong trào xã hội được hình thành.

Hiện nay, lãnh đạo CSVN chỉ còn biết dựa vào tầng lớp bồi bút để bênh vực phần lý luận, dựa vào bộ máy quân đội, công an để trấn áp đồng bào.

Sự kiện nhiều chục ngàn dân liên tục xuống đường của đồng bào Hà Tĩnh và nhiều nơi ở miền Trung chống công ty Formosa gây ô nhiễm đang làm đẩy ly nước bất bình công phần của các tầng lớp nhân dân đối với chế độ.

Lãnh đạo CSVN, thay vì đàn áp đẫm máu như họ đã làm để dập tắt cuộc nổi dậy của đồng bào Quỳnh Lưu, Nghệ An tháng 11 năm 1956, họ chọn lui vào thế thủ bằng cách im lặng và ra lệnh cho mấy trăm tờ báo, các hệ thống truyền thanh, truyền hình im lặng.

Nhưng lãnh đạo đảng im lặng được bao lâu và nếu không im lặng họ sẽ làm gì?

Chắc chắn lãnh đạo đảng không muốn tự đào huyệt chôn mình bằng một Quỳnh Lưu đẫm máu khác, nhưng cũng không có nhiều chọn lựa dành cho đảng ngoài việc chờ cơn phẫn nộ của nhân dân lắng xuống và tìm cách thỏa hiệp riêng với các thành phần trong phong trào. Đây là thời điểm thách thức của lòng yêu nước và thái

độ dứt khoát không phải chỉ nơi các lãnh đạo phong trào mà cả các tầng lớp nhân dân muốn đi cùng dân tộc và thời đại. Yêu nước không bao giờ quá trễ.

Cuộc nổi dậy Quỳnh Lưu và phong trào chống Formosa tại Kỳ Anh cách nhau tròn 60 năm. Đó một chặng đường lịch sử đầy hy sinh, xương máu nhưng chỉ vì một mục đích tự do, dân chủ cho dân tộc Việt Nam.

Hôm nay, tự do, dân chủ không còn là một ước mơ mà là một hiện thực trong tầm tay với. Mỗi người Việt Nam, bên cạnh những khó khăn phải chịu đựng, thử thách đang phải đương đầu, sẽ cảm thấy vinh dự vì được sinh ra và lớn lên trong một thời đại mà những đóng góp, những hy sinh của mỗi người sẽ góp phần làm thay đổi một cách căn bản hướng đi đích thực của dân tộc hôm nay và mai sau.

LÃNH TỰ VÀ THỜI ĐẠI

Lãnh tự tạo nên thời đại hay thời đại tạo nên lãnh tự vẫn còn là một vấn đề được tranh luận nhưng chắc chắn cả hai có một quan hệ hỗ tương, gắn bó chặt chẽ trong đó ý thức của thời đại đóng vai trò quyết định. Nhìn lại một giai đoạn lịch sử hay một sự kiện chính trị để phán xét là điều quá dễ dàng nhưng khi sống ngay trong giai đoạn đó thì khó có thể phán xét đúng và sai, nhân và quả.

Vài trường hợp thường được đem ra thảo luận.

Neville Chamberlain và quan điểm “thời đại hòa bình”

Một lãnh đạo quốc gia dân chủ bị phê bình nặng nhất trong Thế Chiến thứ Hai là Thủ tướng Anh, Lord Neville Chamberlain. Tuy nhiên trong thời điểm tháng Chín 1938, ông ta là một anh hùng của nước Anh. Ngày thứ Sáu, 30 tháng Chín, 1938, thủ đô London giống như một ngày hội. Theo tin tức trên các báo, buổi sáng hôm đó Thủ tướng Lord Neville Chamberlain sẽ thành công trở về sau cuộc hội đàm với Quốc trưởng Đức Adolf Hitler. Nhiều báo còn kêu gọi dân chúng cùng đi đón thủ tướng tại phi trường bằng mọi phương tiện. Các hãng xe bus đưa thêm xe, tàu điện ngầm tăng

thêm chuyển. Hàng ngàn dân Anh nô nức đổ ra phi trường Heston, cách thủ đô London chín dặm, để chào đón thủ tướng của họ.

Khi cánh cửa máy bay vừa mở, Thủ tướng Anh Lord Neville Chamberlain bước xuống cầu thang. Ông nói như hét vào tai của Bộ trưởng Ngoại Giao Anh, Lord Halifax, đang đứng trong hàng viên chức ra tiếp đón thủ tướng “Tôi đạt được rồi, tôi đạt được rồi.” Ý ông là đạt được thỏa hiệp với Hitler. Thủ tướng Anh rút trong túi một tờ giấy và cẩn thận mở ra và đọc nguyên văn “Chúng tôi, Quốc trưởng Đức và Thủ tướng Anh đã họp thêm sáng nay và cùng công nhận rằng mối quan hệ giữa Anh và Đức là mối quan hệ quan trọng hàng đầu đối với hai nước cũng như đối với toàn châu Âu. Chúng tôi nhìn nhận thỏa hiệp được ký tối qua và thỏa hiệp hải quân Anh-Đức như biểu tượng cho ước muốn của nhân dân hai nước sẽ không bao giờ phát động chiến tranh chống nhau lần nữa.” Ý thức chủ hòa là ý thức chung của đại đa số dân Anh lúc bấy giờ.

Câu nói bất hủ của Neville Chamberlain “Hòa bình trong thời đại chúng ta” vang dội khắp nước Anh trong những ngày sau đó nhưng cũng chính câu nói này đã ám ảnh ông cho đến khi ông qua đời hai năm sau.

Adolf Hitler và mộng bành trướng Châu Âu

Buổi sáng ngày 19 tháng 8, 1934 là ngày nhân dân Đức đi bỏ phiếu để hợp thức hóa vai trò lãnh đạo tối cao của Adolf Hitler. Một cột báo lớn trên trang nhất long trọng công bố “Hôm nay Adolf Hitler là biểu tượng của nhân dân Đức.” Tổng thống Paul von Hindenburg qua đời hai ngày trước. Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1928, hiệp ước Versailles và quan điểm chủ hòa của phe đồng minh Anh-Pháp đã góp phần để đưa một chính trị gia chỉ được 32% số phiếu bầu hai năm trước trở thành “lãnh tụ anh

minh” với gần 98.9% cử tri Đức ủng hộ trong lần bầu cử 1934, và trở nên một “cứu tinh dân tộc.” Theo sử gia Sebastian Haffner, ngay cả một số người Đức bỏ phiếu chống Hitler trước đó cũng quay sang ủng hộ Hitler.

Đành rằng, bộ máy tuyên truyền của Đức Quốc Xã do Joseph Goebbels điều hành đóng một vai trò rất lớn trong việc vận dụng tinh thần yêu nước của người dân Đức, phần chủ yếu vẫn cũng là ý thức chính trị chung của người dân Đức. Hậu quả của ý thức thời đại đó như mọi người đều biết là Thế Chiến thứ Hai với khoảng 80 triệu người chết.

Một trường hợp sẽ được nghiên cứu sâu rộng sau này là trường hợp Donald Trump.

Gác qua một bên những tình cảm yêu ghét, quan điểm đạo đức, lập trường chính trị, kết quả cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ cho thấy nước Mỹ đang cần và đã tạo nên một nhân vật Trump. Ý thức thời đại đang quay về với một loại chủ nghĩa quốc gia ngay trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Do đó, đừng lấy làm ngạc nhiên khi Tổng thống Nga Vladimir Putin được 83 phần trăm dân Nga được thăm dò chấp thuận hay Tổng thống Philippines Rodrigo Duterte được 76 phần trăm dân Philippines được thăm dò chấp thuận. Nước Mỹ đang cần một lãnh đạo có khả năng làm lực đối trọng với Vladimir Putin của Nga, Tập Cận Bình của Trung Quốc, với Recep Tayyip Erdoğan của Thổ Nhĩ Kỳ, với Hassan Rouhani của Iran, và cũng có khả năng đặt vấn đề quyền lợi cũng như trách nhiệm một cách thẳng thắn với các quốc gia đồng minh của Mỹ.

Trong các tiệc tùng hay tại các quán nhậu, người ta có thể cười thoải mái về các chuyện đời tư hay cá tính của Donald Trump nhưng khi đem so sánh với các chính sách của Hillary Clinton, cử tri Hoa Kỳ đã nghĩ khác. Chọn lựa trước thềm phiếu khác với tình cảm trong quán nhậu. Niềm tin của cử tri Hoa Kỳ, ngoài việc cần

phải thay đổi còn dựa vào xương sống của nền dân chủ Mỹ, đó là nguyên tắc đối trọng (checks and balances) giữa ba ngành chánh phủ. Nguyên tắc đối trọng hữu hiệu ngay cả trong trường hợp hành pháp lẫn lập pháp đều thuộc một đảng.

Trong nhiệm kỳ đầu của TT Barack Obama, đảng Dân Chủ nắm đa số tại Thượng Viện lẫn Hạ Viện nhưng quan điểm thiểu số Cộng Hòa vẫn được tôn trọng và nhiều đạo luật phản ánh tinh thần lưỡng đảng.

Xin mở ngoặc ở đây, trong phương pháp bầu cử theo cử tri đoàn, mục đích của ứng cử viên là chiếm được đa số cử tri đoàn và mục đích đó chi phối toàn bộ các phương pháp vận động bầu cử. Một số người không nghiên cứu tường tận cách thức bầu cử cử tri đoàn dựa trên đa số nhưng tôn trọng quyền thiểu số của Mỹ, đã vội vã phê bình là khiếm khuyết, thiếu dân chủ hay lẽ ra Hillary Clinton nên là tổng thống. Luật bầu cử của một quốc gia trước hết đặt cơ sở trên các giá trị lịch sử và điều kiện chính trị đặc thù của quốc gia đó. Nước Mỹ là liên bang của những tiểu bang, trong đó mỗi tiểu bang có chiều dày lịch sử, văn hóa, dân số và địa lý khác nhau. Nước Mỹ hình thành không phải từ “một mẹ trăm con” hay một dân tộc có nhiều ngàn năm lịch sử, mà là gặp nhau từ bốn phương trời với vồn vẹn trên dưới 300 năm lịch sử. Phần lớn mười ba thuộc địa đầu tiên dựng nên nước Mỹ, ngoại trừ New York, đều là những thuộc địa nhỏ. Do đó, giải pháp bầu theo cử tri đoàn là giải pháp tối ưu để vừa thuận theo đa số nhưng tôn trọng thiểu số. Nếu theo phương pháp phổ thông đầu phiếu, người dân tiểu bang Wyoming sẽ chẳng có quyền quyết định gì trong chính trị Mỹ vì tiểu bang này chỉ có hơn nửa triệu dân so sánh với California dân số hơn ba mươi tám triệu.

Tranh chấp Biển Đông

Chiến lược của Mỹ trong tranh chấp Biển Đông có lẽ là điều mà

mọi người Việt ưu tư về đất nước quan tâm. Trong tư cách Ngoại Trưởng, Hillary Clinton từng tuyên bố tại Diễn đàn Khu vực về Hợp tác an ninh ở châu Á tổ chức tại Hà Nội hôm 23 tháng Bảy, 2010: *“Hoa Kỳ, giống như các quốc gia khác, có quyền lợi quốc gia về tự do hàng hải, mở cửa những thủy lộ chung tại châu Á, và tôn trọng luật pháp quốc tế trên Biển Đông. Hoa Kỳ chia sẻ quyền lợi này, chẳng những với các quốc gia thành viên ASEAN hoặc các quốc gia tham dự Diễn đàn Khu vực ASEAN, mà còn với các quốc gia có nhu cầu về hàng hải khác và cộng đồng quốc tế rộng lớn hơn.”*

Sau hơn 6 năm từ tháng 7, 2010, Trung Cộng vẫn tiếp tục dùng vũ lực khống chế khu vực Biển Đông, độc quyền khai thác các nguồn dầu mỏ, khoáng sản, và xâm phạm quyền lợi của các quốc gia vùng Đông Nam Á, tiếp tục tăng cường quân sự, hiện đại hóa vũ khí và đe dọa chủ quyền các quốc gia Á Châu. Còn quá sớm để nhận xét về chính sách đối ngoại của Donald Trump về Á Châu và cũng không có nghĩa Donald Trump lên Trung Cộng sẽ rút khỏi Biển Đông, nhưng rõ ràng một sự thay đổi về phương pháp đối đầu với những quốc gia đang xung đột quyền lợi với Hoa Kỳ là những gì cử tri Mỹ đang muốn thấy.

Hiếu được hưởng đi của thời đại là điều rất cần thiết cho những ai đang mưu cầu một tương lai tốt đẹp, tự do dân chủ cho Việt Nam. Các nước nhỏ không có nhiều chọn lựa mà chỉ có thể vận dụng và phải biết vận dụng đúng trong mọi tình huống.

Cuộc đấu tranh chống chế độ Phân Biệt chủng Tộc Nam Phi của tổ chức ANC (African National Congress) do Nelson Mandela lãnh đạo là một bài học điển hình và một tấm gương sáng để soi. Trong một thời gian dài khi Mandela và các bạn chiến đấu của ông còn chịu đựng tù đầy, các tổng thống Hoa Kỳ từ Ronald Reagan tới George H.W. Bush chẳng những không yểm trợ mà còn kết án ANC là khủng bố. Nhưng các lãnh tụ ANC không vì thế mà nản

lòng, bỏ cuộc, trái lại vẫn kiên trì tranh đấu và khi phong trào CS châu Âu sụp đổ, họ nắm bắt cơ hội ý thức thời đại đang chuyển về hướng dân chủ để thay đổi Nam Phi.

Nền dân chủ Việt Nam cũng vậy. Dân chủ Việt Nam như một bông hoa mọc lên giữa bụi cây đầy gai nhọn và rất khó gỡ ra, nhưng vẫn phải vươn lên. Dân chủ là văn minh của thời đại và không có chọn lựa nào khác ngoài dân chủ. Lịch sử của Nam Phi, Miến Điện và sẽ của Việt Nam, được viết bởi những người ở lại chứ không phải bởi những kẻ bỏ đi.

TƯỢNG ĐÀI CS, MỘT GIA TÀI KHÔNG AI MUỐN NHẬN

Tổng Bí Thư CS Nguyễn Văn Linh và quốc tổ Hùng Vương, ai đáng kính trọng hơn? “Đó là câu hỏi ngu!” Những người có chút ít nhận thức chính trị và lịch sử, chẳng những không trả lời mà còn mắng ngược kẻ đặt ra câu hỏi.

Làm thế nào Nguyễn Văn Linh, một trong những người đã ký mật ước Thành Đô quy thuộc Trung Cộng lại có thể đem so với vị vua đã sáng lập nên nước Văn Lang của dòng giống Lạc Việt?

Làm thế nào một lãnh đạo của chỉ ba triệu đảng viên CS lại có thể đem ra so sánh vua Hùng, sáng tổ của cả dân tộc? Và đừng quên không có vua Hùng đã không có một nước tên gọi Việt Nam trên bản đồ thế giới trong khi nếu không có đảng CSVN lại là một điều vô cùng may mắn cho dân tộc Việt Nam.

Sự thật khó tin nhưng chính các lãnh đạo CSVN, có văn bản đảng hoàng, cho rằng TBT CSVN Nguyễn Văn Linh đáng kính trọng hơn Quốc Tổ Hùng Vương.

Theo nội dung Quyết Định số 1063/QĐ-TTg do Nguyễn Tấn

Dùng kỷ ngày 2 tháng 7, 2015, phê duyệt kế hoạch tổ chức các ngày lễ trong hai năm 2014 và 2015, ngày sinh của Nguyễn Văn Linh 01/07 được đảng CSVN được xem như ngày lễ “Quy Mô Cấp Quốc Gia” trong khi này Giỗ Tổ Hùng Vương Mừng 10 tháng 3 năm Ất Mùi 2015 chỉ là lễ địa phương và bị đưa xuống hàng cấp tỉnh. Theo Quyết Định này, vua Hùng bị xếp ngang hàng với Trần Phú, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Chí Thanh.

Nguyên văn: “Ngày lễ lớn do Ban Tổ chức cấp quốc gia chủ trì tổ chức, giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì xây dựng Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gồm: Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh (01/7/1915 - 01/7/2015).”

Nguyên văn: “Bao gồm kỷ niệm ngày sinh của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, lãnh đạo tiền bối tiêu biểu; phong trào cách mạng; sự kiện tiêu biểu và ngày truyền thống, ngày thành lập ngành; ngày giải phóng, ngày thành lập tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. 1. Kỷ niệm 55 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh (19/5/1959 - 19/5/2014). Bộ Quốc phòng đã tổ chức. 2. Giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3 năm Ất Mùi - 2015). Giao tỉnh Phú Thọ chủ trì tổ chức...”

Quyết định của lãnh đạo CSVN phát xuất nhiều lý do như người viết đã trình bày trong các bài viết, nhiều nhất trong bài Bàn về tẩy não, xin tóm tắt lần nữa dưới đây:

- Tiếp tục tẩy não các thế hệ Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ. Một khi chính sách tuyên truyền tẩy não không còn tác dụng, đảng CS sẽ tắt thở. Đó là trường hợp của Liên Xô.

Trong lúc “bóng ma chủ nghĩa cộng sản,” mà Karl Marx dùng để thách thức quyền lực của các nhà nước tư sản giữa thế kỷ 19 trong Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản, đã chìm vào quá khứ và đại đa số nhân loại đang hằng say tiến bước trên con đường dân chủ hóa.

Việt Nam thì chưa. Tại Việt Nam, hàng triệu học sinh, sinh viên mỗi ngày vẫn phải học thuộc một cách tử chương những khái niệm, những định nghĩa sai lầm và lỗi thời. Tại Việt Nam, bệnh sùng bái cá nhân, tôn thờ lãnh tụ vẫn còn đang chế ngự trong hầu hết các lãnh vực của đời sống văn hóa và tinh thần đất nước. Không một giáo án, giáo trình, diễn văn, tham luận, tuyên ngôn, tuyên cáo nào mà không trích dẫn vài câu nói của các lãnh tụ CS. Sự nô lệ tri thức như là một loại vi trùng sinh sôi và lan rộng trong từng con người, qua nhiều thế hệ, xói mòn và tàn phá tính khai phóng, làm thui chột tính sáng tạo trong con người.

- Đồng nghĩa lịch sử đảng CS và lịch sử dân tộc: Lãnh đạo đảng CSVN đang cố gắng tuyệt vọng vực dậy những xác chết, những tên tuổi đang bị lãng quên, vùi lấp trong làn sóng văn minh dân chủ thời đại để đánh đồng họ với các anh hùng dân tộc thật sự khác.

Tuy nhiên, những lãnh đạo CS đã chết, từ chết trẻ như Lý Tự Trọng, Nguyễn Thị Minh Khai, Trần Phú, chết già như Hồ Chí Minh, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, chết trong chiến tranh như Nguyễn Chí Thanh v.v... chỉ là đảng viên CS, không có liên hệ một chút gì đến lịch sử Việt Nam.

Có người có thể sẽ phản biện rằng, họ là người CS nhưng đồng thời là người yêu nước. Không. Những người kể trên là đảng viên CS, đã sống và chết như những người CS. Mục tiêu CS hóa Việt Nam là canh bạc của đời họ. Bằng chứng rõ ràng. Nguyễn Thị Minh Khai, Lý Tự Trọng và nhiều đảng viên CS khác khi bước lên máy chém đều hô lớn “Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm,” không ai trong số họ hô “Việt Nam vạn tuế” hay “Việt Nam muôn năm” như các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng đã hô tại Yên Bái sáng sớm ngày 17 tháng 6 năm 1930.

Một người sắp chết thường nghĩ về cội nguồn. Đó là cha mẹ, quê hương, dân tộc, tổ quốc. Người CS chỉ biết nghĩ về đảng vì đảng là

cội nguồn của họ.

Như người viết đã phân tích trước đây, đó cũng là điểm khác biệt chính giữa các đảng cách mạng thật sự chiến đấu vì tự do, độc lập của dân tộc và đảng CSVN. Với những người yêu nước chân chính, đảng cách mạng chỉ là chiếc ghe để đưa dân tộc Việt Nam qua bờ tự do độc lập trong khi với Đảng Cộng sản chiếc ghe lại chính là dân tộc chuyên chở tham vọng của đảng.

Các nước cựu CS Đông Âu và thế giới xử trí sao với những "Nguyễn Lương Bằng," "Hoàng Quốc Việt", "Nguyễn Chí Thanh", "Nguyễn Thị Minh Khai..." của họ?

Ngày lễ kỷ niệm những người này tại các nước cựu CS rất dễ giải quyết. Tên tuổi họ tức khắc bị gạch ra khỏi lịch và nhanh chóng rơi vào quên lãng. Nhân dân các nước Cộng Hòa non trẻ quá bận tâm lao vào cuộc chạy đua với nhân loại để hiện đại hóa đất nước, chẳng còn ai có thì giờ nghĩ đến chuyện xưa, mới đó nhưng chừng già hơn trái đất.

Tuy nhiên, việc phá hủy các tượng đài là cả một vấn đề vì phải tốn nhiều công sức và tranh luận.

Các nhà sử học Đông Âu gọi tượng đài các "anh hùng CS" là gia tài không ai muốn nhận (unwanted heritage) hay như hai tác giả W. Logan và K Reeves gọi là gia tài nan giải trong tác phẩm Những nơi đau nhức và nhục nhã, đương đầu với một "gia tài nan giải" (Places of pain and shame: dealing with "difficult heritage").

Chẳng hạn việc phá hủy bức tượng khổng lồ của Enver Hoxha (Lê Duẩn của đảng CS Albany) đã gây nhiều tranh cãi. Một số sử gia cho rằng nên giữ tượng Enver Hoxha để các thế hệ sau này khi học về một chế độ độc tài tàn bạo sẽ đến ngay đó để xem mặt mày của y ra sao. Nhiều nơi vẫn còn giữ lại một số tượng đài trong ý nghĩa đó. Một số tượng đài khác bị bỏ hoang. Số phận của chúng

giống như những lò cốt thời thực dân còn lại. Quốc kỳ cũng vậy, tất cả quốc gia cựu CS không dùng lá cờ dưới chế độ CS trước đây bị gọi là “cờ tổ quốc,” trong trường hợp Việt Nam là cờ đỏ sao vàng, làm quốc kỳ cho kỷ nguyên Cộng Hòa mới của đất nước họ.

Riêng chính phủ Hungary có một sáng kiến hay. Họ muốn nhắc nhở các thế hệ mai sau một quá khứ hãi hùng, đau thương của đất nước, một bài học mà các thế hệ trẻ phải học để tránh, nên thay vì phá hủy, đã tập trung các “Bác Hồ,” “Lý Tự Trọng,” “Nguyễn Thị Minh Khai,” “Lê Hồng Phong,” “Phan Đăng Lưu” v.v... của nước họ vào một công viên gọi là Memento Park, địa chỉ 1223 Budapest Balatoni road, Szabadkai street corner, Hungary.

Công viên này là trung tâm du lịch nổi tiếng ở Budapest. Phải mua vé mới được vào xem mặt các “anh hùng.” Bộ trưởng Giáo Dục Hungary Zoltán Pokorni phát biểu “Tôi nghiên cứu các kế hoạch của đề án Memento Park với một quan tâm rất lớn. Tôi thấy đây là một kế hoạch đầy hứa hẹn để giữ ký ức lịch sử còn sống và tăng cường ý thức của công dân về trách nhiệm và cam kết để giữ gìn nền dân chủ... Công viên sẽ được sinh viên học sinh, những em không có kinh nghiệm và ký ức riêng tư, thăm viếng thường xuyên, nhờ đó có cái nhìn sâu xa và ấn tượng của một thời đại được biểu hiện trong công viên.”

Việt Nam rồi cũng thế. Một ngày những thế hệ trẻ Việt Nam sẽ đến những nơi tương tự không phải để thưởng ngoạn hay thăm viếng nhưng để học về sự chịu đựng vô bờ bến của ông bà họ trên đoạn đường đầy máu và nước mắt mà dân tộc Việt đã phải đi qua.

VIỆT NAM KHÔNG PHẢI LÀ MIỄN ĐIỆN

Mỗi khi có một cuộc cách mạng dân chủ hay thắng lợi của phong trào dân chủ tại một nước độc tài nào đó, những người Việt quan tâm đến tương lai đất nước thường ngậm ngùi tự hỏi tại sao không phải là Việt Nam.

Sáng nay thức dậy đọc tin chiến thắng của Liên minh Dân tộc vì Dân chủ (National League for Democracy, NLD) dưới sự lãnh đạo của bà Aung San Suu Kyi và nền dân chủ tại Miến Điện đang được phục hồi lần đầu sau 25 năm dưới chế độ quân phiệt, những người Việt quan tâm đó chắc lại một lần nữa thở than tại sao sau bao nhiêu năm Việt Nam vẫn chưa có một Aung San Suu Kyi, chưa tạo được một phong trào đối kháng có khả năng lật đổ chế độ CSVN.

Thật sự, điều kiện chính trị của Miến Điện khác nhiều so với Việt Nam.

Cơ sở hạ tầng của NLD hoạt động chặt chẽ, phong trào dân chủ Việt Nam chỉ mới hình thành. Đảng đối lập NLD có cơ sở hạ tầng vững chắc và đã thắng 396 trong tổng số 485 ghế Quốc hội trong cuộc bầu cử dân chủ công khai được quốc tế công nhận năm 1990, trước khi bị đám quân phiệt đàn áp. Cơ sở hạ tầng đó không bị tiêu

diệt hay chết dần theo thời gian mà đã tiếp tục lớn lên. Ngay cả các đại diện ngoại giao và quốc tế của NLD vẫn tiếp tục hoạt động ngoài Miến Điện sau khi bà Aung San Suu Kyi bị tù. Phong trào dân chủ Việt Nam chưa bao giờ có được cơ hội hoạt động công khai hay bán công khai. Các phong trào xã hội tại Việt Nam còn rất non trẻ và các lãnh đạo của phong trào lần lượt bị tù đầy.

Quân phiệt Miến độc tài, CSVN toàn trị. Tập đoàn lãnh đạo Miến Điện dù sao cũng chỉ là một tập đoàn quân phiệt tay ngang, vô biên chứ không phải là một chế độ độc tài toàn trị được tổ chức tinh vi, nắm trong tay không những quân đội, công an, nhà tù, sân bắn mà còn có khả năng kiểm soát từng ngôi chùa, nhà thờ, thánh thất, từng hộ khẩu, từng cân đường, cân gạo của mỗi người dân như đảng Cộng sản Việt Nam. Giới lãnh đạo Việt Nam đối với Trung Quốc thì rụt rè, khép nép nhưng trấn áp dân mình thì rất giỏi.

Quân phiệt Miến xa rời lịch sử, CSVN sống bám vào lịch sử. Tập đoàn quân phiệt Miến không có chỗ dựa lịch sử. Lịch sử đứng về phía bà Aung San Suu Kyi và nhân dân Miến. Đảng Cộng sản Việt Nam thì khác, họ bám sâu vào cây đại thụ dân tộc Việt Nam, sinh sôi nảy nở bằng nhựa nguyên và nhựa luyện Việt Nam. Đảng CS đồng hóa đảng và dân tộc, lịch sử đảng và lịch sử dân tộc. Bộ máy tuyên truyền của đảng giải thích lịch sử theo quan điểm của đảng. Quá trình hình thành và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam là một quá trình đầy ngộ nhận lịch sử và họ tồn tại đến ngày nay, một phần cũng nhờ vào những ngộ nhận đó.

Quân phiệt Miến kiểm soát bậc đại học, CSVN đầu độc tuổi trẻ từ khi biết nói. Quân phiệt Miến độc tài nhưng không theo đuổi chính sách tẩy não tận cùng như CSVN đã và đang làm với các thế hệ Việt Nam. Tuổi trẻ Việt Nam lớn lên trong nền giáo dục một chiều và phản khoa học. Họ được dạy sự có mặt của Đảng Cộng

sản trong đời sống chính trị và sinh hoạt xã hội Việt Nam tự nhiên chẳng khác gì bốn mùa xuân hạ thu đông. Nói như Mác, tự do là sự thừa nhận các quy luật tất yếu, và sự tồn tại của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng được giải thích như là tất yếu. Nền giáo dục vẹt tồn tại trong xã hội Việt Nam từ bao nhiêu năm qua đã giết chết mọi mầm mống sáng tạo tự nhiên trong con người. Sự nô lệ trí thức như là một loại vi trùng sinh sôi và lan rộng trong từng con người, qua nhiều thế hệ, xói mòn và tàn phá tính khai phóng, làm thui chột tính sáng tạo trong con người. Suy nghĩ lạc hậu đó được tiêm vào nhận thức tuổi thơ từ khi các em mới tập nói và cũng tồn tại trong một số không ít những người được gọi là trí thức. Muốn tháo gỡ ra, muốn tách hệ ý thức lạc hậu đó ra, mà không phải làm ung thối đi nguồn nhựa sống hay làm ngã cây cổ thụ dân tộc, không phải là một chuyện dễ dàng.

Quân phiệt Miến bị thế giới cô lập, CSVN được Tàu nuôi dưỡng. Không giống tập đoàn quân phiến Miến cô đơn trong lòng dân tộc và bị cô lập về mặt quốc tế, CSVN đang được Tàu nuôi dưỡng. Như đã phân tích trước đây trong bài *Trung Cộng không đáng sợ*, mặc dù không công khai tuyên bố, giới lãnh đạo CSTQ cũng biết hiện nay chỉ còn năm quốc gia theo một loại chủ nghĩa mà giáo sư sử học Roderick Macfarquhar, thuộc đại học Harvard, gọi là chủ nghĩa Lê Nin không có Mác, tức một nhà nước chuyên chính sắt máu nhưng không còn dựa trên nền tảng triết lý duy vật. Hai cơ chế chính trị CSTQ và CSVN có một mối quan hệ hữu cơ mật thiết với các yếu tố tương quan và phụ thuộc vào nhau. Sự lệ thuộc về chính trị của Việt Nam vào Trung Cộng không chỉ giúp để giữ an toàn phòng tuyến phía nam Trung Cộng mà còn tránh sự sụp đổ dây chuyền trong trường hợp cách mạng dân chủ tại Việt Nam diễn ra trước. Không có bình sữa của Tàu, CSVN chết khô, chết héo từ lâu rồi.

Bài học Miến Điện cho phong trào dân chủ Việt Nam

Chọn lựa đúng thời điểm đấu tranh trực diện. Báo chí và dư luận ca ngợi bà Aung San Suu Kyi như một lãnh tụ tài ba và can đảm, và không ít người cũng ca ngợi Thein Sein như một lãnh đạo thức thời đã mở ra cánh cửa mới cho xứ sở ông ta. Vâng. Bà Aung San Suu Kyi là một lãnh tụ tài ba, can đảm và có tầm nhìn xa vào tương lai Miến Điện. Việc bà chấp nhận được trả tự do trong lúc hàng trăm bạn chiến đấu của bà vẫn còn đang bị tù và chỉ sáu ngày sau cuộc bầu cử trong đó cánh quân phiệt chiếm đại đa số trong quốc hội là một chọn lựa hết sức can đảm. Hai mươi năm trước đó, chiều ngày 11 tháng Giêng năm 1990, Nelson Mandela cũng chọn lựa để bước ra khỏi cổng nhà tù Victor Verster trong lúc các bạn chiến đấu của ông vẫn còn bị tù. Với bà Aung San Suu Kyi và Nelson Madela, tự do không phải là tự do cho riêng họ mà chỉ là bước đầu trong hành trình đầy gian nan phục hưng đất nước. Cả hai đã chọn đúng thời điểm để đấu tranh trực diện.

Sức mạnh nhân dân là nền tảng. Không thể phủ nhận vai trò lãnh đạo về mặt tinh thần và tổ chức của bà Aung San Suu Kyi. Tuy nhiên những người quyết định vận mạng Miến Điện không phải là Aung San Suu Kyi hay Thein Sein mà chính là nhân dân Miến suốt 53 năm dài vẫn kiên trì tranh đấu cho tự do dân chủ. Cuộc đấu tranh đó bắt đầu từ 1962, 26 năm trước biến cố đẫm máu 8888 (8/8/1988) mà bà Aung San Suu Kyi tham gia. Nhắc lại, cuộc nổi dậy 8888 bắt đầu vào tuần lễ đầu tháng 7, 1988 của nhiều trăm ngàn dân Miến đòi dân chủ và đã bị tập đoàn quân phiệt đàn áp một cách dã man. Cảnh sát và quân đội được lệnh bắn thẳng vào đoàn biểu tình. Bà Aung San Suu Kyi tham gia vào cuộc nổi dậy ngày 28 tháng 8 với diễn văn tại chùa Shwedagon và NLD được thành lập một tháng sau đó. Từ đó bà lãnh đạo cuộc đấu tranh dân chủ bằng phương pháp bất bạo động cho đến hôm nay. Trong suốt

53 năm, hay 25 năm nếu tính từ lần bầu cử tự do 1990, nhiều ngàn người dân Miến bị giết chết cùng nhiều ngàn người khác bị tù. Máu của họ không đổ xuống trong oan uổng mà đã tô thắm con đường dân chủ của Miến Điện hôm nay. Những người dân bình thường, không tên tuổi đó mới thật sự là những anh hùng dân chủ của dân tộc Miến.

Chiến lược tranh cử thông minh. Cuộc bầu cử tại Miến không phải chỉ có hai đảng USDP (Union Solidarity and Development Party) và NLD (National League for Democracy) mà đã có tới 90 đảng lớn nhỏ tranh nhau vào quốc hội. Tuy nhiên, với mục đích loại đảng USDP do quân đội ủng hộ, cánh dân chủ đưa ra khẩu hiệu là chọn một trong hai, Chọn Quân Đội (Military Selection) hay bầu Bầu Cử Dân Chủ (Real Election). Hẳn nhiên không phải người dân nào cũng ủng hộ cánh dân chủ, và ngay cả không phải ai cũng ủng hộ bà Aung San Suu Kyi, nhưng đều ý thức đó là chuyện về sau, trước mắt phải tập trung dứt điểm độc tài quân phiệt bằng cách không bầu cho USDP. Cuộc đấu tranh giành độc lập tại các quốc gia vùng Baltic trong những năm đầu 1990 cũng vậy. Các lãnh tụ phong trào dân chủ ý thức rằng chỉ tập trung được sức mạnh toàn dân mới thắng được CS. Trong cuộc bầu cử quốc hội Latvia tháng 6, 1993 có tới 23 đảng ghi danh ứng cử nhưng khi đối đầu với Liên Xô hai năm trước họ chỉ đứng dưới hàng ngũ của Mặt Trận Dân Tộc (Popular Front).

Thành công của phong trào dân chủ tại Miến Điện hy vọng sẽ là bài học cho những ai quan tâm đến tương lai Việt Nam. Điều kiện văn hóa lịch sử, kinh tế chính trị của mỗi quốc gia mỗi khác nhưng học hỏi kinh nghiệm vận động dân chủ tại các nước độc tài trên thế giới bao giờ cũng cần thiết.

Dân tộc Miến may mắn có một Aung San Suu Kyi tài ba, đảm

lược và xứng đáng với tất cả lời ca ngợi thế giới dành cho bà.

Việt Nam không có Aung San Suu Kyi, nhưng không phải vì thế mà cuộc vận động dân chủ phải dừng lại và các phong trào dân chủ phải đốt đuốc đi tìm cho ra được một minh quân để dẫn lối soi đường trước khi tiếp tục. Đừng quên, hàng trăm quốc gia đã chiến đấu đầy hy sinh gian khổ để giành được độc lập từ chủ nghĩa thực dân suốt thế kỷ 19 và thế kỷ 20 nhưng không phải quốc gia nào cũng có một Mahatma Gandhi. Thay vì chờ đợi một nhân tài cứu nước hay đi vay mượn chiếc búa ngoại bang để về đập đổ bức tường chuyên chính, hãy bắt đầu từ những bàn tay Việt Nam nhỏ nhoi và kiên nhẫn để xoi mòn cơ chế độc tài đảng trị. Con đường có thể dài nhưng đích thực đó là con đường tự chủ.

NHÌN SANG MIẾN ĐIỆN, NHÌN LẠI VIỆT NAM ĐANG THIẾU AI?

Cuộc bầu cử Quốc Hội tại Miến Điện tháng 11, 2015, đã diễn ra trong tương đối tự do sau 25 năm với phần thắng lớn nghiêng về phía Liên minh Dân tộc vì Dân chủ (National League for Democracy, NLD) dưới sự lãnh đạo của bà Aung San Suu Kyi. Hơn ba phần tư trong số 84% số phiếu bầu được kiểm, đã bầu cho NLD. Đảng Union Solidarity and Development Party (USDP) với sự hậu thuẫn của quân đội chỉ chiếm được 5% số phiếu. Đương kim Tổng Thống Miến Điện Thein Sein, một tướng lĩnh đã dành 40 năm trong quân ngũ, tuyên bố sẽ chấp nhận ý dân về kết quả của cuộc bầu cử.

Ngoại trừ Trung Cộng, thế giới ca ngợi bà Aung San Suu Kyi và TT Thein Sein vì những đóng góp của họ cho tiến trình chuyển tiếp dân chủ trong hòa bình tại Miến.

Một chủ đề đang được thảo luận khá hăng say trên các mạng xã hội, Việt Nam đang thiếu ai?

Phải chăng Việt Nam đang thiếu một Aung San Suu Kyi tài ba,

can đảm, kiên trì với mục đích dân chủ hóa đất nước?

Phải chăng Việt Nam đang thiếu một Tổng Thống Thein Sein thức thời, thấy được hướng đi của đất nước trong thời đại toàn cầu, có khuynh hướng dân chủ, thân Tây Phương và ý thức về hiểm họa Trung Cộng tại Á Châu?

Nhìn chung, đa số cho là Việt Nam đang thiếu một lãnh tụ tài ba, can đảm, uy tín cả quốc nội lẫn quốc tế như Aung San Suu Kyi. Một số khác cho rằng Việt Nam thiếu một Thein Sein có uy tín trong quân đội và cũng không có quá khứ bàn tay dính máu đồng bào như một số tướng lãnh cai trị Miến Điện trước ông. Một số khá đông cho rằng Việt Nam cần có cả hai mới có thể dẫn tới một cách mạng dân chủ ôn hòa, không đổ máu, và một tương lai tốt đẹp cho các thành phần trong xã hội.

Nhưng phân tích cho cùng, những người mà Việt Nam thiếu nhất không phải là Aung San Suu Kyi hay Thein Sein mà là Nhân dân.

Nhân dân, theo định nghĩa về pháp lý, là những người sinh ra tại hay được thừa nhận bởi một đất nước, có những quyền lợi, quyền hạn và trách nhiệm phải hoàn thành đối với đất nước, và trong quan điểm dân tộc, là những người cùng chia sẻ một sắc tộc, lịch sử, nền văn hóa, ngôn ngữ và nguồn gốc.

Bà Aung San Suu Kyi có trí tuệ sáng suốt và can đảm khi chấp nhận được tự do mặc dù nhiều bạn chiến đấu của bà còn ở trong tù. Đùng quên, suốt 20 năm trước đó bà đã từ chối tự do cho bản thân bà. Lần này, bà biết được ý định của Tổng Thống Thein Sein muốn chuyển hóa đất nước sang dân chủ một cách hòa bình vì dân chủ là cánh cửa duy nhất để Miến Điện có thể đuổi kịp các nước trong vùng và hội nhập vào thời đại toàn cầu hóa.

Nhưng dù tài ba, đảm lược, có tầm nhìn xa bao nhiêu bà Aung

San Suu Kyi cũng không thể vực dậy một dân tộc không có khả năng đứng lên. Kết quả cuộc bầu cử tại Miến Điện hiện nay là kết quả của bao hy sinh xương máu mà nhân dân Miến đã đổ xuống từ 1962, 26 năm trước khi bà Aung San Suu Kyi tham gia phong trào dân chủ Miến. Tương lai Miến Điện vẫn còn rất khó khăn nhưng cũng đầy hy vọng.

Nelson Mandela cũng thế. Đêm 10 tháng 1, 1990 của Nelson Mandela tại nhà tù Victor Verster hẳn là một đêm trăn trở. Sau 3 năm đàm phán, phần lớn là bí mật từ nhà tù và ngay cả các bạn chiến đấu thân cận nhất cũng không biết, ngày hôm sau ông sẽ được trao trả tự do. Với ông, tự do chỉ là bước đầu tiên trong hành trình hòa giải quốc gia đầy gian nan mà ông vừa mới lên đường.

Dù Nelson Mandela đã thức tỉnh trong nhà tù và chọn lựa một phương pháp đấu tranh mới nhưng liệu nhân dân Nam Phi và chiến hữu của ông có thức tỉnh như ông không. Nelson Mandela nghĩ đúng và chọn lựa đúng. Hơn 60% nhân dân Nam Phi thức tỉnh, các bạn chiến đấu của ông trong African National Congress thức tỉnh và điều này đã dẫn tới chiến thắng của ANC trong cuộc bầu cử ba năm sau.

Nếu Nelson Mandela hay Aung San Suu Kyi là người Việt Nam rồi hai vị đó cũng chỉ là những tiếng kêu bi thương trong cô đơn tuyệt vọng. Hai ngọn gió thổi qua không làm nên bão tố cách mạng, họ sẽ bị tù và có thể rồi sẽ chết trong tù. Lý do, như đã viết ở phần trên, bởi vì Việt Nam chưa có khối nhân dân đủ mạnh để làm hậu thuẫn cho một Nelson Mandela Việt Nam hay một Aung San Suu Kyi Việt Nam.

Do đó, không lạ gì khi thấy Đảng CSVN rất coi thường người Việt trong nước.

Tin tức về bầu cử dân chủ tại Miến rất hạn chế phổ biến tại

Trung Cộng. Biển cổ Thiên An Môn cho lãnh đạo Trung Cộng thấy sức mạnh của nhân dân. Theo Foreign Affairs số tháng 6, 2015, chỉ riêng đối ngoại, Trung Cộng dành một ngân sách 10 tỉ Mỹ kim một năm cho mục đích tuyên truyền. Ngân sách dành để kiểm soát 1.3 tỉ dân tại lục địa không kiểm chứng được nhưng chắc chắn cao hơn nhiều. Cơ quan Thông tin thuộc Hội Đồng Nhà Nước tại Bắc Kinh có nhiệm vụ kiểm soát toàn bộ các phương tiện văn hóa thông tin của Trung Cộng trong đó gồm Nhân Dân Nhật Báo, Global Times, truyền hình trung ương, Tân Hoa Xã. Âm ảnh bởi biển cổ Thiên An Môn, đảng CSTQ che đậy mọi tin tức liên quan đến dân chủ ngoại trừ những bản tin ngắn phải loan vì liên quan đến chính sách đối ngoại.

Lãnh đạo CSTQ làm vậy vì họ rất sợ nhân dân nổi dậy.

Ngay cả Kim Jong-un cũng sợ nhân dân. Người dân Bắc Hàn hoàn toàn không biết những gì đang xảy ra tại Miến Điện. Bắc Hàn là chiếc lồng sắt và người dân không biết gì ngoài những tin do cơ quan thông tin chính thức của đảng loan ra. Chính phủ Bắc Hàn không chỉ hạn chế tin tức mà còn thay đổi nội dung để phục vụ cho mục đích tuyên truyền của đảng. Korean Central News Agency là cơ quan duy nhất tại Bắc Hàn có quyền hạn về tin tức. Các báo chí, truyền thanh, truyền hình đều nhận tin từ cơ quan này.

Kim Jong-un kiểm soát chặt chẽ đến mức như vậy cũng chỉ vì y sợ người dân nổi dậy.

Việt Nam thì khác. Các báo chí đảng và nhà nước CS tương đối thoải mái trong việc loan tin về bầu cử tại Miến Điện. Các báo Nhân Dân, Lao Động, Thanh Niên, VNExpress v.v... đều loan tin về bầu cử tại Miến, ca ngợi bà Aung San Suu Kyi. Báo Nhân Dân, cơ quan chính thức của đảng CS không chỉ loan tin mà đăng cả hình ảnh nhân dân Miến Điện vui mừng chiến thắng của NLD trong cuộc bầu cử dân chủ.

Đảng CSVN đánh giá người Việt Nam thấp như vậy chỉ vì họ biết Việt Nam có 92 triệu người đang sinh sống, trong đó 60% là trong tuổi lao động, nhưng có rất ít “nhân dân.”

Ngoài một số nhóm nhỏ đang hoạt động dưới dạng tôn giáo, tranh đấu trong phong trào dân oan và dẫn thân trong các tổ chức xã hội dân sự, phần còn lại của năm mươi lăm triệu người trong tuổi lao động không biết đòi quyền lợi, không ý thức về quyền hạn và không quan tâm đến trách nhiệm phải hoàn thành đối với đất nước họ, đối với tương lai con cháu họ.

Đại đa số sống theo chủ nghĩa định mệnh tất định, nhắm mắt đưa chân. Với số người này đảng là mùa xuân mai nở, mùa hạ ve kêu, là nắng mưa, là bão lụt, là động đất.

Một số hiểu được lẽ đúng sai nhưng thỏa hiệp để sống một cuộc sống ích kỷ cho bản thân và gia đình được an nhàn, chấp nhận là xằng nhốt cho bộ máy độc tài tiếp tục cày xéo lên đất nước.

Một số khác hoàn toàn bị tẩy não để tin vào đảng cuồng nhiệt, bệnh hoạn như những tín đồ tà đạo, phát biểu như bị ma nhập trong những phim kinh dị.

Để có một cuộc cách mạng dân chủ thật sự, phải tập trung nhiều hơn nữa vào việc xây dựng tầng lớp nhân dân không chỉ có tình cảm yêu nước mà còn thể hiện lòng yêu nước bằng hành động.

Có người sẽ hỏi làm thế nào để có nhân dân?

Mỗi người, mỗi tổ chức, mỗi phong trào, mỗi đoàn thể đấu tranh cho dân chủ Việt Nam có khả năng riêng và nhắm vào các thành phần xã hội khác nhau. Do đó, không có một phương pháp nào độc nhất mà là tất cả các phương pháp có khả năng tác động vào mọi lãnh vực của đời sống và nhận thức của người Việt Nam. Tất cả cố gắng của người Việt Nam từ nhiều ngả, nhiều giới, nhiều thế

hệ có thể khác nhau miễn là cùng dẫn tới một điểm hẹn huy hoàng của lịch sử: Cách mạng Dân chủ tại Việt Nam.

FIDEL CASTRO CHẾT, NÊN VUI HAY BUỒN?

Sáng sớm hôm nay, thứ Bảy 26 tháng 11, 2016, hàng ngàn người dân Cuba đang định cư tại Miami xuống đường vui mừng trước tin tức lãnh tụ độc tài Cuba Fidel Castro qua đời.

Họ có lý do, tuy nhiên, nếu bình tâm đọc lại nửa thế kỷ lịch sử đầy máu, nước mắt, hy sinh và chịu đựng của các thế hệ Cuba từ tháng Giêng 1959, họ sẽ lấy làm hối tiếc hơn là hả dạ, vui mừng.

Giống như hòn đảo nhỏ nơi một thời có nhà tù nổi tiếng Alcatraz Island chỉ cách bờ San Francisco hơn một dặm mà xa ngàn trùng, Cuba chỉ cách Key West, Florida 90 dặm mà hoàn toàn cách biệt với phần còn lại của thế giới tự do. Bởi vì Cuba là một nhà tù CS.

Lẽ ra Fidel Castro dù bao nhiêu tuổi cũng nên sống để một ngày trả lời trước lịch sử Cuba về cái chết của ít nhất 33 ngàn người dân Cuba mà chính y có trách nhiệm ra lệnh tử hình. Nhiều tài liệu cho rằng con số người bị giết lên đến cả trăm ngàn.

Chỉ sáu tháng đầu năm 1959, đoàn quân dưới quyền của Castro đã xử tử 550 người Cuba chỉ vì bị gán ghép tội “chống đối chính

quyền cách mạng” hay đã từng “phục vụ trong chế độ Fulgencio Batista.”

"Cuba Archive", một đề án phi lợi nhuận phục vụ nhân quyền tại Cuba đã tổng kết được danh sách của 8,200 người bị mất tích dưới chế độ Castro và đề án này hiện đang tiếp tục được tổng kết. Tiến sĩ Lago, thuộc đại học Havard, dựa theo các báo cáo của lực lượng tuần dương Mỹ đã ước lượng số người dân Cuba chết trên đường vượt biển là 77 ngàn.

Nhiều người bị giết trên đường vượt biển, không nằm trong danh sách đó, là do trực thăng của công an Cuba thả bao cát cho bè chìm, bắn thẳng xuống bè, ra lệnh tàu hải quân Cuba tông vào những chiếc bè mong manh. Trường hợp tàn sát "The Canimar River" hay "Tugboat massacre of 1994" trong đó nhiều trẻ em bị giết được ghi nhận nhưng vô số trường hợp khác sẽ không được biết, ít nhất cho đến ngày chế độ CS Cuba sụp đổ.

Fidel Castro đã đưa đất nước Cuba từ một nền kinh tế ổn định trong giai đoạn 1959 trở thành một trong những quốc gia nghèo nàn và chậm tiến nhất.

Vào thời điểm 1959, GDP theo mỗi đầu người là 2,067 Mỹ kim. Mức phát triển này gần với các nước đang phát triển trong khu vực như Ecuador (1,975), Jamaica (2,541), Panama (2,322). Ngày nay, GDP trên đầu người chính thức là 5,539 Mỹ kim nhưng lương trung bình của công nhân Cuba chỉ 20.00 Mỹ kim mỗi tuần. Nếu khấu trừ mức lạm phát, tiền lương của công nhân Cuba không tăng một đồng nào trong suốt 20 năm qua.

Cuba nghèo đến mức phải từng bán máu tù cho CSVN

Báo Thanh Niên ngày 27 tháng 11, 2016 đăng một bài viết của Phạm Tiến Tư, nguyên Đại sứ CSVN tại Cuba với tựa "Vì Việt Nam, Cuba sẵn sàng hiến dâng đến cả máu của mình."

Câu nói đó là của Fidel Castro phát biểu để ủng hộ CS miền Bắc trong chiến tranh thôn tính miền Nam. Năm 1973, khi thăm Bắc Việt, Castro đã lần nữa lặp lại lời cam kết sẵn sàng góp máu. Trước khi trình bày việc “góp máu” Cuba, thiết nghĩ nên lướt qua tình trạng và số lượng tù nhân chính trị tại Cuba vì số lượng tù ảnh hưởng đến số lượng máu.

Theo nhà xã hội học Juan Clark, chuyên gia hàng đầu về tình trạng áp bức tại Cuba, đã có khoảng 60 ngàn tù nhân bị giam trong các trại “cải tạo” khắp Cuba trong thập niên 1960. Cuba có hơn 550 nhà tù trên khắp đảo. Theo cơ quan mật vụ Đông Đức Stasi, nhà cầm quyền CS Cuba giam giữ 15 ngàn tù nhân. Tuy nhiên, cơ quan Stasi không tính các nhà tù quân sự, trong đó giam khoảng 25 ngàn tù nhân thuộc giới đồng tính, lãnh đạo các tôn giáo, các thành phần “chống phá cách mạng”, v.v...

Mặc dù chiếm Cuba từ tháng Giêng 1959, mãi đến 2006, nhà cầm quyền CS Cuba vẫn còn giam giữ khoảng từ 339 đến 1000 tù nhân chính trị. Trở lại với tuyên bố của Fidel Castro “Vì Việt Nam, Cuba sẵn sàng hiến dâng đến cả máu của mình.” Đó không phải là câu để cổ võ tinh thần mà là câu nói thật. Cuba đã từng “đóng góp” máu của người Cuba để chuyển cho thương binh CSVN trong thời chiến.

Tuy nhiên, có hai điểm chính của sự kiện góp máu Fidel Castro cố tình che giấu; thứ nhất, đó không phải là máu của dân Cuba tự nguyện hiến mà là máu của những tù nhân bị chế độ CS Cuba kết án tử hình, và thứ hai, không phải máu tặng không mà CS Bắc Việt phải trả lại Cuba 50 Mỹ kim ho mỗi túi. Với 7 túi máu, mỗi tử tù đem lại cho nhà nước CS Cuba một thu nhập 350 Mỹ kim. Như đã viết ở trên, Cuba có nhiều ngàn tử tù bị hành quyết tập thể; do đó, thu nhập từ xuất cảng máu hàng năm không phải nhỏ.

Tin tức này rất dễ gây xúc động cho các thương binh miền Bắc nên người viết xin ghi nguồn thật chi tiết. Độc giả chỉ cần google là đọc được nguyên văn. Theo điều tra của The Wall Street Journal ngày 30 tháng 12, 2005, bà Mary Anastasia O'Grady đăng lại báo cáo của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Mỹ Châu (InterAmerican Human Rights Commission) ngày 7 tháng Tư, 1967:

"Vào 27 tháng Năm, 1966, 166 người Cuba, gồm dân sự và quân sự, bị tử hình, và phải tiến hành thủ tục y tế rút máu trung bình bảy túi mỗi người. Lượng máu này được bán cho Cộng Sản Việt Nam với giá 50 Mỹ kim mỗi túi với hai mục đích vừa kiếm tiền đô và vừa đóng góp vào cuộc chiến tranh xâm lược của Việt Cộng." "Mỗi túi máu tương đương nửa lít. Việc trích một lượng máu như vậy từ một người bị kết án tử hình gây cho nạn nhân tình trạng mất máu não, không còn ý thức, và tê liệt. Khi máu được trích xong, nạn nhân được hai người lính đặt lên cáng và khiêng tới địa điểm hành quyết."

Chủ trương rút máu này có lịch sử bắt đầu từ nước CS anh em Đông Đức trước đây khi cơ quan an ninh nổi tiếng tàn ác Stasi rút máu tù để bán cho Hồng Thập Tự Bavarian. Cộng Sản Cuba áp dụng phương pháp của CS Đông Đức nhưng với tầm mức quy mô hơn.

Để án *Cuba Archive*, một tổ chức nhân quyền phi lợi nhuận trích lời một cựu tù nhân Cuba bị tù từ 1963 đến 1968 tại nhà tù Boniato, Santiago de Cuba kể lại: "Nhà tù Boniato vào năm 1963 có khoảng 5,000 tù nhân. Mỗi buổi sáng hai hay ba tù nhân trên đường ra pháp trường phải ghé lại trạm rút máu của bệnh viện nhà tù, phía sau phòng đóng kín. Bởi vì tôi là một tù nhân tật nguyên, không thể đi bộ nên tôi bị giữ tại bệnh viện nhà tù. Dù họ không cho thấy nạn nhân, tôi chỉ đứng cách đó 20 mét và có thể nghe mọi thứ. Chúng làm tương tự như thế cho mọi tù nhân bị tử hình." Ủy

Ban Nhân Quyền thuộc Tổ Chức Các Quốc Gia Châu Mỹ (OAS) trong báo cáo vào tháng Tư 1967 cũng đã tố cáo thực tế rút máu tù nhân tại nhà tù La Cabaña Fortress. Ngoài máu tử tù, thân nhân của tù nhân cũng phải bị “hiến máu” trước khi được phép thăm viếng. Con số thân nhân thăm tù và bị rút máu lên đến nhiều chục ngàn người.

Rút máu trong cơ thể người sống trước khi bắn chết là hành động dã man, phi nhân và vi phạm mọi luật quốc tế trong đó có The Code of Ethics of Blood Donation and Transfusion thuộc International Society of Blood Transfusion (ISBT) đã được Liên Hiệp Quốc chấp nhận. Tử hình tập thể chấm dứt vào khoảng năm 1967 sau khi có cuộc nổi dậy của nông dân, nhưng kỹ nghệ xuất cảng máu của Cuba vẫn được tiến hành và nhận mức thu trung bình 30 triệu Mỹ kim từ năm 1995 đến 2012. Giới cầm quyền CS Cuba không chỉ xuất cảng máu sang Việt Nam mà còn sang nhiều quốc gia khác trong đó có Canada.

Trong một bài viết ngắn trên Facebook, người viết có nhấn mạnh với những tội ác tày trời như thế, lẽ ra Fidel Castro, dù cao tuổi bao nhiêu, cũng phải sống để đối diện với sự thật và trả lời những câu hỏi của người dân Cuba. Người dân bao giờ cũng là những người thực sự có quyền phán xét cuối cùng. Không một lãnh tụ thế giới nào tránh khỏi bị kết án nếu họ làm sai. Nhưng không, Fidel Castro chết nhẹ nhàng, chết êm thấm sau khi thọ đến 90 năm.

Fidel Castro qua đời mà không bị ai rút hết máu trong người cho đến khi bất tỉnh, như trường hợp anh nông dân 24 tuổi Angel Moisés Ruíz Ramos hay không đau đớn như trường hợp cô gái Lydia Peacuterez 25 tuổi có thai 8 tháng, bị cai tù đá vào bụng, máu của cô và của hài nhi cùng chảy cho đến khi hai mẹ con chết trong nhà tù Cuba.

Fidel Castro không chết vì bị xử bắn, không chết vì bị tra tấn như

hàng ngàn tù nhân Cuba chết sau những trận đòn hỏi cung vô cùng tàn nhẫn theo báo cáo của Human Rights Watch hay Freedom House mà chỉ chết già sau 57 năm sống trên giàu sang nhưng lụa và cai trị quốc gia đảo này bằng nhà tù và sân bắn.

Không giống như hàng ngàn người Cuba bị xử tử, bị giết trong tù hay chết trên đường vượt biển, Fidel Castro ra đi trong nhẹ nhàng, êm thấm như chưa từng nợ ai một giọt máu nào.

Ai sẽ trả lại cho nhà thơ Armando Valladares tám ngàn đêm của một thời tuổi trẻ khi ông bị giam, bỏ đói, tra tấn và chính mắt chứng kiến bạn tù bị xử bắn trong suốt 22 năm chịu đựng mọi cực hình tàn khốc trong nhà tù của Fidel Castro?

Ai sẽ trả lời cho cái chết của 14 ngàn thanh niên Cuba, trong số 50 ngàn được gởi đi làm bia đỡ đạn tại Angola theo lệnh của quan thầy CS Liên Xô?

Các lãnh tụ độc tài cá nhân bắt đầu từ nhiều gốc gác khác nhau nhưng chỉ kết thúc đời họ bằng một trong hai cách: chết già trong quyền lực hay bị lật đổ.

Những kẻ gây ra tội ác tày trời như Fidel Castro không có quyền được chết già mà phải sống để trả lời trước lịch sử về các tội ác mà y đã gây ra.

Nhiều người phê bình nhà cầm quyền CSVN tổ chức “Quốc tang” đúng ra nên gọi là đảng tang dành cho Fidel Castro, nhưng nghĩ cho cùng việc Nguyễn Phú Trọng và giới cầm quyền CSVN khóc cho Fidel Castro, lãnh tụ CS cuối cùng của thế kỷ 20 còn sót lại, cũng phải. Họ khóc cho Castro và cũng khóc cho chính họ. Castro có may mắn chết già nhưng liệu giới cầm quyền CSVN có được may mắn như thế hay không. Chưa chắc.

CHỦ NGHĨA DÂN TÚY MỸ VÀ DONALD TRUMP

Bốn năm trước trong loạt bài về Thổ Nhĩ Kỳ người viết có giới thiệu chủ nghĩa dân túy (populism) trong đó Mustafa Kemal, người sáng lập nền Cộng Hòa Thổ (Republic of Turkey), quan niệm cách mạng dân tộc dân chủ của Thổ Nhĩ Kỳ là một cuộc cách mạng xã hội nhằm phục vụ cho lợi ích của toàn dân. Ông đề cao các giá trị văn hóa lịch sử Thổ và xem đó như hành trang lên đường hướng tới một tương lai sáng lạn cho dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ.

Tuy nhiên trường hợp thành công của Mustafa Kemal là một trường hợp hiếm hoi. Không ít chính trị gia sử dụng dân túy kể cả tại Thổ dưới chính quyền Recep Tayyip Erdoğan, như một phương tiện để dẫn đến mục đích chính trị cực đoan (tả và hữu), và tàn phá niềm tin của các tầng lớp người trước đó đã bầu họ lên.

Không ít người hiểu không đầy đủ nội dung và phương tiện của chủ nghĩa dân túy nên thường phân tích quan điểm dân túy với tính tiêu cực nhằm kết án một lãnh tụ chính trị và bỏ qua các mặt tích cực, cao cả có tính lịch sử của chủ nghĩa này.

Trước hết, chủ nghĩa dân túy là gì?

Theo các tác giả Mỹ Mary Beth Norton, David M. Katzman, David W. Blight, Howard Chudacoff, Fredrik Logevall trong cuốn hai của bộ *Lịch sử Hoa Kỳ*, chủ nghĩa dân túy rút ra từ chữ Latin *populus*, là *chủ thuyết chính trị ủng hộ quyền lực của những người dân thường trong cuộc đấu tranh với tầng lớp đặc quyền* (The political doctrine that supports the rights and powers of the common people in their struggle with the privileged elite). Định nghĩa này được chấp nhận rộng rãi nhưng khá tổng quát vì rất ít khi lãnh đạo các phong trào dân túy thừa nhận họ là “đại biểu của tầng lớp người dân thường.” Dù sao, nếu đồng ý với định nghĩa trên, dân túy là một lý tưởng cao cả, qua đó, những người đại diện cho đa số bị thiệt thòi, áp bức để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống lại thiểu số nắm phần lớn các đặc quyền, đặc lợi trong xã hội.

Michael Kazin, tác giả của *The Populist Persuasion and A Godly Hero: The Life of William Jennings Bryan*, không cho dân túy là một chủ nghĩa mà đúng hơn là một thúc giục, một ngôn ngữ, qua đó người vận dụng hiểu được nguyện vọng của những người bình thường, không bị ràng buộc một cách hạn hẹp bởi giai cấp, nhìn các đối thủ của họ như là một nhóm nhỏ chỉ biết vì tư lợi, phi dân chủ và tìm cách vận động thành phần trước chống lại nhóm nhỏ sau này.

Nếu đồng ý với định nghĩa của Michael Kazin thì dân túy còn có thể là một thủ thuật chính trị của những kẻ nắm được thời cơ, vận dụng tâm lý quần chúng để nắm lấy quyền lực bằng các phương pháp dân chủ. Theo định nghĩa này, Hitler cũng là dân túy, ít nhất cho đến khi ông ta tập trung toàn bộ quyền lực trong tay vào đầu năm 1933.

Chủ nghĩa dân túy tại Mỹ

Các học giả phân loại chủ nghĩa dân túy Mỹ dựa trên tư tưởng chính trị như dân túy cánh tả cuối thế kỷ 19 hay dân túy cánh hữu trong thời kỳ đầu của Chiến tranh Lạnh và sau này.

Dân túy cánh tả Mỹ

Về mặt lịch sử, Đảng Nhân Dân (People's Party) hay còn được gọi là đảng Dân Túy phát xuất từ phong trào nông dân Mỹ cuối thế kỷ 19. Giới nông dân trong giai đoạn này phải vừa chịu đựng giá bông sợi xuống thấp, hạn hán kéo dài mà vừa phải mang gánh nặng lãi suất ngân hàng cao, cộng thêm với giá chuyên chở cao.

Trong tình trạng đó, nông dân, nghiệp đoàn và cảm tình viên đã đoàn kết dưới danh nghĩa của Đảng Nhân dân (People's Party), và những người trong phong trào thường được gọi là những nhà dân túy. Đảng Nhân dân đòi hỏi quốc hữu hóa hệ thống xe lửa, giải tán các ngân hàng cho vay lớn.

Cao điểm của đảng Nhân dân là cuộc bầu cử tổng thống năm 1892 trong đó ứng cử viên James B. Weaver của đảng chiếm được 8.5 phần trăm số cử tri đi bầu và thắng cử tri đoàn trong năm tiểu bang (Colorado, Idaho, Kansas, Nevada, North Dakota).

Sau cuộc bầu cử, đảng Nhân dân chia làm hai cánh, một cánh chủ trương tiếp tục là một đảng độc lập và cánh khác chủ trương sáp nhập vào đảng Dân chủ. Dù sau đó tan rã, phong trào dân túy đã để lại nhiều ảnh hưởng trong nhận thức chính trị cũng như chính sách của các lãnh đạo Mỹ sau này trong đó có chính sách New Deal của tổng thống Franklin Delano Roosevelt.

Dân túy cánh hữu Mỹ

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, chủ nghĩa dân túy Mỹ chuyển hướng từ tả sang hữu da trắng. Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy

chống Cộng sản, Thống đốc Alabama George Wallace chống khuynh hướng quan liêu thủ lại trong chính phủ liên bang. Đảng Độc lập của George Wallace thắng 13.8 phần trăm số phiếu trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1968.

Sau khi tổng thống Barack Obama đắc cử nhiệm kỳ đầu, chủ nghĩa dân túy cánh hữu Mỹ phục hồi mạnh mẽ với sự ra đời của phong trào “Tea Party” vào tháng 2, 2009. Phong trào lấy ý nghĩa từ chiến dịch chống thuế trà của Anh xảy ra tại Boston vào 16 tháng 12, 1773. Phong trào “Tea Party” là một tập hợp lỏng lẻo của nhiều nhóm Cộng hòa bảo thủ nhằm chống lại các chính sách y tế của TT Obama, đòi hỏi các biện pháp giảm nợ quốc gia, hạ thấp mức thiếu hụt ngân sách, cắt giảm chi phí điều hành chính phủ liên bang và giảm thuế.

Mặc dù chỉ là một phong trào, “Tea Party” có ảnh hưởng rất sâu sắc trong nội bộ đảng Cộng hòa. Nhiều thống kê cho thấy hơn 10% người dân Mỹ xác định họ là thành viên của phong trào. Ảnh hưởng của “Tea Party” kéo dài cho tới ngày nay và đóng một vai trò ý nghĩa trong cuộc bầu cử tổng thống vừa qua.

Trump, một nhà dân túy?

Trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ vừa qua, lý luận dân túy lại một lần nữa được mổ xẻ trong sinh hoạt chính trị Mỹ vì cả Bernie Sanders (tả) lẫn Donald Trump (hữu) đều tranh cử mang ít nhiều màu sắc chính trị dân túy.

Cả Sanders và Trump đều cho rằng họ dựa trên ước muốn của đại đa số nhân dân bị bỏ rơi bởi các thành phần “chức sắc” (establishments), tức những nhóm chế ngự cơ cấu chính trị quốc gia bằng cách nắm giữ các chức vụ quan trọng trong guồng máy điều hành chính phủ hay các trung tâm lý luận (think tank) của một quốc gia.

Từ quan điểm đó, nhiều nhà phân tích cho rằng Donald Trump là nhà dân túy và ứng cử dựa trên hệ thống lý luận dân túy. Tuy nhiên, cũng có một số phản biện, trong đó có Barack Obama, cho rằng Trump chỉ theo chủ nghĩa bảo vệ quyền lợi người bản xứ (nativism) hẹp hòi.

Trong buổi vận động cho bà Hillary Clinton hôm 23 tháng Sáu, 2016 tại North Carolina, Obama giải thích rằng suốt cuộc đời chính trị ông đã thật sự quan tâm đến vấn đề giáo dục dành cho học sinh nghèo, việc bảo đảm sức khỏe của mọi người dân đều được quan tâm, và công bằng trong thuế má. Tổng thống nói, những việc làm đó cho thấy “tôi mới nên được gọi là nhà dân túy.” Tuy nhiên quan điểm của TT Obama bị một số nhà phân tích bác bỏ và cho rằng nói như tổng thống thì Donald Trump mới chính là người dân túy vì ông đã đứng lên chống lại chính phủ thối nát và các nhóm đặc quyền, đặc lợi.

Michael Kazin, tác giả uy tín nghiên cứu về chủ nghĩa dân túy, cho rằng Trump đã “*cho thấy một mặt của chủ nghĩa dân túy, vốn giận dữ nhắm vào cơ chế và các thành phần ưu tú. Ông tin rằng dân chúng Mỹ đã bị các thành phần ưu tú này phản bội. Nhưng mặt khác của chủ nghĩa dân túy là ý thức của một con người đạo đức, con người đã bị phản bội bởi những lý do và có một đặc tính rất riêng biệt, dù người đó là công nhân, nông dân hay người trả thuế. Trong khi Trump thì khác, tôi không thấy nhiều ý thức như vậy nơi ông.*”

Đừng nói chi là bầu cử tổng thống, ngay trong vòng sơ bộ của đảng Cộng hòa đã cho thấy đảng viên Cộng hòa, những người nghĩ họ là nạn nhân của chính sách toàn cầu hóa, hệ thống quan liêu thư lại, chi dùng liên bang, đã dứt khoát muốn có một khuôn mặt ngoài cơ chế, người ngoài cuộc quyết tâm phục hồi các quyền lợi, bù đắp những thiệt thòi, củng cố vị trí đang yếu kém của nước Mỹ.

Các đặc điểm về cá tính, đời tư, lời ăn tiếng nói không quan trọng bằng các quan tâm về an ninh, thuế má, phát triển kinh tế và màu da. Người đó là Donald Trump.

Khác với những lãnh tụ phong trào dân túy hữu bảo thủ như George Corley Wallace hay Pat Buchanan, Trump thu hút thành phần trung hữu. Ông tách ra khỏi khuynh hướng Cộng hòa cực đoạn khi phê bình Pat Buchanan “Tôi đoán chừng ông ta là người ngưỡng mộ Hitler, chống Do Thái, ghét da đen, ghét đồng tính.” Trong tác phẩm quan trọng xuất bản năm 2000 *The America We Deserve*, Donald Trump đưa ra các chính sách gần với quan điểm trung hữu hơn là bảo thủ.

Trump, một “dealmaker”?

Đa số người Việt quan tâm đến chính sách đối ngoại của Donald Trump. Cũng trong *The America We Deserve*, ông chủ trương các biện pháp đối ngoại mềm dẻo với Nga và cứng rắn với Trung Quốc. Theo Trump, phương pháp ngoại giao theo kiểu chơi cờ trong Chiến tranh Lạnh đã qua, “chính sách ngoại giao hiện nay phải đặt trong tay những người giao thương chuyên nghiệp nhằm đạt mục đích lợi nhất cho họ (dealmaker).”

Một ví dụ điển hình cho quan điểm này của Trump xảy ra ngày 3 tháng 12, 2016 khi Bộ Ngoại Giao Trung Cộng gửi một phản nài đến Hoa Kỳ về cú điện thoại giữa Donald Trump và TT Đài Loan Thái Anh Văn và cho rằng cú điện thoại đã thay đổi chính sách của Hoa Kỳ từ năm 1979 nhìn nhận Đài Loan là một phần của Trung Quốc.

Cách giải thích của Donald Trump đúng như giọng của một “dealmaker”: “*chẳng lẽ bán cho họ nhiều tỉ Mỹ kim vũ khí mà không chấp nhận một lời chúc mừng hay sao.*” Phát biểu này không phải phát xuất từ cá tính bộc trực mà đã được Trump khẳng định

trong tác phẩm của ông ta mười sáu năm trước.

Đừng quên, chính sách “Một Trung Quốc” hiện nay là sản phẩm của Chiến tranh Lạnh khi Mỹ chủ trương thỏa hiệp với Trung Cộng chính yếu để tập trung đối đầu với Liên Xô mạnh. Ngoài việc gián đoạn ngoại giao với Đài Loan, Mỹ còn chấp nhận Eo Biển Đài Loan (*Taiwan Strait*) như là một tình trạng thực tế (status quo) thuộc về Trung Cộng. Chính sách này lẽ ra không còn tác dụng gì nữa và phải thay đổi.

Nhưng không, hiện nay, Tập Cận Bình mở rộng ‘status quo’ đó bằng cách cấp tốc quân sự hóa các vùng khác trên Biển Đông. Chủ trương của họ Tập là dù không chiếm hết Biển Đông trong thời gian ngắn, ít nhất cũng thiết lập các “status quo” mới để trong trường hợp phải ngồi vào một hội nghị quốc tế, Trung Cộng sẽ dùng các “status quo” đó đặt quốc tế trước một sự kiện đã rồi.

Tuy nhiên tham vọng của Tập sẽ phải gặp phải lực đối đầu rất mạnh và cụ thể vì Trump có lẽ đang chủ trương xoay trục ngược lại với chính sách của TT Nixon. Trong hướng tới, Trump có thể sẽ thỏa hiệp với Nga để đương đầu với Trung Cộng bành trướng.

Một số người lo ngại một Donald Trump dân túy sẽ đưa nước Mỹ vào vòng độc tài cá nhân, phe nhóm, đảng phái như tại một số quốc gia khác. Điều đó không thể xảy ra trong sinh hoạt chính trị Hoa Kỳ. Ngoài nguyên tắc đối trọng (checks and balances) giữa ba ngành, sự đối trọng còn diễn ra trong nội bộ mỗi đảng và đối trọng giữa cử tri và đại diện cử tri diễn ra trong suốt nhiệm kỳ của họ.

Trở lại với định nghĩa dân túy “là lý thuyết chính trị ủng hộ quyền của những người dân thường trong cuộc đấu tranh với tầng lớp đặc quyền.” Hiện còn khá sớm để áp dụng định nghĩa này vào trường hợp Trump. Bốn năm tới mới chính là thời gian để hiểu, đo lường và đánh giá hiệu quả các chính sách đối nội và đối ngoại của

Donald Trump và qua đó nhìn ông là một nhà dân túy như Jonathan Chait viết, một người theo chủ nghĩa bảo vệ người bản xứ như TT Obama nhận xét, hay chỉ là kẻ cơ hội như George Clooney gọi Trump.

Dù sao, kết quả cuộc bầu cử cho thấy sự xuất hiện của Donald Trump là một đáp ứng trước nhu cầu thay đổi chính sách của người dân Mỹ và chương mới trong lịch sử Hoa Kỳ vừa bắt đầu.

BỆNH NGHIỆN RƯỢU DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN

Sắp Tết, số lượng rượu bia được tiêu thụ chắc chắn sẽ tăng cao. Câu hỏi đặt ra tại sao Việt Nam là một trong những quốc gia dùng rượu bia cao nhất thế giới?

Nhắc lại, hôm 26 tháng 9, 2016, Báo VietNamNet đưa tin “Đàn ông Việt uống rượu bia nhiều nhất thế giới.” Theo lời Bác sĩ Trần Quốc Bảo, Cục Y tế Dự phòng dẫn chứng cho biết “Nếu tính trung bình, một người nam giới trưởng thành uống khoảng 27.4 lít cồn nguyên chất, đây là con số rất đáng báo động và là một trong số những quốc gia đứng hàng đầu thế giới về tỉ lệ này.”

Cùng lúc, Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thanh Long cũng thốt lên: “Dù nước ta mọi mặt kinh tế, xã hội đều có sự phát triển, nhưng tỉ lệ dùng rượu bia đang tăng quá nhanh so với các chỉ số khác. Nếu không có biện pháp mạnh tay để hạn chế, Việt Nam sẽ là quốc gia đứng đầu thế giới về sử dụng rượu bia.”

Kỷ lục dùng rượu bia tại Việt Nam không phải ngẫu nhiên.

Theo công bố của WHO (Tổ chức Y tế Thế giới) thuộc Liên Hiệp

Quốc, năm 2015, chín trong số mười quốc gia tiêu thụ lượng rượu cao nhất thế giới là những nước cựu Cộng Sản. Các nước này gồm Belarus, Moldova, Lithuania, Russia, Romania, Ukraine, Hungary, Czech Republic và Slovakia.

Lấy nước Nga, từng là nước CS lớn nhất châu Âu để phân tích trước.

Tiêu thụ rượu cao tại Nga có từ thời Sa Hoàng nhưng vượt cao sau Cách mạng CS Nga 1917.

Rất nhiều lý do như thời tiết, chiến tranh, nghèo khó v.v... được đưa ra để giải thích việc sử dụng rượu quá cao tại Nga CS. Những giải thích này đều không đứng vững vì sau nội chiến, khi điều kiện sống tốt hơn và những mùa không quá lạnh số lượng rượu được tiêu thụ cũng không giảm bớt.

Tháng Năm, 1985, Gorbachev tung ra chiến dịch toàn quốc chống nghiện rượu. Ông cho rằng nghiện rượu là một trong ba căn bệnh trầm trọng nhất tại Liên Xô, chỉ sau bệnh tim và ung thư.

Gorbachev hy vọng việc giảm lượng rượu được dùng sẽ giúp gia tăng năng xuất, nhưng kết quả trái ngược, thu nhập lợi tức từ rượu của chính phủ có giảm nhưng mức sản xuất không tăng một cách tương ứng.

Thực tế đó cũng đã xảy ra tại Ba Lan. Trong phóng sự điều tra của báo Christian Science Monitor phát hành ngày 3 tháng 3, 1981 khi chế độ CS Ba Lan còn rất mạnh, một trong những căn bệnh xã hội trầm trọng nhất tại Ba Lan là nghiện rượu. Mười phần trăm trong số mười hai triệu công nhân Ba Lan say rượu mỗi ngày. Nhà cầm quyền CS tăng giá rượu cao với hy vọng số lượng rượu được tiêu thụ sẽ giảm, nhưng không, lượng rượu được dùng đã không giảm bớt.

Theo nghiên cứu của sử gia Thomas Kochan trong tác phẩm "The Blue Strangler - Drinking habits in the GDR", Đông Đức trong thời kỳ CS tiêu thụ rượu cao nhất châu Âu và gấp đôi Tây Đức. Chữ "The Blue Strangler" trong tác phẩm của ông là hiệu rượu vodka Đông Đức có 40% cồn. Lương trung bình của một công nhân Đông Đức khoảng 500 Marks trong lúc một chai rượu Cognac giá 80 Marks. Trong số những người nghiện rượu hạng nặng có cả các ủy viên Trung ương đảng hay ủy viên Bộ Chính trị CS Đông Đức như trường hợp Alfred Neumann.

Tại Trung Cộng, theo công bố của WHO vào tháng 12, 2012 "Alcohol and alcohol-related harm in China: policy changes needed", số người uống rượu tại Trung Cộng cao hơn phần lớn nhân loại với 55.6 phần trăm đàn ông và 15 phần trăm đàn bà uống rượu. Hiện nay, Trung Cộng là một trong những nước sản xuất bia nhiều nhất thế giới. Uống rượu trong giờ làm việc cũng là một tình trạng phổ biến tại Trung Cộng và tình trạng này gắn liền với tham nhũng, hối lộ trong giới chức nhà nước. Nhiều nghiên cứu cho thấy mức độ bệnh gan có liên quan đến rượu nơi giới viên chức nhà nước CS cao hơn nhiều so với giới dân thường. Ngay cả báo đảng Nhân Dân Nhật Báo cũng thừa nhận tình trạng uống rượu trong lúc làm việc và viết hàng loạt phóng sự về vấn đề này.

Các phân tích đó cho thấy cơ chế chính trị Cộng Sản là một tương quan nổi bật giữa các nước CS Liên Xô và Đông Âu trước đây cũng như Trung Cộng và CSVN hiện nay. Các thể hiện của tương quan này:

Mượn rượu giải sầu: Nhiều công nhân, nông dân dưới các chế độ CS mượn rượu để làm lối thoát cho lòng tổn thương, thất vọng. Sự thất bại của các chính sách cai nghiện rượu cho thấy việc giải quyết không đơn giản là tăng giá như chính phủ Ba Lan hay Liên Xô đã làm nhưng phải áp dụng các cải cách chính trị kinh tế căn bản.

Say rượu là một biểu hiện của thái độ trốn chạy thực tế (escapism): Lý do chính như Michael Binyon trong nghiên cứu *Life In Russia* xuất bản vào thập niên 1980 cho rằng nhiều người Nga uống rượu chỉ để say. Họ tuyệt vọng khi đối diện với một “khoảng trống tinh thần,” một xã hội không còn có những giá trị văn hóa mà đất nước họ đã từng có trong lịch sử trước đó.

Điều kiện sống: Nhà ở chật chội, lương bổng thấp, thiếu thốn mọi thứ cần thiết và sống trong bóng tối theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng đã đẩy người dân chọn rượu như là phương tiện “giải trí” để có nhất. Xã hội cộng sản là một xã hội thiếu thốn những món hàng cần bản trong đời sống hàng ngày của con người nhưng lại có đầy đủ rượu. Giới cầm quyền CS từ chối nguyên nhân này nhưng thực tế đó đã được rất nhiều nghiên cứu rút ra khi so sánh đời sống của công nhân dưới hai xã hội tự do và CS.

Giới cầm quyền CS không quan tâm đến sức khỏe của người dân: Đối với giới cầm quyền CS, thu nhập và thuế do việc tiêu thụ rượu đem lại quan trọng hơn là sức khỏe của người dân. Vladimir Treml, một nhà kinh tế thuộc cựu Nga CS đang làm việc tại Duke University cho biết “Hơn sáu mươi năm, thuế rượu đem lại 12 phần trăm đến 14 phần trăm thu nhập của nhà nước” và do đó nhà nước CS khuyến khích hơn là ngăn chặn tệ nạn lạm dụng rượu tại Liên Xô.

Chế độ CS đã sụp đổ tại Châu Âu nhưng những căn bệnh xã hội do cơ chế gây ra đã trở thành một lối sống, một văn hóa xã hội chủ nghĩa tại những nước này và không thể dễ dàng thay đổi.

Giống như tại Liên Xô, Đông Đức, Ba Lan, giới cầm quyền CSVN cũng sẽ từ chối và cho rằng chẳng lẽ tệ trạng nào cũng đổ lên đầu chế độ hay sao. Thế nhưng, các nghiên cứu cho thấy đúng vậy, cơ chế chính trị CS là nguyên nhân tiềm ẩn sâu xa của bệnh nghiện rượu.

Giấu cơn giận trong men cay, ngăn nỗi buồn nơi đáy cốc là thái độ tìm quên tiêu cực nhưng rất phổ biến của người dân thường trước những bất công đang đè lên số phận của họ. Bệnh xã hội như thế chỉ thuyên giảm khi các điều kiện vật chất và tinh thần thay đổi theo một chiều hướng tốt đẹp hơn.

BỆNH LƯỜI DƯỚI CHẾ ĐỘ CS

Hôm 24 tháng 8, 2016, VietNamNet có bài viết “*Việt Nam mãi nghèo vì người Việt quá lười? Ngẫm sâu hơn, có thể bạn sẽ nghĩ khác!*” Tác giả bài báo dùng các ví dụ về hợp tác xã nông nghiệp để phân tích và dù tránh đụng đến nguyên nhân sâu xa, cũng đã thừa nhận tệ trạng lười biếng phát xuất từ chính sách: “*Dân lười nên nghèo hay chăm chỉ có của ăn của để do chính sách nông nghiệp khác nhau tạo ra môi trường khác nhau.*”¹

Một bài viết khác khá chi tiết *Đất nước của những kẻ lười biếng* của tác giả Lục Phong tập trung vào việc phê bình người Việt “lười học”, “lười làm”, “lười suy nghĩ”, “lười tập thể dục”, “lười tranh đấu.”²

Nói chung, đủ thú lười. Những điều các tác giả đưa ra đều đúng. Không chỉ hai bài trên, quý vị chỉ cần vào google và đánh ba chữ

¹ *Việt Nam mãi nghèo vì người Việt quá lười? Ngẫm sâu hơn, có thể bạn sẽ nghĩ khác!* VietNamNet, 24/08/2016.

² *Đất nước của những kẻ lười biếng*, Lục Phong, VietnamVanHien.net, 24/9/2016.

“Việt Nam lười” sẽ hiện lên hàng chục bài viết tương tự.

Phê bình các hiện tượng xấu, tiêu cực trong xã hội là một điều nên làm, cũng giống như là dựng lên một chiếc gương để mỗi người có thể soi vào đó mà nhìn lại chính mình. Tuy nhiên, nếu chỉ phê bình hiện tượng thôi sẽ không bao giờ chữa trị được căn bệnh xã hội trầm trọng như bệnh lười tại Việt Nam.

Đặc biệt trong thời gian qua, không chỉ báo “lề dân” mà cả báo đảng cũng đồng thanh lớn tiếng phê bình bệnh lười của người Việt, nhất là trong các thế hệ trẻ. Phê bình nhiều đến nỗi, một người Việt Nam tự trọng và có nhận thức sẽ không khỏi cảm thấy bị xúc phạm khi đọc đến những điều này và đặt câu hỏi phải chăng lười biếng là một loại bệnh tổ tiên, một phần của văn hóa Việt Nam?

Câu trả lời là dứt khoát không phải.

Bệnh lười do ý thức hệ CS gây ra

Đây không phải là lý luận kiểu “có gì xấu đổ lên đầu CS” mà từ các ông tổ CS như Karl Marx, Friedrich Engels, Lenin, Mao cho đến các lãnh tụ CS sau này đều công nhận lười biếng là một thực tế trầm trọng dưới chế độ CS.

Không giống như bệnh nghiện rượu mà người viết trình bày lần trước là những hiện tượng xã hội, bệnh lười được chế độ CS nuôi dưỡng và tồn tại suốt chiều dài của chế độ. Nói theo lý luận Marx Lenin, bệnh lười giống như tệ trạng tham nhũng, có tính đảng và xảy ra không chỉ riêng ở năm nước CS còn lại mà đã từng xảy ra ở mọi quốc gia CS như Liên Xô, khối Đông Âu, Đông Đức trước đây.

Nguyên nhân của căn bệnh cũng rất hiển nhiên và dễ hiểu.

Chủ nghĩa CS xóa bỏ quyền sở hữu cá nhân, giới hạn các quyền tự do căn bản, ngăn chặn tinh thần sáng tạo, cạnh tranh, cầu tiến

và ước muốn được đền bù xứng đáng cho công lao tự nhiên có trong mỗi con người. Tất cả những điều đó đã làm cho con người có thói quen lười biếng.

Bệnh lười trịch trong Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản

Qua các tác phẩm kinh điển, Karl Marx, Friedrich Engels, Lenin, Mao, Lưu Thiệu Kỳ đã tập trung biện luận rằng bệnh lười là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản chứ không thuộc về bản chất của ý thức hệ CS.

Lấy Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản, văn bản chỉ đạo quan trọng nhất của các đảng CS để phân tích trước.

Trong tuyên ngôn này, Karl Marx và Frederick Engels đã tìm cách lý giải bệnh lười dưới chế độ CS một cách nguy hiểm: “*Người ta còn phản đối lại rằng xoá bỏ chế độ tư hữu thì mọi hoạt động sẽ ngừng lại, thì bệnh lười biếng sẽ phổ biến sẽ ngự trị. Nếu quả như vậy thì xã hội tư sản phải sụp đổ từ lâu rồi do tình trạng lười biếng, vì trong xã hội ấy, những người lao động thì không được hưởng, mà những kẻ được hưởng lại không lao động. Tất cả sự lo ngại chung quy chỉ là luận điệu trùng phức cho rằng không còn tư bản thì cũng không còn lao động làm thuê nữa.*”³

Tuy nhiên, ngay cả khi biện hộ, một điểm mà Marx, Engels, Lenin, Mao đều không phủ nhận rằng bệnh lười trầm trọng chỉ phát sinh sau khi đảng CS chiếm được nhà nước.

Bệnh lười tại Liên Xô

Trong thời kỳ từ 1918 đến khi chết, 1924, Lenin đối diện với bệnh lười lan rộng nhanh chóng trong xã hội CS và gần như làm tê liệt bộ máy kinh tế. Chính Lenin cảnh cáo bằng khẩu hiệu “Ai không làm thì không ăn”. Leon Trotsky còn đi xa hơn “Ai không vâng

³ *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Karl Marx, Friedrich Engels, marxistsfr.org

lệnh thì không ăn”, nhưng bệnh lười không vì các đe dọa đó mà giảm sút.⁴

Để tạm thời giải quyết bệnh lười xã hội chủ nghĩa, Lenin buộc lòng thay đổi chính sách từ tuyệt đối kiểm soát nền kinh tế sang một hình thức nới rộng tạm thời mà ông ta gọi là Chủ nghĩa Tư bản Nhà nước để nhằm kích thích sản xuất bằng cách trả lại một phần quyền sở hữu của người dân cho họ.

Trước 1990, Liên Xô với nền kinh tế quốc doanh chỉ huy, đã dành 20 phần trăm Tổng sản lượng quốc gia (GDP) vào mục tiêu sản xuất vũ khí nhằm cạnh tranh với Mỹ.⁵

Cuộc chạy đua vũ trang đã để lại một khoảng trống to lớn và không được quan tâm đối với các ngành kinh tế khác cũng như các lãnh vực khác của đời sống con người. Vào thời điểm 1986, Liên Xô có 45,000 đầu đạn nguyên tử trong khi không đủ giấy vệ sinh để cung cấp cho dân.⁶

Bệnh lười tại Trung Cộng dưới thời Mao

Bệnh lười tại Trung Cộng sau cách mạng CS 1949 trầm trọng không kém như tại Liên Xô. Mao Trạch Đông trước Hội Nghị Bắc Đới, 30 tháng Tám, 1958 cũng thú nhận bệnh lười đang xảy tại Trung Quốc khi y phát biểu: “*Ngày nay, nếu một người có một phát minh mới, chúng ta trả người đó chỉ 100 yuan và điều đó sẽ tạo ra*

⁴ *On The Famine, A Letter To The Workers Of Petrograd*, V.I. Lenin, 22 May, 1918

⁵ *Soviet Military Budget: \$128 Billion Bombshell*, *The New York Times*, May 31, 1989

⁶ *Research Toilet Paper Usage in the Former Soviet Bloc and the Transition*, Mike Haynes, University of Wolverhampton, United Kingdom

*tình trạng lười biếng và bất mãn.”*⁷

Cũng tại Trung Cộng, Diêu Văn Nguyên, Ủy viên Bộ Chính trị kiêm Trưởng ban Tuyên Truyền Trung Ương Đảng CS Trung Quốc, trong tham luận “*Phản Bác Lý Thuyết CS Nuôi Dưỡng Sự Lười Biếng*” xuất bản tại Bắc Kinh tháng 10, 1958 cho rằng xã hội CS là xã hội của những con người tự giác, nơi đó, “*mỗi người sẽ sống vì mọi người và mọi người sẽ vì mỗi người.*”⁸

Diêu Văn Nguyên khai triển lý thuyết “từ vượn thành người” của Frederick Engels khi cho rằng sở dĩ con người có hai tay như ngày nay cũng là kết quả của một quá trình lao động dài để chuyển hai chân trước thành hai tay và việc lười biếng có trong con người là thói quen do các chế độ bóc lột sau đó truyền nhiễm. Đọc tiểu luận của Diêu Văn Nguyên đầy những ngụ ý biện và hoang tưởng đến độ buồn cười nhưng đã một thời khổng chế trong nhận thức của mỗi người dân Trung Quốc. Nhắc lại họ Diêu là một trong Nhóm Bốn Người (the Gang of Four) bị Đặng Tiểu Bình và phe nhóm bắt, tổng giam và đã qua đời năm 2005.

Những biện luận đó cho thấy, bệnh lười thuộc về bản chất của chế độ và là một trong những mối lo của những người sáng lập nên chủ nghĩa CS.

Một điều rất dễ hiểu, con người với bản tánh tự nhiên, không muốn đổ mồ hôi nước mắt cho một mục tiêu, phục vụ cho một nền sản xuất mà họ biết cả đời họ có thể sẽ không được hưởng. Ví dụ như tại Ba Lan và Bulgaria trong thời kỳ CS, một người dân muốn mua một căn phòng trong chung cư phải chờ trong danh sách ít nhất 20 năm. Ngay cả khi dành dụm đủ tiền mua xe, một

⁷ Remarks by Mao Zedong at the Beid aihe Conference, 30 August, 1958

⁸ Disprove the “Communism Breeds Laziness” Theory. Yao Wenyan (1931 - 2005), October 23, 1958

người dân Đông Đức phải chờ 15 năm để sở hữu một chiếc xe. Tại Romania để tiết kiệm năng lượng, nhà cầm quyền CS không cho phép người dân được sử dụng bóng đèn quá 45 watt cho một căn phòng, không được mở nhiệt độ trong nhà cao quá 57 độ Fahrenheit và đài truyền hình chỉ phát hai giờ mỗi ngày.⁹

Lưu Thiếu Kỳ định nghĩa “người CS là người lo trước và hưởng sau” nhưng những “nhiệt tình cách mạng,” “lý tưởng giai cấp” như họ Lưu nói nếu có cũng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn và trong số ít người cuồng Cộng thuộc thế hệ CS thứ nhất nhưng đã chết dần theo thời gian, nhường chỗ cho các nhu cầu tinh thần và vật chất thực tế của đời sống con người thuộc các thế hệ sau.¹⁰

Bệnh lười tại Trung Cộng dưới thời Tập

Dưới thời Tập Cận Bình hiện nay, tình trạng lười biếng cũng không có dấu hiệu gì thay đổi. Tháng 9, 2015, họ Tập ra lệnh sa thải 249 cán bộ trong 24 tỉnh về tội lười, thất bại trong chính sách chống tham nhũng và cố tình trì hoãn các công trình.

Tân Hoa Xã, trong bản tin Anh Ngữ “China Voice: Incompetence and laziness mean curtains for China's officials” nhắc lại chủ trương nghiêm khắc chống lười của Tập Cận Bình: “Lười biếng là bệnh không thể chấp nhận trong đảng CS Trung Quốc.”¹¹

Chỉ trong vòng 2 năm 2013 và 2014, có tổng cộng 96,788 cán bộ các cấp đã vi phạm các ngăn cấm của đảng CSTQ trong đó có lười biếng. Dù cứng rắn bao nhiêu và kỷ luật nhiều cán bộ bao nhiêu,

⁹ *Normal Countries: The East 25 Years After Communism*. Andrei Shleifer và Daniel Treisman. Foreign Affairs, November/December 2014

¹⁰ Liu Shaoqi How to Be a Good Communist, July 1939. *Selected Works of Liu Shaoqi, Volume I*, Liu Shaoqi Reference Archive, February 2004

¹¹ *Detect and Deter: Can Countries Verify the Nuclear Test Ban?* Ola Dahlman, Jenifer Mackby, Svein Mykkeltveit, Hein Haak, pp. 24-27

bệnh lười không có dấu hiệu gì giảm bớt.¹²

Các nước cựu CS sau cách mạng dân chủ

Hàng loạt các cuộc cách mạng dân chủ đầu thập niên 1990 đã thay đổi khuôn mặt của Đông Âu, không chỉ về các giá trị tinh thần, tự do, nhân bản nhưng cả trong đời sống vật chất.

Andrei Shleifer và Daniel Treisman trên *Foreign Affairs*, tháng 12, 2014 đã đánh giá những khó khăn và thành tựu của các nước cựu CS qua những nghiên cứu, thống kê, tham khảo rất chi tiết.

Theo nghiên cứu này, nếu dùng Tổng sản lượng quốc gia (GDP) như thước đo của mức độ phát triển, những quốc gia cựu CS đã phát triển với một tốc độ nhanh hơn cả những quốc gia đã có nền kinh tế thị trường tiên tiến trong khu vực. Chẳng hạn trong giai đoạn mười năm từ 1990 đến 2011, GDP của Uzbekistan gia tăng 47 phần trăm trong lúc Na Uy gia tăng 45 phần trăm. Lợi tức tính theo đầu người của Bosnia và Herzegovina, vốn chịu đựng CS và rối nội chiến, đã gia tăng gấp năm lần so với thời kỳ CS và là quốc gia phát triển nhanh hạng thứ ba trên thế giới trong thời kỳ đó, nhanh hơn của Singapore và Hong Kong.

Các phương tiện cần thiết để thỏa mãn các nhu cầu đời sống đã thúc đẩy con người lao vào sản xuất và qua đó gia tăng mức lợi tức cá nhân cũng như gia đình. Theo chỉ tiêu cung cầu, tại Nga, mức cầu của người dân sau 1991 gia tăng 53 phần trăm so với mức gia tăng 45 phần trăm của phần còn lại của thế giới. Riêng Ba Lan, mức cầu gia tăng 146 phần trăm, cùng hạng với Nam Hàn tiên tiến. Trong thời gian từ 1993 đến 2011, số lượng xe hơi tính theo đầu người tại các nước cựu CS Lithuania, Slovenia và Ba Lan cao hơn

¹² *China Voice: Incompetence and laziness mean curtains for China's officials*, Xinhua, July 29 2015.

cả Anh quốc.

Dưới thời kỳ CS, du lịch nước ngoài là chuyện hiếm hoi, năm 2012, các quốc gia cựu CS đã thực hiện 170 triệu chuyến du lịch quốc tế. Nhờ vào các chương trình tư hữu hóa nhà cửa, ngày nay 99 phần trăm người dân Tiệp, 85 phần trăm người dân Armenia, 39 phần trăm người dân Nga được sống trong những căn nhà rộng rãi.

Khi con người tập trung vào sản xuất để thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa diện cũng giúp cho tình trạng sức khỏe cũng qua đó nâng cao. Bệnh ghiền rượu, vốn là phương tiện duy nhất để giải sầu dưới thời CS, tự động được chữa trị bằng một đời sống tinh thần phong phú. Mức độ tiêu thụ rượu trung bình đã từ từ giảm tại các quốc gia cựu CS. Không giống thời kỳ CS Liên Xô, nơi đó theo một thống kê, trên 50 phần trăm công nhân thừa nhận có uống rượu trong khi làm việc, điều kiện và tinh thần làm việc đã thay đổi một cách nhanh chóng sau thời kỳ CS.

Như Andrei Shleifer và Daniel Treisman kết luận: *“gần như tất cả thống kê đã cho thấy một sự cải thiện cấp bách về phẩm chất của đời sống đối với người dân các nước cựu CS tính trung bình từ 1989 – một thay đổi thường vượt qua những tiến bộ tương tự tại các phần khác của thế giới.”*

Bệnh lười tại Việt Nam

Con người Việt Nam, cũng giống như bao nhiêu tỉ con người khác trên thế giới không phải mang theo bản chất lười biếng khi ra đời. Hơn thế nữa, nhìn lại lịch sử Việt, nếu dân tộc Việt Nam lười biếng thì từ lâu đã không có một nước Việt Nam mà là tỉnh An Nam, tỉnh Nam Việt nào đó của Tàu hay thậm chí đã không còn tồn tại trên mặt đất này.

Bệnh lười tại Việt Nam đã được phân tích khá nhiều, người viết

không thấy cần phải viết thêm. Điều muốn nhấn mạnh ở đây, cũng những con người đó, cũng những dân tộc đó nhưng chỉ trong một thời gian ngắn các quốc gia CS cũ đã hoàn toàn thay đổi. Việt Nam thì chưa. Một người có nhận thức căn bản cũng hiểu vật cản đầu tiên và cuối cùng cho tương lai phát triển toàn diện Việt Nam chính là đảng CS.

Việt Nam sẽ không bao giờ trở thành một Singapore, Nam Hàn hay Thái Lan ngày nào đảng CS còn cai trị Việt Nam bởi vì Việt Nam thiếu một nguyên tố quan trọng nhất để thăng tiến, đó là dân chủ.

Những ai đang mơ một ngày Việt Nam sẽ trở thành Nam Hàn nên đọc phân tích của tạp chí *The Economist*: “*Nam Hàn không chỉ đơn giản phát triển nhanh. Quốc gia này đã kết hợp sự phát triển với dân chủ. Mặc dù khởi đi dưới thời một nhà độc tài quân sự, Park Chung Hee, trong suốt 25 năm, quốc gia đã có một hệ thống quốc hội đầy sinh động. Theo Freedom House, Nam Hàn có mức độ phát triển dân chủ ngang với Nhật Bản. Không một nước Á Châu nào có sự phát triển tốt đẹp tương tự.*”¹³

Những người Việt có lòng yêu nước và biết nhìn xa, xin đừng xoa dịu vết thương xã hội đang mỗi ngày thêm lở loét bằng những lớp băng bó ngoài da mà hãy mạnh tay cắt bỏ những ung nhọt đã làm cho thân thể Việt Nam hư thối.

Chỉ có ánh sáng của tự do dân chủ mới chữa được bệnh lười CS. Tiến trình thay đổi cơ chế chính trị độc tài CS bằng một cơ chế dân chủ là một tiến trình gian nan và đầy chông gai thách thức nhưng, như lịch sử các quốc gia cựu CS vừa cho thấy, đó là chọn lựa của thời đại và không có chọn lựa nào khác.

¹³ *South Korea's economy, What do you do when you reach the top?* The Economist, Nov 12th 2011.

BÁNH MÌ AI CẬP, CÁ VIỆT NAM, KHÁT VỌNG CON NGƯỜI

Dân chủ là gì? Nếu bạn hỏi một viện sĩ hàn lâm, có lẽ ông hay bà viện sĩ sẽ bắt đầu từ thời Hy Lạp, với chữ Demos là dân chúng và Kratein là lãnh đạo, nghĩa là một xã hội do con người lãnh đạo. Nếu bạn hỏi một giáo sư chính trị học, có lẽ ông hay bà giáo sư sẽ bắt đầu từ Plato đến John Locke rồi qua John Stuart Mill, từ một hệ thống chính trị dựa trên tiêu chuẩn đa số cho đến một xã hội dân bản, nơi con người cùng suy nghĩ về những vấn đề và hợp tác để tìm giải pháp cho những vấn đề của chính họ. Nếu bạn hỏi lãnh tụ sinh viên Trung Quốc, người phát biểu đầu tiên trong biến cố Thiên An Môn, anh ta sẽ trả lời là Minzhu, Min là nhân dân” và Zhu là làm chủ và Minzhu có nghĩa là nhân dân làm chủ.

Nhưng không phải ai cũng hiểu dân chủ một cách lý thuyết như vậy. Dân chủ với đại đa số người dân đơn giản hơn nhiều. Dân chủ là những gì có thể cầm được, sờ mó được hay thậm chí ăn được.

Bánh mì Ai Cập

Tháng Giêng 2011, nếu bạn đến Tahrir Square, ở Ai Cập, và hỏi

một người dân Ai Cập đang biểu tình chống độc tài Hosni Mubarak trong Mùa Xuân Arab (Arab Spring Uprisings) dân chủ là gì, anh ta sẽ chỉ ổ bánh mì anh đang kẹp quanh đầu. Dân chủ, với anh, đơn giản là ổ bánh mì.

Tại sao bánh mì?

Nhân dân các quốc gia Ả Rập sống dựa vào bánh mì. Riêng nước Yemen đã có 20 loại bánh mì khác nhau. Bánh mì là thức ăn không thể thiếu trong bữa cơm của người dân Ai Cập. Bánh mì quan trọng đến mức được gọi là “aish” có nghĩa là cuộc sống.

Trước đây dọc bờ sông Nile là những cánh đồng lúa mì bát ngát nhưng trong thời gian trước Mùa Xuân Ả Rập, Ai Cập là một trong những nước phải nhập cảng lúa mì nhiều nhất thế giới. Giá bánh mì tăng 37%. Giá thực phẩm tăng 18.9%. Nạn thất nghiệp gia tăng làm bánh mì, một thức ăn vốn bình thường trong đời sống, trở nên một món hàng đắt đỏ.

Trong cuộc cách mạng Mùa Xuân Ả Rập, nhiều người dân Ả Rập kẹp trên đầu những ổ bánh mì, biểu tượng cho mục đích đấu tranh của họ. Khẩu hiệu đấu tranh “lật đổ chế độ độc tài Hosni Mubarak” trong thời điểm này đồng nghĩa với “nhân dân Ai Cập cần bánh mì.”

Cuộc biểu tình chống độc tài Mubarak bắt đầu từ 18 tháng Giêng 2011 trước quốc hội Ai Cập. Dù bị đàn áp đẫm máu với 846 người bị giết và hơn 6 ngàn người bị thương, cuộc nổi dậy vẫn không dừng bước và cuối cùng đã buộc Mubarak từ chức vào 6 giờ chiều, ngày 11 tháng Hai 2011.

Cá Việt Nam

Tương tự như người dân Ai Cập hay Yemen, nếu hôm nay, bạn ra Hà Tĩnh và hỏi ngư dân dân chủ là gì, người viết tin rằng những

ngư dân đang chịu đựng khó khăn sẽ chỉ vào bãi cá chết dọc bờ.

Tại sao cá? Cá là “aish” của người Việt Nam, nhất là ngư dân vùng biển.

Cá là một phần của đời sống người Việt Nam, dù ngư dân hay không phải ngư dân, dù đang ở trong nước hay đang sống ở nước ngoài. Bữa cơm gia đình Việt Nam, nếu không mỗi ngày thì ít nhất vài lần một tuần phải có thêm món cá.

Ngư dân Việt Nam, không giống ngư dân các nước khác, ngoài chịu đựng thiên tai, còn chịu đựng nhân tai thảm khốc hơn nhiều. Trong suốt 41 năm, mỗi chuyến trở về của những ngư dân Hải Phòng, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi v.v... là một lần sống sót, không chỉ sống sót từ những trận bão tố ngoài khơi, những ngọn sóng to, những cơn gió lớn mà sống sót từ những viên đạn không một chút xót thương của những người “vừa là đồng chí vừa là anh em” Trung Quốc.

Biển cổ cá chết vừa qua là vết thương mới trên thân thể vốn đã nhiều thương tích của họ. Và như ông bà ta thường nói “tức nước vỡ bờ,” những làn sóng biểu tình đông đảo là phản ứng tự nhiên. Họ không thể im lặng, cầm nín như trước nữa. Lãnh đạo CS đáp lại bằng những hành động đàn áp dã man, ngay cả đối với phụ nữ và trẻ em. Nhưng điều đó chỉ xác nhận chế độ đang lui dần vào ngõ cụt. Ngay cả các lãnh đạo CS trung ương cũng biết chế độ CS một ngày phải tàn. Ngày đó đang đến.

Chọn lựa nào của người Việt quan tâm?

Hãy gác qua một bên thành phần bán nước, thờ ơ, vô cảm, chỉ biết làm giàu trên xương máu đồng bào, riêng đối với thành phần thật sự quan tâm với đất nước chỉ có hai chọn lựa dành cho họ: (1) Phê bình nhưng bảo vệ đảng CS bởi vì dù sao đi nữa, đảng CS vẫn còn có thể sửa đổi, vẫn còn có “tư cách lãnh đạo đất nước,” vẫn

còn có khả năng đưa đất nước vượt qua những hố sâu tham nhũng, lạc hậu kinh tế giáo dục, vẫn còn đủ sức mạnh để chống đỡ nạn Hán xâm, vẫn còn là chỗ dựa của chính họ; và (2) phát xuất từ nhận định rằng cơ chế chính trị, kinh tế, và văn hóa độc quyền cộng sản hiện nay là nguyên nhân tạo ra tình trạng chậm tiến, lạc hậu của đất nước, bất lực trước nạn Hán xâm, và do đó cần phải tập trung sức mạnh dân tộc để tháo gỡ bằng một cuộc cách mạng dân chủ toàn diện và triệt để.

Đối với những người chọn lựa phương pháp thứ nhất, bên cạnh những lo lắng cho tương lai đất nước có thể rơi vào hỗn loạn sau cách mạng, một phần khác, dù nói gì đi nữa, chính cái chế độ tồi tệ này đã nuôi dưỡng họ, đã ban phát cho họ bổng lộc, tạo cho họ một chỗ đứng trong xã hội, và điều đó có nghĩa nếu chế độ này sụp đổ, họ sẽ như cánh bèo giữa biển biết trôi dạt về đâu, liệu chế độ dân chủ có chấp nhận họ hay không.

Thực tế tại các nước cựu CS trả lời cho cả hai lo lắng.

Hãy nhìn sang Đức, sang 6 nước cựu CS Đông Âu, 15 nước thuộc Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết cũ, 8 nước vùng Balkans, 3 nước Angola, Congo, Ethiopia ở Phi Châu, và ngay cả Mông Cổ ở Á Châu, có quốc gia nào đã trừng phạt nặng nề các đảng viên CS đã dựa vào đảng chỉ vì chén cơm manh áo không?

Không. Ngoại trừ các biện pháp đối với những kẻ đã gây ra tội ác, còn thì quan tâm hàng đầu của các chính phủ dân chủ sau CS, kể cả Việt Nam sau này, là phục hưng sức mạnh đất nước để cố gắng đuổi kịp các nước đã tiến trước quốc gia họ hơn nửa thế kỷ. Latvia, Lithuania, Estonia, Tiệp Khắc, Ba Lan, Hungary v.v... đã làm vậy, và họ thành công.

Đồng thời, thực tế tại các nước cựu CS cho thấy có nước nào trong đó lãnh đạo đảng CS tự nguyện thay đổi, tự nguyện chuyển

hóa đất nước từ độc tài sang dân chủ?

Không. Tất cả đều bị đẩy lui bằng sức mạnh nhân dân qua các cuộc biểu tình ồ ạt. Các lãnh đạo CS, có kẻ chết trước khi cách mạng dân chủ xảy ra nên không bị xử như Enver Hoxha của Albania, có kẻ may mắn nên chỉ bị hai năm tù treo như Czesław Kiszcak của Ba Lan, cũng có kẻ phải chết nhục trong lưu đày như Erich Honecker hay bị xử bắn như Nicolae Ceaușescu. Lịch sử chứng minh, dù trong hoàn cảnh nào, các lãnh tụ CS vẫn cố bám vào chiếc ghế quyền lực đến giờ phút cuối cùng, không ai tự nguyện ra đi.

Dù tiến trình thay đổi có thể khác nhau nhiều ít tại mỗi quốc gia, dân chủ vẫn là khát vọng chung của con người dù sống ở đâu trên mặt đất này. Các học giả có thể tranh luận về phương pháp, mức độ áp dụng các nguyên tắc dân chủ theo điều kiện của mỗi quốc gia nhưng không ai cho rằng dân chủ chỉ là sản phẩm riêng của các nước tiên tiến Tây phương chứ không phải chung của nhân loại.

Sierra Leone, Ghana, Ivory Coast ở châu Phi là những bằng chứng hùng hồn. Những quốc gia này trước đây không lâu đồng nghĩa với chiến tranh, lạc hậu, tui nhục, đói nghèo ngày nay là những quốc gia dân chủ điển hình đầy kiêu hãnh của Phi châu.

Tại sao một người dân trong bộ lạc ở rừng núi Guinea hay Malawi có quyền bầu cử, ứng cử, tự do tôn giáo, tự do báo chí, tự do đi lại còn người Việt Nam thì không?

Ai cũng có thể trả lời được vì đó là do cơ chế độc tài CS. Do đó, chọn lựa thứ hai, tháo gỡ cơ chế cộng sản, là chọn lựa đúng đắn, bức thiết của những ai đang quan tâm đến sinh mệnh Việt Nam.

Bảo vệ chế độ CS dù qua bất cứ hình thức nào kể cả bằng việc phê bình nhưng xây dựng đảng trong thời điểm này là đi ngược lại quyền lợi sống còn của đất nước. Lãnh đạo CSVN, trong thời gian

tới, có thể sẽ thực hiện vài “đổi mới” nhỏ để làm dịu lòng công phần của người dân nhưng đó chỉ là những viên thuốc ngủ như họ đã từng cho nhân dân Việt Nam uống suốt 41 năm qua.

Mỗi người trong đời ít nhất đã có một lần phải chọn lựa. Không ai có thể cùng lúc đi trên cả hai con đường. Chọn lựa hôm nay là chọn lựa giữa độc tài và dân chủ. Dân chủ không chỉ là tiền đề, là cơ sở để phục hưng đất nước mà còn là vũ khí để chống nạn Hán xâm. Chọn lựa thay đổi tận gốc rễ có thể sẽ gặp vài khó khăn, sẽ phải giẫm lên nhiều chông gai, nhưng đó phải là con đường thời đại và không có con đường nào khác.

Yêu nước không bao giờ quá trễ, hãy đi cùng dân tộc và thời đại.

TỔNG THỐNG TRUMP VÀ "CHÍNH SÁCH MỘT TRUNG QUỐC"

Một quan điểm có tính cách đối ngoại hết sức quan trọng và ảnh hưởng đối với chính trị Á Châu trong đó có Việt Nam, được Donald Trump đưa ra ngay cả khi chưa chính thức nhậm chức tổng thống là phê bình “Chính sách Một Trung Quốc” (One China Policy) tồn tại từ 1979 đến nay.

Nhắc lại, đầu tháng 12, 2016, Donald Trump đã vượt qua thông lệ của các tổng thống tiền nhiệm khi nhận điện thoại của bà Tsai Ing-wen, Tổng thống Cộng Hòa Đài Loan. Lần đầu tiên trong 38 năm, hai lãnh đạo Mỹ và Đài Loan chính thức trao đổi bằng điện thoại với nhau.

Theo các nguồn tin từ hai chính phủ, buổi điện đàm là một cố ý và đã được sắp xếp trước. Các cố vấn bảo thủ chung quanh Trump có cảm tình với Đài Loan như Edward J. Feulner và Reince Priebus muốn dùng đó như là cơ hội để cho Trung Cộng thấy lập trường cứng rắn của chính quyền Trump. Reince Priebus, Chánh văn phòng của TT Trump, thăm viếng Đài Loan nhiều lần và được David Lee, Bộ trưởng Ngoại Giao Đài Loan, ca ngợi như là “người

bạn tốt” của Đài Loan.

Trong một buổi phỏng vấn sau đó, TT Trump phát biểu rằng ông không thấy cần thiết phải bị “ràng buộc” bởi “Chính sách Một Trung Quốc” trừ phi Trung Cộng phải có những nhượng bộ thích hợp về mậu dịch giữa hai nước. Ông không tuyên bố chính thức từ bỏ và cũng không chính thức công nhận.

Ngày 3 tháng 12, 2016, Bộ Ngoại Giao Trung Cộng gửi một phản nài đến Mỹ về cuộc điện đàm giữa Donald Trump và TT Đài Loan và cho rằng điện đàm đã thay đổi chính sách của Mỹ từ năm 1979 nhìn nhận Đài Loan là một phần của Trung Quốc. Trung Cộng cho rằng “Chính sách Một Trung Quốc” không thể thay đổi và không thể được đem ra mặc cả.

Sau phản bác giới hạn đó, Trung Cộng im lặng chờ đợi phản ứng của TT Trump. TT Trump cũng im lặng. Các nhà phân tích cho rằng TT Trump trì hoãn việc gọi Tập Cận Bình để bộ tham mưu có thời gian nghiên cứu và đánh giá mức ảnh hưởng của việc chấp nhận hay không chấp nhận “chính sách Một Trung Quốc”. Một số nguồn tin khác cho rằng họ Tập từ chối nhận điện thoại cho đến khi nào TT Trump công nhận “Chính sách Một Trung Quốc”. Dù sao, tối ngày 9 tháng 2, 2017, TT Trump gọi Tập Cận Bình và qua đó tuyên bố với họ Tập, chấp nhận “Chính sách Một Trung Quốc”.

Vài nhà phân tích cho rằng TT Trump vừa để Tập Cận Bình “chơi tay trên”. Jane Perlez trên New York Times sáng 10 tháng 2 cho rằng “việc đổi ý về lời hứa sẽ xem lại định chế của Đài Loan, TT Trump có thể vừa tránh được một cuộc đương đầu trực tiếp với đối thủ mạnh nhất của Mỹ. Tuy nhiên làm vậy, TT Trump sẽ trao cho Trung Cộng một chiến thắng và làm yếu đi hình ảnh của ông ta như là một người đàm phán cứng rắn và đáng sợ đối với họ Tập.”

Trong suốt thời kỳ vận động bầu cử, Donald Trump đứng trên quan điểm chống Trung Cộng triệt để và gần như trong mọi lãnh vực. Trump tố cáo Trung Cộng vận dụng chính sách tiền tệ có lợi một chiều, tức chiều xuất cảng hàng hóa Trung Cộng; tố cáo Trung Cộng xây dựng các căn cứ quân sự trên Biển Đông; tố cáo Trung Cộng dung dưỡng Bắc Hàn đe dọa an ninh thế giới.

TT Trump không chỉ tố cáo thôi nhưng còn hứa sẽ sử dụng các biện pháp cứng rắn để trả đũa Trung Cộng, trong đó có tăng thuế nhập cảng lên đến 45 phần trăm. Tất cả những điều TT Trump tố cáo Trung Cộng đều đúng. Không chỉ TT Trump thấy ra điều đó mà cả các tổng thống trước Trump cũng thấy. Nhưng biết đúng, thấy rõ là một việc còn thay đổi được hay không là việc khác.

Về mặt đối nội cũng như đối ngoại “Chính sách Một Trung Quốc” là một hiện trạng (status quo) sinh tử đối với Trung Cộng.

Sự quan trọng của ‘status quo’

Trong chính trị học, khái niệm ‘status quo’ vô cùng quan trọng. Như người viết đã trình bày trong bài Tập Cận Bình chủ trương độc chiếm Biển Đông, ‘status quo’ chỉ tình trạng của các điều kiện thực tế trước khi có sự thay đổi. Khái niệm này được áp dụng trong hầu hết các lãnh vực. Các bên tranh chấp không thể truy tìm nguyên nhân ngược dòng lịch sử nhiều khi dài cả ngàn năm nên có khuynh hướng chấp nhận một ‘status quo’ và xem đó như là một giới hạn mà nếu bị vượt qua sẽ tạo nên nhiều bất trắc.

Đọc lại lịch sử Thế chiến Thứ Hai sẽ thấy mục đích của Hitler trong giai đoạn trước ngày 1 tháng 9, 1939 không phải để phát động chiến tranh thế giới ngay nhưng để từng giai đoạn thiết lập các ‘status quo’. Hitler thiết lập ‘status quo’ thứ nhất sau khi thanh toán Áo không tốn một viên đạn. Hitler dựng ‘status quo’ thứ hai sau khi chiếm Tiệp Khắc cũng rất nhẹ nhàng. Hitler bắt tay với

Stalin để đặt một ‘status quo’ khác rộng hơn bằng việc chia Đông Âu và Baltics với Stalin.

Nhiều nhà chính trị tiên đoán tương lai của một quốc gia dựa trên các điều kiện kinh tế chính trị quân sự đang diễn ra. Tuy nhiên như lịch sử đã chứng minh, khi phải quyết định, phần lớn các lãnh tụ dù độc tài hay chân chính đều nhìn về quá khứ. Lý do, quá khứ đã được chứng nghiệm giúp cho họ yên tâm và xem đó nguồn bảo đảm cho quyết định của họ. Những bài học quá khứ, vì thế, vô cùng quan trọng. Việc Hitler quyết định tấn công Ba Lan trước là bài học kinh nghiệm quý giá cho những ai quan tâm đến viễn ảnh Việt Nam. Ba Lan là ‘status quo’ mà Hitler muốn thiết lập nhưng cũng là điểm vỡ làm bùng nổ chiến tranh. Việt Nam rồi sẽ ra sao?

Thật ngạc nhiên đến sững sốt khi so sánh trường hợp Ba Lan trong Thế chiến Thứ Hai với những khả năng có thể xảy ra tại vùng Đông Nam Á, bởi vì chính sách của Tập Cận Bình đối với Đông Nam Á hiện nay không khác gì chính sách mà Hitler đã áp dụng tại Châu Âu trước năm 1939.

Lợi dụng chính sách đối ngoại tập trung chống khủng bố và chiến tranh vùng Vịnh của các tổng thống Mỹ sau biến cố 11 tháng Chín 2001, các lãnh tụ Trung Cộng từng bước thiết lập các ‘status quo’ trên Biển Đông.

Sự quan trọng của “Chính sách Một Trung Quốc” đối với Trung Cộng

“Chính Sách Một Trung Quốc” là một ‘status quo’ chiến lược đối với Trung Cộng. Nếu thay đổi hiện trạng tức trở lại tình trạng hai nước Trung Quốc như trước 1979 cũng có nghĩa vấn đề Eo Biển Đài Loan sẽ được đem ra thảo luận và các ‘status quo’ khác mà họ Tập đang thiết lập trên Biển Đông cũng sẽ không còn giá trị.

Lịch sử quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Trung Cộng cho thấy vấn đề Đài Loan gắn liền với sự tồn tại của chế độ CS tại Trung Quốc.

Cộng Hòa Đài Loan cũng có riêng “Nguyên tắc Một Trung Quốc” (One China Principle). Đừng lẫn lộn giữa “Chính sách Một Trung Quốc” và “Nguyên tắc Một Trung Quốc”. “Nguyên tắc Một Trung Quốc” trong quan điểm Đài Loan là một Trung Quốc chính danh, cộng hòa được dựng nên như kết quả của Cách mạng Tân Hợi 1911 và là một Trung Quốc theo tinh thần của Hiến Pháp 1947 được công bố tại Nam Kinh. Quốc kỳ ba màu xanh, trắng, đỏ của Đài Loan hiện nay là quốc kỳ của toàn Trung Hoa ra đời ngày 30 tháng 6, 1924. Tôn Dật Tiên là một trong hai người phác họa quốc kỳ và được quy định như là biểu tượng của toàn Trung Hoa trong hiến pháp 1947.

Sự thay đổi về vị trí chính trị của Đài Loan, ngoài ra, sẽ tác động trực tiếp đến tính chính danh của đảng CS. Đặng Tiểu Bình từng tuyên bố: “Hình ảnh một Trung Quốc hiện đại không phải được tạo ra bởi nhà Thanh hay bởi các lãnh chúa quân phiệt, và cũng chẳng phải do Tưởng Giới Thạch hay con trai của ông ta. Chính là do Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã thay đổi hình ảnh của Trung Quốc”.

Năm 1995, TT Bill Clinton đáp lại việc Trung Cộng thử hỏa tiễn liên lục địa và cũng để thăm dò quyết tâm của Trung Cộng khi ra lệnh hàng không mẫu hạm Nimitz và đoàn hộ tống tiến vào Eo Biển Đài Loan, vùng biển mà trước đó Mỹ xem như thuộc Trung Cộng. Tuy nhiên, điều kiện kinh tế của Trung Cộng năm 2017 khác xa với năm 1995. Ngoại trưởng Mỹ Rex W. Tillerson có mặt trước buổi điện đàm giữa TT Trump và Tập, và cũng là người phân tích cho TT Trump thấy những rủi ro có thể xảy ra trong quan hệ giữa hai nước.

TT Trump chạm vào “Chính sách Một Trung Quốc” tức chạm vào mạch sống của đảng CS Trung Quốc, và do đó, giới cầm quyền Trung Cộng không thể nào khoan nhượng. Nếu TT Trump, thay vì chủ trương xét lại ‘status quo’ Đài Loan, bắt đầu bằng tranh chấp Biển Đông, xung đột Thái Bình Dương hay bất bình đẳng trong mậu dịch có lẽ thích hợp hơn và dễ làm khó Trung Cộng hơn.

Shi Yinhong, giáo sư quan hệ quốc tế tại đại học Renmin, Bắc Kinh, cho rằng “Trump thua Tập trận đầu tiên và ông ta sẽ được xem như là một con cọp giấy.” Ý kiến của Shi Yinhong ngông cuồng, khoác lác nhưng phản ánh quan điểm chung của đa số dân chúng bị tẩy não bằng hệ thống tuyên truyền Đại Hán tại Trung Cộng.

Nhận xét của TT Trump về “Chính sách Một Trung Quốc” hồi đầu tháng 12 năm ngoái cho thấy ông vội vã, thiếu kinh nghiệm trong bang giao quốc tế và hiểu ít về lịch sử đầy hận thù, nhỏ nhen, đố kỵ và phân hóa của Trung Quốc nhưng kết luận TT Trump là “con cọp giấy” cho thấy Shi Yinhong dù là giáo sư bang giao quốc tế cũng không biết nhiều về chính trị thế giới và cũng chỉ là sản phẩm của bộ máy tuyên truyền CS.

Shi Yinhong quên rằng Mao Trạch Đông tuyên bố một cách hân học với phóng viên Anna Louise Strong “Đế quốc Mỹ là con cọp giấy” năm 1956 sau khi đã chôn trên 400 ngàn thanh niên Trung Quốc trong đó có con trai của y trên dải đất hẹp ở Triều Tiên, và sau đó chính y cũng trả lời với Khrushchev ngày 10 tháng 2, 1959 “Trung Quốc không muốn đương đầu quân sự với Mỹ” . Do đó, câu nói đó của Mao cần phải hiểu ngược lại.

Niềm hy vọng của người Việt

Người Việt hải ngoại và cả trong nước trong thời gian qua đã dành khá nhiều bút mực, lời ăn tiếng nói cho chính trị Mỹ, cụ thể

là về TT Donald Trump.

Phần lớn của những tranh luận trong dư luận người Việt hải ngoại tập trung vào chính sách đối ngoại của TT Trump nhiều hơn là đối nội. Điều đó phát xuất từ tấm lòng và nỗi lo cho tương lai Việt Nam, bởi vì họ hy vọng chính sách của TT Trump sẽ tác động hay ít ra ảnh hưởng đến chính trị Á Châu nói chung và Việt Nam nói riêng.

Không ít người Việt hy vọng rằng chủ trương bành trướng Biển Đông của giới cầm quyền Trung Cộng từ Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào đến Tập Cận Bình gần như không gặp phải sự chống đối quyết liệt nào, nhưng lần này sẽ phải gặp phải lực đối đầu rất mạnh và cụ thể. Tuy nhiên, đừng quên rằng nước Mỹ hôm nay vẫn là nước Mỹ với tất cả những thuận lợi và khó khăn của buổi trưa ngày 20 tháng Giêng 2017. Chính sách của TT Trump dù có khác với chính sách của tổng thống Barack Obama cũng phải cần rất nhiều thời gian và tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố.

Dù tranh luận hay quan tâm đến chính trị Mỹ, cũng xin đừng quên trong giờ phút này, hàng triệu đồng bào Việt Nam vẫn còn đang chịu đựng thảm họa Formosa, hàng trăm tù nhân lương tâm vẫn còn bị giam giữ trong các trại tù. Xin đừng quên thảm họa Formosa, xin đừng quên Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Ngọc Như Quỳnh và các bạn tù của họ.

Trong lúc quan tâm đến chính trị Mỹ là một điều đúng và vận dụng chính sách đối ngoại của một cường quốc để thúc đẩy tiến trình dân chủ hóa là cần thiết, trọng tâm của mọi người Việt quan tâm vẫn là phải xây dựng cho được lực thay đổi từ nơi chính Việt Nam.

Đa số nếu không muốn nói là hầu hết trong hơn một trăm ngàn người dân Miến bao gồm sư sãi, sinh viên, nội trợ, nông dân, trí

thúc xuống đường chống chế độ độc tài Ne Win tại Miến tháng 8, 1988 có thể không biết tên tổng thống Mỹ là gì nói chi đến chính sách đối ngoại hay đối nội của ông ta. Cuộc vận động dân chủ tại Miến bắt đầu trong cô đơn, âm thầm nhưng dẫn đến thành công nhờ vào nội lực dân tộc Miến chứ không phải bàn tay cứu vớt của lãnh đạo nước ngoài. Việt Nam rồi cũng thế. Không có một George W. Bush, Barack Obama hay hôm nay Donald Trump nào đến để trao chìa khóa mở cánh cửa tự do dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Chiếc chìa khóa đó phải được đúc bằng hy sinh và xương máu Việt Nam.

TÌNH TỰ DÂN TỘC

NIỀM ĐAU MADRID, NỖI NHỚ SÀI GÒN

Chuyến viếng thăm Việt Nam của TT Barack Obama có lẽ là chuyến viếng thăm của một nguyên thủ quốc gia để lại nhiều cảm xúc trong lòng người Việt Nam nhất, không phải chỉ thiện cảm, xúc động, hân hoan, niềm nở khi ông đặt chân xuống Sài Gòn nhưng cũng để lại ít nhiều cay đắng, ngậm ngùi, trống vắng khi cánh cửa của Air Force One từ từ khép lại.

Là một con người nặng tình cảm, TT Barack Obama hẳn đã đọc được những khao khát tự do dân chủ của người dân Việt Nam, nhất là tại Sài Gòn, qua cách chào đón họ đã dành cho ông. Và là một con người nặng tình cảm, ông đã để những cảm xúc riêng tư qua cách nói, cách cười, cách choàng vai tự nhiên, thân tình, đắm thắm lẫn át vai trò của một nguyên thủ quốc gia trong nhiều nơi ông đã ghé thăm. Đừng quên, Barack Obama từng là một điều hợp viên cộng đồng với nhiều sắc dân ở Chicago lo việc dạy kèm, thuê nhà cho người nghèo nên việc ông hòa hợp dễ dàng vào giới bình dân không có gì lạ.

Nhưng dù gì đi nữa, cuối cùng, quyền lợi và chính sách lâu dài của nước Mỹ vẫn trên hết.

Lịch sử để lại vô số bài học.

Madrid tháng 8, 1944

Ngày 25 tháng Tám, 1944 Paris chính thức được giải phóng. Tư lệnh Đức Tướng Dietrich von Choltitz, người từ chối lệnh của Hitler chiến đấu tới cùng cho đến khi Paris chỉ còn là đồng gạch vụn, đầu hàng tại khách sạn Meurice. Trong lúc các lực lượng đồng minh tiến về phía Bắc để tấn công sang lãnh thổ Đức, một bộ phận tiếp tục giải phóng các tỉnh miền Nam nước Pháp.

Ảnh hưởng từ các cuộc nổi dậy của nhân dân Pháp tại những nơi quân đội đồng minh sắp đến vang dội sang tận Tây Ban Nha lúc đó đang chịu đựng dưới sự cai trị độc tài hà khắc của tướng Francisco Franco.

Francisco Franco (1892-1975) thiết lập chế độ độc tài toàn trị Phát Xít tại Tây Ban Nha khi phe quân phiệt của ông ta dưới danh nghĩa Bảo Hoàng với sự giúp đỡ của Hitler và Mussolini thắng cuộc Nội chiến Tây Ban Nha. Dưới chế độ hà khắc của Franco, khoảng từ 200,000 đến 400,000 người bị giết và vô số người bị đày ải trong 190 trại tập trung trên khắp Tây Ban Nha.

Mặc dù tuyên bố “trung lập” trong Thế Chiến thứ Hai, Franco cho phép hải quân Đức và Ý cập vào các cảng Tây Ban Nha và tình báo của phe Trục được quyền hoạt động trên đất Tây Ban Nha. Ngoài ra, Franco còn chấp thuận cho Sư Đoàn Xanh (Blue Division) tình nguyện chiến đấu bên cạnh quân đội Hitler tại các mặt trận Volkhov và Leningrad.

Với hai lý do, một chế độ Franco độc tài Phát Xít chà đạp lên các quyền tự do của con người và đồng minh của Hitler trong Thế Chiến thứ Hai, không ít người dân Tây Ban Nha tin rằng sau khi giải phóng nước Pháp, quân đội của Mỹ, nước dân chủ hàng đầu thế giới, sẽ có tất cả lý do chính đáng để giải phóng Tây Ban Nha

khỏi ách độc tài Francisco Franco, xây dựng một Tây Ban Nha dân chủ và sẽ là một đồng minh thân cận, vững chắc của Mỹ bên bờ Địa Trung Hải.

Với lòng tin tưởng quân đội Đồng Minh sắp giải phóng Tây Ban Nha, tại thủ đô Madrid, các phong trào sinh viên Tây Ban Nha đã tổ chức hàng loạt các cuộc biểu tình, nổi dậy, phân phối truyền đơn kêu gọi các tầng lớp nhân dân Tây Ban Nha đứng lên lật đổ độc tài Francisco Franco.

Không. Quân đội đồng minh không vượt biên giới Pháp Tây Ban Nha và phong trào sinh viên Tây Ban Nha đã bị Franco dập tắt một cách đẫm máu.

Lý do quân Mỹ không vượt biên giới. Từ khi phần thắng của Thế Chiến thứ Hai nghiêng về phía Đồng Minh, các lãnh đạo đồng minh đã hình dung ra một bản đồ mới, một trật tự mới tại châu Âu. Riêng đối với trường hợp Tây Ban Nha, Stalin muốn trừng phạt Tây Ban Nha về tội “liên minh” với Đức nhưng Franklin Roosevelt và Winston Churchill từ chối. TT Mỹ và TT Anh chẳng những không muốn can thiệp vào chế độ chính trị Tây Ban Nha mà còn muốn dùng Franco để chống lại Stalin sau thế chiến.

Khi TT Franklin Roosevelt qua đời ngày 12 tháng Tư 1945, Phó TT Harry Truman lên thay đã khai triển quan điểm bao vây Liên Xô một cách cụ thể hơn trong chủ thuyết được gọi là Chủ Thuyết Truman (Truman Doctrine). Trong kế hoạch đó, ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa CS là trọng điểm và là ưu tiên cao nhất trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Mỹ o bế Franco vì biết y là người chống Liên Xô triệt để. Đáp lại, Franco cho phép Hoa Kỳ thiết lập bảy căn cứ quân sự Mỹ trên lãnh thổ Tây Ban Nha.

Sài Gòn tháng 5, 2016

Sài Gòn tháng 5, 2016, hàng trăm ngàn người thuộc nhiều thế hệ

đổ ra đường chờ suốt mấy giờ để đón chào tổng thống Mỹ.

Như đã viết trong bài trước, người dân miền Nam đón chào một người đại diện cho thế giới tự do hơn là tổng thống một quốc gia. Tiếng hoan hô TT Barack Obama bằng tiếng Anh, bằng tiếng Việt vang lên trên đường phố Sài Gòn. Một lần nữa cho thấy mạch sống dân chủ trong lòng người dân miền Nam vẫn còn chảy.

Những em nhỏ sinh ra hay lớn lên ở Sài Gòn sau 1975 có thể không nhận ra những dân chủ ở miền Nam là những hạt giống do Phan Chu Trinh, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh và rất nhiều nhà cách mạng miền Nam khác gieo xuống hàng thế kỷ trước đã mọc ra, lớn lên trong ý thức các em và đã là một phần trong máu huyết của các em. Điều đó giải thích tại sao các em cảm thấy gần gũi với lãnh đạo một quốc gia dân chủ từ xa xôi đến hơn là những “lãnh đạo đất nước” cùng dòng giống với mình.

Sau 41 năm, người dân miền Nam vẫn còn mang tâm lý sống trong vùng bị chiếm hơn là dân của một “nước Việt Nam thống nhất.” Người dân Sài Gòn vẫn mang nặng trong tim một nỗi nhớ Sài Gòn, dù họ sinh ra, lớn lên hay chỉ nghe lời kể lại của ông bà, cha mẹ.

Hơn mười năm trước, trên talawas, người viết đã có dịp phân tích những bản án mà đảng CS dành cho các nhà tranh đấu miền Nam bao giờ cũng nặng nề hơn, tù đầy lâu hơn những người đấu tranh phát xuất từ miền Bắc:

“Trong lúc tôi vô cùng kính trọng những tiếng nói dân chủ vọng lên từ miền Bắc, những bản án dài hạn hơn nhiều mà giới lãnh đạo Đảng Cộng sản đã dành cho những nhà đấu tranh cho tự do tôn giáo và nhân quyền phát xuất từ miền Nam cho thấy rằng, ba trăm năm sau, con sông Gianh cách ngăn dân tộc từ thời Trịnh Nguyễn

vẫn còn chảy, không phải ở Quảng Bình mà chảy ngay giữa lòng Hà Nội, chảy trong tư duy của những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tương tự, những phân chia ngăn cách Bắc Trung Nam từ thời thực dân chẳng những không được lấp lại, trái lại mỗi ngày bị đảng đào sâu thêm. Chính sách trả thù đã thể hiện không những đối với những người cầm súng, những viên chức chính quyền cũ mà còn áp dụng một cách tàn nhẫn đối với gia đình họ, con cái họ và thậm chí còn mở rộng đến nhiều triệu người dân vô tội chỉ vì họ sống bên này sông Bến Hải.

Sau 1975, trong lúc hàng trăm ngàn sĩ quan và viên chức Việt Nam Cộng Hòa bị tù đầy trong rừng sâu nước độc, hàng triệu thân nhân họ cũng đã gánh chịu nhiều cực hình không kém phần độc ác. Tôi đã gặp những đứa bé miền Nam có cha mà như không cha, có mẹ mà như mất mẹ, sống lang thang đầu đường cuối chợ. Tôi đã gặp những đứa bé miền Nam thông minh nhưng không có một cơ hội đến trường, chỉ biết đứng bên ngoài cổng trường mà khóc. Đảng nói gì chưa với những mái tóc xanh kia?”

Những “mái tóc xanh” lang thang trên đường phố Sài Gòn sau 1975 bây giờ đã lớn, đã ngoài tuổi 40, nhưng ký ức của tuổi thơ hải hùng sẽ không bao giờ phai nhạt. Sự có mặt của TT Barack Obama là cơ hội để các em bày tỏ thiện cảm dành cho tổng thống một nước dân chủ nhưng đồng thời cũng để nhà cầm quyền CS thấy sự khinh bỉ của các em dành cho các lãnh đạo độc tài.

Hàng năm, các loa tuyên truyền của đảng vẫn tiếp tục lặp lại bài hát “hòa giải hòa hợp dân tộc” vào mỗi dịp 30 tháng 4, nhưng 41 năm trôi qua chính sách phân biệt đối xử của đảng CSVN đối với người dân miền Nam vẫn không thay đổi.

Trước đây, con số 20 năm tù trở thành một loại tiêu chuẩn dành

cho những người tranh đấu nổi tiếng ở miền Nam như Linh mục Nguyễn Văn Lý (bị kết án 20 năm tù, 1977), Bác sĩ Nguyễn Đan Quế (bị kết án 20 năm tù, 1990), Gs Đoàn Viết Hoạt (bị kết án 20 năm tù, 1993) và hiện nay cũng thế, Trần Huỳnh Duy Thức (bị kết án 16 năm tù cộng với 5 năm quản chế, 2010).

Ngoài chính sách cai trị dựa trên lý lịch, quá khứ, việc kết án nặng nề dành cho các nhà tranh đấu miền Nam còn chứng tỏ đảng rất sợ dân miền Nam. Nhưng sợ hay không sợ, khao khát tự do dân chủ như ngọn lửa âm ỉ trong lòng người sẽ một ngày bùng lên thành cách mạng.

Niềm đau Madrid, nỗi nhớ Sài Gòn

Người viết đọc câu chuyện phong trào sinh viên Madrid trong một tạp chí ở Sài Gòn trước 1975. Thời gian dài trôi qua, tên tuổi đã quên, nhưng sự hy sinh của họ vẫn còn sống trong ký ức và niềm tiếc thương dành cho sự hy sinh của họ vẫn còn trĩu nặng đến bây giờ.

Dù trong sáng và cao quý bao nhiêu, số phận của các lãnh đạo phong trào dân chủ Tây Ban Nha chắc chắn đã không được nhắc tới trong các phiên họp bàn viễn ảnh về châu Âu của Anh Mỹ. Tương tự, số phận của Trần Huỳnh Duy Thức và hàng trăm tù nhân lương tâm Việt Nam đang bị tù đầy cũng không được TT Obama đặt ra như một điều kiện với lãnh đạo CSVN trong chuyến viếng thăm Việt Nam. Vì thế, TT Obama đã rời Việt Nam nhưng những “đáng tiếc”, “lẽ ra”, “phải chi” vẫn còn nghe đây đó.

Trước mặt các nhà kiến trúc chính trị Mỹ chỉ có tấm bản đồ chứ không có tên tuổi người nào. Họ xây dựng chính sách đối ngoại với Trung Cộng từ kinh nghiệm đương đầu với Liên Xô. Liên Xô rất mạnh ở trung tâm nhưng yếu ở các vòng ngoài. Mikhail S. Gorbachev biết rõ điểm yếu đó và từng ra lệnh đàn áp cuộc nổi dậy

đòi độc lập của nhân dân Lithuania 1989 để cứu vãn Liên Xô nhưng thất bại khi các nước vùng Baltic cùng đứng dậy.

Dĩ nhiên Mỹ phải chuẩn bị cho mọi hình thức sụp đổ của Trung Cộng nhưng dù khả năng nào, chính sách bao vây ngăn chặn (containment) vẫn là bước đầu được hầu hết các tổng thống Hoa Kỳ, theo mức độ khác nhau, đã và đang theo đuổi. Cuộc “Chiến tranh Lạnh” khác đã bắt đầu ở Á Châu. Mỹ sẽ gia tăng áp lực, kể cả áp lực quân sự, từ bên ngoài để hy vọng Trung Cộng một ngày sẽ tan vỡ từ bên trong, giống như các TT Hoa Kỳ từ Harry Truman đến Ronald Reagan đã thực hiện và thành công đối với Liên Xô.

Thực tế chính trị quốc tế là vậy. Đừng nói chi là một phong trào dân chủ, dù Tây Ban Nha hay Việt Nam, mà ngay cả một quốc gia lớn như Tiệp Khắc còn bị Anh Pháp tặng không cho Hitler tại Hội nghị Munich trước Thế Chiến thứ Hai và một lần nữa bị Anh Mỹ bỏ rơi tại Hội nghị Yalta để cuối cùng rơi vào tay Stalin sau Thế Chiến thứ Hai. Từ một sinh viên cho đến lãnh đạo Tiệp không ai không xót đau, thương tiếc cho hàng triệu cái chết oan uổng của các thế hệ trước, nhưng thay vì nuôi thù báo oán họ tập trung xây dựng lại đất nước thịnh vượng và tự do dân chủ cho hôm nay và cho các đời sau.

Câu nói “vận mệnh Việt Nam nằm trong tay người Việt” của TT Obama là câu nói thành thật không phải với tư cách tổng thống Hoa Kỳ mà là một con người. Bởi vì, giá trị của một con người hay một đất nước cũng thế, không phải ở chỗ ngã xuống mà ở chỗ biết đứng lên, vượt qua và tiếp tục hành trình đi về phía trước. Không ai chết thay cho dân tộc Việt Nam ngoài dân tộc Việt Nam và cũng không ai cứu Việt Nam ngoài chính dân tộc Việt Nam.

KHÔNG GÌ THIÊN LIÊN HƠN TỔ QUỐC

Suốt sáu tháng qua, nhất là từ cuối tháng Bảy đến đầu tháng Mười, 2016, phong trào chống Formosa bùng nổ lớn bằng các cuộc biểu tình với sự tham gia của nhiều ngàn đồng bào các tỉnh bị ảnh hưởng.

So với các cuộc biểu tình chống Trung Cộng xâm lăng biển đảo trước đây, các cuộc biểu tình tại Quảng Bình, Vinh, Nghệ An, Hà Tĩnh là những cuộc biểu tình đông đảo nhất trong suốt 41 năm qua. Sở dĩ phong trào phát triển nhanh và đông đảo như vậy là nhờ được sự ủng hộ tinh thần của các vị lãnh đạo Công Giáo thuộc các giáo phận tại miền Trung. Đồng thời, các mục tiêu tranh đấu cũng cụ thể và rõ ràng hơn.

Tại sao phải chống Formosa? Như Đức Cha Nguyễn Thái Hợp nhận định: *“Nếu nhà nước là đại diện của dân, theo đúng nguyên tắc nhiều nơi làm thì trước khi đòi Formosa bồi thường bao nhiêu thì phải đi nghiên cứu lại và xem dân thiệt hại bao nhiêu. Trong khi đó nhà nước lại đi dèm với Formosa và nhận như vậy thì điều đó trong thế giới hôm nay người ta không thể công nhận việc đó được.”*

Số tiền gọi là bồi thường của Formosa với thỏa thuận của nhà cầm quyền CSVN dù lên tới bao nhiêu tỉ Mỹ kim cũng chỉ là một loại tiền bố thí. Nhân dân Việt Nam không cần ai bố thí. Nước Việt là của người Việt. Việt Nam cần một môi trường sạch không chỉ cho hôm nay mà cả nhiều trăm năm, nhiều thế hệ về sau. Do đó, yêu cầu chung của người dân là Formosa phải đóng cửa.

Tinh thần của đồng bào Việt Nam trong cũng như ngoài nước chưa bao giờ lên cao hơn. Chế độ CS vẫn còn mạnh và còn đang cai trị nhưng chưa bao giờ ở trong tình thế bị bao vây, nao núng hơn.

Người viết và có thể nói hầu hết các nhà phân tích tình hình đất nước, đã tự đặt cho mình câu hỏi, liệu CSVN sẽ phải làm gì để thoát vòng vây? Trong hai bài viết liên quan đến sự kiện Nguyễn Ngọc Như Quỳnh bị bắt, người viết cho rằng CSVN sẽ cố gắng cô lập các cuộc biểu tình để không phát triển thành một làn sóng chống đối có tầm vóc quốc gia, chặt các chiếc cầu nối kết giữa phong trào chống Formosa sang các phong trào đòi tự do dân chủ và cuối cùng thỏa hiệp với từng thành phần có liên hệ.

Cho đến nay, dù đông đảo, các cuộc biểu tình vẫn còn giới hạn trong khuôn khổ tôn giáo. CS có đàn áp nhưng không dám nặng tay như trường hợp các chế độ độc tài Bắc Phi hay quân phiệt Miến Điện đã làm tại nước họ trước đây và kết quả đã dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng.

Để ngăn chặn phong trào vượt qua khỏi giới hạn tôn giáo và phát triển thành một phong trào của quần chúng, CSVN phải bắt những thành phần có khả năng tạo sự nối kết giữa Công Giáo với các thành phần đấu tranh thuộc nhiều tầng lớp xã hội và thuộc nhiều tôn giáo ngoài ảnh hưởng của giáo hội Công Giáo. Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, ngoài uy tín, phương pháp đấu tranh ôn hòa còn là một tín đồ Công Giáo thuần thành, có khả năng làm chiếc

cầu nối kết giữa các phong trào trong và ngoài Công Giáo. Ngoài ra, trong số các lãnh đạo phong trào xã hội tại Việt Nam hiện nay, Nguyễn Ngọc Như Quỳnh là khuôn mặt nổi bật nhất. Giới cầm quyền CS nghĩ rằng chưa cần phải bắt nhiều, chỉ một Như Quỳnh đủ để đe dọa các phong trào xã hội.

Ngoài việc giới hạn sự lan rộng của phong trào và bắt bớ, CSVN tiến hành thỏa hiệp.

Thỏa hiệp là một sách lược chính trị được áp dụng rộng rãi từ Đông sang Tây, tuy nhiên có thể nói, nguyên tắc thỏa hiệp với bên mạnh và tiêu diệt bên yếu trước là một trong những chủ trương có tính kinh điển của CS, không chỉ riêng CS Việt Nam mà cả phong trào CS quốc tế trước đây. Gọi là kinh điển bởi vì Lenin đã nhiều lần nhấn mạnh đến chiến lược này trong các tác phẩm của ông ta. Trong tuyển tập Lenin, chính y thừa nhận lịch sử của Bolshevism cả trước và sau “Cách mạng tháng Mười” là lịch sử của những thỏa hiệp, không những với các đảng phái không CS mà còn cả với các thành phần tư sản.

Hôm 26 tháng 10, 2016, CSVN tìm cách lấy lòng Tòa Thánh qua chuyến viếng thăm của phái đoàn do Thứ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn dẫn đầu và được Đức Giáo Hoàng tiếp. Trong dịp này, Bùi Thanh Sơn “*khẳng định các cấp chính quyền Việt Nam luôn quan tâm đến các nhu cầu của Giáo hội Công giáo, tạo thuận lợi cho các hoạt động mục vụ của Công giáo, quan tâm cải thiện, nâng cao đời sống giáo dân, nhất là tại các địa phương khó khăn ... Thứ trưởng đề nghị Tòa thánh và Đặc phái viên không thường trú của Tòa thánh quan tâm, khuyến khích Giáo hội Công giáo Việt Nam sống tốt đời đẹp đạo, động viên chức sắc và giáo dân Công giáo tại các giáo phận đồng hành cùng đất nước, tham gia đóng góp một cách tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và ở từng địa phương.*”

Không cần phải nói thẳng ra hay dịch cho rõ nghĩa những lời đường mật của Bùi Thanh Sơn, ai cũng biết, CSVN muốn Tòa Thánh giúp làm lắng dịu cuộc đấu tranh chống Formosa hiện nay.

Như đã phân tích, bài học cách mạng dân chủ tại Romania, Ba Lan, Philippines, Haiti cho thấy một khi lời kêu gọi của các lãnh đạo tôn giáo được mọi thành phần quần chúng lắng nghe và hưởng ứng, đó cũng là ngày chế độ độc tài sắp sửa cáo chung. Những ngày tháng tới là thời gian đầy thách thức và chọn lựa không phải chỉ đối với ngư dân Quảng Bình, Vinh, Hà Tĩnh, Nghệ An, không phải chỉ của riêng các lãnh đạo tôn giáo mà của cả dân tộc.

Giáo hội luôn có sự cảm thông sâu xa đối với sự chịu đựng của dân tộc và có cảm tình đối với các cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân nhưng cảm thông hay cảm tình chưa đủ mà chỉ có sự chọn lựa dứt khoát mới thay đổi được hoàn cảnh đất nước.

Người viết không dám lạm bàn hay vô đoán các quyết định của Tòa Thánh và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, chỉ cầu mong quyết định của quý ngài phù hợp với nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, góp phần xoa dịu vết thương của dân tộc đã và đang chịu đựng quá nhiều, quá lâu dưới chế độ CS và mở ra cánh cửa mới bằng tin mừng, hy vọng và hòa bình thật sự cho dân tộc Việt Nam.

Một mai, nếu đất nước Việt Nam bị họa Đại Hán tàn phá thành tro bụi rồi thì không chỉ tôn giáo thôi mà tất cả đều trở thành vô nghĩa. Do đó, phục vụ tôn giáo là một trách vụ thiêng liêng nhưng phục vụ tổ quốc cũng thiêng liêng không kém.

“THAY ĐỔI NƠI CHỖN, THAY ĐỔI THỜI GIAN, THAY ĐỔI NHẬN THỨC, THAY ĐỔI TƯƠNG LAI”

Một lần ghé thăm viện bảo tàng Peggy Guggenheim ở Venice, Italy, ngay trên lối vào có treo một câu danh ngôn và cũng là tác phẩm nghệ thuật của họa sĩ người Ý Maurizio Nannucci: *“Thay đổi nơi chốn, thay đổi thời gian, thay đổi nhận thức, thay đổi tương lai” (Changing place, changing time, changing thoughts, changing future).*

Tôi rất thích tác phẩm và chụp vài tấm hình để nhớ. Về nhà đọc lại trên Internet mới thấy tác phẩm và câu danh ngôn đó được xem như là một trong những câu nói thúc giục khát vọng của con người nhất. Đúng vậy, đi bao xa cũng chỉ làm thay đổi giờ giấc nhưng thay đổi tư duy, tầm nhìn, nhận thức mới thay đổi được tương lai.

Không nhìn đâu xa và không dám phê bình đích danh ai, chỉ nhìn lại chính mình thôi đã thấy nhận thức vô cùng cần thiết để vượt qua những khó khăn, chướng ngại trên đường học tập. Một trong những nhận thức đó là nhận thức về Ernesto "Che" Guevara.

Mỗi khi nghĩ về văn học miền Nam trước 1975, những độc giả lớn lên trong thời gian đó chắc không khỏi mỉm cười, một nụ cười thật đẹp để nhớ lại một quá khứ vô cùng thân thiết, không phải của riêng mình mà cả thời đại. Miền Nam trong những ngày tháng đó là miền Nam chiến tranh, tàn phá, nhưng cũng là nơi các giá trị tự do dân chủ đang bắt đầu trở lá, những chiếc lá xanh non kia sẽ bị hỏa thiêu trong vài năm sau đó.

Những quán café đơn sơ quanh gốc me già, những hành lang thư viện, nơi đó không chỉ những nhân vật, những tác giả ngoại quốc đang được thế hệ trẻ ngày đó say mê, mà cả những tác giả nguyên rủa “ngụy quyền miền Nam” không tiếc lời cũng được đem ra thảo luận, chê và khen. Không những thế, sách do họ viết, nhật ký do họ ghi cũng được phát hành công khai và rộng rãi. Một trong những tác phẩm được phát hành trước 1975 là Nhật ký Ernesto “Che” Guevara, thường được gọi tắt là “Che.” Thời gian qua lâu nhưng bức ảnh Che đội chiếc mũ bê-rê đen trong hình bìa vẫn còn rất rõ trong trí nhớ.

Sau này, đọc thêm các tác phẩm, các bút ký của những người cùng chiến đấu bên cạnh Che từ những ngày của Phong Trào 26 tháng Bảy đến khi làm giám đốc trại tù La Cabaña Fortress để biết Che, một Marxist phiêu lưu, chết là một điều may mắn cho Bolivia và nhiều nước Châu Mỹ La-Tinh khác. Che có tất cả cá tính của một nhà độc tài tàn bạo, giết người không gớm tay.

Hôm qua, đọc lại Nhật ký Ernesto “Che” Guevara bằng bảng tiếng Anh mới biết nhận thức của mình về Che đã hoàn toàn thay đổi so với hơn 40 năm trước.

Hình ảnh Che được kính trọng ở Cuba và được ngưỡng mộ trong nhiều thế hệ trẻ ở Châu Mỹ La-Tinh một phần bởi vì Che chết sớm và một phần do Fidel Castro đánh bóng đến mức không thể nào bóng hơn. Như người viết đã phân tích trước đây, những lãnh tụ

Cộng Sản thường tận diệt kẻ thù còn sống nhưng ca tụng kẻ thù đã chết. Stalin ca tụng Lenin, Fidel Castro ca tụng Ernesto “Che” Guevara, Đặng Tiểu Bình ca tụng Mao Trạch Đông. Nếu Ernesto “Che” Guevara không làm cách mạng phiêu lưu Nam Mỹ mà tiếp tục ở lại Cuba, thật khó tưởng tượng ông ta có thể sống sót dưới bàn tay của Fidel Castro. Một rừng không có hai cọp, một nước không có hai vua, đừng nói chi là quan hệ giữa Che và Fidel Castro rạn nứt trước khi Che tạm biệt vợ con lần cuối và lên đường đi Bolivia cuối năm 1966.

Nhưng hôm nay tại Cuba, hình ảnh Che được dựng lên trên khắp ngã đường. Xác chết không nghe được lời ca tụng, không nếm được mỹ vị cao lương, không sống trong các biệt thự có kẻ hầu người hạ, chỉ có đám độc tài đang thống trị đất nước mới thật sự là những kẻ hưởng thụ quyền lực.

Nhắc đến việc thay đổi tư duy, nhận thức, không thể quên ơn Giáo sư Phan Đình Diệu vì ông đã kêu gọi người Việt Nam “thay đổi tư duy” rất sớm.

Năm 1992, tiến sĩ Phan Đình Diệu phát biểu tại một hội nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *“Một mặt, chúng ta thừa nhận nền kinh tế thị trường với những chủ thể kinh tế tự do, bình đẳng của nó, nhưng mặt khác, chúng ta vẫn duy trì một hệ thống tổ chức xã hội theo mô hình chủ nghĩa xã hội nhà nước. Đây là một mâu thuẫn khó dung hòa được... Cũng xin phép nói rằng một Đảng theo chủ nghĩa cộng sản, nếu thực sự kiên định với chủ nghĩa cộng sản, thì không thể lãnh đạo sự phát triển kinh tế thị trường là cái mâu thuẫn như nước và lửa với học thuyết xây dựng xã hội cộng sản.”*

Thời gian đó, Internet còn phôi thai, một nhóm bạn chuyển nhau đọc qua email những lời phát biểu của ông với tấm lòng ngưỡng mộ.

Khoảng năm 2005, Gs Phan Đình Diệu tổng kết các suy nghĩ thành những bài viết rõ ràng và chi tiết hơn nhằm đưa ra một “khung mẫu tư duy mới” thay thế cho khung mẫu kiểu cũ. Hẳn nhiên đảng không đếm xỉa gì đến những lời gan ruột của ông mặc dù trong tất cả văn kiện quan trọng của đảng đều có nhắc đến “vận dụng một cách sáng tạo,” “cách mạng tư duy”, “chủ động nắm bắt thời cơ,” “đẩy mạnh kinh tế thị trường” v.v...

Người viết không phải đồng ý hết với quan điểm của giáo sư khi ông chỉ muốn “thay rượu” nhưng cho rằng không cần thiết phải “đổi bình.” Trong lý thuyết cũng như trong thực tế diễn ra của phong trào CS quốc tế cho thấy dù chậm hay nhanh, dù hòa bình hay bạo lực, cơ chế chính trị đều phải được thay đổi bằng cách mạng.

Lúc 7:12 phút tối ngày 25 tháng 12, 1991, Mikhail Gorbachev nhìn lên ống kính truyền hình và nói “Chúc quý vị mọi điều tốt đẹp” giữa sự thờ ơ của đa số dân Nga. Không ai hồi hộp, đợi chờ giờ phút đánh dấu sự cáo chung của chế độ CS lớn nhất trên thế giới, vì khi ông nói cách mạng đã diễn ra rồi.

Những lời kêu gọi của Gs Phan Đình Diệu, dù sao, đã tác động được nhiều người, nhất là thế hệ của người viết ngày đó ở hải ngoại, tất cả đều sinh ra ở miền Nam, lớn lên và học hành ở ngoài nước nên chắc chắn ông không biết. Người viết xin dừng lại ở đây để cảm ơn ông.

Điều đó cho thấy, con đường phục hưng dân tộc không phải là độc đạo mà có thể từ nhiều ngã khác nhau. Mỗi người Việt Nam sinh ra và lớn lên trong những hoàn cảnh gia đình, thế hệ không giống nhau, mang trên lưng một quá khứ khác nhau và do đó, tình yêu nước cũng thuận theo điều kiện mà thể hiện. Nhưng dù từ ngã nào đi nữa, muốn đồng hành cùng dân tộc và thời đại, trước hết phải thay đổi tầm nhìn và nhận thức.

Dù còn rất nhiều người bị hệ thống tuyên truyền của đảng làm xơ cứng nhận thức và che kín tầm nhìn, so với thời kỳ Giáo sư Phan Đình Diệu mới gióng lên tiếng nói, số người Việt ý thức được dân chủ là nguyện vọng của dân tộc, là bước cần thiết đầu tiên để “thoát Trung” và là khẩu hiệu của thời đại cũng đông đảo hơn nhiều. Chuyển tàu lịch sử dừng lại ở nhiều ga, tại mỗi nơi có người bước xuống và người bước lên nhưng chặng cuối cùng tự do dân chủ và nhân bản mỗi ngày một gần và sẽ đến.

HÃY LÀM MỘT GIỌT NƯỚC

(Tóm tắt bài thuyết trình tại Trại Việt 2000, Dallas 14 tháng 10, 2016)

Khi Disney World ở Florida khai mạc, ông Walt Disney, người đề xuất việc xây dựng theme park này đã qua đời. Trong ngày khai mạc, vị trưởng ban tổ chức đọc một diễn văn cảm động, ước ao rằng phải chi ông Walt Disney còn sống để thấy được những thành quả mà ông đã nghĩ ra.

Mặc dù diễn văn cảm động, vài hôm sau có một nhà báo cho rằng diễn văn không đúng. Chính chúng ta mới không thấy chứ ông Walt Disney đã thấy trong nhận thức của mình trước khi ông qua đời. Đúng vậy, nếu không thấy, không có tầm nhìn xa của ông, Disney World đã không được xây dựng và cũng không có những theme parks lớn trên thế giới bây giờ.

Điều đó cho tất cả chúng ta, có mặt hôm nay hay không có mặt hôm nay, đang sống ở hải ngoại hay trong nước, thấy sự quan trọng của tầm nhìn về tương lai đất nước. Không có nhận thức

đúng sẽ không có những hành động đúng và sẽ không thể bước trên một hành trình lâu dài được.

Một câu chuyện thiên về một người đi tìm chân lý, đi mãi, đi mãi và cuối cùng mới biết chân lý không phải đâu xa mà ở ngay trong nhà của anh ta, chân lý là mẹ của anh ta. Chân lý mà một hành giả hay mỗi chúng ta đi tìm cũng thế. Mỗi người Việt phải trở về với nguồn cội của mình và đối diện với những vấn nạn của chính mình. Không ai giúp và không ai giải quyết vấn nạn Việt Nam thay cho người Việt Nam.

Trước nay, chúng ta thường mơ có một minh quân nào đó xuất hiện, một lãnh đạo nào đó xuất hiện để hướng dẫn chúng ta, nhưng quên rằng vị anh minh đó không phải ai khác mà chính là mình. Người hướng dẫn thật sự cuộc đời mình không ai khác ngoài chính mình.

Nhìn lại thực trạng đất nước suốt 41 năm qua. Trong thế giới ngày nay, 80 phần trăm các quốc gia đã có dân chủ trong một mức độ nào đó, ngoại trừ Việt Nam và một số quốc gia khác nữa. Tại sao? Câu trả lời rất dễ dàng, đảng Cộng Sản Việt Nam là cản trở duy nhất trên con đường hướng tới tương lai của dân tộc Việt Nam. Dù chúng ta có đi tìm một vị anh minh nào thì vị đó cũng chỉ nói hầy về lật đổ chế độ CS đi thì mọi việc sẽ tự động giải quyết.

Không cần phải một bậc tiên tri mà tất cả quý vị ngồi đây đều có thể trả lời được lý do duy nhất mà chúng ta vẫn lưu vong cho đến ngày hôm nay là vì đảng CSVN, và chỉ có thay đổi cơ chế chính trị tại Việt Nam mới giải quyết được vấn đề Việt Nam.

Trong thời gia qua, quý vị nghe rất nhiều rằng ông này tham nhũng, ông kia không tham nhũng, Nguyễn Phú Trọng tốt hơn, Nguyễn Tấn Dũng xấu hơn v.v... Nếu Nguyễn Phú Trọng trong sạch chẳng lẽ chúng ta lại ủng hộ ông ta hay sao. Thật ra tất cả

những người đó cũng phát sinh ra từ một cơ chế mà thôi. Thay đổi một bộ phận của bộ máy, sơn lại màu sơn mới của một chiếc xe không làm cho chiếc xe chạy nhanh hơn, mà phải thay đổi nguyên cả bộ máy mới có thể làm chiếc xe chạy nhanh hơn. Không nên để CS dắt chúng ta đi vòng vòng mà phải tập trung vào việc giải quyết cơ chế CS.

Nhân loại đang bước vào thời kỳ dân chủ; do đó, xã hội Việt Nam phải là một xã hội dân chủ. Dân chủ là một tiến trình chứ không phải là một sản phẩm. Tiến trình có nghĩa sự thay đổi diễn ra từng bước tốt đẹp hơn. Nền dân chủ Hoa Kỳ khác với nền dân chủ Ấn Độ. Sau khi Cộng Sản sụp đổ, không phải Việt Nam sẽ có một xã hội giống hệt như xã hội Mỹ. Chắc chắn là không. Chúng ta còn phải trải qua rất nhiều khó khăn, rất nhiều khiếm khuyết. Tuy nhiên, chúng ta xây dựng một nền tảng và từ nền tảng đó, nếu chúng ta không làm hết được, con cháu chúng ta sẽ cải thiện và xã hội Việt Nam sẽ ngày càng tốt đẹp hơn. Do đó, không nên quá quan tâm đến cái gì sau đó mà trước hết phải lật đổ chế độ CS, xây dựng một chế độ dân chủ pháp trị, một nền giáo dục dân tộc, nhân bản và khai phóng mà nhiều người trong chúng ta đã trưởng thành từ đó để hướng dẫn tương lai của đất nước.

Câu hỏi khác được đặt ra là phải làm gì để có dân chủ. Một câu hỏi mà ai cũng hỏi và tự hỏi. Thật ra câu trả lời cũng không khó lắm đâu.

Cách đây 25 năm, đây là câu hỏi khó. Cách đây 41 năm thì quá khó. Tuy nhiên, điều kiện đấu tranh ngày nay đã khác nhiều so với những năm trước. Người dân ngày nay không còn sợ CS như trước mà chính lãnh đạo CS đang sợ người dân hơn.

Trong bài viết “Ai sợ ai” tôi có nhắc; cách đây 25 năm, không có ông Nguyễn Xuân Phúc nào đi xin lỗi nhân dân. Ông ta xin lỗi không phải vì người CS hiểu được lòng dân mà vì không còn cách

nào khác hơn là phải đi xin lỗi. Xin lỗi chẳng qua là cách giữ vị trí của mình, là cách làm lòng dân lắng dịu xuống chứ không phải vì biết mình sai.

Điều kiện ngày nay so với 25 năm trước khác nhau nhiều. Cách đây 25 năm, khi bác sĩ Nguyễn Đan Quế công bố tuyên ngôn Cao Trào Nhân Bản, nếu lúc đó CS đem bác sĩ ra bắn có lẽ cũng không bao nhiêu người biết. Nhưng tình thế ngày hôm nay đã khác; ngày nay, sức dân và lòng dân đang bắt đầu đấu tranh trực diện với đảng CS. Bây giờ CS sợ nhân dân hơn là nhân dân sợ CS.

Lật đổ chế độ CS cũng không phải là một việc quá khó. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã mở ra một không gian mới, nền kinh tế toàn cầu đã mở ra những mối quan hệ mới trong bang giao giữa các quốc gia. Lãnh đạo CS không dám đàn áp như cách họ đã làm 30 năm hay 40 năm trước. Cuộc đấu tranh giữa CS và dân tộc đã khác hơn nhiều. Phần thắng đang nghiêng về phía dân tộc.

Cách đây 25 năm các phong trào đấu tranh còn rất nhỏ và mang màu sắc quá khứ. Chẳng hạn như Câu Lạc Bộ Kháng Chiến gồm những người cựu kháng chiến, có những điểm đồng thuận nhau và có cùng một quá khứ giống nhau. Họ đấu tranh với các mục tiêu nhất định là được thừa nhận trong cơ chế xã hội mới.

Cách đây 25 năm không có những phong trào xã hội rất là trong sáng như bây giờ, không có những mặt trận thanh niên sinh viên đoàn kết và được nhanh chóng lắng nghe tại hải ngoại. Khí thế đó đã tạo ra một làn sóng rất mạnh và mỗi ngày một lớn mạnh thêm. Cuộc đấu tranh giữa CS và dân tộc mỗi ngày càng khác hơn nhiều. Chúng ta mỗi ngày một tiến, CS mỗi ngày một lùi. CS đang bị bao vây.

Việc bắt Mẹ Năm cũng là cách để lãnh đạo CS giải quyết vòng vây. CS không dám đàn áp thẳng tay như họ đã làm trước đây mà

chỉ cố cô lập các cuộc biểu tình dưới hình thức tôn giáo, làm cho phong trào không vượt qua khỏi giới hạn tôn giáo để thành một phong trào của quần chúng, phong trào của dân tộc. Muốn như vậy họ phải bắt những thành phần có khả năng tạo sự nối kết giữa tôn giáo với các thành phần đấu tranh không tôn giáo ở bên ngoài. Mẹ Năm là người đầu tiên họ bắt. Các cuộc biểu tình diễn ra trong khuôn viên nhà thờ, trong giới hạn nhà thờ dưới ánh sáng tôn giáo thì không sao nhưng khi đã biến thành một phong trào của quần chúng thì sẽ khác.

Trường hợp của Romania trước đây là một ví dụ. Các cuộc biểu tình tại Romania lúc đầu cũng chỉ diễn ra dưới hình thức tôn giáo khi một Mục sư người Hungary sống và giảng đạo tại Romania bị chính quyền CS Nicolae Ceaușescu đòi trục xuất. Các tín đồ của giáo phận đó đứng lên biểu tình với mục đích ban đầu là giữ Mục sư đó lại nhưng cuộc biểu tình ngày càng rộng lớn hơn vượt qua khỏi sự kiểm soát của chính quyền CS. Cuối cùng Nicolae Ceaușescu bị lật đổ và bị xử bắn một hai hôm sau khi trốn khỏi thủ đô Bucharest.

Đó là bài học mà các lãnh đạo CS đã học. Họ không muốn các phong trào đang nằm trong khuôn viên của tôn giáo trở thành một phong trào quần chúng. Cuộc biểu tình của 30 ngàn người diễn ra tại Vinh có lẽ không nguy hiểm lắm nhưng cũng 30 ngàn người đó mà biểu tình tại Sài Gòn, tại Hà Nội thì khác, chế độ CS có khả năng sụp đổ. Nhưng họ muốn là một việc mà có thực hiện được hay không là chuyện khác. Ý thức con người ngày nay đã đổi khác rồi. Ngày nào mà người dân không còn sợ đó là ngày cáo chung của đảng CS, và như chúng ta thấy tình trạng người dân sợ đảng CS mỗi ngày giảm dần, giảm dần.

Mỗi người Việt Nam hãy làm tất cả những gì có thể làm được để yểm trợ cho các phong trào trong nước. Đừng bao giờ chờ đợi Việt

Nam sẽ có một Aung San Suu Kyi hay một Nelson Mandela. Nếu không có, chẳng lẽ chúng ta tiếp tục để CS cai trị hay sao. Mỗi người Việt Nam có khả năng làm một Aung San Suu Kyi hay một Nelson Mandela, bởi vì chúng ta không kỳ vọng làm những việc mà hai vị đó đã làm mà kỳ vọng làm những công việc chính chúng ta có thể làm được.

Quý vị có mặt ở đây, các bạn từ các nơi xa đến đây; tất cả những công việc đó, đóng góp đó như những giọt nước nhỏ nhưng sẽ trở thành một biển lớn. Mẹ Teresa có nói một câu như thế này “Một giọt nước có thể không làm biển mặn hơn nhưng biển sẽ không mặn nếu thiếu đi những giọt nước.” Hãy làm một giọt nước và nếu mỗi người trong chúng ta đều cùng làm một giọt nước thì biển sẽ mặn.

NỖI ĐAU SẼ KHÔNG DỨT NẾU KHÔNG BIẾT TẠI SAO ĐAU

Em học sinh Việt Nam nằm gối đầu lên cặp sách, im lìm như đang ngủ trưa trong một bức hình đăng trên một tờ báo Mỹ. Các nhân viên y tế cứu thương chỉ vì quá thương xót mà tưởng như em còn biết đau nên đặt đầu em cao trên chiếc cặp vậy thôi. Không, em không ngủ trưa, em chết rồi. Em là một trong 32 học sinh trường tiểu học Cai Lậy, Định Tường, bị VC pháo kích chết lúc 2:55 trưa ngày 9 tháng 3, 1974. Em bị giết chỉ hơn một năm trước ngày chấm dứt chiến tranh để từ đó dân tộc Việt Nam chịu đựng 40 năm trong độc tài đảng trị đến hôm nay.

Ai giết 32 em học sinh trường tiểu học Cai Lậy, Định Tường?

Các em chết vì đạn pháo kích của Việt Cộng. Vàng. Nhưng đa số tuổi trẻ VN sinh ra và lớn lên sau 1975 không biết sự thật đó. Các em chỉ được nhồi sọ về cái chết của “10 cô gái Ngã ba Đồng Lộc.”

Ngã ba Đồng Lộc thuộc xã Đồng Lộc, Hà Tĩnh, nằm trên con đường chiến lược nối vào dãy Trường Sơn nên trong thời chiến thường bị Mỹ ném bom. Ngã ba Đồng Lộc gắn liền với chuyện 10

nữ thanh niên xung phong bị bom của Không lực Hoa Kỳ ném trúng ngay miệng hầm. Tiểu đội gồm 10 cô gái trẻ. Tất cả đều cùng quê hương Hà Tĩnh và đều chết tức khắc. Người nhỏ nhất là Vũ Thị Hà chỉ mới 17 tuổi.

Ai giết 10 cô gái Ngã ba Đồng Lộc?

Nếu hỏi 100 em học sinh Việt Nam, thì đúng 100 em sẽ trả lời do bom của “Đế quốc Mỹ.”

Nhưng nếu không có “đế quốc Mỹ” rồi 10 cô gái ở Ngã ba Đồng Lộc và hàng triệu thanh niên miền Bắc vô tội có chết hay không?

Nếu hỏi 100 em học sinh Việt Nam, thì đúng 100 em sẽ trả lời “Không.”

Thật ra, không có Mỹ các cô gái thanh niên xung phong đó cũng có thể chết. Nếu không chết tại Ngã Ba Đồng Lộc rồi cũng một ngã ba khác, một con đường khác, một thôn làng Việt Nam khác. Mười phần trăm dân số Việt Nam đã chết để tham vọng CS hóa Việt Nam của lãnh đạo CSVN và Quốc Tế được hoàn thành.

Số phận Việt Nam vốn đã nằm trong sinh tử lệnh của Mao và các lãnh đạo CS Trung Hoa không chỉ trước Điện Biên Phủ, sau hiệp định Geneve, hiệp định Paris, biển cố Hoàng Sa, Trường Sa mà ngay từ đầu thập niên 1920 khi đảng CSVN còn đang thai nghén trong nhận thức của Hồ Chí Minh.

Đường lối chiến tranh của Mao trong bài phát biểu tại Diên An: *“Nhiệm vụ trung tâm và hình thức cao nhất của cách mạng là chiếm lấy quyền lực xuyên qua đấu tranh vũ trang và giải quyết xung đột bằng chiến tranh. Đây là nguyên tắc cách mạng của chủ nghĩa Mác Lê-nin, và phải được thực hiện một cách toàn diện tại Trung Quốc và toàn thế giới.”*

Đường lối đó chi phối toàn bộ chính sách của đảng CSVN. Quan

hệ giữa hai đảng CS Việt Nam và Trung Quốc có khi nóng khi mưa, khi ấm khi lạnh nhưng đường lối đó chưa hề thay đổi.

Đáp ứng lời yêu cầu của Hồ Chí Minh trong chuyến thăm viếng Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ từ ngày 22 tháng 6 đến 22 tháng 7 năm 1955, các đảng CS đó đã bắt đầu gửi súng đạn ồ ạt đến miền Bắc Việt Nam. Tổng số viện trợ quân sự Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác giúp cho Hà Nội là 2 triệu 362 ngàn 581 tấn, trong đó bao gồm một danh sách dài của các loại vũ khí, từ 3 triệu 600 ngàn khẩu súng cá nhân cho đến 458 máy bay chiến đấu và hàng vạn đại pháo, hỏa tiễn nhiều loại.

Tài liệu đó không phải được trích dẫn từ các “thế lực thù địch” hay “thành phần phản động” nào mà là tài liệu của Viện Lịch sử Quân sự Hà Nội.

Trong tác phẩm *Trung Quốc lâm chiến: Một bộ bách khoa* (China at War: An Encyclopedia) tác giả Xiaobing Li liệt kê các đóng góp cụ thể của 320 ngàn quân Trung Cộng trong chiến tranh Việt Nam:

“Mặc dù đang mạnh dần, Trung Quốc vẫn lo ngại sự hiện diện ngày càng mở rộng của Mỹ tại Đông Nam Á. Trong chiến tranh Việt Nam giai đoạn năm 1964 đến năm 1973, quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) đã can thiệp một lần nữa. Tháng Bảy năm 1965, Trung Quốc bắt đầu đưa quân vào Bắc Việt, bao gồm các đơn vị hỏa tiễn địa-không (SAM), phòng không, làm đường rầy xe lửa, công binh, vét mìn, hậu cần. Quân đội Trung Quốc điều khiển các giàn hỏa tiễn phòng không, chỉ huy các đơn vị SAM, xây dựng và sửa chữa đường xá, cầu cống, đường xe lửa, nhà máy. Sự tham gia của Trung Quốc giúp cho Việt Nam có điều kiện gọi thêm nhiều đơn vị Bắc Việt vào Nam đánh Mỹ. Giữa năm 1965 và năm 1968,

Trung Quốc gửi sang Bắc Việt 23 sư đoàn, gồm 95 trung đoàn, tổng số lên đến 320 ngàn quân. Vào cao điểm năm 1967, có 170 ngàn quân Trung Quốc hiện diện.”

Từ năm 1955 và nhất là từ 1959, khi giới lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam quyết định mở đường Trường Sơn "giải phóng miền Nam bằng phương tiện võ lực," số lượng cố vấn Mỹ tại miền Nam cũng chỉ là những nhóm nhỏ và tập trung vào việc bảo vệ và xây dựng căn nhà dân chủ vừa được dựng lên.

Hơn bao giờ hết, các nền dân chủ non trẻ tại Á Châu cần sự giúp đỡ của thế giới tự do. Cũng vào thời điểm đó, các nước Cộng Hòa ở châu Á như Mã Lai, Nam Hàn, Singapore, Đài Loan đang vượt qua quá khứ thực dân hay chiến tranh Quốc Cộng để vươn lên cùng nhân loại. Trên cánh đồng miền Tây nước Việt, trên bến cảng Singapore, trong nhà máy ở thủ đô Seoul, những con người với niềm hy vọng mới đang hăng hái dựng lại căn nhà mới.

Niềm hy vọng của nhân dân miền Nam Việt Nam vừa lóe lên đã vụt tắt vì đảng CSVN quyết định chiếm Việt Nam Cộng Hòa dù phải "đốt cháy cả dãy Trường Sơn" như Hồ Chí Minh đã tuyên bố.

Người bình thường chỉ biết nhìn một biến cố từ hậu quả nhưng người có ý thức phải hiểu tận nguyên nhân, bởi vì mọi việc xảy ra trên đời, mọi sự vật có mặt trên đời đều có nguyên nhân.

Cả 32 em học sinh trường tiểu học Cai Lậy, Định Tường và 10 người chị Việt Nam của các em chết ở Ngã Ba Đồng Lộc chỉ chết vì một nguyên nhân: Tham vọng CS hóa toàn cõi Việt Nam của lãnh đạo CSVN và CS Quốc Tế. Dù có Mỹ hay không có Mỹ, dù bằng phương tiện hòa bình hay khủng bố thì chủ nghĩa cộng sản độc tài chuyên chính vẫn phải được thiết lập trên toàn cõi Việt Nam. Mục tiêu đó đã được đóng khung tô màu từ trong đề cương thành lập đảng CSVN 1930.

Do đó, không ai khác mà chính các lãnh đạo CSVN và CS Quốc Tế đích thực là thủ phạm đã giết 2.5 triệu dân Việt Nam trên hai miền Nam Bắc trong đó có 10 cô gái thanh niên xung phong ở Ngã Ba Đồng Lộc và 32 em học sinh tiểu học Cai Lậy, Định Tường.

Giờ phút này, tôi tin rằng, trong căn phòng nhỏ ở Virginia, trong căn gác hẹp ở Paris, Santa Ana, Sydney, Berlin... bên những ngọn đèn heo hút ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn, hàng ngàn người Việt Nam quan tâm đến tiến độ dân tộc vẫn còn canh cánh bên lòng một câu hỏi chưa tìm được cách trả lời trọn vẹn “Tại sao sau 40 năm CSVN vẫn còn tồn tại?” Bởi vì dân tộc ta yếu hèn, phân hóa? Bởi vì đảng CSVN còn quá mạnh? Bởi vì cả hai lý do trên?

Thật ra, dân tộc ta không yếu hèn và đảng CS cũng không quá mạnh, nhưng chính vì các thành phần có khả năng thúc đẩy sự chuyển hóa xã hội không có một nhận thức và tầm nhìn đúng về bản chất của cuộc chiến Việt Nam. Sau 40 năm, một bộ phận không nhỏ người dân Việt Nam vì bị tẩy não nên chưa nhận ra hay chỉ vì bàn tay dính máu đồng bào nên không đủ can đảm thừa nhận nguồn gốc sâu xa của cuộc chiến.

Không hiểu đúng tại sao chủ nghĩa CS đến Việt Nam sẽ không có một cách thích hợp để đẩy chủ nghĩa CS ra khỏi Việt Nam. Và tương tự, không hiểu đúng quá khứ sẽ không có hành động đúng vì tương lai đất nước.

Nỗi đau của dân tộc Việt Nam sẽ không dứt nếu không biết tại sao đau.

ĐỪNG ĐỂ LẠI MỘT NGÔI ĐỀN

Hôm nay, 36 năm trước, ngày 6 tháng 3, 1979, Trung Cộng bắt đầu rút quân ra khỏi Lạng Sơn.

Vì chịu đựng tổn thất quá lớn nhưng không tiến được sâu vào lãnh thổ Việt Nam, trên đường rút lui, các chỉ huy Trung Cộng ra lệnh san bằng tất cả làng mạc, thị trấn chúng chiếm được để trả thù. Đây không phải lần đầu. Tổ tiên chúng đã từng làm như thế nhiều lần với dân tộc Việt Nam. Nhưng sau bao nhiêu thử thách, chịu đựng, hy sinh Việt Nam vẫn tồn tại đến hôm nay như một dân tộc trong cộng đồng nhân loại.

Nhưng lịch sử nhân loại cũng đã chứng minh, lịch sử của một dân tộc không phải là một ngôi miếu để thờ cúng mà là một phần của một đời sống con người luôn đổi mới. Truyền thống chỉ là một thói quen lỗi thời nếu truyền thống không được hiện đại hóa. Angkor Wat, Angkor Thom nguy nga, đồ sộ nhưng không cứu được một phần tư dân tộc Khơ Me khỏi bàn tay Pol Pot. Tương tự, Ấn Độ có nền văn minh lâu đời nhất nhân loại và trải qua các thời đại hoàng kim từ Ashoka đến Gupta, cũng đã chịu đựng hàng loạt ngoại xâm từ Mông Cổ, Hồi Giáo và thực dân Anh kéo dài suốt

600 năm.

Việt Nam cũng thế. Nếu chỉ biết tôn vinh quá khứ và làm ngơ trước hiểm họa Trung Cộng hôm nay, rồi lịch sử dân tộc với những chiến công hiển hách của các thời Ngô, Đinh, Lý, Trần cũng sẽ chỉ là những tấm bia trong một ngôi đền cổ. Hãy tưởng tượng, nếu tất cả chúng ta đều im lặng, làm ngơ, chịu nhục trước hiểm họa mất nước, rồi bốn ngàn năm nữa, những đứa trẻ dòng Việt tộc, đi ngang qua di tích đền Hùng, sẽ cảm hận biết bao khi nghĩ về tổ tiên nhu nhược của chúng vào bốn ngàn năm trước đó.

Lịch sử mang tính kế tục nhưng đồng thời cũng mang tính thời đại. Mỗi thế hệ có trách nhiệm để hoàn thành những gì lịch sử giao phó cho thời đại của họ nhưng dù không hoàn thành, ngọn đuốc lịch sử vẫn phải được chuyển sang bàn tay thế hệ khác. Tương tự, quyền tự chủ dân tộc trong thời đại ngày nay không chỉ thể hiện bằng những chiến công bảo vệ đất nước như trước đây nhưng phải bảo vệ đất nước trên nền tảng của một xã hội tự do dân chủ. Nói rõ hơn, Việt Nam không bao giờ giành lại được Lão Sơn, Hoàng Sa, Trường Sa từ tay bá quyền Trung Cộng bằng cơ chế chính trị độc tài mất lòng dân và không được quốc tế ủng hộ như chế độ CSVN hiện nay.

Việt Nam phải có dân chủ và phải có dân chủ trước khi Trung Cộng sụp đổ.

Mối lo hàng đầu của lãnh đạo Trung Cộng là nguy cơ sụp đổ của cơ chế toàn trị hiện nay và mọi chính sách đối nội cũng như đối ngoại đều tập trung vào việc bảo vệ cơ chế CS. Tranh chấp về biên giới trong quan điểm của lãnh đạo Trung Cộng không phải chỉ là vấn đề lãnh thổ, chủ quyền hay danh dự đất nước mà là phần của chính sách đối ngoại và được thay đổi theo từng giai đoạn theo nhu cầu an ninh chính trị nội bộ.

Trung Cộng có xung đột biên giới không chỉ với Việt Nam mà với 14 nước. Từ năm 1949 đến nay, Trung Cộng đã có 23 lần đàm phán biên giới với các nước chung quanh và, ngoại trừ Ma Cao và Hongkong, đã phải nhượng bộ 17 lần, trong số đó có những quốc gia rất nhỏ như Butan (1984) và Kazakhstan (1992). Như đã viết ở trên, Trung Cộng nhượng bộ, dĩ nhiên, không phải vì tôn trọng chủ quyền các nước lân bang nhưng để bảo vệ sự sống còn của chế độ. Lý thuyết chính trị học “hy sinh quyền lợi xa để bảo vệ sự sống còn gần” được Trung Cộng áp dụng nhiều lần một cách chính xác.

Trong một xung đột có ảnh hưởng toàn cầu về quân sự, chính trị hay cả kinh tế tài chánh, một Trung Cộng mệnh mông có nguy cơ tan thành nhiều mảnh, chủ quyền ngay tại lục địa còn không giữ được nói chi là “chủ quyền” trên các vùng đất không người ở hay các nhóm đảo xa xôi, trong trường hợp Việt Nam là Hoàng Sa và Trường Sa.

Như người viết đã viết trong bài “Để thắng được Trung Cộng”, Việt Nam chỉ có thể thắng được Trung Cộng bằng (1) dân chủ và dân chủ trước Trung Cộng, (2) đoàn kết dân tộc, (3) chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia và (4) đoàn kết với láng giềng cùng hoàn cảnh và tham gia các liên minh đáng tin cậy.

Chỉ có một Việt Nam đoàn kết dưới ngọn cờ dân chủ mới thật sự tập trung được sức mạnh tổng hợp của dân tộc và là nền tảng cho một quốc gia dân chủ thịnh vượng lâu dài. Trung Cộng không sợ USS George Washington hay bom nguyên tử mà sợ dân chủ và rất lo “sân sau” Việt Nam trở thành một nước dân chủ.

Dừng để lại cho các thế hệ Việt Nam tương lai một ngôi đền mà ngay hôm nay hãy xây cho họ một căn nhà Việt Nam Mới tự do, dân chủ, một dân tộc biết thương yêu nhau và đùm bọc lẫn nhau.

PHẢI CHĂNG LÒNG YÊU NƯỚC ĐÃ TỚI HỒI MỆT MỎI?

Như một thói quen, buổi sáng 15 tháng 9, 2015, tôi vào mạng CNN, lướt qua một vòng tin nước Mỹ, tin thế giới và dừng lại ở các tin Đông Nam Á. Sáng hôm đó CNN loan tin Trung Cộng đang xây phi đạo thứ ba trong vùng đảo Trường Sa đang tranh chấp. Theo CNN, các hình ảnh do vệ tinh Mỹ chụp được vào ngày 8 tháng 9 cho thấy Trung Cộng đang xây một phi đạo mới dài 3 ngàn mét dọc theo Mischief Reef. Trước đó Trung Cộng đã xây dựng xong hai phi đạo trên Fiery Cross Reef và Subi Reef cũng có chiều dài tương tự.

Greg Poling, Giám Đốc Trung Tâm Quốc Tế Nghiên Cứu Chiến Lược đặt tại Washington DC cho biết nếu quả thật đúng là phi đạo, Trung Cộng sẽ có ba phi đạo để dùng cho bất cứ loại phi cơ chiến đấu nào của Không quân Trung Cộng.

Phi đạo dùng cho phi cơ chiến đấu Trung Cộng J-11

Trong 18 tháng qua, theo giới chức Mỹ, Trung Cộng đã chiếm thêm 2 ngàn mẫu thuộc khu vực quần đảo Trường Sa đang tranh

chấp. Các nước tranh chấp với Trung Cộng như Việt Nam, Philippines cũng có phi đạo nhưng không phi đạo nào thích hợp cho chiến đấu cơ thuộc thể hệ thứ tư, tức những chiến đấu cơ sản xuất khoảng từ 1980 tới nay.

Trước đó, theo phân tích “China's J-11 fighter jet 'may find new role in South China Sea” đăng trên tờ *South China Morning Posts* phát hành 21 tháng 6, 2015, cũng nhấn mạnh những phi đạo dài này có thể được xây dựng với ý định để các J-11 có tầm bay xa 1500 kilômét sử dụng. Loại chiến đấu cơ này, được nâng cấp từ Sukhoi Su-27SK, sản xuất lần đầu 1998, không phải là chiến đấu cơ tốt nhất của Trung Cộng và dĩ nhiên không phải là đối thủ của những chiến đấu cơ thuộc các nhóm F-18, F-22, F-35 của Mỹ nhưng là một đe dọa trực tiếp đối với an ninh của các quốc gia đang tranh chấp chủ quyền Trường Sa.

Lãnh đạo CSVN im lặng

Lãnh đạo CSVN, lẽ ra, dù nói không ai nghe cũng phải nói, dù la không ai nghe cũng phải la, dù kiện chưa chắc đi tới đâu cũng phải kiện. Biển Việt Nam, đảo Việt Nam, không một nước nào có quyền xây dựng phi đạo quân sự trên vùng đảo chỉ cách Cam Ranh 470 kilômét và cách Sài Gòn chưa đến 600 kilômét đường chim bay. Nhưng ngoài một số báo chí Việt Nam dịch lại các bản tin quốc tế, cho đến nay lãnh đạo đảng đã chọn thái độ “im lặng là vàng.” Không một lời phản đối, không tuyên ngôn, tuyên cáo, không đưa vấn đề ra trước dư luận quốc tế.

Chuyến đi Mỹ của Nguyễn Phú Trọng mà các báo chí đảng đánh bóng như là “bước đột phá lịch sử” hay “một mốc lịch sử trong quan hệ Việt – Mỹ” v.v... thực tế chỉ là những khẩu hiệu tuyên truyền.

Như đã trình bày trong **bài Lãnh đạo CSVN trong quan hệ**

Mỹ-Trung, chuyến đi của Nguyễn Phú Trọng rồi cũng như bao nhiêu chuyến đi trước của các lãnh đạo CS, sẽ không có gì thay đổi. Ngoài Biển Đông, máu của ngư dân Việt Nam đã đổ và sẽ tiếp tục đổ. Trong lòng biển, nguồn dầu khí Việt Nam ngày càng bị vét cạn. Trên đất liền, tài nguyên thiên nhiên bị Trung Cộng khai thác sẽ còn tiếp tục bị khai thác.

Chính sách của Trung Cộng tại Biển Đông cũng không vì áp lực của Mỹ trong thời gian qua mà thay đổi. Chúng biết ngoài việc gia tăng sự hiện diện của hải quân hay vài chuyến bay thấp trong vùng, Mỹ không có chọn lựa nào khác. Những ai cho rằng Mỹ sẽ đem các chiến đấu cơ tối tân để can thiệp một khi Việt Nam bị không quân Trung Cộng tấn công chớp nhoáng có lẽ là những người có nhận định quá lạc quan. Mỹ can thiệp hay không còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố an ninh và quyền lợi trực tiếp. Các mâu thuẫn Mỹ-Trung có đó nhưng còn quá sớm cho một cuộc xung đột quân sự giữa hai nước này có thể xảy ra trong vùng Biển Đông.

Chính sách đối ngoại của Trung Cộng là chính sách ngoại giao của những kẻ có đầu óc ti tiện. Chúng hành xử như cách loài chuột đồng tàn phá mùa màng qua việc gặm nhấm từng bụi lúa. Một mặt chúng lớn tiếng với quốc tế là luôn theo đuổi chính sách “hòa bình” và “ổn định” nhưng mặt khác lấn chiếm từng thước đất, từng bãi san hô, từng hòn đảo nhỏ trên biển Đông, đặt những giàn khoan trong thềm lục địa Việt Nam và hôm nay xây những phi đạo dài trên các vùng biển Trường Sa đang tranh chấp. Những hành động nhỏ nhen này không đủ va chạm quyền lợi nặng đến mức các cường quốc phải đặt vấn đề và các biến cố do chúng gây ra không đủ tác hại an ninh khu vực đến mức quốc tế phải quan tâm nhất là trong giai đoạn bất ổn kinh tế thế giới hiện nay.

Trong thời gian ngắn trước và sau chuyến đi Mỹ của Nguyễn Phú Trọng, một số nhà phân tích cho rằng Việt Nam là một góc trong

tam giác cân về thế đứng trong tranh chấp Biển Đông. Nhận xét đó không đúng. Lịch sử bang giao quốc tế cho thấy, muốn đứng thế chân vạc, một quốc gia trước hết phải có vị trí độc lập trong tương quan về chính trị, kinh tế và quân sự quốc tế. Để đương đầu với một kẻ thù mạnh hơn, một quốc gia nếu không có đủ lực, phải có đủ thế.

Bài học Lithuania và Ukraine khi đương đầu với Nga

Có ít nhất hai bài học về thế và lực hiện còn đang là vấn đề thời sự quốc tế nóng bỏng cần được lưu ý: Cách hành xử của Lithuania và của Ukraine đối với chính sách bành trướng của Nga.

Trường hợp Lithuania. Sau khi sáp nhập Crimea năm ngoái, Nga đang nhắm đến các quốc gia nhỏ khác vùng Baltic. Cuối tháng 6, 2015, Bộ Tư pháp Nga cho rằng việc ba quốc gia Baltic gồm Lithuania, Latvia và Estonia tuyên bố độc lập khỏi Liên Bang Xô Viết có thể là không hợp pháp và đe dọa sẽ điều tra về sự kiện này. Tổng thống Lithuania Dalia Grybauskaitė tức khắc tuyên bố: “Nền độc lập của chúng tôi đã đạt được bằng máu và hy sinh của nhân dân Lithuania. Không một ai có quyền đe dọa. Chỉ có chúng tôi, nhân dân Lithuania mới có quyền quyết định sinh vận mệnh của chúng tôi.”

Sở dĩ TT Dalia Grybauskaitė tuyên bố một cách cương quyết và dứt khoát không có chuyện ngồi xuống bàn thảo luận phải trái với Nga vì bà biết Nga chỉ dọa nhưng sẽ không bao giờ làm gì được Lithuania. Quốc gia nhỏ bé này đã là một thành viên của Cộng đồng Châu Âu và hội viên của NATO hùng mạnh. TT Dalia Grybauskaitė không chỉ tuyên bố cứng rắn mà còn là nước hội viên NATO đầu tiên tình nguyện gửi vũ khí viện trợ Ukraine chống Nga và kêu gọi các quốc gia hội viên NATO khác làm theo.

Các thế hệ lãnh đạo Lithuania nhìn xa thấy rộng. Từ 1990, các

lãnh đạo Cộng Hòa Lithuania vừa được hồi sinh đã thẳng thắn từ chối đề nghị của TT Nga Boris Yeltsin để tham gia vào Thịnh Vượng Chung của Các Quốc Gia Độc Lập (Commonwealth of Independent States) trong vòng ảnh hưởng của Nga. Các lãnh đạo Lithuania ngày đó, dĩ nhiên, cũng cảm thấy cay đắng nhìn lại giai đoạn lịch sử đầy đau thương tang tóc khi quốc gia nhỏ bé này bị Anh, Mỹ bỏ rơi sau Thế Chiến thứ Hai, nhưng thay vì sống ray rứt trong quá khứ, họ dứt khoát đứng về phía Tây phương vì tương lai con cháu họ.

Trường hợp Ukraine thì khác. Các lãnh đạo Ukraine thiếu khôn ngoan và tầm nhìn nên vào ngày 8 tháng 12, 1991 đã tự đeo cái vòng kim cô Nga lên đầu khi cùng với Nga và Cộng Hòa Belarus sáng lập nên tổ chức Thịnh Vượng Chung của Các Quốc Gia Độc Lập. Vết thương do vòng kim cô Nga gây ra đến nay vẫn chưa lành.

Nước Việt Nam Cộng Sản không so sánh được với Lithuania về cả thể lẫn lực. Lãnh đạo CSVN là một đám mù lòa theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Thật vậy, giữa lúc số phận của đất nước như chỉ mảnh treo chuông, lãnh đạo đảng thay vì tập trung ngân sách vào việc tăng cường quốc phòng lại lo đi xây những tượng đài tôn thờ lãnh tụ mà các quốc gia cựu CS đang khổ sở không biết làm sao đập đổ cho hết.

Giữa một đất nước còn quá lạc hậu về mọi mặt, nghèo đói, tụt hậu kỹ thuật so với các quốc gia tiên tiến hàng thế kỷ, lãnh đạo CSVN chỉ biết ăn, biết tham nhũng, biết sống xa hoa trên máu xương đồng bào. So sánh cảnh trang hoàng nội thất của cựu TBT CS gốc thợ rừng Nông Đức Mạnh và cảnh hàng ngàn học sinh khắp ba miền phải lội sông, đu dây đi học mỗi ngày để thấy các lãnh đạo CSVN quả thật đui về thị giác và mù tận đáy lương tâm.

Nhưng chỉ nguyên rửa lãnh đạo CSVN suông mà thôi sẽ không cứu được đất nước. Để cứu nước phải tập trung tháo gỡ cơ chế độc tài đảng trị CS ra khỏi đời sống chính trị đất nước, rồi từ đó xây dựng một Việt Nam tự do, dân chủ và phát triển toàn diện phù hợp với thời đại văn minh dân chủ.

Chỉ có một Việt Nam đoàn kết dưới ngọn cờ dân chủ mới thật sự tập trung được sức mạnh tổng hợp của dân tộc, trong và ngoài nước, để bảo vệ đất nước và làm nền tảng cho một quốc gia dân chủ thịnh vượng lâu dài. Không những thế, dân chủ phải đến sớm, không thể đợi đến khi chiến tranh Á Châu bùng nổ, máu đổ, thầy phoi mới đến.

Một trong những lý do Cộng Hòa Lithuania sớm trở thành hội viên NATO dù với một quân đội hiện dịch chỉ vỏn vẹn 15 ngàn người bởi vì quốc gia này cam kết xây dựng một chế độ dân chủ toàn diện. Lithuania có dân chủ trước Nga và các quốc gia thuộc khối Liên Xô cũ nên tránh được vòng ảnh hưởng của Nga và các biến động gây bất ổn trong vùng. Ngày nào Việt Nam còn nằm dưới sự cai trị của đảng CS, ngày đó đừng hy vọng gì để trở thành một Lithuania ở Đông Nam Á.

Phải chăng lòng yêu nước đã tới hồi một mới?

Ba phi đạo quân sự của Trung Cộng, về lâu dài, có tác hại trầm trọng hơn nhiều so với việc Trung Cộng bắn thủng tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam nhưng không phải người dân nào cũng biết, cũng hiểu, cũng lo.

Lẽ ra, đây là cơ hội cho những tiếng nói có trách nhiệm của người Việt quan tâm đến tiền đồ đất nước gióng lên một cách công khai, thẳng thắn và rộng rãi trước hiểm họa bành trướng của Trung Cộng. Nhưng một điều đáng buồn, không những lãnh đạo CS im lặng mà những tiếng nói yêu nước cũng thưa thớt dần. Đừng nói

chi các cuộc xuống đường phản đối Trung Cộng mà ngay cả những bài báo, bài bình luận trong các mạng “lề dân” thảo luận về vấn đề sinh tử này cũng rất ít. Phải chăng lòng yêu nước đã tới hồi mệt mỏi?

Có thể. Nhưng xin đừng bỏ cuộc. Vẫn biết, con đường tranh đấu cho một Việt Nam dân chủ và cường thịnh đã khá dài và có thể còn dài nữa, nhưng phải kiên nhẫn và tiếp tục đấu tranh. Một trong nhiều đặc điểm của văn hóa Việt là tính kiên nhẫn. Một ngàn năm trong bóng tối nô lệ của các triều đại Tàu nhưng lòng yêu nước như ngọn đèn soi rọi tâm hồn, nuôi dưỡng niềm hy vọng phục hưng để hôm nay trên bản đồ thế giới còn một Việt Nam.

HÃY VỮNG TIN VÀO LỊCH SỬ

Ai cũng biết tuổi trẻ là tương lai. Khi nói về tuổi trẻ, chúng ta thường nói đến tuổi của sức sống tràn đầy, tuổi của khai phóng và sáng tạo. Khi nhận xét về tuổi trẻ, chúng ta thường nghĩ đến những mặt tích cực và lạc quan. Tuy nhiên trong phạm vi bài thuyết trình này và trước một cử tọa phần đông là các bạn sinh viên trẻ, tôi xin tạm gác những ước ao và hy vọng qua một bên, thay vào đó, tôi xin trình bày một vài mặt khác của tuổi trẻ Việt Nam như vừa để nói lên một thực tế và cũng vừa là một thách thức đối với các bạn để các bạn tìm cách vượt qua và vươn lên.

Có rất nhiều đánh giá khác nhau về tuổi trẻ Việt Nam, trong cũng như ngoài nước trong suốt 23 năm qua. Nhìn chung đó là những đánh giá không mấy tích cực.

Với tuổi trẻ trong nước

Tôi xin trích dẫn 2 quan điểm, từ một người cầm bút và từ một thanh niên. Nhà văn miền Bắc Dương Thu Hương nhận định như sau đây về tuổi trẻ trong nước: *"Tuổi trẻ không còn lý tưởng, họ đang lao vào cuộc sống thác loạn và xem đó như là cách trả thù cho những thế hệ cha ông đã lừa gạt họ."* Tuổi trẻ mà nhà văn Dương

Thu Hương muốn nói đây là tuổi trẻ miền Bắc, thế hệ đã bị đảng nhử bằng chiếc bánh vẽ độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất để rồi bị đẩy vào vũng lầy chiến tranh, nghèo đói, tham nhũng, thối nát.

Đối với tuổi trẻ sinh ra và lớn lên ở miền Nam, nhà báo quen thuộc về các vấn đề Việt Nam, ông Andrew Lam của tờ San Jose Mercury trong số ra ngày 25 tháng 5 năm 1998 trích lời của một thanh niên tên là Tuấn tuyên bố với ông ta trong thời gian ông đến Việt Nam làm phóng sự rằng: *"Chúng tôi bị lừa gạt. Trước đây, tôi biết chủ nghĩa Cộng Sản là sai khi tôi phải học thuộc lòng lý thuyết Mác nhưng không biết tại sao mình phải học. Khi Việt Nam mở cửa, tôi có được dịp xem ti-vi, đọc báo và qua đó tôi ý thức rằng những quốc gia khác giàu có biết bao nhiêu, phim ảnh của họ làm đẹp biết bao nhiêu, con người họ cũng đẹp để biết bao nhiêu. Nhìn lại Việt Nam, tôi cảm thấy buồn. Đừng nói chi là Mỹ, ngay cả Thái Lan, Đại Hàn, Mã Lai cũng hơn Việt Nam quá xa. Việt Nam không có gì để nói, để khoe khoang và giới thiệu. Việt Nam chỉ là một quốc gia bị lãng quên trong nghèo đói."*

Từ hai nhận xét trên, chúng ta thấy rằng tuổi trẻ hai miền đều bất mãn chế độ. Tuy nhiên, dù bất mãn, tuổi trẻ Việt Nam trong nước, từ Bắc đến Nam, đã có những thái độ và phản ứng tiêu cực trước những áp bức chính trị và những bất công xã hội. Thay vì đứng lên đập đổ chính quyền Cộng Sản, thay vì biểu tình xuống đường chống đối, họ đã sống trong lãng quên bằng những cuộc đua xe gấn máy bạt mạng, bằng cuộc sống buông thả, sa đọa, trụy lạc.

Với tuổi trẻ hải ngoại

Tôi thiết nghĩ không cần phải dẫn chứng từ sách vở nào hay từ nhân vật nào khác. Chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận rằng, cho đến nay, tuổi trẻ hải ngoại chưa phải là lực lượng chủ động trong các sinh hoạt chính trị, đấu tranh vì tự do, vì dân chủ và nhân

quyền của dân tộc Việt Nam. Một số rất ít anh chị tạm gọi là tương đối còn trẻ đang có những hoạt động liên hệ trực tiếp đến cộng đồng người Việt, có thể đếm trên đầu ngón tay.

Ngoài ra, một số các nhóm trẻ khắp các nơi như Đoàn Thanh Niên Phan Bội Châu ở California, Tổ Chức Dân Chủ Việt Nam ở Đức, Nhóm Diễn Dân trước đây ở Tiệp Khắc, Về Nguồn Foundation ở Tennessee, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam Paris, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Úc Châu, Tổng Hội Sinh Viên Nam Cali, Bắc Cali và khoảng hơn chục Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại các tiểu bang lớn. Nhìn chung, các phong trào và tổ chức trẻ, có tổ chức chặt chẽ và hoạt động năng nổ tại hải ngoại kể ra thì nghe nhiều nhưng thực tế còn quá ít so với lực lượng đông đảo của khối chuyên gia trẻ, thanh niên, sinh viên Việt Nam tại hải ngoại. Hoạt động của các cá nhân và phong trào trẻ chưa đáp ứng một phần dù rất nhỏ so với nhu cầu của cộng đồng người Việt cũng như lịch sử dân tộc đang đặt ra cho thế hệ họ.

Trong giới hạn của bài này, tôi không thể đưa ra và phân tích tất cả, dĩ nhiên là rất nhiều, những lý do chính dẫn đến sự xa cách giữa lịch sử và tuổi trẻ v.v... Tôi chỉ nhân cơ hội này để nhắc đến một lý do, thoạt trông rất bình thường nhưng ít ai đặt nặng đúng mức, đó là lý do tuổi trẻ Việt Nam không thuộc sử Việt Nam. Tôi tin rằng không phải các cô chú sinh viên Việt Nam nào lớn lên tại hải ngoại cũng biết Tôn Thất Đạm, Lương Ngọc Quyến, Ký Con, Phạm Hồng Thái là ai.

Việc không thuộc sử dẫn đến câu hỏi "tôi là ai", dẫn đến việc thiếu niềm tin vào sức sống và sự trường tồn của dòng giống Việt Nam, dẫn đến những cái nhìn thiển cận về tương lai đất nước. Lo những cái không đáng lo, sợ những điều không đáng sợ. Không lo những cái đáng lo, không sợ những điều đáng sợ. Do đó trước khi nói đến chuyện làm lịch sử, trước khi nói đến chuyện đời non lập

bể, đội đá vá trời, xin các bạn hãy trở lại làm một công việc căn bản nhất và đơn giản nhất là ngồi xuống và cùng nhau học sử Việt Nam.

Trong những ngày này, chúng ta thường nghe đến những cụm từ "nỗi đau của dân tộc Việt Nam", "căn bệnh Việt Nam", "cuộc chiến tranh Việt Nam", "tính tự ti mặc cảm Việt Nam" nhưng rất ít khi nghe "niềm tự hào Việt Nam."

Trong một diễn văn đọc tại Hội Nghị Nhân Quyền tại Mạc Tư Khoa vào năm 1992, một cô gái Việt Nam, làm cả hội trường xúc động khi cô nói lên tấm lòng của một người con gái Việt Nam mong có một ngày được nhận mình là người Việt Nam mà không mặc cảm.

Đó cũng là tâm trạng chung và rất thực tế của nhiều người và nhiều thế hệ, nhất là các thế hệ trẻ, khi đứng trước cảnh lâm than của xứ sở.

Tâm trạng đó không phải là sai về mặt kinh tế nhưng khi nhìn từ góc độ văn hóa và lịch sử, đó là một tâm trạng bi quan và tiêu cực. Tại sao phải mơ có một ngày nào đó mới dám thừa nhận là người Việt Nam mà không phải là ngay bây giờ?

Chẳng lẽ vì Cộng Sản đang cưỡng chiếm quê hương chúng ta nên chúng ta không thể tự nhận mình là người Việt Nam hay sao?

Chẳng lẽ vì Việt Nam là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới nên chúng ta không dám nhận mình là người Việt Nam hay sao?

Chẳng lẽ chúng ta đang lưu vong trên đất khách quê người nên chúng ta cho rằng mình là những người vô tổ quốc hay sao?

Tội lỗi làm cho đất nước Việt Nam lâm than, điều đúng là tội lỗi của Cộng Sản nhưng trong tim của mỗi người Việt, dải giang sơn

gấm vóc kia bao giờ cũng là đất nước của người Việt Nam. Nhìn vào lịch sử không phải chỉ nhìn vào hoàn cảnh chúng ta đang sống mà thôi nhưng còn nhìn lại hàng nghìn năm trước và nhìn xa vào hàng nghìn năm sau.

Chúng ta không may mắn sinh ra trong một gia đình nghèo và sống dưới căn nhà dột nát nhưng không phải vì thế mà chúng ta cảm thấy nhục nhã, cảm thấy mặc cảm. Chúng ta, trái lại, luôn hãnh diện với gia phong và huyết thống của mình. Nếu các bạn cho rằng gia phong huyết thống không đổi được chén cơm, không may được chiếc áo, điều đó không đúng. Gia phong huyết thống của đại gia đình Việt Nam là màu da chúng ta đang có, là chiếc áo dài các em đang mặc, là tiếng nói mà các em đang gọi nhau, là ca dao, là truyện Kiều, là lá trầu trái cau, là nụ cười của trẻ thơ và cả tiếng khóc đau lòng của mẹ. Gia phong huyết thống không những nuôi lớn chúng ta mà còn trao cho chúng ta cả cuộc đời và tương lai đầy hy vọng. Gia phong và huyết thống mà chúng ta đang có hôm nay đã tích lũy và kế thừa từ nhiều nghìn năm trước, là tổng hợp bao tinh hoa của nhiều thế hệ Việt Nam đi trước.

Lịch sử là vũ khí, là hành trang căn bản trong hành trình tranh đấu cho tự do dân chủ, cũng như để xây dựng đất nước sau này. Lịch sử là niềm tin. Niềm tin không thể mua bán. Niềm tin không thể nghe theo. Niềm tin không thể giả dối. Mỗi chúng ta phải tạo dựng niềm tin cho chính mình bằng suy nghĩ và cảm nhận của cá nhân mình. Những người nhắm mắt làm theo, nhắm mắt đi theo không bao giờ đi trọn con đường được. Họ chỉ có thể đi trên những đoạn đường bằng phẳng không gai góc, nhưng một khi có ghềnh thác hiểm nguy họ sẽ là những người đầu tiên vấp té và bỏ cuộc. Niềm tin là tự nguyện. Không ai cho chúng ta vay mượn niềm tin cả. Lịch sử cho thấy mọi sự vay mượn đều dẫn đến lệ thuộc. Lệ thuộc vật chất thì còn có thể thoát ra nhưng lệ thuộc

niềm tin, lệ thuộc tinh thần sẽ dẫn đến nô lệ, vong thân, rất khó mà thoát ra được.

Tại sao Phạm Hồng Thái phải nhảy xuống sông Châu Giang tự tử?

Tại sao các tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng... phải tự sát?

Không phải vì các vị đó sợ hãi, không phải vì các vị đó chỉ biết căm thù, cũng không phải chỉ vì các vị đó can đảm hơn người khác nhưng quan trọng nhất, bởi vì các vị đó đã có một niềm tin quá lớn vào sự trường tồn của dân tộc, niềm tin đó lớn hơn cả mạng sống của chính họ. Muốn xây dựng niềm tin không có cách gì hay hơn là học sử.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã lợi dụng lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân, để rồi cuối cùng chiếm lấy đất nước, áp đặt ý thức hệ vong bản lên trên đầu trên cổ nhân dân Việt Nam, xích hóa cả dân tộc Việt Nam chúng ta. Câu khẩu hiệu "Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội" mà các em thường học trong trường trung học hay đại học Cộng Sản khi còn ở trong nước là câu tuyên truyền láo khoét và mâu thuẫn bởi vì Dân Tộc và Cộng Sản không thể cùng tồn tại và hệ ý thức Dân Tộc và hệ ý thức Cộng Sản là hai hệ ý thức mâu thuẫn có tính chất phủ định lẫn nhau.

Nói lên những điều tiêu cực không có nghĩa là tôi bi quan về tuổi trẻ. Nói những điều tiêu cực không có nghĩa là tôi đánh giá thấp vai trò của tuổi trẻ hay phủ nhận các đóng góp của tuổi trẻ trong sinh hoạt cộng đồng hay trong các nỗ lực đấu tranh vì dân sinh dân chủ cho đồng bào trong nước. Tôi chỉ mong các bạn trẻ nhìn vào vấn đề từ thực tế, tìm hiểu và giải quyết vấn đề từ căn bản cũng như biết mình là ai, đang đứng đâu và nên làm gì trước những khó

đau đang đè lên sinh mệnh dân tộc.

Mỗi thế hệ có một nhiệm vụ phải hoàn thành. Nhưng dù không hoàn thành vẫn phải nhường lại con đường cho các thế hệ trẻ tiến lên.

Các thế hệ trẻ dù muốn hay không muốn cũng phải nhận lãnh trách nhiệm của mình trước lịch sử. Đất nước Việt Nam là của các em. Tương lai Việt Nam có được vinh quang hay phải tiếp tục chịu đựng lầm than tủi nhục cũng là từ hành động của các em.

Đứng trước giai đoạn đầy bóng tối của đất nước hiện nay, nhiệm vụ của các em đã trở thành một thử thách lớn lao. Để đi hết con đường khó khăn trước mắt mỗi người phải tự thắp sáng niềm tin dân tộc trong lòng mình.

Mỗi người chúng ta phải tự xây dựng cho mình một ý thức dân tộc vững chắc nhằm chống lại mọi ý thức hệ vong bản, phi dân tộc khác. Ý thức dân tộc đó không phải tìm đâu xa lạ, tìm đâu khác hơn là trong sử sách Việt Nam. Mong rằng tại đây và ngay bây giờ, các bạn trẻ Việt Nam tại hải ngoại hãy cùng nhau đẩy lên phong trào học sử Việt Nam.

MÓN NỢ TUỔI HAI MƯƠI

(Đọc *Mãi mãi tuổi hai mươi*, nhật ký của Nguyễn Văn Thạc, người lính miền Bắc chết ở chiến trường Quảng Trị 1972)

Tôi đọc nhật ký *Mãi mãi tuổi hai mươi* của anh Nguyễn Văn Thạc, người lính miền Bắc chết ở Quảng Trị lần đầu trên chuyến bay từ California về lại Boston một thời gian ngắn sau khi phát hành 2005. Nhật ký dày 296 trang, tính cả phần giới thiệu, bắt đầu từ ngày 2 tháng 10 năm 1971, 28 ngày sau khi anh nhập ngũ, đến trang cuối cùng ở Ngã Ba Đồng Lộc ngày 3 tháng 6 năm 1972. Tôi đã có lần đề cập đến *Mãi mãi tuổi hai mươi* trong một bài viết khác, nhân dịp 30-4 muốn viết một bài riêng.

Anh Nguyễn Văn Thạc sinh ngày 14 tháng 10 năm 1952 tại làng Bưởi, Hà Nội. Cha mẹ anh có đến 14 người con, vốn là chủ nhân một xưởng dệt nhỏ, có thuê người làm nhưng khi chiến tranh bùng nổ phải bán hết và dọn về xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm. Gia đình đông đúc, đời sống khó khăn, mẹ anh phải đi cắt cỏ bán lấy tiền.

Dù nghèo khó, anh Thạc học rất giỏi tất cả các môn, nhất là môn

văn. Ngày 6 tháng 9 năm 1971, anh gia nhập bộ đội. Tháng 4 năm 1972 anh được đưa vào Nam. Anh viết cuốn nhật ký từ ngày 2 tháng 10 năm 1971 đến ngày 3 tháng 6 năm 1972. Trước khi tham gia chiến trường Quảng Trị, anh đã gửi cuốn nhật ký cùng nhiều lá thư về cho anh trai từ ngã ba Đồng Lộc. Hai tháng sau, ngày 30 tháng 7 năm 1972 anh chết tại mặt trận Quảng Trị sau khi chưa tròn một năm trong đời quân ngũ.

Các hệ thống truyền thông của Đảng tuyên truyền rằng trong “một trận đánh ác liệt bên Thành cổ Quảng Trị, chiến sĩ thông tin Nguyễn Văn Thạc đã bị trọng thương mảnh pháo đã cắt ngang đùi trái trận chiến đẫm máu và hy sinh tại Cổ Thành Quảng Trị.” Thật ra, theo lời anh Nguyễn Văn Hà người thương binh cùng trung đội truyền tin và cũng là người đã mai táng anh Nguyễn Văn Thạc kể lại với phóng viên báo Tiền Phong, anh Thạc không tham gia trận chiến đẫm máu tại Cổ Thành và cũng chưa bắn một viên đạn nào. Khẩu AK, bốn băng đạn vẫn còn nguyên vẹn. Sau khi vượt sông Ba Lòng, anh Thạc là người đầu tiên trong đơn vị bị pháo binh VNCH bắn trúng. Cũng theo lời anh Nguyễn Văn Hà, anh Thạc còn rất tỉnh táo tuy bị thương ở đùi. Máu ra nhiều nhưng không có ý tá để giúp đỡ, không một viên thuốc cầm máu hay giảm đau, và như thế anh Thạc ra máu cho đến chết.

Anh đặt tên nhật ký là *Chuyện đời* nhưng được thay bằng *Mãi mãi tuổi hai mươi* khi phát hành vào năm 2005. Giống như *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*, nhật ký *Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc qua bộ máy tuyên truyền của đảng đã trở một tác phẩm có số lượng phát hành kỷ lục và gây tiếng vang lớn tại Việt Nam.

Anh Thạc thú nhận “ước mơ thầm kín” của anh là trở thành nhà văn. Cũng vì tập làm nhà văn nên văn trong nhật ký của anh không có được nét tự nhiên. Anh tả cảnh hơi nhiều. Ví dụ, ngày 20 tháng 11 năm 1971 anh tả trong nhật ký: “Cơn gió thổi từ phía đồi mặt

trời qua hồ cá. Sương mù thốc nhẹ lên rừng phi lao ven đường... Con trâu đi ngang, con cá trắng bơi dọc, và những vòng sóng hình tròn toả rộng chung quanh... Sự sống hiện ra ở khắp mọi chiều. Và chỗ nào mà chẳng có mầm xanh, chỗ nào mà chẳng có giọt nắng hình quả trứng lặn nghiêng”; hay ngày 4 tháng 2 năm 1972, thay vì ghi lại những gì xảy ra trong ngày, anh tả một cơn gió mùa: “Cả rừng bạch đàn vận mình. Những cây bạch đàn thân nâu lốm đốm trắng nghiêng ngả. Những chiếc lá thon dài nằm ngang trong gió. Thấp thoáng trong rừng những mái nhà gianh và những lều bạt. Gió mạnh phất phật những tấm tăng đã cũ. Gió reo vù vù...”

Ngoại trừ tình yêu say đắm dành cho chị Như Anh mà tôi sẽ không nhắc trong bài viết này vì tôn trọng tình cảm riêng tư, anh Thạc là sản phẩm kiểu mẫu của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Anh không được đi ra nước ngoài dù đi Liên Xô, đi Tiệp. Anh chỉ nghe đài phát thanh Hà Nội, học tập lý luận chính trị từ các bài diễn văn của Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, đọc truyện dịch của các tác giả Liên Xô, đọc thơ Tố Hữu, Phạm Tiến Duật, các nhà thơ Liên Xô, ngoài ra không có một nguồn tư liệu nào khác. Anh tả nhiều hơn viết, một phần cũng vì ở tuổi còn nhỏ sự gần gũi và va chạm với xã hội còn khá ít.

Thần tượng tuổi trẻ của anh Thạc là Paven, tức Pavel Korchagin trong *Thép đã tôi thế đấy* của Nikolai Ostrovsky.

Lại cũng Paven!

Ngày 24 tháng 12 năm 1971 anh viết về thần tượng Paven của anh: “*Dạo ấy Paven mới 24 tuổi. Ba năm của thời 20, anh đã sống say sưa, sống gấp gáp và mạnh mẽ. Cưỡi trên lưng con ngựa cụt hai tai trong lũ đoàn Budionni anh đã đi khắp miền đất nước. Cuộc sống của anh là một dòng mùa xuân bất tận giữa cuộc đời. Đó là cuộc sống của người Đảng viên trẻ tuổi, cuộc sống của một chiến sỹ*

Hồng quân. Mình thèm khát được sống như thế. Sống trọn vẹn đời mình cho Đảng, cho giai cấp. Sống vững vàng trước những cơn bão táp của cách mạng và của cuộc đời riêng.”

Thép đã tôi thế đấy là một trong những tác phẩm anh Thạc mang theo trên đường vào Nam và được anh trích dẫn khá nhiều. Anh xem đó như là nhựa sống: *“Mêrétxép và Paven... Những người đây nghị lực và có thể nói được họ đã đi tới mục đích của đời mình!”* Anh hổ thẹn vì chưa được thành đảng viên CS giống như Paven: *“Hôm nay, lần đầu tiên trong đời mình cảm thấy hổ thẹn với mọi người, hổ thẹn với Paven, Pavolusa thân yêu. Mình chưa phải là một đảng viên!”*

Ước mơ của chàng thanh niên Việt Nam 20 tuổi Nguyễn Văn Thạc là được sống như Paven Korchagin. Chẳng lẽ anh không biết một số rất đông anh hùng dân tộc Việt Nam, đã sống, chiến đấu và hy sinh cho độc lập tự do của đất nước trong khi còn rất trẻ. Trần Quốc Toản (1267–1285) “phá cường địch báo hoàng ân” năm 18 tuổi. Trần Bình Trọng (1259–1285) “thà làm quỷ nước Nam hơn làm vua đất Bắc” khi 26 tuổi. Nguyễn Thái Học (1902–1930) “chết vì tổ quốc chết vinh quang” lúc 28 tuổi. Cuộc đời họ là những bản hùng ca tuyệt vời gấp ngàn lần hơn anh chàng Nikolai Ostrovsky bị tẩy não kia.

Đọc phóng sự *Vua An Nam* (Le Roi d’Annam, Nguyễn Duy Chính dịch) của ký giả Jean Locquart đăng trên Le Monde ngày 23 tháng 2 năm 1889 để biết tuổi trẻ Việt Nam đã sống và chết trung liệt như thế nào. Ký giả Jean Locquart tường thuật khá chi tiết cảnh biệt đội Pháp do Đại úy Boulanger chỉ huy bắt sống vua Hàm Nghi chiều ngày 1 tháng 11 năm 1888:

“Một buổi chiều biệt đội của đại úy được tin là sau khi bị đội lính đông thiện chiến truy kích liên tục, cựu hoàng lần trốn cùng với

người tùy viên là Tôn Thất Thiệp con trai cựu phụ chính Thuyết tại một làng hẻo lánh và kín đáo trong rừng núi cao nguyên Giaì. Biệt đội của Boulanger liền bao vây nơi nhà vua ở và khi cửa chính bị đập tung ra thì thấy Thiệp đã thức giấc vì tiếng động của vụ tấn công còn vua Hàm Nghi đang ngủ say ở bên cạnh. Cả hai người đều để gươm trần ở bên cạnh và trong tay có khí giới nhưng không chống trả được gì. Thấy chủ soái thất thế, và để tránh cảnh tử nhục khi bị bắt đem đi, Thiệp toan đâm chết ông [vua Hàm Nghi], nhưng vì quân Pháp dự tính bắt sống nên lập tức nổ súng hạ gục Thiệp. Sau đó họ chặt đầu Thiệp và đem bêu trên cọc tre ở ngoài chợ Dang-Kha là một nơi sầm uất và còn đang xao động.”

Hai người gánh cả một non sông trong giai đoạn lịch sử vô cùng bi tráng đó đều chỉ mới 18 tuổi, còn nhỏ tuổi hơn anh Thạc.

Tôi tự hỏi, khi dừng chân nghỉ ngơi trong hành trình đầy gian khổ ở Quảng Trị vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thiệp nói chuyện gì với nhau. Một ông vua trẻ trước đây chưa từng ra khỏi Huế và một chàng vệ sĩ còn trong tuổi vị thành niên hẳn không có nhiều điều trao đổi. Nhưng có một điều chắc chắn họ đã từng chia sẻ, đó là mơ ước một ngày dân tộc Việt Nam sẽ không còn làm nô lệ cho Tây. Giọt máu của Tôn Thất Thiệp nhỏ xuống trên chiếc cọc tre cắm ngoài chợ Dang-Kha và giọt nước mắt của vua Hàm Nghi nhỏ xuống bên thành tàu Biên Hòa trên đường đi đầy cùng có một mùi đắng cay, tử nhục giống nhau.

Là sinh viên Đại học Tổng hợp Hà Nội và từng là học sinh giỏi văn nhất miền Bắc hẳn anh biết Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toản, Hàm Nghi, Tôn Thất Thiệp là ai, rất tiếc anh không được uốn nắn để sống theo những tấm gương trung liệt đó.

Trong mùa hè đỏ lửa năm 1972, hàng trăm ngàn đồng bào Quảng Trị phải bồng bế, gồng gánh nhau chạy vào Huế và Đà Nẵng,

những quận Đông Hà, Gio Linh và các khu vực chung quanh Cổ thành Quảng Trị đã trở thành những bãi chiến kinh hồn nhưng trong nhật ký ngày 4 tháng 4 năm 1972, anh hãnh diện chép lại bản tin của đài phát thanh Hà Nội: *“Đài phát thanh truyền đi tin chiến thắng rực rỡ của tiến tuyến ở mặt trận Trị-Thiên-Huế ở đường 9, Cam Lộ, Gio Linh, đã diệt 5.500 tên địch; 10 vạn đồng bào nổi dậy – Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam đã phải mở thêm các buổi phát thanh để truyền tin chiến thắng của miền Nam anh hùng.”*

Anh Thạc tin một cách chân thành rằng những tin tức đó là thật. Nếu có một nhà sưu tầm nào thu thập các bản tin chiến sự của đài phát thanh Hà Nội trong suốt cuộc chiến và cộng lại, tổng số tổn thất của quân đội VNCH ít nhất cũng bằng nửa dân số miền Nam!

Trong nền giáo dục CS, anh Thạc không phải mất công tìm kiếm câu trả lời cho những thắc mắc của mình vì Đảng đã có sẵn các câu trả lời cần thiết cho suốt cuộc đời anh.

Trong nhật ký ngày 12 tháng 1 năm 1972, khi ưu tư về tương lai, anh Thạc trích ngay câu nói của Lê Duẩn: *“Thanh niên hãy lấy sự hy sinh phấn đấu cho cách mạng làm hạnh phúc cao cả nhất của đời mình, đừng để cho tình cảm cách mạng nguội lạnh vì những tính toán được mất cho cá nhân.”* Không có tình cảm riêng tư nào cả, cách mạng là hạnh phúc cao cả nhất. Anh viết câu nói của Lê Duẩn vào nhật ký một cách trang trọng tưởng chừng y đang ngồi trước mặt và sau đó yên tâm đi tiếp, không thắc mắc gì thêm.

Dù trong bất cứ một hoàn cảnh nào, cuộc tranh đấu giữa thiện và ác diễn ra không ngừng trong mỗi con người cũng như trên phạm vi xã hội. Cũng có lúc các đặc tính nhân bản, tự do bẩm sinh trong con người anh đứng lên chống lại các yếu tố ác độc, nô dịch của ý thức hệ CS đang dồn dập tấn công.

Trong nhật ký ngày 27 tháng 4, anh viết những câu đau xót cho

cuộc đời mình: *“Phải hết sức trấn tĩnh, tôi mới không xé hoặc không đốt đi cuốn Nhật ký này. Trời ơi! Chưa bao giờ tôi chán nản và thất vọng như buổi sáng nay, như ngày hôm nay cả. Tôi không giải thích ra sao nữa. Người ta giải thích được cần phải trấn tĩnh mới hiểu lý do và lung tung. Còn tôi rồi rồi tôi chán nản với hết thấy mọi điều, mọi thứ trên trái đất này. Phải, tôi hiểu rằng, với một người con trai đang khoẻ mạnh, đang sung sức, đang ở giữa mùa xuân của đời mình thì buồn nản, thì chán đời là một điều xấu xa và không thể nào tưởng tượng được – Người ta đã chửi rửa biết bao lần những thanh niên như thế - Nhưng tôi biết làm sao khi chính bản thân tôi đang buồn nản đến tận cùng này. Tôi lê gót suốt con đường mòn - Con đường mòn như chính cuộc đời tôi đang mòn mỗi đi đây – Tôi ngồi bệt xuống bờ sông, con sông cạn đang rút nước. Tôi vốc bùn và cát ở dưới lòng sông, và qua kẽ ngón tay tôi nó rớt xuống, rớt xuống. Tôi muốn khóc, khóc với dòng sông.”*

“Tôi muốn khóc, khóc với dòng sông”, khóc cho anh, cho thế hệ anh đang lê gót trên con đường mòn.

Nhưng thiện tính bẩm sinh trong con người anh Thạc mong manh như một nhánh tre non giữa cuồng phong thù hận. Anh bị tiêm thuốc độc vào người từ thuở mới sinh ra, biết đọc, biết viết cho đến tuổi hai mươi. Những vi trùng Pêlêvôi (Người mẹ cầm súng), Marétxép (Anh hùng phi công Marétxép) đã mê hoặc anh bằng một loại chủ nghĩa anh hùng không tưởng. Thiện tính trong anh không chống đỡ nổi, đã gục xuống, đầu hàng để rồi vài hôm sau trong nhật ký ngày 7 tháng 5 năm 1972 anh lại mơ được *“Đảng tin và trao cho những nhiệm vụ nặng nề.”* Anh Thạc không thể thoát ra khỏi được quỹ đạo của bộ máy tuyên truyền CS tinh vi. Mà cũng ít người thoát ra được.

Trong số 8 người bạn học đi thi giỏi văn toàn miền Bắc, phần lớn được đi học nước ngoài, riêng anh và một người bạn khác phải đi

bộ đội. Trong nhật ký ngày 24 tháng 5 năm 1972, anh tự hỏi chính mình: *“Thạc còn buồn không? Có còn buồn bã vì những năm tháng phải xa trường đại học, vì không được ra nước ngoài học tập - Vì các bạn Thạc, người đi đây, người đi đó, sống êm ả, sung túc với tập giáo trình. Ngày mai, các bạn về, các bạn có kiến thức, các bạn là kỹ sư, là các nhà bác học, còn Thạc sẽ chỉ là một con người bình thường nhất, nếu chiến tranh không cướp đi của Thạc một bàn chân, một bàn tay...”*

Anh không thể tự trả lời. Tuy nhiên, đoạn nhật ký trong cùng ngày đã giải thích lý do một học sinh hạng A1, giỏi toàn diện và từng đoạt giải giỏi văn nhất miền Bắc như anh lại không được đi học nước ngoài: *“Lại nói tiếp về những trang lý lịch - Người ta bắt khai tỉ mỉ hết sức - Nào là ông, bà, cô dì, chú bác. Làm sao mà nhớ được cơ chứ - Ngay cả cái tên mình cũng khó mà nhớ được Nữa là phải nhớ cả ngày tháng năm sinh. Nhớ cả sinh hoạt vật chất và chính trị của các cụ ấy từ ngày mình có lẽ chưa có một chút gì trên trái đất này, ngay cả đó là những tế bào đầu tiên đơn sơ nhất!”*

Anh Thạc nhiều tài năng đã chết một cách oan uổng chỉ vì như anh viết *“vết đen của quá khứ gia đình dè dặt hai vai.”* Cha mẹ anh chẳng phải phạm tội cướp của giết người gì cả nhưng từng có xưởng dệt, muốn thợ làm công và như thế trên quan điểm Marx-Lenin, anh thuộc thành phần tư sản bóc lột, tội ác.

Anh Thạc chưa được kết nạp vào đảng và cũng chưa được làm đối tượng đảng. Anh viết trong nhật ký ngày 7 tháng 5 năm 1972: *“Chao ôi, bao nhiêu lần mình ao ước có được hạnh phúc xa vời ấy, được Đảng tin và trao cho những nhiệm vụ nặng nề. Có người sẽ bảo: Thì đấy, anh được đi bộ đội đó thì sao? Chẳng lẽ anh không được Đảng tin cậy mà lại trao nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc à? Không, đừng ai nói thế! Chuyện gì cũng có điều tế nhị của nó. Nói ra ư, không khéo thì trở thành phản cách mạng mất. Có đi trong quân đội*

mới cảm thấy nỗi khổ của những người không phải Đỏ hoàn toàn.”
Trong cùng ngày, anh viết: “*Cứ mỗi lần khai lý lịch, mình lại buồn, buồn tận sâu xa.*”

Anh Thạc nhắc đi nhắc lại đến mười một lần hai chữ “lý lịch” trong nhật ký và điều đó cho thấy “vết đen” lý lịch ám ảnh anh sâu đậm đến mức nào.

Anh khổ tâm, đau đớn vì lý lịch gốc tư sản của cha mẹ anh trước đây cũng là điều dễ hiểu. Trong xã hội miền Bắc, Đảng là chiếc thang duy nhất đại diện cho quyền lực và quyền lợi mà mọi người phải chen nhau, đạp nhau và ngay cả giết nhau để được trèo lên cao.

Chủ nghĩa CS và chủ nghĩa Quốc Xã Đức giống nhau một điểm quan trọng, đó là sự tin tưởng vào mỗi cá nhân đặt cơ sở trên lý lịch. Chính trị lý lịch (Bio-politics) không chỉ bảo đảm tính kế tục về dòng giống nhưng còn bảo đảm mục đích của chế độ được hoàn thành trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Chính Adolf Hitler, đối thủ hàng đầu của Stalin, đã từng bày tỏ sự thán phục dành cho Stalin và ca ngợi y trong việc làm thuần khiết hóa đảng CS Liên Xô qua việc loại bỏ các mầm mống Do Thái như Leon Trotsky, Grigory Zinoviev, Lev Kamenev, Karl Radek khỏi nội bộ lãnh đạo đảng. Stalin phê bình quan điểm chủng tộc Aryan siêu việt của Hitler và gọi đó là Phát Xít nhưng chính y lại biện hộ cho chính trị lý lịch dựa trên giai cấp xã hội.

Anh Thạc có yêu nước không?

Tôi tin là có. Không những anh Thạc mà rất đông tuổi trẻ miền Bắc tình nguyện lên đường “giải phóng miền Nam” cũng vì lòng yêu nước. Nhưng tình yêu nước của các anh không phát xuất từ trái tim trong sáng của tuổi hai mươi mà được dạy để yêu nước theo quan điểm giai cấp.

Miền Nam mà các anh được Đảng mô tả là địa ngục trần gian chứ không phải là những cánh đồng bát ngát, những vườn cây sai trái, những dòng sông nhuộm đỏ phù sa. Người dân miền Nam mà Đảng vẽ trong nhận thức các anh là những người đang rên xiết trong gông xiềng “Mỹ Ngụy” chứ không phải là mấy chục triệu người chơn chất hiền hòa chỉ mong được yên ổn để xây dựng cuộc sống mới sau gần một thế kỷ bị thực dân đô hộ. Cũng trong nhật ký ngày 24 tháng 5, anh Thạc tin rằng Sài Gòn ngày đó là một “*Sài Gòn tâm tối, dưới ách quân thù.*”

Anh Thạc hiểu thế nào là tổ quốc?

Trong bài thi học sinh giỏi văn miền Bắc in ở phần cuối của nhật ký, anh phân tích tổ quốc: “*Được mang ngòi bút của mình phục vụ Tổ Quốc, nhằm giáo dục lập trường và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa cho nhân dân ta, các nhà thơ ta, bằng nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, đã tái hiện cuộc sống muôn màu, muôn vẻ của dân tộc ta đang chiến đấu theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, và dưới ánh sáng đường lối văn nghệ, chính trị của Đảng*” hay trong nhật ký ngày 7 tháng 1 năm 1972, anh viết “*Tổ quốc vẫn dựng xây và đánh giặc hai hòn gạch vẫn gắn chặt vào nhau nhờ nhiệt tình của con người cộng sản.*”

Tổ quốc gắn liền với “*lập trường và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa*” hay “*gắn chặt vào nhau nhờ nhiệt tình của con người cộng sản*” như anh viết nằm bên sông Volga, sông Hoàng Hà chứ không phải sông Hồng, sông Cửu.

Đoạn văn anh viết được trích gần như nguyên văn từ các đề cương văn hoá, nghị quyết, bài giảng kinh tế chính trị ở trường mà anh đã nhập tâm. Không phải chỉ một mình anh Nguyễn Văn Thạc mà phần lớn nhà văn miền Bắc không ít thì nhiều đều phạm tội đạo văn của Đảng.

Anh Thạc không phân biệt được sự khác nhau, nói chỉ đến mâu thuẫn, giữa Tổ quốc và Đảng, giữa ý thức dân tộc nhân bản và chủ nghĩa Marx-Lenin độc tài toàn trị.

Đọc bài văn đoạt giải nhất này để thấy bộ máy tuyên truyền của Đảng không những có khả năng điều khiển hành động mà còn có thể sai khiến cả nhận thức của anh. Trong nhật ký ngày 15 tháng 11 năm 1971 anh viết: *“Thằng Mỹ, nó thế nào? Trời ơi, sao lâu quá. Bây giờ cái khao khát nhất của ta – cái dạy dỗ nhất trong ta là khi nào được vào miền Nam, vào Huế, Sài Gòn – xọc lê vào thời tim đen thúi của quân thù.”* Anh không biết *“Thằng Mỹ, nó thế nào”* và vẫn muốn *“xọc lê vào thời tim đen thúi”* của nó. Khủng khiếp thật. Ai dạy anh viết những câu sất máu vượt qua tuổi tác của anh như thế, chắc chắn không phải cha mẹ anh mà từ bộ máy tuyên truyền của Đảng.

Anh Thạc là nạn nhân của một chính sách thuần hóa tinh vi. Mục tiêu hàng đầu của tuyên truyền tẩy não CS là đào tạo những con người biết tuân phục. Thuần khiết toàn xã hội qua sách lược trồng người là mục đích tối hậu của nền giáo dục CS. Đó là lý do tại sao các lãnh tụ CS thích hôn nhi đồng. Từ Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Kim Nhật Thành cho đến Fidel Castro, Pol Pot đều thích hôn nhi đồng. Hình ảnh “hiền từ” của họ bên cạnh nhi đồng là hình ảnh phổ biến nhất tại các nước CS. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện tả cảnh “hôn nhi đồng” tại miền Bắc trong bài thơ ông viết năm 1970:

*Bác Hồ rồi lại bác Tôn
Cả hai đều thích ôm hôn nhi đồng
Nước da hai bác màu hồng
Nước da các cháu nhi đồng màu xanh
Giữa hai cái mặt bành bành
Những khăn quàng đỏ bay quanh cổ cò.*

Bộ máy tuyên truyền của CSVN là thành quả được “vận dụng một cách sáng tạo” từ cả hai hệ thống tuyên truyền CS Liên Xô và Trung Cộng nên không lạ gì họ đã lừa gạt bao nhiêu thế hệ thanh niên miền Bắc một cách dễ dàng.

Đọc lại nhật ký của anh Nguyễn Văn Thạc để thấy, CSVN vào được Sài Gòn trong ngày 30 tháng 4 năm 1975 bằng nhiều phương tiện nhưng hữu hiệu nhất là phương tiện tuyên truyền.

Trang nhật ký cuối cùng ghi ngày 25 tháng 5 năm 1972, anh Thạc viết: *”Kẻ thù không cho tôi ở lại – Phải đi – Tôi sẽ gọi về cuốn Nhật ký này, khi nào trở lại, khi nào trở lại tôi sẽ viết nốt những gì lớn lao mà tôi đã trải qua từ khi xa nó, xa cuốn Nhật ký thân yêu đầu tiên của đời lính. Ủ, nếu như tôi không trở lại – Ai sẽ thay tôi viết tiếp những dòng này? Tôi chỉ ước ao rằng, ngày mai, những trang giấy còn lại đằng sau sẽ toàn là những dòng vui vẻ và đông đúc. Đừng để trống trải và bí ẩn như những trang giấy này.”*

Anh Thạc không trở lại. Nhật ký ngày 3 tháng 6 năm 1972 chỉ là địa chỉ “Ngã ba đồng lộc.” Hết.

Những trang giấy còn lại của cuốn nhật ký cũng không phải là những dòng vui vẻ đông đúc như anh muốn. Anh ngã xuống ở Quảng Trị và trên vùng đất đó, máu của nhiều thanh niên miền Nam cũng đã đổ xuống để giành lại Cổ thành Định Công Tráng, giành lại Cam Lộ, Đông Hà, Triệu Phong và những vùng đất miền Nam thân yêu khác.

Anh Nguyễn Văn Thạc đã chết. Hàng triệu thanh niên miền Bắc đã chết. Hàng trăm ngàn cựu thương binh miền Bắc may mắn hơn nhưng phải sống phần đời còn lại trong khó khăn túng thiếu với số tiền phụ cấp chỉ vón vện sáu trăm ngàn và nhiều nhất là ba triệu đồng một tháng cho cả gia đình.

Tất cả những mất mát và chịu đựng đó chỉ để hoàn thành mục

tiêu CS hóa Việt Nam như đã xác định từ cương lĩnh đảng CSVN 1930, cương lĩnh 1935 và lần nữa khẳng định trong cương lĩnh 1991: *“Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.”* Sau 39 năm, ngoại trừ những kẻ bị tẩy não, một người có nhận thức và theo dõi thời cuộc đều đã nhận ra khẩu hiệu “chống Mỹ cứu nước” chỉ là một chiêu bài và “độc lập, tự do, hạnh phúc” chỉ là chiếc bánh vẽ.

Xương máu của nhiều thế hệ thanh niên miền Bắc đổ xuống chỉ để hôm nay mọc lên những biệt thự nguy nga, sang trọng của các chủ tịch, bí thư, ủy viên trung ương, ủy viên bộ chính trị, những kẻ sống xa hoa trên một đất nước độc tài, tham nhũng, lạc hậu và bị phân hóa đến tận cùng. Đảng CSVN nợ những người đã chết và còn sống trong tật nguyên đau đớn quá nhiều thứ nhưng món nợ lớn nhất mà đảng không thể nào trả nổi, đó là, món nợ tuổi hai mươi.

NHỮNG NGÀY THÁNG TỚI

Dù nói ra hay không hay dù ủng hộ ai, hầu hết người Mỹ gốc Việt khi cầm lá phiếu bầu tổng thống Mỹ đều nghĩ tới Việt Nam và hy vọng qua lá phiếu sẽ đóng góp một chút gì đó, chắc chắn là rất nhỏ, vào tiến trình dân chủ hóa Việt Nam.

Hôm 9 tháng 11, 2016, người Mỹ, qua phương pháp cử tri đoàn, đã chọn Donald Trump làm tổng thống (Bà Hillary Clinton thắng phiếu phổ thông nhưng không tính). Sự kiện Donald Trump là tổng thống đã tạo ra nhiều hy vọng nơi những người ủng hộ ông ta, nhưng cùng lúc cũng tạo ra nhiều lo lắng nơi những người ủng hộ bà Hillary Clinton.

Nhắc lại, Donald Trump ứng cử với khẩu hiệu “Make America great again” (Làm cho nước Mỹ vĩ đại lần nữa). “Lần nữa” có nghĩa đã từng là một quốc gia vĩ đại trước đây nhưng hiện nay thất bại. Khẩu hiệu này mang ý nghĩa kinh tế nhiều hơn các yếu tố văn hóa, giáo dục.

Donald Trump không phải là người duy nhất dùng khẩu hiệu này mà trước đây TT Ronald Reagan cũng đã dùng để đánh bại TT Jimmy Carter khi các chính sách của ông ta đã đưa nước Mỹ vào

tình trạng thất nghiệp cao, lạm phát cao, tiền lời ngân hàng cao và khủng hoảng năng lượng trầm trọng. Đó là chưa kể vấn nạn con tin còn đang bị giam giữ tại Iran.

Với hàm ý “lần nữa” cho thấy Donald Trump sẽ nghiêng về chính sách bảo vệ mậu dịch (Protectionism) như đã từng áp dụng trước Thế Chiến thứ Hai. Ông và các nhà kinh tế biện hộ chính sách bảo vệ mậu dịch cho rằng các cường quốc kinh tế như Trung Cộng, Nhật đã làm giàu trên sự thiệt thòi của người dân Mỹ.

Patrick Buchanan, một nhà phân tích chính trị bảo thủ nổi tiếng đã viết trong tác phẩm *Where The Right Went Wrong*: “Sự giàu có của Trung Quốc phụ thuộc vào Mỹ. Người tiêu thụ Mỹ trách nhiệm cho 100% sự phát triển của Trung Quốc. Nếu hàng hóa Trung Quốc bị loại bỏ tại Mỹ, các nhà máy tại Trung Quốc sẽ đóng cửa, nhiều triệu người sẽ thất nghiệp, đầu tư quốc tế bị cạn kiệt và cái gọi là Trung Quốc bùng lên sẽ thành Trung Quốc sụp xuống.”

Chính sách bảo vệ mậu dịch đặt quan hệ mậu dịch quốc tế cũng như giữa hai quốc gia trên cơ sở bình đẳng nhưng không tự do. Chính phủ dùng thuế nhập cảng để bảo vệ và kích thích kinh tế nội địa. Dĩ nhiên các nước khác cũng không để yên cho Mỹ muốn nâng thuế nhập cảng cao thấp tùy tiện mà cũng sẽ giới hạn việc đầu tư vào Mỹ và nếu thuế nhập cảng quá cao, họ sẽ phát động các cuộc chiến tranh mậu dịch (trade wars) chống lại Mỹ. Quốc gia gần nhất và sẽ dễ trở thành thù địch với Mỹ nhất là Mexico không phải vì Donald Trump đe dọa sẽ xây bức tường ngăn hai nước mà vì tổng số xe nhập cảng vào Mỹ qua ngã Mexico năm 2015 trị giá đến 74 tỉ Mỹ kim.

Còn quá sớm để hiểu các chính sách kinh tế và đối ngoại của Donald Trump, trong đó rất nhiều vấn đề ông chưa giải thích sáng tỏ. Tuy nhiên điều rõ ràng nhất ông đã đáp ứng được cơn giận của nhiều người dân Mỹ.

Giận ai? Dĩ nhiên là giận dữ trước các thất bại của chính quyền Barack Obama không phục hồi nền kinh tế Mỹ đúng mức, nhân dân Mỹ đang sống trong tình trạng bất an và hệ thống chính trị không phục vụ cho quyền lợi đích thực của người dân mà chỉ phục vụ cho hệ thống. Donald Trump như người ngoài cuộc và người Mỹ đang cần một người ngoài cuộc lãnh đạo họ.

Một lý do tâm lý mà rất ít người dám công khai thừa nhận đó là yếu tố da màu. Bà Hillary Clinton không phải là da đen nhưng bà vẫn được xem là phe cánh của Tổng thống Barack Obama và các chính sách xã hội, giáo dục, y tế của bà chỉ là các chính sách của TT Obama nối dài, không thay đổi trong đó có đạo luật y tế nhiều tranh cãi Affordable Care Act (ACA) vẫn thường được biết qua tên Obamacare.

Do đó, không ngạc nhiên khi một Donald Trump ăn nói lung tung, không có kinh nghiệm chính trị đã đánh bại 16 ứng cử viên Cộng Hòa, trong đó có người giàu quý tranh cử như Jeb Bush, giàu kinh nghiệm như John Kasich hay có tài hùng biện như Marco Rubio, một cách dễ dàng trong bầu cử sơ bộ của đảng Cộng Hòa và cuối cùng đánh bại bà Hillary Clinton.

Trong ngày bầu cử tổng thống vừa qua, người Mỹ biết rõ mọi thói hư tật xấu của Donald Trump nhưng vẫn bỏ phiếu cho ông ta. Bởi vì, dù nói gì đi nữa, khi đặt lên bàn cân để cân trước giờ bỏ phiếu, các quan tâm về an ninh, thuế má, phát triển kinh tế, màu da nói chung là thay đổi, đã nặng hơn cá tính và tư cách của Trump.

Việc Hillary Clinton nhắm vào tư cách hay kinh nghiệm của Donald Trump không đủ thuyết phục. Dân chủ Hoa Kỳ là một hệ thống pháp trị chứ không phải như dân Đức bầu Hitler trước Thế Chiến thứ Hai, muốn làm gì thì làm. Nguyên tắc đối trọng (checks and balances) giữa ba ngành được nhấn mạnh nhiều lần ngay sau

khi Donald Trump đắc cử.

Trả lời báo The Guardian, một bà cử tri đã phát biểu “Tôi rời phòng phiếu trong nước mắt vì tôi không thích ông Trump chút nào. Tôi rất buồn vì đã bỏ phiếu cho ông ta. Tư cách, cá tính và việc thiếu kinh nghiệm của ông làm tôi lo lắng. Tôi ước gì có một chọn lựa nào khác ngoài việc ném lá phiếu vào thùng rác. Tôi biết khi đi ra nước ngoài tôi sẽ bị người ta ghét cũng do ông Trump. Tuy nhiên ông ta chỉ là bốn năm đầu tư thôi. Tôi tin tưởng nguyên tắc đối trọng (checks and balances) của quốc gia chúng tôi sẽ giúp ngăn chặn các phán đoán vụng về của ông ta và không làm thiệt hại đất nước quá nhiều. Hy vọng là ông Trump sẽ không làm ảnh hưởng nhiều đến đời sống hằng ngày của tôi.”

Với một tổng thống Mỹ không kinh nghiệm lãnh đạo chính quyền và đang cần phải học nhiều, chưa từng công khai bày tỏ cảm tình với lý tưởng dân chủ tại các nước độc tài như Việt Nam, nhiều người đang lo lắng những ngày tháng tới các phong trào dân chủ tại Việt Nam sẽ rất khó khăn nếu không muốn nói là sẽ bị chính giới Mỹ bỏ rơi. Những phong trào hay tổ chức đang chuẩn bị các đề án hoạt động trong không gian và khuôn khổ của TPP (Trans-Pacific Partnership Agreement) chắc sẽ hủy bỏ vì Trump đã nói nhiều lần ông ta không đồng ý với TPP. Trung Cộng, ông tổ của chủ nghĩa cơ hội, sẽ tiếp tục bành trướng trên Biển Đông mà không bị cản trở mạnh. CSVN sẽ thẳng tay đàn áp các phong trào dân chủ nhưng sẽ không được quốc tế quan tâm can thiệp v.v... và v.v...

Những lo lắng đó đều chính đáng nhưng cũng chỉ là những điều lo lắng.

Theo truyền thống, chính sách đối ngoại và nhân quyền của các chính phủ Hoa Kỳ dù Cộng hòa hay Dân chủ chỉ thay đổi trong

phương pháp áp dụng nhưng không thay đổi về nguyên tắc. Nước Mỹ không chỉ là cường quốc kinh tế mà còn là cường quốc dân chủ và các giá trị tự do nhân quyền luôn là kim chỉ nam cho các chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Tổng thống Ronald Reagan cứng rắn hơn vị tổng thống tiền nhiệm Jimmy Carter chủ trương đàm phán nhưng cả hai đều theo đuổi lý tưởng bảo vệ nền dân chủ và quyền lợi của Mỹ.

Bảo thủ không đồng nghĩa với tự cô lập để rồi tự diệt. Chính phủ Donald Trump sẽ phải áp dụng một chính sách cứng rắn, và có thể còn cứng rắn hơn cả George W. Bush và Barack Obama để bảo vệ quyền lợi của Hoa Kỳ trên Biển Đông. Một số phụ tá thân cận của Trump đã phê bình TT Obama không đủ cứng rắn đối với Trung Cộng.

Các nhà phân tích cho rằng một cuộc chiến tranh mậu dịch có khả năng cao sẽ bùng nổ giữa Mỹ và Trung Cộng. Nếu điều đó xảy ra, sẽ có lợi cho các nước nhỏ trong vùng vì Trung Cộng buộc phải thỏa hiệp để tập trung cứu vãn kinh tế và đương đầu với Mỹ.

Không nên quá lo lắng những gì ngoài tầm tay với. Điều đáng lo lắng nhất là liệu những người Việt quan tâm đến tự do, dân chủ của đất nước có tầm nhìn, nhận thức và khả năng để vận dụng các chính sách của chính phủ Trump tại Á Châu nói chung và đối với Trung Cộng nói riêng có lợi cho cuộc đấu tranh dân chủ tại Việt Nam.

Năm 1990, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế gieo hạt mầm dân chủ bằng "Lời Kêu Gọi của Cao Trào Nhân Bản" tại Sài Gòn. Khi công bố lá thư, bác sĩ Quế chắc không quan tâm tổng thống Mỹ là ai. Hai mươi sáu năm sau, qua bao nhiêu bão táp phong ba, hạt mầm đó chẳng những không chết mà đã thành cây ngày một xanh tươi và cao lớn. Hôm nay, Việt Nam có hàng trăm phong trào xã hội hoạt động rộng khắp. Ngọn đèn chính nghĩa mỗi ngày một sáng thêm

và bóng tối độc tài một ngày thêm mờ nhạt. Con đường có thể còn dài nhưng mục tiêu dân chủ và nhân bản chưa bao giờ thấy rõ hơn hôm nay.

Cuộc đấu tranh của dân tộc Miến Điện là một ví dụ. Trong cùng tuần lễ này năm 2015, cuộc bầu cử quốc hội Miến Điện được tổ chức và đảng Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ (National League for Democracy) của bà Aung San Suu Kyi thắng lớn. Kết quả bầu cử tốt đẹp kia chính là những bông hoa được tưới bằng máu của nhiều thế hệ Miến đổ xuống trong suốt mấy mươi năm. Phần lớn trong thời gian đó, các anh hùng dân chủ Miến đấu tranh trong cô đơn, chết trong âm thầm không quốc tế nào để ý.

Việt Nam cũng thế. Dân chủ là một tiến trình chứ không phải là một sản phẩm được đóng thùng gửi từ nước Mỹ. George W. Bush, Barack Obama hay Donald Trump đều không thể mang dân chủ đến cho Việt Nam mà chỉ có người Việt Nam mới có thể tạo nên nền dân chủ cho dân tộc mình.

Bức tường độc tài chuyên chính tại Việt Nam không sụp đổ bằng những cái búa hy vọng sẽ mượn được của nước ngoài mà bằng những bàn tay nhỏ tiếp tục và kiên nhẫn xoi mòn chế độ.

TIẾNG HÁT LỘC VÀNG

Boston, nơi tôi ở, trời đã cuối thu. Những cơn mưa đêm tuốt đi những chiếc lá cuối cùng. Lá rơi đầy trên những con đường trong xóm, trên mặt hồ và hàng cây trước mặt nhà chỉ còn những cành trơ trụi. Sáng thức dậy là nghe tiếng chổi vọng về từ phía sân thiền viện bên kia đường. Những cánh chim Cardinal màu đỏ thắm, Blue jay màu xanh mới hôm nào nhộn nhịp đã không về nữa. Bầy ngỗng không còn kêu trên mặt hồ lạnh giá. Khu vườn chỉ còn là một thảm lá dày. Cô con gái út lặng lẽ đem cất bình đựng thức ăn dành cho chim vào trong kho đựng đồ đạc góc vườn và bảo chúng đã di cư về miền nam, hy vọng sang mùa nắng ấm chúng sẽ nhớ đường về.

Hôm trước, ngồi nghe ca sĩ Ánh Tuyết hát *Lá đổ muôn chiều* của Đoàn Chuẩn lòng chợt nghĩ về một nghệ sĩ khác có lần đã hát bài hát đó mà tôi nghe qua youtube. Bỗng dưng muốn viết về anh.

Tên anh là Nguyễn Văn Lộc, chủ quán Cà phê Lộc Vàng ở ven hồ Tây, Hà Nội. Tôi chưa gặp, chưa quen anh nhưng có thể tôi nghĩ về anh nhiều hơn những nghệ sĩ tôi đã gặp và quen. Hai tuần trước lại một lần nữa tâm sự với một người bạn trên Facebook về anh. Mới

biết, tâm hồn con người là một thế giới tinh thần kỳ diệu, có điểm hẹn hò và có lối đi riêng, tưởng như vô hình và xa xôi nhưng lại vô cùng cụ thể và gần gũi.

Con người và con vật giống nhau ở chỗ sống theo bản năng nhưng khác nhau ở chỗ con người có tâm hồn mà con vật thì không. Trong một góc kín của tâm hồn có những người tôi thương mến dù biết có thể không bao giờ gặp nhau, vẫn nghe ấm lòng khi nghĩ đến dù có thể sẽ chẳng bao giờ được cầm lấy bàn tay nhau. Bởi vì, trong không gian vô cùng của ý thức có một sợi nhân duyên nối lại những tâm hồn mang nặng tình thương, tình yêu, tình đồng bào và tình nhân loại.

Nếu anh Nguyễn Văn Lộc sống ở các nước Đông Âu hay một trong 15 nước thuộc Liên Xô cũ, có thể nhiều tác phẩm đã viết về anh và nhiều phim ảnh được dựng quanh cuộc đời gian nan, cay nghiệt, đầy nước mắt nhưng cũng đầy huyền thoại của anh, nhưng tại Việt Nam, anh chỉ là một nghệ sĩ và chắc anh cũng chỉ mơ ước làm một nghệ sĩ cho đến cuối đời.

Những lời ca của anh chảy ra từ dòng suối tự do bất tuyệt. Giữa tiếng đạn réo bom rơi của hận thù tiếng nước vẫn reo róc rách. Không một Joseph Goebbels hay Heinrich Himmler của Đức Quốc Xã, không một Nikolai Ivanovich Yezhov hay Lavrentiy Beria của Liên Xô, không một Lê Đức Thọ hay Trần Quốc Hoàn của Việt Nam có thể làm suối tự do khô cạn trong lòng người khao khát tự do.

Tại Việt Nam, dòng suối tự do trong lòng các Phan Thắng Toán, Nguyễn Văn Đắc, Nguyễn Văn Lộc đã chảy dù nhiều khi chảy rất cô đơn. Các anh cô đơn bởi vì tuy giống nhau về khát vọng so với phong trào Nhân văn giai phẩm, các anh lẻ loi và đơn độc hơn nhiều. Những Phan Khôi, Trần Dân, Hữu Loan v.v... có trong tay vũ khí là cây bút, có trong tay phương tiện là tạp chí Nhân Văn, có

ảnh hưởng ít nhiều trong quần chúng, các anh không có gì cả ngoài tiếng hát, lời ca.

Những người tôi quen đều biết đến anh và hẹn nhau nếu có dịp về Hà Nội sẽ đến quán Lộc Vàng nghe anh hát. Tôi cũng vậy, mơ được ngồi trong góc của quán Lộc Vàng để nghe anh hát như những ngày trước năm 1975 lang thang ở Sài Gòn với Cà phê Hân trên đường Đinh Tiên Hoàng, Cà phê Da Vàng gần Cổng xe lửa số 6 và vô số quán không tên dọc Thư viện Quốc Gia, trường Luật hay hẻm 220 trên đường Trương Minh Giảng. Sài Gòn ngày đó là Sài Gòn chiến tranh, Sài Gòn biểu tình, Sài Gòn “đại bác ru đêm” nhưng vẫn có một Sài Gòn với trái tim rung động theo từng nốt nhạc trong những tình ca của Đoàn Chuẩn, Văn Cao.

Nghe anh Lộc Vàng hát, tôi chợt nghĩ đến tiếng dương cầm của nhạc sĩ Do Thái Władysław Szpilman trỗi lên từ căn gác nơi ông đang trốn ở Warsaw trong Thế Chiến thứ Hai. Phim *The Pianist* được dựng từ câu chuyện thật của đời ông. Nhạc sĩ Do Thái Władysław Szpilman may mắn hơn nghệ sĩ Việt Nam Nguyễn Văn Lộc. Viên sĩ quan Đức đứng nghe Władysław Szpilman chơi đàn có một trái tim nhân bản và lòng yêu âm nhạc nên Władysław Szpilman được cung cấp bánh mì và cho phép sống yên ở đó, nhưng những tên công an rình nghe nghệ sĩ Nguyễn Văn Lộc hát là những kẻ không có trái tim mà chỉ có cái đầu u mê cuồng tín nên anh phải chịu bản án mười năm lao động khổ sai trong các trại tù.

Cay nghiệt của đời anh bắt đầu từ thập niên 1960 khi anh và hai người bạn đam mê âm nhạc thường gặp nhau trong những tối và đàn hát nhau nghe những bản tình ca, nhiều nhất là của Đoàn Chuẩn. Mùa thu Hà Nội đi vào tâm hồn anh qua những ca từ lãng mạn “*Anh mong chờ mùa thu, diu thể nhân dân vào chốn thiên thai, và cánh chim ngập ngừng không muốn bay, mùa thu quyến rũ*

anh rồi.” Anh không vào chốn thiên thai mà vào Hỏa Lò. Anh bị bắt ngày 27 tháng 3 năm 1968, mới 23 tuổi, và ba năm sau bị kết án 10 năm tù cộng 4 năm mất quyền công dân chỉ vì cái tội hát tình ca. Quảng thời gian đẹp nhất của một đời người, từ đó, bị đóng khung trong bốn vách tường rêu.

Trong những bài phỏng vấn anh mà tôi được đọc, không ai hỏi anh hay vì không muốn gây khó cho anh, có bao giờ anh đã hát tình ca trong tám năm sống trong tù. Chắc là có dù có thể không hát lớn. Anh hát khi đứng nhìn những chiếc lá vàng bay qua cửa sổ nhà tù. Anh hát khi thức dậy nửa đêm nhìn ánh trăng thu soi bóng trong sân nhà tù vắng lặng. Và anh hát vì biết ngoài kia có một người con gái đang vượt qua bao nhiêu khổ đau để chờ đợi anh về. Ngày đó anh chị chưa cưới nhau nên những bản tình ca, ngoài ước mơ về một mái ấm gia đình còn mang nhiều mơ mộng phiêu du của hai trái tim son trẻ.

Làm sao ngăn được nhất là những đêm trăng anh nghe lòng cất lên *“Chờ trăng lên ánh trăng e lệ mãi, vương vấn mong lá rơi bên thềm vắng, gió thu như cùng chia mối âu sầu của bóng cây tàn lá, trong đêm hồ hững, rồi trăng lên ánh trăng mơ huyền quá, âu yếm hoa ý tơ dịu dàng say”* trong nhạc phẩm Ánh trăng mùa thu, hay *“Gửi gió cho mây ngàn bay, gửi bướm muôn màu về hoa, gửi thêm ánh trăng màu xanh”* trong bài Gửi gió cho mây ngàn bay.

Chị đã chờ đợi và chờ đợi cho đến ngày anh ra khỏi nhà tù. Họ cưới nhau và sống với với nhau những ngày vô vàn khổ cực nhưng cũng vô vàn hạnh phúc. Hạnh phúc của anh chị không phải trong một lầu đài mà chỉ là căn phòng vốn vẹn 9 mét vuông, nhưng không gian nhỏ hẹp đó đã chứa được cả quả địa cầu của tình yêu chung thủy. Chị qua đời về thể xác nhưng vẫn mãi mãi sống trong anh một tình yêu tròn như trăng mười sáu.

Các anh vào tù là phải. Những năm 1960 không phải là thời của

tình ca mà là thời “chủ nghĩa anh hùng cách mạng” được tiêm vào trong máu, phà trong từng hơi thở của mỗi con người miền Bắc.

Đó là thời thịnh hành của những nhạc phẩm cỡ *Xin khắc tên anh trên vách chiến hào* của Huy Du để ca tụng một “liệt sĩ Nguyễn Văn Bé” *“như bông hoa rực sáng bầu trời, hương toả ngát nơi nơi, tiếng mìn anh vang dội...”* dù lúc đó anh Nguyễn Văn Bé đang sống bình an ở Sài Gòn và cũng chưa hề ôm mìn, ôm bom gì cả mà chỉ trốn dưới con lạch nhỏ cho đến khi bị nắm đầu, kéo tóc lên.

Đó là thời của những bài thơ như “Hãy nhớ lấy lời tôi” của Tố Hữu vinh danh một “anh hùng Nguyễn Văn Trỗi”, người thợ điện không phân biệt được cực âm dương nhưng lại có phép thần thông để “giật phắt mảnh băng đen” dù cảnh sát tư pháp VNCH đã “trói Anh vào cọc, mấy vòng dây.” Đất nước có một thời đã sống trong niềm tin ngoại cảm như thế và vẫn còn tiếp tục sống cho đến ngày nay.

Giống như tại Liên Xô chỉ trong vòng hai năm, 1917 đến 1918, Agitprop, bộ tuyên truyền của Liên Xô, đã phát hành 3600 mẫu bích chương tuyên truyền, tại khắp nơi ở miền Bắc Việt Nam, từ mọi cửa hàng, đường phố, cơ quan, đâu cũng dán truyền đơn, bích chương, biểu ngữ tuyên truyền đập vào mắt, xoáy vào nhận thức người đọc bằng một khẩu hiệu, một mệnh lệnh, một giáo điều tuyệt đối. Chính sách tẩy não đạt đến mức triệt để và tận cùng.

Giữa một xã hội mà sự lừa dối chế ngự mọi lãnh vực của đời sống, các anh như dòng sông chảy ngược trong đau nhức để tìm lại cội nguồn nhân bản và sự thật từ trái tim mình.

Cách đây hai tuần, trên đường từ phi trường đến khách sạn ở Las Vegas, tôi bắt chuyện với anh tài xế taxi gốc Nam Mỹ vào tuổi trung niên. Anh đang tính đưa gia đình về miền tây nam vì sau 23 năm làm tài xế taxi ở Las Vegas anh vẫn chưa dành dụm được gì.

Anh than thở, 23 năm ở khu sông bài này thật là lãng phí. Tôi khuyên anh nên đi vì ở lại thành phố cờ bạc này đến cuối đời anh cũng chỉ là tài xế taxi nhưng đừng hối tiếc 23 năm lãng phí. Không ai biết được con đường ngày mai sẽ có ít hay nhiều gai góc nhưng nếu không gặp bất trắc anh sẽ có ít nhất 23 năm nữa để sống, và nếu có quyết tâm anh sẽ xây dựng cho anh chị và gia đình một cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Thời gian 23 năm tới mới là quan trọng chứ không phải 23 năm đã qua. Khi bước xuống xe, tôi khuyên anh một điều, thời gian không bao giờ mất khi chúng ta còn sống.

Thật vậy. Thời gian trôi trên sông đời bất tận và chúng ta cùng trôi với thời gian. Không mất gì cả. Bầy chim bay về hướng nam tìm nơi ấm, người tài xế taxi dời về nam để tiếp nối cuộc đời và anh Lộc Vàng mỗi đêm vẫn hát tình ca.

BỐI CẢNH VIỆT NAM QUA PHIM THE SHAWSHANK REDEMPTION

Có thể độc giả sẽ trách “Giữa lúc dầu sôi lửa bỏng ở Biển Đông mà lại nói chuyện về phim ảnh.” Thưa không. Chẳng qua chỉ vì một người bạn vừa nhắc đến phim *The Shawshank Redemption* trong facebook làm tôi chợt liên tưởng đến hoàn cảnh của xã hội Việt Nam. Tôi xem phim không nhiều nhưng phim *The Shawshank Redemption* là một trong vài phim tôi thích nhất. Đây là một cuốn phim rất hay và theo IMDb (Internet Movie Database) *The Shawshank Redemption* là phim số 1 trong số 250 phim hay nhất của từ trước tới nay.

Nhiều chi tiết trong sách của Stephen King khác với trong truyện phim của đạo diễn Frank Darabont. Bài viết này chỉ thảo luận về cuốn phim. Có bốn nhân vật trong phim *The Shawshank Redemption* đáng lưu ý.

Nhân vật chính là Andy Dufresne (Tim Robbins đóng). Andy bị kết án hai bản án chung thân về tội giết vợ và người yêu của vợ mà anh không gây ra. Trong tù, sau hai năm đầu bị hiếp đáp đủ điều, Andy kết bạn với một tù nhân khác tên là Red (Morgan Freeman

đóng). Nhân vật này cũng là vai chánh, và trong phim, Red là người kể lại cuộc đời, nhân cách và hành trình của Andy từ khi bước chân vào nhà tù cho đến lúc vượt thoát. Andy dành gần 19 năm để khoét một đường hầm chỉ rộng đủ cho một người chui qua bức tường dày của nhà tù Shawshank. Dụng cụ anh dùng là chiếc búa rất nhỏ thường dùng để đục đẽo những con cờ bằng đá. Mơ ước của Andy là được đến Zihuatanejo, Mexico, một vùng biển anh ta chưa bao giờ đặt chân đến, để sống tự do cho đến hết đời mình vì như anh đọc đâu đó, miền đất ấm đó là nơi không giữ một dấu vết nào của quá khứ. Mỗi ngày Andy đục một chút vôi trên vách tường, bỏ vào túi quần và rải xuống đất khi đi bộ trong sân nhà tù. Cai ngục Samuel Norton biết Andy từng là phó chủ tịch của một ngân hàng nên chọn anh làm kế toán riêng để tính sổ tiền mà y nhận từ hối lộ. Cuối cùng, sau gần 19 năm, anh đục xuyên bức tường dày và vượt ngục thành công. Trước khi vượt biên giới sang Mexico, Andy ghé các ngân hàng ở Maine để rút hết mấy trăm ngàn mà cai ngục ký thác dưới tên giả Randall Stephens. Andy cũng không quên gửi hồ sơ tội ác của Samuel Norton cho báo chí và kết quả dẫn đến việc viên cai ngục tham nhũng này phải tự đưa mũi súng vào mồm tự sát.

Nhân vật đưa súng vào mồm và bóp cò vừa nhắc ở trên là Samuel Norton (Bob Gunton đóng), giám đốc nhà tù Shawshank thuộc tiểu bang Maine, Hoa Kỳ. Samuel Norton tham nhũng bằng cách cấu kết với giới đầu tư, xây dựng. Mỗi hợp đồng có liên hệ đến nhà tù y luôn được chia phần. Cai ngục Samuel Norton tàn bạo không chừa thủ đoạn nào, biệt giam những ai chống đối, thậm chí cho công an nhà tù ám sát luôn cả nhân chứng. Khi còn trẻ Samuel Norton không tàn ác như vậy mà là một người có lý tưởng cứu đời nhưng khi nắm lấy quyền lực y đã trở thành một lãnh đạo nhà tù thối nát. Phía sau bàn làm việc y ngồi treo những câu đạo đức được trích ra từ Kinh Thánh và cũng luôn phát biểu những lời bao dung

độ lượng, mong giáo dục tù nhân trở thành những công dân tốt nhưng chỉ để che giấu lòng tham và hành vi ác độc của mình. Y dung dưỡng một tập đoàn công an nhà tù dưới quyền Đại úy Hadley cũng tàn bạo không kém. Chúng đánh chết tù nhân ngay trong đêm đầu tiên vừa mới đặt chân đến nhà tù. Nhưng cuối cùng viên cai ngục Samuel Norton đã phải tự sát trước khi khi tội ác của y bị đưa ra trước ánh sáng công lý. Đại úy Hadley cũng bị tổng giam như tòng phạm giết người.

Nhân vật thứ ba là Brooks Hatlen (James Whitmore 1921-2009 đóng), một tù nhân già dành gần hết cuộc đời trong nhà tù, phụ trách thư viện. Khi nghe tin mình sắp được đưa sang nhà chuẩn bị cho tù nhân hội nhập vào xã hội (halfway house) trước khi được trả tự do, Brooks Hatlen tìm cách gây tội chỉ để được tiếp tục ở tù. Xã hội và thế giới của Brooks là nhà tù. Đồng bào và nhân loại của Brooks là tù nhân. Quê hương và đất nước của Brooks được bao bọc không phải bằng núi đồi, sông biển mà là bốn bức tường vôi dày của nhà tù. Sinh hoạt của Brooks Hatlen giống như cây kim đồng hồ tuần tự bước, ngày qua ngày, tháng qua tháng, và như thế suốt 50 năm trong nhà tù. Cuộc sống nhà tù đã điều kiện hóa con người của Brooks về mọi mặt. Trong đáy sâu của ý thức, Brooks biết mình là một con người nhưng đồng thời cũng biết mình không giống như bao triệu người khác bên kia hàng rào kẽm gai. Từ một con người, nửa thế kỷ trong tù đã biến Brooks thành sản phẩm như một loại gà công nghiệp không thể bưng chải tìm mồi, như một loại chim kiếng trong lồng không thể sải cánh bay xa. Brooks Hatlen vẫn được thả và vì không thể điều chỉnh chính mình vào cuộc sống mới, ông ta đã treo cổ tự tử ở “halfway house.” Red, một nhân vật trong phim, giải thích với các bạn tù về cái chết của Brooks Hatlen “Bị định chế hóa.” Red nói “Mấy bức tường nhà tù thật buồn cười. Đầu tiên bạn ghét chúng, rồi dần dần làm quen với chúng. Thời gian trôi qua, bạn tùy thuộc vào chúng.”

Nhân vật thứ tư là Ellis Boyd Redding, gọi tắt là Red bị tù chung thân vì tội giết người. Red lanh lợi, khôn ngoan, có học, có uy tín với bạn tù, biết cách móc ngoặc với đám công an nhà tù để chuyển vận các hàng hóa từ bên ngoài vào nhà tù và cũng biết san sẻ quyền lợi cho đám tù nhân đàn em. Red là mẫu người được cả hai thành phần cai trị lẫn bị trị cần trong xã hội Shawshank. Red vừa thông đồng, hối lộ, móc ngoặc với giới lãnh đạo nhưng cũng vừa là “lãnh tụ” của nhân dân Shawshank thấp cổ bé miệng. Vì là một người có học, cuộc đấu tranh giữa đúng và sai, giữa vượt qua ao tù nước đọng ở Shawshank và phó thác cho số mệnh nhiều khi đã diễn ra trong nhận thức của Red. Sau khi Andy vượt ngục, Red tiếp tục sống với vai trò của mình như trước cho đến khi nhận được một bưu thiếp gửi từ Fort Hancock, Texas. Tuy bưu thiếp không có chữ nào, Red vẫn biết đó là tín hiệu Andy đã vượt ngục an toàn. Năm 1967, Red, giống như Brooks Hatlen, được đưa sang nhà chuẩn bị cho tù nhân trước khi được hoàn toàn tự do. Red cũng ngỡ ngàng trước xã hội đang thay đổi quá nhanh nhưng thay vì tự tử như Brooks đã làm, theo lời dặn dò của Andy khi còn ở trong tù, anh tìm đến bờ đá ở Buxton và khám phá một hộp thiếc nhỏ. Trong hộp, ngoài một số tiền còn là bản đồ chỉ dẫn đường đi Zihuatanejo. Cuối cùng hai cựu tù đoàn tụ nhau và sống những ngày còn lại bên bờ biển Thái Bình Dương xanh thắm như Andy từng mơ ước.

The Shawshank Redemption là một phim hay, hấp dẫn, đối thoại sâu sắc, ngoài ra với tôi còn vì phim rất gần với thực tế của xã hội Việt Nam. Việt Nam hiện đang tồn tại bốn thành phần gồm lãnh đạo độc tài như Samuel Norton, những người bị định chế hóa như Brooks Hatlen, một số ít đang can đảm dẫn thân như Andy Dufresne và đại đa số thuộc thành phần thỏa hiệp, do dự và sợ thay đổi như Red.

Ba thành phần kia tương đối rõ nhưng thành phần như Red gồm

những ai?

Họ là những người ba mươi chín năm trước ngồi trước chén bo bo, tô nước muối khuấy lỏng, đĩa rau muống luộc, niềng ao ước được chén cơm ngon, một tô canh ngọt, một đĩa thịt, được sống bình an dù bình an trong cơ chế, được xem phim ảnh dù đã được kiểm tra từng chi tiết, được hát một bài tình ca dù đã được chọn lọc kỹ càng. Nói chung, họ bằng lòng với những gì đang có. Tuy biết đổi thay cũng tốt nhưng tốt hơn là đừng thay đổi. Họ có nghe về một chân trời rất xanh, một nơi xa rất đẹp, nhưng cũng giống như nhân vật Red, họ không dám đi xa khỏi căn nhà, không dám bỏ vườn rau thửa ruộng.

Họ là những người đã từng là nạn nhân của cơ chế độc tài và cảm thấy rất đau khi nhìn lại chính mình trong khoảng đời đã mất nhưng không thể bỏ những gì mà đã trả bằng một giá quá đắt để có được. Họ không yêu thích gì chế độ CS nhưng cũng giống như Red chỉ nói cho thỏa lòng căm tức trước những đám tù nhân tin cẩn trong bữa ăn, trong sân chơi nhưng không dám đấu tranh, vẫn tiếp tục hối lộ công an, tiếp tục làm ngơ trước những sai trái mà đám lãnh đạo đã và đang làm.

Họ là những người có địa vị trong xã hội. Giống như Red không những được các bạn tù trọng vọng mà còn được đám công an coi tù cũng dung dưỡng. Những quyền lực và quyền lợi họ được ban phát chỉ giới hạn trong vòng kiểm soát chặt chẽ của giới cầm quyền nhưng họ lo lắng sẽ không tìm thấy những quyền lợi đó một khi đất nước có tự do. Như Red nói, bên kia hàng rào kẽm gai, bên ngoài cánh cửa sắt anh ta sẽ không là gì cả. Xã hội Việt Nam cũng thế, như tôi đã viết trong bài “Bàn về tẩy não,” là một xã hội được khoanh vùng có biên giới rõ rệt giữa các thành phần cùng tồn tại bằng thỏa hiệp.

The Shawshank Redemption chỉ là một cuốn phim không phải

là thực tế xã hội nhưng dù hư cấu hay thực tế đều là những góc cạnh tri thức của con người về xã hội mà con người đang sống. Bài học chính rút ra từ phim:

Vượt qua nỗi cô đơn, sợ hãi

Andy rất cô đơn trong nhà tù. Trong xà lim thiếu sáng mỗi ngày anh chỉ đọc một vài năm vui đủ để chứa trong túi quần. Trước khi kết bạn với Red, Andy chỉ đi dạo một mình trong sân trại tù. Không ai giúp anh và anh cũng không thể san sẻ cùng ai. Anh không sợ hãi. Anh đục hầm ngay giữa xà lim và che bằng tấm ảnh toàn thân của nữ minh tinh Raquel Welch. Trong những năm đầu anh bị hiếp đáp đủ điều nhưng luôn chống lại bằng tất cả những gì anh có.

Kiên nhẫn với mục đích

Khi Andy nhờ Red mua giùm cái búa đục đá. Red ngạc nhiên khi nghĩ Andy dám làm chuyện tày trời nhưng sau đó bật cười khi biết ra cái búa Andy muốn mua nhỏ đến mức bỏ lọt trong lòng cuốn sách và chỉ có thể dùng để đẽo viên đá nhỏ thành con cờ hay bức tượng đá tí hon. Red không bao giờ hình dung Andy có thể dùng để đục bức tường dày của nhà tù Shawshank. Điều đó nói lên đặc tính kiên nhẫn trong khi theo đuổi mục đích. Bức tường của nhà tù Shawshank không thể được đục bằng những dao to, búa lớn nhưng đã bị xuyên thủng bằng một chiếc búa làm đồ chơi rất nhỏ.

Chọn lựa đúng khi phải chọn lựa

Chọn lựa đi Mexico là chọn lựa sinh tử và sáng suốt nhất của Red. Từ ngày làm bạn với Andy, Red dần dần bị ảnh hưởng để làm quen với “hy vọng,” một khái niệm mà trước đó Red từ chối. Bản chất Red là người tốt. Red biết nhà tù sẽ dần dần định chế hóa mình nhưng không có một chọn lựa nào dành cho anh. Thay vì tiếp tục sống trong “halfway house” chờ hội nhập vào xã hội và có

thể cũng tự sát như Brooks Hatlen, Red quyết định vượt biên giới sang Mexico tìm Andy. Andy đã mở đường để cứu Red nhưng chọn lựa cuối cùng vẫn là của Red.

Trong thời điểm thử thách của đất nước hôm nay, mỗi người Việt đang đứng trước những chọn lựa khó khăn và cho dù khó khăn vẫn phải chọn một con đường để đi. Đừng sợ thay đổi. Hãy đi đúng cho mình và cho tương lai đất nước. Đời người rồi sẽ qua, không ai mang theo được gì nhưng có thể để lại rất nhiều. Hãy để lại cho các thế hệ mai sau những hạm đội và phi đoàn, những nông trường và nhà máy, những học viện và trung tâm, những chiến công và thành tựu, đừng để lại những ngôi đền tưởng niệm dân tộc Việt một ngày có thể sẽ mờ đi trong lịch sử loài người.

Rất nhiều danh ngôn của các danh nhân nói về hy vọng nhưng tôi thích nhất là câu nói của nhân vật Andy Dufresne trong phim *The Shawshank Redemption* và xin dùng để kết luận cho bài viết này: *“Hy vọng là điều tốt, có thể là điều tốt nhất, và trước nay chưa có điều tốt lành nào chết đi.”*

NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH, AI SẼ NÓI THAY EM?

“Nếu bạn im lặng rồi ai sẽ nói” (who will speak if you do not) là câu nói mà Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, tức Blogger Mẹ Nấm, dùng để kết luận cho buổi phỏng vấn của phái viên CNN Andrew Stevens ngày 18 tháng 6, 2010 tại Sài Gòn. Chương trình *Viet Nam Internet Crackdown* được chiếu ở Mỹ và phát đi nhiều quốc gia trên thế giới.

Câu nói là một danh ngôn khá phổ biến từ lâu trong xã hội Tây Phương. Người viết đọc đâu đó rằng chính triết gia Đức gốc Ba Lan Friedrich Nietzsche đã nói mặc dù trong danh sách những câu danh ngôn của ông lại không có câu này. Câu “Nếu bạn im lặng rồi ai sẽ nói” còn là tựa của bài hát của nhạc sĩ Marty Haugen sáng tác năm 1993 và thường được hát trong các lễ nhà thờ đạo Tin Lành.

Thật ra, ai là tác giả câu danh ngôn đó có lẽ không cần thiết để bàn mà quan trọng ở chỗ Như Quỳnh đã dùng đúng lúc để nói lên một thực tế đau lòng đã và đang đè nặng lên xã hội Việt Nam suốt mấy mươi năm, đó là sự im lặng của đa số người Việt trước các bất công mà chính họ đang chịu đựng.

Trong buổi phỏng vấn của CNN, Như Quỳnh thừa nhận với phái viên Andrew Stevens em rất sợ. Sợ khủng bố, sợ đe dọa, sợ theo dõi, sợ hành hung, sợ đánh đập, sợ tù đầy và sợ bị giết chết. Những nỗi sợ đó ám ảnh ngày đêm ngay cả những người dân vô tội đừng nói chi là người lúc nào cũng bị rình rập, đe dọa như Như Quỳnh.

Năm đó, cháu Nguyễn Bảo Nguyên mới vừa lên bốn tuổi. Cánh chim nhỏ trong khu vườn đời của Nguyễn Ngọc Như Quỳnh bắt đầu tập hót. Mùa xuân đang về trong căn nhà nhỏ dù bên ngoài trời vẫn còn mưa lớn.

Chắc chắn không phải một lần mà có thể hàng trăm lần Như Quỳnh nhìn con và tự hỏi, phải chăng mình nên dừng lại để sống với con, với gia đình, ít ra cũng không hổ thẹn vì đã ít nhiều đóng góp được phần mình, chuyến tàu lịch sử sẽ tiếp tục và sẽ có người khác bước lên để tiếp tục hành trình, đất nước của chín chục triệu người dân chủ đầu của riêng mẹ con mình.

Đồng thời, chắc đã có một hay hai lần Như Quỳnh tắt máy vì tính dắt con ra biển Nha Trang, nhìn con đùa vui theo từng đợt sóng và hy vọng ngày mai sẽ không lo ai rình rập ngoài cửa nhà. Một cuộc sống bình thường sẽ trở lại với mẹ con Như Quỳnh.

Nhưng không, tiếng gọi của đất nước trong tâm hồn Như Quỳnh lớn hơn tiếng hót của chim. Lý tưởng góp phần xây dựng một quê hương tốt đẹp hơn cho thế hệ của Nguyễn Bảo Nguyên thúc giục hơn tiếng cười giòn giã của con. Lý tưởng tuổi trẻ dần thân vì một Việt Nam tốt đẹp đã là một phần không thể tách khỏi cuộc đời Như Quỳnh.

Như Quỳnh có một đời sống đầy ý nghĩa. Nếu đặt qua một bên niềm tin tôn giáo hay sự giải thích dựa vào niềm tin tôn giáo, một người sống không lý tưởng, cuộc sống sẽ vô vị biết bao. Chẳng qua chỉ là sự lặp lại một cách nhàm chán những công việc, những ngày,

những tháng, những năm, những tiếng cười và nước mắt, những hơn thua và tranh chấp, cho đến cuối cùng một hơi thở hắt ra. Nhưng với một người sống có mục đích như em, những khoảnh khắc dù chỉ một vài giây phút cũng đáng sống. Em không chỉ sống cho hôm nay mà cho ngày mai và nhiều ngày mai sẽ tới. Như Quỳnh tiếp tục lên đường dù biết có thể phải trả một giá vô cùng đắt mà một bà mẹ nào cũng run rẩy khi nghĩ đến, đó là xa con một thời gian dài.

Đêm nay ở một nhà tù nào đó trên quê hương nỗi nhớ con đang cắt từng phần da thịt của Như Quỳnh và đêm nay trong căn nhà nhỏ ở Nha Trang, hai con chim non Bảo Nguyên và Nhật Minh không hót nữa, hai cháu đang khóc vì nhớ mẹ.

Tội ác của chế độ CS không phải vì bắt một người dân mà độc ác hơn là chia cắt tình thiêng liêng của mẹ con, cha con, vợ chồng, anh em, chị em như họ đã làm từ 1954 tại miền Bắc và suốt 41 năm trong phạm vi cả nước. Những người chết trong Cải Cách Ruộng Đất, trong Thảm Sát Mậu Thân có thể đã nằm yên trong lòng đất nhưng nước mắt của gia đình, thân nhân họ chảy dài theo lịch sử.

Lý do nhà cầm quyền CS bắt Như Quỳnh cũng không quá khó để hiểu.

Trong lúc CSVN không dám thẳng tay đàn áp các cuộc biểu tình chống Formosa của dân chúng các tỉnh miền Trung trong đó đa số là đồng bào Thiên Chúa Giáo, họ tìm mọi cách cô lập, ngăn chặn không cho các cuộc biểu tình mang màu sắc tôn giáo phát triển thành một phong trào quần chúng rộng lớn với sự tham gia của các thế hệ và các thành phần dân tộc.

Đặc điểm chung của các phong trào xã hội là tự phát, thiếu tổ chức và thiếu kiên trì với mục đích. Hiểu được điều đó, các lãnh đạo CSVN tập trung đắp đập ngăn bờ, chờ cho phong trào từ từ

lắng dịu và tìm cách vuốt ve thỏa hiệp.

Con số ba chục ngàn đồng bào biểu tình chống Formosa là con số lớn. Phải nói là rất lớn. Cuộc biểu tình của đồng bào Vinh lớn hơn nhiều so với cuộc biểu tình của nhân dân Romania tại thành phố Timișoara chống chính quyền Nicolae Ceaușescu cũng dưới màu sắc tôn giáo khi nhà cầm quyền CS này trục xuất Linh mục gốc Hungary László Tőkés ra khỏi Romania. Điều khác nhau là cuộc biểu tình tại thành phố Timișoara đã nhanh chóng trở thành phong trào toàn dân lật đổ chế độ độc tài CS Ceaușescu.

Bài học cách mạng dân chủ Romania, Ba Lan, Philippines, Haiti cho thấy một khi lời kêu gọi của các lãnh đạo tôn giáo được mọi thành phần quần chúng lắng nghe và hưởng ứng, ngày cáo chung của chế độ độc tài có thể được đếm trên đầu ngón tay.

Tiếng nói của Nguyễn Ngọc Như Quỳnh là một trong những tiếng nói trẻ có thái độ dứt khoát chống Formosa, do đó, bắt Như Quỳnh không chỉ giới hạn một tiếng nói mà giới hạn khả năng của một chiếc cầu liên kết giữa phong trào chống Formosa tại Vinh, Nghệ An và Hà Tĩnh với các mạng lưới khác đang hoạt động trong nhiều lãnh vực từ nhiều năm nay.

So với khi Nguyễn Ngọc Như Quỳnh than “Nếu bạn im lặng rồi ai sẽ nói” vào sáu năm trước, cục diện đã nhiều thay đổi. Đại đa số người dân, ở mức độ khác nhau, đều thấy những bất công phi lý đang diễn ra hàng ngày trên đất nước, đều thấy rõ sự sai lầm của chế độ, đều có trong lòng chung một khát vọng tự do.

Những ngày tháng tới là thời gian đầy thách thức và có tính quyết định không phải chỉ đối với ngư dân Hà Tĩnh, Nghệ An, không phải chỉ của riêng một tôn giáo nào mà của cả dân tộc. Lịch sử nhân loại và đặc biệt sự sụp đổ của hệ thống CS châu Âu cho thấy, dù sức chuyển động âm ỉ nhiều năm, ngày sang trang đều diễn ra

nhanh chóng.

Việc bắt giam Nguyễn Ngọc Như Quỳnh và hành hung các nhà hoạt động dân chủ trong mấy ngày qua chỉ là những hành động vá vúi, tuyệt vọng của nhà cầm quyền CS, không làm thay đổi tiến trình dân chủ Việt Nam mà chỉ đun nóng thêm lòng công phẫn. Tiếng nói của Nguyễn Ngọc Như Quỳnh tạm thời bị chặn nhưng hàng triệu đồng bào sẽ nói thay em.

VIỆT NAM, MỘT THỜI THỪA MÁU

Trong ngôn ngữ Việt Nam, chữ “máu” không đơn giản chỉ một bộ phận cơ thể hay “thiếu máu” không phải dùng để chỉ một nguyên nhân ảnh hưởng đến sức khỏe như tại các nước khác mà còn khơi dậy nỗi đau đã in sâu trong nhận thức con người.

Nhắc tới chuyện thiếu máu năm nay, không thể quên có một thời Việt Nam dư thừa máu. Đâu cũng đều thấy máu. Máu chảy đầy sông. Máu ngập ruộng đồng. Máu loang đường phố. Thừa đến nỗi, máu của nhiều triệu người Việt đã đổ xuống không chỉ để thỏa mãn tham vọng bành trướng của Mao và CS quốc tế mà còn giúp các quốc gia vùng Đông Nam Á đang nghèo nàn bỗng trở nên giàu có.

James Macdonald trong tác phẩm *When Globalization Fails: The Rise and Fall of Pax Americana*, nhắc lại câu nói của cố TT Singapore Lý Quang Diệu, chiến tranh Việt Nam (đúng ra nên gọi “máu Việt Nam”) đã “giúp các quốc gia Đông Nam Á có thêm thời gian” để nâng cao mức sống, bởi vì nếu không, “Đông Nam Á chắc

chấn đã lọt vào tay CS.”¹⁴

Đọc câu nói của cố TT Lý Quang Diệu và tìm hiểu các diễn biến chính trị trong cuộc chiến Việt Nam sẽ thấy ngay từ đầu cuộc chiến, nhiều triệu người Việt đã đổ máu một cách oan uổng cho ý thức hệ CS và bá quyền Trung Cộng chứ chẳng phải để “giải phóng dân tộc” hay “thống nhất đất nước” như hệ thống tuyên truyền của đảng nhồi nhét vào nhận thức của các thế hệ Việt Nam từ 1945 đến nay.

Máu Việt Nam, tham vọng Mao

Đảng CSVN không chế tạo được một khẩu súng, một viên đạn, một túi lương khô nào nhưng có khả năng rút máu của nhân dân Việt Nam để cung cấp cho tham vọng của Mao.

Stalin, trong buổi họp với Mao và Hồ Chí Minh tại Moscow giữa tháng Hai, 1950 đã phó thác sinh mạng CSVN vào tay Trung Cộng. Theo William J. Duiker trong *Ho Chi Minh: A Life*, Stalin nói với Hồ Chí Minh tại Moscow *"Từ bây giờ về sau, các đồng chí có thể tin tưởng vào sự giúp đỡ của Liên Xô, đặc biệt hiện nay sau thời kỳ chiến tranh, thặng dư của chúng tôi còn rất nhiều, và chúng tôi sẽ chuyển đến các đồng chí qua ngã Trung Quốc. Tuy nhiên vì điều kiện thiên nhiên, chính yếu vẫn là Trung Quốc sẽ giúp đỡ các đồng chí. Những gì Trung Quốc thiếu chúng tôi sẽ cung cấp."* Tới phiên Mao, y cũng lần nữa xác định với Hồ *"Bất cứ những gì Trung Quốc có mà Việt Nam cần, chúng tôi sẽ cung cấp."*

Từ đó, Mao sử dụng đảng CSVN như những tay sai trung thành phục vụ cho lòng căm thù Mỹ của riêng y và bảo vệ vùng an toàn phía nam của Trung Cộng. CSVN, cũng từ đó, hoàn toàn lệ thuộc

¹⁴ James Macdonald, *When Globalization Fails: The Rise and Fall of Pax Americana*, 2015

vào Trung Cộng, không chỉ phương tiện chiến tranh, kinh tế, quốc phòng, hệ ý thức, cơ sở lý luận mà cả cách nói, cách ăn mặc, cách hôn hít, chào hỏi.

Sự thù địch Mỹ trong lòng Mao bắt đầu từ thời gian Mao còn ở Diên An khi tàn quân của Mao bị quân Tưởng Giới Thạch bao vây và Mỹ lại công khai tuyên bố chỉ ủng hộ phe Tưởng. Lòng thù hận dâng cao sau xung đột Eo Biển Đài Loan, và trầm trọng hơn, sau chiến tranh Triều Tiên với gần 400 ngàn quân Trung Cộng bị giết, trong số đó có Mao Ngạn Anh (Mao Anying), con trai trưởng và gần gũi nhất của Mao. Đối với Mao kẻ thù số một là Mỹ.¹⁵

Đọc các tài liệu trong thời kỳ chống Pháp để thấy Mao gần như đơn phương quyết định mọi hoạt động quân sự của Việt Minh kể cả việc chọn ngày, chọn tháng cần phải chiếm cho được Điện Biên Phủ. Theo Qiang Zhai, trong tác phẩm *China and Vietnam war 1950-1975*, Mao đã theo dõi một cách tường tận và chỉ thị một cách chi tiết cho từng sư đoàn Việt Minh trong mặt trận Điện Biên Phủ.¹⁶

Người viết xin mở ngoặc ở đây. Điều đó không có nghĩa những người Việt Nam đã hy sinh, dù trong màu áo “Việt Minh”, trên đường tấn công vào bản doanh của tướng de Castries là những người đánh thuê cho Trung Cộng hay phục vụ một cách có ý thức cho chủ trương nhuộm đỏ Việt Nam của CS Quốc Tế. Không. Họ không biết điều đó. Đa số nông dân tay lấm chân bùn kia là những người Việt Nam yêu nước và họ đã chết trong ước mơ một ngày Việt Nam sẽ thực sự là một nước tự do, độc lập. Lòng yêu nước

¹⁵ Seymour Topping, the former managing editor of The New York Times. China vs. the US: The Roots of a Love-Hate Relationship (Part 1), World Policy Journal, Dec 14, 2011.

¹⁶ Quang Zhai, *China & The Vietnam Wars, 1950-1975*, University of North Carolina Press, 2000.

chân thành và trong sáng của họ sẽ không rơi vào quên lãng.

Nhuộm máu miền Nam

Kiên trì với mục đích CS hóa Việt Nam đề ra từ 1930, vào tháng 5, 1959, Ban Chấp hành Trung ương đảng Lao Động sau khi biết rằng việc chiến miền Nam bằng phương tiện chính trị không thành, đã quyết định chiếm miền Nam bằng võ lực dù phải “đốt cháy cả dãy Trường Sơn.”

Giáo sư Chu Hảo, nguyên Thứ trưởng Bộ Khoa học công nghệ của CSVN trong bài viết *Đã Đến Lúc Cần Phải Đối Thoại* đăng trên mạng *Bauxit Viet Nam* hôm 23/08/2016 cũng thừa nhận nguyên nhân sâu xa của thực trạng bi thảm tại Việt Nam hiện nay phát xuất từ lý do ý thức hệ: *“Nguyên nhân gốc rễ của mọi ý kiến bất đồng, mọi bức xúc và phẫn uất đều nằm trong những điều bất cập, phản khoa học, phản tiến bộ, phản dân chủ của Cương lĩnh đảng CSVN và Hiến pháp nước CHXHCNVN.”*¹⁷

Đảng CSVN từ ngày thành lập 3 tháng 2, 1930 đến nay đã có cả thảy 4 cương lĩnh đảng, gồm 3 cương lĩnh về “cách mạng dân tộc dân chủ” và 1 cương lĩnh “về thời kỳ đổi mới, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.” Nội dung có thay đổi trong mỗi thời kỳ nhưng mục tiêu tối hậu vẫn không thay đổi như Nguyễn Thanh Tâm thuộc Viện Lịch sử Đảng khẳng định: *“chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Đó là mục đích lâu dài, cuối cùng của Đảng và cách mạng Việt Nam.”*¹⁸

Người viết cảm ơn Gs Chu Hảo cuối cùng đã thấy ra điều đó. Rất

¹⁷ Chu Hảo, *Đã đến lúc cần phải đối thoại*, Bauxit Viet Nam, 23/08/2016

¹⁸ Nguyễn Thanh Tâm, Viện Lịch sử Đảng- Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, các cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tuyên Giáo, 31/1/2010

tiếp giải pháp giáo sư đưa ra lại là “đối thoại”, một giải pháp không đúng với lý luận lẫn thực tế chính trị như đã diễn ra tại các quốc gia cựu CS Đông Âu và Liên Xô.

Máu Việt Nam giúp các nước Đông Nam Á có cơ hội làm giàu

Trong khi máu của nhiều triệu người Việt trên cả hai miền Nam Bắc đổ xuống cho ý thức hệ CS và tham vọng của Mao Trạch Đông, các quốc gia Đông Nam Á tận dụng thời gian và cơ hội để phát triển kinh tế như TT Lý Quang Diệu thừa nhận.

Lấy thời điểm 1965 khi chiến tranh Việt Nam gia tăng cường độ, nền kinh tế Singapore tính theo GDP theo đầu người chỉ vào khoảng 500 Mỹ kim tương đương với Mexico và Nam Phi. Năm 2015, GDP theo đầu người của Singapore lên đến 56 ngàn Mỹ kim ngang với Đức.

Phát triển nhanh không kém với Singapore là Nam Hàn. Trong thập niên từ 1950 đến 1960 Nam Hàn là quốc gia nghèo nhất thế giới, nghèo hơn cả Nam Việt Nam, Bolivia và Mozambique, nhưng ngày nay, quốc gia này giàu hơn cả Tây Ban Nha và New Zealand.¹⁹

Các quốc gia khác trong vùng từ Thái Lan đến Nam Dương, Mã Lai đều phát triển nhanh chóng trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam nhờ chính sách đầu tư rộng rãi của Mỹ để lấy lòng đồng minh nhằm bao vây và ngăn chặn CS lan tràn.

Mọi việc đều có nguyên nhân

Mùa Giáng Sinh vừa rồi, giáo sư Tương Lai trong bài viết *Nhớ Lại Mùa Giáng Sinh B-52* đăng trên nhiều báo trong nước vẫn tiếp tục một giọng điệu tuyên truyền đã được đảng lập đi lập lại hơn 40 năm qua: “*Hiếu thêm những điều này để càng thấy rõ xương máu của các chiến sĩ và nhân dân ta trong một cuộc chiến không cân sức*

¹⁹ South Korea: One of the World's Great Success Stories Heads to the Polls

giữa biết bao những toan tính lợi ích của các nước lớn là đau đớn và uất hận đến thế nào cho thân phận một nước nhỏ trong trùng điệp những mưu mô được khoác ra ngoài những tấm áo sặc sỡ!“²⁰

Thưa giáo sư, mọi việc trên đời đều có nguyên nhân.

Nếu chịu lắng lòng và suy nghĩ, ông sẽ truy ra được nguồn gốc của chiến tranh Việt Nam. Tại sao Mỹ không ném bom hay can thiệp vào nội bộ Senegal, Tunisia, Morocco hay hàng trăm thuộc địa khác của Pháp mà chỉ can thiệp vào thuộc địa Việt Nam? Ngay cả trong cuộc chiến tranh giành độc lập đẫm máu của Algeria chống thực dân Pháp, dù là đồng minh lâu năm với lãnh tụ Pháp de Gaulle, Mỹ đã công khai bày tỏ cảm tình với lý tưởng độc lập, tự do của nhân dân Algeria và xem xung đột Algeria là chuyện nội bộ của Pháp.²¹

Sau Thế Chiến thứ Hai Mỹ chủ trương giải thực nhưng sự đe dọa của Trung Cộng và CSVN đã làm Mỹ thay đổi chính sách đối với Á Châu. TT Richard Nixon thừa nhận việc Mỹ đã đổ nhiều trăm triệu Mỹ kim giúp Pháp chỉ với mục đích duy nhất là ngăn chặn làn sóng đỏ CS từ Bắc Kinh xuống Đông Nam Á qua ngã Hà Nội. Sau khi Pháp rút, Mỹ đã cố gắng hết sức trong nhiều năm để bảo vệ miền Nam.

Nếu chịu lắng lòng và đọc lại các sử liệu quốc tế, ông cũng biết, trong suốt cuộc chiến Việt Nam, Mỹ không hề chủ trương đổ bộ lên Hải Phòng như đã từng đổ bộ Inchon tháng 9, 1950 để mở đường tấn công Bắc Hàn. Miền Nam trong hai thời kỳ đệ nhất và đệ nhị cộng hòa cũng không có ý định chiếm đoạt lãnh thổ miền

²⁰ Tương Lai, Nhớ lại mùa giáng sinh B-52 (Mệnh mông thế sự 58), Bauxit Viet Nam, 26/12/2016

²¹ France and the Algerian War, 1954-1962: Strategy, Operations and Diplomacy, Martin S. Alexander, J.F.V. Keiger, pp 148-150

Bắc hay lật đổ cơ chế CS miền Bắc. Sau gần một trăm năm chịu đựng không biết bao nhiêu đau khổ dưới ách thực dân, mục đích của nhân dân miền Nam là có được cơm no, áo ấm, có được cuộc sống tự do và xây dựng miền Nam thành một nước cộng hòa hiện đại.

Sau Thế Chiến thứ Hai, phong trào giải thực được phát động từ Á sang Phi. Phần lớn các dân tộc bị trị đã giành lại nền tự chủ bằng các cuộc vận động hòa bình hay được trao trả quyền độc lập, riêng Việt Nam thì không. Việt Nam tiếp tục chìm sâu trong biển máu ý thức hệ cho đến 1975 và rồi tiếp tục chịu đựng nghèo nàn, độc tài, lạc hậu cho đến hôm nay.

Không cần phải một giáo sư mà một người bình thường cũng biết chính cơ chế chính trị, kinh tế và văn hóa độc quyền cộng sản hiện nay là nguyên nhân tạo ra tình trạng chậm tiến của đất nước, và do đó cần phải được tháo gỡ càng nhanh càng tốt, càng sớm càng tốt. Đừng tiếc nuối.

TÌNH NGƯỜI

HẠNH NGỘ ĐẦU NĂM

Kỷ niệm. Một đời không hẳn là dài, một ngày không hẳn là ngắn, nhưng là những gì được đóng khung trong ký ức sau khi hầu hết đã phôi phai.

Chúng ta, những giọt nước chảy trong cùng một dòng sông, cùng trôi qua những bến bờ, có lúc êm đềm, lắm khi ghềnh thác, rất riêng tư, xa cách, nhưng cũng vô cùng gần gũi. Có thể lúc nào đó không nhận ra nhau, không tìm thấy nhau, hay quên nhau đi, nhưng nếu còn duyên, rồi một ngày sẽ gặp lại nhau, như tôi đã gặp lại bà Vú, chủ quán Cà Phê Bà Vú ở đầu hẻm 220 Trương Minh Giảng, Sài Gòn, trong ngày đầu năm dương lịch ở Atlanta.

Nhớ lại hơn hai năm trước, tôi đến Atlanta tham dự một chiều thơ nhạc. Chương trình khá dài. Đến cuối chương trình, đa số khán giả đã lần lượt ra về. Tôi nhìn xuống, ngoài thân hữu văn nghệ, vẫn còn một gia đình đồng hương, có vẻ xa lạ với các sinh hoạt thơ văn, ngồi im lặng như đang chờ ai ở phía cuối hội trường. Thì ra họ chờ tôi.

Người đàn ông dắt theo hai con còn nhỏ. Anh đưa một bài thơ được in ra từ Internet và hỏi tôi về sự tích bài thơ. Dĩ nhiên tôi biết vì là tác giả của bài thơ đó. Bài thơ tôi viết để tưởng nhớ bà Vú, chủ quán cà phê ở đầu hẻm 220 Trương Minh Giảng, bên hông đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.

Anh tự giới thiệu là con trai của Vú. Cô bé đứng cạnh anh với cặp mắt đỏ hoe báo tôi biết “Bà nội qua đời rồi chú ạ.”

Anh trao cho tôi vài tấm hình của Vú chụp vào tháng 6, 2003. Tôi bối rối nhìn ảnh Vú. Tôi không nhớ chính xác mình viết bài thơ ngày nào nhưng chắc cũng vào thời điểm đó. Khi viết bài thơ, tôi đoán chừng tuổi Vú và có linh cảm Vú đã qua đời nên mới có hai câu cuối cùng “*Nơi Vú ở không bạc tiền vẫn sống / Nén hương lòng con trả Vú bằng thơ.*” Vì thấy một số khá đông người cũng đang chờ gặp tôi nên anh và các cháu vội chào từ giã. Khi anh và các cháu đi rồi tôi mới chợt nhớ ra mình sơ sót, chưa kịp hỏi Vú mất ngày nào và chôn cất ở đâu.

Tôi mang tấm ảnh về lại Boston và trưng bày trang trọng trong website của tôi với hàng chữ: “*Vừa chính thức biết tin Vú đã qua đời, chúng con, cựu sinh viên đại học Vạn Hạnh thấp nén hương lòng tưởng niệm Vú. Dù không dạy môn nào và chưa hề đi học ở Vạn Hạnh, Vú đã là một phần của huyền thoại Vạn Hạnh.*”

Tết Dương Lịch năm nay, tôi trở lại Atlanta lần nữa để tham dự một sinh hoạt của bà con Quảng Nam Đà Nẵng. Hội Đồng Hương Quảng Nam Đà Nẵng ở Georgia tròn 15 tuổi. Khi tôi vừa bước xuống khỏi sân khấu sau khi phát biểu vài lời, một chị khoảng ngoài 60 tuổi đến gặp tôi và tự giới thiệu là con gái đầu của Vú, chủ quán cà phê đầu hẻm 220 Trương Minh Giảng. Tôi thật mừng. Lần trước gặp con trai của Vú và nay thì được gặp con gái Vú. Chị đến tìm tôi không phải chỉ vì tôi là tác giả bài thơ, điều đó chị và gia đình đã biết, nhưng quan trọng hơn, ngày Tết Dương Lịch cũng là

ngày giỗ của Vú. Chị gặp để mời tôi đi đám giỗ Vú. Tôi rất vui đón nhận một nhân duyên thật tốt lành vừa đến.

Khi tôi đến cả gia đình rất mừng như đón một người thân vừa từ xa trở về trong ngày giỗ Vú. Tăm hình trên bàn thờ chụp khá lâu rồi nên rất giống Vú thời còn vất vả ngoài hẻm 220. Vú mất vào ngày cuối năm của 2003 và được an táng ở Atlanta. Gia đình cho biết, Vú ngã bệnh sau lễ Giáng Sinh, được đưa vào bệnh viện, chỉ 5 ngày thì Vú ra đi trong nhẹ nhàng thanh thản. Sau hơn 35 năm, sợi nhân duyên kỳ diệu đã nối kết chúng tôi lại với nhau, dù ở một nơi cách con hẻm 220 Trương Minh Giảng nhiều ngàn dặm và trong hoàn cảnh kẻ còn người mất.

Tôi cũng gặp lại cô bé búng cà phê cho chúng tôi mỗi sáng, bây giờ, đương nhiên không còn là cô bé nữa. Chúng tôi không nhận ra nhau vì ngày đó cô mới khoảng 13, 14 tuổi. Thời gian đã phủ nhiều bụi trắng lên mái tóc của mỗi chúng tôi nhưng kỷ niệm thì không. Chúng tôi và các anh chị trong gia đình đều nhớ rõ từng chi tiết của một thời thân thương nhưng cũng đầy sóng gió đã qua.

“Cô bé” kể lại những ngày còn khỏe, Vú thường nhắc đến chúng tôi, không phải do chuyện nợ nần đã trở thành sương khói mà bởi vì chúng tôi là một phần trong đời sống vui buồn của Vú. Sau Mậu Thân, tại đầu con hẻm 220 Trương Minh Giảng, bên hông đại học Vạn Hạnh, là nơi Vú đã cất lên chiếc quán cà phê bằng hai tấm vải ny-lông nối hai đầu một chiếc xe đẩy. Quán không có tên. Chúng tôi cũng không biết tên thật của Vú nên chỉ gọi là Cà Phê Bà Vú. Mà dù có biết tên thật, theo truyền thống Vạn Hạnh, có lẽ chúng tôi cũng vẫn gọi bà là bà Vú như chúng tôi gọi Hòa Thượng Viện Trưởng là ông ngoại. Cả hai cách gọi đều có tính gia đình, rất gần gũi, rất thương yêu nhưng không thiếu phần tôn kính.

“Cô bé” cũng kể, trước ngày đi khỏi Việt Nam, Vú đã xé bỏ cuốn sổ “Đoạn Trường” ghi ngang dọc mấy trăm tên con nợ, dĩ nhiên

trong đó có tên tôi. Thật ra, nợ tiền nhà và cơm tháng thì nhiều nhưng nợ cà phê cà pháo thường không là bao nhiêu. Con nợ của Vú đa số là sinh viên đến từ các tỉnh. Dân có gia đình ở Sài Gòn như tôi chỉ thiếu một vài ngày là trả hết. Tôi còn nhớ rất rõ, sổ nợ là cuốn vở xích-lô 100 trang, trên gáy vở Vú xoi một lỗ nhỏ và móc vào đó một sợi dây. Vú treo “cuốn sổ đoạn trường” trên đầu xe đẩy để vừa khỏi bị ướt và vừa dễ lấy xuống khi cần.

Nhìn cuốn sổ đông đưa, những tên thiếu nợ nhiều chỉ thầm mong nước sôi văng trúng tên mình. Mỗi khi ký sổ bọn tôi còn phải giúp Vú dò tên con nợ. Nhiều đứa biết chính xác tên mình được Vú đánh vần sai ra sao, viết màu gì và nằm trong trang thứ mấy. Bên kia đường cũng như chung quanh chợ Trương Minh Giảng có nhiều quán cà phê khàng trang hơn và ngay cả phòng ăn của trường trên lầu hai cũng sạch sẽ hơn, nhưng như một thói quen, chúng tôi chỉ thích chen chúc nhau ở quán cà phê của Vú.

Ngày đó Trung Tâm Ngôn Ngữ đã xây xong nhưng hàng rào thì chưa. Chúng tôi ngồi dọc theo những cột xi-măng chạy từ đường Trương Minh Giảng cho đến tận bên trong hẻm. Những chiếc bàn sắp dọc theo bờ tường xiêu vẹo. Buổi tối Vú không đẩy xe về mà chỉ hạ hai tấm ny-lông xuống che chiếc xe chất đầy bàn ghế. Tôi hay chọc Vú cười và thường phàn nàn khi Vú quên chấm một chút bơ vào ly cà phê sữa nóng của mình nên nếu còn sống, có thể Vú nhận ra thằng sinh viên ốm yếu có giọng Quảng ồn ào ngày xưa.

“Cô bé” kể có lần Vú về Việt Nam và ghé thăm góc hẻm 220 đầy kỷ niệm. Cả gia đình Vú ngồi ngay tại nơi chúng tôi đã ngồi ngày trước. Vú không nói ra nhưng hẳn đã thầm tự hỏi *“không biết đám sinh viên nghèo đó bây giờ ra sao.”*

Tôi chưa về nhưng cũng đã nhiều lần ngồi như Vú để lắng nghe từng giọt cà phê đen nhỏ xuống đời mình và cũng bâng khuâng tự hỏi *“không biết Vú già xưa bây giờ ra sao.”*

Quán cà phê của Vú tuy không nằm trong khuôn viên trường và hẳn nhiên không thuộc quyền quản trị của Hội Đồng Viện, nhưng mỗi khi nhắc đến trường cũ, chúng tôi không quên nhắc đến quán cà phê trong cùng một cảm tình như khi nhắc đến thư viện, thiền viện, phòng văn mỹ nghệ, trung tâm sinh hoạt sinh viên, trung tâm ngôn ngữ, giảng đường 18, giảng đường 19. Trên những chiếc ghế vuông nhỏ nhoi đó, những sinh viên Vạn Hạnh, từ những nhạc sĩ, nhà thơ, nhà văn, những cây vọt bóng bàn nổi tiếng, cho đến những người ngày đó không ai biết như tôi, đã ngồi, đã đứng dậy và ra đi theo chọn lựa riêng của mình. Dù góc biển chân trời, và ngay cả dù không cùng một chí hướng, trong lòng vẫn còn một chút tình giữ lại cho nhau, tình Vạn Hạnh.

Ngày Tết Dương Lịch ở Atlanta, tôi thay mặt bạn bè, thắp nén hương trước bàn thờ hương linh Vú và thưa nhỏ “Con đến thăm Vú.”

Tôi thật xúc động, không phải vì đau buồn mà vì nghe từ đáy lòng mình đang dâng lên một niềm vui rất lạ. Cả gia đình với rất đông con cháu của Vú cũng thế. Chúng tôi kể nhau nghe nhiều chuyện vui như có Vú đang ngồi đầu đó trong phòng, lắng nghe và mỉm cười.

Vú đã ra đi. Vâng, một ngày nào đó tôi cũng thế, nhưng sợi dây nhân duyên không vì chuyện sống chết mà đứt đoạn. Sợi dây tình người đã và đang nối dài từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho quê hương và cho dân tộc Việt Nam.

Tôi có ý định ra thăm mộ Vú nhưng hôm đám giỗ Vú trời mưa quá lớn. Nhìn những hạt mưa rơi trên đường về lại hội trường, tôi chợt nghĩ, những giọt nước kia phải chăng đã một lần nhỏ xuống tấm ny-lông che quán cà phê nghèo nàn của Vú ở đầu hẻm 220 Trương Minh Giảng, đã hòa vào dòng kinh đen Nhiều Lộc, đã trôi xa, bốc thành mây và cuối cùng đã tìm được ra nhau giữa xứ người

xa lạ trong buổi hạnh ngộ đầu năm. Và tôi chợt nhớ tha thiết một quán cà phê khác, trong một thành phố khác.

Nhớ Café Bà Vú ở Đại Học Vạn Hạnh

*Cuốn vở xích-lô dày đúng 100 trang
Ghi ngang dọc mấy trăm tên con nợ
Có con nợ đã bỏ đi
Có con nợ còn ở lại
Có con nợ vừa trả xong
Có con nợ... cười trừ.*

*Cuốn Sổ Đoạn Trường trông cũng dễ thương
Nhưng có khối kẻ chưa nhìn đã sợ
Thầm ước: “Tối nay trời mưa trôi giùm ông con số nợ
để sáng mai ông hiền ngang làm lại cuộc đời.”*

*Những chiếc ghế thấp, bàn vuông, chen lẫn nhau ngồi
Trung bình một tách Café, 4 bình trà nóng
Vú vẫn vui như người mẹ hiền kiên nhẫn
Gắng gượng nhìn đàn con (nợ) ký sổ mỗi ngày.*

*Những con nợ nghèo nhưng thích sống trên mây
Nợ Vú trả chưa xong đã bàn nợ nước
Chưa ra khỏi nhà đã tả cảnh núi rừng xuôi ngược
Vá túi chưa xong nhưng toan tính chuyện vá trời.*

*Tương lai cụt dần như con hẻm 220
Quá khứ đen như con kinh Nhiêu Lộc bốc mùi hôi quanh năm
suốt tháng
Chiều mưa lớn nước ngập chân cầu Trường Minh Giảng*

Hai tấm ny-lông không đủ che quán Vú nghèo nàn.

Những đứa con (nợ) của Vú ngày nào

Lần lượt đi xa

Đứa xuống phố làm quan

Đứa lên rừng làm giặc

Đứa làm báo, làm văn, làm nhạc, làm thơ, làm tiền, làm luật

Đứa thích đấu tranh nên được làm tù

Buồn cuộc đời cũng có đứa đi tu.

Đôi lúc tình cờ như những chiếc lá thu

Dẫm con (nợ) trở về thăm

Ngõ hẻm còn đây

Quán Café đã vắng

Nước vẫn chảy qua cầu Trương Minh Giảng

Mà Vú già xưa như mây trắng phương nào.

Những con nợ nghèo giờ biết ra sao

Có còn nhớ một thời áo cơm lặn đận

Nhớ Thiên Viện, Thư Viện, Giảng Đường, người yêu, bè bạn

Nhớ người đi và nhớ kẻ không về

Tiếng nhạc buồn, ai hát để ai nghe?

Cuốn vở xích-lô dày đúng 100 trang

Cho con trả Vú hết cả lời lẩn trốn

Vú mỉm cười: “Nơi Vú ở không bạc tiền vẫn sống”

Nén hương lòng, con xin trả Vú bằng thơ.

THÌ THÂM VỚI MÙA THU

Bên nhà trời đã sang đông nhưng ở đây vẫn còn là mùa thu. Mùa thu năm nay đến chậm và ra đi cũng chậm. Tháng mười một rồi, hôm qua ngay cả một cơn tuyết nhẹ đến thăm nhưng lá vẫn chưa rơi hết. Nhiều hàng cây vẫn còn choàng trên thân chiếc áo màu vàng. Chung quanh nhà đâu cũng lá và lá. Mùa thu New England, tuy không có “gốc sim già đỏ” nhưng vẫn nghe đâu đây như có tiếng “thu hát cho người.”

Những buổi sáng trời không mưa, như sáng hôm nay, tôi ngồi nghe tiếng chổi vọng qua từ ngôi chùa nhỏ bên kia đường. Các thầy trong thiền viện dậy rất sớm. Thay vì dùng chiếc máy thổi lá như nhiều người ở xứ này, các thầy vẫn quét lá bằng chổi như những ngày còn ở Việt Nam. Thật lạ, giữa thị trấn sầm uất của phía nam thành phố Boston lại có một khoảng đất nhỏ mang trọn vẹn một khung cảnh, một nếp sống Việt Nam. Thiền viện với mái ngói cong, với tiếng chuông ngân dài hòa trong tiếng lá rơi xào xạc buổi sáng cuối thu. Êm dịu. Một không khí êm dịu khó có thể tìm đâu trong thành phố kỹ nghệ này.

Gia đình tôi dọn về thị trấn phía nam này đã 8 năm rồi. Không

bao lâu sau khi ổn định chỗ ở, ngày nọ nhìn ra đường, một thầy còn khá trẻ đang đứng ngắm căn nhà đang treo bảng bán. Vợ tôi nhìn tôi “Anh đến đâu là có chùa theo đó.”

Thật vậy, vài tháng sau, căn nhà của người láng giềng bên kia đường trở thành ngôi thiền viện. Thiền viện Bồ Đề như tên chùa được khắc vào viên đá trước cổng ra vào. Ngoại trừ những ngày lễ lớn ghé qua thăm và chúc sức khỏe các thầy, tôi ít khi đến chùa và cũng không nhớ hết pháp hiệu các thầy. Một phần vì bận rộn với đời sống và phần khác cũng không cảm thấy cần thiết. “Trong núi không có Phật” như thiền tổ Trúc Lâm đã dạy, thì trong chùa cũng chưa hẳn có Phật. Đến để tìm gì? Tôi niệm Phật và nghĩ đến những lời dạy của ngài ở bất cứ nơi đâu dù khi ngồi nhìn những đám mây bay bên kia cửa sổ phi cơ, những đêm thao thức và ngay cả những chiều kẹt trên xa lộ.

Công việc làm buộc tôi thường dậy sớm, như sáng nay. Pha một tách cà-phê và ngồi nghe tiếng lá thu rơi, tiếng chổi của các thầy nhẹ vang. Một âm thanh quen thuộc vọng về. Kỷ niệm. Vâng, cũng ngôi chùa nhỏ, cũng quét lá trong sân chùa như thế. Mới đó mà đã 40 năm rồi. Bốn mươi năm mà như mới hôm qua. Cậu bé trong tâm hồn tôi cũng chẳng lớn hơn chút nào từ những mùa thu cũ.

Ngày đó, năm giờ sáng, khi phần đông người trong chùa còn ngủ, cậu bé thức dậy bắt đầu công việc mỗi ngày của mình. Cậu bé phải quét lá sớm để bảy giờ thì đi bộ đến trường. Sân chùa rộng, nhiều khi vừa quét xong nhìn lại phía đầu sân bên kia, lá rơi đầy như trước, lại phải quét thêm lần nữa, nếu không thầy trụ trì thức dậy sẽ trách vì nghĩ là cậu bé chưa quét.

Mỗi buổi sáng tôi một mình ôm chổi

Quét lá vàng như quét nỗi cô đơn

Lá vẫn rụng khi mỗi mùa thu tới

Như đời tôi tiếp nối chuyện đau buồn.

Nhiều buổi sáng khi quét lá xong, trời còn sớm cậu bé ngồi trên bệ đá trước giảng đường học bài. Nhìn những chiếc lá đang nhẹ nhàng rơi xuống, cậu bé nghĩ về mình và những đứa bé cùng cảnh ngộ. Số phận của chúng cũng mang nỗi cô đơn sâu thẳm và mong manh như chiếc lá đang rơi.

Thế hệ của cậu bé ngày đó là thế hệ của những chiếc lá bị cuốn đi trong mùa bão lửa. Lá rơi trên đường phố Đà Nẵng. Lá rơi dọc bến xe đò Hùng Vương. Lá rơi vào những hố rác hôi thối ở Hòa Cầm. Lá rơi bên ngoài các căn cứ lính Mỹ. Mỗi sáng, bên ngoài các hăng kem, hàng trăm chiếc lá tuổi mười hai, mười ba sắp hàng chờ nhận kem đi bán. “Trường học,” “mái ấm gia đình,” “tình thương cha mẹ,” “một bữa cơm ngon,” hình như lâu lắm rồi không ai nhắc với chúng những chữ gần như xa lạ đó nữa. Cuộc hành trình chúng đi không có bóng mát. Những bàn chân nhỏ nhoi trên con đường Việt Nam đầy hố đạn. Cảm ơn Đức Phật và những lời dạy của ngài. Tình thương, bao dung và tha thứ như những giọt nước mát rớt vào tâm hồn cháy bỏng hờn căm của cậu. Nếu không có tiếng chuông chùa, không có lời kinh khuya ru tuổi thơ nhiều mất mát, cuộc đời cậu, như hàng triệu chiếc lá chiến tranh khác đang lang thang khắp ba miền đất nước sẽ về đâu?

Năm năm sau, cậu bé đã trở thành một thanh niên 18 tuổi, lạy Phật ra đi vào một buổi chiều. Hôm đó trời đã vào thu. Lá chưa rơi nhiều như sáng hôm nay nhưng tiếng xào xạc hòa trong gió lớn hơn. Hai cây đa già cùng tấu lên khúc nhạc tiễn đưa cậu bé. Tạm biệt chiếc đại hồng chung và những tiếng ngân dài, tạm biệt chiếc giường gỗ và bầy rệp đỏ, tạm biệt chiếc mùng ngăn muỗi nhiều chỗ vá. Không giọt nước mắt nào nhỏ xuống trong giờ chia tay người đi kẻ ở; không, cậu tự tay mở cánh sắt nhỏ ngăn hai thế giới, và ra đi âm thầm như ngày mới đến chùa:

Chùa thanh tịnh chẳng dung hồn lũ thú

*Một chiều thu tôi lay Phật ra đi
Bỏ lại tiếng chuông chùa vang khuya sớm
Cây đa già đứng lặng khóc chia ly.*

Sáng nay ngồi nhớ lại mình và những đứa bé bất hạnh thời chiến tranh. Tự hỏi, những chiếc lá vàng trên hè phố Đà Nẵng, trên bến xe đò Nam Lộc, trong hố rác Hòa Cầm ngày xưa đã bay về đâu. Thời gian âm thầm trôi như dòng sông bất tận. Bỗng dưng thấy thương mình hơn bao giờ. Bỗng dưng thèm được về bên sân chùa cũ ngồi dưới ánh trăng thu để lắng nghe tiếng lá ru như tiếng mẹ vỗ về. Bỗng dưng thèm được hát, bài hát của một thời hoa niên đầy nước mắt. Nhưng không, tuổi thơ sẽ không bao giờ trở lại như những chiếc lá chiến tranh ngày xưa nay đã già, đã rơi tan tác ở một nơi nào đó trên quê hương hay đang thì thầm với mùa thu ở một góc phía nam của thành phố Boston xa lạ.

Dù bay bao xa, một ngày, chiếc lá cũng sẽ trở về, để được hôn lên mảnh đất đầy oan nghiệt, nơi giữ gìn xương thịt của mẹ cha, và cũng để lần cuối cùng viết nốt những bài thơ dang dở.

Cây Đa Chùa Viên Giác

*Tôi chưa kịp trở về thăm Viên Giác
Mười hai năm bèo giạt bến sông đời
Cây đa cũ chắc đã già hơn trước
Biết có còn rụng lá xuống sân tôi*

*Đời lưu lạc tôi đi hoài không nghỉ
Để niềm đau chảy suốt những mùa thu
Thời thơ ấu cây đa già tri kỷ
Vẫn còn đây trong ký ức xa mù*

Tôi khổ cực từ khi cha mất sớm
Nên bà con, thân thuộc cũng xa dần
Khi tôi khóc, đa đau từng cuống lá
Khi tôi cười, xào xạc tiếng quen thân

Đa làm mẹ vỗ về tôi giấc ngủ
Đa làm cha che mát những trưa hè
Đa làm bạn quây quần khi rảnh rỗi
Đa làm người chơn thật chẳng khen chê

Mỗi buổi sáng tôi một mình ôm chổi
Quét lá vàng như quét nỗi cô đơn
Lá vẫn rụng khi mỗi mùa thu tới
Như đời tôi tiếp nối chuyện đau buồn

Chùa thanh tịnh chẳng dung hồn lữ thứ
Một chiều thu tôi lạy Phật ra đi
Bỏ lại tiếng chuông chùa vang khuya sớm
Cây đa già đứng lặng khóc chia ly

Đường tôi qua đã không còn bóng mát
Ngày nhọc nhằn mưa lũ xuống đêm khuya
Đa ở lại âm thầm ru khúc hát
Ngậm ngùi buông theo mỗi tiếng chuông chiều

Đa thân mến dấu có vàng thương nhớ
Cũng xin đừng gục xuống dưới sân tôi
Xin cố đứng để chờ nghe tôi kể
Chuyện trăm luân của một kiếp con người

Tôi sẽ đến ngôi chùa xưa Viên Giác

*Nhặt mảnh đời rơi rớt ở đâu đây
Ôi thằng bé nghèo nàh xưa đã lớn
Đi làm người du thực ở phương tây*

*Tôi viết nốt những bài thơ dang dở
Vá tình người rách nát thuở hoa niên
Đa sẽ hát bài đồng dao muôn thuở
Nhạc thu buồn nước mắt chảy trong đêm.*

TÌNH BẠN

Hồ nước sau nhà anh chị Đoàn Đông - Lộc Tường ở Weymouth có một bầy vịt. Chúng không phải do anh chị mua về nuôi từ tấm bé mà chỉ vì anh chị săn sóc nên chúng ở lại. Mỗi lần qua thăm tôi thường ngồi trên chiếc ghế bên hồ và ngắm cảnh đàn vịt quẩn quít bên nhau. Khung cảnh hòa bình, đầy thi vị và thiên vị ở đây dường như ảnh hưởng đến cung cách của bầy vịt. Khi anh Đông mang thức ăn ra rải, bầy vịt từ tốn bơi đến ăn, nhường nhịn nhau, không giành giật tung nước vào người du khách như đám vịt ở Boston Common.

Trong bầy vịt đông đúc lại có một chú ngỗng trắng đến định cư. Không phân biệt chủng loại và màu lông, chúng quanh quẩn bên nhau trong một góc hồ. Chị Lộc Tường rất thương chúng. Chị bảo nhà hàng xóm có một đàn ngỗng gồm một ngỗng mẹ và bốn ngỗng con. Mẹ và chị cả chết trong mùa đông năm ngoái. Ba anh chị em ngỗng sang tá túc nơi bờ hồ nhà chị và làm bạn với đàn vịt ở đây. Hôm trước, hai trong số ba con ngỗng tập bay, và một buổi sáng, chúng bay đi mất, để lại chú ngỗng út lẻ loi. Mỗi lần cho vịt và ngỗng ăn, anh chị lại nghĩ đến hai chú ngỗng đã bay đi xa. Mùa

đông New England khắc nghiệt. Theo dự báo thời tiết, năm nay trời sẽ lạnh hơn năm ngoái nhiều, biết chúng có sống sót được hay lại chết như mẹ và chị của chúng. Chị cầu dù ở nơi nào, mong cho chúng được bình an sau trận bão Sandy vừa rồi và những cơn bão tuyết sắp sửa qua đây.

Nhìn bầy vịt và ngỗng từ bốn phương trời mây nước gặp nhau, tôi chợt nghĩ đến tình bạn, thật thiêng liêng và cần thiết, về cả vật chất lẫn tinh thần. Nếu chẳng may một con bơi lạc sang một góc nào đó trong hồ nước rộng này, con đó sẽ chết vì cô đơn và đói khát.

Giống như chú ngỗng sống giữa bầy vịt đen, ở Boston, tôi cũng có người bạn da đen thân thiết. Nếu không có cậu ấy, những ngày tháng đầu của tôi ở Boston, vốn khó khăn chắc đã khó khăn hơn.

Ngày mới đến Boston, bác Tôn Thất Ân và anh Hà Tân, những người làm việc cho International Institute of Boston, mỗi tuần mấy bận dắt tôi đi tìm việc làm. Tôi cần một việc làm bán thời gian để có ít tiền lo lắng cho gia đình bên nhà và đi học. Không nơi nào nhận tôi. Lau nhà rửa chén cũng không được. Lý do như anh Hà Tân bảo, có thể vì tôi ốm yếu quá, những người phỏng vấn nhìn vóc dáng trói gà không chặt của tôi, không tin tưởng tôi sẽ hoàn thành nhiệm vụ.

Mãi cho đến cả năm sau, tôi mới tìm được một việc làm bán thời gian ở trong nhà bếp của bệnh viện New England Deaconess ở Brookline. Thời gian đó, tôi học ở Boston University, rất gần với bệnh viện New England Deaconess. Mỗi chiều học xong tôi đón xe bus qua đó làm cho đến mười giờ tối. Trong nhà bếp của bệnh viện, ngoài trừ ông quản trị viên và những đầu bếp chính là người da trắng, còn lại đều da đen và một mình tôi gốc da vàng. Sau sáu giờ chiều, các đầu bếp và cả ông quản trị viên đều ra về, nhà bếp toàn là thợ da đen do một anh trưởng nhóm, cũng là da đen, quản lý.

Công việc của tôi là mang thức ăn đến cho bệnh nhân, chờ họ ăn xong, mang về và đưa vào máy rửa. Mỗi chiều tôi phải xếp các khay thức ăn vào một chiếc xe kín và đẩy đến từng phòng bệnh nhân. Công việc này đối với người khác chắc nhẹ nhàng nhưng với tôi lại rất nặng nề.

Tôi không biết bây giờ có cải tiến chưa nhưng thời đó những xe chứa thức ăn bệnh nhân được làm bằng sắt, bọc kín bằng những lớp kim khí dày. Bệnh viện New England Deaconess lúc đó đang được xây cất rộng thêm nên các khu chuyên khoa tạm thời nối với nhau qua những lối đi dài và hẹp. Đoạn đường từ khu bệnh viện chính sang Joslin Diabetes Center dài gần nửa dặm và phải qua nhiều dốc cao. Tôi không đẩy nổi chiếc xe thức ăn lên dốc. Mỗi khi đến chỗ dốc, tôi phải đứng chờ một người đàn ông nào đó đi qua và nhờ họ phụ. Việc giữ cho chiếc xe chất đầy thức ăn xuống dốc an toàn cũng là chuyện gian nan. Rất nhiều khi xe chêngh vênh gần như muốn ngã. Khi tôi sắp sửa đầu hàng, nghỉ việc để đi tìm việc khác thì Sean đến với tôi.

Sean là một thanh niên da đen ở Roxbury, cách Boston chừng vài dặm về phía tây. Công việc chính của cậu ấy là chạy máy rửa chén. Cậu làm ở nhà bếp bệnh viện New England Deaconess trước tôi xa. Trong giờ giải lao, tôi không quen ai nên ngồi một mình trong góc nhà bếp, có khi làm bài và có khi đọc sách mượn của thư viện Boston. Có thể vì thấy tội nghiệp cho chú da vàng lẻ loi trong tuyệt đại đa số da đen làm trong nhà bếp nên Sean đến bắt chuyện. Sean mang đến nhiều thức ăn và cùng ăn tối với tôi. Cậu hỏi tôi về chuyện học hành và có vẻ thán phục khi biết tôi học đang học đại học mà lại học ngành điện toán rất khó. Những năm đầu thập niên 1980, học điện toán, một ngành còn rất mới, là một thử thách lớn lao, không phải chỉ cho người Việt mà bất cứ người gốc xứ nào. Những ngôn ngữ điện toán Pascal, Fortran hoàn toàn xa lạ đối với

sinh viên. Tôi học điện toán thay vì kinh tế như khi còn ở Việt Nam đơn giản chỉ vì, theo người ta nói, ngành điện toán dễ kiếm việc làm. Sean không đi học. Cậu làm toàn thời gian ở bệnh viện này. Trước ngày tính nghỉ việc, tôi thất vọng vì Sean. Tôi rất cần tiền nhưng chưa biết sẽ tìm việc nơi đâu. Tôi đang đứng trước một ngọn núi khác của đời mình và giống như nhiều lần trước, tôi phải tìm cách vượt qua.

Sean bảo đừng nghĩ, việc khó khăn của tôi là chuyện nhỏ, cậu sẽ giải quyết. Từ đó, chiều nào tôi đi làm cũng có Sean. Làm cho bệnh viện với công việc đem cơm cho bệnh nhân không có ngày nghỉ lễ. Những người làm việc vài giờ mỗi ngày như tôi không có quyền chọn lựa. Dù lễ Tạ Ơn hay Giáng Sinh, Sean cũng sắp xếp thời khóa biểu làm việc của cậu thích hợp với giờ giấc của tôi. Khi tôi đẩy xe đến dock, Sean đã ngồi đó nghe nhạc và chờ tôi rồi. Một mình cậu đẩy xe qua dock và trở lại làm việc. Cậu không chê tôi yếu đuối. Khi hết việc, cậu qua phụ với tôi đem thức ăn đến từng phòng. Cậu có chiếc cassette cỡ trung bình. Giờ giải lao, cậu mang ra nghe nhạc Rap và cùng ăn tối với tôi. Sean mở nhạc rất lớn. Tiếng Mỹ của tôi ngày đó chỉ đủ để làm bài, chứ nghe và hiểu nhạc Rap là chuyện còn xa. Tuy nhiên, nghe riết cũng quen tai, không lấy làm khó chịu như những ngày đầu. Vì làm trong nhà bếp nên chúng tôi được ăn tối miễn phí, nhưng là những món ăn nhạt nhẽo dành cho người bệnh. Từ khi chơi với Sean, bữa ăn nào cũng thịnh soạn vì cậu lục lọi khắp nơi để tìm thức ăn. Có khi cậu còn tự mở lò xào nấu món ăn tự nhiên như ở nhà. Tôi không bao giờ dám làm chuyện đó. Sean không ăn một mình. Có món gì ngon cậu cũng chia sẻ với tôi.

Chúng tôi không biết gì nhiều về nhau. Sean rất ít nói về mình và có vẻ cũng không muốn được hỏi về đời sống riêng tư của cậu. Khi tôi tò mò hỏi tới một chuyện gì, Sean thường cười và bảo tôi điều

tra giống như cảnh sát. Sean rất ghét cảnh sát. Cậu dặn tôi, ngoại trừ biết chắc mình vi phạm, đừng bao giờ đưa bằng lái xe cho cảnh sát coi mà hãy nói để quên ở nhà. Tôi cũng không kể lể gì với Sean ngoài việc tôi là người tỵ nạn, đang đi học và cần tiền để sống cho đến ngày ra trường. Tình bạn của chúng tôi là tình người, không có quan hệ nào khác. Sean không bao giờ rủ tôi làm chuyện gì hay đi đâu xa ngoài khuôn viên bệnh viện. Giờ nghỉ, tôi chỉ ngồi và nghe cậu nhái theo giọng anh chàng ca sĩ nhạc Rap trong chiếc cassette cũ kỹ.

Một người đầu bếp da trắng thấy tôi gần gũi với Sean, kêu tôi ra dặn dò phải thận trọng, đừng chơi quá thân với những thanh niên da đen và nhất là đừng cho chúng mượn tiền. Ông già đầu bếp da trắng có ý tốt với tôi. Ông thấy tôi, một thanh niên da vàng duy nhất trong nhà bếp nên lo nhắc tôi để khỏi bị dụ dỗ làm những chuyện phạm pháp. Tôi cảm ơn lời khuyên của ông nhưng vẫn tiếp tục làm bạn với Sean, không phải chỉ vì tôi cần người đẩy xe mà cần một tình bạn chân thật để lấp vào khoảng trống tình cảm mệnh mông của đời người tỵ nạn.

Một ngày nọ, Sean hỏi mượn tôi năm đô-la để mua pin cho chiếc máy cassette của cậu. Tôi chợt nhớ tới lời ông già đầu bếp dặn dò nhưng vẫn rút bóp đưa cho cậu năm đô la. Số tiền quá nhỏ. Đừng nói chi năm đô-la mà năm chục đô-la tôi cũng đưa cho Sean và không thắc mắc gì. Hai đứa tôi đi bộ ra tiệm mua mấy viên pin và ngồi bên ghế dài trước bệnh viện New England Deaconess tiếp tục nghe nhạc Rap.

Thời gian ngắn sau đó, tôi không nhớ chắc là ngày nào, Sean chia tay tôi. Cậu bảo vừa tìm ra công việc tốt hơn nên nghỉ làm ở bệnh viện New England Deaconess. Cậu xin lỗi không thể giúp tôi tiếp tục đẩy xe nhưng đã nhờ một người bạn gốc Haiti giúp khi tôi cần. Đêm cuối của Sean ở bệnh viện, chúng tôi đi bộ ra đường và bắt tay

từ già nhau. Chúng tôi khác màu da, sắc tộc, văn hóa và cũng chẳng biết gì về nơi ăn chỗ ở, việc gặp lại nhau là điều rất khó. Nhìn bóng Sean mất hút cuối đường Brookline, tự nhiên tôi cảm thấy buồn. Tôi không buồn vì thiếu người đẩy xe nhưng vì vừa xa một người bạn. Người đầu bếp da trắng hỏi tôi Sean có thiếu nợ tôi không, tôi trả lời là không. Ông đầu bếp không tin Sean tìm được việc tốt mà là phải bỏ trốn Boston vì lý do phạm pháp. Tôi hỏi tại sao ông biết, ông già bảo, đó là chuyện thường xảy ra. Tôi không có đủ lý lẽ để phản bác nhưng không tin Sean bỏ trốn Boston.

Khoảng hai tuần sau, trong khi tôi đang ngồi một mình trong giờ nghỉ giải lao ở nhà bếp, Sean trở lại. Chúng tôi mừng rỡ bắt tay nhau và hỏi han công việc. Sean thắc mắc người bạn Haiti của cậu có giúp tôi không. Tôi trả lời là có. Tôi hỏi hợp hỏi Sean tính trở lại bệnh viện làm hay sao, Sean bảo không, cậu chỉ trở lại để trả tôi năm đô-la cậu mượn hai tháng trước. Dĩ nhiên tôi còn nhớ nhưng không quan tâm. Sean dúm vào tay tôi tờ bạc năm đô-la. Để cậu không còn lo lắng chuyện nợ nần, tôi cầm lấy. Sean thú nhận ngày nghỉ việc cậu không có tiền nhưng không biết nói sao để khất nợ. Chúng tôi cùng cười. Sau đó Sean đi. Tôi bắt tay từ già nhưng không tiễn cậu ra đường như lần trước. Từ đó đến nay, mấy chục năm chúng tôi chưa gặp lại nhau. Khu Sean ở là khu băng đảng và gần như mỗi tuần đều có những vụ bắn giết xảy ra. Tôi thường để ý tên người bị giết, bị bắt, và bị tù nhưng không có tên Sean hay hình ảnh một người nào đó giống Sean trên mặt báo. Tôi biết mình chỉ lo xa mà thôi vì trong đáy lòng tôi, Sean, ngoại trừ một phút giây lâm lữ, khó có thể lâm vào con đường bắn giết hay tù đầy vì bản chất của cậu là người rất thiện.

Tôi không tin có màu da tốt và màu da xấu mà chỉ có con người tốt và con người xấu. Điều kiện kinh tế, môi trường xã hội và cơ hội giáo dục đã làm con người lớn lên theo nhiều ngã khác nhau.

Nếu Thống đốc Deval Patrick của tiểu bang Massachusetts này không may mắn được học bổng của Milton Academy để thoát ra khỏi vùng Nam Chicago đầy tội ác vào năm lớp tám mà tiếp tục lớn lên ở đó thì ngày nay chưa chắc đã có một thống đốc da đen đầu tiên của nước Mỹ, và có thể đã bị bắn, bị tù vì phạm pháp như hàng ngàn thanh thiếu niên da đen khác vùng Nam Chicago. Một người có tâm hồn đẹp và lòng nhân ái rộng như Sean, nếu có cơ hội học hành, thoát ra khỏi môi trường Roxbury sớm biết đâu đã gặp nhiều thành công lớn trong xã hội.

Khi nghĩ đến người thân thiết, chúng ta thường nghĩ đến những người đã gắn bó với mình một phần đời không thể nào quên, những tri kỷ, những người bạn thuở hai mươi với tâm hồn cháy bỏng hay những người đã từng sống chết có nhau nhưng thường không để ý đến những người đã đến và đi trong khoảnh khắc. Không phải những người chúng ta quen mười năm, hai mươi năm mới gọi là bạn và những người sống với nhau chỉ một hay hai ngày không là bạn.

Dòng đời như sợi tơ dài, những người bạn đã đến và đi nhiều khi không để lại một dấu tích gì nhưng thiếu họ sợi tơ có thể đã đứt đi một quãng. Họ là những chiếc gút nối lại những hoàn cảnh khó khăn, chiếc cầu bắc qua những chặng thẳng trầm, và chúng ta phải luôn tri ân họ như cảnh hoa biết cảm ơn những giọt sương mai nhỏ xuống cuộc đời mình.

TÌNH NGƯỜI NHƯ MÙA XUÂN

Tôi đến Houston nhiều lần. Giới thiệu sách. Đọc thơ. Tâm tình với các bạn trẻ. Và lần sau cùng, năm năm trước, cũng để giới thiệu sách và đọc thơ. Thời gian như bóng mây ngoài khung cửa phi cơ mỗi lúc một xa nhưng Houston vẫn là thành phố tôi đã mang theo và cũng để lại nhiều kỷ niệm. Đồng hương và bạn bè tôi ở đó đông đến nỗi trang giấy này không viết hết tên của họ. Ở Houston, tôi có những người bạn của thời kỳ Internet vừa mới hình thành trong cộng đồng người Việt vào khoảng 1987 và cũng có những độc giả thật là thân dù chưa hề gặp mặt.

Một lần tôi từ Houston về lại Boston trong cơn bão tuyết. Tuyết rơi lớn đến độ phi đạo không an toàn để phi cơ hạ cánh. Phi cơ bay thấp. Tôi có thể nghe tiếng tuyết đập vào thân máy bay xào xạc như có thể làm chiếc hộp kim loại mong manh kia vỡ nát bất cứ lúc nào. Phi cơ vẫn vũ trên không phận Boston cho đến khi gần hết xăng phải bay ngược lại phi trường Providence, cách Boston 45 dặm. Tuyết ở Providence cũng rất dày tuy không bằng Boston. Trạm kiểm soát không lưu không có chọn lựa nào khác nên phải cho phi cơ hạ xuống trong tình trạng vô cùng nguy hiểm. Tiếng cọ xát của đôi cánh máy bay cắt xuyên qua lớp tuyết dày như tiếng lùa

xé. Tôi đoán thầm, tất cả hành khách chắc đang thể thốt sẽ không bao giờ đi máy bay lần nào nữa. Sau khi hạ xuống xong, phi cơ đậu ngay cuối phi đạo vì không đủ sức để lăn vào cửa. Hành khách phải bước xuống và lội lên 20 phân tây tuyết để vào hành lang phi trường.

Nhưng đó cũng là lúc cảnh hoa tình người nở rộ. Các bạn trẻ diu các cụ già, những người còn khỏe giúp bế các em nhỏ, tay xách, vai mang vào bên trong phi trường. Đoạn đường ngắn nhưng gần cả giờ mới vượt qua được. Chúng tôi chen chúc nhau trong hành lang chật hẹp của một phòng chờ. Ngày đó cell phone còn rất hiếm. Trong hơn trăm người chỉ có vài chiếc. Tôi có một cái Nextel nặng nề do hãng cấp nhưng dây điện thì lại gỏi theo hành lý. Tôi chia cho những người chung quanh để họ gọi về nhà. Mỗi người chỉ được phép nói một câu.

Sang ngày hôm sau, chúng tôi cùng lên chiếc xe bus do hãng máy bay cung cấp để về Boston. Những người trẻ đều phải đứng, chỗ ngồi dành cho các cụ già, phụ nữ và các cháu nhỏ. Đoạn đường 45 dặm là đoạn đường gian khổ. Khi xe chạy vài trăm thước chúng tôi phải xuống đào tuyết bằng tất cả những gì mình có. Lại chia nhau từng khúc bánh mì, từng ly nước ngọt, những lời an ủi, khuyến khích. Không ai thở than, trách móc. Tất cả đều sống như một gia đình trong cơn hoạn nạn.

Đến chiều tối chúng tôi mới về đến Boston. Khi chia tay nhau ở hành lang phi trường Logan, bà cụ ngồi gần chỗ tôi chột đứng lên, nói lớn như để mọi người cùng nghe: *“Cuộc đời thật là kỳ lạ, những người sống với nhau một ngày trọn vẹn, gần gũi, đáng nhớ như thế này mà suốt đời còn lại có thể sẽ không bao giờ gặp nhau lần nữa.”*

Nhiều người trước đây cũng đã nói những câu tương tự như cụ. Nhưng khác với các triết gia chứng nghiệm lý lẽ của kiếp nhân sinh bằng sự suy niệm, câu nói của bà cụ là kết luận sau một ngày thật

trộn vụn vui buồn chúng tôi đã sống với nhau. Câu nói của cụ nhắc nhở về đặc tính mong manh của kiếp người, nhưng đồng thời từ trong cái mong manh, lo âu, sợ hãi đó, giá trị đích thực của tình người được thể hiện. Sống chết là định luật hiển nhiên nhưng không phải ai cũng dễ dàng chấp nhận. Nhiều người sống tưởng như mình sẽ không bao giờ chết.

Với tôi, câu nói của cụ như được trích ra từ sổ phận gắn liền với cuộc đời mình. Biết bao khoảnh khắc quý giá trong đời tôi đã sống qua và có thể sẽ không bao giờ được sống qua lần nữa. Nhiều khi ngồi một mình hình dung lại những kỷ niệm. Từ tuổi thơ cho đến lúc trưởng thành. Những chuyến xe. Những sân ga. Dòng sông Thu Bồn. Mặt hồ trong buổi chiều cuối thu. Ly cà-phê đen. Bài hát cũ. Tất cả vẫn còn đó nhưng đã rất xa xôi. Còn lại quanh đây là những câu hỏi tại sao nhưng không có câu trả lời.

Tôi đi qua cuộc đời này như chiếc lá.

Nhà văn Lương Thu Trung, hiện đang cư ngụ tại Houston, khi còn ở Boston, có lần thắc mắc tại sao tôi thường viết về những chiếc lá. Một ngày rảnh rỗi anh ngồi đọc tập “Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười”; sau đó viết một tùy bút *Người tiểu phu và những chiếc lá vàng* với những câu rất đẹp: “*Đất trời rồi sẽ chuyển sang mùa theo sự vận hành của vũ trụ. Những chiếc lá vàng rồi sẽ rơi rụng, bay đi, bỏ lại bên trời những cành, những nhánh khẳng khiu, buồn thảm đến ngậm ngùi... Trong dòng đời, với biết bao lần ngập lặn, chìm đắm trong bể khổ trầm luân, giông tố, bão bùng... Rồi bức tranh vãn cảnh cũng phải tan đi, để trả lại trần gian này một chút nắng ấm mặt trời, để trả lại cho con người một cõi an nhiên, thanh tịnh. Cao đẹp biết bao khi có những con người hy sinh đời mình, tự nguyện làm một người tiểu phu với tấm lòng từ bi đi khắp bốn phương tám hướng, gom góp từ nhánh củi, cọng rơm, ngọn cỏ đến những chiếc lá vàng khô để đốt lửa soi đường, sưởi ấm nhân sinh!*”

Hạnh phúc thay được làm một nhà thơ! Hạnh phúc thay được làm một người tiểu phu với tấm lòng từ bi đi góp nhặt những chiếc lá vàng!”

*Con đi góp lá nghìn phương lại
Đốt lửa cho đời tan khói sương”*

Anh gọi tôi đọc. Chính tôi cũng lấy làm ngạc nhiên mình dùng chữ lá nhiều đến thế. Có lẽ vì lá gần gũi tôi trong một khoảng đời niên thiếu khá dài.

*Đừng khóc mẹ ơi hãy ráng chờ
Ngậm ngùi con sẽ giấu trong thơ
Đau thương con viết vào trong lá
Hơi ấm con tìm trong giấc mơ*

Hay
*Ai về qua phố Hội An
Mua giùm tôi tấm lụa vàng Duy Xuyên
Tôi đi quét lá trăm miền
Mẹ ngồi dệt sợi ưu phiền quanh năm*

Hay
*Mỗi buổi sáng tôi một mình ôm chổi
Quét lá vàng như quét nỗi cô đơn
Lá vẫn rụng khi mỗi mùa thu tới
Như đời tôi tiếp nối chuyện đau buồn*

Hay
*Một chiếc lá vừa rơi trên năm mộ
Thu đã về rồi đó phải không em
Anh chợt thấy bàng hoàng trong tuổi đại*

Một tình thương tha thiết sẽ không quên.

Hay

*Em đừng hỏi ta mong về quê cũ
Chiếc lá khô còn nhớ cội thương cành
Ta chẳng lẽ bước chân đời lê mãi
Nơi quê người làm một kẻ lưu dân*

Hay

*Cho tôi nhặt chiếc lá vàng trước ngõ
Viết bài thơ tha thiết hiến dâng đời
Chút chân tình trang trải với muôn nơi
Rất nhỏ bé nhưng vô cùng sâu rộng*

Hay

*Mỗi chiếc lá như chuông nghe hơi thở
Mỗi cành cây như có một linh hồn
Ta sẽ về sống lại một lần thôi
Em sẽ khóc như chưa hề được khóc*

Hay

*Ai mang em trên đường đi vượt biển
Chẳng kịp về thăm góc phố năm xưa
Em bỏ đi như lá bỏ quên mùa
Như giọt nước quên tắm lòng biển cả.*

Và nhiều nữa.

Ngày xưa khi trọ học ở Viên Giác, tôi nhỏ nhất trong chùa nên được giao công việc quét lá. Anh Hùng gánh nước, anh Sáu tưới rau, chú Ngô đi chợ, còn tôi không làm được những chuyện đó nên

chỉ lo làm sạch sân chùa. Không ai có phòng ngủ riêng. Năm đầu tôi ở chung phòng với chú Điển, bây giờ là Hòa Thượng Thích Như Điển. Mấy năm sau tôi dọn sang ở với các đệ tử cùng lứa tuổi trong căn phòng sát dưới gốc đa. Các đệ tử rất vô tư. Nằm xuống là ngủ ngay. Đúng giờ thức dậy đi tụng kinh khuya. Tụng kinh xong lại đi ngủ tiếp. Các đệ tử hoạt động tự nhiên như những chiếc máy. Ít cười và ít nói. Tôi cũng cùng tuổi nhưng không như các đệ tử, đêm nào khi tới phiên mình đánh chuông xong, tôi thường nằm bên hiên chùa nghe tiếng lá reo. Nhất là mùa thu, tiếng lá rung như một điệu nhạc.

Ở chùa Viên Giác ngày đó có thầy Giải Nguyên. Thầy đi tu khi tuổi đã về già sau khi đã nếm đủ hương vị đắng cay, thăng trầm, vinh nhục của cuộc đời. Thầy là một trong những người giàu có ở Duy Xuyên bỗng dưng phát nguyện xuất gia. Năm đó thầy đã ngoài sáu chục tuổi. Những người già thường ít ngủ. Thầy cũng thế. Khi thấy tôi nằm trên bệ xi-măng trước chùa, thầy cũng đến ngồi gần. Thầy kể tôi nghe nhiều chuyện vui buồn trong đời thầy. Nhưng dù chuyện gì cũng chỉ để dẫn đến một lời khuyên dành cho tôi, đời là bể khổ và chỉ có đi tu là con đường giải thoát. Tôi không phản đối lý luận của thầy nhưng bạch với thầy tôi không muốn đi tu. Tôi chỉ là người trọ học và một ngày không xa tôi sẽ ra đi. Tương lai của tôi nằm phía bên kia cổng tam quan. Dường như tôi sinh ra là để đi xa. Đi theo chọn lựa và nhiều khi không có quyền chọn lựa.

Giống như bà cụ đã quên mình vừa trải qua một kinh nghiệm sống chết mà chỉ còn nhớ đến những kỷ niệm đẹp, tôi cũng thường nghĩ đến những hạnh phúc nhiều hơn là gian khổ khi nhìn lại quá khứ. Tôi nghĩ đến những người tôi đã mang ơn. Nhiều lắm. Từ những đứa bạn nhỏ chắt chiu những đồng tiền lẻ của cha mẹ cho để chia sẻ với tôi cho đến Mẹ Hòa Hưng, người đã nuôi tôi chín

năm thử thách nhất của đời mình.

Thời gian ở Viên Giác là một ví dụ. Đó là thời gian cực kỳ cô đơn về tinh thần và khắc khổ về vật chất. Mà thật vậy. Chùa rất nghèo. Không có ruộng đất như các chùa ở ngoại ô như Long Tuyền, Phước Lâm, Chúc Thánh. Nếu các bác có đi chợ cũng chỉ để mua sắm chút nấm, chút mì căng cho thấy, phần lớn chúng tôi ngày hai bữa sống nhờ vào thửa rau lang trồng trước sân chùa và những hũ chao do các bác bên Cẩm Nam mỗi tháng hai kỳ sang làm giúp. Các thầy, các chú lớn tuổi đi đám ma chay còn được cúng dường tiền bạc để chi dùng riêng tư, không ai cúng dường cho đứa bé như tôi. Đời tư của tôi không ai biết. Thấy chỉ hỏi một câu khi tôi đến và sau đó không hỏi nữa. Họa hoằn lắm mới có một người bà con từ trên quê xuống đi chùa, tình cờ nhận ra, vuốt tóc tôi vài cái, nói đôi lời an ủi rồi ra đi. Cô tôi biết nhưng chưa bao giờ có phương tiện để vào thăm tôi. Ngoài các nhân vật, các câu chuyện, các tình tiết trong những cuốn sách của thầy để trên lầu, tôi không có ai để tâm sự. Tôi cũng không buồn xen vào chuyện người khác dù có những chuyện tôi không đồng ý. Trong những phiên họp đại chúng, các thầy, các chú lớn tranh luận nhiều vấn đề nhưng tôi chỉ ngồi nghe mặc dù về nhận thức tôi đã lớn hơn nhiều trong số họ. Tôi chỉ là khách trọ, đến không ai hay và đi không ai tiễn. Ngoài trừ những chiếc lá rung như một điệu nhạc buồn trong một ngày đầu thu, gần năm năm sau, tôi “một mình làm cả cuộc phân ly.”

Nhưng những cực khổ đó đã trở thành phân bón cho những bông hoa tình người trong khu vườn mùa xuân của đời tôi nở rộ, để hôm nay khi nghĩ đến Viên Giác tôi cảm thấy thật êm đềm. Tiếng chuông chùa, lời kinh khuya đã nhẹ nhàng đi vào tuổi thơ tôi, đã chuyển hóa tâm hồn chất đầy oan nghiệt của tôi mà nhiều khi tôi không biết. Những người có cuộc đời nhiều chịu đựng thường phải biết vượt qua, đôi khi bằng cố gắng và đôi khi chỉ

bằng cách ngẩng đầu lên mà đi, khinh thường những chướng ngại. Tôi có cả hai. Bây giờ khi nóng tính, khi quá hăng say về một chuyện gì, dù đúng hay sai, tôi cũng biết dừng lại và biết lắng nghe, không khinh thường sự việc như ngày còn trẻ. Không có những ngày ở Viên Giác, khu vườn đời tôi sẽ buồn bã, khô khan, điêu tàn và trống vắng biết bao nhiêu.

Câu nói của bà cụ từ chuyến bay Houston, từ đó, có thể viết ngắn hơn, tình thương và tình người mới thật sự là mùa xuân vĩnh cửu của con người.

LỄ THỌ GIỚI CỦA MỘT TỬ TÙ

Giới thiệu: *Jarvis Jay Masters, người da đen, sinh năm 1962 tại Long Beach, California, trong gia đình 7 anh chị em, con của bà Cynthia. Bà Cynthia bị bệnh nghiện ma túy nên cả bảy người con của bà bị phân chia để sống trong các nhà tạm dưỡng thuộc chương trình an sinh xã hội của chính phủ. Khi đến tuổi 17, Jarvis là một thanh niên nóng tính, hung dữ. Dù chưa chính tay giết chết ai nhưng Jarvis đã từng dùng súng để hăm dọa và đánh cướp các nhà hàng và cửa tiệm. Năm 19 tuổi, 1981, Jarvis lại vào tù San Quentin, California, sau khi bị kết án trộm cướp có vũ trang. Trong nhà tù anh lại tham gia băng đảng. Năm 1985, Trung sĩ Hal Dean Burchfield bị đâm chết trên tầng hai của nhà tù San Quentin. Ba tù nhân bị bắt và bị xử về tội giết người. Jarvis Masters bị tố cáo là đã mài nhọn thanh sắt được dùng để đâm Trung Sĩ Hal Dean Burchfield và bị kết án tử hình. Trong tù, Jarvis tìm hiểu về tôn giáo và cảm thấy đạo Phật đã đem lại cho anh sự an lạc mà từ lúc sinh ra anh chưa được hưởng. Năm 1989 (có tài liệu cho rằng năm 1991), Jarvis phát nguyện làm một Phật tử theo truyền thống Tây Tạng từ Đại Sư Chagdud Tulku ngay tại nhà tù. Dưới đây là tóm tắt lời kể ngày thọ giới của anh.*

Khi tôi có cơ hội để nhận thọ giới từ một ngài Lạt Ma Phật Giáo Tây Tạng, cảm giác đầu tiên tôi còn nhớ, là mình

không xứng đáng. Và rồi lo sợ khi nghĩ đến việc một buổi lễ như thế lại được thực hiện tại nhà tù tiểu bang bạo động như San Quentin này.

Tôi chỉ là người mới bắt đầu tập sống trong nếp sống Phật giáo. Tôi giữ kín việc thực hành thiền. Tôi không nói điều đó với ai, bạn tù hay cả các nhân viên an ninh của trại tù cũng thế.

Sau tám năm tù, tôi vẫn cảm nhận một nỗi lo sợ thật sự khi gọi chính mình là một Phật tử và việc các bạn tù thấy tôi đang tĩnh tọa, cầu nguyện hay thiền định. Đặc biệt, tôi cũng rất sợ bị người khác thấy tôi nhận lễ thọ giới.

Trong lúc tâm hồn tôi vui mừng chào đón cơ hội, những tiếng nói khác trong tôi lại đặt ra câu hỏi. Có phải đây chỉ là một giai đoạn tôi đang đi qua?

Có thể trong tương lai tôi lại phản bội chính tôi và ý nghĩa thiêng liêng của lễ thọ giới?

Có phải tôi đã là một Phật tử? Những điều tôi phát nguyện, thực sự, có buộc tôi phải hy sinh cuộc đời mình? Làm thế nào tôi lại có thể chống lại tất cả những bạo động của nhà tù?

Trong tù, không ai tin rằng việc cải đạo là thật. Hầu hết tù nhân đều nghĩ rằng ai đón nhận một niềm tin tôn giáo bất ngờ chẳng khác gì tham gia một trò chơi hay lừa dối để được ra khỏi tù sớm.

Tôi dành gần một năm cố gắng vượt qua những hoài nghi đó, từng điều một, qua việc thực tập và qua những bài giảng của ngài Chagdud Tulku, vị Lạt Ma tôi sẽ nhận lễ. Dù sao, tất cả lần nữa xuất hiện trong buổi lễ. Đang ngồi dưới nền xà lim cố gắng tĩnh tâm, tôi lại sợ. Nhà tù dội lại tiếng nói của hàng trăm tù nhân, cảm giác khó chịu và xung đột hiện ra cùng một lúc.

Tôi ngồi bất động, không ngớt niệm hồng danh đức Quan Thế

Âm Bồ Tát. *“Quan Thế Âm Bồ Tát. Xin hãy nhìn thấy con, xin giúp cho con vượt qua những chướng ngại và cho ước vọng của con sớm thành đạt.”*

Trong mỗi lần cầu nguyện tôi tìm một sức mạnh thiêng liêng giúp tôi xua đuổi những lo âu, chuẩn bị tinh thần chấp nhận một cách công khai lễ Thọ Giới của mình và để giúp tôi chào đón ngày đầu tiên tôi được sống trong tinh thần Phật giáo. Mặc dù với lời cầu nguyện này, tôi chỉ muốn giữ việc tu tập của mình trong vòng bí mật, để duy trì sự trong sạch trong tâm khi tôi thực tập thiền. Tôi chỉ muốn có thời gian thật tĩnh lặng trong đời sống tù đầy của tôi.

Tôi chỉ gặp đại sư Chagdud Tulku một lần trước đó. Tôi vô cùng xúc động khi ngài bất ngờ đến nhà tù San Quentin thăm tôi. Nguyên tắc nhà tù chỉ cho phép chúng tôi trao đổi bằng điện thoại trong ngăn thăm viếng nhỏ, xuyên qua cửa sổ bằng kính. Tôi cảm nhận sự ầm áp từ tấm lòng của đại sư dù chỉ nhìn ngài thôi và tin tưởng những lời giảng của ngài. Tôi hy vọng rằng, qua những lời dặn dò cách tu hành trong nhà tù, một ngày tôi sẽ có thể công khai nhận lễ thọ giới.

Bây giờ tôi cảm thấy may mắn được ngồi trên sàn xà-lim chờ đợi cơ hội. Tôi nhớ một người nào đó đã nói với tôi từ lâu rồi: *“Tất cả những gì người cần là một tâm hồn thuần khiết, đó là điều cần thiết nhất. Hãy im lặng mà lắng nghe.”* Đó là những gì tôi đang làm.

Buổi trưa vào ngày cử hành lễ, tôi được gọi tên. Một nhân viên an ninh còng tay và đưa tôi đến khu thăm tù. Trên đường đi, tôi tiếp tục niệm hồng danh đức Quan Thế Âm Bồ Tát cho đến khi mắt tôi bắt gặp đôi mắt của đại sư lần thứ hai trong đời tôi.

Tôi ngồi bên này cửa kính đối diện với đại sư đang ngồi phía bên kia. Bên cạnh ngài là Tsering, một học trò gần gũi với ngài, sẽ làm

thông dịch cho chúng tôi. Melody, bạn và cũng là một Phật tử, cũng có mặt trong buổi lễ để mừng đón biến cố này với tôi. Chúng tôi vui mừng chào hỏi nhau trong lúc các khách thăm tù nhìn chúng tôi.

Tôi cầm điện thoại lên. Phía bên kia chị Tsering cũng đã cầm điện trên tay. Với một nụ cười dễ thương trong sáng trên mặt, chị hỏi thăm sức khỏe tôi. Tôi đáp lại bằng nụ cười và cũng trả lời chung cho mọi người biết là tôi mạnh khỏe. Chúng tôi đều vui cười. Sau đó, chị Tsering quay sang Đại Sư để nhận lời của ngài.

Chị Tsering hỏi tôi, “Đại sư hỏi tinh thần anh có minh mẫn không”

“Thưa vâng,” tôi đáp.

Buổi thăm viếng kéo dài gần 2 tiếng đồng hồ. Sau buổi lễ, thật khó nghe từ phía đầu dây bên tôi. Quá nhiều tiếng ồn chung quanh. Các tù nhân khác cùng nói trên những điện thoại nối nhau thành một chuỗi dài, thật khó cho tôi có thể nghe tiếng của những người đang thăm viếng mình. Tự nhiên tôi thắc mắc, “Ồ”, *“Chẳng lẽ khi này cũng ồn ào như thế này trong lúc làm lễ hay sao?”* Tôi cảm thấy như vừa lấy cái nút chặn âm thanh ra khỏi tai mình – như là tôi vừa bước vào cánh cửa của thực tế tù đầy lần nữa.

Cuối buổi thăm viếng, tôi nói chuyện với Melody, người ngồi sát cửa sổ trong suốt buổi lễ. Tôi cảm ơn chị đã có mặt và nhờ chị chuyển lời cảm ơn Đại Sư và Tsering về tất cả phước đức họ đã mang đến cho tôi. Tôi nói với chị, tôi đã cảm ơn nhưng không nói hết lời vì nước mắt của lòng biết ơn đang dâng lên, và tôi không muốn ai thấy mình đang khóc. Melody hiểu điều đó. Chị gác điện thoại, cùng với Đại Sư và Tsering vẫy tay chào, ra đi. Tôi vẫy tay chào họ.

Khi tôi chờ để được nhân viên an ninh đưa trở về xà-lim, một tù

nhân gọi qua hỏi có phải tôi đang thực hành Phật Giáo. Tôi ngừng một chút. Khi tôi sắp trả lời thì một nhân viên an ninh bước đến đứng giữa chúng tôi để lắng nghe.

Khi tôi nhìn nhân viên an ninh thì mắt anh ta nhìn đi nơi khác; tôi đáp, *“Vâng, tôi là một Phật tử.” “Phải chăng, tất cả chúng ta đều là Phật tử, cách này hay cách khác? Cuộc sống,”* tôi nhìn ông nhân viên an ninh và nói tiếp, *“Cuộc sống, tôi nghĩ, có thể đã đặt một chút Phật tính trong tất cả chúng ta”*.

Ông nhân viên an ninh nhìn tôi với nụ cười thân thiện bất ngờ, rồi bước đi. Tôi cũng ngạc nhiên.

Tôi nhìn qua cánh cửa sổ, nơi chiếc có ghế của Đại Sư vừa ngồi, và chợt cảm thấy một niềm tin mạnh mẽ rằng Đại Sư như vẫn còn ngồi đó. Tôi hướng đến chiếc ghế trống và cúi đầu vái ba vái.

(Lược dịch lời kể của Jarvis Jay Master trong *A Buddhist Writer on Death Row*)

HAI TỬ TÙ VÀ TÌNH MẸ

Trích từ *Grieving for my Teacher* trong bút ký *Finding Freedom*
của Jarvis Jay Masters.

Giới thiệu: Đại sư Chagdud là bậc cao tăng nổi tiếng của Phật Giáo Tây Tạng. Trong thời gian hoằng dương Phật Pháp tại Tây Phương, ngài thu nhận một tử tù làm đệ tử. Tử tù tên là Jarvis Jay Masters, người da đen, sinh năm 1962 tại Long Beach, California. Anh bị kết án tử hình vì có liên can đến việc một nhân viên an ninh nhà tù bị hai tù nhân đâm chết. Mặc dù anh không trực tiếp giết và cũng không có mặt khi án mạng xảy ra, nhưng bị kết án vì đã mài lưỡi dao. Trong thời gian ở Death Row, Jarvis tìm hiểu về tôn giáo và cảm thấy đạo Phật đã đem lại cho anh sự an lạc mà từ lúc sinh ra anh chưa được hưởng. Năm 1989 (có tài liệu cho rằng năm 1991), Jarvis phát nguyện làm một Phật tử theo truyền thống Tây Tạng và được ngài Chagdud truyền giới ngay tại nhà tù. Đại sư Chagdud Tulku rất thương Jarvis Jay Masters và thường đến nhà tù San Quentin, California để thăm anh ta cho đến khi ngài viên tịch năm 2002. Hồ sơ của Jarvis Jay Masters đang được Tối Cao Pháp Viện California tái xét vào đầu năm 2014.

Không lâu sau khi được tin đại sư Chagdud viên tịch, có lẽ một tuần, tôi được đưa ra phòng thăm viếng. Tôi ngồi ở đó, nhìn xuyên qua cửa sổ, cố gắng đoán chừng ai sẽ đến thăm tôi. Ai lại phải dành thời gian thông qua bao thủ tục nhà tù phức tạp để vào thăm tôi? Tôi nghĩ về những người tù lâu tôi chưa từng gặp lại. Và trong ánh mắt rưng rưng, hình ảnh của thầy tôi, ngài Chagdud, lại đến với tôi. Tôi thầm ước đó chính là thầy. Nhưng rồi tôi chợt ý thức ngài sẽ không còn xuất hiện từ góc phòng thăm và bước tới gần cánh cửa kiếng này lần nào nữa, như thầy đã đến bao lần trước đây.

Tôi kính trọng đại sư, như thầy và cha của tôi. Tôi nghĩ đến bao nhiêu khó khăn thầy phải trải qua để vào được nhà tù thăm tôi. Những giờ dành cho tôi thầy phải gác một bên bao nhiêu người khác. Những giờ thầy lẽ ra đã dành để thuyết pháp trong các đại giảng đường với hàng ngàn người mơ ước được quy y với thầy, với những bài pháp của thầy. Giữa nỗi buồn của tôi, tôi cũng biết mình thật có phước khi được chính thầy vào tận nhà tù San Quentin để ngồi xuống trước mặt tôi, phía bên kia cửa kiếng này. Những năm sau, dù bệnh nặng phải ngồi trên xe lăn, thầy vẫn cố gắng vào thăm tôi. Thầy là người đã chỉ cho tôi con đường tinh thần mà tôi đang đi hôm nay.

Nhìn ra bên kia cửa kiếng, tôi chờ người thăm tôi sẽ đến. Ba mươi phút trôi qua, tôi thắc mắc không biết người đến thăm tôi đã hủy bỏ chuyến viếng thăm không, nhưng tôi ngồi nán lại, hy vọng có một người sẽ đến.

Tất cả tù nhân khác đều đã có mặt, tôi có thể nghe được tiếng người nói chuyện chung quanh. Bạn tôi, Russell, và tôi, là hai người duy nhất từ Trung Tâm Điều Chỉnh (The Adjustment Center) được đưa đến phòng thăm viếng hôm đó.

Russell, cũng là tù nhân trong khu tử tội. Tôi biết anh ta khoảng

chục năm nay. Russell nhắc tôi rằng anh ta hy vọng em gái đến thăm và muốn tôi gặp chào cô ta. Nhưng khi cô em Russell đi ngang, tôi không kịp để ý. Hai anh em Russell ngồi nói chuyện bên ngăn kế tôi.

Tôi nghe tiếng nói nặng nề của Russell. Anh ta dặn em gái không được đưa mẹ đến thăm. Chắc cô em đang bực bội vì giọng của Russell trầm trọng và gần như giận dữ. Cơn bộc phá của Russell thật sự làm tôi chú ý.

Một trong những điều nuối tiếc lớn nhất mà tôi đã phải sống với nó là tôi không hề gặp mặt mẹ mình trong bảy năm đầu bị giam ở đây, trong khi bà còn sống. Và nữa, tôi đang nghĩ đến thấy tôi và thậm ước gì tôi sẽ gặp mặt ngài lần nữa. Vì vậy, tôi thật ngạc nhiên khi nghe Russell dặn dò em gái anh ta như thế.

Làm thế nào một người như Russell, lớn hơn tôi nhiều, có lẽ đã gần bốn mươi tuổi, lại không muốn mẹ vào thăm?

Càng nghe anh ta dặn em dù với điều kiện gì đi nữa, anh ta cũng không muốn mẹ vào thăm, lòng tôi sống dậy ước muốn ngày xưa, là được thấy lại mặt mẹ mình.

Russell càng nói càng lên cao giọng: *“Đừng bao giờ đưa mẹ vào đây – Nếu em không nghe lời, thì thôi, anh sẽ chấm dứt, không bao giờ nói chuyện với em nữa. Anh thà bị xử tử hơn là để mẹ thấy anh như thế này.”*

Tôi nghĩ đến những người thân yêu của tôi đã qua đời trong lúc tôi trong cảnh lao lung, không có dịp cho tôi gặp, bởi vì họ hay vì tôi đã nghĩ rằng, có thể có một lúc nào đó thích hợp hơn, đoàn tụ với nhau mà không phải cách ngăn bởi cánh cửa kính như thế này.

Không ai thăm tôi ngày hôm đó, suy nghĩ của tôi hoàn toàn cuốn hút vào câu chuyện của anh em Russell. Và càng nghe Russell

cương quyết, tôi càng thấm sâu vào ký ức và tiếc thương của chính mình.

Tôi biết rằng với tất cả nước mắt tôi đã nhỏ xuống và nỗi đau sâu thẳm mà tôi phải chịu đựng vì mất đi cơ hội để được nhìn vào đôi mắt mẹ, tôi nghĩ mình cần phải khuyên can Russell sớm. Dù chúng tôi sống khác tầng, cách sân, tôi đoán chừng có thể trao đổi với anh ta xuyên qua lớp hàng rào.

Thật không dễ dàng để chờ một cơ hội nói chuyện với Russell. Gần cả tuần lễ tôi mới có dịp thấy Russell tập thể dục trong sân sát với sân tôi. Trời mưa suốt đêm qua, buổi sáng hôm đó trời tuyệt đẹp, sáng mùa đông quang đãng. Cả hai chúng tôi đi dạo dọc hàng rào. Suốt mấy giờ tôi cố tìm một chủ thích hợp để bắt đầu câu chuyện giữa Russell và em gái cậu ấy đã lọt vào tai tôi. Cuối cùng, tôi không cố tìm kiếm lý do nữa, và gọi Russell để nói thẳng với anh ta rằng tôi có nghe anh ta dặn em gái đừng bao giờ đưa mẹ vào thăm.

Điều đầu tiên Russell nói với tôi là *“Vâng, Jarvis, mình cũng biết cậu cũng chẳng muốn mang mẹ cậu đến đây làm gì. Sẽ không bao giờ có chuyện mình đưa mẹ mình vào nơi tệ hại này và phải chứng kiến mình như thế này.”*

“Russell, mẹ mình qua đời rồi!” Tôi trả lời.

Một thoáng nhìn buồn trên khuôn mặt Russell, *“Jarvis, mình thật xin lỗi khi nghe tin đó.”*

“Vâng, Russ”, tôi nói tiếp, *“Mẹ mình chết mấy năm trước, có lẽ cũng cùng khoảng thời gian mình gặp cậu lần đầu. Từ đó đến bây giờ, mình mãi hối tiếc mỗi khi nghĩ đến nhiều lần mẹ mình đã có thể đến thăm mình. Cậu biết không? Mỗi lần ngược nhìn tấm ảnh mẹ trên tường xà-lim mình ao ước được thấy mặt mẹ mình trong phòng thăm tù.”*

“Thật vậy sao, Jarvis?” Russel đáp, “Cậu không nên thấy mẹ cậu bước vào chỗ tệ hại như thế này chứ? Để gặp cậu trong khu tử tội sao? Phải chen lấn trong hàng, nhiều khi bị đám an ninh lên giọng xúc phạm? Và cũng chỉ gặp cậu nhiều lắm là một giờ đồng hồ? Thôi, cậu ơi, mẹ mình đối với mình quá quan trọng để chỉ nghĩ đến việc bà phải vào nơi tệ hại mà mình đã sa chân vào. Mà vào đây để làm gì nhỉ?”

Tôi ngắt lời, “Cậu nói để làm gì là sao? Để làm gì bởi vì mẹ cậu muốn thăm cậu. Đây Russell, bởi vì mẹ cậu sanh ra cậu – Không có lý do nào khác hơn.”

“Lắng nghe mình nói đây Russell. Không phải vì nơi này, về nơi cậu đang sống, bộ quần áo cậu buộc phải mặc, cũng không phải vì sự kiện tên cậu đang nằm trong danh sách những kẻ sẽ bị xử tử – Những điều đó không bao giờ xóa được hình ảnh một đứa con trai trong tấm lòng người mẹ. Mẹ cậu cũng thế, mẹ cậu cũng đang đối phó với bản án tử hình, mỗi lúc bà nghĩ đến nơi cậu đang sống. Bà đang chờ, đang hy vọng, đang cầu nguyện cậu sẽ không bị xử tử. Bà đang chiến đấu chống lại nỗi lo sợ bị mất cậu đi.”

“Jarvis này, mình hiểu những điều cậu đang nói,” Russell đáp, “Những câu nói nghiêm túc, và mình cũng cảm nhận được điều cậu đang nói. Nhưng nè, khi sa chân vào chỗ lao tù, mình đã làm mẹ mình đau đớn nhiều rồi. Bây giờ mẹ mình quá già, với tuổi 80. Thật sẽ nát lòng mẹ nếu bà thấy mình ra nông nổi này. Cậu biết không. Ngay cả viết thư cho mẹ mình đã thấy khó khăn rồi. Cậu cũng biết đám quản đốc nhà giam tạo khó khăn cho người đi thăm đến mức nào. Thật không đáng, Jarvis, thật không đáng đi thăm chút nào.”

“Đây Russell, nghe mình nói. Không phải là binh vực mẹ cậu. Bà biết cậu ở đây rồi, mặc quần áo tù nhân. Nhưng bà cũng hiểu sự quan trọng dường nào khoảng thời gian của bà và cậu.”

“Cậu nói thế nghĩa là sao?” Russell hỏi lại, “về thời gian của bà ta? Mình đã dặn em mình nói với mẹ tất cả cơ hội tốt mà các luật sư cho mình biết sẽ thắng kháng kiện và bước ra khỏi nơi này.”

“Ồ, đúng vậy sao?” tôi nói, “Rồi những gì sẽ xảy ra nếu một ngày mẹ cậu, chứ không phải cậu, chết đi? Tuần sau? Tháng sau? Rồi sau đó thì sao? Những điều nằm trong tâm thức mà cậu hằng mơ ước có dịp để nói với mẹ cậu rồi sẽ đi về đâu? Thấy không Russ. Không phải về cậu – cậu ra khỏi đây một ngày nào đó – chờ và chờ cho điều đó đến với cậu. Không nên để thời gian lãng phí đi, không cần phải tính toán đến việc ngày mai chúng ta sẽ ra sao. Bởi vì không có lời hứa hẹn nào cả. Mình biết điều đó bây giờ, nhưng trước đây mình đã không ý thức được như vậy; thật vậy, cho đến một ngày khi vị tuyên úy nhà tù gõ cửa xà-lim, nhìn sâu vào mắt mình và nói, ‘Tôi xin báo tin buồn rằng mẹ anh đã chết’”.

Tôi bắt đầu khóc trước mặt Russell. “Và cậu hãy đoán thử xem, cuối cùng mình đã được yêu cầu để làm việc gì cậu biết không? Hãy đoán thử xem những gì sẽ thay vào chỗ những câu nói mà mình từng mơ sẽ kể cho mẹ mình nghe?”

“Gì vậy? Mình không biết,” Russell nói.

“Cậu đoán thử đi,” tôi nói, “Ráng đoán thử sao.”

“Bạn ơi, Jarvis”, Russell nói với giọng buồn, “Mình không biết, mình còn không thể tưởng tượng nếu mẹ mình chết, đừng nói chi là mấy chuyện khác.”

“Vâng, mình được yêu cầu viết vài điều để đọc trong lễ cầu nguyện bà,” tôi nói, “Và mình sẽ kể cậu nghe vài điều. Trong mỗi chữ phát xuất từ đáy tim mình, trong mỗi câu, mỗi dấu chấm, có hàng tỷ điều nhiều hơn trong tim mà mình ước gì đã có cơ hội được tỏ bày với mẹ khi bà viếng thăm mình. Và nếu mình biết lúc đó những gì mình đang biết hôm nay, mình đã không ngần ngại, nếu chỉ có một cơ hội

được ngồi với mẹ mình dù phải ngồi trên tảng băng trôi trên biển Bắc Cực đi nữa.”

Russell và tôi đứng yên, dựa vào hàng rào. Trong một lúc không ai nói gì. Chúng tôi không cần phải nói thêm gì nữa. Tôi đã hiểu ra rằng, cho đến phút này, Russell chưa hề nghĩ đến việc mẹ anh có thể qua đời khi anh ta còn ở trong tù. Trong khu tử tội, nỗi lo sợ gần nhất của một tù nhân là cái chết của riêng mình. Điều đó cuốn hút bạn nhiều đến nỗi mọi kẻ khác có vẻ như là bất tử. Dường như những người thân của bạn bên ngoài được bảo đảm sẽ sống lâu hơn bạn. Không biết bao lần tôi đã tưởng tượng chính mình ra khỏi nhà tù và được ngồi cạnh đại sư Chagdud tại một trong những nơi ẩn dật của ngài.

Trong một chốc, Russell chỉ nhìn chăm chú vào tôi, dường như anh ta đang đến một nơi chỉ một anh ta đến được.

Rồi, Russell nói, *“Jarvis, mình không biết mình đang đi đâu đây. Đã bao nhiêu năm nay, mẹ mình năn nỉ để vào thăm, mình đã dám nói với bà là không. Cậu biết không, mình thương mẹ vô cùng.”*

Russell rưng rưng nước mắt. *“Và Jarvis ơi, mình là đứa con bất hiếu lắm cậu biết không?”*

“Không đâu, Russ,” tôi đáp, *“Có rất nhiều người, không phải tất cả đều ở trong tù thôi đâu, những người bên ba trong cuộc sống hàng ngày, khi mẹ của họ ở ngay khu phố kế bên, hay chỉ một cú điện thoại, và họ cứ tiếp tục chạy theo cuộc sống, không buồn gọi thăm mẹ, không buồn tạo nên những kỷ niệm đáng nhớ để mang theo trong đời, thật lâu sau khi mẹ họ qua đời.”*

“Đúng thế Jarvis ạ,” cậu ta nói, *“Sau khi trở về xà-lim, mình sẽ ngồi xuống viết cho mẹ mình một lá thư dài. Và có thể, chỉ có thể thôi, vào Giáng Sinh, bà sẽ có thể đến thăm mình.”*

“Ồ,” tôi chọc ghẹo Russell, “*Coi chừng cậu quá xấu để có thể gọi là món quà trong mắt của mẹ, Russ. Nhưng chắc chắn, mẹ cậu sẽ là món quà Giáng Sinh quý giá nhất mà cậu nhận được trong hơn mười năm đấy, phải không?*”

Chúng tôi cùng cười. Và may mắn cho tôi nữa, không những Russell mà cả tôi cũng được thăm viếng trong ngày Giáng Sinh. Tôi còn có được cơ hội gặp mẹ Russell. Tôi để ý thấy sau buổi thăm viếng chấm dứt, một bà cụ thấp người, hớn hỏ cười, trên đường ra về còn ra dấu gọi một nụ hôn nồng thắm đến con trai mình. Bà cụ gọi nhiều nụ hôn đến nỗi gọi cả cho tôi một hay hai nụ hôn như vậy nữa. Nhưng hơn thế, tôi cảm thấy tình thương của bà dành cho Russell.

Và cũng ngay trong lúc đó tôi chợt ý thức đến tình thương sư phụ tôi, đại sư Chagdud đã dành cho tôi. Tôi cảm nhận được sự hiện diện chan chứa tình thương của ngài đang chảy xuyên suốt trong tất cả chúng tôi.

Theo "Finding Freedom" của Jarvis Jay Master

SỰ IM LẶNG CỦA BIỂN

Tôi sinh ra ở miền núi nhưng hai mươi năm qua, số phận lại đẩy về miền biển. Thành phố tôi đang sống là thành phố biển. Ngôi trường tôi học trước đây cũng nhìn ra biển và văn phòng tôi đang làm việc hiện nay được xây trên mặt vịnh Boston, bên kia là Đại Tây Dương bát ngát.

Thời gian dài trôi qua, cuộc sống tạm quen dần nhưng ngày mới về đây thật là khó chịu. Nhất là những ngày mưa bão, biển đổi thành màu đen sậm, xa xa một chiếc ghe đánh cá đang về trễ, tăng thêm phần ảm đạm. Biển vừa làm cho tôi sợ hãi khi liên tưởng đến những ngày còn lênh đênh hơn ba mươi năm trước, nhưng đồng thời cũng vừa có một sức hút vô hình khiến nhiều khi tôi đã đứng hàng giờ đắm đắm nhìn ra biển.

Các triết gia thường nói, trong mỗi phút giây chúng ta đang sống đều có bóng dáng của quá khứ và dấu hiệu của tương lai. Tôi nghĩ họ nói đúng. Đối với một người Việt Nam tỵ nạn, quá khứ và tương lai không chỉ là bóng dáng và dấu hiệu thôi; hơn thế nữa, là hai cuộc đời cùng sống, cùng tồn tại, cùng níu kéo nhau, xô đẩy

nhau vô cùng mãnh liệt. Một giọt mưa rơi, một chiếc lá rụng ngoài hiên, một tiếng sóng vỗ vào bờ đá cũng làm chúng ta choàng thức dậy, lắng nghe như tiếng có chân ai đang bước. Từ tâm cảm đó, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng có lần đã viết trong bài *Từ tiếng hát tiếp nối* của anh: “*Bàn chân đi, lòng vẫn mong về.*”

Dù sao, các văn nghệ sĩ vẫn là người may mắn vì ít ra họ có cơ hội để làm vui bớt đi nỗi u uất trong lòng qua thi ca nhạc họa, bao nhiêu đồng bào khác, không có năng khiếu văn chương, âm nhạc, phải âm thầm chịu đựng. Nếu cuộc sống ở hải ngoại không phải quần quật áo cơm, đầu tắt mặt tối, nhiều người Việt có thể đã chết vì khủng hoảng tinh thần.

Những ngày còn ở Việt Nam, khi nghe bài thơ, tôi chỉ nhớ mỗi câu đầu: “*Ra biển chiều nay thấy màu máu đỏ,*” được đọc trên đài VOA hay BBC gì đó, mô tả cảnh vượt biên thật hãi hùng. Hẳn nhiên tôi không nghĩ vượt biên sẽ nhẹ nhàng như ngồi trên chiếc du thuyền nhưng tôi cũng không cảm nhận được mức độ của kinh hoàng cho đến khi chính mình ngồi trên thành ghe mong manh vừa chết máy và đang bồng bênh trên biển tháng 6 năm 1981.

Thời gian chậm chậm trôi qua. Một giờ rồi hai giờ. Tiếng cầu kinh đã dừng lại trên những vành môi khô. Lời niệm Phật đã ngưng trong những thân xác mệt mỏi. Đất trời đều im lặng. Không ai nói với nhau một lời nào. Trống vắng. Trống vắng ngay cả trong suy nghĩ của con người. Nhớ thương, hờn giận đều biết mất. Tất cả như đang dọn mình để bước vào một cuộc đời khác. Không ai tuyệt vọng bởi vì chẳng còn ai hy vọng. Và như thế cho đến khi tiếng máy ghe lại nổ, cuộc hải hành tiếp tục.

Biển mang tôi về lại bãi cát trắng và hàng dương liễu, nơi tôi đứng thần thờ nhìn chiếc trực thăng bay xa, bay xa, mang theo người thân yêu nhất của tôi. Biển mang tôi về lại phường Cổ Mân, Quận Ba, Đà Nẵng, nơi tôi sống những ngày đầu tiên không gia

đình với người anh họ. Không ai biết và sẽ không bao giờ ai biết, trên những đồi cát trắng dọc bờ biển Sơn Chà, từng có một thằng bé mỗi chiều âm thầm đứng nhìn về phía biển để chờ đợi một tin vui. Tin vui đó đã không bao giờ đến với nó. Nếu mai mốt trở về tôi nhất định sẽ đi tìm thằng bé. Tôi nhớ rất rõ thân hình ốm tong teo của nó khi đứng chờ những chuyến xe Mỹ chờ hàng để xin qua giang qua Đà Nẵng. Tôi nhớ rất rõ chiếc áo sờn vai thằng bé mặc trong mùa đông, chiếc chiếu rách, chiếc giường tre nơi nó ngủ. Và tôi cũng nhớ nó, một thằng bé can đảm, nửa đêm thức dậy ra đi, dù chưa biết sẽ đi đâu. Trên cồn cát trắng kia, sau ba mươi năm, vẫn còn in dấu chân của nó như đã hằn sâu trong ký ức con người.

Tôi từng được dạy rằng tôi là chủ nhân của chính mình chứ không ai khác và ý chí của tôi quyết định cho hành động của tôi chứ không từ đâu khác. Học và hiểu thường không quá khó khăn nhưng thực tế không phải bao giờ cũng dễ dàng như thế. Tôi đi qua cuộc đời này như một chiếc lá vàng khi chưa đủ tuổi để xanh. Tôi bay trong giông bão và bay qua nhiều biển cả mênh mông, bao nhiêu lần đã tưởng chừng rơi rụng và mục nát trong một góc chân tường nào đó.

Những chiều mưa bên Đại Tây Dương, tôi cũng bàng hoàng nhớ lại Thái Bình Dương, nhớ lại ngày trên biển, nhớ Manila, Palawan, nhớ đến những người không may mắn như tôi. Dọc bờ biển đó, nơi tôi lắng nghe tâm sự của những em bé, câu chuyện về những đồng bào bất hạnh, sự chịu đựng của những người sống sót, để rồi những tháng năm sau, tôi ghi lại trong *Em bé Việt Nam và viên sỏi, Thưa mẹ chúng con đi*, và những bài thơ khác.

Trong những người Việt Nam bất hạnh đó có người anh tôi đã mang ơn, người đã giúp tôi cơ hội vượt biên. Những dòng chữ này như nén hương để tưởng nhớ về anh.

Tôi vẫn nhớ ngày anh đưa chiếc ghe về, tôi hỏi anh sẽ dùng nó

làm gì. Anh đáp gọn “vượt biên.” Tôi cười không tin anh nói thật, khi nhìn chiếc ghe quá nhỏ, nhưng cũng chẳng nói gì thêm. Chuyện tàu bè không phải là việc của tôi, biết hay không cũng chẳng ích gì. Anh muốn người sửa lại, cắt nửa trên của chiếc ghe và đóng thêm một lớp ván bên ngoài, sửa mũi và lái cao hơn. Anh mua một chiếc máy nhỏ ở đường Bến Chương Dương đem về gắn vào. Tháng sau tôi trở lại sông, chiếc ghe cũ đã thành chiếc tàu có chiều dài mười mét và chiều ngang chỉ một mét rưỡi. Tuy nhỏ nhưng có dáng dấp một chiếc tàu đánh cá hơn là chiếc ghe đi sông trước đây. Anh bảo tôi vì bụng của tàu vốn là một chiếc ghe nên chỉ có thể nổi cao đến thế là cùng.

Tôi được mấy người thợ đóng ghe đưa đi một vòng quanh sông. Ngồi trên sàn ghe nhìn nước sông Nhà Bè màu vàng đục, một cảm giác bất an chợt dâng lên trong lòng khi nghĩ đến ngày nào đó sẽ ra biển với chiếc ghe vồn vện mười mét này. Anh bảo đừng sợ, sẽ đi biển được. Anh dặn tôi xuống tàu sống với anh tài công và đóng vai thủy thủ. Tôi lại cười vì tôi không rành bơi lội và cũng chưa hề làm nghề buôn bán trên sông, trên biển bao giờ. Anh nghiêm giọng *“Nhưng nếu có chuyện gì xảy ra trên bờ thì chú mày cũng có thể đi thoát được.”*

Tôi biết anh sắp xếp như thế vì lo cho tôi nhưng một phần khác để tôi khỏi có cơ hội kéo đám bạn bè của tôi theo. Dù đồng ý hay không, tôi cũng không có chọn lựa nào khác. Tiền bạc và công sức đều là của anh. Anh xem tôi như một đứa em nhỏ. Mỗi chiều khi anh ở ngoài sông về, chúng tôi thường hẹn nhau trong một quán rượu. Anh em chúng tôi mượn chỗ để trò chuyện hơn là nhậu nhẹt vì cả hai đều không biết uống rượu. Hoàn cảnh của anh rất giống tôi. Anh cũng lớn lên từ Đà Nẵng chiến tranh và nghèo khó. Anh vào Sài Gòn học và học chung trường đại học với tôi, khác nhau ở chỗ, khi anh lên bậc cao học tôi còn là sinh viên năm thứ nhất.

Chuyến đi khá bất ngờ. Anh chỉ cho tôi đủ thời gian để về chào mẹ tôi. Anh không cho biết chính xác ngày giờ vì ngại tôi sẽ dắt theo bè bạn. Anh biết tính tôi. Tôi hứa hẹn với nhiều người. Một phần tôi chẳng tốn kém gì, phần khác vì tánh tôi hay chịu lòng bạn. Những đứa được tôi hứa dắt theo đều bị bỏ lại. Điều này đã gây ra nhiều giận hờn đáng tiếc giữa chúng tôi cho tới tận ngày nay. Ngày đi, tôi đóng vai thủy thủ thật. Anh hẹn mọi người tại một con lạch nhỏ ngoài bìa làng Chu Hải. Tôi theo ghe đến Chu Hải và ngủ đêm lại trong con lạch để chờ khách vượt biên.

Trời gần sáng nhưng không thấy ai đến cả. Chúng tôi thức dậy nhìn ra sông. Nước rút hết. Con lạch khô như một con đường làng hẹp. Chiếc ghe vượt biên của chúng tôi nằm chênh vênh bên bờ lạch. Chiếc bánh lái nhỏ như chiếc quạt để bàn đang phơi mình trên cạn. Nhìn bánh lái, tôi thầm tự hỏi, với món đồ chơi trẻ em này làm sao chèo nổi sóng biển Đông. Mãi đến sáu giờ sáng, nước bắt đầu dâng lên và khách vượt biên không biết từ đâu cũng dần dần xuất hiện. Mọi người lo ngại nhìn chiếc ghe nhỏ nhoi trong lúc mặt trời sắp mọc. Công an và du kích có thể đến bất cứ lúc nào. Nhiều người lo sợ bỏ về. Anh tài công lữ ra phải lái chiếc ghe cũng bỏ cuộc. Nhưng nhiều người khác, trong đó có tôi, quyết chí ra đi. Một người khách tự động nhận trách nhiệm lái chiếc tàu. Và như thế, chúng tôi đi. Chiếc ghe nhỏ trôi bồng bềnh trên biển Đông hai ngày hai đêm. Một mẻ nhiều hơn là đói khát. Cuối cùng sau bốn chục giờ và một lần máy chết, tưởng như sẽ chết, chúng tôi được một tàu hải quân Mỹ vớt.

Tôi nhận thư anh trong thời gian tạm trú ở đảo Palawan. Anh đang lo đóng một chiếc ghe khác, lớn hơn và chắc chắn hơn nhiều so với chiếc ghe bầu sửa lại mà tôi đã đi. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở đảo, nếu không kịp, hứa sẽ tìm nhau dù ở nơi nào. Trong lá thư cuối cùng, anh báo tin đang chuẩn bị ra đi.

Anh ra đi thật nhưng không bao giờ đến. Bà con anh ở Đà Nẵng và khách vượt biên gần cả trăm người cùng đi với anh cũng không bao giờ đến. Anh đã chết như hàng trăm ngàn đồng bào khác đã chết trên biển Đông. Tôi mang ơn anh nhiều lắm. Không có sự giúp đỡ của anh, hôm nay có thể tôi còn lang thang một nơi nào đó ở Việt Nam. Tôi đặt tên đứa con gái út của tôi cùng tên với con gái duy nhất của anh để kỷ niệm cho tình anh em tuy ngắn ngủi nhưng đầy biến cố của chúng tôi.

Bao nhiêu người Việt đã chết trên biển khơi như anh. Theo ước lượng của nhiều cơ quan thiện nguyện quốc tế, khoảng nửa triệu người đã chết trong gió bão, trong đói khát, trong bàn tay hải tặc từ sau 1975. Thật ra, con số đó cũng chỉ là con số tượng trưng, cần đó để điền vào khoảng trống của một bảng thống kê.

Tôi tin không ai biết và sẽ không bao giờ biết được bao nhiêu người Việt Nam đã chết trên biển Đông từ sau mùa bão lửa 1975.

Thỉnh thoảng chúng ta vẫn đọc những lời kêu gọi, những giải sáng tác văn thơ, tự truyện, khuyến khích đồng hương còn sống sót, viết lại, kể lại cuộc đời tỵ nạn, kinh nghiệm vượt biên như những bài học lưu truyền cho hậu thế. Vâng, đó là những cố gắng tốt nhưng ai sẽ là người cầm bút viết ra đây.

Tôi và một số bà con khác đã kể lại vì chuyến đi của chúng tôi tuy hồi hộp nhưng không gây nhiều thiệt thòi, mất mát. Trong lúc những câu chuyện cần được nghe, những bài học cần được kể lại, sẽ không bao giờ được kể.

Làm sao tả được cảnh những người phụ nữ Việt Nam nằm trần truồng trên sàn ghe như những con cá vừa được kéo lên, đang chờ mổ bụng, ướp đá?

Làm sao tả được tâm trạng của người chồng bị trói chặt, nhìn người vợ mang thai bị hải tặc hiếp dâm trước mắt?

Làm sao tả được tiếng kêu của em bé lên sáu, lên năm khi nhìn xác mẹ mình bị ném xuống biển sâu?

Làm sao tả được cảnh người thoi thóp phải ăn thịt người vừa chết để kéo dài sự sống trên chiếc ghe chết máy lênh đênh nhiều tháng trời trên biển Đông?

Không, những câu chuyện vượt biên bi thảm là những viên đá nghìn cân đè nặng lên số phận của đồng bào bất hạnh và sẽ muôn đời ở lại trong lòng biển.

Bên trong chiếc cửa kính dày của văn phòng làm việc, vào những ngày giông bão, những ngọn sóng lớn đánh vào bờ đá, tung bọt cao đến tận chân tường, gió thổi mạnh đến nỗi xé nát những tấm bảng quảng cáo cắm dọc bến tàu. Những lần như thế, tôi ngồi tưởng tượng đến những điều kỳ lạ có thể đang xảy ra trong vùng nước phía bên kia. Tôi cảm giác như có một xác chết đang trôi, một bàn tay vừa nhô lên mặt nước, một tia máu vừa phọt ra từ miệng cá.

Tôi cố lắng tai nghe nhưng không nghe gì cả. Lớp kiếng cách âm dày đã ngăn giữa căn phòng ấm áp nơi tôi làm việc và giông bão phía bên kia như ngăn cách giữa hiện tại no đủ và quá khứ đầy thiếu thốn của tôi.

Nhưng nếu không có lớp kính dày kia liệu tôi có nghe được gì không?

Vẫn có thể là không. Cuộc sống xứ người đã cuốn tôi đi xa, xa đến mức nhiều khi không còn biết mình là ai nữa. Tôi vẫn đọc mỗi ngày bao nhiêu tin buồn về đất nước, tôi đã thấy mỗi ngày bao nhiêu cảnh bất công đè nặng lên số phận đồng bào. Nhưng, ngoài trừ những bài thơ, bài văn viết khi nhàn rỗi, tôi vẫn đứng đứng nhìn bàn tay của những em bé Việt Nam năm sáu tuổi đang vẫy mời những khách mua dâm ở Campuchia, và tôi vẫn lạnh lùng nhìn giọt nước mắt của những cô gái Việt Nam đang chảy trên

đường phố Đài Loan.

Phải chăng con đập áo cơm đã ngăn đôi dòng sông lý tưởng thời tuổi trẻ của tôi?

Phải chăng hàng rào danh lợi đã che khuất đi khả năng để biết lắng nghe tiếng kêu gào thống thiết của quê hương và cả tiếng gọi của chính trái tim mình?

Có thể cả hai. Biển, vì thế, vẫn lặng yên, câm nín như nỗi đau của đồng bào tôi và đất nước tôi.

NGUYỆN ƯỚC RẤT LÀ THƠ CỦA MẸ

Bà ngoại của các con tôi mất đã mười năm và an táng trên nghĩa trang gần nhà. Mộ bà cụ nằm trên vùng đất cao rất đẹp và chung quanh còn nhiều đất trống. Gia đình tôi mua hai phần. Thật ra khi mua đất không hẳn với ý định một ngày sẽ chôn ở đó. Anh chị em chúng tôi chỉ muốn mẹ yên tĩnh, không bị quấy rầy khi nằm gần người lạ, và cứ thế chia nhau mua hết những phần huyết chung quanh mộ mẹ.

Mẹ nuôi ở Hòa Hưng của tôi ở Việt Nam thì khác. Trước đây, khi ba chúng tôi mất, gia đình có ý định khi mẹ trăm tuổi sẽ an táng bên cạnh ba để con cháu dễ dàng thăm viếng. Khi đó mẹ còn khỏe nên chưa nói gì. Khi mẹ chúng tôi trở bệnh nặng và biết mình có thể không còn sống bao lâu nên dặn dò các con: Một mai khi mẹ qua đời, đừng chôn cất mà hãy hỏa thiêu và đem tro cốt về Quảng Nam rắc xuống sông Thu Bồn. Mẹ rất minh mẫn cho đến hai tuần cuối của đời mình.

Sông Thu Bồn, chảy dài nhiều trăm dặm từ vùng trung du xuống Hội An là thánh tích của người dân xứ Quảng. Phía sau những rặng tre già nghiêng mình soi bóng, những bãi dâu xanh ngát dọc

bờ sông, bao nhiêu thế hệ Quảng Nam, trong đó có mẹ, đã sinh ra và lớn lên. Họ khác nhau về thế hệ, hoàn cảnh trưởng thành và ước vọng riêng tư nhưng cùng có chung một tình yêu tha thiết dành cho dòng sông nuôi lớn tâm hồn yêu người như yêu quê hương của họ. Mẹ rời quê hương vào Sài Gòn sinh sống đã mấy chục năm nhưng vẫn giữ nguyên vẹn một tình cảm sâu xa dành cho dòng sông của tuổi thơ và nơi chôn nhau cắt rốn.

Dĩ nhiên trong lòng chúng tôi không muốn vì như thế sẽ không còn gì nữa. Làm con ai cũng mong mỗi dịp lễ Thanh Minh được ngồi quay quần bên mộ mẹ, lắng nghe lời mẹ như vọng về từ cõi trời Đạo Lợi trên đỉnh Tu Di. Làm con ai cũng muốn ngày Vu Lan được dâng lên mộ mẹ những cành hoa tươi đẹp biểu tượng cho lòng hiếu thảo. Rồi các thế hệ con cháu nữa, chúng cũng cần được biết nơi ông bà đã yên nghỉ ngàn thu.

Những ngày mẹ bệnh, Mẹ vẫn nhận ra giọng nói của tôi gọi về nhưng mỗi ngày một yếu hơn. Và cuối cùng mẹ ra đi khỏi cuộc đời này. Mẹ ra đi trong thanh thản, nhẹ nhàng.

Ngày mẹ mất, ý nguyện mẹ lại được đem ra bàn thảo và cuối cùng gia đình đồng ý sẽ làm đúng với ước nguyện của mẹ.

Sáng sớm hôm 25 tháng 12, 2014, thân tứ đại của mẹ được đưa đi thiêu. Tro cốt tạm gởi trong chùa ở Hòa Hưng, vài tuần sau đó, các em tôi đưa về Quảng Nam và rắc xuống sông Thu Bồn. Mẹ trở về với nơi mẹ sinh ra và từ đó ra đi. Thân tứ đại sẽ hòa tan theo dòng nước, chảy ra Cửa Đại để hóa thân trong cuộc biến diệt không cùng của thời gian và vũ trụ.

Vẫn biết cây có cội nước có nguồn nhưng cội nguồn tâm linh mới thật sự là vĩnh cửu. Mẹ không để lại gì nhưng thật ra mẹ để lại rất nhiều. Mẹ đang để lại cho con cháu không phải là hình tượng, dù đó là bia mộ cao sang hay chỉ là một hạt bụi tro trong bình, mà

là tình thương. Tình thương là ngôi đền thiêng liêng nhất trong trái tim của mỗi con người dành để thờ cha mẹ bởi vì ngôi đền xây dựng bằng chất liệu tình thương sẽ không bao giờ sụp đổ. Nhân loại sau bao nhiêu chiến tranh tàn phá, độc tài, tội ác mà vẫn còn tồn tại hôm nay là nhờ vào tình thương.

Tôi thương mẹ Hòa Hưng. Trong hầu hết những bài thơ viết về các bà mẹ Việt Nam, tôi đều có gởi gắm vào đó ít nhiều tấm lòng cao cả của mẹ Hòa Hưng, một người mẹ Việt Nam hy sinh không điều kiện.

Dường như là đặc tính tự nhiên để bù lại khoảng trống vắng trước đó nên dù khi về ở với mẹ tôi đã 18 tuổi mà hay quẩn quít với mẹ nhiều hơn các em nhỏ tuổi hơn tôi. Mẹ tôi bán bánh bèo đầu đường nên mồ hôi thấm trên vai. Nói ra có chút mắc cỡ nhưng khi đi học về tôi thường kê mũi lên vai mẹ hít một hơi dài.

Tôi tin cuộc đời này là chuỗi nhân duyên nối kết. Mẹ không sinh tôi ra nhưng hẳn có duyên với nhau nên dù tôi lang bạt nhiều năm cuối cùng đã trở về với mẹ cho hết cuộc đời mình.

Ngày nghe tin mẹ mất tôi ngồi ngơ ngác suốt ngày. Tôi cảm thấy những nỗ lực của mình cho Việt Nam đã mất đi một phần ý nghĩa. Tôi tự nghĩ, trước nay vẫn tưởng mình là người yêu nước bằng tình yêu trong sáng, thật ra, chẳng qua là do yêu chính mình.

Tình mẹ đẹp như sông Thu Bồn chảy qua ngôi làng nhỏ mà mẹ sinh ra và bao dung như Sông Hằng ở Vanarasi, nơi tôi ngồi im lặng để nhớ về những ngày sống bên mẹ. Dù sao, tôi đã gởi con gái lớn về thăm mẹ hai lần để con tôi biết ơn dòng sông từ bi bác ái đã một thời chảy qua đời tôi và sẽ chảy qua ý thức của các con tôi dù chúng sinh ra và lớn lên trên nước Mỹ.

Tôi không còn cơ hội để gặp lại mẹ trong cuộc đời đầy trắc trở của tôi nhưng sợi nhân duyên không phải vì thế mà đứt đoạn.

Thân tứ đại sẽ trở về tứ đại nhưng tình thương của mẹ sẽ mãi sáng như vầng trăng tròn trên sông Thu Bồn với vợ. Và tôi tin, trong cuộc tuần hoàn biến diệt không cùng, tôi sẽ gặp lại mẹ lần nữa như đã một lần hạnh ngộ trên quê hương Việt Nam.

Cách đây không lâu tôi bảo vợ nếu một mai tôi chết đừng chôn cất trên phần đất đã mua mà lấy một chút tro làm biểu tượng, gói đầu đó trong chùa chờ dịp đem về rắc xuống sông Thu Bồn. Vợ tôi thắc mắc “Rắc đầu cũng được tại sao phải rắc xuống sông Thu Bồn” và tôi trả lời “làm vậy để hợp với nguyện ước rất là thơ của mẹ.”

TÂM SỰ VỚI MÙA XUÂN

Nhà tôi có trồng hai chậu mai. Vợ tôi thích trồng vài cây cảnh nhỏ trong nhà nhưng trồng gì cũng khó sống ngoại trừ trồng mai. Khoảng mười năm trước khi đến thăm Montreal, nhà thơ Thủy Trang cho chúng tôi một cây mai nhỏ. Cây mai chị cho nhỏ đến nỗi tôi để ngay trước chỗ tay lái mà cảnh sát biên giới cả Mỹ lẫn Canada đều không thắc mắc là cây gì mặc dù luật mang cây trái sang biên giới rất nghiêm khắc.

Cây mai lớn rất nhanh cho đến ngày nọ một người bạn ghé chơi và phán rằng Tết sắp đến nên nhặt lá để cây mai trở bông. Chúng tôi đại dốt nghe lời nhặt hết lá mai dù nhiều lá vẫn còn xanh và thậm chí còn non. Vài hôm sau cây mai chết.

Từ bài học cay đắng đó, sau này khi mua cây mai khác từ vùng Florida nắng ấm, chúng tôi để mặc mai chọn lựa thời gian rụng lá và trở bông bất cứ lúc nào chúng thích. Công việc của chúng tôi là canh chừng nhiệt độ, giữ cho mai được đủ ánh sáng, mùa hè đem ra sân, mùa đông đem vô nhà, bón phân và tưới nước. Năm nay cũng thế. Tôi không nhặt lá nhưng qua tháng hai cây mai lần lượt tự rụng lá, mọc lên những chồi non màu tím và những nụ màu

xanh. Nếu ở chợ hoa nào đó trong nước, hai cây mai nhà tôi dù đem biểu không chưa chắc có người nhận nhưng ở miền Đông giá rét của nước Mỹ, chúng được coi quý chẳng khác gì là linh chi ngàn năm.

Những năm trước rảnh rỗi, tôi thường dành ngày 20 tháng 11 để lái xe về thăm con đường Parkvale ở Allston, nơi bác Tôn Thất Ân, ngày đó còn làm việc cho cơ quan bảo trợ, đưa tôi về sống những ngày đầu tiên với những người cùng cảnh ngộ. Dù bác chỉ làm công việc của một nhân viên, tôi cũng biết ơn bác vì sau bao nhiêu chuyến đi xa của đời mình lần đầu tiên có một người đến đón.

Khi có dịp đi lên hướng bắc của thành phố, tôi thường trở lại thăm con đường Commonwealth. Con đường có hai hàng hoa Mộc Lan xinh đẹp thường được in trong các bưu thiếp để giới thiệu về thành phố Boston. Trên đường Commonwealth còn có trụ sở của International Institute of Boston, cơ quan thiện nguyện đã bảo trợ tôi trong những ngày mới đến. Tôi cũng thích ghé ngang qua công ty Teradyne, một công ty điện tử quen thuộc với người Việt, nơi đó, lần đầu trong một buổi chiều mưa, tôi đã gặp gỡ một người, sau này trở thành vợ tôi. Những người quen, có người còn người mất và những con đường, căn nhà, hàng cây, qua mấy chục năm đã thay hình đổi dạng nhưng trong lòng tôi kỷ niệm vẫn màu xanh. Kỷ niệm, dù vui hay buồn, dù ngọt ngào hay cay đắng, nếu biết chiêm nghiệm cũng giúp thăng hoa cho cuộc sống con người.

Trời năm nay cũng mưa nhiều hơn năm trước. Mưa và mưa. Những cơn mưa lạnh kéo dài suốt cuối tuần qua. Mưa nhiều đến mức Thống Đốc tiểu bang Massachusetts phải tuyên bố tình trạng khẩn cấp để phòng chống lụt. Những chặng đường của đời tôi đi qua cũng được đánh dấu bằng những cơn mưa. Tôi rời làng Mã Châu một mình khi còn rất nhỏ và đêm đầu tiên ở Đà Nẵng là một đêm mưa. Tôi vào Sài Gòn trong một chiều mưa và đêm từ giã Sài

Gòn cũng trong cơn mưa lớn. Và bao nhiêu cơn mưa khác. Mưa khi lái xe rời thành phố có ánh trăng mười sáu soi đường, mưa khi xa sân trường trung học có hàng phượng vĩ, mưa khi lần cuối đạp xe qua con đường Duy Tân có bóng me xanh. Và bao nhiêu kỷ niệm, dù một ngày, một năm hay một đời, dù còn ở lại hay ra đi vội vàng như những chiếc lá cuối thu, âm hưởng của chúng vẫn còn vang trong tâm hồn tôi bất tận.

Mưa làm tôi nhớ lại những cơn mưa tuyết chào đón tôi 27 năm về trước cũng vào cuối tháng 11 này. Tôi quen đi và đến một mình nhưng phải công nhận khi rời Manila để đến Boston là một trong những thay đổi lớn nhất. Sáng 17 tháng 11 năm 1981, đại diện Cao Ủy Tỵ Nạn phát cho chúng tôi mỗi người một tờ giấy có ghi những chuyến bay đi và đến. Tấm giấy của tôi có ghi phi trường tôi sẽ đến bằng chữ BOS. Tôi không hiểu đó là đâu vì chưa quen với cách viết tắt các phi trường Mỹ. Nhân viên Cao Ủy giải thích trạm cuối cùng của tôi là Boston. Đứng trong góc phòng tôi nghĩ về thành phố mang tên của một điệu nhạc buồn. Boston xa xôi quá. Phần lớn người trong đoàn sẽ về California nắng ấm vì họ có thân nhân. Tôi thuộc diện “mồ côi”, hiểu theo nghĩa tỵ nạn là không có thân nhân ở Mỹ, sẽ đi về xứ lạnh.

Và như thế, đoàn người tỵ nạn chúng tôi lên xe bus ra phi trường. Gia tài của tôi, dăm bài thơ dang dở và một bộ áo quần. Hôm rời trại Palawan, tôi mang dép ra phi trường đi Manila. Một người quen nhắc tôi nên lên chỗ Sơ Pascal xin một đôi giày. Tôi không đi, tự nghĩ Sơ còn phải lo chăm sóc cho đám trẻ em, mình lớn rồi nên tự lo liệu lấy. Ở Manila, một người quen cho tôi một đôi giày nhưng số nhỏ hơn bàn chân tôi nhiều. Đôi giày chật chội làm mấy ngón chân tôi chảy máu. Và như thế, tôi tạm biệt trại Palawan thân thương, tạm biệt thủ đô Manila kỷ niệm, tạm biệt cảng Subic Bay nơi chiến hạm White Plains đã vớt tôi vài tháng trước có thể đang

thả neo, tạm biệt đất nước Philippines với lòng biết ơn bảo bọc, tạm biệt Thái Bình Dương bao la nơi đồng bào tôi đang lênh lênh trong dòng nước đỏ và tạm biệt phương đông, tôi mang thơ đi về phương tây bằng đôi chân đang rỉ máu, theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Không ai đưa tiễn, như trong thơ Nguyễn Bính, tôi “một mình làm cả cuộc phân ly.”

Ngồi trên máy bay mà lòng miên man tưởng tượng những gì đang chờ đón mình. Hồi còn nhỏ tôi nhiều lần đi xa nhưng không ý thức hết sự quan trọng của mỗi chuyến đi. Ngày đó tôi đi như con chim nhỏ cuốn theo dòng định nghiệp. Với đôi cánh nhỏ nhoi và sức bay yếu ớt của mình, tôi chỉ biết nương theo chiều gió mà sống sót. Có khi đậu trên bãi cát nóng Sơn Chà, có khi rớt xuống trại cây khô Đà Nẵng, có khi rơi dưới gốc đa già ở Hội An, nhưng dù ở đâu, trong hoàn cảnh nào, tôi cũng đã cố gắng bay lên để hót vang giữa núi rừng đầy bất trắc.

Không phải bây giờ mà ngày xưa cũng thế, không ai biết tôi một mình. Tôi có con người của xã hội và con người của riêng tôi, hòa hợp và tương phản, im lặng và sôi nổi, luôn cố gắng làm điều tốt nhưng cũng phạm nhiều lỗi lầm. Tôi luôn sống rất vui, rất lạc quan và rất yêu đời. Tôi luôn tìm được những điều tích cực ngay cả trong những hoàn cảnh vô cùng tuyệt vọng như khi đứng trên bờ kinh Chu Hải một buổi sáng tháng 6 năm 1981 chẳng hạn. Nhưng bay đến Boston thì khác. Năm 1981 tôi đã ở tuổi trưởng thành và ngọn núi đang chờ tôi ở Boston cũng cao hơn nhiều so với những ngọn núi thời thơ ấu. Tôi không chỉ phải chọn lựa cách vượt qua mà còn phải vượt qua bằng con đường ngắn nhất và nhanh nhất. Ngọn núi vẫn còn đó, thử thách vẫn còn đó, bao nhiêu việc muốn làm vẫn chưa làm xong, mơ ước thời tuổi trẻ vẫn còn là mơ ước, nhưng ít ra, khi nhìn lại đời mình, tôi nghĩ mình đã làm được một vài việc có ích cho xã hội, đã đi một đoạn đường, đã gieo trên

mảnh đất cằn khô mà tôi đặt chân qua vài hạt giống tôi tin là tốt cho tương lai.

Và tất cả những điều tôi đã làm sẽ không thành nếu thiếu đi một chất liệu căn bản. Đó là tình người. Tình người trong những ngày ở ngoài nước không bắt đầu từ đâu xa mà ngay trong cộng đồng tôi đang sống. Một cái bắt tay, một lời chào, một lời an ủi, một tiếng cười và nhiều khi cả những giọt nước mắt chia buồn đã tạo trên xứ người xa lạ này một góc quê hương. Chúng tôi nương tựa vào nhau, gần gũi nhau hơn cả những người thân thiết trong gia đình. Đất nước nằm bên kia trái đất xa xôi nhưng tình người có ở khắp nơi và vô cùng gần gũi.

Ở Boston trong những năm đầu thập niên 1980, tôi biết có nhiều người chuyên đi tìm trường dạy nghề, các hãng xưởng, các lớp tiếng Anh miễn phí hay những chỗ cho mượn nhà rẻ để giới thiệu lại cho bà con còn gặp khó khăn. Mỗi tuần chúng tôi gặp nhau để nghe các anh chị đó thông báo những tin tức họ vừa tìm hiểu được. Họ không làm cho cơ quan thiện nguyện nào cả nhưng chỉ nhờ nói được tiếng Anh tốt hơn nhiều người khác. Tôi cũng biết một anh suốt nhiều năm trời đã tận tụy với công việc đi đón người mới đến, từ thế hệ vượt biên cho đến các đợt HO sau này. Dù khuya khoắt bao nhiêu, tuyết rơi ngập lối hay giá rét căm căm anh vẫn đứng chờ trên hành lang phi trường để mang đến cho bà con vừa đặt chân xuống máy bay những lời thăm hỏi đầu tiên vô cùng cần thiết. Như bầy chim tránh bão, chúng tôi đã nương tựa nhau mà sống dưới tàn cây phong và sưởi ấm đời nhau bằng que củi tinh thần.

Những đồng hương có lòng tốt như thế không phải chỉ có ở Boston mà chắc chắn cũng có ở Montreal, Toronto, Chicago, San Jose, Santa Ana, Paris, Sydney, Berlin và khắp nơi tại hải ngoại. Tên tuổi của họ có thể không được vinh danh trong những tiệc tùng sang trọng, không được nêu trong danh sách của những anh

hùng làm rạng danh cộng đồng người Việt. Không, họ không phải là những khoa học gia có nhiều bằng sáng chế, những trí thức học nhiều hiểu rộng, những chủ công ty lớn, những dân cử được bầu bán, những thương gia giàu có nhưng nếu thiếu họ cộng đồng chúng ta đã phải khó khăn vất vả biết bao nhiêu. Con đường nào, đại lộ nào cũng có tên nhưng con đường trưởng thành của cộng đồng Việt Nam phải được mang tên họ, những đồng hương Việt Nam làm việc trong âm thầm nhưng đẩy lòng nhân ái.

Nếu không có tình cộng đồng có thể tôi vẫn sống, học ra trường, cưới vợ, có con và đi làm để xây dựng cho mái ấm cho riêng của mình nhưng tình cộng đồng đã mang đến những điều tôi không có. Tình cộng đồng là mùa xuân của cuộc đời tị nạn, đã giúp tôi mang cái riêng vào cái chung, giúp tôi hiểu ý nghĩa giọt nước mà tôi đang uống, chén cơm mà tôi đang ăn. Tình cộng đồng là nguồn suối của rất nhiều thơ và văn tôi. Không có đời sống tị nạn, hẳn nhiên vẫn có tôi nhưng sẽ không có Trần Trung Đạo, bút hiệu mà tôi đặt cho bài thơ đầu tiên viết ngoài Việt Nam. Nhà văn Trần Hoài Thư có lần đã viết: *“Con đường Dorchester qua những tiệm ăn, tạp hóa Việt Nam. Và một khu Việt. Và những gương mặt da vàng. Và những lời trao đổi bằng tiếng mẹ đẻ vang trên bãi đậu xe. Đời sống vẫn bận rộn. Cõi lòng vẫn quay quắt. Nhớ nhưng vẫn bao bùng. Bạn hữu mấy thằng trôi thất tán. Mấy thằng đợi một chuyến đò ngang... Cái mẫu số chung ấy là mẫu số của bất cứ người tị nạn nào trong chúng ta... Cám ơn Boston với những con tim kỳ diệu. Nếu không có những con tim này, tôi nghĩ, chắc chắn sẽ không có Trần Trung Đạo”*.

Cách nhà tôi khoảng 20 dặm về phía nam là một thành phố nhỏ nhưng rất nổi tiếng bởi vì đó là một trong những trạm khởi hành của lịch sử Mỹ, thành phố Plymouth. Nhóm người đầu tiên đã trải qua nhiều khó khăn nhưng ít ra họ hơn cộng đồng người Việt một

điều là khi ngồi trên chiếc tàu Mayflower họ biết rằng họ đang giăng buồm đến Mỹ. Người Việt Nam thì khác, ra đi như chỉ để ra đi. Khi đứng trên boong chiến hạm USS White Plains nhìn biển cả mênh mông và những cụm mây bay xa tít cuối chân trời, tôi không biết đời mình rồi sẽ ra sao. Tôi tin, ngoại trừ một số ít có thân nhân, những người ra đi như tôi đều chia sẻ một tâm trạng buồn giống nhau như thế. Làm người chỉ có một quê hương, vâng, nhưng quê hương không bao giờ đủ nghĩa và trọn vẹn nếu quê hương không có tự do. Tôi thán phục câu nói của Tổng Thống Abraham Lincoln *“Nơi nào có tự do, nơi đó là quê hương tôi.”*

Không phải chỉ Boston thôi, mà tôi tìm thấy tình người trong tất cả những nơi tôi đã đến. Nhiều mùa hè, tôi dành gần như tất cả cuối tuần để đi đến các thành phố lớn nơi có cộng đồng Việt Nam đang sống như Orange County, San Jose, Atlanta, Washington DC, Seattle, Sacramento, San Diego, Denver, Tampa, Miami, Chicago, Houston, Dallas, Montreal v.v... và ở đâu tôi cũng tìm thấy sức sống mỗi ngày thêm mạnh của cộng đồng người Việt, một tình đồng hương đầm ấm, thiết tha. Tôi đã đến với những cộng đồng nhỏ đến mức vào ngày Tết tập trung hết cũng chỉ có vài chục gia đình như ở Cary, North Carolina và tôi cũng đã đến với những cộng đồng rất lớn có cả hàng chục, hàng trăm nghìn người như Santa Ana, San Jose, Houston, Dallas. Và dù ở đâu tôi vẫn bắt gặp dòng suối tình thương Việt Nam đang chảy và hàng cây hy vọng mỗi ngày một thêm cao lớn.

Từ những ngày đầu tiên khi ánh mắt còn ngỡ ngàng, bước chân còn ngần ngại, câu nói còn vụng về, cộng đồng Việt Nam đã trưởng thành về mọi phương diện. Những siêu thị mỗi ngày một đông hơn, thương xá rộng hơn, nhà cửa cao hơn, xe cộ mới hơn. Hẳn nhiên, cộng đồng Việt Nam chưa phải là một cộng đồng tuyệt vời, hoàn hảo như mỗi chúng ta có thể đang mơ ước. Có những

điều chưa trọn vẹn, nhiều hiện tượng tiêu cực và nhiều ước mơ chưa trở thành hiện thực. Mỗi khi lật trang quảng cáo của một tờ báo, ở bất cứ tiểu bang nào, ở bất cứ nước nào, chúng ta cũng thầm tự hỏi phải chi tất cả ông bà bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ, luật sư, thương gia đang quảng cáo đầy kín tờ báo kia, dành một ngày, một ngày thôi, để đến với nhau trong lễ Giỗ Tổ Hùng Vương hay Tết Dân Tộc thì cộng đồng chúng ta sẽ đẹp hơn, sẽ mạnh hơn, sẽ ấm cúng hơn biết bao nhiêu.

Ngoại trừ một số ít có tinh thần dẫn thân, một số khác đông hơn vẫn còn xa cách, vẫn xem cộng đồng người Việt đơn giản chỉ là những khách hàng không khác gì người Hoa, người Mỹ. Họ quên rồi chăng? Trong ký ức chưa phai của những lưu dân vừa bỏ nước ra đi, có họ trong những người từng sắp hàng trước cơ quan an sinh xã hội để lãnh tiền trợ cấp, có họ trong những đoàn người chân ướt chân ráo, lạc đường, lạc nẻo giữa phố người. Hàng cây phong còn đó nhưng bầy chim đã sớm bỏ nhau đi khi mùa đông đến. Tôi mong có một ngày họ sẽ đến, đúng ra là sẽ trở về, để tìm lại chính mình trong cộng đồng người Việt với tư cách là thành viên của một đại gia đình, nơi chính họ đã nhờ đó mà thành công.

Không giống như các tình trạng rẽ chia, hận thù và phân hóa thường thể hiện qua những hiện tượng tiêu cực trong đời sống hàng ngày mà ai cũng dễ dàng nhận thấy, tình thương là dòng suối mát nhưng nhiều khi chảy rất âm thầm, như sáng nay trong nhà tôi những búp mai xanh đã âm thầm nở thành những cánh hoa vàng rực rỡ. Mùa xuân đang lẩn lữa qua đây.

BẮT ĐẦU TỪ ĐÓ

Bắt đầu từ đó.

Từ những cửa biển Đà Nẵng, Sài Gòn, Vũng Tàu, Cam Ranh, Nha Trang sau những ngày tháng Tu, mùa bão lửa, năm 1975. Mẹ lạc cha. Vợ xa chồng. Anh mất em. Những đứa bé bị bỏ quên đứng khóc trên đường phố. Những chuyến hải hành vô định trên biển Đông trùng trùng gió bão. Đói khát. Lo âu. Bà mẹ quỳ lạy những tên hải tặc để xin tha cho đứa con gái chỉ mười lăm tuổi ốm o bệnh hoạn của bà. Nước mắt và những lời van xin của mẹ không lay động tâm hồn của những con người không còn một chút lương tri. Tiếng niệm Phật. Lời cầu kinh. Không ai nghe. Không có Chúa và không có Phật. Ở đó, trên bãi san hô của đảo Koh Kra, phía nam vịnh Thái Lan, chỉ có những thân thể trần truồng, máu me nhầy nhụa, chỉ có tiếng rên của những con chim nhỏ Việt Nam bất hạnh và giọng cười man rợ của bầy ác điểu Thái Lan.

Bắt đầu từ đó.

Từ trại tỵ nạn Camp Pendleton, , Palawan, Laem Sing, Pulau Bidong, Sungai Besi, Bataan, Whitehead, Phanat Nikhom, Galang.

Những địa danh xa lạ đã trở nên thân thiết. Ngửa tay cầm chén gạo tình người. Thank you, merci, danke, gracias. Tuổi hai mươi, ba mươi, và ngay cả năm mươi, bảy mươi mới bắt đầu tập nói. Những câu tiếng Anh bập bẹ, những dòng chữ Pháp, Đức, Tây Ban Nha ngập ngừng.

Bắt đầu từ đó.

Từ những buổi chiều âm thầm nhìn qua bên kia biển, anh tự hỏi, phải chăng chấm đen cuối chân trời đó là quê hương. Cành hoa hồng được thả trôi trên biển để nhớ nhau trong ngày cưới. Con búp-bê được nhẹ nhàng đặt trên mặt nước xanh trong ngày sinh nhật của con. Vợ đã chết và con đã chết trong một lần vượt biển sau anh.

Bắt đầu từ đó.

Từ đêm giao thừa đầu tiên. Không bánh chưng xanh. Không rượu nồng pháo nổ. Không một lời chúc tụng của bà con. Chỉ có tiếng hú của cơn bão tuyết dội vào khung cửa kính. Hai ngọn nến nhỏ, một bó hương thơm và những giọt nước mắt nhỏ xuống trong đêm giao thừa cô độc. Em bé mười ba tuổi lần đầu tiên tập cúng mẹ mình. Cúng về đâu và lạy về đâu. Trong lòng Biển Đông sâu thẳm, mẹ có còn nghe được tiếng khóc của đứa con đang lạc loài trên đất lạ.

Bắt đầu từ đó.

Từ hành lang phi trường Tân Sơn Nhất, người lính già HO gạt nước mắt chào tạm biệt thân nhân, tạm biệt quê hương, nơi một lần máu mình đã đổ. Ra đi, mang theo những tên tuổi, những địa danh đã hằn sâu trong ký ức. Ra đi, để lại sau lưng tuổi thanh niên trong ngục tù xiềng xích. Ra đi, để lại bao đồng đội, chiến hữu, anh em đang tiếp tục đếm những ngày dài bất hạnh trên quê hương.

Bắt đầu từ đó.

Tiếng guốc không còn khua trên đường phố. Hàng cây sao đã héo. Hàng me xanh đã tàn. Hàng phượng vĩ không còn đỏ thắm. Những trụ đèn khuya trước cổng trường không còn ai đứng đợi. Những ô cửa của lớp học và của đời người đã đóng. Và cả một quê hương thân yêu cũng chừng như đã chết.

Ra đi.

Ra đi.

Và từ đó chúng ta đi. Cảnh đời tuy có khác nhau. Tuổi tác tuy có khác nhau. Thời điểm tuy có khác nhau. Nhưng chúng ta, những người Việt Nam may mắn còn sống sót, cùng mang một nỗi đau chung: nỗi đau Việt Nam.

Nỗi đau lớn dần theo mỗi ngày biệt xứ. Nước mắt của những bà mẹ Việt Nam khắp ba miền góp lại chắc đã nhiều hơn nước sông Hồng. Xương trắng của cha anh nếu chất lại chắc đã dài và cao hơn cả dãy Trường Sơn.

Hôm nay, cơn bão lửa dù chưa qua hết nhưng với ý chí vươn lên, những người Việt Nam may mắn còn sống sót, thay vì ngồi thở ngắn than dài cho số phận, đã dìu nhau đứng dậy, dìu nhau đi lên, sống một cuộc sống tích cực, làm những công việc tích cực cho bản thân, cho gia đình, cho đất nước. Nhờ thế, sau đêm tối trời của vận nước và đời mình, đa số chúng ta đã tìm được một cánh mai hy vọng ở xứ người. Để từ đó làm điểm khởi hành lên đường đi dựng lại Mùa Xuân Dân Tộc.

Hôm nay, đau buồn vẫn chưa nguôi nhưng sức sống không phải vì thế mà ngừng lại. Những thuyền nhân tí hon trên những chiếc ghe bằng gỗ mong manh ngày xưa bây giờ đã lớn. Các em đã thành những kỹ sư, bác sĩ tài ba, những khoa học gia lỗi lạc trong nhiều

ngành. Ai đã dạy em nên người? Cha mẹ. Vâng. Thầy cô. Vâng. Nhưng còn hơn thế nữa, còn từ trong dòng máu Việt Nam.

Hôm nay, những con nước nhỏ dưới chân cầu đã trôi ra biển rộng. Nhưng không phải vì thế mà tan loãng trong đại dương bát ngát như hàng triệu con nước khác. Trái lại, những giọt nước từ sông Hồng, sông Hương, sông Ba, Thu Bồn, Trà Khúc, Cửu Long, Vàm Cỏ, vẫn hện một ngày bốc thành hơi, bay về tưới mát ruộng đồng xứ Việt thân yêu đã nhiều năm đại hạn.

Tất cả, một ngày không xa sẽ rơi vào quên lãng, sẽ tan biến đi theo chu kỳ sinh, trụ, di, diệt của nhân sinh. Không quan trọng. Điều quan trọng, trong giờ phút còn có mặt, còn được góp phần, xin làm một que củi nhỏ để ngọn lửa hy vọng, tình người, tình đất nước, trong lòng mỗi chúng ta, đừng tắt.

Cám ơn.

Bạt

TRẦN TRUNG ĐẠO
BIỂU TƯỢNG HÀNH TRÌNH TỰ DO

Tiến sĩ Bạch Xuân Phê

Nhân Duyên Gặp Nhau

Anh Trần Trung Đạo là một nhà văn, nhà thơ ưu ái, mà ai trong chúng ta cũng yêu thương và kính trọng. Anh Đạo quê ở Duy Xuyên, Quảng Nam. Anh từng là cựu học sinh trường Trung Học Trần Quý Cáp ở Hội An; anh cũng là cựu sinh viên đại học Luật Khoa và Vạn Hạnh tại Sài Gòn. Sau biến cố 30 tháng 4, anh đã trải nghiệm hơn 6 năm sống với chế độ “Xã hội Chủ nghĩa”.

Cùng với biết bao nhiêu người con Việt khác, anh phải rời bỏ quê hương thân yêu để tìm kiếm tự do và nhân bản, anh vượt biển vào tháng Sáu năm 1981 và đến đảo Palawan, Phi Luật Tân. Sau năm tháng tỵ nạn ở Palawan, Philippines và định cư tại Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ vào tháng 11 năm 1981. Ở đó, anh theo học ngành khoa học điện toán tại Wentworth Institute of Technology và Boston University và đã tốt nghiệp kỹ sư điện toán và đang làm việc cho một hãng đầu tư tài chánh tại Boston. Nhà thơ/nhà văn Trần Trung Đạo còn là một người rất có nhiều tâm huyết cho giới trẻ và anh đặt trọn niềm tin yêu của mình vào thế hệ trẻ, nhất là tuổi trẻ Việt Nam.

Chúng tôi biết anh khi còn đang học ở trường đại học University of Nebraska – Lincoln từ năm 1994, khi đó hai tác phẩm đầu tay của anh: *Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười* và *Thao Thức*, xuất bản lần đầu tiên vào năm 1992, đã đi vào lòng người. Rồi nhân duyên đưa đẩy, chúng tôi biết anh trong tổ chức Gia Đình Phật Tử nơi mà cá nhân chúng tôi vẫn còn sinh hoạt. Anh cũng tâm sự trong cuốn *Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác* rằng: “Gia Đình Phật Tử dạy tôi cách sống hoà mình vào tập thể, cho tôi thấy được sự quan trọng và trách nhiệm của một con người trong cộng đồng xã hội, biết sống cho mình và sống cho người khác” (trang 281). Có lẽ vì thế mà chúng tôi càng gần gũi nhau hơn. Rồi chúng tôi quen biết qua thơ văn, cũng viết về gia đình, phận người, đất nước, dân tộc và đạo pháp. Cuối cùng chúng tôi tìm đến nhau, thương yêu và kính trọng nhau trong tình pháp lữ và trong niềm vui văn học nghệ thuật. Chúng tôi là những người đi sau anh, cũng học đòi làm thơ văn để giữ gìn tiếng Mẹ đẻ, để giữ gìn truyền thống tốt đẹp, phát huy văn hoá, thuần phong mỹ tục Việt Nam, và hoằng dương chánh pháp.

Cái Tâm Và Tấm Lòng Của Người Con Yêu Nước

Người xưa có câu “Hoạ hổ hoạ bì nan hoạ cốt, tri nhân tri diện bất tri tâm”, quen biết anh thì chúng ta càng phục cái tâm của anh hơn. Tôi đã đến thăm gia đình anh Trần Trung Đạo vào một ngày thu đẹp trời ở Boston, được anh chị dẫn đi thăm viếng Thiền Viện Bồ Đề, đi chơi, chụp hình và đi thăm những trường đại học nổi tiếng trong vùng như MIT - Massachusetts Institute of Technology, Harvard, v.v... nhìn thấy những thanh niên, sinh viên nam nữ đang tản bộ, tập thể dục, hoặc đang cầm cùi học bài đọc bên bờ sông Charles thơ mộng, anh nói với tôi rằng: “Đất nước Hoà Kỳ này, thành phần trẻ đang lo lắng học hành để xây dựng tương lai cho chính mình và cho tổ quốc, còn đất nước Việt Nam của chúng ta, ở cái tuổi này thì các em đang làm gì...? Nhìn cảnh tuổi trẻ Việt Nam muốn tìm mọi cách ra nước ngoài học tập hoặc lao động. Số còn lại thì café, thuốc lá, nhậu nhẹt, hút sách, cờ bạc...” Giọng anh nghe có chút buồn man mác và khi nói đến đây thì cả hai chúng tôi có chút gì đó nghèn nghẹn ở trong lòng. Anh có nói: Chiến tranh phá huỷ xóm làng, nhà cửa, thì chúng ta có thể xây dựng lại nhà cửa, xóm làng, nhưng một khi TÌNH NGƯỜI bị phá huỷ thì hậu quả rất tai hại, về lâu về dài. Nên chúng ta cần phải có sự Thương Yêu và Tha Thứ để xây dựng Tình người Việt Nam. Anh Đạo là một con người lạc quan, anh có một niềm tin vững chắc vào tuổi trẻ Việt Nam và tương lai của Dân tộc. Anh có nhắc với tôi rằng: "Chúng ta viết văn hay làm thơ cũng phải giữ lòng mình trong sáng, nhân bản, hướng thiện." Thơ và cái tâm của anh là như vậy đó: Đầy cương lĩnh, nhân hậu, đầy tình người, tình đồng bào và tình nhân loại. Anh dẫn thân, sống hài hoà, dễ chịu, khiêm cung, bao dung và hỷ xả.

Trở lại thi nghiệp của anh. Văn, Thơ và Tiểu luận của anh sâu sắc và trung trực, nói lên nỗi xót xa thân phận làm người, tấm lòng yêu quê hương và dân tộc. Những tác phẩm của anh luôn viết về tình cảm, thân phận của người vượt biển, vượt biên, nỗi khao khát tự

do của người con Việt tha hương được nhiều độc giả tiếp cận và biết đến. Anh Đạo nổi tiếng từ thuở đó. Về sau anh lại viết rất mạnh và khoẻ, trong cả nghĩa đen và nghĩa bóng, không những trong văn thơ mà còn tâm bút và chính luận.

Có thể nói, những chính luận của anh là tiếng nói yêu nước chính thức của người dân bình thường, không có đảng phái chính trị nào. Đó là những khắc khoải, những ưu tư, những giải pháp và hy vọng. Tầm nhìn đó rất trung thực, không thêm bớt, hiện hữu như là, có khác chẳng với những người khác, thì ở anh, lối viết rất nghiêm túc, có nghiên cứu, có tinh thần xây dựng, đầy nhiệt huyết, đầy từ tâm và trong sáng.

Con Người Và Gia Đình Anh Trần Trung Đạo

Con người anh và văn thơ anh đi trên cả những đảng phái, đi trên cả những làn danh tôn giáo, và đi trên cả những phim diện tương đối phù du. Hiện thân anh là nỗi khổ và niềm vui của người Việt Nam hải ngoại nói riêng và người Việt Nam quốc nội nói chung. Anh sinh ra trong một gia đình nghèo nàn ở vùng quê khô cằn Xứ Quảng, lớn lên theo vận mệnh nổi trôi của Đất nước. Anh đã trải nghiệm và biết được bản chất thực sự của Xã hội Chủ nghĩa, anh đã không muốn sống với chế độ vô thần, thối nát, tham nhũng, *mọc trên hoang tàn của chiến tranh*, cũng như gần cả triệu người Việt khác, anh vượt biển tìm tự do, thuyền anh bập bềnh trên biển cả, đói và khát giữa đại dương mênh mông, tiếp xúc với hải tặc, tử thần, niềm tin và hy vọng, cũng như lòng khao khát được sống còn.

Thế rồi anh được sống, và vươn lên trong xã hội Tây phương này. Anh thành tài, thành danh và thành nhân. Có thể nói, gia đình anh cũng như nhiều gia đình Việt Nam tại hải ngoại khác đã hoà nhập và vươn lên trên xứ sở mới. Anh và chị Phụng có 3 đứa con, cháu nào cũng dễ thương và thành đạt. Em lớn nhất, Nguyên Thảo, đã

ra trường Bác sỹ tại New York Medical College và được chọn thực tập ở Đại học Yale-New Haven Hospital. Em Trung Hiếu, con trai anh, vừa hoàn tất chương trình Tiến Sĩ Kỹ Thuật Không Gian tại Rensselaer Polytechnic Institute và em út Thực Vy đang học lớp 11. Nói chung gia đình anh đã công thành danh toại, và là một gia đình Việt Nam gương mẫu tại hải ngoại. Thế nhưng anh không bao giờ quên nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Anh lúc nào cũng tìm cách để xây dựng lại một quê hương Việt Nam nhân bản, công bằng, tự do, giàu tình người và dân chủ.

Tiếng Nói Lương Tri

Khi nói đến nhà thơ/nhà văn Trần Trung Đạo là nói đến những hạnh nguyện, thao thức, và ước mơ của nhiều thế hệ, trong đó có thế hệ của Cha Ông chúng ta, và cả thế hệ chúng ta, hay nói cho cùng là cả một Dân tộc Việt Nam. Nói đến anh là nói đến tấm lòng đối với Quê hương, Tổ quốc và Dân tộc. Nói đến anh là nói đến sắc thái, bản lĩnh, tấm lòng của người con Việt yêu quê hương. Có lần anh đã nói “Quê hương Việt Nam sau 1975 là quê hương để nhớ để thương, chứ không phải để sống.” Chắc có lẽ anh nói rất rõ và rất chính xác. Vì sao tôi nói như vậy, phải chăng đất nước Việt Nam của chúng ta đang thiếu sự tự do, bình đẳng và nhân quyền. Thiếu đi một biểu hiện chân chính, một tư tưởng Việt Nam, trái tim và thuần túy phong tục Việt. Mà nói đến đất nước Việt Nam là nói đến những quá khứ huy hoàng và tang thương, và cả một chiều dài lịch sử. Nhưng nói đến Việt Nam là nói đến một tương lai mà chúng ta có quyền hy vọng là văn minh, thanh bình, tự do và tất cả những gì chúng ta đang chờ đợi và mong muốn bao nhiêu thế kỷ qua.

Anh Đạo hiểu rằng, triều đại nào, chế độ nào cũng mai một, chính sách nào cũng phải đổi thay để cùng hoà nhịp tiến của nhân loại. Thêm vào đó, anh nhận chân được sự xuống dốc trầm trọng

về nhiều mặt từ giáo dục đến kinh tế, từ chính trị đến nhân quyền, từ đạo đức lãnh đạo đến tinh thần dân tộc của người Việt Nam trong chế độ hiện nay. Có không ít thành phần trong xã hội đang chạy theo vật chất xa hoa bên ngoài, mà quên đi truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Nhưng đó là những gì anh hay bất cứ ai trong chúng ta không có thể kiểm soát được, vì thế anh lúc nào cũng tích cực, hoà nhã, và đối xử với nhau bằng tất cả tấm lòng, nhất là quê hương Việt Nam. Vì đó là những gì anh có thể kiểm soát được chính mình. Những suy nghĩ, lời nói và hành động của anh luôn trong sáng, hướng thiện, và từ tâm khi nói về quê hương yêu dấu. Mà nói đến quê hương Việt Nam (xin được nhấn mạnh một lần nữa) là nói đến sự cầu tiến, khát vọng vươn lên, đổi thay để chúng ta có những gì chúng ta chưa có. Và có lẽ những gì chúng ta chưa có nên chúng ta cứ hằng ấp ủ, vẫn đang còn lo sợ, mong chờ, còn chạy theo những cái huyền bên ngoài. Chạy theo thời đại, chạy theo tranh chấp, chạy theo bản ngã và những cám dỗ của thế gian mà chúng ta quên đi bản thể Chân Như của chính mình. Bản thể chúng ta vốn là thanh tịnh và uyên nguyên. Cũng như đất nước Việt Nam của chúng ta ngàn đời vẫn vậy, mãi mãi là xứ Việt, bất khuất, hiên ngang, rộng lượng, trong sạch, bao dung, yêu thương và tha thứ.

Quay Về Nguồn Cội

Anh Đạo nhận chân được điều đó, và anh về lại với chính mình. Anh biết là anh cần gì, nói gì, và làm gì cho anh, cho gia đình anh và cho dân tộc anh. Anh cũng hiểu rằng nơi nào có tình thương là nơi đó có ánh sáng, có trí tuệ, có tình người. Và khi nói đến người Việt Nam là nói đến sự hy sinh, cần cù, cầu tiến và cải thiện cho hoàn cảnh và cho con người của thế hệ chính mình, mà cho thế hệ tương lai. Vì đó là biểu tượng chung của người Việt chúng ta.

Những điều gì chúng ta chưa nói được, nhà văn/nhà thơ Trần

Trung Đạo đã nói hộ cho chúng ta. Tiếng nói của anh có thể nói là tiếng gọi lương tâm, đại diện cho biết bao nhiêu người Việt Nam ở quốc nội và hải ngoại hay những người con tỵ nạn tha hương trên thế giới, không phân biệt màu da và tôn giáo, còn có tấm lòng biết hướng về, yêu thương tổ quốc và dân tộc mình. Nói tóm lại, nhà văn nhà thơ Trần Trung Đạo là biểu tượng của người đi tìm hành trình tự do. Mà theo anh, “Ý nghĩ thứ nhất (trong) hành trình tự do là giữ lại những gì chúng ta đã có và phát huy để ngày càng tốt đẹp hơn.” Vậy thì chúng ta hãy cố gắng giữ gìn và phát huy những gì chúng ta đang có, đó là bản thể Chân Như, là Bát Nhã, là đức tính Chúa trời, là Bản lai diện mục, là Phật tánh thường hằng sẵn có của chính mình.

Thức Dậy Đi

thơ: Trần Trung Đạo
nhạc: Nguyễn Trọng Khôi

Thong thả

p

Em A Bsus⁴

Mặt trời mới mọc bên kia biển. Hay lửa phượng

D G C D G

đông báo hiệu mùa. Thức dậy đi em giờ đã

Em Bm C Em

điểm Mẹ khóc lâu rồi em biết chưa? Tiếng

Am D G Bm C

khóc vang theo ngoài ải bắc Phải hồn sương phụ ngóng phượng

Am D B⁷ Am

xa. Hay tiếng Phi Khanh trào nước mắt Về đi lấy máu trả thù

Em C

cha.

mf D E E

Thức dậy đi hồn thiêng sông núi
Thức dậy đi từng trang sử cũ

G^{#m} A E E⁷ A

Gió Nam Quan xô sóng Bạch Đằng Nửa đêm không bóng người bên
Máu anh em ướt vách ngục tù Ngàn năm đã quá nhiều nước

suối
mắt

Sao
Sao

tiếng
văn

gấm
không

mãi
hoài

vang
ngươi

núi
đón

sông
đau.

Thức
Thức

dậy
dậy

đi
đi

hồi
lưng

rừng
đèo,

núi
đốc

cũ
núi.

Nghe
Đất

tiếng
đá

ngàn
mòn

xưa
theo,

vọng
dấu

trở
chân

về
qua

Ai
Ôm

đứng
kiếp

trông
gian

ai
nan,

mùa
nhìn

lá
lá

đỏ
đỏ.

Mà
Tuổi

lòng
đổi

thao
xuân

thức
đã

mãi
chết

đêm
xanh

khuya.
xao.

FINE
D.C.

THỨC DẬY ĐI

Mặt trời mới mọc bên kia biển
Hay lửa phương đông báo hiệu mùa
Thức dậy đi em giờ đã điểm
Mẹ khóc lâu rồi em biết chưa?

Thức dậy đi hồi rừng núi cũ
Nghe tiếng nghìn xưa vọng trở về
Ai đứng trông ai mùa lá đỏ
Mà lòng thao thức mấy đêm khuya

Ai khóc đêm nay ngoài ải Bắc
Phải hồn sương phụ ngóng phương xa

*Hay tiếng Phi Khanh trào nước mắt
Về đi, lấy máu trả thù cha*

*Thức dậy đi hồn thiêng sông núi
Gió Nam Quan xô sóng Bạch Đằng
Nửa đêm không bóng người bên suối
Sao tiếng gươm mài vang dưới trăng*

*Thức dậy đi hồi lòng vô lượng
Ngại ngừng chi đau khổ điêu linh
Dù cho nước vẫn còn nhớ đục
Nhớ giữ cho nhau một chút tình*

*Thức dậy đi đôi cao dốc sỏi
Đất đá mòn theo mỗi vết chân
Gã tù lặng đứng nhìn mưa đổ
Đâu biết xuân qua chỉ một lần*

*Thức dậy đi màu nâu của đất
Màu xanh trong ánh mắt của em
Bao nhiêu năm ngồi nghe nhau khóc
Đã đủ chưa máu chảy ruột mềm?*

*Thức dậy đi từng trang lịch sử
Những chuyện buồn vui lẫn tủi hờn
Như mắt mẹ nghìn đêm không ngủ
Thương đám con khờ chưa lớn khôn.*

Thơ Trần Trung Đạo

Người Con Gái Việt Nam
Trên Đại Lộ Sri Ayuthaya

Thơ Trần Trung Đạo
Phan Ní Tấn (N.D) phổ thành ca khúc

Récitave (Chậm, Kể Lể) ♩ = 68

The musical score is written in 4/4 time with a key signature of one sharp (F#). It consists of six staves of music, each with Vietnamese lyrics underneath. The tempo is marked 'Récitave (Chậm, Kể Lể)' with a quarter note equal to 68 beats per minute. The lyrics are in Vietnamese and describe a young girl in Vietnam on the Sri Ayuthaya Highway.

Người con gái Việt Nam trên đại lộ Sri A - yu - tha -
Người con gái Việt Nam trên đại lộ Sri A - ya - tha -

ya ở Bang - Kok Em đứng đó một mình ôm mặt khóc
ya ở Bang - Kok Đang nhắm mắt nhìn đời trời nghiệt ngã

Như chợt nhớ ra đây không phải Sài Gòn Mái tóc thu buồn
Thương sợi tóc oan khiến trời buộc đời mình Giấu những ăn năn

Mái tóc héo hon Bay phơ phất giữa phố phường xa lạ Mười sáu
Giấu những rã rời Một mình trong bóng tối trên đất lạ Mười sáu

tuổi kiếp giang hồ chung chạ Trời lang thang như những bọ
tuổi cỏ hoa vờn bướm lượn Như trăng kia đang khuyết lại

bèo tròn Đất nước nghèo không giữ nổi chân em Nên xử
tròn Có chút tình yêu ấp úng trong tim Nhen ánh

người em làm thân gái khách Tuổi của em như sao mai mới
lửa cho ngày mai sáng tới Lẽ ra em vui chơi trong lớp

mọc Đẹp vô tư như những cánh lan rừng Bang - Kok chiều
học Học trông con hay may vá thêu thùa Khi cố bập

nay trời mưa lất phất Có làm em nhớ tháng sáu mưa Sài Gòn Nhớ bóng mẹ
bẹ vài ba tiếng Thái Có làm em nhớ tới thuở (...) lên năm Nhớ lúc đánh

già mắt đôi mù tằm Nhớ đám em thơ đang mỗi mòn trông Chiều nay nhìn
vân hai tiếng Việt Nam Nhớ chiếc hôn nồng của mẹ và cha Lịch sử Việt

sông Chao Phra - ya đó Có làm em nhớ tới sông Nhà
Nam qua bao giông tố Chưa từng đen tối tới hơn hóm

Bè Nhớ những con lạch cống rãnh gập ghềnh Nước vẫn một màu đen
nay Những cô gái Việt bán thân quê người Nổi đau nhức này, không

nhưng là nước của em Sẽ không thể nào đen như thế mãi
riêng gì mỗi mình em Mà của chung mọi người còn giọt lương tâm

Đêm nay một mình anh viết nốt bài thơ Dấu biết không thể nào tới tay em được

Thơ của riêng anh người anh nhu nhược Giữa muôn vạn khổ đau chỉ biết đứng nhìn

Nước Mỹ ấm no làm anh quên tất cả Ngày anh

đi mang hồn căm nung nấu Hẹn non sông một sớm sẽ quay về Em thanh

bình reo rắc vạn trời quê Em mạch sống ướm trên từng nắm đất

Giấc mộng ngày xưa anh không còn muốn nhắc Vẫn lạnh

lòng sống lại giữa đêm mơ Anh đang khóc một mình Hay đang khóc trong

thơ Không! Chỉ là hạt bụi vừa rơi vào trong mắt Hạt bụi

đó Hạt bụi đó chính là đời em đã mất

INDEX

A

Aaron L. Friedberg 32, 116
 Abraham Lincoln 175, 301
 Aleksandr Ivanovich 203
 Alexandre Kwasnewski 207
 Andrei Grachev 45
 Andrew Krepinevich 57
 Andrey Kozyrev 44
 Andy Morimoto 35
 Anne-Marie Brady 123
 Anwar Sadat 144, 231
 Archie Brown 104, 225
 Armenia 50, 187, 204, 418
 Arthur Zimmermann 216
 Aung San Suu Kyi. 111, 379, 380,
 382, 383, 384, 385, 386, 387,
 388, 460, 506
 Azerbaijan 50, 187, 204

B

Bắc Hàn .. 6, 33, 48, 89, 90, 91, 92,
 93, 94, 97, 98, 99, 108, 117,

 121, 165, 166, 167, 168, 169,
 170, 176, 177, 178, 185, 186,
 187, 197, 258, 265, 271, 294,
 311, 314, 343, 356, 357, 388,
 429, 532
 Balkan Pact 1934 229
 Barack Obama .. 5, 35, 77, 99, 101,
 102, 105, 117, 141, 267, 269,
 333, 352, 370, 400, 401, 433,
 434, 437, 440, 441, 503, 505,
 506
 Belarussia 203
 Ben Bella 252
 Bernie Sanders 400
 Białowieża 203
 Bob Kerrey. 94, 349, 350, 351, 352
 Boris Yeltsin 38, 41, 43, 44, 45, 49,
 202, 206, 475
 Bruce Springsteen... 99, 100, 101,
 102, 105, 128, 225
 Bùi Thanh Sơn 447, 448
 Bulgaria 60, 206, 415

C

Cách mạng Hoa Lai	51
Cao Trào Nhân Bản 105, 458, 505	
Center for Strategic and Budgetary Assessments.....	57
Chagdud Tulku	69, 70
Che Guevara	177
Cheka	176, 322
Chernyaev	45
Chiến tranh Mùa Đông (1939)	60
Chiến tranh Tiếp Tục (Continuation War, 1941- 1944)	60
Chin Peng	81
Chu Ân Lai.....	168, 242, 243, 245, 256
Clara Zetkin	182, 183
Commonwealth of Independent States, gọi tắt là CIS).	204
Cộng Hòa Latvia	22, 23, 37, 38
Công Xã Paris	53, 183
Cu Ba ...	48, 64, 121, 185, 197, 314

D

Đảng Hành động Nhân dân Singapore.....	82
Đảng Nhân Dân (People's Party).....	399
Đặng Tiểu Bình	63, 64, 65, 85, 115, 132, 160, 194, 195, 197, 218, 219, 236, 237, 238, 242, 243, 244, 253, 256, 263, 278, 341, 415, 431, 451
Daniel P. Moynihan	257, 258
Đạt Lai Lạt Ma.....	74, 75, 154, 155
David Brown	57, 58
de Klerk	144, 301

Điện Kremlin.....	203
Diệp Kiếm Anh (Ye Jianying)	243
Đoàn Viết Hoạt	442
Donald Trump ...	7, 369, 371, 400, 401, 402, 403, 404, 427, 428, 429, 433, 434, 501, 502, 503, 505, 506
Douglas H. Paal	97
Drew Gilpin Faust	297
Dual-Track Policy	116

E

Eduard Shevardnadze	44
Edvard Benes	216
Eo Biển Thổ Nhĩ Kỳ.....	228, 229
Erich Honecker ..	41, 50, 100, 292, 425
Estonia.....	5, 21, 36, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 61, 158, 204, 205, 206, 424, 474

F

Federalnaya Sluzhba Bezopasnosti.....	44
Felix Dzerzhinsky	176, 322
Fidel Castro	7, 177, 194, 197, 252, 391, 392, 393, 395, 396, 450, 497
Finlandization ..	5, 57, 59, 68, 247, 249
Fong Swee Suan.....	83, 84, 88
Formosa Ha Tinh Steel Corporation	332
Francisco Franco	310, 438, 439

G

<i>George Corley Wallace</i>	402
George H. W. Bush	45, 46, 265
Giang Trạch Dân	30, 65, 115, 225, 433
Giáo Hội Chính Thống Giáo Nga.....	42
Gordon Chang.....	27, 28
Gruzia	204

H

Hàm Nghi	490, 491
Harry Truman	103, 269, 307, 333, 439, 443
Henry Kissinger	245
Hiến pháp VNCH.....	17
Hillary Clinton	264, 267, 272, 369, 370, 371, 401, 501, 503
Hitler	13, 17, 22, 37, 38, 46, 52, 53, 60, 70, 75, 115, 116, 155, 158, 161, 182, 194, 200, 201, 207, 216, 217, 238, 302, 309, 317, 318, 321, 322, 367, 368, 398, 402, 429, 430, 438, 443, 495, 503
Hồ Cẩm Đào	13, 30, 115, 124, 130, 133, 134, 136, 137, 138, 195, 267, 433
Hồ Chí Minh.....	36, 92, 173, 177, 178, 187, 193, 194, 196, 252, 253, 254, 264, 276, 287, 302, 303, 305, 306, 307, 308, 314, 324, 374, 375, 462, 463, 464, 497, 528, 530
Hồ Ngọc Nhuận.....	313, 314, 315
Hoa Xuân Oánh.....	97, 98, 118
Hội Đồng Châu Âu (CoE).....	201

Hội nghị Yalta	443
Homeland Union (Tèvynes Sajunga).....	200

I

Ibrahim Babangida	144
-------------------------	-----

J

Jay Master	70
Johan Ludvig Runeberg.....	52
Johann Wolfgang von Goethe	131
John Kerry	146, 163, 350, 352
John Locke	421
John Stuart Mill.....	421
Joseph Chinyong Liow	86
Joseph Kahn và Jim Yardley ..	32
Joseph Nye Jr.....	135, 136
Juan Carlos và Nữ Hoàng Sofia	45
Juan Clark.....	393

K

Karl Marx.	175, 189, 374, 412, 413
Karl von Clausewitz.....	291
Kaysone Phomvihane	176
Kazakhstan....	38, 45, 50, 165, 187, 204, 220, 232, 271, 469
Khối quân sự Warsaw.....	206
Khrushchev	22, 143, 144, 145, 146, 147, 150, 167, 168, 194, 432
Kim Chính Nhật	99
Kim Jong-un	95, 99, 186, 388
Kim Nhật Thành	92, 93, 167, 176, 178, 186, 194, 265, 292, 356,

357, 497
 Kliment Yefremovich
 Voroshilov..... 150
 Kyrgyzstan 50, 165, 187, 204, 220,
 232, 270

L

Lai Teck 80, 81, 88
 Latvia 5, 21, 22, 23, 24, 25, 36, 37,
 38, 39, 40, 50, 53, 61, 158, 204,
 205, 206, 383, 424, 474
 Lê Đức Thọ 256, 508
 Lê Hiếu Đằng 6, 313, 314, 315,
 316, 317, 320
 Lenin . 6, 23, 38, 43, 48, 49, 80, 87,
 108, 167, 173, 174, 175, 176,
 178, 182, 183, 185, 186, 187,
 190, 193, 196, 197, 242, 287,
 306, 322, 323, 345, 364, 412,
 413, 414, 447, 451, 494, 497
 Leonid Brezhnev 49, 150, 168
 Liên Hiệp Châu Âu (EU) 37, 201
 Liên Xô ... 5, 21, 22, 23, 27, 31, 33,
 36, 37, 38, 41, 42, 43, 44, 45,
 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 57,
 58, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66,
 67, 93, 94, 103, 107, 108, 115,
 120, 121, 142, 144, 150, 151,
 154, 158, 166, 167, 168, 169,
 170, 173, 174, 178, 183, 185,
 187, 191, 192, 193, 194, 200,
 201, 202, 203, 204, 206, 207,
 208, 216, 224, 225, 227, 228,
 229, 230, 231, 236, 237, 241,
 242, 247, 248, 252, 253, 254,
 257, 265, 268, 269, 270, 276,
 294, 299, 300, 301, 302, 307,

321, 322, 323, 327, 331, 338,
 340, 341, 345, 356, 357, 363,
 374, 383, 396, 403, 406, 407,
 408, 412, 413, 414, 418, 439,
 442, 443, 463, 476, 489, 495,
 498, 508, 511, 528, 531
 Lim Chin Siong 83, 84, 88
 Lina Lagunaite ..21, 22, 23, 24, 25
 Lithuania.....6, 21, 36, 50, 53, 61,
 158, 199, 200, 201, 202, 203,
 204, 205, 206, 207, 208, 209,
 210, 406, 418, 424, 443, 474,
 475, 476
 Lord Palmerston 215
 Louis Charles Delescluze..... 53
 Lu Qi..... 86
 Lưu Hữu Ba 110
 Lưu Thiếu Kỳ ..133, 197, 413, 416
 Lý Khắc Cường 143, 145
 Lý Quang Diệu...5, 77, 78, 79, 82,
 83, 84, 85, 86, 87, 153, 527,
 528, 531
 Lý Tiên Niệm 256

M

Mao Trạch Đông 28, 74, 114, 115,
 118, 132, 176, 178, 186, 187,
 194, 197, 251, 256, 264, 276,
 277, 303, 414, 432, 451, 497,
 531
 Mengistu Haile Mariam..... 38
 Michael Bristow 129
 Michel Juneau-Katsuya..... 138
 Mikhail Gorbachev 38, 41, 43, 45,
 46, 50, 54, 108, 109, 150, 173,
 191, 200, 202, 203, 224, 340,
 452

Mikhail Sergeyevich Gorbachev 42, 43, 50
 Mindaugas 201
 Minh Ước Bắc Đại Tây Dương
 (NATO)..... 201
 Moldova 50, 187, 204, 406
 Mustafa Kemal Atatürk 199

N

Napoleon..... 72
 National League for Democracy,
 NLD..... 379, 385
 NATO ... 37, 38, 62, 201, 203, 206,
 207, 209, 211, 229, 474, 476
 Nelson Mandela 14, 111, 152,
 199, 371, 382, 387, 460
 Ngô Đình Diệm 255
 Nguyễn Chí Thanh 255, 374, 375,
 376
 Nguyễn Đan Quế.. 105, 442, 458,
 505
 Nguyễn Đình Thi 286
 Nguyễn Hữu Thọ..... 257
 Nguyễn Khải 316, 320
 Nguyễn Ngọc Bích..... 5, 9, 15
 Nguyễn Ngọc Như Quỳnh..... 7,
 433, 446, 521, 522, 524, 525
 Nguyễn Phú Trọng 141, 142, 143,
 145, 146, 192, 261, 262, 263,
 264, 269, 275, 396, 456, 472,
 473
 Nguyễn Tấn Dũng . 192, 374, 456
 Nguyễn Thái Học..... 290, 490
 Nguyễn Thái Hợp..... 445
 Nguyễn Thanh Long 405
 Nguyễn Thị Bình..... 255, 256
 Nguyễn Văn Bé 325, 326, 327,

328, 329, 511
 Nguyễn Văn Linh ... 65, 255, 373,
 374
 Nguyễn Văn Thạc. 353, 487, 488,
 490, 496, 498
 Nguyễn Văn Trỗi... 323, 324, 511
 Nguyễn Xuân Phúc 361, 362, 457
 Nicolae Ceausescu..... 46, 50
 Nikolai Podgorny 150

O

Oh Kil-nam 93, 94, 95
 Ottoman..... 38, 228

P

Pascale Trouillaud 125
 Pat Buchanan..... 402
 Paven Korchagin 490
 Phan Chu Trinh 290, 440
 Phan Đình Diệu 451, 452, 453
 Phan Khắc Sửu..... 17
 Phong trào Sajudis..... 200, 208
 Pol Pot 70, 196, 277, 467, 497
 Polish–Lithuanian
 Commonwealth 201

R

Reihan Salam..... 78, 79
 Rick Kaplan 41, 43
 Robert D. Kaplan 247, 248
 Rodrigo Duterte 369
 Romania 46, 60, 188, 206, 216,
 406, 416, 448, 459, 524
 Rossiyskaya Gazeta..... 45

S

Saadabad Pact 1937.....229
Singing Revolution51
Slovakia206, 406
Slovenia206, 418

T

Tajikistan .. 50, 165, 187, 204, 220,
232, 270
Tập Cận Bình. 5, 6, 13, 35, 58, 75,
97, 98, 104, 114, 115, 116, 118,
119, 149, 153, 154, 157, 160,
161, 162, 163, 170, 195, 238,
239, 258, 263, 264, 270, 275,
280, 281, 341, 369, 403, 416,
428, 429, 430, 433
Tây Tạng. 5, 31, 34, 69, 70, 71, 72,
73, 74, 75, 137, 139, 154, 155,
228, 311
Ted Koppel41, 43
Thành Cát Tư Hãn108
Thein Sein.....382, 385, 386
Thiên An Môn ...63, 67, 110, 137,
219, 224, 263, 268, 364, 388,
421
Thỏa hiệp Molotov–Ribbentrop
.....23
Tố Hữu323, 324, 489, 511
Tôn Dật Tiên.....133, 431
Tôn Nữ Thị Ninh 6, 94, 346, 347,
348, 349, 350, 353
Trần Tích Liên (Chen Xilian) 243
Trương Quảng Hoa259, 302
Tsakhiagiin Elbegdorj.....107
Tunisian.....51
Trương Lai....7, 305, 306, 531, 532
Turkmenistan50, 187, 204

U

Ukraine .50, 51, 58, 173, 174, 187,
203, 209, 406, 474, 475
Urho Kekkonen.....62, 67
Uzbekistan 50, 134, 187, 204, 220,
232, 417

V

Velvet Revolution.....51
Viktor Yushchenko.....51
Vladimir Putin49, 58, 203, 369
Vladivostok49, 167

W

Walt Disney455

Y

Yuan-kang Wang.....228
Yuri Alexandrovich...93, 95, 154

Z

Zhang Dongsun298
Zhang Yuanpei244
Zhou Xiaoping35
Zine El Abidine Ben Ali.....51

